

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Tên ngành đào tạo : KINH DOANH NÔNG NGHIỆP
Mã ngành : 7620114
Tên cơ sở đào tạo : ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Hà Nội – 03/2021

MỤC LỤC

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	1
PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	2
1.1. Giới thiệu cơ sở đào tạo	2
1.2. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước.....	5
1.3. Lý do đề nghị cho phép mở ngành.....	25
1.4. Căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo Kinh doanh nông nghiệp	28
PHẦN 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO, DỰ KIẾN MỨC HỌC PHÍ.....	29
2.1. Mục tiêu đào tạo	29
2.2. Thời gian, quy mô đào tạo, dự kiến mức học phí	30
PHẦN 3: NĂNG LỰC CỦA SƠ SỞ ĐÀO TẠO.....	31
3.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu.....	31
3.2. Cơ sở vật chất, thư viện, giáo trình	33
3.3. Hoạt động nghiên cứu và hợp tác quốc tế.....	44
PHẦN 4: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO.....	53
4.1. Mục tiêu	53
4.2. Chuẩn đầu ra	54
4.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:.....	57
4.4. Đối tượng tuyển sinh:.....	58
4.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:.....	58
4.6. Cách thức đánh giá:.....	58
4.7. Cấu trúc của chương trình đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp.....	58
4.8. Hướng dẫn thực hiện.....	62
4.9. Mô tả các học phần	63
4.10. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (plos).....	79
PHẦN 5. PHỤ LỤC.....	844
5.1. SO SÁNH CTĐT CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM.....	85
5.2. BIÊN BẢN HỘI THẢO MỞ NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	92
5.3. PHIẾU KHẢO SÁT	98
5.4. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP	128
5.5: ĐỀ CƯƠNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	292
1. Tiếng Việt: Giao tiếp kinh doanh 1 (Level 1, 2).....	293

2.	Tiếng Việt: Giao tiếp kinh doanh 2 (Level 1, 2).....	302
3.	Tiếng Việt: Giao tiếp kinh doanh 3 (Level 1, 2).....	308
4.	Tiếng Việt: Kinh tế vi mô 1	312
5.	Tiếng Việt: Kinh tế Vĩ mô 1	322
6.	Tiếng Việt: Pháp luật đại cương	330
7.	Tiếng Việt: Toán cho các nhà kinh tế	342
8.	Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh 1	348
9.	Tiếng Việt: Lý thuyết xác suất và thống kê toán	362
10.	Tiếng Việt: Thương mại điện tử căn bản	366
11.	Tiếng Việt: Kinh tế nông nghiệp 1	376
12.	Tiếng Việt: Nguyên lý kế toán.....	392
13.	Tiếng Việt: Thống kê trong kinh tế và kinh doanh.....	398
14.	Tiếng Việt: Pháp luật kinh doanh	412
15.	Tiếng Việt: Lý thuyết tài chính tiền tệ.....	422
16.	Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế.....	432
17.	Tiếng Việt: Kinh doanh Nông nghiệp 1	440
18.	Tiếng Việt: Kinh doanh Nông nghiệp 2.....	452
19.	Tiếng Việt: Quản trị chuỗi cung ứng nông sản.....	464
20.	Tiếng Việt: Marketing nông nghiệp.....	474
21.	Tiếng Việt: Công nghệ nông nghiệp 1	486
22.	Tiếng Việt: Công nghệ nông nghiệp 2.....	496
23.	Tiếng Việt: Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh nông nghiệp.....	504
24.	Tiếng Việt: Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn	516
25.	Tiếng Việt: Phân tích kinh doanh	532
26.	Tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế.....	538
27.	Tiếng Việt: Tài chính Doanh nghiệp.....	546
28.	Tiếng Việt: Marketing công nghệ số	554
29.	Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên.....	558
30.	Tiếng Việt: Kinh tế học biến đổi khí hậu.....	572
31.	Tiếng Anh: Economics of Climate Change	572
32.	Tiếng Việt: Quản lý nhà nước về đất đai 1	584
33.	Tiếng Việt: Môi trường kinh doanh nông nghiệp	592
34.	Tiếng Việt: Giao dịch và đàm phán kinh doanh	602
35.	Tiếng Việt: Kế hoạch kinh doanh	614
36.	Tiếng Việt: Thị trường nông sản thế giới	622
37.	Tiếng Việt: Thị trường bất động sản.....	636

38. Tiếng Việt: Kinh doanh Logistics	652
39. Tiếng Việt: Quản trị Thương hiệu	662
40. Tiếng Việt: Du lịch sinh thái.....	682
41. Tiếng Việt: Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp	694
42. Tiếng Việt: Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp.....	706
43. Tiếng Việt: Quản trị kinh tế hộ và trang trại.....	718
44. Tiếng Việt: Quản trị chiến lược	738
45. Tiếng Việt: Quy hoạch phát triển nông thôn	748
46. Tiếng Việt: Quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp.....	760
47. Tiếng Việt: Tiếng Anh ngành Nông nghiệp	771
48. Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh nông nghiệp	780

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo : **KINH DOANH NÔNG NGHIỆP**
- Mã số : **7620114**
- Trình độ đào tạo : **ĐẠI HỌC**

Phần 1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

- 1.1. Giới thiệu cơ sở đào tạo
- 1.2. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực
- 1.3. Lý do đề nghị cho phép mở ngành
- 1.4. Căn cứ pháp lý mở ngành kinh doanh nông nghiệp

Phần 2. Mục tiêu đào tạo, thời gian và quy mô đào tạo, dự kiến mức học phí

- 2.1. Mục tiêu
- 2.2. Thời gian, quy mô đào tạo dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu, dự kiến mức học phí.

Phần 3. Năng lực của cơ sở đào tạo

- 3.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu
- 3.2. Cơ sở vật chất, thư viện, giáo trình
- 3.3. Hoạt động nghiên cứu và hợp tác quốc tế

Phần 4. Chương trình và kế hoạch đào tạo

- 4.1. Thông tin chung
- 4.2. Mục tiêu đào tạo và định hướng nơi làm việc sau tốt nghiệp
- 4.3. Chuẩn đầu ra
- 4.4. Hoạt động giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá
- 4.5. Tiêu chí tuyển sinh
- 4.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
- 4.7. Cấu trúc của chương trình đào tạo
- 4.8. Mô tả các học phần
- 4.9. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (plos)
- 4.10. Hướng dẫn thực hiện

Phần 5. Phụ lục

- 5.1. Minh chứng các chương trình đào tạo của các nước trên thế giới
- 5.2. Biên bản Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia về mở ngành Kinh doanh Nông nghiệp
- 5.3. Mẫu phiếu điều tra khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực kinh doanh Nông nghiệp
- 5.4. Lý lịch Khoa học các giảng viên tham gia đào tạo ngành Kinh doanh Nông nghiệp
- 5.5. Đề cương các học phần của ngành

PHẦN 1: SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu cơ sở đào tạo

1.1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được thành lập theo Nghị định số 678-TTg ngày 25/01/1956 do Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng ký với tên gọi ban đầu là Trường Kinh tế - Tài chính. Lúc đó, Trường được đặt trong hệ thống Đại học nhân dân Việt Nam trực thuộc Thủ tướng Chính phủ - là tiền thân của Đại học Kinh tế Quốc dân ngày nay.

Ngày 22/5/1958, Thủ tướng chính phủ ra Nghị định số 252/TTg chuyển Trường Đại học Kinh tế - Tài chính trực thuộc Bộ Giáo dục. Tháng 01/1965 Trường đổi tên thành trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch. Ngày 22/10/1965, Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp ra Quyết định số 1443/QĐ-KH đổi tên Trường thành Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, là một trong sáu Trường Đại học trọng điểm của cả nước.

Năm 1989, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được Chính Phủ giao thực hiện 3 nhiệm vụ chính là: 1/Tư vấn về chính sách kinh tế vĩ mô; 2/Đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh ở bậc đại học và sau đại học; 3/Đào tạo cán bộ quản lý cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Trải qua gần 65 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Kinh tế quốc dân luôn luôn giữ vững vị trí là một trong những trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh lớn nhất ở Việt Nam. Trường hiện có 1238 cán bộ, giảng viên, công nhân viên, trong đó có 798 giảng viên với 17 giáo sư và 113 phó giáo sư, 173 tiến sĩ và 523 thạc sĩ. Trường có trên 40.000 sinh viên các hệ, trong đó có nhiều sinh viên quốc tế. Trường hiện có 19 ngành đào tạo bậc đại học với 47 ngành/chuyên ngành đào tạo khác nhau bao trùm gần như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế ở tất cả các bậc đào tạo Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ. Cho đến nay, Trường Đại học Kinh tế quốc dân đã đào tạo được nhiều thế hệ cán bộ quản lý chính quy, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ mới. Nhiệm vụ trọng tâm của trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống và dân trí ở khu vực phía Bắc và cả nước.

Đại học Kinh tế Quốc dân là một trường có truyền thống và bề dày kinh nghiệm trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học trong khối ngành kinh tế. Việc mở ngành

đào tạo Kinh doanh Nông nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân có ý nghĩa:

Thứ nhất, giúp cho ngành Kinh doanh Nông nghiệp phát triển bền vững tương xứng với vị trí của ngành nông nghiệp trong xã hội.

Thứ hai, nâng cao và tiếp tục giữ vững vị thế của Trường ĐHKQTĐ là trường đi đầu cả nước trong đào tạo nguồn nhân lực ở một lĩnh vực đang được các nhà khoa học và thực tiễn quan tâm là Kinh doanh nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường cùng với sự thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập với kinh tế quốc tế.

1.1.2. Giới thiệu về Khoa BĐS và Kinh tế tài nguyên

Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên tiền thân là Khoa Kinh tế nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Khoa Bất động sản và Địa chính sáp nhập lại theo Quyết định số 2144/QĐ-KTQD-TCCB ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Khoa Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập từ năm 1956 với các tên gọi theo các thời kỳ như sau: Khoa Công – Nông (1956 – 1965); Khoa Kinh tế nông nghiệp (1965 – 1990); Khoa Kinh tế nông nghiệp & Phát triển nông thôn (1990-2008).

Khoa hiện có 20 cán bộ giảng viên cơ hữu, trong đó có 03 phó giáo sư, 6 tiến sĩ, 10 thạc sĩ, 01 cử nhân. 100% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, nhiều người được đào tạo chính quy và sau đại học ở các đại học có danh tiếng ở nước ngoài. Hiện nay, nhiều giảng viên có thể đọc hiểu và sử dụng thành thạo tiếng Anh trong nghiên cứu và giảng dạy, một số giảng viên trẻ của Khoa đang làm nghiên cứu sinh tại Trường dự kiến sẽ tốt nghiệp trong năm 2021, một số đang còn học tập tại nước ngoài. Hiện tại Khoa Bất động sản và KTTN có đủ số giảng viên cơ hữu theo yêu cầu để mở ngành đào tạo đại học chính quy về Kinh doanh Nông nghiệp. Mặt khác, Khoa cũng có đội ngũ hơn 20 cán bộ thỉnh giảng có học vị tiến sĩ, hiện đang làm việc tại các cơ quan tư vấn hoạch định chính sách; các cơ quan quản lý Nhà nước, các Bộ ngành, các doanh nghiệp, các tổng công ty và tập đoàn lớn, các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về Kinh tế nói chung, Kinh tế và kinh doanh Nông nghiệp nói riêng. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng này được đào tạo từ nhiều nguồn trong và ngoài nước, có kinh nghiệm giảng dạy về kinh doanh Nông nghiệp cho các Khoa, Viện và Trường. Các cán bộ mà Trường đã tiến hành mời tham gia giảng dạy đều xác nhận là sẽ thu xếp công việc để đảm bảo tiến độ giảng dạy chung.

Về cơ cấu tổ chức, khoa hiện có 4 bộ môn và 01 trung tâm: Bộ môn Kinh tế nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Bộ môn Kinh tế Tài nguyên, Bộ môn Kinh tế & Quản lý Địa chính, Bộ môn Kinh doanh Bất động sản và Trung tâm Kinh tế Tài nguyên và Phát

triển nông thôn. Hiện tại, khoa đang đào tạo bậc đại học 4 ngành: Kinh tế Nông nghiệp, Quản lý đất đai, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên và Bất động sản các hệ chính quy, hệ vừa học vừa làm, bằng đại học thứ hai; đào tạo sau đại học trình độ thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Quản trị kinh doanh nông nghiệp; thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế và quản lý Địa chính, thạc sỹ và Tiến sỹ chuyên ngành Kinh doanh Bất động sản, thạc sỹ ngành Kinh tế tài nguyên. Ngoài ra, khoa còn xây dựng chương trình đào tạo và trực tiếp tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về nông nghiệp, phát triển nông thôn cho lãnh đạo các hợp tác xã, các doanh nghiệp Nông nghiệp, các cán bộ quản lý tại các địa phương, các chương trình đào tạo phục vụ chương trình mục tiêu quốc gia về Nông nghiệp nông thôn và phát triển bền vững. Các lớp ngắn hạn phục vụ cấp chứng chỉ hành nghề về Môi giới bất động sản, Định giá bất động sản, Quản lý và Điều hành sàn giao dịch Bất động sản theo quy định của Luật Kinh doanh Bất động sản, Định giá đất phục vụ cấp chứng chỉ hành nghề Định giá đất theo qui định của Luật Đất đai.

Với quá trình phát triển gần 65 năm gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của Trường Đại học Kinh tế quốc dân, ngành Kinh tế Nông nghiệp thuộc Khoa BĐS và KTTN đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế, cung cấp một lực lượng đông đảo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của xã hội trong những giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới. Trong quá trình hoạt động, chuyên ngành đã đào tạo hơn 8.000 cử nhân, 43 thạc sỹ và 105 tiến sỹ. Nhiều cử nhân, thạc sỹ và tiến sỹ Kinh tế Nông nghiệp được đào tạo đã trưởng thành, giữ nhiều trọng trách ở các cơ quan nghiên cứu, quản lý và các cơ sở kinh doanh ở Trung ương và các địa phương.

Trong bối cảnh mới, để phù hợp với cơ chế thị trường và hội nhập với kinh tế quốc tế, nguồn nhân lực cho lĩnh vực nông nghiệp càng không ngừng phải được đổi mới để bắt kịp với xu thế. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, mà đơn vị chuyên môn là Khoa BĐS và Kinh tế tài nguyên tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường kiến thức thực tiễn, phát triển các môn học về kinh doanh trong lĩnh vực Nông nghiệp cung cấp khối lượng kiến thức cần thiết cho việc quản trị điều hành doanh nghiệp Nông nghiệp và phát triển ngành Kinh doanh Nông nghiệp theo hướng thị trường bền vững và hội nhập.

Cùng với sự thay đổi nhanh chóng về khoa học kỹ thuật và biến đổi khí hậu đã tác động mạnh mẽ đến nền nông nghiệp truyền thống, nông nghiệp công nghệ cao của nước ta. Bên cạnh đó là những đòi hỏi khắt khe hơn trong quy trình sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ hội nhập. Nhân lực nông nghiệp, nông thôn ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp đang trở thành một xu hướng tất yếu để tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế

trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn và phát triển bền vững. Hiện nay, cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trong nước và hướng xuất khẩu đang phát triển sôi động tại Việt Nam. Chính vì vậy, ngành Kinh doanh nông nghiệp được đánh giá là ngành học có tiềm năng phát triển. Trường Đại học Kinh tế quốc dân và Khoa BDS & KTTN có đủ các điều kiện để mở ngành học này nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đất nước

1.2.1. Khái quát chung về nhu cầu thực tiễn đối với nguồn nhân lực kinh doanh nông nghiệp

Nhu cầu thực tiễn ở Việt Nam đối với nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp ngày càng tăng. Nhận định trên được dựa trên cơ sở phân tích khái quát thực trạng ngành nông nghiệp thời gian qua cùng với những yêu cầu phát triển, hiện đại hóa ngành nông nghiệp đất nước trong thời gian tới. Cụ thể:

Thứ nhất, nông nghiệp là ngành quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam

Việt Nam là quốc gia có những lợi thế nhất định về phát triển kinh tế nông nghiệp. Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam có lợi thế cạnh tranh về phát triển nông nghiệp nhiệt đới với điều kiện sinh thái đa dạng; số giờ nắng nhiều; nguồn nước dồi dào; nông dân có kỹ năng, cần cù chịu khó và giá ngày công tương đối thấp. Nhờ vậy, tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam đạt mức trung bình 3,5%/năm giai đoạn 1986 - 2017. Năng suất lúa gạo cao nhất trong khu vực Đông Nam Á đạt 5,6 tấn/ha, gần gấp đôi so với Thái Lan và gấp 1,5 lần so với Ấn Độ. Năng suất cà phê đạt 2,6 tấn nhân xô/ha, cao gấp 1,5 lần so với Brazil, gấp 3 lần so với Colombia, Indonesia. Năng suất hồ tiêu đạt 2,6 tấn/ha, gấp 3 lần so với Indonesia và 1,3 lần của Ấn Độ. Năng suất cá tra bình quân đạt 209 tấn/ha, có ao nuôi đạt 300 - 400 tấn/ha, cao nhất thế giới. Năng suất tôm thẻ chân trắng đạt 3,91 tấn/ha, cao hơn so với Ấn Độ (3,5 tấn/ha) và Thái Lan (3,6 tấn/ha)¹. Với những lợi thế nêu trên, nông nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục được đầu tư phát triển mạnh trong thời gian tới, vẫn là ngành kinh tế quan trọng, là “trụ đỡ” cho kinh tế đất nước. Điều đó cũng được thể hiện trong phát biểu của Bà Helen Clark - Tổng giám đốc Cơ quan phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Hội thảo về cải cách kinh tế Việt Nam ở Hà Nội ngày 24/3/2014: “Nông nghiệp chính là lợi thế kinh tế căn bản của Việt Nam. Không ai lại quay lưng với lợi thế của mình”.

Mặc dù tỷ trọng giảm nhưng giá trị GDP của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy

¹ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), Hội nghị toàn quốc “Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp”, ngày 30/7/2018, Lâm Đồng.

sản (nông nghiệp) vẫn tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2019. GDP nông nghiệp theo giá hiện hành năm 2010 đạt 396.576 tỷ đồng (chiếm 18,38% GDP cả nước), chỉ tiêu này vẫn tăng mạnh qua các năm và đạt 842.601 tỷ đồng năm 2019 (chiếm 13,96% GDP cả nước). Theo giá so sánh 2010, GDP nông nghiệp năm 2019 đạt 510.632 tỷ đồng, gấp 1,29 lần năm 2010. Mặt khác, nông nghiệp cũng là ngành có đóng góp lớn cho xuất khẩu thu ngoại tệ cho đất nước. Theo báo cáo từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2020 đạt khoảng 41,2 tỷ USD, duy trì 9 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó có 5 mặt hàng có kim ngạch trên 3 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ, tôm, rau quả, hạt điều, gạo)².

Nông nghiệp Việt Nam cũng có ý nghĩa to lớn về xã hội với trách nhiệm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia với quy mô dân số đứng thứ 15 trên thế giới với 97,9 triệu người (tính đến 13/03/2020)³, trong đó dân số ở nông thôn trên 61,3 triệu người.. Ngành nông nghiệp cũng đóng vai trò chính trong tạo việc làm, thu nhập cho trên 37,6 triệu lao động nông thôn (2019), chiếm 67,6% tổng số lao động của cả nước.

Thứ hai, khu vực nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế.

Trong cơ cấu kinh tế năm Việt Nam năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%. Mặc dù xu hướng đã giảm liên tục trong nhiều năm trở lại đây tuy nhiên tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của Việt Nam vẫn còn cao hơn nhiều so với các nước công nghiệp phát triển và trong khu vực. Điều này cho thấy, trong những năm tới, khu vực nông nghiệp của Việt Nam vẫn có nhu cầu lớn về nhân lực.

Bảng 1. Tỷ trọng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2018 của Việt Nam và một số nước trên thế giới

TT	Nước	Tỷ trọng (%)	TT	Nước	Tỷ trọng (%)
1	Việt Nam	14,7	7	Australia	2,5
2	Indonesia	12,8	8	Hàn Quốc	2,0
3	Philippines	9,3	9	Hà Lan	1,6
4	Thái Lan	8,1	10	Nhật Bản	1,2
5	Malaysia	7,5	11	Mỹ	0,9
6	CHND Trung Hoa	7,2	12	Đức	0,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam 2019

² Thy Lê (2020), Xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2020 đạt 41 tỷ USD, Link: <https://vnbusiness.vn/thi-truong/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-nam-2020-dat-41-ty-usd-1075625.html>

³ <https://danso.org/viet-nam/>

Thứ ba, số lượng doanh nghiệp ngành nông nghiệp còn hạn chế

Quy mô ngành nông nghiệp của Việt Nam không nhỏ nhưng số lượng doanh nghiệp ngành nông nghiệp lại ít hơn nhiều so với các ngành khác. Theo Niên giám thống kê Việt Nam (2019), số lượng doanh nghiệp cả nước năm 2019 là 138.139 doanh nghiệp, trong đó ngành nông nghiệp chỉ có 2.029 doanh nghiệp (tỷ lệ 1,47%), ngành công nghiệp và xây dựng có 36.562 doanh nghiệp (26,47%) và ngành dịch vụ có 99.548 doanh nghiệp (72,06%). Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp như trên còn quá ít, chưa tương xứng với vai trò và quy mô của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh các doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại là hình thức tổ chức sản xuất nông sản hàng hóa quy mô lớn, khắc phục bất cập của sản xuất nông hộ nhỏ lẻ, tự cung tự cấp. Thời gian qua, nhiều chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đã được ban hành để thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại và số lượng trang trại ở Việt Nam cũng đã tăng đáng kể nhưng tốc độ đang chững lại. Năm 2015, cả nước có 29.389 trang trại, tăng lên 33.477 trang trại năm 2016 và 33.848 trang trại năm 2017. Tuy nhiên, số lượng trang trại lại giảm còn 31.668 năm 2018 và tăng lên 32.313 năm 2019. Nhưng năm gần đây, ngành nông nghiệp cả nước nói chung và các trang trại nói riêng gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường. Để trang trại sản xuất kinh doanh có hiệu quả, các chủ trang trại vừa phải am hiểu sản xuất nông nghiệp đồng thời phải có kiến thức, kỹ năng nhất định về quản lý kinh doanh.

Như vậy, việc tăng cường đào tạo nâng cao trình độ điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh cho các cán bộ quản lý doanh nghiệp nông nghiệp, chủ trang trại là một trong những nội dung trọng tâm để đẩy mạnh khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa lớn, hiện đại.

Thứ tư, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành nông nghiệp có xu hướng suy giảm trong những năm gần đây.

Một số chỉ tiêu về kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của khối doanh nghiệp ngành nông nghiệp có xu hướng ngày càng giảm. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp ở Việt Nam tăng liên tục giai đoạn 2010 - 2018 nhưng chỉ số này của các doanh nghiệp ngành nông nghiệp lại giảm. Năm 2010, lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản đang hoạt động đạt 9.602 tỷ đồng (chiếm 2,69% tổng số), sau đó giảm liên tục qua các năm và chỉ còn 3.644 tỷ đồng năm 2018 (chỉ chiếm 0,41% tổng số).

Bảng 2. Lợi nhuận trước thuế, tỷ suất lợi nhuận và thu nhập bình quân người lao động của các doanh nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	2010	2015	2016	2017	2018
1	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)					
	Tổng số	356.301	552.747	711.975	877.534	895.560
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	9.602	6.495	4.818	4.958	3.644
	Tỷ lệ (%)	2,69	1,18	0,68	0,56	0,41
2	Tỷ suất lợi nhuận (%)					
	Tổng số	4,53	3,63	3,99	4,25	3,79
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	18,02	6,72	5,27	4,39	2,71
3	Thu nhập bình quân/tháng của người lao động (nghìn đồng)					
	Tổng số	4.124	6.966	7.514	8.269	8.816
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.857	4.562	5.048	5.245	5.387
	Tỷ lệ (%)	93,53	65,49	67,18	63,43	61,10

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam 2019

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp nông nghiệp rất cao trong những năm trước, tuy nhiên chỉ tiêu này cũng giảm đáng kể những năm gần đây, thấp hơn khi so với chỉ tiêu này của tổng số doanh nghiệp. Tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp nông nghiệp đạt rất cao là 18,02% năm 2010 (chỉ tiêu này của tổng số doanh nghiệp cả nước chỉ là 4,53%), sau đó tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nông nghiệp nói riêng đều giảm. Đến năm 2018, tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp nông nghiệp chỉ còn 2,71% thấp hơn của tổng số doanh nghiệp cả nước là 3,79%. Mặt khác, mặc dù thu nhập bình quân/tháng của lao động đều tăng trong giai đoạn 2010 - 2019 nhưng tỷ lệ thu nhập bình quân/tháng của lao động trong doanh nghiệp nông nghiệp so với chỉ tiêu này trong tổng số ngày càng thấp thấp đi. Năm 2010, tỷ lệ thu nhập bình quân/tháng của lao động nông nghiệp so với tổng số là 93,53% nhưng sau đó giảm xuống còn 65,49% năm 2015 và chỉ còn 61,10% năm 2018. Để khắc phục những vấn đề trên, chúng ta cần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp nông nghiệp, trước hết là nâng cao năng lực điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh cho đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý của các doanh nghiệp nông nghiệp.

Thứ năm, số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp còn lớn

Mặc dù số lượng doanh nghiệp ít nhưng số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp lại rất lớn. Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp đã giảm đáng kể trong những năm gần đây: năm 2015 có 23.135,7 nghìn lao động (chiếm 43,6%), giảm

xuống còn 18.831,4 nghìn lao động năm 2019 (chiếm 34,5%). Quy mô và cơ cấu lao động của ngành nông nghiệp như trên còn quá lớn khi so với các ngành khác trong nền kinh tế.

Bảng 3. Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm trong một số ngành kinh tế của Việt Nam

ĐVT: %

TT		2015	2016	2017	2018	2019
	TỔNG SỐ	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	43,6	41,6	40,6	37,6	34,5
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	15,9	17	17,8	18,4	20,7
3	Xây dựng	6,2	7,2	7,5	7,9	8,4
4	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	12,7	12,7	12,8	13,4	13,3
5	Vận tải, kho bãi	3,1	3,0	3,2	3,2	3,5
6	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	4,6	4,6	4,6	5,0	5,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam 2019

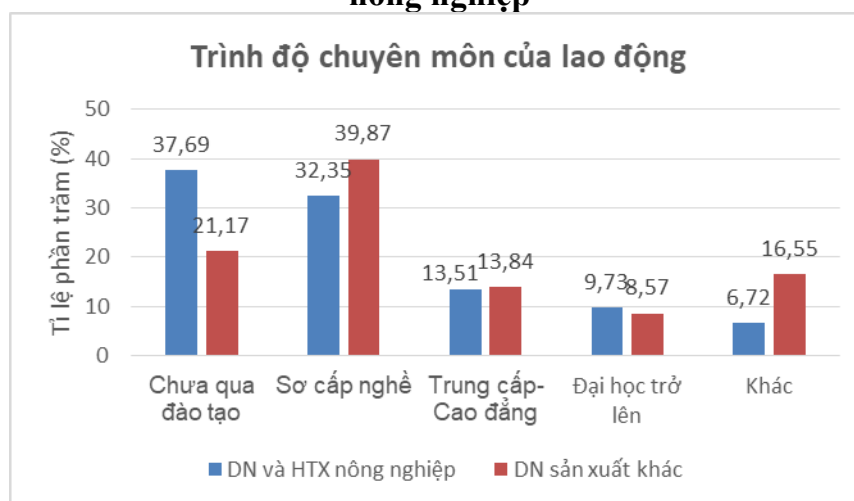
Với lực lượng lao động nông nghiệp còn lớn và trước yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn; hội nhập kinh tế quốc tế; và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh... thì nhu cầu đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp thời gian tới sẽ rất lớn, trong đó, nòng cốt là đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ lao động quản lý kinh doanh nông nghiệp.

Thứ sáu, trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp và lao động đang làm việc cho các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp còn hạn chế

Theo kết quả khảo sát doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp (2016)⁴, về trình độ chuyên môn của lao động, có tới 37,69% lao động trong nhóm DN-HTX nông nghiệp chưa qua đào tạo, cao hơn đáng kể so với nhóm doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực khác (21,17%). Tỷ lệ lao động có trình độ sơ cấp nghề của nhóm DN-HTX nông nghiệp là 32,35%, thấp hơn nhóm doanh nghiệp sản xuất khác (39,87%). Trong khi đó, tỷ lệ lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng và từ đại học trở lên giữa hai nhóm là tương đương nhau (Hình 1). Điều đó cho thấy sự thiếu hụt đáng kể về trình độ chuyên môn của lao động của nhóm DN-HTX nông nghiệp so với nhóm doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực khác.

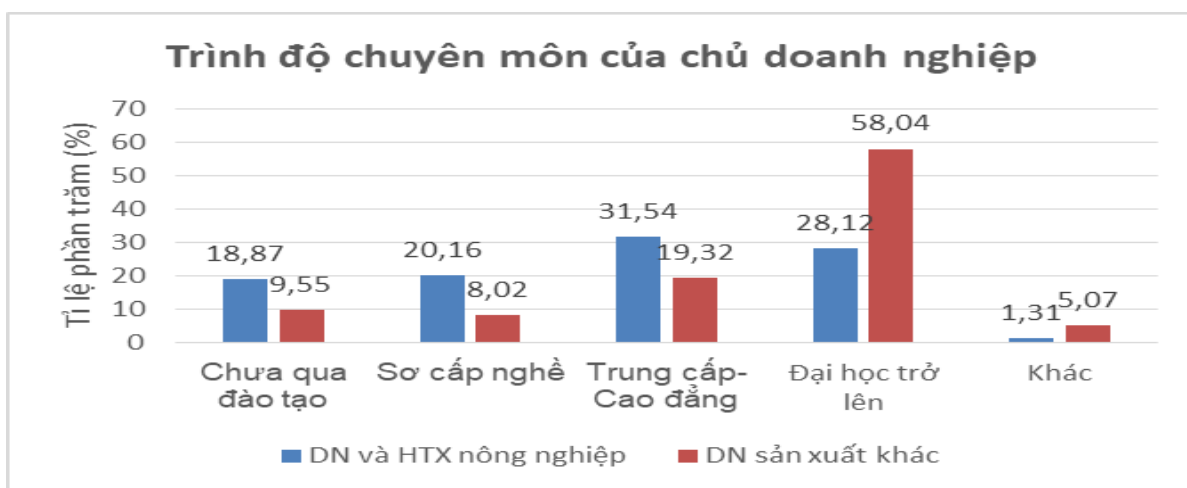
⁴ Ngô Thị Phương Thảo, Phùng Minh Đức & Ngô Thu Hằng (2021), *Vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam*, Hội thảo: “Đào tạo nguồn nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội”, ĐH KTQD, 2021.

Đồ thị 1. Trình độ chuyên môn của lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp



Về trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp, Hình 2 cũng cho thấy sự thiếu hụt của nhóm DN-HTX nông nghiệp so với nhóm doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực khác. Trong đó, tỉ lệ chủ doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên của nhóm DN-HTX nông nghiệp chỉ đạt 28,12%, thấp hơn đáng kể so với nhóm doanh nghiệp sản xuất khác (58,04%). Xét theo độ tuổi, tỉ lệ chủ doanh nghiệp trong các DN-HTX nông nghiệp có trình độ đại học trở lên cao nhất ở độ tuổi từ 36-45 tuổi (29,72%), thấp nhất ở độ tuổi trên 55 tuổi (17,34%). Tỉ lệ chủ doanh nghiệp ở độ tuổi từ 23-35 tuổi có trình độ đại học trở lên cũng ở mức tương đối thấp (24,63%) so với các nhóm khác.

Đồ thị 2. Trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp



Tóm lại, một số phân tích thống kê trên đã cho thấy, các DN-HTX nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay có sự thiếu hụt đáng kể về lao động có chuyên môn được đào tạo so với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh khác. Sự thiếu hụt này được thể hiện trong tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo ở mức khá cao, trong khi tỉ lệ chủ

doanh nghiệp có trình độ đại học trở lên tương đối thấp. Thêm vào đó, các chủ doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên của nhóm chủ doanh nghiệp trẻ ở mức khá thấp so với các nhóm tuổi khác.

Thứ bảy, nhiều chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đã được ban hành về phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số: 176/QĐ-TTg (ngày 29/01/2010) về việc phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 trong đó có quan điểm “*Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ cao trong nông nghiệp đủ về số lượng và có chất lượng cao cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở nước ta*”;

- Quyết định số: 1895/QĐ-TTg (ngày 17/12/2012) về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 trong đó có nhiệm vụ phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg (ngày 03/6/2020) phê duyệt “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”, trong đó nông nghiệp là một trong tám ngành, lĩnh vực cần được ưu tiên chuyển đổi số trước

- Dự thảo Văn Kiện Đại hội XIII xác định: “*Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh học...*”.

Để thực hiện được những mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, bên cạnh cơ chế, chính sách của Nhà nước, vai trò của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp mang tính quyết định. Để phát triển nông nghiệp trong tình hình mới, bên cạnh đào tạo nâng cao tay nghề cho nông dân, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp cần phải tăng cường đào tạo phát triển đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp thích ứng tốt với những biến động khó lường của thị trường nông sản, ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp thông minh.

1.2.2. Kết quả nhu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân

1.2.2.1. Đối tượng và quy mô khảo sát

Để phục vụ cho xây dựng Đề án mở ngành Kinh doanh nông nghiệp, nhóm

ngiên cứu Trường Đại học Kinh tế quốc dân đã tiến hành cuộc khảo sát thu thập thông tin về sự cần thiết và nhu cầu đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam nói chung và ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân nói riêng. Việc khảo sát được thực hiện từ tháng 12/2020 đến tháng 1/2021. Các đối tượng tham gia khảo sát gồm:

(1) Cán bộ quản lý nhà nước: những người đang làm quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn như Bộ Nông nghiệp & PTNT, Sở Nông nghiệp & PTNT ở các địa phương.

(2) Cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp như: doanh nghiệp nông nghiệp, HTX nông nghiệp, trang trại.

(3) Giảng viên/ các nhà khoa học từ các Trường Đại học, Viện nghiên cứu như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Đại học Tây Bắc, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT (Ipsard), ...

(4) Sinh viên: đang học tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân và ở một số Trường Đại học, Học viện khác.

Kết quả thu được 321 phiếu trả lời hợp lệ, số lượng và cơ cấu phiếu trả lời như sau:

Bảng 4. Số lượng và cơ cấu phiếu khảo sát

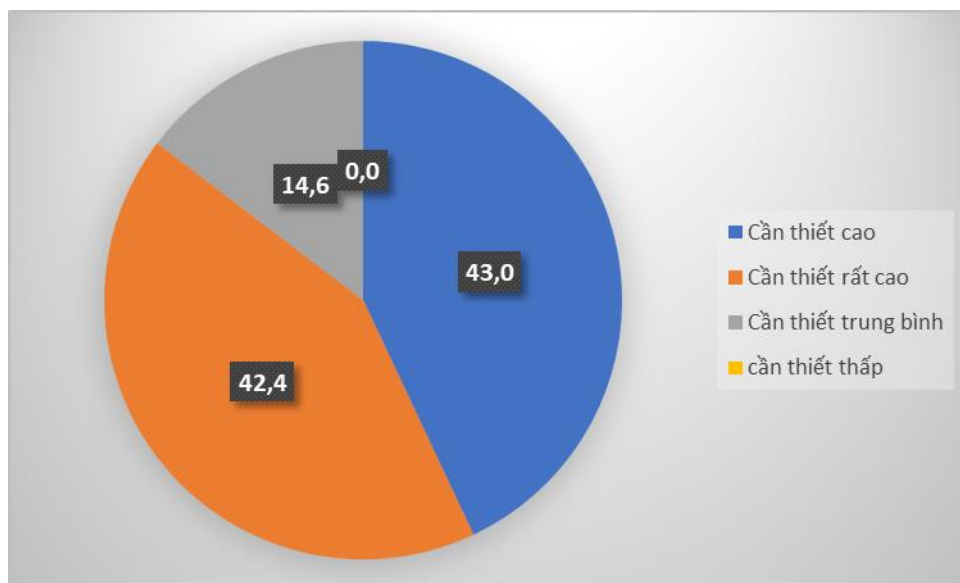
	Đối tượng phỏng vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
	Cán bộ quản lý Nhà nước	36	11,2
	Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp	115	35,8
	Giảng viên/ Nhà khoa học	47	14,6
	Sinh viên	123	38,3
	Tổng	321	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

1.2.2.2. Sự cần thiết của đào tạo cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp

Kết quả khảo sát về sự cần thiết của đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam cho thấy có 42,4% đánh giá ở mức cần thiết rất cao; 43,0% đánh giá ở mức cần thiết cao; 14,6% đánh giá ở mức trung bình; và không có đánh giá nào ở mức cần thiết thấp.

Đồ thị 3. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của việc đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Theo đối tượng khảo sát, phần lớn đều đánh giá ở mức độ “Cần thiết rất cao” và “Cần thiết cao”, chỉ có 2 nhóm có đánh giá ở mức độ “Cần thiết trung bình” nhưng ở tỷ lệ thấp đó là: nhóm Cán bộ quản lý DN, cơ sở sxkd nông nghiệp (17,4%) và nhóm sinh viên (22,0%).

Bảng 5. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của việc đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam theo đối tượng khảo sát

ĐVT: %

TT	Mức độ cần thiết	Cán bộ quản lý nhà nước	Cán bộ quản lý DN, cơ sở sxkd nông nghiệp	Giảng viên/ Nhà khoa học	Sinh viên
1	Cần thiết rất cao	55,6	41,7	72,3	27,6
2	Cần thiết cao	44,4	40,9	27,7	50,4
3	Cần thiết trung bình	0,0	17,4	0,0	22,0
4	Cần thiết thấp	0,0	0,0	0,0	0,0
	Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Về lý do sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam, các lý do được xếp theo thứ tự dựa trên tỷ lệ trả lời rất quan trọng và quan trọng từ cao xuống thấp như sau:

Bảng 6. Lý do sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam

TT	Lý do sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam	Số trả lời Rất quan trọng và Quan trọng	Tỷ lệ (%)
1	Nông nghiệp là ngành kinh tế truyền thống của Việt Nam và nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển nông nghiệp nhưng chưa khai thác hiệu quả	293	91,3
2	Do yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, trình độ của cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp cần được nâng cao	287	89,4
3	Trình độ cán bộ quản lý và người lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp của Việt Nam còn hạn chế	284	88,5
4	Số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp lớn	281	87,5
5	Việt Nam còn thiếu đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp có tài	276	86,0
6	Để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại	274	85,4
7	Thời gian qua, các cơ sở sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong thực tiễn nên cần có nhiều người quản lý sản xuất kinh doanh giỏi	268	83,5
8	Dễ xin được việc làm do nhu cầu lao động quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam lớn	257	80,1
9	Nhiều ngành đào tạo khác ở các trường đại học đã bão hòa	231	72,0
10	Ở Việt Nam, nhiều trường Đại học đào tạo về kỹ thuật hoặc kinh tế nông nghiệp nhưng đào tạo về kinh doanh nông nghiệp còn ít	144	44,9

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Theo Bảng 5, tỷ lệ lớn những người tham gia phỏng vấn đánh giá ở mức “Rất quan trọng” và “Quan trọng” đối với những lý do cần thiết mở ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam, các lý do tiêu biểu được lựa chọn với tỷ lệ rất cao trên 80% là:

(1) Nông nghiệp là ngành kinh tế truyền thống của Việt Nam và nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển nông nghiệp nhưng chưa khai thác hiệu quả; (2) Do yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, trình độ của cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp cần được nâng cao; (3) Trình độ cán bộ quản lý và người lao động trong các cơ

sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp của Việt Nam còn hạn chế; (4) Số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp lớn; (5) Việt Nam còn thiếu đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp có tài; (6) Để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại; (7) Thời gian qua, các cơ sở sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong thực tiễn nên cần có nhiều người quản lý sản xuất kinh doanh giỏi; (8) Dễ xin được việc làm do nhu cầu lao động quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam lớn.

Kết quả khảo sát riêng đối với 115 doanh nghiệp nông nghiệp về lý do cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam, các lý do quan trọng nhất được các doanh nghiệp lựa chọn (theo thứ tự từ cao xuống thấp) là:

(1) Nông nghiệp là ngành kinh tế truyền thống của Việt Nam và nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển nông nghiệp nhưng chưa khai thác hiệu quả; (2) Trình độ cán bộ quản lý và người lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp của Việt Nam còn hạn chế; (3) Do yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, trình độ của cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp cần được nâng cao; (4) Để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại; (5) Việt Nam còn thiếu đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp có tài; (6) Thời gian qua, các cơ sở sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong thực tiễn nên cần có nhiều người quản lý sản xuất kinh doanh giỏi; (7) Ở Việt Nam, nhiều trường Đại học đào tạo về kỹ thuật hoặc kinh tế nông nghiệp nhưng đào tạo về kinh doanh nông nghiệp còn ít; (8) Số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp lớn; (9) Dễ xin được việc làm do nhu cầu lao động quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam lớn; (10) Nhiều ngành đào tạo khác ở các trường đại học đã bão hòa.

Bảng 7. Kết quả phỏng vấn doanh nghiệp nông nghiệp về lý do sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam

TT	Lý do sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam	Số trả lời Rất quan trọng và Quan trọng	Tỷ lệ (%)
1	Nông nghiệp là ngành kinh tế truyền thống của Việt Nam và nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển nông nghiệp nhưng chưa khai thác hiệu quả	115	100,0
2	Trình độ cán bộ quản lý và người lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp của Việt Nam còn hạn chế	105	91,3
3	Do yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, trình độ của cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp cần được nâng cao	103	89,6
4	Để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng	100	87,0

TT	Lý do sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam	Số trả lời Rất quan trọng và Quan trọng	Tỷ lệ (%)
	hóa lớn, hiện đại		
5	Việt Nam còn thiếu đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp có tài	96	83,5
6	Thời gian qua, các cơ sở sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong thực tiễn nên cần có nhiều người quản lý sản xuất kinh doanh giỏi	95	82,6
7	Ở Việt Nam, nhiều trường Đại học đào tạo về kỹ thuật hoặc kinh tế nông nghiệp nhưng đào tạo về kinh doanh nông nghiệp còn ít	95	82,6
8	Số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp lớn	93	80,9
9	Dễ xin được việc làm do nhu cầu lao động quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam lớn	90	78,3
10	Nhiều ngành đào tạo khác ở các trường đại học đã bão hòa.	75	65,2

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

1.2.2.3. Sự cần thiết của đào tạo cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Về sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân, có 99 người cho rằng mức cần thiết rất cao (30,8%); có 162 người cho rằng cần thiết cao (50,5%); còn lại 18,7% cho rằng ở mức cần thiết trung bình. Khi chia theo các nhóm đối tượng khảo sát, tỷ lệ lớn ở các nhóm đều cho rằng sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở mức “Cần thiết cao” và “Cần thiết rất cao”.

Bảng 8. Tỷ lệ đánh giá về mức độ cần thiết của đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân

TT	Mức độ cần thiết	Cán bộ quản lý nhà nước	Cán bộ quản lý DN, cơ sở sxkd nông nghiệp	Giảng viên/ Nhà khoa học	Sinh viên
1	Cần thiết rất cao	36,1	32,2	29,8	28,5
2	Cần thiết cao	58,3	54,8	59,6	40,7
3	Cần thiết trung bình	5,6	13,0	10,6	30,9

ĐVT: %

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Kết quả khảo sát chung cho thấy đa số những người được hỏi đều cho rằng Trường Đại học Kinh tế quốc dân nên mở ngành đào tạo kinh doanh nông nghiệp. Các lý do được đánh giá “Rất quan trọng” và “Quan trọng” theo tỷ lệ từ cao xuống thấp như sau:

Bảng 9. Những lý do Trường Đại học Kinh tế quốc dân mở ngành Kinh doanh nông nghiệp

TT	Lý do Trường Đại học Kinh tế quốc dân mở ngành Kinh doanh nông nghiệp	Số đánh giá Quan trọng và Rất quan trọng	Tỷ lệ (%)
1	Trường có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp	270	84,1
2	Đây là trách nhiệm của Nhà trường trong việc đào tạo, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho ngành nông nghiệp đất nước	262	81,6
3	Đây là ngành đào tạo mới, có sức hấp dẫn so với các ngành khác trong trường	258	80,4
4	Có nhiều ngành đào tạo khác có thể liên kết, hỗ trợ để triển khai đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp	257	80,1
5	Trường cũng đã và đang đào tạo các ngành, chuyên ngành liên quan như: Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp...	256	79,8
6	Là Trường ĐH lớn, có truyền thống lịch sử, nhiều kinh nghiệm trong đào tạo kinh tế và quản lý	252	78,5

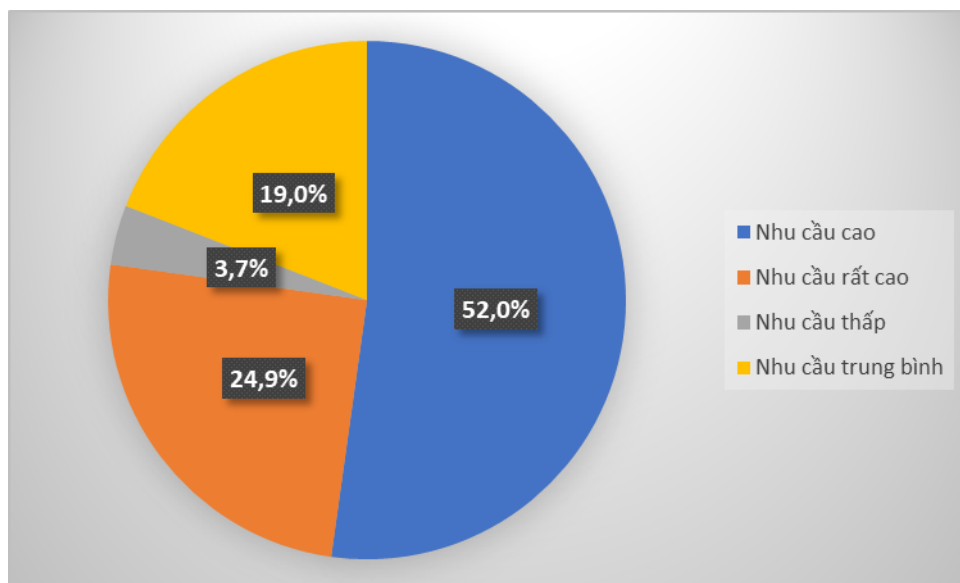
Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Kết quả trên cho thấy, phần lớn những người được hỏi đánh giá rất cao Trường Đại học Kinh tế quốc dân trong việc mở ngành đào tạo Kinh doanh nông nghiệp xuất phát từ truyền thống của Nhà trường, đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, cơ sở vật chất, các ngành đào tạo đã có và đây cũng là trách nhiệm của Trường đối với xã hội.

1.2.2.4. Nhu cầu đào tạo cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp

Kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam cho thấy phần lớn những người được hỏi cho rằng nhu cầu cao (52,0%) và rất cao (24,9%); có 19,0% cho rằng nhu cầu ở mức trung bình; và chỉ 3,7% cho rằng nhu cầu ở mức thấp.

Đồ thị 4. Kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Khi xem xét kết quả trên theo đối tượng phỏng vấn, ở mức “Nhu cầu rất cao”, nhóm cán bộ quản lý có tỷ lệ đánh giá lớn nhất (41,7%), thấp nhất là nhóm sinh viên (16,3%). Ở mức “Nhu cầu cao”, nhóm Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp có tỷ lệ đánh giá cao nhất (66,1%), thấp nhất là nhóm sinh viên với 36,7%. Nhóm sinh viên có tỷ lệ đánh giá ở mức “Nhu cầu trung bình” cao nhất là 36,6%, và cũng có 9,8% nhóm sinh viên đánh giá ở mức “Nhu cầu thấp”. Điều này cho thấy sinh viên vẫn còn tâm lý e ngại lựa chọn các ngành học thuộc khối nông, lâm nghiệp.

Bảng 6. Tỷ lệ đánh giá nhu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp

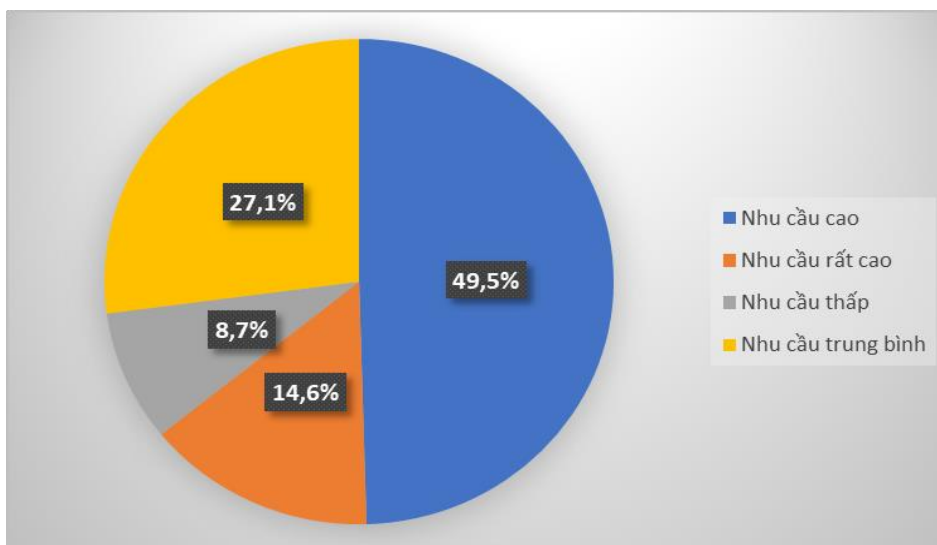
DVT: %

TT	Đánh giá	Cán bộ quản lý Nhà nước	Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp	Giảng viên/ Nhà khoa học	Sinh viên
1	Nhu cầu rất cao	41,7	25,2	34,0	16,3
2	Nhu cầu cao	52,8	66,1	57,4	36,7
2	Nhu cầu trung bình	5,6	8,7	8,5	36,6
3	Nhu cầu thấp	0,0	0,0	0,0	9,8

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Tổng hợp kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân, tỷ lệ lớn cho rằng nhu cầu cao (49,5%), có 14,6% cho rằng nhu cầu rất cao; 27,1% cho rằng nhu cầu trung bình; và chỉ có 8,7% cho rằng nhu cầu thấp.

Đồ thị 5. Kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Kết quả khảo sát về những lý do sinh viên lựa chọn ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường đại học Kinh tế quốc dân thay vì các ngành khác, một số lý do được đánh giá “Rất quan trọng” và “Quan trọng” với tỷ lệ cao như sau:

Bảng 7. Đánh giá những lý do lựa chọn ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế quốc dân

TT	Lý do lựa chọn ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế quốc dân	Số lượng đánh giá Rất quan trọng và Quan trọng	Tỷ lệ
1	Đây là một ngành học có tính thực tế cao, gắn với thực tiễn kinh tế đất nước	288	89,7%
2	Xin việc ở thành phố ngày càng khó khăn hơn	277	86,3%
3	Quá trình đào tạo sẽ gắn liền với thực tiễn	269	83,8%
4	Có thể điểm xét tuyển sẽ thấp hơn các ngành khác trong Trường	268	83,5%
5	Nhiều ngành học trong Trường trước đây rất hấp dẫn sinh viên, bây giờ đã bão hòa	265	82,6%
6	Có nhiều cơ hội được hỗ trợ học bổng từ Nhà nước, Các tổ chức quốc tế, Các doanh nghiệp nông nghiệp...	256	80,3%
7	Chương trình, giáo trình được biên soạn theo các Trường ĐH có uy tín ở nước ngoài	245	76,8%
8	Nông nghiệp rất nhiều lĩnh vực nên nhu cầu xã hội cao, dễ xin việc làm hơn so với các ngành khác trong Trường	244	76,0%
9	Đây là một ngành học hay, hấp dẫn so với các ngành khác trong Trường	222	69,2%
10	Kinh tế quốc dân là Trường ĐH lớn có thương hiệu nên không quá quan trọng ngành học	198	61,7%

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Theo Bảng 7, ngoài những lý do về ưu thế của ngành đào tạo Kinh doanh nông nghiệp, để hấp dẫn người học, việc xây dựng chương trình đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp cần chú ý đến các vấn đề như: đào tạo phải gắn liền với nhu cầu thực tiễn; có cơ chế riêng ưu tiên điểm xét tuyển; có những nguồn tài trợ học bổng cho sinh viên; tham khảo các chương trình đào tạo uy tín từ nước ngoài; ...

1.2.2.5. Kết quả khảo sát về trình độ đào tạo, năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn cho rằng đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp có trình độ đào tạo ở mức trung bình (52,3%), trình độ thấp (28,3%) và rất thấp (10,3%).

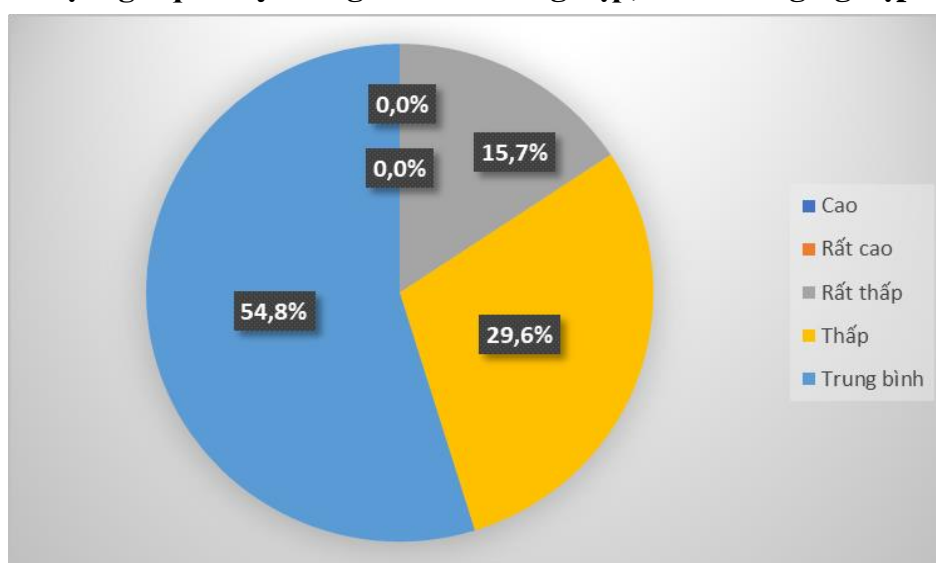
Bảng 8. Số lượng và tỷ lệ đánh giá về trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp

TT	Trình độ đào tạo	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
1	Rất cao	6	1,9
2	Cao	23	7,2
3	Trung bình	168	52,3
4	Thấp	91	28,3
5	Rất thấp	33	10,3
	Tổng số	321	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Tính riêng kết quả đánh giá của nhóm cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nông nghiệp, kết quả thu được cũng khá tương đồng.

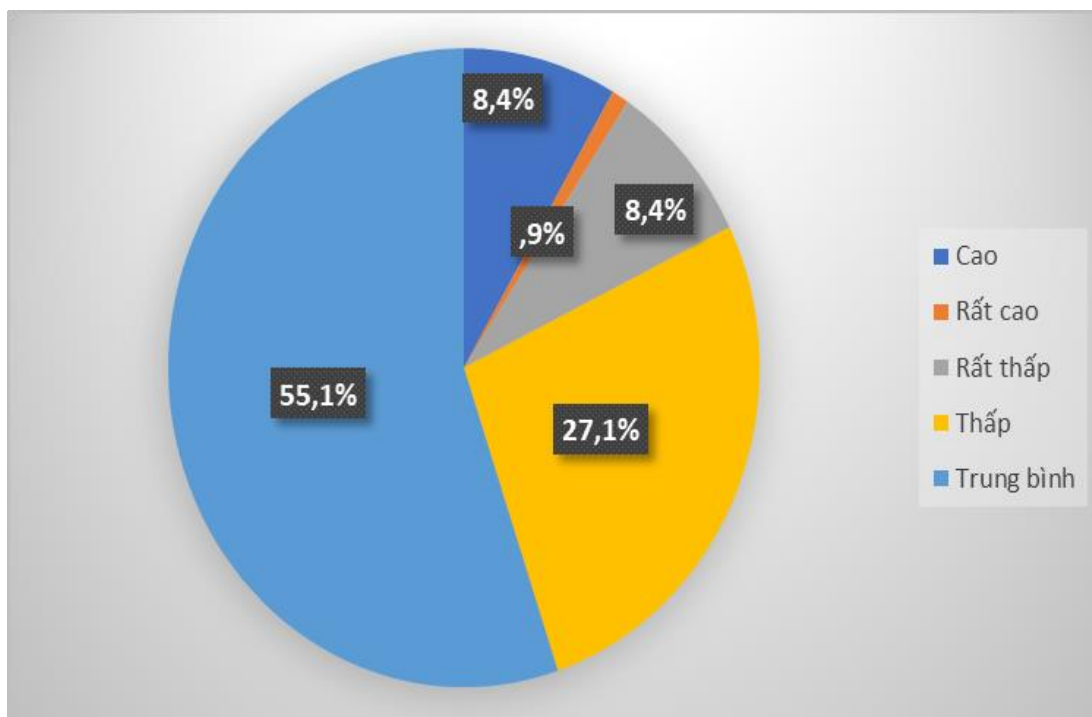
Đồ thị 6. Kết quả đánh giá của các cán bộ quản lý doanh nghiệp về trình độ của đội ngũ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở nông nghiệp



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Về năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nông nghiệp, kết quả khảo sát cũng phù hợp với trình độ đào tạo. Phần lớn các ý kiến cho rằng năng lực làm việc của đội ngũ này chỉ ở mức trung bình và thấp, cũng có một số ý kiến cho rằng ở mức độ cao nhưng không đáng kể.

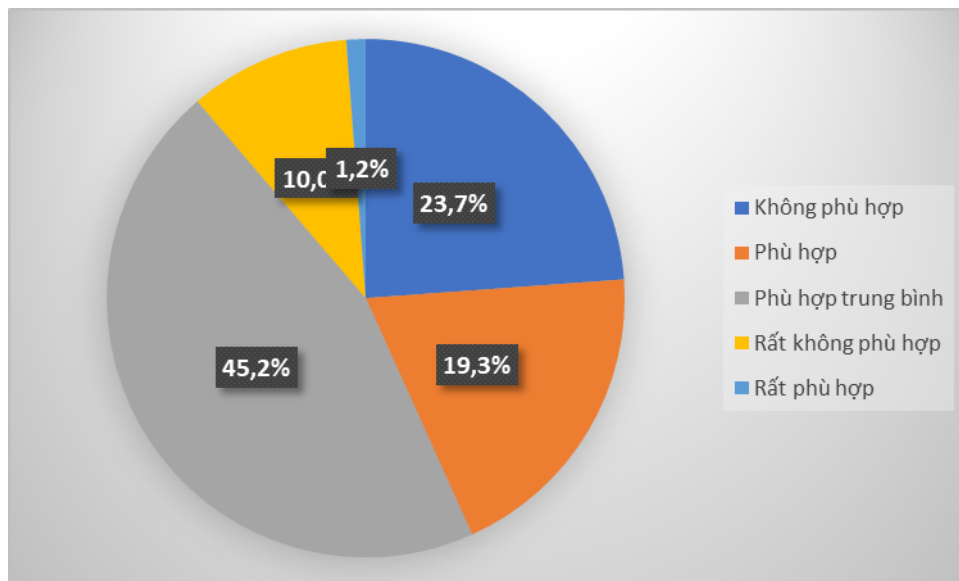
Đồ thị 7. Kết quả đánh giá năng lực làm việc của đội ngũ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở nông nghiệp



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Có nhiều nguyên nhân của tình trạng năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nông nghiệp phổ biến ở mức trung bình và thấp. Trước hết là do trình độ đào tạo của đa số cán bộ quản lý ở mức trung bình và thấp, kể đến là ngành đào tạo (bằng cấp) không phù hợp với yêu cầu công việc. Kết quả khảo sát cho thấy có 45,2% số người được hỏi cho rằng ngành đào tạo (bằng cấp) của họ chỉ phù hợp ở mức trung bình, 23,7% cho rằng không phù hợp, chỉ có 19,3% cho rằng phù hợp.

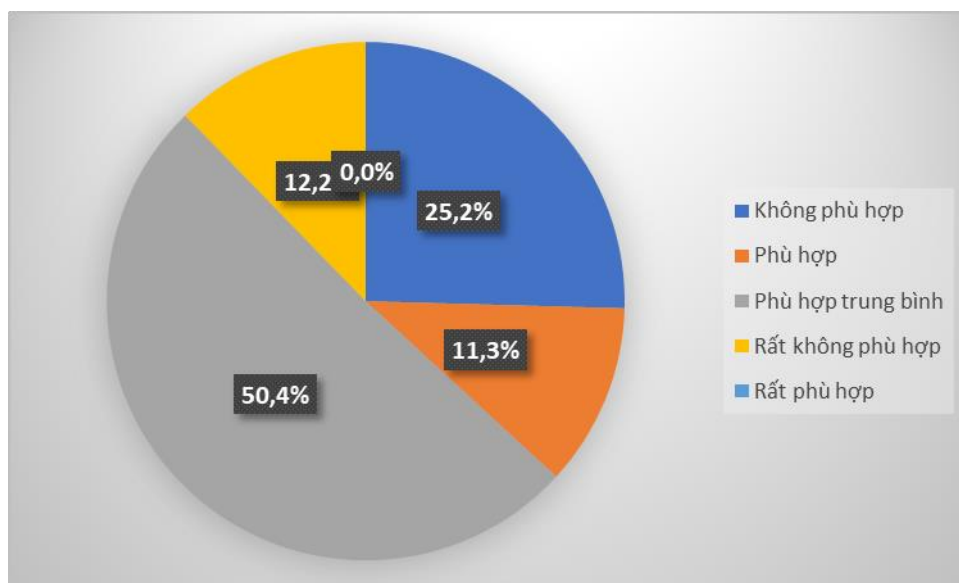
Đồ thị 8. Mức độ phù hợp của ngành đào tạo (bằng cấp) của đội ngũ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở nông nghiệp với yêu cầu công việc



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Đánh giá của các doanh nghiệp, cơ sở SXKD nông nghiệp về mức độ phù hợp của ngành đào tạo (bằng cấp) của đội ngũ cán bộ quản lý thu được kết quả khá tương đồng với kết quả nêu trên, cụ thể: 12,2% cho rằng rất không phù hợp; 25,2% cho rằng không phù hợp; 50,4% cho rằng phù hợp trung bình; phù hợp là 12,2%; rất phù hợp là 0%.

Đồ thị 9. Đánh giá của doanh nghiệp, cơ sở SXKD nông nghiệp về ngành đào tạo (bằng cấp) của đội ngũ quản lý với yêu cầu công việc



Những kết quả trên cho thấy trình độ và năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nông

ngành hiện nay còn ở mức trung bình và thấp, thậm chí rất thấp. Mặt khác, ngành đào tạo (bằng cấp) của họ lại không phù hợp với yêu cầu công việc. Cho nên thời gian tới, các doanh nghiệp, cơ sở nông nghiệp cần tăng cường đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ quản lý mình để đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Nhà nước và các cơ sở đào tạo cần tăng cường mở các ngành đào tạo, các khóa đào tạo về quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu nêu trên.

Kết quả khảo sát chung về thực trạng bằng cấp cũng như năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp thu được kết quả như sau:

Bảng 9. Nguyên nhân hạn chế của đội ngũ cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp

TT	Nguyên nhân hạn chế của đội ngũ cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	Đánh giá Rất phổ biến và Phổ biến	Tỷ lệ
1	Thiếu kiến thức, kinh nghiệm và nghiệp vụ chuyên môn về quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp	304	95,3%
2	Thiếu cán bộ được đào tạo chuyên về kinh doanh nông nghiệp	293	91,8%
3	Am hiểu về thị trường nông sản hạn chế	294	91,6%
4	Có bằng về kỹ thuật nông nghiệp nhưng lại làm về kinh doanh nông nghiệp	290	90,3%
5	Trình độ (bằng cấp) chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc	286	89,9%
6	Hạn chế trong tìm thị trường, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	279	87,7%
7	Hạn chế trong tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp	276	86,0%
8	Ngành được đào tạo (bằng cấp) hoàn toàn liên quan ít đến công việc	260	81,5%
9	Hạn chế trong đổi mới sáng tạo ứng phó với những khó khăn trong kinh doanh nông nghiệp	242	75,6%
10	Ngành được đào tạo (bằng cấp) hoàn toàn không liên quan đến công việc	167	52,0%

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Theo Bảng 9, một số hạn chế cần khắc phục của đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nông nghiệp trong thời gian tới như: (1) Bổ sung kiến thức, kinh nghiệm, nghiệp vụ về kinh doanh nông nghiệp; (2) Tăng cường cán bộ được đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp; (3) Nâng cao kiến thức và kỹ năng về thị trường nông sản; (4) Nâng cao trình độ quản trị của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp;

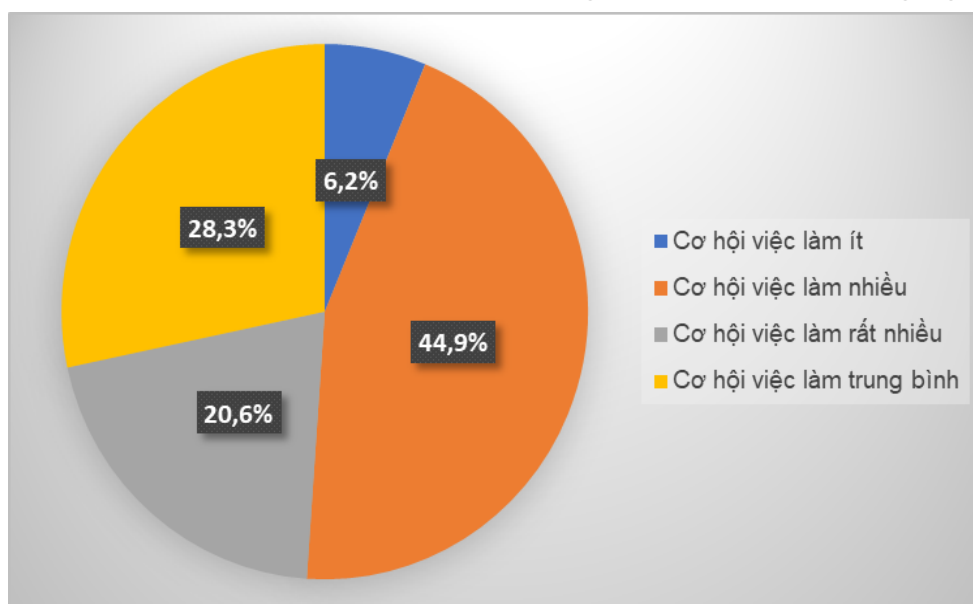
(5) Các cơ sở cần tuyển dụng nhân sự có bằng cấp phù hợp với kinh doanh nông nghiệp; v.v..

1.2.2.6. Đánh giá về cơ hội việc làm của sinh viên học ngành kinh doanh nông nghiệp

Cơ hội việc làm của sinh viên sau khi ra trường có thể coi là tiêu chí quan trọng nhất để sinh viên lựa chọn ngành học và các trường đại học xây dựng chương trình đào tạo. Như phân tích phần trên, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, quy mô ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, dư địa cho phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp vẫn còn nhiều. Những năm gần đây, làn sóng đầu tư vào nông nghiệp ngày càng mạnh, số lượng doanh nghiệp nông nghiệp tăng nhanh và đã hình thành một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Do vậy, cơ hội việc làm của sinh viên học ngành kinh doanh nông nghiệp hiện nay và thời gian tới sẽ rất nhiều.

Kết quả khảo sát về cơ hội việc làm của sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp cho thấy, có 44,9% số người được hỏi cho rằng cơ hội việc làm nhiều; 20,6% cho rằng cơ hội việc làm rất nhiều.

Đồ thị 10. Cơ hội việc làm của sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp



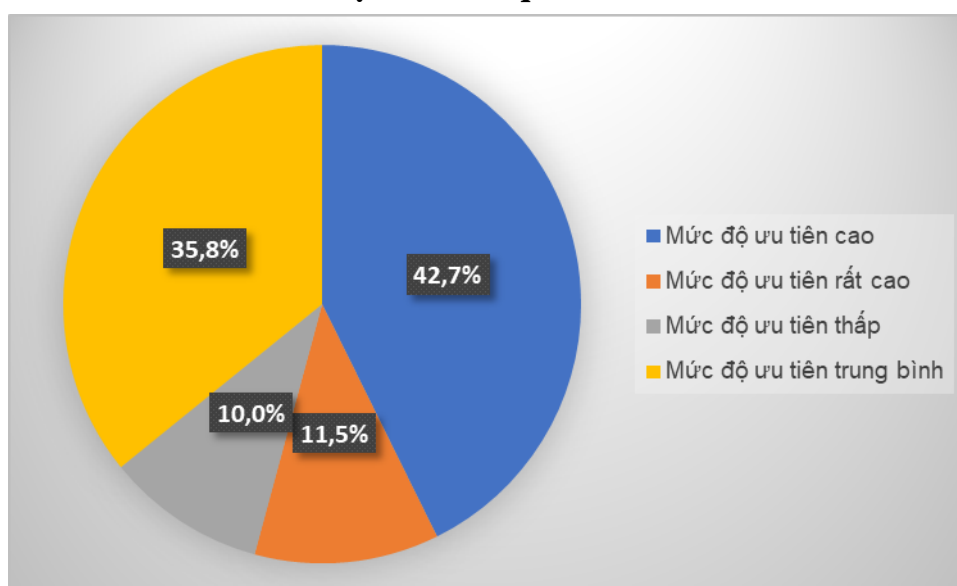
Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Đánh giá của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nông nghiệp cũng thu được kết quả rất khả quan về cơ hội việc làm của sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp. Cụ thể, có 49,6% cho rằng cơ hội việc làm nhiều; 23,5% cho rằng cơ hội việc làm rất nhiều; 27,0% cho rằng cơ hội việc làm trung bình; và không có doanh nghiệp nào đánh giá là cơ hội việc làm ít.

1.2.2.7. Đánh giá về mức độ ưu tiên chọn học ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Khi được hỏi rằng nếu tư vấn cho người khác hoặc nếu lựa chọn ngành học ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 54,2% số người được hỏi chọn mức độ ưu tiên cao và rất cao; 35,8% chọn mức độ ưu tiên trung bình; và 10,0% chọn mức độ ưu tiên thấp.

Đồ thị 11. Mức độ ưu tiên chọn học ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Kết quả trên cho thấy có 35,8% lựa chọn mức độ ưu tiên trung bình, kết quả đó chủ yếu đến từ nhóm sinh viên (với 42,3% sinh viên lựa chọn). Điều này cũng dễ hiểu vì đa số sinh viên tham gia khảo sát là sinh viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân và ngành Kinh doanh nông nghiệp được đem ra so sánh với rất nhiều ngành học hấp dẫn khác của Trường. Tuy nhiên với tỷ lệ ưu tiên lựa chọn cao và rất cao của 35,8% sinh viên và 54,2% tổng số người phỏng vấn lựa chọn mức độ ưu tiên cao và rất cao cũng là kết quả khả quan để trường Đại học Kinh tế quốc dân xem xét xây dựng và mở ngành đào tạo Kinh doanh nông nghiệp

1.3. Lý do đề nghị cho phép mở ngành

Nông nghiệp là một trong các ngành sản xuất vật chất của nền kinh tế quốc dân. Vai trò quan trọng của nông nghiệp được xác định ở chức năng sản xuất và cung cấp lương thực, thực phẩm - những sản phẩm tối cần thiết cho sự sống của con người; cung cấp các yếu tố đầu vào cho công nghiệp, hình thành nên các ngành công nghiệp chế biến; xuất khẩu các nông sản, đóng góp GDP cho nền kinh tế, tạo nguồn vốn cho công nghiệp hoá, bảo vệ môi trường sinh thái và giải quyết các vấn đề xã hội nông thôn.

Ở Việt Nam, nông nghiệp luôn là bộ phận cấu thành quan trọng và không thể thiếu được của nền kinh tế quốc dân. Vì vậy Đảng và Nhà nước luôn có nhiều chủ trương, chính sách và biện pháp nhằm hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp. Nhờ đó, nông nghiệp Việt Nam đã có những đóng góp rất quan trọng vào quá trình đổi mới và phát triển kinh tế đất nước. Trên mặt trận sản xuất lương thực, sự chuyển biến của nông nghiệp đã biến Việt Nam từ thiếu lương thực trở thành nước xuất khẩu lương thực thứ 2 thế giới. Nhờ thành tựu của sản xuất lương thực, sản xuất nông nghiệp có sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, hiệu quả từng bước được nâng lên, bộ mặt kinh tế, xã hội nông thôn từng bước được cải thiện, một số ngành trước hết là công nghiệp chế biến nông sản phát triển ổn định.

Những năm gần đây, dưới sự tác động của dịch covid 19, khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu, vai trò của nông nghiệp Việt Nam càng được phát huy. Sự ổn định của nền kinh tế của Việt Nam những năm vừa qua có sự đóng góp hết sức to lớn của ngành nông nghiệp. Bước vào giai đoạn phát triển mới, nông nghiệp đang trong quá trình chuyển mạnh sang kinh tế thị trường theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Những chương trình tái cấu trúc kinh tế ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh kinh doanh nông nghiệp hàng hóa tiến tới nền nông nghiệp bền vững đã và đang đặt ra cho nông nghiệp, nông thôn Việt Nam những cơ hội mới để phát triển; đồng thời cũng đặt ra những nhiệm vụ và thách thức mới, đòi hỏi cần huy động các nguồn lực một cách mạnh mẽ hơn, sử dụng một cách hiệu quả hơn. Việc đào tạo nguồn nhân lực có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nền nông nghiệp thông minh có vai trò rất quan trọng. Điều này mang tính quyết định đến sự nghiệp Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, tạo ra sự đột phá trong sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Trên thực tế, sự chuyển đổi nền kinh tế, trong đó có ngành nông nghiệp từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường đã hình thành nên các chủ thể kinh doanh, các hoạt động kinh doanh đã đặt ra yêu cầu cao về đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức về kinh doanh nông nghiệp. Hoạt động kinh doanh nông nghiệp trong điều kiện chuyển mạnh sang kinh tế thị trường đã và đang xuất hiện các nhu cầu đào tạo không chỉ cho các doanh nghiệp nông nghiệp mà còn ở lực lượng đông đảo các chủ hộ của gần 10 triệu hộ nông dân, 32.313 chủ trang trại và nhiều cá nhân các nhà đầu tư kinh doanh nông nghiệp. Ngoài ra, còn nhu cầu lực lượng khá đông đảo một lượng lớn các nhà khoa học làm việc ở các viện, các trung tâm nghiên cứu và chuyên gia công nghệ, các tổ chức

chính trị xã hội ở nông thôn... cần được đào tạo về kinh doanh nông nghiệp. Theo tính toán, nguồn nhân lực của ngành kinh doanh nông nghiệp cần đạt trình độ cử nhân Kinh doanh nông nghiệp lên đến hơn 10 triệu người.

Việt Nam mặc dù có nhiều lợi thế trong phát triển nông nghiệp nhưng nguồn nhân lực trong nông nghiệp với tỷ trọng khoảng 46% chưa đáp ứng được yêu cầu của việc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới.

Trên thực tế, việc tổ chức đào tạo về Kinh doanh Nông nghiệp đã và đang là ngành độc lập so với các ngành học khác ở các bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước. Ở nước ta, đào tạo về Kinh doanh Nông nghiệp ở bậc đại học đã được triển khai trên quy mô khá lớn, theo mã ngành đào tạo cấp IV (Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017) tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Nông Lâm Thái Nguyên; Đại học Nông lâm Huế; Đại học Cần Thơ, Đại học Hải Phòng v.v... Trong số các cơ sở đào tạo trên, hiện đã có một số cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo đến bậc tiến sĩ về ngành Kinh doanh Nông nghiệp là Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

Tại các nước trên thế giới hiện có rất nhiều trường có đào tạo ngành Kinh doanh Nông nghiệp ở tất cả các bậc như đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ, Ví dụ như ở Mỹ có Michigan Tech University, Auburn University, University of Massachusetts Amherst, West Virginia University, University of Florida. Tại Úc hiện có 4 trường danh tiếng gồm University of Queensland, University of Sydney, Australian National University và University of Western Australia. Ở Anh có University of Birmingham, ở New Zealand có trường đại học Massey University of New Zealand và một số trường khác...

Nội dung chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh Nông nghiệp tại trường Đại học Kinh tế quốc dân được tham khảo dựa trên nội dung chương trình đào tạo của trường đại học Massey University of New Zealand, và University of Queensland cả về nội dung chương trình môn học và thời lượng giảng dạy.

Từ phân tích tình hình thực tế nêu trên, việc mở ngành đào tạo về Kinh doanh Nông nghiệp trình độ Đại học tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân là hết sức cần thiết, góp phần đào tạo một cách có hệ thống và chuyên sâu hơn các kiến thức và kỹ năng quản lý và Kinh doanh để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn theo xu thế hội nhập.

Với những điều kiện và khả năng hiện có của Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên và đội ngũ các chuyên gia trong và ngoài trường, việc thực hiện đề án hoàn toàn phù hợp và mang tính khả thi.

1.4. Căn cứ pháp lý để mở ngành đào tạo Kinh doanh nông nghiệp

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012;
- Luật số 34/2018/QH14 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018.
- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc mở ngành đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;
- Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;
- Quyết định 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 Ban hành quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

PHẦN 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO, DỰ KIẾN MỨC HỌC PHÍ

2.1. Mục tiêu đào tạo

2.1.1. Mục tiêu chung:

Cử nhân Kinh doanh Nông nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp cần thiết, được trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, marketing và kiến thức chuyên sâu về quản lý sản xuất, nhân sự, marketing và tài chính để giải quyết các tình huống cụ thể trong các cơ sở sản xuất Kinh doanh nông nghiệp. Được trang bị những kiến thức hiện đại liên quan đến sản xuất và phân phối đầu vào Nông nghiệp, quá trình sản xuất chế biến tiêu thụ các hàng hóa nông sản và các sản phẩm liên quan. Được cung cấp kiến thức về các nguyên lý cơ bản của kinh doanh; môi trường kinh doanh và đặc thù của kinh doanh nông nghiệp; mối liên hệ giữa các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp; ứng dụng các nguyên lý kinh tế và quản trị kinh doanh vào các hoạt động thực tiễn trong kinh doanh nông nghiệp; thể hiện được hiểu biết về công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và hoạt động chế biến nông sản.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như chuyên viên kinh doanh, chuyên viên nghiên cứu, phân tích và đánh giá thị trường và chuỗi giá trị nông sản, chuyên viên phát triển thị trường nông sản, nhà quản trị kinh doanh nông nghiệp v.v. . Các cơ quan nghiên cứu khoa học và các đơn vị đào tạo có liên quan đến nông nghiệp. Tự khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp (Start up).

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành giám đốc kinh doanh, trưởng các bộ phận chức năng kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, phụ trách trung tâm kinh doanh và xúc tiến sản phẩm nông sản tại cơ quan quản lý nhà nước v.v.

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp nếu tiếp tục con đường học thuật, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học: có khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học độc lập bậc sau đại học về chuyên ngành: KDNN; Quản trị kinh doanh; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị ngân hàng; Quản trị tài chính; Chính sách công...có thể trở thành giảng viên về kinh doanh nông nghiệp, cán bộ nghiên cứu của cơ sở đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh.

- ***Trình độ ngoại ngữ và tin học:*** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2.2. Thời gian, quy mô đào tạo, dự kiến mức học phí

Trong ba năm đầu, Trường Đại học Kinh tế quốc dân dự định tuyển sinh với quy mô là 60 học viên mỗi năm. Sau đó, tùy thuộc vào số lượng giảng viên có đủ điều kiện giảng dạy, sẽ tăng chỉ tiêu phù hợp.

Thời gian đào tạo là 3,5-4 năm, Chương trình đào tạo được thiết kế theo hệ thống tín chỉ và việc tổ chức giảng dạy sẽ đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt, tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ.

Mức học phí của Chương trình thu theo quy định chung như các ngành đào tạo cử nhân truyền thống khác tại Trường. Mức học phí này được thông báo công khai ở địa chỉ trang thông tin: <http://www.neu.edu.vn>

PHẦN 3: NĂNG LỰC CỦA SƠ SỞ ĐÀO TẠO

3.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu

Chất lượng của trường đại học được đánh giá bởi nhiều yếu tố, trong đó yếu tố quan trọng, có tính quyết định là chất lượng đội ngũ cán bộ viên chức. Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của công tác xây dựng đội ngũ trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, những năm qua Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã thực hiện chủ trương: "Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên theo hướng chuẩn hóa về mặt chức danh, trình độ; đảm bảo chất lượng, đủ số lượng và đồng bộ về cơ cấu, trẻ hoá đội ngũ cán bộ; chú trọng nâng cao năng lực công tác, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp cho cán bộ". Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã đề ra nhiều chính sách và biện pháp tích cực nhằm thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao về công tác tại trường, đồng thời xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đáp ứng nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu khoa học, xứng đáng là Trường đi đầu trong lĩnh vực Kinh tế, Quản lý và Quản trị kinh doanh trong nước và khu vực. Từ năm 2010 đến nay, Trường thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng, Trường đã xây dựng và ban hành được quy chế tuyển dụng phù hợp với quy định của Nhà nước đồng thời đưa ra chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao được đào tạo bài bản tại các trường danh tiếng trong khu vực và trên thế giới. Thời gian qua, công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, các chỉ tiêu tuyển dụng được thông báo rộng rãi trong Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng; Công tác coi thi, chấm thi được thực hiện nghiêm túc, đánh giá kết quả khách quan, công bằng, chính xác, góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của cán bộ tạo nguồn tại Trường.

Để đưa công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đi vào nền nếp và có kế hoạch, Trường ban hành Quy định về đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức. Bên cạnh đó, Trường đã yêu cầu giảng viên phải cam kết trong hợp đồng làm việc về công tác đào tạo bồi dưỡng, quy định rõ trách nhiệm của viên chức trong việc tích cực học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, tất cả các giảng viên, chuyên viên sau khi tuyển dụng được cử đi học các lớp Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, Bồi dưỡng chuẩn chức danh giảng viên hạng I, hạng II, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý Nhà nước, văn thư lưu trữ, nghiệp vụ giảng dạy theo phương pháp hiện đại... để đủ điều kiện bổ nhiệm vào ngạch giảng viên, chuyên viên sau khi hết thời gian thử việc. Đối với giảng viên, Trường tạo điều kiện thuận lợi để đi học nghiên cứu sinh, cao học ngay sau khi hết tập sự. Trước những chủ trương, chính sách ưu tiên của Nhà trường, những yêu cầu thiết thực của việc nâng cao trình độ, đáp

ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên của Trường càng ý thức rõ hơn việc học tập và rèn luyện của bản thân. Vì vậy, hàng năm, số giảng viên được cử đi học nghiên cứu sinh, cao học trong và ngoài nước tăng dần. Để cán bộ có điều kiện học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Trường thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học, các chương trình tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, các buổi trao đổi chuyên môn với giảng viên, chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài nước đến công tác tại Trường. Ngoài ra, giảng viên còn được tạo điều kiện để tham gia các chương trình giao lưu khoa học, trao đổi chuyên môn, tìm kiếm các học bổng cao học, nghiên cứu sinh, thực tập sau tiến sĩ ngoài nước.... Vấn đề học ngoại ngữ của cán bộ giảng viên cũng được lãnh đạo nhà trường quan tâm và tạo điều kiện. Trường đã phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội mở các lớp Tiếng Anh cấp bằng vừa làm vừa học và cấp văn bằng 2 cho cán bộ giảng viên. Cùng với việc thực hiện các chế độ hỗ trợ cán bộ giảng viên đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, Trường khuyến khích giảng viên tham gia hội nghị, hội thảo. Trường dành riêng 01 số tạp chí mỗi tháng để giảng viên trẻ đăng bài, ngoài ra còn tạo điều kiện để giảng viên trẻ làm chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở, tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp... Công tác đào tạo, bồi dưỡng không chỉ thực hiện đối với đội ngũ giảng viên, cán bộ hành chính nghiệp vụ ở các đơn vị cũng được đào tạo, bồi dưỡng để nhằm đảm bảo trình độ, chức danh (ngạch, bậc), tinh thông nghiệp vụ, có khả năng tham mưu và thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ viên chức được tạo điều kiện tham gia học các lớp bồi dưỡng chứng chỉ theo quy định đối với các ngạch, bậc do Trường phối hợp với Học viện Quản lý giáo dục, Trường Cao đẳng Nội vụ mở. Ngoài ra, những viên chức hành chính còn được tạo điều kiện học tiếp cao học, nâng dần số cán bộ hành chính có học vị và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công tác ở những vị trí có tính chuyên môn cao.

Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, Trường xác định đây là đội ngũ lãnh đạo công tác chuyên môn, quản lý đội ngũ trí thức. Vì vậy, những người giữ chức vụ quản lý ở các đơn vị là những người có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt, được tập thể tín nhiệm, ủng hộ và được bổ nhiệm vào chức vụ quản lý đúng quy trình, công khai, minh bạch. Cùng với công tác bồi dưỡng chuyên môn, cán bộ quản lý được tạo điều kiện để phấn đấu đạt các tiêu chuẩn xét bổ nhiệm vào các chức danh GS, PGS và các danh hiệu NGND, NGƯT; tham gia các lớp lý luận chính trị cao cấp, bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh nhằm nâng cao nhận thức chính trị và nghiệp vụ quản lý.

Bảng 1. Thống kê giảng viên, cán bộ khoa học của trường

(Tính đến 10/2021) Đơn vị: Người

TT	NỘI DUNG	TỔNG	GHI CHÚ
I	Theo trình độ, Học hàm, Học vị		
	Giáo sư	16	
	Phó giáo sư	129	
	Tiến sĩ (Không tính GS, PGS)	211	
	Thạc sĩ	404	
	Đại học	12	
II	Phân theo hạng viên chức	Giảng viên	
	Giảng viên cao cấp	146	
	Giảng viên chính	136	
	Giảng viên	490	
	Tổng số giảng viên	772	

Nguồn: Phòng Quản lý đào tạo

Có thể nói, trong thời gian qua, Trường đã có các chủ trương đúng đắn đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đã động viên khích lệ cán bộ giảng viên tích cực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng toàn diện của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý nói riêng và viên chức hành chính nói chung. Số giảng viên được cử đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng tăng hàng năm, sau khi học tập trở về đảm đương tốt nhiệm vụ đào tạo ở các đơn vị. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhiệm vụ quan trọng, lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường. Điều đó không chỉ quyết định bằng các chủ trương chính sách mà cần có sự tích cực hưởng ứng và tự giác thực hiện của toàn thể cán bộ giảng viên. Có như vậy mới xây dựng được đội ngũ vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần quan trọng khẳng định uy tín và vị thế của Nhà trường trong xã hội.

3.2. Cơ sở vật chất, thư viện, giáo trình

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tiền thân là Trường Kinh tế - Tài chính Trung ương, năm 1959 Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định cho Trường chuyển đến địa điểm 207 Giải Phóng với diện tích khuôn viên đất là 122.522,10 m², diện tích xây dựng nhà là 72.103,98 m², diện tích sàn sử dụng là 157.695,80 m². Trải qua 63 năm xây dựng và phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ngày càng được hoàn thiện theo

hướng đồng bộ và hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và đời sống của cán bộ công nhân viên cũng như sinh viên, học viên trong Nhà trường.

a. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

- Trường có 5 khu nhà làm việc, 5 khu giảng đường và đặc biệt Toà nhà Trung tâm Đào tạo A2. Tổng diện tích sàn là 96.000 m². Số tầng: 10. Số phòng học: 147. Tổng diện tích phòng học: 11.325 m². Tòa nhà có 2 tầng hầm, bên dưới mỗi tầng hầm còn có nhiều phòng chức năng có thể đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động đào tạo và các hoạt động khác.

- Trường được trang bị hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hàng đầu trong các trường đại học với phòng máy chủ gần 30 máy HP, 27 phòng máy lớn nhỏ trong toàn trường. Hệ thống mạng nội bộ với 2.300 máy trạm phủ sóng khắp toàn trường.

- 100% các môn học của Trường có giáo trình, bài giảng.

Bảng 2. Cơ sở vật chất của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I	Diện tích đất đai	m ²	123.522,10
II	Diện tích sàn xây dựng	m ²	157.695,80
1	Giảng đường		
	Số phòng	Phòng	244
	Tổng diện tích	m ²	61.493,30
2	Phòng học máy tính		
	Số phòng	Phòng	5
	Tổng diện tích	m ²	612
3	Phòng học Ngoại ngữ		
	Số phòng	Phòng	7
	Tổng diện tích	m ²	507,07
4	Thư viện	m ²	10.440
5	Phòng thí nghiệm		
	Số phòng	Phòng	
	Tổng diện tích	m ²	
6	Xưởng thực tập, thực hành		
	Số phòng	Phòng	
	Tổng diện tích	m ²	
7	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
	Số phòng	Phòng	448
	Tổng diện tích	m2	24.024,27
8	Diện tích nhà ăn của cơ sở đào tạo	m2	2.180,31
9	Diện tích khác		10.170,50
	Diện tích nhà văn hoá (Hội trường)	m2	8.660
	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m2	0
	Diện tích bể bơi	m2	0
	Diện tích sân vận động	m2	5.360,34
10	Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên chính quy		
	Diện tích đất/sinh viên		5,05
	Diện tích sàn/sinh viên chính quy		6,45

Bảng 3. Thống kê chi tiết trang thiết bị giảng đường

TT	Loại phòng học	Số lượng phòng	Diện tích phòng học (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	Số lượng	phục vụ học phần	Diện tích m2
I	PHÒNG HỌC - GIẢNG ĐƯỜNG						
a	Giảng đường B	18	1,530	- Máy chiếu; - Hệ thống âm thanh - Điều hòa; - Bàn ghế	1 bộ/ 1 phòng		530
b	Giảng đường C	17	1,460	- Máy chiếu; - Hệ thống âm thanh - Điều hòa; - Bàn ghế	1 bộ/ 1 phòng	Phòng học	1,460
b	Giảng đường D	27	1,917	- Máy chiếu; - Hệ thống âm thanh - Điều hòa; - Bàn ghế	1 bộ/ 1 phòng	Phòng học	1,917

TT	Loại phòng học	Số lượng phòng	Diện tích phòng học (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	Số lượng	phục vụ học phần	Diện tích m2
c	Giảng đường D2	27	1,948	- Máy chiếu; - Hệ thống âm thanh - Điều hòa; - Bàn ghế	1 bộ/ 1 phòng	Phòng học	1948
d	Giảng đường A2	145	11795	- Máy chiếu; - Hệ thống âm thanh - Điều hòa; - Bàn ghế	1 bộ/ 1 phòng	Phòng học	11795
III	HỘI TRƯỜNG	3	6,176				
1	Nhà văn hóa:	1.00	2,010	- Máy chiếu; - Hệ thống âm thanh - Điều hòa; - Bàn ghế	1 bộ/ 1 Hội trường	Môn học chung	2,010
2	Sân khấu tầng hầm 2	1.00	300	- Máy chiếu; - Hệ thống âm thanh - Điều hòa; - Bàn ghế	1 bộ/ 1 Hội trường	Môn học chung, bảo vệ	300
3	Hội trường nhà A2	1.00	3,866	- Máy chiếu; - Hệ thống âm thanh - Điều hòa; - Bàn ghế	1 bộ/ 1 Hội trường	Môn học chung	3,866
III	THƯ VIỆN	1	10,440				
	Trung tâm thư viện với đầy đủ trang thiết bị hiện đại	1	10,440	- Máy tính, phòng đọc, phòng học	1 hệ thống thư viện đồng bộ với trang thiết bị hiện đại		
IV	SÂN TẬP	6	5,445				

TT	Loại phòng học	Số lượng phòng	Diện tích phòng học (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	Số lượng	phục vụ học phần	Diện tích m ²
1	Sân tập được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ các hoạt động thể dục thể thao	3	5,060	Dụng cụ phục vụ môn học: Bóng bàn, bóng rổ, bóng đá, cầu lông, bóng truyền.....		Môn học thể dục, quốc phòng	
2	Nhà A2	3	385	Bàn bóng bàn		Môn học thể dục	
IV	XUỐNG THỰC HÀNH	8	1,128				
	Nhà 14	5	612	Hệ thống khách sạn		Thực hành	122.4
	Nhà trung tâm đào tạo - tầng trệt A2	2	416	Hệ thống dịch vụ ngân hàng, văn phòng		Thực hành	208

b. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác và đời sống cán bộ công nhân viên và sinh viên Nhà trường

Khu Hành chính được thiết kế theo phong cách chuyên nghiệp và được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng. Các máy tính tại các Khoa, Viện, Phòng ban đều có thể truy cập Internet miễn phí 24/24 giờ. Trường cũng đã đầu tư hệ thống máy chủ để đảm bảo cho hoạt động công nghệ thông tin của Trường được thông suốt và đạt hiệu quả tốt nhất. Mọi viên chức, sinh viên đều được cấp account thư điện tử.

Ký túc xá Nhà Trường có 07 khối nhà (Nhà 1, 2, 3, 4, 11, 14 và dân số) với 448 phòng, đáp ứng nhu cầu của 2.893 sinh viên nội trú, trong đó Nhà 14 là dành riêng cho sinh viên Lào, Campuchia.

Để phục vụ các hoạt động thể thao, văn hóa nghệ thuật, Nhà Trường có 01 Hội trường tại Tầng B1, Toà nhà A2 với gần 1.000 chỗ, 01 Nhà văn hóa với diện tích 2.010,16 m² có sức chứa hơn 600 người; 01 phòng tưởng niệm; 01 phòng truyền thống; 02 sân tennis, 02 sân cầu lông, 01 sân thể thao với diện tích 5.060,34 m² và 01 sân bóng đá cỏ nhân tạo.

c. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

- Tổng diện tích: 10.440m²
- Số chỗ ngồi: 1.000
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 48
- Phần mềm quản lý thư viện: LIBon 6.0
- Thư viện điện tử: đang xây dựng
- Tổng số sách: 105.500 quyển (76.995 đầu sách)

d. Nhà Trung tâm Đào tạo

Năm 2017 Nhà trung tâm đào tạo Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã được đưa vào sử dụng và trở thành cơ sở vật chất kỹ thuật cho đào tạo và quản lý hiện đại bậc nhất trong các trường đại học của Việt Nam và trong топ hiện đại của khu vực. Nhà trung tâm đào tạo có 1 đơn nguyên 19 tầng, 1 đơn nguyên 13 tầng, được kết nối bởi 5 tầng thư viện và có tổng diện tích mặt sàn là 95.000m². Nhà trung tâm đào tạo có 146 phòng học, 08 hội trường với sức chứa 168 chỗ và 01 hội trường có sức chứa 1.000 chỗ. Với số phòng học này Nhà trường đã lên kế hoạch đầu tư thành các phòng học đa năng, phòng thực hành theo từng lĩnh vực, chuyên ngành đào tạo. Với hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, như trên, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân sẽ thực hiện được mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra một môi trường học tập hiện đại, thân thiện, hướng tới đạt chuẩn quốc tế cho sinh viên và học viên Nhà trường; cũng như tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp cho cán bộ công nhân viên Nhà trường.

e. Xưởng in và Nhà xuất bản

Ngày 24 tháng 12 năm 1961, Xưởng in Trường Kinh tế Tài chính Trung ương (tiền thân của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ngày nay) được thành lập nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng viên và sinh viên Nhà trường. Xưởng in được thành lập trên cơ sở hai bộ phận: bộ phận in Typô (trực thuộc Phòng Hành chính – Thiết bị) và bộ phận in Rônêô - đánh máy (thuộc Phòng Giáo vụ). Hiện nay, Xưởng in vẫn đang ngày càng phát huy được vai trò của mình trong việc hỗ trợ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường thông qua hoạt động in ấn giáo trình, Tạp chí Kinh tế và Phát triển và các tài liệu phục vụ công tác thi cử, tuyển sinh trong Nhà trường. Chất lượng in ấn tốt, gia công, chế bản đẹp, giá cả phải chăng.

Năm 2005, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân được thành lập trên cơ sở vật chất sẵn có của Xưởng in Nhà trường, với một Hội đồng Biên tập gồm 57 Giáo sư,

Phó giáo sư, Tiến sỹ và các nhà khoa học, quản lý của Trường. Từ đó, Nhà Trường đã hoàn toàn chủ động trong công tác xuất bản giáo trình, học liệu. Trong hơn 10 năm hoạt động, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân đã xuất bản hàng ngàn đầu sách giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo và sách dịch về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ công nhân viên, sinh viên, học viên trong Nhà trường cũng như các đối tượng bên ngoài. Ngày 16 tháng 11 năm 2011, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân đã chính thức số hóa và phát hành đợt đầu tiên 55 cuốn sách điện tử do Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân xuất bản tại địa chỉ Alezaa.com/ktqd. Theo đó, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã trở thành một trong những trường đại học đầu tiên tại Việt Nam có hệ thống sách điện tử phục vụ sinh viên bên cạnh sách giấy in truyền thống, góp phần cải thiện khả năng tiếp cận sách cho sinh viên với giá rẻ và nâng cao hình ảnh của một trường đại học hàng đầu cả nước. Bên cạnh đó, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân cũng rất tích cực tham gia các sự kiện tuyên truyền về sách - về văn hóa đọc, tham gia hội chợ sách và các triển lãm trong và ngoài nước.

f. Hệ thống giáo trình và tài liệu

Trong quá trình phát triển từ năm 1956 đến năm 1980, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã xây dựng và hoàn thiện được hệ thống giáo trình trong bối cảnh nền kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, nguồn nhân lực Nhà trường còn thiếu. Tính đến những năm đầu của thập kỷ 80, Nhà trường đã xây dựng được hệ thống giáo trình tương đối hoàn chỉnh cho gần 100 môn học, trong đó có 89 giáo trình được in Typô (không tính tài liệu tham khảo, bài tập) gồm 57.850 bản; 49 giáo trình in Rônêô gồm 29.500 bản; biên soạn 15 giáo trình cho Hệ tại chức; tổng số sách, báo, tạp chí đã có là 311.520 bản với 25.000 đầu sách.

Trong những giai đoạn phát triển tiếp theo của Nhà trường, hệ thống giáo trình của Trường không ngừng được đầu tư, cập nhật thường xuyên theo hướng tiếp thu những kiến thức mới, tăng cường tính hội nhập quốc tế và hướng tới đạt chuẩn quốc tế.

Ngày 17/11/2011, Trường đã tổ chức Lễ Công bố Bộ giáo trình trọng điểm của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bộ giáo trình trọng điểm là sản phẩm trí tuệ của tập thể sư phạm Nhà trường, đã được dày công chuẩn bị, biên tập công phu, kỹ lưỡng. Để có bộ giáo trình chất lượng tốt, hình thức đẹp, giá cả cạnh tranh, Trường đã huy động 135 giảng viên có nhiều kinh nghiệm, uy tín tham gia viết, biên soạn và chủ biên; mời 120 nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài trường tham gia vào 22 hội đồng thẩm định và đánh giá giáo trình. Song song với việc đầu tư gần 3 tỷ đồng cho công tác biên soạn, thẩm định, 1,5 tỷ đồng cho công tác in ấn, Trường đã thành lập tổ

công tác in ấn, phát hành giáo trình, kêu gọi 500 triệu đồng tài trợ từ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, Tổng công ty Dầu khí hoá chất. Ngày 27/11/2012, Lễ giới thiệu Bộ giáo trình trọng điểm đã được tổ chức long trọng tại Hội trường A, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kể từ thời điểm này, các giảng viên, sinh viên, học viên Nhà trường đã có một bộ giáo trình chuẩn, một bộ công cụ đặc lực phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu các môn học cốt lõi của tất cả các ngành trong trường. Bên cạnh đó, hệ thống giáo trình học liệu của Nhà trường cũng được biết đến và sử dụng rộng rãi trong phạm vi toàn quốc.

Bảng 4. Giáo trình học liệu của Trường

TT	Phân loại	Số lượng (đầu giáo)
1	Giáo trình học liệu chuẩn	77
2	Giáo trình và sách tham khảo đang phát hành và mới xuất bản	146
3	Giáo trình điện tử	51

Bảng 5. Danh sách giáo trình học liệu chuẩn

TT	Tên học liệu	Chủ biên	Năm XB
1	Hệ Thống thông tin quản lý	TS Trần Thị Song Minh	2013
2	Kinh tế công cộng	TS Vũ Cương; ^[1] PGS.TS Phạm Văn Vận	2013
3	Kinh tế đầu tư	PGS.TS Từ Quang Phương; PGS.TS Phạm Văn Hùng	2013
4	Kinh tế học (tập 1)	PGS.TS Vũ Kim Dũng; PGS.TS Nguyễn Văn Công	2013
5	Kinh tế học (tập 2)	PGS.TS Vũ Kim Dũng; PGS.TS Nguyễn Văn Công	2013
6	Kinh tế lượng	GS.TS Nguyễn Quang Đông; TS Nguyễn Thị Minh	2013
7	Kinh tế nguồn nhân lực	PGS.TS Trần Xuân Cầu	2013
8	Kinh tế Phát triển	PGS.TS Ngô Thắng Lợi	2013
9	Kinh tế quốc tế	PGS.TS Ngô Thị Tuyết Mai; GS.TS Đỗ Đức Bình	2013
10	Kinh tế thương mại	GS.TS Hoàng Đức Thân; GS.TS Đặng Đình Đào	2013
11	Lịch sử kinh tế	TS Phạm Huy Vinh; ^[1]	2013

TT	Tên học liệu	Chủ biên	Năm XB
		TS Trần Khánh Hưng; GS.TS Nguyễn Trí Đình	
12	Lý thuyết thống kê	PGS.TS Trần Thị Kim Thu	2013
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	PGS.TS Nguyễn Cao Văn	2013
14	Marketing căn bản	GS.TS Trần Minh Đạo	2013
15	Quản lý học	PGS.TS Nguyễn Thị Ngọc Huyền PGS.TS Đoàn Thị Thu Hà; ^[1] TS. Đỗ Thị Hải Hà	2013
16	Quản trị chiến lược	PGS.TS Ngô Kim Thanh	2013
17	Quản trị Marketing	PGS.TS Trương Đình Chiến	2013
18	Thống kê kinh tế	GS.TS Phan Công Nghĩa; PGS.TS Bùi Đức Triệu	2013
19	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thúy	2013
20	Xã hội học	ThS Lương Văn Úc	2013
21	Ngân hàng thương mại	GS.TS Nguyễn Văn Nam; PGS.TS Phan Thị Thu Hà	2013
22	Quản trị kinh doanh (tập 1)	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	2013
23	Quản trị kinh doanh (tập 2)	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	2014
24	Quản trị kinh doanh khách sạn	PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh; TS Hoàng Thị Lan Hương	2014
25	Luật thương mại quốc tế	PGS.TS Trần Văn Nam	2014
26	Đánh giá giá trị doanh nghiệp	TS Nguyễn Ngọc Quang	2014
27	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	PGS.TS Hoàng Đình Tuấn; ThS Bùi Dương Hải	2014
28	Thống kê thực hành	PGS.TS Ngô Văn Thứ	2014
29	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và QTKD	PGS. TS Nguyễn Văn Thắng	2015
30	Ứng dụng một số lý thuyết đương đại trong nghiên cứu Quản trị kinh doanh	PGS. TS Nguyễn Văn Thắng	2015
31	Một số lý thuyết Kinh tế trong nghiên cứu và ứng dụng	GS. TS Trần Thọ Đạt; PGS.TS Lê Quang Cảnh	2015
32	Phương pháp điều tra khảo sát:	PGS.TS Nguyễn Thị Tuyết Mai;	2015

TT	Tên học liệu	Chủ biên	Năm XB
	Nguyên lý và thực tiễn	TS Nguyễn Vũ Hùng	
33	Quan hệ lao động	PGS.TS Vũ Hoàng Ngân	2016
34	Khởi sự kinh doanh	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền; TS Ngô Thị Việt Nga	2016
35	Hội nhập kinh tế quốc tế	PGS.TS Ngô Thị Tuyết Mai; PGS.TS Nguyễn Như Bình	2016
36	Truyền thông Marketing tích hợp	PGS.TS Trương Đình Chiến; NCS Cao Tiên Cường	2016
37	Kinh doanh quốc tế	TS Tạ Văn Lợi; ^[1] TS Nguyễn Anh Minh PGS.TS Nguyễn Thị Hường	2016
38	Quản trị doanh nghiệp thương mại	PGS.TS Nguyễn Thừa Lộc; TS Trần Văn Bảo	2016
39	Tổ chức và định mức lao động	PGS.TS Vũ Thị Mai; TS Vũ Thị Uyên	2016
40	Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS Vũ Duy Hào; ThS Trần Minh Tuấn	2016
41	Kế toán Ngân hàng (bài giảng)	TS Trương Thị Hoài Linh; TS Lê Việt Thủy	2017
42	Phân tích và đầu tư chứng khoán	PGS.TS Trần Đăng Khâm; PGS.TS Nguyễn Minh Huệ	2017
43	Dân số và phát triển với nhà quản lý	PGS.TS Nguyễn Nam Phương; TS Ngô Quỳnh An	2017
44	Quản trị rủi ro (bài giảng)	PGS.TS Phan Thị Thu Hà; TS Lê Thanh Tâm; ^[1] TS Hoàng Đức Mạnh	2017
45	Hành vi tổ chức	PGS. TS Phạm Thúy Hương ; TS Phạm Thị Bích Ngọc	2017
46	Lý thuyết tài chính tiền tệ	TS Cao Thị Ý Nhi; TS Đặng Anh Tuấn	2017
47	Lịch sử các học thuyết kinh tế	PGS.TS Trần Việt Tiến	2017
48	Đại cương về nhà nước và pháp luật	TS Nguyễn Thị Huệ	2017
49	Quản lý tài sản công	PGS.TS Nguyễn Thị Bát;	2017

TT	Tên học liệu	Chủ biên	Năm XB
		PGS.TS Nguyễn Văn Xa	
50	Dân số, tài nguyên và môi trường trong phát triển bền vững	PGS.TS Nguyễn Nam Phương	2017
51	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	TS Đặng Minh Quân	2017
52	Phân tích báo cáo tài chính	GS.TS Nguyễn Văn Công	2017
53	Hệ thống câu hỏi và bài tập kế toán quản trị	PGS.TS Lê Kim Ngọc	2017
54	Kỹ thuật số	ThS Cao Thị Thu Hương	2018
55	Bài tập kinh tế vi mô 2	PGS.TS Tô Trung Thành	2018
56	Lý thuyết kiểm toán	GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh; PGS.TS Nguyễn Phương Hoa	2018
57	Thống kê doanh nghiệp	PGS.TS Nguyễn Công Nhựt	2018
58	Thương mại quốc tế	GS.TS Hoàng Đức Thân; PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn	2018
59	Chiến lược kinh doanh toàn cầu	TS Nguyễn Anh Minh	2018
60	Tin học ứng dụng	PGS.TS Trần Thị Song Minh	2018
61	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	PGS.TS Hàn Viết Thuận	2018
62	Quản trị bán hàng	TS Vũ Minh Đức; PGS.TS Vũ Huy Thông	2018
63	Marketing dịch vụ	TS Phạm Thị Huyền; TS Nguyễn Hoài Long	2018
64	Quản trị tác nghiệp	TS Trương Đức Lực; TS Nguyễn Đình Trung; PGS.TS Nguyễn Thành Hiếu	2018
65	Luật môi trường	PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Thủy	2018
66	Tiếng Anh ngành TC-NH	TS Đỗ Hoài Linh; ThS Lê Phong Châu	2018
67	Thị trường bất động sản	PGS.TS Hoàng Văn Cường	2018
68	Toán rời rạc	TS Tống Thành Trung	2018
69	Quan hệ công chúng	NCS Nguyễn Đình Toàn	2018
70	Luật sở hữu trí tuệ	PGS.TS Trần Văn Nam; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2018

TT	Tên học liệu	Chủ biên	Năm XB
71	Thống kê trong nghiên cứu thị trường	PGS.TS Trần Thị Kim Thu ThS Đỗ Văn Huân	2018
72	Đầu thầu	TS Đinh Đào Ánh Thủy	2018
73	Quản lý dự án	PGS.TS Từ Quang Phương	2018
74	Tiếng Anh ngành Thống kê kinh tế	ThS Trần Thị Thu Giang; TS Nguyễn Minh Thu	2018
75	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp bảo hiểm	TS Nguyễn Thị Hải Đường TS Nguyễn Thị Chính	2018
76	Nghiệp vụ ngoại thương	PGS.TS Tạ Văn Lợi	2018
77	Kiểm soát	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	2018

Khoa BDS và KTTN hiện cũng có lượng sách, tài liệu quý giá gồm hơn 20 đầu sách, hơn 10 loại tạp chí trong đó có một lượng đáng kể sách và tài liệu tham khảo ngoại văn (chủ yếu bằng tiếng Anh) phục vụ cho hoạt động học tập và giảng dạy. Ngoài những tài liệu do giảng viên cung cấp, tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy chương trình đại học Kinh doanh Nông nghiệp được liệt kê trong **Phụ lục số 2**.

3.3. Hoạt động nghiên cứu và hợp tác quốc tế

- Hoạt động nghiên cứu

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có vai trò quan trọng trên cả nước về đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Nhiều đề tài khoa học có tính thực tiễn cao, ứng dụng hiệu quả do Trường thực hiện đã góp phần vào sự phát triển của nền kinh tế cả nước. Đến thời điểm năm 2020, Trường đã đóng góp nhiều đề tài nghiên cứu ở cấp Bộ, cấp trường về lĩnh vực Kinh tế, quản trị kinh doanh và quản lý. Các đề tài này nghiên cứu những vấn đề kinh tế, quản lý có liên quan đến lĩnh vực Kinh tế và Kinh doanh Nông nghiệp, trong điều kiện biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế. Bên cạnh việc tham gia nghiên cứu khoa học, các giảng viên của Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên cũng tham gia biên soạn nhiều giáo trình, sách tham khảo chuyên khảo cũng như chú trọng đăng tải các bài báo khoa học trong và ngoài nước.

Trường Đại học Kinh tế quốc dân là địa chỉ tin cậy của Đảng và Nhà nước trong nghiên cứu các vấn đề lý luận mới về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, con đường công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và những vấn đề khác về đường lối, chính sách phát triển kinh

tế – xã hội của đất nước. Trong bối cảnh thực hiện cơ chế tự chủ, với sự nỗ lực cố gắng của các nhà khoa học trong Nhà trường, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã giữ vững vai trò hàng đầu của khối các trường đại học có đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Quan hệ đối tác chiến lược với Ban Kinh tế trung ương, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Hội đồng lý luận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan quản lý nhà nước luôn được tăng cường và củng cố. Nhiều đề tài các cấp đã đi vào những lĩnh vực mới, giải quyết những vấn đề quan trọng của đất nước, tiếp tục khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân trong xã hội. Chất lượng và số lượng các đề tài, công trình nghiên cứu các cấp của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân trong thời gian qua có những bước tiến bộ rất đáng khích lệ. Nhà trường đã động viên, tạo điều kiện đi đôi với nâng mức yêu cầu về định mức giờ nghiên cứu khoa học đối với đội ngũ cán bộ giảng viên. Mục tiêu trở thành đại học định hướng nghiên cứu đang được hiện thực hóa từng bước vững chắc.

Bảng 8: Danh mục các Chương trình, đề tài cấp Nhà nước do Trường chủ trì:

TT	Tên đề tài, dự án cấp Nhà nước	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
I	Đề tài độc lập cấp Nhà nước 2010-2015		
1	Mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thời kỳ hậu khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu.	2009-2011	Xuất sắc
2	ĐTĐL.2010T/33: Phát triển các dịch vụ logistics ở nước ta trong điều kiện hội nhập quốc tế.	2009-2011	Xuất sắc
3	ĐTĐL.2010T/34: Nghiên cứu mô hình tập đoàn kinh tế Nhà nước của Việt Nam đến năm 2020.	2009-2011	Tốt
4	Nghiên cứu đề xuất chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước của các ngành sản xuất công nghiệp chủ yếu Việt Nam đến 2020	2013-2014	Tốt
	Đề tài độc lập cấp Nhà nước 2015-2020		
5	ĐTĐL.XH.08/15: Mô hình tăng trưởng hài hòa ở Việt Nam tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp	12/2015-6/2018	Đã hoàn thành
6	ĐTĐL.XH.09/15: Hoàn thiện thể chế cho phát triển thị trường tài chính của Việt Nam minh bạch, hiệu quả và bền vững giai đoạn 2016 – 2020	12/2015-8/2017	Đã hoàn thành
7	ĐTĐL.CN-16/15: Định hướng chiến lược phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn	5/2015-5/2017	Đã hoàn thành

TT	Tên đề tài, dự án cấp Nhà nước	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
	2030		
II	Đề tài thuộc các chương trình cấp Nhà nước giai đoạn 2011- 2015:		
II.1	<i>Chương trình KX. 01/11-15: Nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế và quản lý kinh tế ở Việt Nam đến năm 2020</i>		
8	KX.01.08/11-15: Phát triển cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.	10/2012- 10/2014	Đã hoàn thành
9	KX.01.12/11-15: Tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới	5/2013- 4/2015	Đã hoàn thành
10	KX.01.15/11-15: An ninh tài chính - tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	1/2014- 12/2015	Đã hoàn thành
11	KX.01.16/11-15: Chiến lược đô thị hoá gắn với phát triển bền vững	1/2014- 12/2015	Đã hoàn thành
II.2	<i>Chương trình KX.04/11-15: Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2011- 2015</i>		
12	KX.04.07/11-15: Phát triển đất nước thành nước công nghiệp, hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa	11/2012- 09/2015	Đã hoàn thành
13	KX.04.12/11-15: Phát triển bền vững ở Việt Nam, trong bối cảnh mới của toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu	10/2012- 9/2015	Đã hoàn thành
III	Đề tài thuộc các chương trình KHCN trọng điểm cấp Quốc gia giai đoạn 2016- 2020		
III.1	<i>Chương trình KX.01/16-20: “Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế xã hội”</i>		
1	KX.01.02/16-20: Nghiên cứu và đề xuất giải pháp kiểm soát chuyển giá đối với doanh nghiệp ở Việt Nam	11/2016- 10/2018	Đã hoàn thành
2	KX.01.03/16-20: Các rào cản về thể chế kinh tế đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới và giải pháp khắc phục.	11/2016- 10/2018	Đã hoàn thành
3	KX.01.13/16-20: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản	06/2017- 05/2019	Đang triển khai
4	KX.01.18/16-20: Các rào cản tài chính, tiền tệ đối với sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam: thực trạng, những	06/2017- 05/2019	Đang triển khai

TT	Tên đề tài, dự án cấp Nhà nước	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
	vấn đề đặt ra và giải pháp khắc phục.		
5	KX.01.24/16-20: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết nối kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản	06/2017- 11/2019	Đang triển khai
III.2	<i>Chương trình KX.04/16-20: “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020”</i>		
6	KX.04.13/16-20: Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại	1/2017- 12/2019	Đang triển khai
7	KX.04.17/16-20: Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, vấn đề và định hướng chính sách.	1/2017- 12/2019	Đang triển khai
III.3	<i>Chương trình KHCVN-TB/13-18: “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc”</i>		
8	KHCVN-TB.22X/13-18: Nghiên cứu chính sách, giải pháp và xây dựng mô hình liên kết vùng, tiểu vùng trong phát triển du lịch ở vùng Tây Bắc	9/2016- 8/2018	Đã hoàn thành
III.4	<i>Chương trình KHCVN: “Khoa học và Công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020”</i>		
9	Nghiên cứu ứng dụng mô hình phát triển kinh tế ứng phó với xâm nhập mặn ở vùng ĐBSCL: Thí điểm tại một huyện điển hình	12/2016- 11/2019	Đang triển khai
III.5	<i>Chương trình CTDT/16-20: “Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”.</i>		
10	Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số trong thời kỳ đổi mới	7/2017- 12/2019	Đang triển khai
11	Đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc từ Đổi mới đến nay	7/2017- 12/2019	Đang triển khai
III.6	<i>Chương trình KHGD/16-20: “Nghiên cứu phát triển khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”</i>		
12	Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học: một số kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam	7/2017- 12/2019	Đang triển khai

TT	Tên đề tài, dự án cấp Nhà nước	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
IV	Nhiệm vụ cấp Bộ và hợp đồng với bên ngoài:		
1	Đề tài/nhiệm vụ trọng điểm cấp Bộ: 30	2010-2016	100% khá và tốt
2	Đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ: 50	2011-2016	100% triển khai và nghiệm thu đúng thời hạn
3	Đề tài dự án, hợp đồng với bên ngoài (các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố và các doanh nghiệp,..): 35	2011-2016	100% triển khai và nghiệm thu đúng thời hạn
4	Dự án nâng cao chất lượng tạp chí: Nâng cấp Tạp chí Kinh tế và Phát triển - Journal of Economics & Development (JED) - đạt tiêu chuẩn quốc tế	1/2012-12/2015	Đã hoàn thành
5	Nhiệm vụ hợp tác song phương cấp Bộ: Xây dựng và phát triển hệ thống Logistics theo hướng bền vững - kinh nghiệm của Đức và bài học đối với Việt Nam	1/2012-12/2014	Đã hoàn thành
V	Đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển KHCN quốc gia tài trợ kinh phí		
1	II6.2-2010.07 (03-Kinh tế học): Nhân khẩu học, tăng trưởng bền vững và chiến lược cho chính sách an sinh xã hội Việt Nam trong giai đoạn 2010-2020	1/2011-12/2012	Đã hoàn thành
2	13.3-2010.08 (05-xã hội học): Nghiên cứu tách biệt xã hội về kinh tế và các giải pháp giảm tách biệt xã hội đối với nông dân Việt Nam	1/2011-12/2012	Đã hoàn thành
3	II4.3-2011.16 (08/2012/II/HĐXH): Những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng nội của người Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa - nghiên cứu nhóm hàng thực phẩm dành cho trẻ em	1/2012-12/2013	Đã hoàn thành
4	II4.2-2011.13 (05/2012/II/HĐXH): Đầu tư nước ngoài vào bất động sản và bất ổn kinh tế vĩ mô: Khung khổ lý	1/2012-12/2013	Đã hoàn thành

TT	Tên đề tài, dự án cấp Nhà nước	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
	thuyết và áp dụng vào thực tiễn ở Việt Nam		
5	II6.2-2012.01: Tích tụ dân số, tăng trưởng bền vững và các vấn đề phát triển ở vùng công nghiệp hóa nhanh: Trường hợp các tỉnh Đông Nam Bộ	6/2013-5/2014	Đã hoàn thành
6	II5.2-2012.03: Nghiên cứu quản trị của tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam	6/2013-5/2014	Đã hoàn thành
7	II4.1-2012.04: Nghiên cứu tổng quát về nhập siêu tại Việt Nam và khuyến nghị chính sách nhằm đạt cân bằng cán cân thương mại bền vững vào năm 2020	6/2013-5/2014	Đã hoàn thành
8	II2.3-2012.05: Hành vi thiết lập giá của các doanh nghiệp và hiệu ứng lan truyền của chính sách tiền tệ	6/2013-5/2014	Đã hoàn thành
9	II5.1-2012.06: Tiền đề và kết quả của quản trị chuỗi cung ứng các ngành xuất khẩu trọng điểm của Việt Nam-So sánh với một số nước tham gia hiệp định TPP	6/2013-5/2014	Đã hoàn thành
10	II4.5-2012.10: Nâng cao năng lực sáng tạo của các doanh nghiệp Việt Nam - nghiên cứu điển hình hai nhóm ngành: dệt may/da giày/thủy sản và công nghệ thông tin/điện tử/ viễn thông	6/2013-5/2014	Đã hoàn thành
11	12.2-2012.18: Hội tụ năng suất, hiệu quả và hội tụ thu nhập theo vùng: Lý thuyết và thực nghiệm.	6/2013-5/2014	Đã hoàn thành
12	II4.5-2012.20: Vai trò của doanh nghiệp trong thúc đẩy tăng trưởng, giảm nghèo và nâng cao phúc lợi hộ gia đình ở Việt Nam	6/2013-5/2014	Đã hoàn thành
V	<i>Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư với nước ngoài</i>		
	NĐT với Hungari: Nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường ở Hungary và những bài học có thể ứng dụng cho Việt Nam		
	NĐT với Thái Lan: Nghiên cứu, ứng dụng cách tiếp cận Foresight trong xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực giảng dạy công nghệ thông tin của Việt Nam giai đoạn 2011-2020.		
	NĐT với Hàn Quốc: Chính sách xã hội đối với di dân nông thôn - thành thị: Kinh nghiệm Hàn Quốc và vận		

TT	Tên đề tài, dự án cấp Nhà nước	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
	dụng cho Việt Nam.		
	NĐT với Cộng hòa Pháp: “Nghiên cứu dân số với phát triển bền vững ở Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ 21 (các khía cạnh dân số - kinh tế, xã hội, môi trường) trên cơ sở vận dụng kinh nghiệm của Pháp và một số quốc gia đang phát triển”.		

- Hợp tác quốc tế

Năm 2005, đánh dấu một mốc mới trong công tác hợp tác quốc tế, khi nhà trường thành công trong việc ký kết và triển khai chương trình liên kết đào tạo ở bậc đại học với các trường đại học của Vương quốc Anh. Lần đầu tiên, một trường đại học của Vương quốc Anh đồng ý liên kết với trường đại học Việt Nam đưa chương trình đào tạo đại học cấp bằng của Vương quốc Anh tại Việt Nam, mở ra con đường “du học tại chỗ” cho sinh viên Việt Nam. Đây chính là con đường ngắn nhất và hiệu quả nhất để trường đại học Việt Nam nói chung và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tiến tới hội nhập quốc tế. Đến năm 2019, Trường đã triển khai 20 chương trình đào tạo liên kết nước ngoài ở các bậc đào tạo. Nhà trường cũng phát triển chuyển giao đào tạo của Việt Nam sang CHDCND Lào và ngày càng mở rộng quy mô đào tạo lưu học sinh dài hạn. Bên cạnh các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo, các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và trao đổi học thuật trên nhiều lĩnh vực khoa học cũng được xúc tiến mạnh mẽ và thường xuyên qua việc tổ chức seminar, bài giảng, hội nghị, hội thảo quốc tế và các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên. Nhiều chương trình hợp tác dài hạn, các dự án nghiên cứu theo nghị định thư, các dự án tài trợ nghiên cứu và tài trợ trao đổi học thuật được thực hiện khai thác tối đa năng lực học tập và nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên trong trường.

Ngoài ra, rất nhiều hoạt động ngoại giao của Nhà trường đã ghi dấu ấn đối với xã hội như các sự kiện trao bằng tiến sĩ danh dự cho nhiều chính khách như Ngài José Manuel Durão Barroso - Chủ tịch Ủy ban châu Âu, Phó thủ tướng CHLB Đức Philipp Rosler, Chủ tịch nước CHDCND Lào Choummaly Sayasone, Quốc vụ khanh phụ trách hợp tác phát triển CHLB Đức Jurgen Koppelin, v.v... Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ghi nhận sự đóng góp của các chuyên gia, giáo sư quốc tế đối với sự phát triển của nhà trường nói riêng và đối với sự nghiệp giáo dục của Việt Nam nói chung qua việc trao tặng Huân chương “Vì sự nghiệp giáo dục” cho 24 Giáo sư nước ngoài trong năm 2011.

Các Chương trình/Dự án hợp tác quốc tế quan trọng với Nhà trường

- Dự án “Hỗ trợ Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường” do Quỹ Ford (Mỹ) tài trợ, đã tổ chức được 4 khóa bồi dưỡng về kinh tế thị trường cho gần 200 học viên chủ yếu là cán bộ giáo viên của trường.

- Dự án đào tạo Pháp - Việt (1992-nay) ký kết giữa Bộ Ngoại giao Pháp và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân 1600 thạc sỹ, tiến sỹ.

- Dự án “Hỗ trợ phát triển một trung tâm đào tạo quản lý hiện đại tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân” do Sida (Thụy Điển) tài trợ, đã tổ chức 04 khóa đào tạo Thạc sỹ Quản trị kinh doanh theo chương trình của Đại học Tổng hợp Boise cho 120 học viên.

- Dự án đào tạo Thạc sỹ Kinh tế Phát triển (1994 - nay), Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phối hợp với Viện ISS của Hà Lan phối hợp đào tạo cấp bằng thạc sỹ về kinh tế thị trường đầu tiên ở Việt Nam do Chính phủ Hà Lan tài trợ. Tính đến năm 2016 đã đào tạo được 600 học viên.

- Dự án “Hỗ trợ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân xây dựng và phát triển đào tạo Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính theo phương thức từ xa” do Sida (Thụy Điển) tài trợ (1998-2003), đã tổ chức được 2 khóa trong đó Trường Đại học Kinh tế Quốc dân tổ chức quản lý lớp học, Trường SOAS thuộc Đại học Tổng hợp Luân Đôn (Vương quốc Anh) chịu trách nhiệm về nội dung và phương pháp giảng dạy.

- Dự án VIE-92-04 “Tăng cường năng lực Trung tâm Dân số Trường Đại học Kinh tế Quốc dân”.

- Chương trình đào tạo Cao học Quản trị kinh doanh Việt-Bỉ (1996-nay) phối hợp với Trường Kinh tế và Quản lý Solvay Brussels (SBS-EM) - Đại học Tổng hợp Tự do Bruxelles (ULB), Vương quốc Bỉ.

- Dự án tăng cường năng lực đào tạo và nghiên cứu phát triển bền vững của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2000-2002), USAID (Hoa Kỳ tài trợ), đào tạo 12 học viên theo chương trình Thạc sỹ Nghiên cứu của Đại học Tổng hợp Macquarie, Úc.

- Chương trình liên kết đào tạo MBA với Đại học Tổng hợp Bang Washington, Hoa Kỳ tuyển sinh 5 khóa song song tại cả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2000-2005, đào tạo khoảng 140 thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

- Chương trình Cử nhân quốc tế, liên kết đào tạo với các trường/tổ chức đào tạo của Singaporre và Vương quốc Anh. Là chương trình đào tạo mang tính đột phá khi

lần đầu tiên có trường đại học của Vương quốc Anh đồng ý liên kết với đối tác Việt Nam cung cấp chương trình và cấp bằng cho sinh viên học tập hoàn toàn tại Việt Nam. Chương trình đến nay đã tuyển sinh đến khóa 12 và đã có khoảng 1000 sinh viên tốt nghiệp được đánh giá cao trên thị trường lao động.

- Dự án “Phát triển doanh nhân Việt Nam” do Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada (CIDA) tài trợ (2009-2014), phối hợp với Trường Đại học Tổng hợp Saint Mary’s thực hiện 29 khóa đào tạo ngắn hạn cho 527 học viên, tăng cường năng lực về đào tạo kinh doanh, phát triển tinh thần doanh nhân và đầu tư trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

- Dự án “Trao đổi học thuật và chuyên giao tri thức quốc tế” - IMPAKT, Erasmus Mundus (2014-2018) do Ủy ban châu Âu tài trợ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là điều phối viên khu vực châu Á, cấp kinh phí cho 215 suất học bổng lưu động giữa châu Âu và châu Á.

- Ngày 4 tháng 4 năm 2016, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Đại học tổng hợp Boise ký thỏa thuận công nhận tín chỉ của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyển tiếp từ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân sang học tại trường Boise, Hoa Kỳ, đánh dấu bước hợp tác bình đẳng của nhà trường với các trường đối tác nước ngoài.

PHẦN 4: CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định /QĐ-ĐHKTQĐ ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO /LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN KINH DOANH NÔNG NGHIỆP/BACHELOR OF AGRICULTURAL BUSINESS ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	KINH DOANH NÔNG NGHIỆP
MÃ NGÀNH/CODE:	52620114
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO /TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO /LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

4.1. Mục tiêu

4.1.1. Mục tiêu chung:

Cử nhân Kinh doanh Nông nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp cần thiết, được trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính, marketing và kiến thức chuyên sâu về quản lý sản xuất, nhân sự, marketing và tài chính để giải quyết các tình huống cụ thể trong các cơ sở sản xuất Kinh doanh nông nghiệp. Được trang bị những kiến thức hiện đại liên quan đến sản xuất và phân phối đầu vào Nông nghiệp, quá trình sản xuất chế biến tiêu thụ các hàng hóa nông sản và các sản phẩm liên quan. Được cung cấp kiến thức về các nguyên lý cơ bản của kinh doanh; môi trường kinh doanh và đặc thù của kinh doanh nông nghiệp; mối liên hệ giữa các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp; ứng dụng các nguyên lý kinh tế và quản trị kinh doanh vào các hoạt động thực tiễn trong kinh doanh nông nghiệp; thể hiện được hiểu biết về công nghệ trong sản xuất nông nghiệp và hoạt động chế biến nông sản.

4.1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư... với chức danh như chuyên viên kinh doanh, chuyên viên nghiên cứu, phân tích và đánh giá thị trường và chuỗi giá trị nông sản, chuyên viên phát triển thị trường nông sản, nhà quản trị kinh doanh nông nghiệp v.v. . Các cơ quan nghiên cứu khoa học và các đơn vị đào tạo có liên quan đến nông nghiệp. Tự khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp (Start up).

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp sau khi tích lũy kinh nghiệm có khả năng trở thành giám đốc kinh doanh, trưởng các bộ phận chức năng kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, phụ trách trung tâm kinh doanh và xúc tiến sản phẩm nông sản tại cơ quan quản lý nhà nước v.v.

Cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp nếu tiếp tục con đường học thuật, nghiên cứu và được đào tạo ở trình độ sau đại học: có khả năng học tập nâng cao trình độ và nghiên cứu khoa học độc lập bậc sau đại học về chuyên ngành: KDNN; Quản trị kinh doanh; Kinh tế nông nghiệp; Quản trị ngân hàng; Quản trị tài chính; Chính sách công...có thể trở thành giảng viên về kinh doanh nông nghiệp, cán bộ nghiên cứu của cơ sở đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.2. Chuẩn đầu ra

4.2.1. Kiến thức:

- **Nhóm kiến thức về cơ sở lý luận chính trị, khoa học xã hội- tự nhiên và an ninh, quốc phòng:** Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn. Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản lý vào giải thích và phân tích các vấn đề về kinh tế cơ bản của nền kinh tế. Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.

- *Nhóm kiến thức về cơ sở lĩnh vực và ngành:* Vận dụng được kiến thức về nguyên lý kế toán, thống kê, marketing, pháp luật và công nghệ trong phân tích các hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Hiểu một cách hệ thống đồng bộ các lý thuyết quản trị kinh doanh trong nông nghiệp, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Phân tích được mối quan hệ của các điều kiện nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, bối cảnh môi trường kinh tế - xã hội, dân số - lao động, kinh tế quốc tế và hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế có ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh nông nghiệp.

- *Nhóm kiến thức chuyên sâu ngành:* Vận dụng các lý thuyết và mô hình kinh doanh được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh nông nghiệp. Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức/ doanh nghiệp nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.

4.2.2. Kỹ năng

- *Nhóm kỹ năng thực hành nghề nghiệp:* Có khả năng sử dụng công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế và kinh doanh, sử dụng được các phần mềm hiện đại chuyên dùng trong phân tích kinh tế và kinh doanh ... hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và kinh doanh. Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.

- *Kỹ năng cá nhân:* Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn. Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn (chứng chỉ tin học quốc tế IC3, chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5).

4.2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp chuyên sâu của mình. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

Bảng 4.1. Mã hóa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và thang đo năng lực

STT	MÃ	Chuẩn đầu ra	Mức độ
I		KIẾN THỨC	
1.	PLO1	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn.	3/6
2.	PLO2	Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản lý học vào giải thích và phân tích các vấn đề về kinh tế cơ bản của nền kinh tế.	3/6
3.	PLO3	Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.	3/6
4.	PLO4	Vận dụng được kiến thức về nguyên lý kế toán, thống kê, marketing, pháp luật và công nghệ trong phân tích các hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	3/6
5.	PLO5	Hiểu một cách hệ thống đồng bộ các lý thuyết quản trị kinh doanh trong nông nghiệp, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	4/6
6.	PLO6	Phân tích được mối quan hệ của các điều kiện nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, bối cảnh môi trường kinh tế - xã hội, dân số - lao động, kinh tế quốc tế và hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế có ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	3/6
7.	PLO7	Vận dụng các lý thuyết và mô hình kinh doanh được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	4/6
8.	PLO8	Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức/ doanh nghiệp nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.	4/6
II		KỸ NĂNG	
9	PLO9	Có khả năng sử dụng công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế và kinh doanh, sử dụng được các phần mềm hiện đại chuyên dùng trong phân tích kinh tế và kinh doanh ... hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và kinh doanh.	4/5
10	PLO10	Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	4/5

STT	MÃ	Chuẩn đầu ra	Mức độ
11	PLO11	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	3/5
12	PLO12	Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn (CĐR áp dụng tại Trường ĐHKQTĐ với tin học là chứng chỉ tin học quốc tế IC3, ngoại ngữ là chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5).	4/5
III		NĂNG LỰC TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	
13	PLO13	Cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc	4/5
14	PLO14	Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp chuyên sâu của mình.	3/5
15	PLO15	Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn	3/5

**Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5).*

4.2.4. Về ngoại ngữ và tin học

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

4.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

128 tín chỉ

4.4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

4.6. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

4.7. Cấu trúc của chương trình đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp

4.7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 4.2. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần bắt buộc của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần bắt buộc của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	84	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	05 học phần bắt buộc của nhóm ngành
2.2. Kiến thức ngành	41	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	26	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Chuyên đề thực tập	10	
TỔNG SỐ	128	Không kể GDQP&AN và GDTC

4.7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến cho 08 kỳ, mỗi kỳ 12-

18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 4.3. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác – Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
6	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
7	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
8	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
9	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
	1.3. Các học phần của ngành			12		
10	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	III	
11	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	
12	3	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	TMQT1132	3	III	
13	4	Kinh tế nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	TNKT1109	3	IV	KHMI1101

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			84		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			15		
14	1	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
15	2	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3	III	
16	3	Pháp luật kinh doanh Business Law	LUKD1118	3	IV	
17	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	
18	5	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	IV	
	2.2. Kiến thức ngành			41		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			26		
19	1	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	TNKT	3	V	KHMI1101
20	2	Kinh doanh nông nghiệp II Business Agricultural II	TNKT	3	VI	
21	3	Quản trị chuỗi cung ứng nông sản Agribusiness Supply Chain Management	TNKT	3	V	KHMI1101
22	4	Marketing nông nghiệp Agricultural Marketing	MKMA1158	3	V	KHMI1101
23	5	Công nghệ nông nghiệp I Agricultural Technology I	TNKT	3	IV	KHMI1101
24	6	Công nghệ nông nghiệp II Agricultural Technology II	TNKT	3	IV	TNKT
25	7	Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh Nông nghiệp Ethics and Responsibility in Agricultural Business	TNKT	3	IV	KHMI1101
26	8	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Rural and agricultural policy analysis	TNKT1116	3	V	
27	9	Đề án môn học ngành Kinh doanh nông nghiệp Essay on Agricultural Business	TNKT	2	VI	KHMI1101
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			15		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
28 29 30 31 32	1	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3	IV	
	2	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3		
	3	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3		
	4	Marketing công nghệ số Digital Marketing	MKBH1116	3		
	5	Kinh tế tài nguyên Natural Resources Economics	TNTN1145	3	IV	
	6	Kinh tế học biến đổi khí hậu Climate Change Economics	MTKH1103	3		
	7	Quản lý Nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	TNDC1130	3	V	
	8	Kinh doanh Logistics Logistics Business	TMKT1121	3		
	9	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1134	3	V	
	10	Kế hoạch kinh doanh Business Planning	PTKT1109	3		
33 34 35 36 37 38	2.3	Kiến thức chuyên sâu (SV chọn 6 học phần trong tổ hợp)		18		
	1	Thị trường nông sản thế giới International trade on agricultural product	TNKT1128	3	V	KHMI1101
	2	Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD1109	3		
	3	Quản trị thương hiệu Brand management	MKTT1114	3	VI	
	4	Du lịch sinh thái Ecotourism	DLLH1130	3		
	5	Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp AgriBusiness Entrepreneurship	TNKT	3		
	6	Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Investment Project	TNKT	3	VII VII	KHMI1101
	7	Quản trị kinh tế hộ và trang trại Household Economics and Farm Management	TNKT	3		KHMI1101
	8	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3		KHMI1101
	9	Quy hoạch phát triển nông thôn Rural Development Planning	TNKT1127	3		KHMI1101
10	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM1114	3			

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh doanh nông nghiệp)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	11	Tiếng anh ngành nông nghiệp English for Agricultural	TNKT	3		KHMI1101
	12	Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	TNKT	3	VI	KHMI1101
39	2.4	<i>Chuyên đề thực tập (Internship Programme)</i>	TNKT	10	VIII	

4.8. Hướng dẫn thực hiện

➤ Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè), phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với thời gian thiết kế hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/ Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

➤

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo

PGS.TS Phạm Hồng Chương

4.9. Mô tả các học phần

Bảng 4.4. Mô tả nội dung các học phần trong chương trình đào tạo

Stt	Học phần	Mô tả học phần
1	Triết học Mác - Lê Nin/ Marxist-Leninist Philosophy	Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn; làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo.
2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và thực tiễn cuộc sống của sinh viên sau này. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với sinh viên. Học phần này gồm 6 chương: Trong đó Chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin. Chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc trong nền kinh tế thị trường.; Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế; Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7

Stt	Học phần	Mô tả học phần
	Scientific Socialism	trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học như; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội, nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	<p>Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam là 1 trong 5 học phần thuộc khoa học Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức. Đây là môn học quan trọng của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.</p> <p>Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.</p>
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Học phần được kết cấu với 6 chương. Chương 1: Làm rõ khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chương 2: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ Chương 3 đến chương 6: Trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.</p>
6	Ngoại ngữ Foreign Language	<p>Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) được thiết kế với 3 học phần.</p> <p>Học phần Tiếng Anh 1 nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành ngôn ngữ một cách hiệu quả trong các tình huống trong lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp nơi công sở và trong sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời cũng chú trọng vào việc luyện phát âm tiếng Anh, và khả năng sử dụng bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết theo trình độ tương ứng. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức, kinh nghiệm thực tế</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
		<p>thông qua các tình huống kinh doanh có thực và thông tin hữu ích từ nhiều nguồn tài liệu đáng tin cậy. Song song với việc học trên lớp sinh viên bắt buộc phải đăng ký học thêm online với thời lượng là 26 giờ. Mỗi sinh viên có một tài khoản online được tạo vào đầu khóa học. Tương ứng với các kỹ năng và nội dung bài giảng trên lớp, sinh viên phải hoàn thành cũng bao gồm đầy đủ các phần như: Nghe, Nói, Đọc, Viết, Ngữ Pháp, Từ vựng. Mỗi kỹ năng sẽ có từ 2-3 bài tập nhỏ.</p> <p>Học phần Tiếng Anh 2 dành cho các sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh 1. Khóa học nhằm mục đích trang bị các kỹ năng thực hành Tiếng Anh thông thường (General English) và Tiếng Anh học thuật (Academic English), giúp sinh viên tự tin khẳng định khả năng sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế và trong công việc, cải thiện mặt bằng trình độ tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</p> <p>Học phần Tiếng Anh 3 tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên với những kiến thức về lý thuyết, thuật ngữ và nguyên lý kinh tế cơ bản tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên học sâu hơn về kinh tế trong những giai đoạn tiếp theo tại đại học Kinh Tế Quốc Dân. Ngoài ra trong học phần này sinh viên được cung cấp từ vựng về các chủ đề đa dạng và ngữ pháp để có thể chuẩn bị tốt cho bài thi theo định hướng IELTS và các bài thi có chứng chỉ quốc tế tương đương.</p>
7	Giáo dục Thể chất Physical Education	<p>Giáo dục thể chất là học phần hướng tới mục tiêu rèn luyện thể chất cho sinh viên, với một hệ thống các bài tập đa dạng được chọn lọc và thực hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập.</p> <p>Được thiết kế với nhiều nội dung, trong đó, thể dục tự do (TDTD) là một trong những nội dung thi đấu của môn thể dục dụng cụ, là môn thể thao được tổ chức thi đấu trong các kỳ đại hội TDĐT và Olympic. Là môn học vừa mang tính kế thừa vừa mang tính nghệ thuật cao được nhiều người ưa thích.</p> <p>Bên cạnh đó là các môn thể thao tự chọn là một trong các nội dung của môn học Giáo dục Thể chất, là một hệ thống các môn học với các bài tập đa dạng được chọn lọc và thể hiện với những phương pháp khoa học nhằm phát triển cơ thể một cách toàn diện, hoàn thiện khả năng vận động, củng cố và nâng cao thể chất cho người tập</p> <p>Các môn thể thao tự chọn gồm 10 môn: Bóng bàn, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Bơi lội, Karatedo, Teakwondo và Tennis. Mỗi môn học gồm 2 tín chỉ, sinh viên chọn và hoàn thành 3 trong số 10 môn thể</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
		thao tự chọn
8	Giáo dục Quốc phòng Military Education	<p>Chương trình Giáo dục quốc phòng được thiết kế theo yêu cầu đào tạo của Bộ Giáo dục và đào tạo với 4 học phần, thời lượng 11 tín chỉ: Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ); Học phần 2: Công tác quốc phòng, an ninh (2 tín chỉ); Học phần 3: Quân sự chung (2 tín chỉ); Học phần 4: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và chiến thuật (4 tín chỉ).</p> <p>Mục tiêu của chương trình đối với sinh viên sau khi học xong chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh là có hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.</p>
9	Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics 1	<p>Học phần Kinh tế học Vi mô 1 được thiết kế với mục tiêu giúp người học nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản, hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường...</p>
10	Kinh tế Vĩ mô 1 Macroeconomics 1	<p>Học phần Kinh tế học vĩ mô giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất giải thích sự biến động và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc ổn định nền kinh tế</p>
11	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	<p>Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: (1) Nguồn gốc, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử, nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2) Nguồn gốc của pháp luật, bản chất của pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Khái niệm về</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
		hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam. (4) Giới thiệu cho người học về các lĩnh vực pháp luật của Việt Nam: pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự; pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự.
12	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	<p>Học phần nằm trong phần kiến thức đại cương của chương trình đào tạo bậc cử nhân khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của giải tích toán học về hàm số một biến số và nhiều biến số. Học phần cũng nhằm rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng tính toán và nâng cao khả năng ứng dụng các kiến thức toán học vào phân tích, nghiên cứu các đối tượng kinh tế.</p> <p>Học phần gồm 6 chương: Chương 1, chương 2 đề cập đến giới hạn, phép tính vi phân hàm số một biến số và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 3, chương 4 trình bày các kiến thức cơ bản về hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm số nhiều biến và các ứng dụng trong phân tích kinh tế; chương 5 trình bày về phép toán tích phân và ứng dụng; chương 6 trình bày các kiến thức cơ bản về phương trình vi phân.</p>
13	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	<p>Quản trị kinh doanh 1 là học phần đại cương, chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ sở về kinh doanh và quản trị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Đó là những kiến thức chung nhất làm cơ sở để sinh viên có thể nghiên cứu sâu các kỹ năng cụ thể ở các học phần khác. Hai vấn đề cơ bản được nghiên cứu là kinh doanh và quản trị kinh doanh: (i) Các vấn đề chung về kinh doanh: đối tượng thực hiện hoạt động kinh doanh, các vấn đề gắn với kinh doanh, môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh doanh. (ii) Các kiến thức quản trị kinh doanh cơ sở như khái niệm, thực chất, nguyên tắc, phương pháp quản trị; kỹ năng, nghệ thuật và phong cách của các nhà quản trị; khái niệm, cách thức, phương pháp ra quyết định và các vấn đề về cấu trúc tổ chức doanh nghiệp.</p> <p>Học phần Quản trị kinh doanh 1 được coi là cầu nối giữa các kiến thức lý thuyết (sinh viên đã được trang bị ở các học phần khoa học cơ bản như toán học, kinh tế học...) với các học phần khoa học trang bị các kỹ năng cụ thể cho sinh viên như khởi sự kinh doanh, chiến lược kinh doanh, quản trị tác nghiệp, quản trị chất lượng, quản trị nhân lực, quản trị hậu cần, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính, quản trị chi phí kinh doanh,...</p>
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and	lý thuyết xác suất và thống kê toán là môn học nghiên cứu các hiện tượng ngẫu nhiên và xử lý số liệu kinh tế - xã hội trong điều kiện bất định, tức là thông tin không đầy đủ.

Stt	Học phần	Mô tả học phần
	Mathematical Statistics	<p>Môn học có 2 phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng gắn rất chặt về nội dung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần Lý thuyết xác suất nhằm phát hiện và nghiên cứu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Các kiến thức về Lý thuyết xác suất là cơ sở trực tiếp cho quá trình phân tích và suy luận thống kê trong phần Thống kê toán, đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức phục vụ cho các môn học khác như Kinh tế lượng, Dân số học, Xã hội học... - Phần Thống kê toán bao gồm: Cơ sở lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, các phương pháp trong thống kê mô tả nhằm đưa ra các đặc trưng chính của số liệu, phần thống kê suy diễn giúp đưa ra các suy diễn về tổng thể sử dụng các thông tin từ mẫu, trong đó có bài toán ước lượng tham số tổng thể và kiểm định giả thuyết thống kê.
15	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	<p>Học phần Thương mại điện tử căn bản được thiết kế gồm 10 chương, với thời lượng 30 tiết lý thuyết và 15 tiết thực hành. Học phần giới thiệu một cách khái quát về các vấn đề cơ bản liên quan đến thương mại điện tử nhằm trang bị những kiến thức nền tảng về thương mại điện tử cho sinh viên.</p>
16	Kinh tế Nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	<p>Học phần Kinh tế nông nghiệp 1 là học phần của chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp. Sau khi trình bày tổng quan về nông nghiệp gồm: vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, đặc điểm của sản xuất nông nghiệp nói chung và của nông nghiệp Việt Nam nói riêng, phát triển nền nông nghiệp bền vững, các nội dung tiếp theo nghiên cứu trực tiếp những vấn đề kinh tế học nông nghiệp gắn với thực tiễn phát triển nông nghiệp Việt Nam, cụ thể gồm: Những cơ sở lý thuyết cơ bản về kinh tế học nông nghiệp; Thị trường và phân tích thị trường nông nghiệp; Thương mại quốc tế hàng nông sản; Hệ thống kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam; Kinh tế sử dụng các yếu tố nguồn lực chủ yếu trong nông nghiệp; Những vấn đề về tiến bộ khoa học công nghệ trong ngành nông nghiệp với những khía cạnh khác biệt so với trong các ngành sản xuất vật chất khác của nông nghiệp nói chung và của nông nghiệp Việt Nam.</p>
17	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	<p>Học phần đề cập các kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như: Bản chất hạch toán kế toán; nguyên tắc, khái niệm kế toán được sử dụng rộng rãi. Đối tượng của kế toán và hệ thống phương pháp hạch toán kế toán. Trên cơ sở đó học phần đề cập nguyên lý kế toán các quá trình kinh doanh cơ bản</p>
18	Thống kê trong kinh tế	<p>Học phần Thống kê trong kinh tế và kinh doanh cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cốt lõi về thống kê. Sinh viên được trang bị từ các khái niệm cơ bản về dữ liệu và các loại thống kê đến các công cụ thống kê mô tả</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
	và kinh doanh Statistics in Economics and Business	bao gồm trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị; và tính các tham số đặc trưng. Sinh viên cũng được cung cấp kiến thức về mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết, hồi quy và phân tích dãy số thời gian phục vụ cho dự báo và ra quyết định. Để giúp sinh viên thành thục với các tình huống ra quyết định dựa trên bằng chứng khoa học, học phần trang bị phần mềm thống kê SPSS để ứng dụng phân tích các bộ dữ liệu thực tế trong kinh tế, quản lý và kinh doanh
19	Pháp luật kinh doanh Business Law	Những quy định pháp luật cơ bản về: Thành lập và điều hành hoạt động của doanh nghiệp; Chế độ pháp lý đối với các loại doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác; Pháp luật về hoạt động thương mại và hợp đồng kinh doanh, thương mại; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng những phương thức Trọng tài thương mại và Tòa án; Pháp luật giải quyết việc phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.
20	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	Lý thuyết tài chính tiền tệ là môn học thuộc phần kiến thức cơ sở ngành, nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tiền tệ, lạm phát, lãi suất và hoạt động ngân hàng, về tài chính và thị trường tài chính, chính sách tiền tệ và vai trò của ngân hàng trung ương trong hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ.
21	Kinh tế quốc tế International Economics	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. Tiếp đến, học phần cung cấp kiến thức về dòng vận động của các luồng hàng hóa, dịch vụ, tài chính tiền tệ và thanh toán giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới, những chính sách nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia. Nội dung cuối của học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế (như khái niệm, các hình thức, tác động của của hội nhập kinh tế quốc tế) và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
22	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	Học phần kinh doanh nông nghiệp I là một trong những môn học cốt lõi thuộc ngành kinh doanh nông nghiệp. Học phần này cung cấp cho sinh viên ngành Kinh doanh nông nghiệp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Cụ thể đó là những kiến thức về các lý thuyết kinh doanh nông nghiệp; phương thức và các hình thức kinh doanh nông nghiệp ở thị trường trong nước và thị trường quốc tế....
23	Kinh doanh nông nghiệp II	HP KDNN2 là phần tiếp theo của HPKDNN1. Học phần này đề cập chuyên sâu hơn những nghiệp vụ của kinh doanh NN về phân tích nhu cầu và hành vi người tiêu dùng nông sản; về xây dựng chiến lược kinh doanh, xây dựng các dự án kinh doanh nông nghiệp, tổ chức tiêu thụ các nông sản, phân tích kinh doanh nông nghiệp và

Stt	Học phần	Mô tả học phần
	Business Agricultural II	kinh doanh nông nghiệp trên thị trường quốc tế
24	Quản trị chuỗi cung ứng nông sản Agribusiness Supply Chain Management	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tổ chức và phân tích ngành hàng nông sản như: Nhập môn về tổ chức và phân tích ngành hàng nông sản, nội dung tổ chức ngành hàng nông sản, chuỗi giá trị và phân tích chuỗi giá trị ngành hàng nông sản và đi sâu nghiên cứu tổ chức và phân tích ngành hàng lúa gạo, và ngành hàng thủy sản. Qua môn học này sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản về tổ chức và phân tích chuỗi giá trị ngành hàng nông sản
25	Marketing nông nghiệp Agricultural Marketing	Marketing được coi là môn khoa học của nền sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường. Ngày nay, marketing không chỉ còn bó hẹp trong phạm vi bán hàng, sản xuất kinh doanh mà còn được áp dụng trong các những lĩnh vực khác như: chính trị, văn hóa, xã hội... Kiến thức về marketing là không thể thiếu được trong kinh tế thị trường hiện đại. Với ý nghĩa đó, học phần marketing nông nghiệp sẽ cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing và vận dụng trong lĩnh vực đặc thù là sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Chương 1 sẽ cung cấp đến người học những kiến thức cơ bản về marketing, marketing nông nghiệp, các chương tiếp theo sẽ đề cập đến những hợp phần của một trương trình marketing kinh doanh nông nghiệp. Những kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong học phần này có tính thực tiễn cao đối với các nhà quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.
26	Công nghệ Nông nghiệp Agricultural Technology	Học phần công nghệ nông nghiệp trình bày những nguyên lý cơ bản về công nghệ trong nông nghiệp. Mô tả về hệ thống các công nghệ áp dụng trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới. Nhằm cung cấp kiến thức cho người học về một số công nghệ cơ bản về trồng trọt, chăn nuôi và công nghệ sau thu hoạch. Từ đó sinh viên khi ra trường có thể lựa chọn, quản lý sử dụng các công nghệ cho nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao từ đó giúp cho sản xuất, chế biến đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.
27	Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh Nông nghiệp Business Ethics and Responsibility	Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng để xem xét đạo đức và trách nhiệm của một doanh nghiệp nông nghiệp với các bên liên quan, tích hợp các khía cạnh từ việc tuân thủ pháp luật, đạo đức và trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp nông nghiệp. Chú trọng xem xét các khía cạnh về vai trò của doanh nghiệp nông nghiệp dẫn đến những cơ chế quản trị và vận dụng chính sách, khuyến khích hành vi đạo đức, trách nhiệm với các bên liên quan và hỗ trợ cho sự bền vững lâu dài của doanh nghiệp nông nghiệp.

Stt	Học phần	Mô tả học phần
28	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Rural and agricultural policy analysis	<p>Môn phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn được hình thành bởi 10 chương, phân thành 2 phần có tính chất riêng biệt: Phần chung về phân tích chính sách và phần về các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam. Phần chung, giới thiệu khái quát về chính sách và phân tích chính sách; giới thiệu một số phương pháp phân tích áp dụng trong phân tích chính sách, trong đó nhấn mạnh đến phương pháp phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản; phương pháp phân tích ngành nông sản. Đây là phần vừa giúp cho người học hiểu được việc áp dụng các phương pháp vào phân tích chính sách và cũng là cơ sở để phân tích các chính sách cụ thể để phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.</p> <p>Phần cụ thể, giáo trình giới thiệu và phân tích 7 chính sách kinh tế, xã hội chủ yếu là: Phân tích các chính sách thị trường nông sản; Phân tích chính sách đất đai trong nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách lương thực và Phân tích các chính sách xã hội nông thôn. Đây là những vấn đề chủ yếu và có tính cấp thiết trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.</p> <p>Môn Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn có vị trí quan trọng trong hệ thống các môn chuyên ngành. Nó có tính chất kế thừa các kiến thức của các môn học cơ sở và chuyên ngành chuyên sâu của ngành kinh tế nông nghiệp. Đây là môn có tính chất nghiệp vụ, người học sẽ sử dụng kiến thức trong nhiều cương vị công tác ở Bộ và các sở, phòng ở cấp tỉnh và huyện. Đặc biệt là các doanh nghiệp, trang trại, hộ đang và sẽ tham gia vào các hoạt động kinh tế nông thôn.</p>
29	Đề án ngành Kinh doanh Nông nghiệp Essay on Agricultural Business	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học nghiên cứu chuyên sâu và nắm vững những vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức chuyên ngành - Tập dượt cho sinh viên kỹ năng chọn, thực hiện nghiên cứu vấn đề khoa học chuyên sâu, chuẩn bị cho giai đoạn thực tập và viết chuyên đề tốt nghiệp.
30	Phân tích kinh doanh Business Analysis	<p>Môn học Phân tích kinh doanh bao gồm các nội dung phân tích quá trình cung cấp các yếu tố đầu vào, quá trình sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp. Bên cạnh đó còn có các hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, hoạt động khác. Môn học sẽ phân tích và tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu cung cấp cho các nhà quản trị trong doanh nghiệp nâng cao kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
31	Kinh doanh quốc tế International Business	<p>Học phần Kinh doanh quốc tế có nội dung đề cập đến hai mảng vấn đề chủ yếu sau đây.</p> <p>Thứ nhất, những vấn đề liên quan đến bản chất, quy mô và phạm vi của kinh doanh quốc tế, các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp.</p> <p>Thứ hai, những vấn đề mà các doanh nghiệp phải giải quyết khi tham gia kinh doanh quốc tế, từ lựa chọn chiến lược, cơ cấu tổ chức và phong thức kinh doanh; cho đến việc thực hiện các chức năng kinh doanh cơ bản nhà quản trị sản xuất và cung ứng vật tư, quản trị marketing, quản trị tài chính và quản trị nguồn nhân lực.</p>
32	Tài chính doanh nghiệp	<p>Học phần tài chính Doanh nghiệp nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về tài chính Doanh nghiệp: đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, cơ cấu vốn và chi phí vốn, các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp: quản lý dòng tiền vào, ra, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp</p>
33	Marketing công nghệ số Digital Marketing	<p>Ngày nay Internet và các thiết bị số kết nối và chia sẻ dữ liệu số trên nền tảng Digital, nó đã làm thay đổi nhiều mặt trong đời sống xã hội nói chung và các hoạt động kinh doanh nói riêng. Các doanh nghiệp hiện nay đang khai thác, vận dụng công nghệ số, không chỉ trong sản xuất mà trong hầu hết tất cả các hoạt động marketing và bán hàng, từ khâu nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, thiết kế bao gói, tổ chức điểm bán, định giá, cho đến truyền thông cho sản phẩm, xây dựng thương hiệu và phát triển mối quan hệ với khách hàng... Môn học này tập trung giới thiệu các kiến thức, kỹ năng và các công cụ cơ bản của việc làm marketing trong nền tảng công nghệ số.</p>
34	Kinh tế tài nguyên Natural Resources Economics	<p>Học phần Kinh tế Tài nguyên gồm 2 phần: phần 1 đi vào giới thiệu những vấn đề chung về kinh tế tài nguyên, phần 2 giới thiệu về giá trị kinh tế của một số loại tài nguyên thiên nhiên chủ yếu như: đất, nước, biển, thủy hải sản, khoáng sản... đối với các hoạt động kinh tế và quá trình phát triển kinh tế xã hội; nguyên lý khai thác tài nguyên thiên nhiên (mô hình khai thác tài nguyên tái tạo và tài nguyên không tái tạo)</p>
35	Kinh tế học biến đổi khí hậu Climate Change	<p>Biến đổi khí hậu, mà nguyên nhân chính là do gia tăng lượng phát thải các khí gây hiệu ứng nhà kính từ các hoạt động kinh tế của con người, được coi là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 21. Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng và phát triển của các quốc gia. Không một quốc gia nào tránh được những tác động của biến đổi khí hậu và không một quốc gia nào có thể một mình đương đầu với những</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
	Economics	thách thức do biến đổi khí hậu gây ra. Cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu đòi hỏi những hành động khẩn cấp trên phạm vi toàn cầu trên cả hai phương diện: giảm nhẹ biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Học phần Kinh tế học Biến đổi khí hậu cung cấp các kiến thức về nguyên nhân, hậu quả và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên quan điểm kinh tế và cách tiếp cận toàn cầu. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: giải thích tính toàn cầu của biến đổi khí hậu, phân tích các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, trình bày kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu, phân tích các chính sách biến đổi khí hậu, giới thiệu các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu và thảo luận về các hành động quốc tế về biến đổi khí hậu. Các nội dung trên được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu.
36	Quản lý Nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của bộ máy quản lý nhà nước về đất đai, chức năng, vai trò và cơ sở quản lý nhà nước về đất đai. Khái quát chung về nội dung quản lý nhà nước về đất đai.
37	Môi trường Kinh doanh Nông nghiệp Agricultural Business Environment	Học phần Môi trường Kinh doanh nông nghiệp cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp độ vi mô và vĩ mô. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: xác định các yếu tố và phân tích ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường vi mô (khách hàng, nhà cung cấp, đối thủ cạnh tranh hiện tại, đối thủ cạnh tranh tiềm năng, sản phẩm thay thế) và môi trường vĩ mô (kinh tế, chính trị và luật pháp, công nghệ, văn hóa - xã hội, nhân khẩu học và môi trường tự nhiên) đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nông nghiệp. Các nội dung trên được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu, trong đó có thực tiễn ở Việt Nam.
38	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business communication and negotiation	Học phần “Giao dịch và đàm phán kinh doanh” bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản về giao dịch kinh doanh; về yếu tố tâm lý, văn hóa trong giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đồng thời học phần cũng trang bị kiến thức về kỹ năng đàm phán kinh doanh thành công; về nội dung tổ chức đàm phán kinh doanh: từ hoạt động chuẩn bị đàm phán, tiến hành đàm phán và ra quyết định kết thúc đàm phán; về cơ sở pháp lý của giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đây là những kiến thức cơ bản giúp cho các doanh nghiệp thành công trong hoạt động kinh doanh của mình.

Stt	Học phần	Mô tả học phần
39	Kế hoạch kinh doanh	<p>Môn học này nghiên cứu những vấn đề lý thuyết tổng quan về công tác kế hoạch trong doanh nghiệp, nghiên cứu các qui trình, phương pháp lập các kế hoạch trong doanh nghiệp, đồng thời hệ thống hóa các vấn đề nghiệp vụ trong lập kế hoạch của doanh nghiệp. Nội dung học phần được kết cấu thành các phần chính như sau:</p> <p>Phần những vấn đề lý luận cơ bản về kế hoạch hóa trong doanh nghiệp (chương 1) trình bày về sự cần thiết của kế hoạch trong kinh doanh, các nguyên tắc của lập kế hoạch trong doanh nghiệp, qui trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch trong doanh nghiệp.</p> <p>Phần các kế hoạch kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp (từ chương 2 đến chương 5) trình bày cụ thể về qui trình, nội dung và phương pháp lập các kế hoạch tác nghiệp cho các chức năng cơ bản trong doanh nghiệp, trong đó bao gồm kế hoạch marketing, sản xuất, nhân sự và tài chính. Các ví dụ và bài tập cũng được giới thiệu trong nội dung này để sinh viên làm quen với các nghiệp vụ thực tế.</p>
40	Thị trường nông sản thế giới International trade on agricultural product	<p>Học phần Thị trường nông sản thế giới là học phần tự chọn trong chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn. Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về chức năng, đặc điểm của thị trường nông sản thế giới, về các cam kết quốc tế trong thương mại hàng nông sản trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu. Học phần cũng giới thiệu bức tranh tổng quát về tình hình thị trường (cung, cầu, giá cả) và xu hướng phát triển thị trường một số loại nông sản chính mà Việt Nam có lợi thế trong thương mại quốc tế như gạo, thủy sản, rau quả và một số sản phẩm cây công nghiệp như cà phê, chè, hồ tiêu, cao su...</p>
41	Thị trường bất động sản Real Estate Market	<p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự vận động và phát triển thị trường bất động sản, quan hệ cung cầu và sự tác động của chúng đối với giá cả bất động sản; Phân tích xu hướng biến động cung, cầu và giá cả bất động sản, cơ chế cân bằng cung cầu và cơ chế hình thành giá cả bất động sản. Học phần trang bị cho người học kỹ năng phân tích sâu về thị trường bất động sản với các phương pháp, các bước tiến hành phân tích, cơ chế vận hành với những tình huống cụ thể; cung cấp cho người học cơ sở khoa học để xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá thị trường bất động sản, là cơ sở để dự báo xu hướng vận động, phát triển của thị trường bất động sản. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu các công cụ quản lý của nhà nước để khắc phục những khiếm khuyết và điều tiết thị trường bất động sản, trang bị cho người học kiến thức về hệ thống chính sách nhằm phát triển thị trường bất</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
		động sản ở Việt Nam
42	Kinh doanh Logistic Logistic Business	<p>Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những nội dung quan trọng liên quan đến tổ chức và quản trị hoạt động kinh doanh logistics trong chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Logistics và Kinh doanh logistics trong nền kinh tế thị trường; • Tổ chức và quản trị kinh doanh các dịch vụ logistics cơ bản trong chuỗi cung ứng: kho hàng, bao gói hàng hóa, giao nhận, vận tải hàng hóa, dịch vụ khách hàng và hệ thống thông tin logistics...; <p>Tổ chức và quản trị kinh doanh các loại hình kinh doanh và doanh nghiệp logistics và trung tâm logistics trong chuỗi cung ứng.</p>
43	Quản trị thương hiệu Brand Management	<p>Quản trị Thương hiệu là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành Marketing trong chương trình đào tạo đại học Ngành Marketing.</p> <p>Mục đích của học phần: cung cấp tư duy hiện đại về quản trị thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty qua thương hiệu, cung cấp khả năng ra các quyết định về marketing liên quan đến thương hiệu. Ngoài ra, trong học phần này còn đề cập đến nội dung bảo vệ thương hiệu, quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu.</p> <p>Nội dung học phần: giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu như: khái niệm, bản chất thương hiệu, đặc tính và nhận diện thương hiệu, định vị và hình ảnh thương hiệu. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về xây dựng và phát triển thương hiệu trên thị trường, đặc biệt là những nguyên tắc xây dựng và phát triển thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.</p>
44	Du lịch sinh thái Eco - tourism	<p>Học phần đề cập tới những nội dung cơ bản nhất của du lịch sinh thái (DLST), đó là : xu hướng phát triển của du lịch và lịch sử phát triển của DLST; các khái niệm cơ bản liên quan tới DLST; vai trò của DLST đối với phát triển bền vững; các tính chất cơ bản của DLST; vai trò của các tổ chức cá nhân đối với DLST; mô hình marketing định hướng cung trong kinh doanh DLST và một số mô hình trong quản lý DLST.</p>
45	Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp	<p>Khởi nghiệp kinh doanh là bước khởi đầu đầy khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp thuộc bất kỳ lĩnh vực nào đặc biệt với lĩnh vực đặc thù kinh doanh nông nghiệp. Học phần khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp được đặt trong</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
	Agricultural business Entrepreneurship	<p>mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với hệ thống các môn học trong khung chương trình đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp.</p> <p>Học phần Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp trang bị những kiến thức cần thiết, các kỹ năng cơ bản nhất để sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp có thể tự mình khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp cũng như ở các lĩnh vực khác</p>
46	<p>Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp</p> <p>Agribusiness Investment Project</p>	<p>Học phần Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp được giảng dạy nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết để lập và quản lý dự án đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Môn học có quan hệ trực tiếp, chặt chẽ và là sự bổ sung kiến thức cần thiết cho các môn học chuyên ngành khác như: Kinh doanh nông nghiệp 1,2; Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp; Marketing nông nghiệp; Quản trị rủi ro; Quản lý trang trại...</p> <p>Học phần đề cập chủ yếu các vấn đề về vai trò, đặc điểm và kết cấu của dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp; kỹ năng nghiên cứu thị trường và phát hiện cơ hội đầu tư kinh doanh; kỹ năng lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh, lựa chọn công nghệ, quy trình và phương pháp sản xuất- bảo quản và chế biến nông sản; kỹ năng dự toán vốn đầu tư, phân tích hiệu quả và ra quyết định đầu tư kinh doanh; kỹ năng quản lý thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.</p>
47	<p>Quản trị kinh tế hộ và trang trại</p> <p>Farm economics and management</p>	<p>Trang trại là hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh cơ sở trong nông nghiệp, có mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, dựa trên trình độ quản lý tiên bộ và gắn với thị trường. Do vậy để trang trại hoạt động đạt hiệu quả cao, chủ trang trại, người quản lý cần được trang bị những kiến thức và kỹ năng về quản lý trang trại nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế, xu thế phát triển của nông nghiệp ngày càng hiện đại, thông minh hơn và điều kiện tự nhiên biến đổi theo hướng ngày càng bất lợi.</p>
48	<p>Quản trị chiến lược</p> <p>Strategy Management</p>	<p>Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp hoạch định chiến lược cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện kinh tế hiện nay. Đây là học phần lựa chọn của ngành đào tạo. Học phần này cung cấp những kiến thức và phương pháp phân tích môi trường bên ngoài nhằm xác định cơ hội, đe dọa, phân tích, đánh giá môi trường bên trong nhằm xác định điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu một số công cụ cơ bản trong việc hình thành chiến lược cạnh tranh phù hợp cho doanh nghiệp. Từ đó, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược.</p>

Stt	Học phần	Mô tả học phần
49	Quy hoạch phát triển nông thôn Rural Development Planning	Môn quy hoạch và phát triển nông thôn là học phần tự chọn chuyên sâu của chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp. Sau khi trình bày những vấn đề lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn, và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội nông thôn, các nội dung tiếp theo nghiên cứu quy hoạch phát triển nông nghiệp, quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn, quy hoạch phát triển dịch vụ nông thôn, quy hoạch phát triển văn hóa xã hội- môi trường nông thôn và quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn.
50	Quản trị rủi ro trong Kinh doanh Nông nghiệp Risk Management in Agribusiness	<p>Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động, Quản trị rủi ro đang trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với nhiều tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội. Quản trị rủi ro hiệu quả giúp các doanh nghiệp và định chế tài chính trong nền kinh tế hoạt động ổn định và bền vững, đồng thời giúp các tổ chức này chủ động tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất tiềm năng trong quá trình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nông nghiệp</p> <p>Môn học này trình bày những nội dung cơ bản của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận diện rủi ro tài chính; Phân loại và đo lường các loại rủi ro; Theo dõi và kiểm soát rủi ro trong các doanh nghiệp và trong các định chế tài chính</p>
52	Tiếng Anh ngành Nông nghiệp	<p>Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và vốn từ vựng liên quan đến ngành Nông nghiệp nói chung và chuyên ngành liên quan (ví dụ như: Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quản trị kinh doanh nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp...); củng cố lại những kiến thức về ngữ pháp cơ bản và giúp sinh viên tiếp tục phát triển bốn kỹ năng: Nghe. Nói Đọc, Viết.</p> <p>Bên cạnh đó cũng giúp củng cố những kiến thức ngành Kinh tế Nông nghiệp, cập nhật những kiến thức liên quan đến ngành trên phạm vi thế giới và ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên sẽ có vốn từ chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho nghề nghiệp. Vận dụng kiến thức học phần có thể viết được báo cáo ngành bằng tiếng anh, phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.</p>
53	Quản trị kinh doanh Nông nghiệp	Môn học quản trị kinh doanh nông nghiệp là một trong những môn học tự chọn thuộc ngành quản trị kinh doanh. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và rất cụ thể về tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp. Đó là những kiến thức chung về tổ chức các loại hình kinh doanh nông nghiệp. Những kiến thức về xác định phương hướng sản xuất kinh doanh và quy mô kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh, những kiến thức về tổ chức quản lý các yếu tố tổ sản xuất, những kiến thức về tổ chức tiêu thụ sản phẩm, về quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh trong cơ sở kinh

Stt	Học phần	Mô tả học phần
		doanh nông nghiệp.
52	Chuyên đề thực tập (Internship Programme)	<p>Chuyên đề thực tập là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế.</p> <p>Học phần “Chuyên đề thực tập” yêu cầu sinh viên đến thực tập tại một doanh nghiệp/tổ chức cụ thể trong thời gian ít nhất 12 tuần. Sinh viên cần chọn một vấn đề liên quan tới thực tiễn kinh doanh nông nghiệp của tổ chức đó; nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng vấn đề và các yếu tố ảnh hưởng đến các giải pháp giải quyết vấn đề, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp.</p> <p>Chủ đề được lựa chọn có thể liên quan tới nghiên cứu kinh doanh nông nghiệp, lập phương án kinh doanh, phát hiện xu hướng thay đổi của nhu cầu thị trường sản phẩm nông sản. Phạm vi nghiên cứu có thể gắn với một sản phẩm nông nghiệp, một loại hình tổ chức kinh doanh nông nghiệp (doanh nghiệp, trang trại)... hoặc một vấn đề về marketing nông sản, bán hàng, lập dự án, kênh phân phối hay quản trị lực lượng bán hàng, quản trị chuỗi cung ứng v.v. của các doanh nghiệp nông nghiệp. Trong suốt quá trình thực tập, sinh viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại doanh nghiệp.</p>
53	Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3	<p>Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ thì việc biết sử dụng máy tính và Internet là một trong những nhu cầu thiết yếu của mỗi người. Đặc biệt, khi cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang bao phủ toàn thế giới thì nhu cầu đó đã trở thành một yêu cầu cho mỗi người. Để đánh giá khả năng sử dụng máy tính và Internet, IC3 là một trong những tiêu chuẩn đã được ra đời để thực hiện điều đó. Với vị thế là một chứng chỉ mang tầm quốc tế, IC3 cung cấp những tiêu chuẩn đánh giá chính xác, phù hợp với trình độ phát triển của máy tính và Internet.</p> <p>Sinh viên đại học hệ chính quy được công nhận đạt chuẩn đầu ra tin học của trường Đại học Kinh tế Quốc dân khi đạt Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 (Internet and Computing Core Certification) do tổ chức Certiport của Mỹ cấp. Để được cấp chứng chỉ IC3, thí sinh phải thi đạt cả 3 nội dung: Máy tính căn bản, Phần mềm máy tính và cuộc sống trực tuyến. Nhà trường có tổ chức các khóa học và cấp chứng chỉ cho sinh viên làm điều kiện để ra trường. Nhà trường có Quyết định số 632/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 4/5/2018 về việc ban hành quy định về chuẩn đầu ra tin học trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân áp dụng từ khóa 59 (tuyển sinh năm 2017) trở đi. Khóa 61 tuyển sinh năm 2019 vẫn áp dụng Quyết định này.</p>

4.10. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (plos)

Bảng 4.5. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức								CDR về kỹ năng				CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
				CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15
1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	3											3			
2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	3											3			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	3											3			
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	3		3												
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	3		3												
6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9											4	4			3
7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4			3												
8	Giáo dục Quốc phòng Military Education	GDQP	8-11			3								2				
9	Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3		3			3						2				3
10	Kinh tế Vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3		3				3					2				3
11	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	3										3		3		

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức								CDR về kỹ năng				CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm			
				CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15	
12	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3		3								3		3				3
13	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3					3	3						3	3			
14	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3		3					3	3	3		3			3		3
15	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	TMQT1132	3		3										3				
16	Kinh tế Nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	TNKT1109	3				3		3	3							3		3
17	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3		3		3			3		3							
18	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3		3		3					3		3					3
19	Pháp luật kinh doanh Business Law	LUKD1118	3				3		3		3						3		
20	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3		3						3		3						
21	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3		3				3				3				3		
22	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	TNKT	3				3	3		3	3		3	3			3	4	3
23	Kinh doanh nông nghiệp II Business Agricultural II	TNKT	3					3		3	3		3	3			3	4	3
24	Quản trị chuỗi cung ứng kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Supply Chain	TNKT	3							3	3		3	3				3	3

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức								CDR về kỹ năng				CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
				CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15
	Management																	
25	Marketing nông nghiệp Agricultural Marketing	MKMA1158	3				3			3	3		3	3			3	3
26	Công nghệ nông nghiệp I Agricultural Technology I	TNKT	3				3		3				3	3			3	
27	Công nghệ nông nghiệp II Agricultural Technology II	TNKT	3				3		3				3	3			3	
28	Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh Nông nghiệp Ethics and Responsibility in Agricultural Business	TNKT	3				3			3		3	3			3	3	
29	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Rural and agricultural policy analysis	TNKT1116	3							3	3		3	3			3	3
30	Đề án môn học ngành Kinh doanh nông nghiệp Essay on Agricultural Business	TNKT	3				3	3	3	3		4	4	4		3	4	3
31	Phân tích kinh doanh Business Analysis	KTQT1107	3				3			3		3				3		
32	Kinh doanh quốc tế International Business	TMKD1128	3					3		3		3						3
33	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	TCNH 1120	3						3		3		3					
34	Marketing công nghệ số Digital Marketing	MKBH1116	3				3			3				3				3
35	Kinh tế tài nguyên Natural Resources Economics	TNTN1145	3						3		3		3				3	

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức								CDR về kỹ năng				CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
				CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15
36	Kinh tế học biến đổi khí hậu Climate Change Economics	MTKH1103	3						3		3		3				3	
37	Quản lý Nhà nước về đất đai 1 Land Administration 1	TNDC1130	3		3								3	3		3		3
38	Kinh doanh Logistics Logistics Business	TMKT1121	3				3			3		3		3				
39	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Communication and Negotiation	TMKT1134	3				3	3								3		3
40	Kế hoạch Kinh doanh Business Planning	KHPT 1109	3					3		3		3		3		3		
41	Thị trường nông sản thế giới International trade on agricultural product	TNKT1128	3				3			3	3						3	3
43	Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD1109	3						3		3		3					
44	Quản trị thương hiệu Brand management	MKTT1114	3				3			3		3		3		3		
45	Du lịch sinh thái Ecotourism	DLLH1130	3						3		3		3	3			3	
46	Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp AgriBusiness Entrepreneurship	TNKT	3						3	3	3		3	3		3	4	3
47	Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp Agribusiness Investment Project	TNKT	3					3	3		3	3	3				3	3
48	Quản trị kinh tế hộ và trang trại Household Economics and Farm Management	TNKT	3					3	3	3	3	3					3	3

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	CDR về kiến thức								CDR về kỹ năng				CDR về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
				CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR 7	CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14	CDR 15
49	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3					3		3	3		3				3	3
50	Quy hoạch phát triển nông thôn Rural Development Planning	TNKT1127	3		3							3	3			3		
51	Quản trị rủi ro Risk Management	NHTM 1114	3				3			3	3	3					3	3
52	Tiếng anh ngành nông nghiệp English for Agricultural	TNKT	3					3						3	4			3
53	Quản trị kinh doanh nông nghiệp Agricultural Business Management	TNKT	3					3	3		3		3	3			3	3
54	Chuyên đề thực tập (Internship Programme)	TNKT	10					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
55	Chương trình đào tạo tin học theo chuẩn IC3													3	3			

Hà Nội, ngày 30 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo

PGS.TS Phạm Hồng Chương

PHẦN 5. PHỤ LỤC

5.1. SO SÁNH CTĐT CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI VÀ Ở VIỆT NAM

Trên thế giới hiện có một số trường đã và đang đào tạo cấp bằng cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp, chẳng hạn như Đại học Queensland (Úc), Đại học Rhine-Waal (Đức), trường Đại học Massey (New Zealand), Lincoln University (New Zealand), Đại học New England (Mỹ)... Riêng Đại học Nông nghiệp Sokoine của Tanzania đào tạo cấp bằng cử nhân khoa học về Kinh tế nông nghiệp và Kinh doanh nông nghiệp.

Trong nước cũng đã có 5 trường có đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp là Học viện nông nghiệp Việt Nam, Đại học Cần Thơ, Đại học Nông Lâm TP.HCM, trường Đại học Kinh tế của Đại học Huế, và Phân hiệu của Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum. (Chi tiết xem bảng 1).

Bảng 1: Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp trên thế giới và trong nước

STT	Cơ sở trong nước	Cơ sở nước ngoài
1	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	The University of Queensland, Australia Bachelor of Agribusiness (BAgribus)
2	Đại học Cần thơ	Hochschule RHEIN-WAAL Rhine University Rhine-Waal University of Applied Sciences, Germany, Bachelor of Agribusiness
3	Đại học Nông Lâm TP.HCM	Massey University, University of New Zealand Bachelor of Agribusiness
4	Đại học Kinh tế - Đại học Huế	University of New England, USA Bachelor of Agribusiness...
5	Đại Học Nông Lâm Thái Nguyên	University of Lincoln, New Zealand

Chương trình đào tạo của các trường nước ngoài thường được thiết kế với số môn học ít hơn so với các trường trong nước. Các khóa học chính trong phân kiến thức chuyên sâu của các trường nước ngoài bên cạnh những khóa học cơ bản như kinh tế nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp còn chú trọng các kiến thức về luật kinh doanh, chính sách nông nghiệp, chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị nông sản; quản lý chất lượng nông sản; lập và thẩm định dự án kinh doanh nông nghiệp; nghiệp vụ kinh doanh nông nghiệp quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương nông sản, thị trường và thương mại quốc tế nông sản... Các trường nước ngoài cũng coi trọng các khóa học nghiên cứu tình huống và thực hành kinh doanh nông nghiệp (Xem Phụ lục 1).

Chương trình đào tạo của một số trường đại học của Việt Nam được thiết kế với nhiều môn học hơn và cũng có nhiều môn học tương tự như của một số trường nước ngoài. Tuy nhiên, số lượng các môn học/học phần trong khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành có sự khác nhau tương đối giữa các trường. Ví dụ, với khối kiến thức cơ sở ngành thì Chương trình đào tạo của Học viện Nông nghiệp Việt Nam chỉ có 7 học phần, trong khi Chương trình của Đại học Cần Thơ có đến 16 học phần trong đó có một số học phần kỹ thuật nông nghiệp và 1 học phần thực tập cơ sở ngành. Với khối kiến thức chuyên ngành, trong khi Học viện Nông nghiệp chú trọng các kiến thức và kỹ năng chung trong kinh doanh thì Đại học Cần Thơ đi cụ thể các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong kinh doanh nông nghiệp. Tuy nhiên, Học viện Nông nghiệp lại thiết kế thêm 01 khối kiến thức hỗ trợ và 01 khối kiến thức thay thế cho Khóa luận tốt nghiệp. Về ngoại ngữ, Đại học Cần Thơ cho phép sinh viên lựa chọn ngoại ngữ Tiếng Anh và Tiếng Pháp trong chương trình, trong khi đó Học viện Nông nghiệp chú trọng vào Tiếng Anh... (xem chi tiết trong Bảng 2).

Bảng 2: Chương trình đào tạo của 2 trường trong nước

CTĐT của Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chương trình đào tạo của ĐH Cần Thơ
A/ Học phần đại cương	A/ Khối kiến thức giáo dục đại cương
Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1 (*)
Đại số tuyến tính	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2 (*)
Pháp luật đại cương	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3 (*)
Tiếng anh bổ trợ TOEIC	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)
Giáo dục thể chất đại cương	Anh/Pháp văn căn bản 1 (*)
Quản trị học	Anh/Pháp văn căn bản 2 (*)
Giáo dục quốc phòng 1	Anh /Pháp văn căn bản 3 (*)
Tin học đại cương	Anh /Pháp văn tăng cường 1 (*)
Tiếng Anh 0	Anh /Pháp văn tăng cường 2 (*)
Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	Anh /Pháp văn tăng cường 3 (*)
Tâm lý quản lý	Tin học căn bản (*)
Xác suất thống kê	TT. Tin học căn bản (*)
Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin
Tiếng Anh 1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Giáo dục quốc phòng 2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-

CTĐT của Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chương trình đào tạo của ĐH Cần Thơ
	Lênin
Tiếng Anh 2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin
Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Giáo dục quốc phòng 3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
Nguyên lý thống kê kinh tế	Pháp luật đại cương
Ứng dụng tin học trong kinh tế	Xác suất thống kê
Kinh tế hợp tác	Toán kinh tế 1
Toán kinh tế	Kỹ năng giao tiếp
Luật kinh tế	Logic học đại cương
Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 9 môn: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi)	Cơ sở văn hóa Việt Nam
	Tiếng Việt thực hành
	Văn bản và 1 ưu trữ học đại cương
	Xã hội học đại cương
	Kỹ năng mềm
B/ Học phần cơ sở ngành	B/ Kiến thức cơ sở ngành
Kinh tế vi mô 1	Kinh tế vi mô 1
Kinh tế vĩ mô 1	Kinh tế vĩ mô 1
Marketing căn bản	Nguyên lý thống kê kinh tế
Tài chính tiền tệ	Phương pháp nghiên cứu khoa học - KDNN
Quản trị doanh nghiệp	Luật thương mại
Nguyên lý kế toán	Trồng trọt đại cương
Kế toán quản trị	Chăn nuôi đại cương
	Ngư nghiệp đại cương
	Quản trị học
	Marketing căn bản
	Nguyên lý kế toán
	Thực tập cơ sở ngành KDNN
	Kinh tế nông nghiệp
	Kinh tế phát triển nông thôn
	Kinh tế lượng
	Phân tích định tính trong kinh doanh
C/ Học phần chuyên ngành	C/ Kiến thức chuyên ngành
Thị trường – giá cả	Phân tích chính sách nông nghiệp

CTĐT của Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chương trình đào tạo của ĐH Cần Thơ
Phương pháp NCKH trong Quản trị kinh doanh	Tổ chức sản xuất và kinh doanh nông nghiệp
Nguyên lý kế toán	Thương mại nông nghiệp
Hành vi người tiêu dùng	Anh văn chuyên ngành KDNN
Kế hoạch doanh nghiệp	Kinh doanh quốc tế
Quản lý kinh tế hộ và trang trại	Phân tích hoạt động kinh doanh
Quản lý đầu tư kinh doanh	Xây dựng và quản lý dự án kinh doanh
Kinh doanh quốc tế	Công nghệ bảo quản và chế biến Nông-Lâm-TS
Quản trị rủi ro	Quản trị rủi ro trong thị trường nông sản
Quản trị tài chính doanh nghiệp	Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp
Công tác lãnh đạo trong doanh nghiệp	Quản trị và điều hành các tổ chức kinh tế hợp tác
Quan hệ công chúng	Kỹ thuật đàm phán
Quản trị nhân lực	Thực tập chuyên ngành KDNN
Quản trị kênh phân phối	Quản trị quan hệ khách hàng
Giao tiếp và đàm phán kinh doanh	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp
Quản trị bán hàng	Thương mại điện tử
Kế toán tài chính	Quản trị chuỗi cung ứng
Marketing nông nghiệp	Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm
Quản trị kinh doanh nông nghiệp	Nghiệp vụ ngoại thương
Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp	Mô phỏng tình huống trong kinh doanh
Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Kinh tế vùng
Quản trị hành chính văn phòng	Kinh tế tài nguyên
Thực tập giáo trình 1	Kinh tế sản xuất
Hành vi tổ chức	Quản trị thương hiệu
Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Quản trị chiến lược
Quản trị chiến lược	Quản trị thương mại
Thương mại điện tử căn bản	Quản trị sản xuất
Hệ thống kiểm soát nội bộ	Luận văn tốt nghiệp – KDNN
Thực tập giáo trình 2	Tiểu luận tốt nghiệp – KDNN
Khoá luận tốt nghiệp	Dự báo kinh tế

CTĐT của Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Chương trình đào tạo của ĐH Cần Thơ
D/ Học phần bổ trợ	Kinh tế nông hộ
Tiếng anh chuyên ngành KE&QTKD	Quản trị chất lượng trong nông nghiệp
Chăn nuôi cơ bản	Chuyên đề tổng hợp Kinh doanh nông nghiệp
Nguyên lý trồng trọt	
E/ Thay thế khóa luận	
Chiến lược quảng bá	
Phân tích báo cáo Kế toán	
Định giá tài sản TC	
Hành vi tổ chức	

**Bảng 3: Tham khảo các khóa học chuyên sâu trong
Chương trình đào tạo của 3 trường nước ngoài**

Rhine-Waal University of Applied Sciences, Germany	Massey University - University of New Zealand	The University of Queensland Australia
Sustainable Learning - Learning Sustainability	SCHEDULE A: CORE COURSES	CORE COURSES:
Sales and Marketing in Agribusiness	Food and Agribusiness Value Chains	Level 1: compulsory courses
Basics of Agricultural Production Systems	Accounting for Business	Accounting for Decision Making ^[1]
Economics and Logistics	Economics for Business	Food & Fibre Case Studies I
Analise and Interpretation	Finance Fundamentals	Organisational Behaviour ^[1]
Strategy and Management	Business Law	Foundations of Marketing ^[1]
Basics of Horticulture	Introduction to Animal Production in New Zealand	Level 2 compulsory courses
Business Economics	Plants for Agriculture and Horticulture	Food & Fibre Case Studies II
Rural Development	Practicum I	Agribusiness Planning & Management

Rhine-Waal University of Applied Sciences, Germany	Massey University - University of New Zealand	The University of Queensland Australia
Accounting, Book Keeping and Taxation	Introduction to Agribusiness	Agricultural Economics
Project	Practicum II	Introduction to Human Resource Management
International Markets, Trade and Agricultural Policy	Integrative Studies	Level 3 compulsory courses
Quality Management of Food and Flowers	SCHEDULE B: SPECIALISATIONS	Food & Fibre Case Studies III
Environmental, Agricultural and Food Law	Farm management	Agri-food Strategy & Competitiveness
Ethics and Philosophy in Life Sciences	International Agribusiness	Agribusiness Investment Project Appraisal
Current Issues in Agribusiness	Rural Valuation	Export Marketing & Practices
Management Accounting		Sustainable Food Supply Chains
Interpersonal and Intercultural Communication		Applied Market Research
Agricultural Extension and Consulting		Commodities, Futures & Options
Social and Labour Policy		PROGRAM ELECTIVE COURSES
Supply Chain Management and Logistics		Food & Fibre in the E-Landscape
Market Research and Marketing		General Elective Courses
Elective Modules 1: 1. Conflict Management and Moderation 2. Advanced Logistics in Agribusiness		Students may complete courses from any part of the BAgribus course list, the <u>Bachelor of Agricultural Science</u> , <u>Bachelor of Equine Science</u> , <u>Bachelor of Veterinary</u>

Rhine-Waal University of Applied Sciences, Germany	Massey University - University of New Zealand	The University of Queensland Australia
3. Innovations in Agricultural Products, Food and Flowers 4. Traceability of Agricultural Products 5. Methods of Qualitative Social Research 6. Corporate Finance I		<u>Technology, Bachelor of Wildlife Science</u> or other course lists.
Human Resource Management		
Food Processing and Human Nutrition		
Resource Economics and Risk Assessment		
Analysis of International and Regional Supply Chains		
Integrated and Sustainable Management Systems		
Elective Modules 2: 1. Alternative Tourism 2. Company Law 3. Corporate Finance II 4. Regional marketing 5. Entrepreneurship 6. Agribusiness Project		

Nguồn:

1. <http://docplayer.org/136409479-Handbook-of-modules-for-the-study-course-agribusiness-b-a.html>

2. https://www.massey.ac.nz/massey/learning/programme-course/programme.cfm?prog_id=93420

3. https://my.uq.edu.au/programs-courses/program_list.html?acad_prog=2007

5.2. BIÊN BẢN HỘI THẢO MỞ NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN
KHOA BẤT ĐỘNG SẢN & KTTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

BIÊN BẢN HỘI THẢO KHOA HỌC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

I. Thông tin chung

Thời gian: 8h00 ngày 19 tháng 3 năm 2021

Địa điểm: Phòng hội thảo G, toà A1, Đại học Kinh tế quốc dân

Thành phần:

Các đại biểu đến từ bên ngoài

1. TS. Nguyễn Quốc Toàn: Cục Trưởng Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
 2. PGS.TS Nguyễn Hữu Tài: Chủ tịch Hiệp hội Chè Việt Nam
 3. PGS.TS Nghiêm Văn Lợi: Trường Đại học Thủy Lợi
 4. Ths. Lưu Đức Khải: Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương
 5. Bà Bùi Huy Hợp: Phó Giám đốc trung tâm nghiên cứu và phát triển hội nhập KH & CN Quốc tế - Bộ Khoa học và Công nghệ
 6. Ông Nguyễn Quốc An- CT HĐQT Công ty cá sạch Việt Nam
 7. Ông Phạm Ngọc Thành - Giám đốc Công ty Phúc Lâm
 8. TS Nguyễn Hữu Khánh - Viện chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và đầu tư
 9. Ông Trần Đại Pháp- Phó chủ tịch Chi hội Nhà Yến Việt Nam
 10. Ông Nguyễn Lê Đình Quý- Đại học FPT
 11. Ông Nguyễn Quốc Dũng - Kênh truyền hình VITV
 12. Ông Trần Văn Dũng - Viện hàn lâm khoa học xã hội
 13. Nguyễn Xuân Nghiêm - Viện kinh tế và quản lý trung ương
- Cán bộ giảng viên và sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Chủ trì: GS.TS. Hoàng Văn Cường, Phó hiệu trưởng - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Thư ký: Ths. Võ Thị Hòa Loan – Khoa BĐS và Kinh tế Tài nguyên

II. Diễn biến Tọa đàm

1. Mở đầu:

- ThS. Vũ Thành Bao – Phó trưởng Khoa BĐS và KTTN- Giới thiệu đại biểu và chương trình buổi hội thảo

- GS. TS Hoàng Văn Cường - Phó Hiệu trưởng - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân phát biểu đề dẫn hội thảo.

- PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo- Trưởng Khoa BĐS và KTTN trình bày sự cần thiết phải đào tạo nguồn nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay, đặc biệt với một quốc gia như Việt Nam, một nước có lợi thế phát triển nông nghiệp.

- GS.TS Hoàng Việt – Trường đại học Kinh tế quốc dân, trình bày tóm tắt tham luận Đào tạo Kinh doanh nông nghiệp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân: những vấn đề đặt ra; Nhu cầu nhân lực quản trị kinh doanh nông nghiệp ngày càng tăng cao do quy mô và trình độ sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp ngày càng được nâng cao.

- PGS.TS Nghiêm Văn Lợi – Trường đại học Thủy Lợi, giới thiệu tóm tắt tham luận Đào tạo Kinh doanh nông nghiệp ở một số nước và bài học kinh nghiệm cho các trường đại học Việt Nam.

- Ths. Lưu Đức Khải, Viện nghiên cứu và quản lý Kinh tế trung ương, trình bày tóm tắt tham luận: Nhu cầu và các kỹ năng cần thiết của nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp

2. Các ý kiến tại Tọa đàm:

2.1. Ông TS. Nguyễn Quốc Toàn-Cục trưởng cục chế biến nông sản và phát triển thị trường- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hội thảo có ý nghĩa đổi mới giáo dục; gắn đào tạo với nhu cầu thị trường, chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh nông nghiệp đòi hỏi phải đổi mới, đây là một chương trình đào tạo rất cần thiết hiện nay, nó có sự ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế quốc dân, đặc biệt đối với thị trường nguồn nhân lực trong ngành nông nghiệp.

Để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong giai đoạn mới, nông nghiệp thực sự trở thành trụ đỡ trong nền kinh tế, trong đóng góp GDP của quốc gia, thặng dư

xuất khẩu nông sản, cần huy động nguồn lực trong xã hội, như chương trình xây dựng nông thôn mới, một khát khao làm giàu từ các địa phương, từ các vùng miền, đến bản thân người nông dân. Do vậy, chúng ta phải có trách nhiệm chuyển tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, làm quen với giới hạn về nguồn lực sản xuất, chuyển đổi mô hình tư duy nhỏ lẻ sang tư duy sản xuất quy mô lớn. Đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp, những nhà quản trị lớn cho các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn, tập đoàn lớn, tạo ra phương thức sản xuất gắn kết với nông dân ví dụ chương trình ocoop, chương trình quốc gia phát triển nông nghiệp theo mô hình Nhật Bản - mỗi xã tạo ra 1 sản phẩm đặc sản mang tính vùng miền, chuyển từ đơn giá trị sang đa giá trị.

Kết hợp nông nghiệp với dịch vụ, nông nghiệp với thương mại và các ngành nghề khác, mô hình nông nghiệp đại bàng, kết hợp đại bàng với chim sẻ, nhằm phát huy sức mạnh kinh tế tư nhân, liên kết người nông dân, bằng nhiều biện pháp tạo ra sự ổn định sản xuất cho người nông dân. Đặc biệt chú trọng kinh tế nông thôn - mô hình HTX là cầu nối nông dân với thị trường, đặc biệt là đội ngũ giám đốc HTX, đưa sản phẩm nông nghiệp vào hệ thống siêu thị, kích hoạt thị trường nội địa, phát huy nhu cầu nội lực, thích ứng với nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

2.2. Ông GS.TS Phan Công Nghĩa, Quyền - Nguyên Phó Hiệu trưởng - Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân

Cần làm rõ hơn chuẩn đầu ra theo tiêu chuẩn đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp, đào tạo kinh doanh nông nghiệp là đào tạo theo định hướng nghiên cứu hay định hướng ứng dụng, làm rõ được theo định hướng nào thì chúng ta sẽ lựa chọn cân nhắc các tín chỉ đào tạo, cân nhắc xem nên lựa chọn như thế nào? Nghiêng hẳn về 1 bên ứng dụng hay lựa chọn cả hai hướng, muốn lựa chọn đúng cần khảo sát từ nhu cầu nguồn các doanh nghiệp hay từ các cơ sở đào tạo, hiện những khảo sát hiện tại chưa đủ minh chứng thuyết phục, việc khảo sát sẽ sát hơn sau 4 năm khi chúng ta có sinh viên tốt nghiệp, thiết kế chương trình sát với nhu cầu xã hội, thiết kế ma trận chuẩn đầu ra để đạt chuẩn đầu ra.

2.3 Ông Nguyễn Quốc An - Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cá sạch Việt Nam

- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân đào tạo cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp, học kinh doanh nông nghiệp để làm giàu, quản trị những doanh nghiệp, tập

đoàn nông nghiệp lớn, quản trị doanh nghiệp, khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp, phía doanh nghiệp mong muốn Trường đào tạo được nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu doanh nghiệp, doanh nghiệp cam kết giới thiệu và chia sẻ kiến thức về kinh doanh nông nghiệp, thực tế nguồn lực trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp hiện nay không đủ đáp ứng nhu cầu xã hội.

2.4 Ông Phạm Ngọc Thành - Giám đốc Công ty Phúc Lâm

Thị trường nông nghiệp Việt Nam khá đa dạng tiềm năng, kinh doanh hoạt động văn hóa, sản phẩm nông nghiệp, tìm ra cơ hội cho kinh doanh nông nghiệp. Tạo ra sản phẩm ít nhưng là những sản phẩm tinh tế, ví dụ một số công ty trên thế giới họ tạo ra được những sản phẩm nông nghiệp có lợi thế. Nói tóm lại, muốn thành công trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp, bản thân đối tượng phải có đam mê, tâm huyết, tình yêu với ngành nông nghiệp. Hiện nay nhu cầu về nguồn nhân lực cho ngành Kinh doanh rất lớn do xu hướng đầu tư vào Nông nghiệp càng ngày càng nhiều, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn và đầu tàu như Vingroup, TH true milk.

2.5. TS. Nguyễn Hữu Tài - Chủ tịch Hiệp hội chè Việt Nam

Một nhà kinh doanh nông nghiệp có kiến thức, phát hiện ra nhu cầu của thị trường, của xã hội biết tổ chức sản xuất kinh doanh, có kỹ năng, tư duy và phương pháp luận khoa học. Do vậy đào tạo nhà kinh doanh nông nghiệp cần lựa chọn các môn học thực sự cần thiết đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, nếu cần thiết mời chuyên gia trong lĩnh vực chuyên sâu. Đặc biệt nhà kinh doanh nông nghiệp phải rất am hiểu sản phẩm, đặc tính sản phẩm nông nghiệp, dự báo nhu cầu thị trường một cách chuẩn xác, trong quá trình đào tạo nhà trường cần trang bị kiến thức tối cần thiết, những kỹ năng cơ bản và chuyên sâu.

2.6. PGS.TS Nguyễn Thường Lạng- Viện Thương Mại – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Các trường đại học ở Việt Nam như Học viện nông nghiệp 1, Đại học Cần Thơ, Đại học Thái Nguyên có đào tạo cử nhân kinh doanh nông nghiệp tuy nhiên chủ yếu đào tạo trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp, cử nhân kinh doanh nông nghiệp, chúng ra hiểu theo nghĩa rộng, kinh doanh nông nghiệp không chỉ bó hẹp trong ngành nông nghiệp mà là sự liên kết các ngành nông nghiệp với công nghiệp, với ngân hàng, với du lịch, dịch vụ...

2.7. Ông Đỗ Thường Xuân- Trung tâm nghiên cứu và Phát triển hội nhập khoa

học và công nghệ Quốc tế - Bộ Khoa học và Công nghệ

Cần bổ sung đổi mới sáng tạo trong đào tạo kinh doanh nông nghiệp, đặc biệt các môn học dự báo, chuẩn đoán nông nghiệp, có chương trình hội thảo để chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao khoa học, đào tạo lãnh đạo; đào tạo cho các Giám đốc HTX nông nghiệp, chương trình đào tạo ngắn hạn.

2.8 Bà Bùi Huy Hợp - Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và Phát triển hội nhập khoa học và công nghệ Quốc tế - Bộ Khoa học và Công nghệ

Trong chương trình đào tạo chú trọng thêm các một số chuyên đề phân tích, dự báo, để đào tạo ra cử nhân kinh doanh nông nghiệp khác biệt hẳn so với một số trường đại học đã đào tạo trước đây trong kinh doanh nông nghiệp, phía Bộ Khoa học có hỗ trợ cộng đồng khoa học trong nước và quốc tế đối với doanh nghiệp tư nhân, với sản phẩm cụ thể, sẵn sàng đồng hành cùng nhà trường để đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh nông nghiệp ví dụ logistic trong sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu, thương mại điện tử trong kinh doanh nông nghiệp...

3. Câu hỏi và thảo luận:

- Nhu cầu đào tạo nhân lực kinh doanh nông nghiệp là nhu cầu thiết thực, cả về số lượng và chất lượng cần được đáp ứng theo nhu cầu của thị trường

- Đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp kết hợp chặt chẽ giữa nội dung lý thuyết và thực hành để SV có điều kiện tiếp xúc với thực tế ngay từ năm thứ hai. Chú trọng kỹ năng mềm và thực hành nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và cam kết về nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp.

- Trong Chương trình đào tạo, cần chú trọng công nghệ thông tin, dự báo, phát hiện là yếu tố quan trọng để SV có thể làm việc tốt trong nền kinh tế số.

- Nhà trường cần chủ động trong việc liên kết đào tạo các hiệp hội nghề nghiệp, và với cộng đồng doanh nghiệp, nhằm đảm bảo kết quả đào tạo đáp ứng tốt các yêu cầu thực tiễn của cộng đồng doanh nghiệp và các nhà quản lý trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp.

III. Kết luận của Chủ trì:

- Nhu cầu xã hội về đào tạo kinh doanh nông nghiệp là hết sức cần thiết, nhu cầu rất rộng từ sản xuất nông nghiệp đến kinh doanh nông nghiệp, phạm vi hoạt động tạo ra sức mạnh đến các lĩnh vực thương mại, du lịch dịch vụ...

- Đối tượng nguồn nhân lực rất lớn, chương trình phủ kín phạm vi nhu cầu,

các chuyên gia đều đồng tính và đánh giá cao thiết kế chương trình đào tạo, cần làm rõ hơn mục tiêu đào tạo, kiến thức kỹ năng, xác định hơn vị trí việc làm định hướng đào tạo.

- Minh chứng rõ hơn, kết cấu nội dung đào tạo đạt đến vấn đề trong bối cảnh công nghiệp 4.0, những vấn đề đổi mới sáng tạo, phân tích tầm nhìn trong xu thế mới. Với những đóng góp và gợi ý trên, chương trình đào tạo sẽ đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu trao đổi, hoàn thiện chương trình đào tạo.

- Cảm ơn đại biểu.

Tọa đàm kết thúc hồi 11h30 cùng ngày

Thư ký

Chủ trì

Ths. Võ Thị Hòa Loan

GS.TS Hoàng Văn Cường

5.3. PHIẾU KHẢO SÁT

KHẢO SÁT SỰ CẦN THIẾT VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN

Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân thực hiện khảo sát này phục vụ xây dựng Đề án mở ngành đào tạo Kinh doanh Nông nghiệp với mục tiêu chính là đào tạo cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong các Doanh nghiệp, Cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu của Ngành nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Phát triển Nông nghiệp công nghệ cao, Nông nghiệp thông minh và Hội nhập toàn cầu.

Xin Quý vị Đại biểu và người học vui lòng trả lời các thông tin dưới đây.

Xin chân thành cảm ơn sự tham gia của Quý vị và các bạn !

1. Xin vui lòng cho biết thông tin về công việc/ nghề nghiệp của Quý vị

1. Giảng viên/ Nhà khoa học
2. Cán bộ quản lý Nhà nước
3. Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh
4. Sinh viên
5. Học sinh
6. Công việc/ Nghề nghiệp khác

2. Xin vui lòng cho biết mức độ cần thiết của việc đào tạo ngành Kinh doanh

Nông nghiệp ở Việt Nam

1. Cần thiết rất cao
2. Cần thiết cao
3. Cần thiết trung bình
4. Cần thiết thấp

3. Lý do về sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam?

TT	Lý do	Câu trả lời			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
1	Nông nghiệp là ngành kinh tế truyền thống của Việt Nam và nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển nông nghiệp nhưng chưa khai thác hiệu quả				
2	Để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại				

TT	Lý do	Câu trả lời			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
3	Số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp lớn				
4	Trình độ cán bộ quản lý và người lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp của Việt Nam còn hạn chế				
5	Thời gian qua, các cơ sở sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong thực tiễn nên cần có nhiều người quản lý sản xuất kinh doanh giỏi				
6	Do yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, trình độ của cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp cần được nâng cao				
7	Việt Nam còn thiếu đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp có tài				
8	Ở Việt Nam, nhiều trường Đại học đào tạo về kỹ thuật hoặc kinh tế nông nghiệp nhưng đào tạo về kinh doanh nông nghiệp còn ít				
9	Dễ xin được việc làm do nhu cầu lao động quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam lớn				
10	Nhiều ngành đào tạo khác ở các trường đại học đã bão hòa				

4. Xin vui lòng cho biết sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Kinh doanh Nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

1. Cần thiết rất cao
2. Cần thiết cao
3. Cần thiết trung bình
4. Cần thiết thấp

5. Xin vui lòng cho biết lý do về sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Kinh doanh Nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

TT	Lý do	Câu trả lời			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
1	Là Trường ĐH lớn, có truyền thống lịch sử, nhiều kinh nghiệm trong đào tạo kinh tế và quản lý				
2	Đây là trách nhiệm của Nhà trường trong việc đào tạo, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho ngành nông nghiệp đất nước				
3	Trường có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp				
4	Trường cũng đã và đang đào tạo các ngành, chuyên ngành liên quan như: Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp...				
5	Có nhiều ngành đào tạo khác có thể liên kết, hỗ trợ để triển khai đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp				
6	Đây là ngành đào tạo mới, có sức hấp dẫn so với các ngành khác trong trường				

6. Theo Quý vị, nhu cầu học ngành Kinh doanh Nông nghiệp ở Việt Nam như thế nào?

1. Nhu cầu rất cao
2. Nhu cầu cao
3. Nhu cầu trung bình
4. Nhu cầu thấp

7. Những lý do cho thấy nhu cầu học ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam sẽ cao?

TT	Lý do	Câu trả lời			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
1	Nhu cầu xã hội cao, dễ xin việc làm				
2	Làm việc trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp đem lại thu nhập cao				
3	Là ngành đang rất hấp dẫn (hot) sinh viên trong tuyển sinh				
4	Là ngành sẽ rất hấp dẫn (hot) sinh viên đăng ký thời gian tới				
5	Đây là sự lựa chọn mới cho sinh viên so với những ngành đã có				
6	Hiện nay, phong trào khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp rất mạnh				

8. Theo Quý vị, nhu cầu học ngành Kinh doanh Nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân như thế nào?

1. Nhu cầu rất cao
2. Nhu cầu cao
3. Nhu cầu trung bình
4. Nhu cầu thấp

9. Xin cho biết tầm quan trọng của những lý do sau để sinh viên lựa chọn ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân thay vì các ngành khác

TT	Lý do	Câu trả lời			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
1	Nông nghiệp rất nhiều lĩnh vực nên nhu cầu xã hội cao, dễ xin việc làm hơn so với các ngành khác trong Trường				
2	Xin việc ở thành phố ngày càng khó khăn hơn				

TT	Lý do	Câu trả lời			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
3	Đây là một ngành học hay, hấp dẫn so với các ngành khác trong Trường				
4	Nhiều ngành học trong Trường trước đây rất hấp dẫn sinh viên, bây giờ đã bão hòa				
5	Đây là một ngành học có tính thực tế cao, gắn với thực tiễn kinh tế đất nước				
6	Kinh tế quốc dân là Trường ĐH lớn có thương hiệu nên không quá quan trọng ngành học				
7	Có thể điểm xét tuyển sẽ thấp hơn các ngành khác trong Trường				
8	Quá trình đào tạo sẽ gắn liền với thực tiễn				
9	Chương trình, giáo trình được biên soạn theo các Trường ĐH có uy tín ở nước ngoài				
10	Có nhiều cơ hội được hỗ trợ học bổng từ Nhà nước, Các tổ chức quốc tế, Các doanh nghiệp nông nghiệp...				

10. Quý vị đánh giá như thế nào về trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong các Doanh nghiệp, Cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay?

1. Rất thấp
2. Thấp
3. Trung bình
4. Cao
5. Rất cao

11. Quý vị đánh giá như thế nào về năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong các Doanh nghiệp, Cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay?

1. Rất thấp
2. Thấp
3. Trung bình
4. Cao

5. Rất cao

12. Mức độ phù hợp của ngành đào tạo (bằng cấp) của đội ngũ cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, Cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay?

1. Rất không phù hợp
2. Không phù hợp
3. Phù hợp trung bình
4. Phù hợp
5. Rất phù hợp

13. Lý do phù hợp hay chưa phù hợp về trình độ, ngành đào tạo (bằng cấp) của đội ngũ cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp?

TT	Lý do	Câu trả lời			
		Rất phổ biến	Phổ biến	Ít phổ biến	Không phổ biến
1	Trình độ (bằng cấp) chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc				
2	Ngành được đào tạo (bằng cấp) hoàn toàn không liên quan đến công việc				
3	Ngành được đào tạo (bằng cấp) hoàn toàn liên quan ít đến công việc				
4	Thiếu cán bộ được đào tạo chuyên về kinh doanh nông nghiệp				
5	Có bằng về kỹ thuật nông nghiệp nhưng lại làm về kinh doanh nông nghiệp				
6	Thiếu kiến thức, kinh nghiệm và nghiệp vụ chuyên môn về quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp				
7	Am hiểu về thị trường nông sản hạn chế				
8	Hạn chế trong tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp				
9	Hạn chế trong tìm thị trường, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp				
10	Hạn chế trong đổi mới sáng tạo ứng phó với những khó khăn trong kinh doanh nông nghiệp				

14. Quý vị đánh giá như thế nào về cơ hội việc làm hiện nay của sinh viên học ngành Kinh doanh Nông nghiệp?

1. Cơ hội việc làm rất nhiều
2. Cơ hội việc làm nhiều
3. Cơ hội việc làm trung bình
4. Cơ hội việc làm ít

15. Nếu tư vấn cho người khác HOẶC nếu lựa chọn ngành học ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, mức độ ưu tiên lựa chọn ngành Kinh doanh Nông nghiệp của Quý vị và các bạn như thế nào?

1. Mức độ ưu tiên rất cao
2. Mức độ ưu tiên cao
3. Mức độ ưu tiên trung bình
4. Mức độ ưu tiên thấp

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Khái quát chung về nhu cầu thực tiễn đối với nguồn nhân lực kinh doanh nông nghiệp

Nhu cầu thực tiễn ở Việt Nam đối với nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp ngày càng tăng. Nhận định trên được dựa trên cơ sở phân tích khái quát thực trạng ngành nông nghiệp thời gian qua cùng với những yêu cầu phát triển, hiện đại hóa ngành nông nghiệp đất nước trong thời gian tới. Cụ thể:

Thứ nhất, nông nghiệp là ngành quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam

Việt Nam là quốc gia có những lợi thế nhất định về phát triển kinh tế nông nghiệp. Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Việt Nam có lợi thế cạnh tranh về phát triển nông nghiệp nhiệt đới với điều kiện sinh thái đa dạng; số giờ nắng nhiều; nguồn nước dồi dào; nông dân có kỹ năng, cần cù chịu khó và giá ngày công tương đối thấp. Nhờ vậy, tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam đạt mức trung bình 3,5%/năm giai đoạn 1986 - 2017. Năng suất lúa gạo cao nhất trong khu vực Đông Nam Á đạt 5,6 tấn/ha, gần gấp đôi so với Thái Lan và gấp 1,5 lần so với Ấn Độ. Năng suất cà phê đạt 2,6 tấn nhân xô/ha, cao gấp 1,5 lần so với Brazil, gấp 3 lần so với Colombia, Indonesia. Năng suất hồ tiêu đạt 2,6 tấn/ha, gấp 3 lần so với Indonesia và 1,3 lần của Ấn Độ. Năng suất cá tra bình quân đạt 209 tấn/ha, có ao nuôi đạt 300 - 400 tấn/ha, cao nhất thế giới. Năng suất tôm thẻ chân trắng đạt 3,91 tấn/ha, cao hơn so với Ấn Độ (3,5 tấn/ha) và Thái Lan (3,6 tấn/ha)⁵. Với những lợi thế nêu trên, nông nghiệp Việt Nam sẽ tiếp tục được đầu tư phát triển mạnh trong thời gian tới, vẫn là ngành kinh tế quan trọng, là “trụ đỡ” cho kinh tế đất nước. Điều đó cũng được thể hiện trong phát biểu của Bà Helen Clark - Tổng giám đốc Cơ quan phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Hội thảo về cải cách kinh tế Việt Nam ở Hà Nội ngày 24/3/2014: “*Nông nghiệp chính là lợi thế kinh tế căn bản của Việt Nam. Không ai lại quay lưng với lợi thế của mình*”.

Mặc dù tỷ trọng giảm nhưng giá trị GDP của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (nông nghiệp) vẫn tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2019. GDP nông nghiệp theo giá hiện hành năm 2010 đạt 396.576 tỷ đồng (chiếm 18,38% GDP cả nước), chỉ tiêu này vẫn tăng mạnh qua các năm và đạt 842.601 tỷ đồng năm 2019 (chiếm 13,96% GDP cả nước). Theo giá so sánh 2010, GDP nông nghiệp năm 2019 đạt 510.632 tỷ đồng, gấp 1,29 lần năm 2010. Mặt khác, nông nghiệp cũng là ngành có đóng góp lớn cho xuất khẩu thu ngoại tệ cho đất nước. Theo báo cáo từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2020 đạt khoảng 41,2 tỷ USD, duy trì 9 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, trong đó có 5 mặt hàng có

⁵ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), Hội nghị toàn quốc “Thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp”, ngày 30/7/2018, Lâm Đồng.

kim ngạch trên 3 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ, tôm, rau quả, hạt điều, gạo)⁶.

Nông nghiệp Việt Nam cũng có ý nghĩa to lớn về xã hội với trách nhiệm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia với quy mô dân số đứng thứ 15 trên thế giới với 97,9 triệu người (tính đến 13/03/2020)⁷, trong đó dân số ở nông thôn trên 61,3 triệu người.. Ngành nông nghiệp cũng đóng vai trò chính trong tạo việc làm, thu nhập cho trên 37,6 triệu lao động nông thôn (2019), chiếm 67,6% tổng số lao động của cả nước.

Thứ hai, khu vực nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế.

Trong cơ cấu kinh tế năm Việt Nam năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%. Mặc dù xu hướng đã giảm liên tục trong nhiều năm trở lại đây tuy nhiên tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của Việt Nam vẫn còn cao hơn nhiều so với các nước công nghiệp phát triển và trong khu vực. Điều này cho thấy, trong những năm tới, khu vực nông nghiệp của Việt Nam vẫn có nhu cầu lớn về nhân lực.

Bảng 1. Tỷ trọng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2018 của Việt Nam và một số nước trên thế giới

TT	Nước	Tỷ trọng (%)	TT	Nước	Tỷ trọng (%)
1	Việt Nam	14,7	7	Australia	2,5
2	Indonesia	12,8	8	Hàn Quốc	2,0
3	Philippines	9,3	9	Hà Lan	1,6
4	Thái Lan	8,1	10	Nhật Bản	1,2
5	Malaysia	7,5	11	Mỹ	0,9
6	CHND Trung Hoa	7,2	12	Đức	0,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam 2019

Thứ ba, số lượng doanh nghiệp ngành nông nghiệp còn hạn chế

Quy mô ngành nông nghiệp của Việt Nam không nhỏ nhưng số lượng doanh nghiệp ngành nông nghiệp lại ít hơn nhiều so với các ngành khác. Theo Niên giám thống kê Việt Nam (2019), số lượng doanh nghiệp cả nước năm 2019 là 138.139 doanh nghiệp, trong đó ngành nông nghiệp chỉ có 2.029 doanh nghiệp (tỷ lệ 1,47%), ngành công nghiệp và xây dựng có 36.562 doanh nghiệp (26,47%) và ngành dịch vụ có 99.548 doanh nghiệp (72,06%). Số lượng doanh nghiệp nông nghiệp như trên còn quá ít, chưa tương xứng với vai trò và quy mô của ngành nông nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh các doanh nghiệp nông nghiệp, trang trại là hình thức tổ chức sản xuất

⁶ Thy Lê (2020), Xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2020 đạt 41 tỷ USD, Link: <https://vnbusiness.vn/thi-truong/xuat-khau-nong-lam-thuy-san-nam-2020-dat-41-ty-usd-1075625.html>

⁷ <https://danso.org/viet-nam/>

nông sản hàng hóa quy mô lớn, khắc phục bất cập của sản xuất nông hộ nhỏ lẻ, tự cung tự cấp. Thời gian qua, nhiều chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đã được ban hành để thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại và số lượng trang trại ở Việt Nam cũng đã tăng đáng kể nhưng tốc độ đang chững lại. Năm 2015, cả nước có 29.389 trang trại, tăng lên 33.477 trang trại năm 2016 và 33.848 trang trại năm 2017. Tuy nhiên, số lượng trang trại lại giảm còn 31.668 năm 2018 và tăng lên 32.313 năm 2019. Nhưng năm gần đây, ngành nông nghiệp cả nước nói chung và các trang trại nói riêng gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường. Để trang trại sản xuất kinh doanh có hiệu quả, các chủ trang trại vừa phải am hiểu sản xuất nông nghiệp đồng thời phải có kiến thức, kỹ năng nhất định về quản lý kinh doanh.

Như vậy, việc tăng cường đào tạo nâng cao trình độ điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh cho các cán bộ quản lý doanh nghiệp nông nghiệp, chủ trang trại là một trong những nội dung trọng tâm để đẩy mạnh khởi nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn; phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa lớn, hiện đại.

Thứ tư, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành nông nghiệp có xu hướng suy giảm trong những năm gần đây.

Một số chỉ tiêu về kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của khối doanh nghiệp ngành nông nghiệp có xu hướng ngày càng giảm. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp ở Việt Nam tăng liên tục giai đoạn 2010 - 2018 nhưng chỉ số này của các doanh nghiệp ngành nông nghiệp lại giảm. Năm 2010, lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp nông, lâm nghiệp và thủy sản đang hoạt động đạt 9.602 tỷ đồng (chiếm 2,69% tổng số), sau đó giảm liên tục qua các năm và chỉ còn 3.644 tỷ đồng năm 2018 (chỉ chiếm 0,41% tổng số).

Bảng 2. Lợi nhuận trước thuế, tỷ suất lợi nhuận và thu nhập bình quân người lao động của các doanh nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	2010	2015	2016	2017	2018
1	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)					
	Tổng số	356.301	552.747	711.975	877.534	895.560
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	9.602	6.495	4.818	4.958	3.644
	Tỷ lệ (%)	2,69	1,18	0,68	0,56	0,41
2	Tỷ suất lợi nhuận (%)					
	Tổng số	4,53	3,63	3,99	4,25	3,79
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	18,02	6,72	5,27	4,39	2,71
3	Thu nhập bình quân/tháng của người lao động (nghìn đồng)					
	Tổng số	4.124	6.966	7.514	8.269	8.816
	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.857	4.562	5.048	5.245	5.387
	Tỷ lệ (%)	93,53	65,49	67,18	63,43	61,10

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam 2019

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp nông nghiệp rất cao trong những năm trước, tuy nhiên chỉ tiêu này cũng giảm đáng kể những năm gần đây, thấp hơn khi so với chỉ tiêu này của tổng số doanh nghiệp. Tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp nông nghiệp đạt rất cao là 18,02% năm 2010 (chỉ tiêu này của tổng số doanh nghiệp cả nước chỉ là 4,53%), sau đó tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nông nghiệp nói riêng đều giảm. Đến năm 2018, tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp nông nghiệp chỉ còn 2,71% thấp hơn của tổng số doanh nghiệp cả nước là 3,79%. Mặt khác, mặc dù thu nhập bình quân/tháng của lao động đều tăng trong giai đoạn 2010 - 2019 nhưng tỷ lệ thu nhập bình quân/tháng của lao động trong doanh nghiệp nông nghiệp so với chỉ tiêu này trong tổng số ngày càng thấp thấp đi. Năm 2010, tỷ lệ thu nhập bình quân/tháng của lao động nông nghiệp so với tổng số là 93,53% nhưng sau đó giảm xuống còn 65,49% năm 2015 và chỉ còn 61,10% năm 2018. Để khắc phục những vấn đề trên, chúng ta cần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp nông nghiệp, trước hết là nâng cao năng lực điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh cho đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý của các doanh nghiệp nông nghiệp.

Thứ năm, số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp còn lớn

Mặc dù số lượng doanh nghiệp ít nhưng số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp lại rất lớn. Cơ cấu lao động ngành nông nghiệp đã giảm đáng kể trong những năm gần đây: năm 2015 có 23.135,7 nghìn lao động (chiếm 43,6%), giảm xuống còn 18.831,4 nghìn lao động năm 2019 (chiếm 34,5%). Quy mô và cơ cấu lao động của ngành nông nghiệp như trên còn quá lớn khi so với các ngành khác trong nền kinh tế.

Bảng 3. Cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm trong một số ngành kinh tế của Việt Nam

DVT: %

TT		2015	2016	2017	2018	2019
	TỔNG SỐ	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	43,6	41,6	40,6	37,6	34,5
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	15,9	17	17,8	18,4	20,7
3	Xây dựng	6,2	7,2	7,5	7,9	8,4
4	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	12,7	12,7	12,8	13,4	13,3
5	Vận tải, kho bãi	3,1	3,0	3,2	3,2	3,5
6	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	4,6	4,6	4,6	5,0	5,0

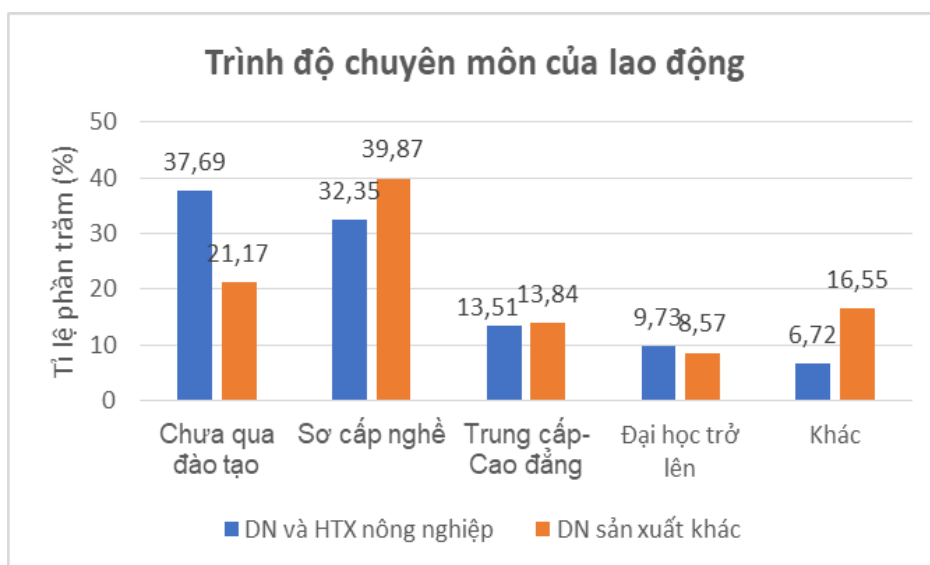
Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam 2019

Với lực lượng lao động nông nghiệp còn lớn và trước yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn; hội nhập kinh tế quốc tế; và phát triển nông nghiệp công nghệ cao, thông minh... thì nhu cầu đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp thời gian tới sẽ rất lớn, trong đó, nòng cốt là đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ lao động quản lý kinh doanh nông nghiệp.

Thứ sáu, trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp và lao động đang làm việc cho các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp còn hạn chế

Theo kết quả khảo sát doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp (2016)⁸, về trình độ chuyên môn của lao động, có tới 37,69% lao động trong nhóm DN-HTX nông nghiệp chưa qua đào tạo, cao hơn đáng kể so với nhóm doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực khác (21,17%). Tỷ lệ lao động có trình độ sơ cấp nghề của nhóm DN-HTX nông nghiệp là 32,35%, thấp hơn nhóm doanh nghiệp sản xuất khác (39,87%). Trong khi đó, tỷ lệ lao động có trình độ trung cấp, cao đẳng và từ đại học trở lên giữa hai nhóm là tương đương nhau (Hình 1). Điều đó cho thấy sự thiếu hụt đáng kể về trình độ chuyên môn của lao động của nhóm DN-HTX nông nghiệp so với nhóm doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực khác.

Đồ thị 1. Trình độ chuyên môn của lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp

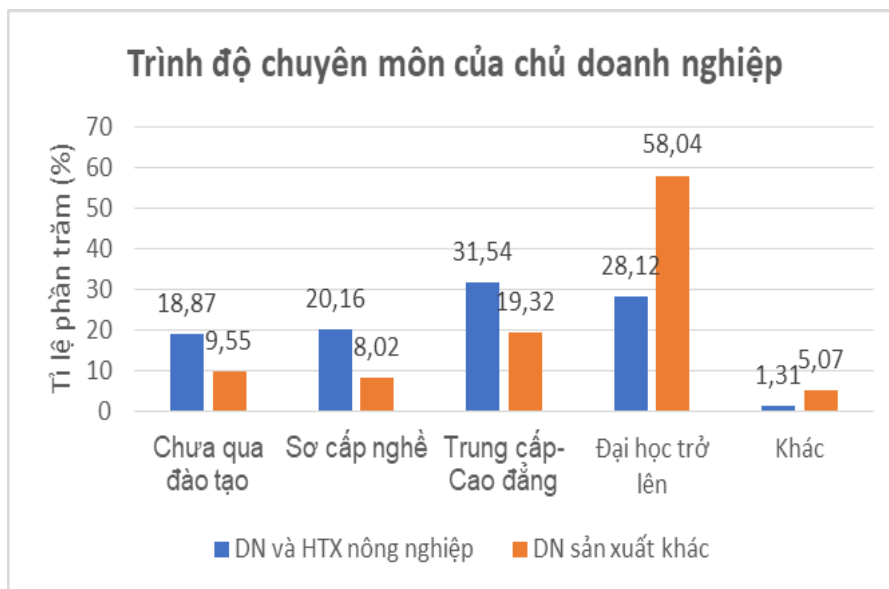


Về trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp, Hình 2 cũng cho thấy sự thiếu hụt của nhóm DN-HTX nông nghiệp so với nhóm doanh nghiệp sản xuất trong các lĩnh vực khác. Trong đó, tỷ lệ chủ doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên của nhóm DN-HTX nông nghiệp chỉ đạt 28,12%, thấp hơn đáng kể so với nhóm doanh nghiệp sản xuất khác (58,04%). Xét theo độ tuổi, tỷ lệ chủ doanh nghiệp trong các DN-HTX

⁸ Ngô Thị Phương Thảo, Phùng Minh Đức & Ngô Thu Hằng (2021), *Vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam*, Hội thảo: “Đào tạo nguồn nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội”, ĐH KTQD, 2021.

nông nghiệp có trình độ đại học trở lên cao nhất ở độ tuổi từ 36-45 tuổi (29,72%), thấp nhất ở độ tuổi trên 55 tuổi (17,34%). Tỷ lệ chủ doanh nghiệp ở độ tuổi từ 23-35 tuổi có trình độ đại học trở lên cũng ở mức tương đối thấp (24,63%) so với các nhóm khác.

Đồ thị 2. Trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp



Tóm lại, một số phân tích thống kê trên đã cho thấy, các DN-HTX nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay có sự thiếu hụt đáng kể về lao động có chuyên môn được đào tạo so với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh khác. Sự thiếu hụt này được thể hiện trong tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo ở mức khá cao, trong khi tỷ lệ chủ doanh nghiệp có trình độ đại học trở lên tương đối thấp. Thêm vào đó, các chủ doanh nghiệp có trình độ từ đại học trở lên của nhóm chủ doanh nghiệp trẻ ở mức khá thấp so với các nhóm tuổi khác.

Thứ bảy, nhiều chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đã được ban hành về phát triển nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số: 176/QĐ-TTg (ngày 29/01/2010) về việc phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 trong đó có quan điểm “*Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ cao trong nông nghiệp đủ về số lượng và có chất lượng cao cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở nước ta*”;

- Quyết định số: 1895/QĐ-TTg (ngày 17/12/2012) về việc phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 trong đó có nhiệm vụ phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg (ngày 03/6/2020) phê duyệt “*Chương trình Chuyển*

đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó nông nghiệp là một trong tám ngành, lĩnh vực cần được ưu tiên chuyển đổi số trước

- Dự thảo Văn Kiện Đại hội XIII xác định: *“Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh học...”*.

Để thực hiện được những mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, bên cạnh cơ chế, chính sách của Nhà nước, vai trò của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp mang tính quyết định. Để phát triển nông nghiệp trong tình hình mới, bên cạnh đào tạo nâng cao tay nghề cho nông dân, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp cần phải tăng cường đào tạo phát triển đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp thích ứng tốt với những biến động khó lường của thị trường nông sản, ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp thông minh.

2. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

2.1. Đối tượng và quy mô khảo sát

Để phục vụ cho xây dựng Đề án mở ngành Kinh doanh nông nghiệp, nhóm nghiên cứu Trường Đại học Kinh tế quốc dân đã tiến hành cuộc khảo sát thu thập thông tin về sự cần thiết và nhu cầu đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam nói chung và ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân nói riêng. Việc khảo sát được thực hiện từ tháng 12/2020 đến tháng 1/2021. Các đối tượng tham gia khảo sát gồm:

(1) Cán bộ quản lý nhà nước: những người đang làm quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn như Bộ Nông nghiệp & PTNT, Sở Nông nghiệp & PTNT ở các địa phương.

(2) Cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp như: doanh nghiệp nông nghiệp, HTX nông nghiệp, trang trại.

(3) Giảng viên/ các nhà khoa học từ các Trường Đại học, Viện nghiên cứu như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Đại học Nông Lâm Thái Nguyên, Đại học Tây Bắc, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT (Ipsard), ...

(4) Sinh viên: đang học tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân và ở một số Trường Đại học, Học viện khác.

Kết quả thu được 273 phiếu trả lời hợp lệ, số lượng và cơ cấu phiếu trả lời như sau:

Bảng 4. Số lượng và cơ cấu phiếu khảo sát

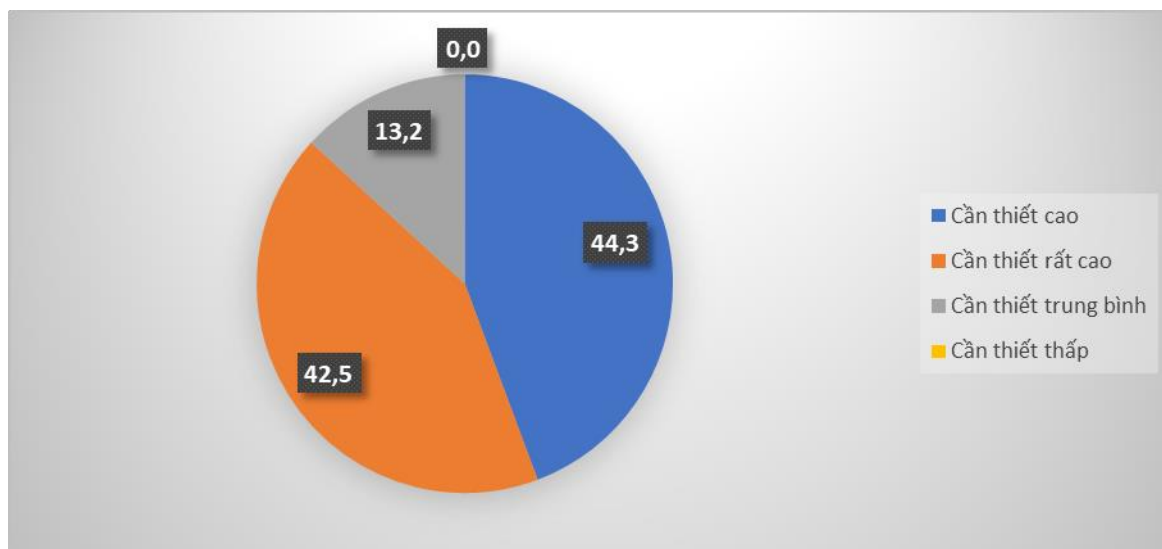
TT	Đối tượng phỏng vấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cán bộ quản lý Nhà nước	36	13,2
2	Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp	45	16,5
3	Giảng viên/ Nhà khoa học	47	17,2
4	Sinh viên	145	53,1
	Tổng	273	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

2.2. Sự cần thiết của đào tạo cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp

Kết quả khảo sát về sự cần thiết của đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam cho thấy có 42,5% đánh giá ở mức cần thiết rất cao; 44,3% đánh giá ở mức cần thiết cao; 13,2% đánh giá ở mức trung bình; và không có đánh giá nào ở mức cần thiết thấp.

Đồ thị 3. Kết quả khảo sát về mức độ cần thiết của việc đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Về lý do sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam, những người tham gia khảo sát đã lựa chọn một số lý do quan trọng, rất quan trọng như: (1) Hiệu quả sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam chưa cao; (2) Để đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn lớn, hiện đại; (3) Số lượng lao động ngành nông nghiệp còn lớn; (4) Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nông nghiệp còn thấp; (5) Ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn thời gian qua; (6) Để đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế; (7) Các chương trình đào

tạo kinh doanh nông nghiệp còn ít; (8) Nhu cầu đối với lao động quản lý kinh doanh nông nghiệp hiện nay lớn; ...

Về sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân, có 138 người cho rằng cần thiết cao (50,5%); 81 người cho rằng mức cần thiết rất cao (29,7%); còn lại 19,8% cho rằng ở mức cần thiết trung bình.

Bảng 5. Tỷ lệ đánh giá về mức độ cần thiết của đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

ĐVT: %

TT	Đánh giá	Cán bộ quản lý Nhà nước	Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp	Giảng viên/ Nhà khoa học	Sinh viên
1	Cần thiết rất cao	36,1	26,7	29,8	29,0
2	Cần thiết cao	58,3	60,0	59,6	42,8
3	Cần thiết trung bình	5,6	13,3	10,6	28,3

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

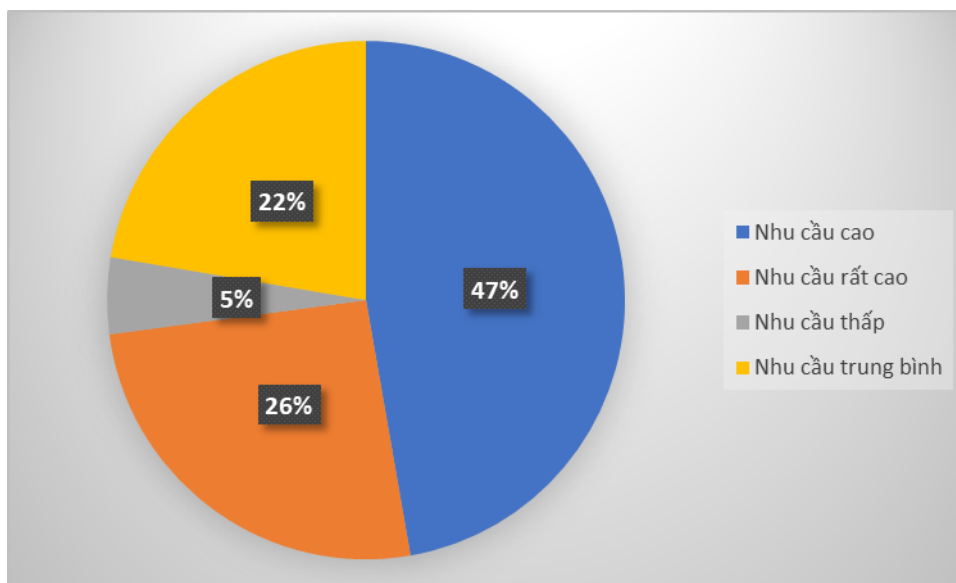
Theo Bảng 5, đánh giá mức độ “Cần thiết cao” ở các nhóm khảo sát đều chiếm tỷ lệ cao nhất, trong đó nhóm Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp có tỷ lệ đánh giá cao nhất là 60,0%; thấp nhất là nhóm sinh viên có tỷ lệ đánh giá là 42,8%. Ở mức độ “Cần thiết rất cao”, nhóm cán bộ quản lý có tỷ lệ đánh giá cao nhất là 36,1%; thấp nhất là nhóm Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp là 26,7%. Ở mức độ “Cần thiết trung bình”, nhóm sinh viên có tỷ lệ đánh giá cao nhất là 28,3%; trong khi nhóm cán bộ quản lý có tỷ lệ đánh giá thấp là 5,6%.

Những người tham gia khảo sát cũng có biết một số lý do chính để Trường Đại học Kinh tế quốc dân nên mở ngành đào tạo kinh doanh nông nghiệp là: (1) là Trường Đại học lớn, có truyền thống lịch sử, nhiều kinh nghiệm trong đào tạo kinh tế và quản lý; (2) Đây là trách nhiệm của Nhà trường trong việc đào tạo, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho ngành nông nghiệp đất nước; (3) Trường có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp; (4) Trường cũng đã và đang đào tạo các ngành, chuyên ngành liên quan như: Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp...; (5) Có nhiều ngành đào tạo khác có thể liên kết, hỗ trợ để triển khai đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp; (6) Đây là ngành đào tạo mới, có sức hấp dẫn so với các ngành khác trong trường...

2.3. Nhu cầu đào tạo cử nhân ngành kinh doanh nông nghiệp

Kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam cho thấy phần lớn những người được hỏi cho rằng nhu cầu cao (47%) và rất cao (26%); có 22% cho rằng nhu cầu ở mức trung bình; và chỉ 5% cho rằng nhu cầu ở mức thấp.

Đồ thị 4. Kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Khi xem xét kết quả trên theo đối tượng phỏng vấn, ở mức “Nhu cầu rất cao”, nhóm cán bộ quản lý có tỷ lệ đánh giá lớn nhất (41,7%), thấp nhất là nhóm sinh viên (18,6%). Ở mức “Nhu cầu cao”, nhóm Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp có tỷ lệ đánh giá cao nhất (64,4%), thấp nhất là nhóm sinh viên với 37,2%. Nhóm sinh viên có tỷ lệ đánh giá ở mức “Nhu cầu trung bình” cao nhất là 35,2%, và cũng có 9% nhóm sinh viên đánh giá ở mức “Nhu cầu thấp”. Điều này cho thấy sinh viên vẫn còn tâm lý e ngại lựa chọn các ngành học thuộc khối nông, lâm nghiệp.

Bảng 6. Tỷ lệ đánh giá nhu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam

ĐVT: %

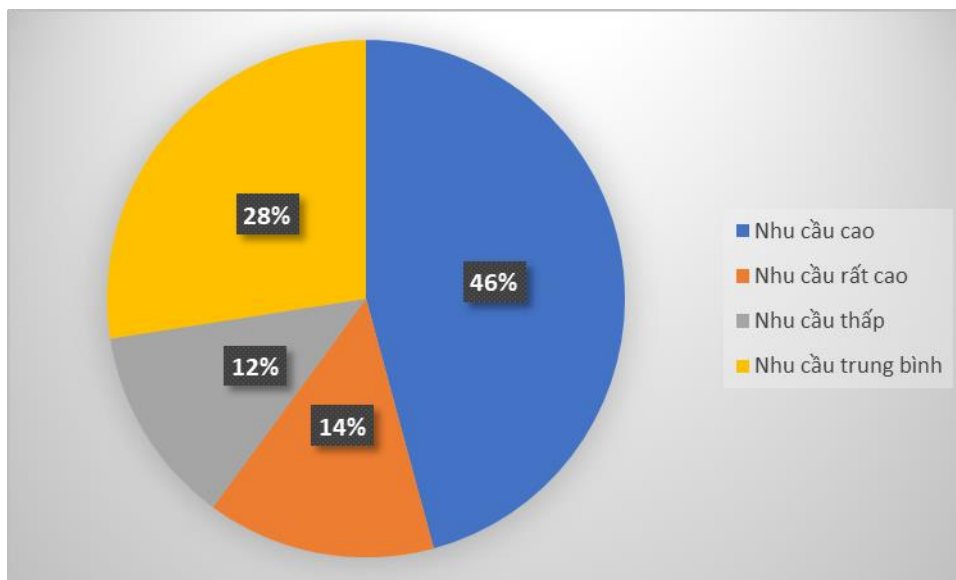
TT	Đánh giá	Cán bộ quản lý Nhà nước	Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp	Giảng viên/ Nhà khoa học	Sinh viên
1	Nhu cầu rất cao	41,7	26,7	34,0	18,6
2	Nhu cầu cao	52,8	64,4	57,4	37,2
2	Nhu cầu trung bình	5,6	8,9	8,5	35,2
3	Nhu cầu thấp	0,0	0,0	0,0	9,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Tổng hợp kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở

Trường Đại học Kinh tế quốc dân, tỷ lệ lớn cho rằng nhu cầu cao (45,8%), có 14,3% cho rằng nhu cầu rất cao; 27,5% cho rằng nhu cầu trung bình; và chỉ có 12,5% cho rằng nhu cầu thấp.

Đồ thị 5. Kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế Quốc dân



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

2.4. Kết quả khảo sát về trình độ đào tạo, năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn cho rằng đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp có trình độ đào tạo ở mức trung bình (52,0%), trình độ thấp (27,1%) và rất thấp (9,9%).

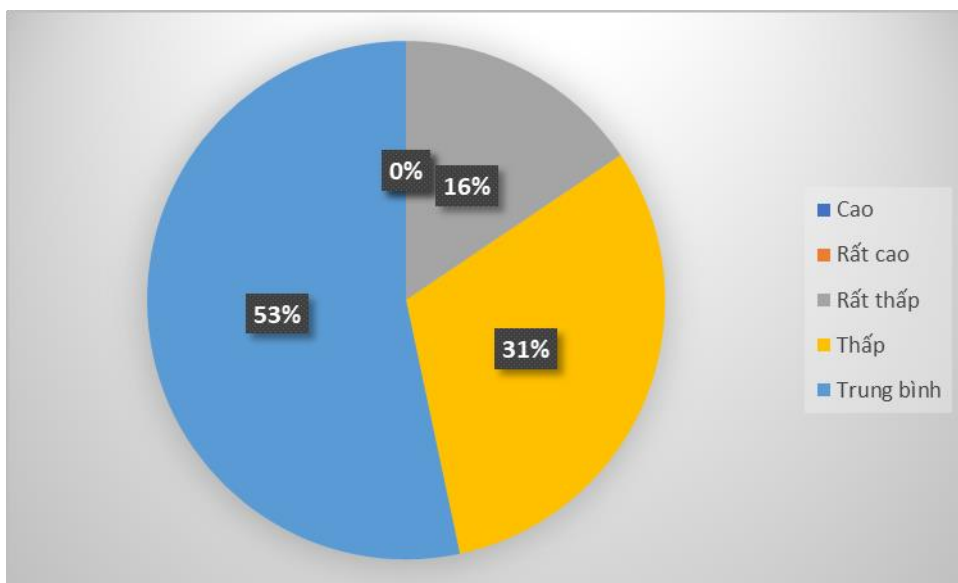
Bảng 7. Số lượng và tỷ lệ đánh giá về trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp

TT	Trình độ đào tạo	Số người trả lời	Tỷ lệ (%)
1	Rất cao	6	2,2
2	Cao	24	8,8
3	Trung bình	142	52,0
4	Thấp	74	27,1
5	Rất thấp	27	9,9
	Tổng số	273	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Tính riêng kết quả đánh giá của nhóm cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nông nghiệp, kết quả thu được cũng khá tương đồng.

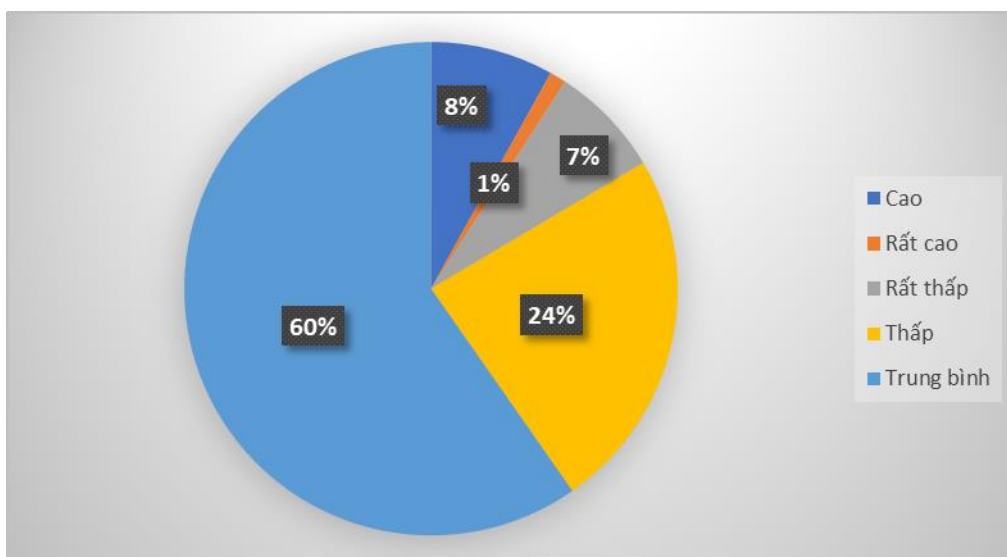
Đồ thị 6. Kết quả đánh giá của các cán bộ quản lý doanh nghiệp về trình độ của đội ngũ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở nông nghiệp



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Về năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nông nghiệp, kết quả khảo sát cũng phù hợp với trình độ đào tạo. Phần lớn các ý kiến cho rằng năng lực làm việc của đội ngũ này chỉ ở mức trung bình và thấp, cũng có một số ý kiến cho rằng ở mức độ cao nhưng không đáng kể.

Đồ thị 7. Kết quả đánh giá năng lực làm việc của đội ngũ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở nông nghiệp

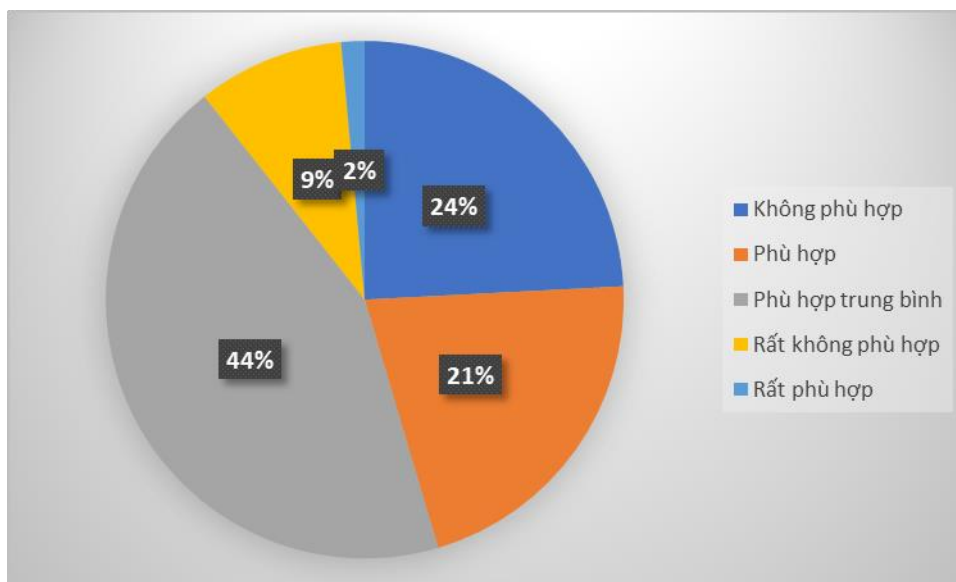


Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Có nhiều nguyên nhân của tình trạng năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nông nghiệp phổ biến ở mức trung bình

và thấp. Trước hết là do trình độ đào tạo của đa số cán bộ quản lý ở mức trung bình và thấp, kể đến là ngành đào tạo (bằng cấp) không phù hợp với yêu cầu công việc. Kết quả khảo sát cho thấy có 44,0% số người được hỏi cho rằng ngành đào tạo (bằng cấp) của họ chỉ phù hợp ở mức trung bình, 24,2% cho rằng không phù hợp.

Đồ thị 8. Mức độ phù hợp của ngành đào tạo (bằng cấp) của đội ngũ quản lý trong các doanh nghiệp, cơ sở nông nghiệp với yêu cầu công việc



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Những kết quả trên cho thấy trình độ và năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh nông nghiệp hiện nay còn ở mức trung bình và thấp, thậm chí rất thấp. Mặt khác, ngành đào tạo (bằng cấp) của họ lại không phù hợp với yêu cầu công việc. Cho nên thời gian tới, các doanh nghiệp, cơ sở nông nghiệp cần tăng cường đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ quản lý mình để đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Nhà nước và các cơ sở đào tạo cần tăng cường mở các ngành đào tạo, các khóa đào tạo về quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu nêu trên.

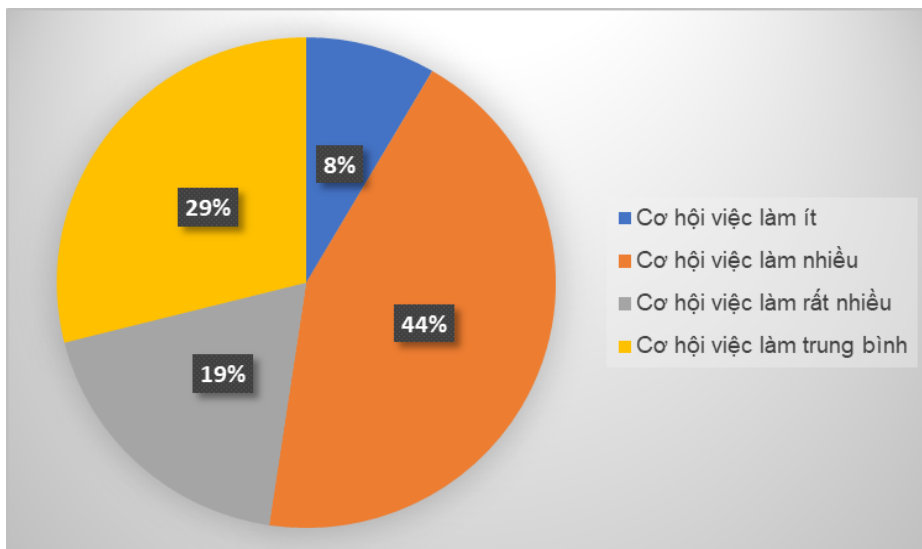
2.5. Đánh giá về cơ hội việc làm của sinh viên học ngành kinh doanh nông nghiệp

Cơ hội việc làm của sinh viên sau khi ra trường có thể coi là tiêu chí quan trọng nhất để sinh viên lựa chọn ngành học và các trường đại học xây dựng chương trình đào tạo. Như phân tích phần trên, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, quy mô ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, dư địa cho phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp vẫn còn nhiều. Những năm gần đây, làn sóng đầu tư vào nông nghiệp ngày càng mạnh, số lượng doanh nghiệp nông nghiệp tăng nhanh và đã hình thành một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Do vậy, cơ hội việc làm của sinh viên học

ngành kinh doanh nông nghiệp hiện nay và thời gian tới sẽ rất nhiều.

Kết quả khảo sát về cơ hội việc làm của sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp cho thấy, có 44,0% số người được hỏi cho rằng cơ hội việc làm nhiều; 18,7% cho rằng cơ hội việc làm rất nhiều.

Đồ thị 9. Cơ hội việc làm của sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp

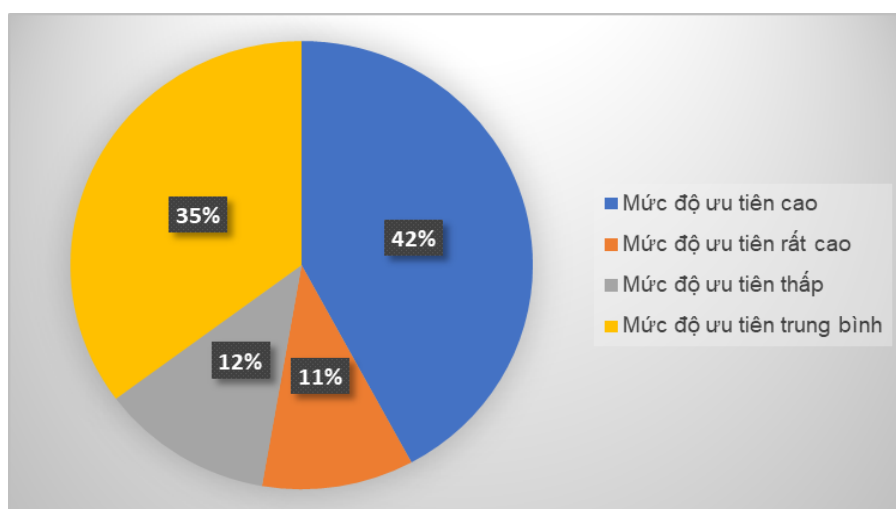


Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

2.6. Đánh giá về mức độ ưu tiên chọn học ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Khi được hỏi rằng nếu tư vấn cho người khác hoặc nếu lựa chọn ngành học ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân, 52,7% số người được hỏi chọn mức độ ưu tiên cao và rất cao; 35,2% chọn mức độ ưu tiên trung bình; và 12,1% chọn mức độ ưu tiên thấp.

Đồ thị 10. Mức độ ưu tiên chọn học ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế Quốc dân



Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Kết quả trên cho thấy có 35,2% lựa chọn mức độ ưu tiên trung bình, kết quả đó chủ yếu đến từ nhóm sinh viên (với 40,0% sinh viên lựa chọn). Điều này cũng dễ hiểu vì đa số sinh viên tham gia khảo sát là sinh viên Trường Đại học Kinh tế quốc dân và ngành Kinh doanh nông nghiệp được đem ra so sánh với rất nhiều ngành học hấp dẫn khác của Trường. Tuy nhiên với tỷ lệ ưu tiên lựa chọn cao của 34,5% sinh viên và 52,7% tổng số người phỏng vấn lựa chọn mức độ ưu tiên cao và rất cao cũng là kết quả khả quan để trường Đại học Kinh tế quốc dân xem xét xây dựng và mở ngành đào tạo Kinh doanh nông nghiệp.

DỮ LIỆU VÀ MỘT SỐ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Xin vui lòng cho biết thông tin về công việc/ nghề nghiệp của Quý vị

TT	Đối tượng khảo sát	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Cán bộ quản lý Nhà nước	36	13,2
2	Cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh	47	17,2
3	Giảng viên/ Nhà khoa học	47	17,2
4	Sinh viên	143	52,4
	Tổng	273	100,0

2. Xin vui lòng cho biết mức độ cần thiết của việc đào tạo ngành Kinh doanh Nông nghiệp ở Việt Nam

TT	Mức độ cần thiết	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Cần thiết cao	121	44,3
2	Cần thiết rất cao	116	42,5
3	Cần thiết trung bình	36	13,2
4	Không cần thiết	0	0,0
	Tổng	273	100,0

3. Lý do về sự cần thiết đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam?

TT	Lý do	Câu trả lời							
		Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Nông nghiệp là ngành kinh tế truyền thống của Việt Nam và nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển nông nghiệp nhưng chưa khai thác hiệu quả	120	44,0	121	44,3	32	11,7	0	0,0
2	Đề đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, hiện đại	149	57,3	86	33,1	25	9,6	0	0,0

TT	Lý do	Câu trả lời							
		Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
3	Số lượng lao động đang làm việc trong ngành nông nghiệp lớn	86	31,7	158	58,3	27	10,0	0	0,0
4	Trình độ cán bộ quản lý và người lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp của Việt Nam còn hạn chế	147	53,8	93	34,1	33	12,1	0	0,0
5	Thời gian qua, các cơ sở sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong thực tiễn nên cần có nhiều người quản lý sản xuất kinh doanh giỏi	122	44,7	109	39,9	42	15,4	0	0,0
6	Do yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, trình độ của cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp cần được nâng cao	152	55,7	92	33,7	29	10,6	0	0,0
7	Việt Nam còn thiếu đội ngũ doanh nhân, cán bộ quản lý kinh doanh nông nghiệp có tài	127	46,5	108	39,6	38	13,9	0	0,0
8	Ở Việt Nam, nhiều trường Đại học đào tạo về kỹ thuật hoặc kinh tế nông nghiệp nhưng đào tạo về kinh doanh nông nghiệp còn ít	128	46,9	108	39,6	37	13,6	0	0,0
9	Dễ xin được việc làm do nhu cầu lao động quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam lớn	91	33,3	129	47,3	53	19,4	0	0,0
10	Nhiều ngành đào tạo khác ở các trường đại học đã bão hòa	120	44,0	85	31,1	36	13,2	32	11,7

4. Xin vui lòng cho biết sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Kinh doanh Nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế quốc dân

TT	Mức độ cần thiết mở ngành đào tạo Kinh doanh Nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Cần thiết cao	136	49,8
2	Cần thiết rất cao	83	30,4
3	Cần thiết trung bình	54	19,8
4	Không cần thiết	0	0,0
	Tổng	273	100,0

5. Xin vui lòng cho biết lý do về sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Kinh doanh Nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế quốc dân

TT	Lý do về sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo Kinh doanh Nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Câu trả lời							
		Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Là Trường ĐH lớn, có truyền thống lịch sử, nhiều kinh nghiệm trong đào tạo kinh tế và quản lý	139	50,9	78	28,6	34	12,5	22	8,1
2	Đây là trách nhiệm của Nhà trường trong việc đào tạo, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho ngành nông nghiệp đất nước	115	42,1	106	38,8	37	13,6	15	5,5
3	Trường có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp	133	48,7	100	36,6	28	10,3	12	4,4
4	Trường cũng đã và đang đào tạo các ngành, chuyên ngành liên quan như: Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp...	125	45,8	93	34,1	47	17,2	8	2,9
5	Có nhiều ngành đào tạo khác có thể liên kết, hỗ trợ để triển khai đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp	126	46,2	90	33,0	49	17,9	8	2,9
6	Đây là ngành đào tạo mới, có sức hấp dẫn so với các ngành khác trong trường	128	46,9	90	33,0	49	17,9	6	2,2

6. Theo Quý vị, nhu cầu học ngành Kinh doanh Nông nghiệp ở Việt Nam như thế nào?

TT	Nhu cầu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Nhu cầu cao	130	47,6
2	Nhu cầu rất cao	68	24,9
3	Nhu cầu thấp	13	4,8
4	Nhu cầu trung bình	61	22,3
5	Không có câu trả lời	1	,4
	Tổng	273	100,0

7. Những lý do cho thấy nhu cầu học ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam sẽ cao?

TT	Lý do	Câu trả lời							
		Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Là Trường ĐH lớn, có truyền thống lịch sử, nhiều kinh nghiệm trong đào tạo kinh tế và quản lý	101	37,0	134	49,1	38	13,9	0	0,0
2	Đây là trách nhiệm của Nhà trường trong việc đào tạo, cung cấp nhân lực chất lượng cao cho ngành nông nghiệp đất nước	73	26,7	108	39,6	56	20,5	36	13,2
3	Trường có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học, cơ sở vật chất đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp	69	25,4	115	42,3	61	22,4	27	9,9
4	Trường cũng đã và đang đào tạo các ngành, chuyên ngành liên quan như: Kinh tế nông nghiệp, Quản trị kinh doanh nông nghiệp...	116	42,5	97	35,5	36	13,2	24	8,8
5	Có nhiều ngành đào tạo khác có thể liên kết, hỗ trợ để triển khai đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp	103	37,7	113	41,4	46	16,8	11	4,0
6	Đây là ngành đào tạo mới, có sức hấp dẫn so với các ngành khác trong trường	99	36,3	93	34,1	57	20,9	24	8,8

8. Theo Quý vị, nhu cầu học ngành Kinh doanh Nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế quốc dân như thế nào?

TT	Nhu cầu học ngành kinh doanh nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Nhu cầu cao	124	45,4
2	Nhu cầu rất cao	39	14,3
3	Nhu cầu thấp	34	12,5
4	Nhu cầu trung bình	76	27,8
	Tổng	273	100,0

9. Xin cho biết tầm quan trọng của những lý do sau để sinh viên lựa chọn ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Trường ĐH Kinh tế quốc dân thay vì các ngành khác

TT	Lý do sinh viên lựa chọn ngành Kinh doanh nông nghiệp ở ĐH Kinh tế Quốc dân	Câu trả lời							
		Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Nông nghiệp rất nhiều lĩnh vực nên nhu cầu xã hội cao, dễ xin việc làm hơn so với các ngành khác trong Trường	89	32,6	116	42,5	60	22,0	8	2,9
2	Xin việc ở thành phố ngày càng khó khăn hơn	150	54,9	84	30,8	33	12,1	6	2,2
3	Đây là một ngành học hay, hấp dẫn so với các ngành khác trong Trường	66	24,2	125	45,8	64	23,4	18	6,6
4	Nhiều ngành học trong Trường trước đây rất hấp dẫn sinh viên, bây giờ đã bão hòa	101	37,0	116	42,5	48	17,6	8	2,9
5	Đây là một ngành học có tính thực tế cao, gắn với thực tiễn kinh tế đất nước	132	48,4	114	41,8	27	9,9	0	0,0
6	Kinh tế quốc dân là Trường ĐH lớn có thương hiệu nên không quá quan trọng ngành học	64	23,4	98	35,9	81	29,7	30	11,0
7	Có thể điểm xét tuyển sẽ thấp hơn các ngành khác trong Trường	142	52,0	100	36,6	27	9,9	4	1,5
8	Quá trình đào tạo sẽ gắn liền với thực tiễn	129	47,3	101	37,0	43	15,8	0	0,0
9	Chương trình, giáo trình được biên soạn theo các Trường ĐH có uy tín ở nước ngoài	104	38,2	110	40,4	49	18,0	9	3,3
10	Có nhiều cơ hội được hỗ trợ học bổng từ Nhà nước, Các tổ chức quốc tế, Các doanh nghiệp nông nghiệp...	79	29,3	132	48,9	40	14,8	19	7,0

10. Quý vị đánh giá như thế nào về trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong các Doanh nghiệp, Cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp?

TT	Trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý sxkd nông nghiệp	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Cao	24	8,8
2	Rất cao	6	2,2
3	Rất thấp	25	9,2
4	Thấp	74	27,1
5	Trung bình	144	52,7
	Tổng	273	100,0

11. Quý vị đánh giá như thế nào về năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh trong các Doanh nghiệp, Cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp

TT	Năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý sxkd nông nghiệp	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Cao	22	8,1
2	Rất cao	3	1,1
3	Rất thấp	20	7,3
4	Thấp	64	23,4
5	Trung bình	164	60,1
	Tổng	273	100,0

12. Mức độ phù hợp của ngành đào tạo (bằng cấp) của đội ngũ cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, Cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam

TT	Năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý sxkd nông nghiệp	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Không phù hợp	64	23,4
2	Phù hợp	57	20,9
3	Phù hợp trung bình	122	44,7
4	Rất không phù hợp	25	9,2
5	Rất phù hợp	4	1,5
6	Không có câu trả lời	1	,4
	Tổng	273	100,0

13. Lý do phù hợp hay chưa phù hợp về trình độ, ngành đào tạo (bằng cấp) của đội ngũ cán bộ quản lý trong các Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp?

TT	Lý do	Câu trả lời							
		Rất phổ biến		Phổ biến		Ít phổ biến		Không phổ biến	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ (bằng cấp) chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc	162	60,2	81	30,1	26	9,7	0	0,0
2	Ngành được đào tạo (bằng cấp) hoàn toàn không liên quan đến công việc	49	17,9	98	35,9	106	38,8	20	7,3
3	Ngành được đào tạo (bằng cấp) hoàn toàn liên quan ít đến công việc	125	46,1	99	36,5	41	15,1	6	2,2
4	Thiếu cán bộ được đào tạo chuyên về kinh doanh nông nghiệp	137	50,6	113	41,7	21	7,7	0	0,0
5	Có bằng về kỹ thuật nông nghiệp nhưng lại làm về kinh doanh nông nghiệp	161	59,0	89	32,6	23	8,4	0	0,0
6	Thiếu kiến thức, kinh nghiệm và nghiệp vụ chuyên môn về quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp	130	47,6	110	40,3	25	9,2	8	2,9
7	Am hiểu về thị trường nông sản hạn chế	164	60,7	73	27,0	33	12,2	0	0,0
8	Hạn chế trong tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp	116	42,8	97	35,8	43	15,9	15	5,5

14. Quý vị đánh giá như thế nào về cơ hội việc làm hiện nay của sinh viên học ngành Kinh doanh Nông nghiệp?

TT	Cơ hội việc làm của sv học kinh doanh nông nghiệp	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Cơ hội việc làm ít	23	8,4
2	Cơ hội việc làm nhiều	119	43,6
3	Cơ hội việc làm rất nhiều	52	19,0
4	Cơ hội việc làm trung bình	79	28,9
	Tổng	273	100,0

15. Nếu tư vấn cho người khác HOẶC nếu lựa chọn ngành học ở Trường ĐH Kinh tế quốc dân, mức độ ưu tiên lựa chọn ngành Kinh doanh Nông nghiệp của Quý vị và các bạn như thế nào?

TT	Mức độ ưu tiên lựa chọn ngành kinh doanh nông nghiệp ở ĐH Kinh tế Quốc dân	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Mức độ ưu tiên cao	114	41,8
2	Mức độ ưu tiên rất cao	29	10,6
3	Mức độ ưu tiên thấp	33	12,1
4	Mức độ ưu tiên trung bình	97	35,5
	Tổng	273	100,0

5.4. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành	Cơ quan, đơn vị chủ quản	Phụ trách giảng dạy các học phần
1	Ngô Thị Phương Thảo, 1977, Trưởng Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên.	PGS, 2018	TS, Việt nam, 2012	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị rủi ro trong Nông nghiệp Kinh tế tài nguyên đất 1
2	Vũ Thị Minh, 1964	PGS, 2010	TS Việt nam, 2004	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên 1 Kinh tế và quản lý phát triển cộng đồng Môi trường kinh doanh nông nghiệp
3	Hoàng Mạnh Hùng, 1978, Trưởng Bộ môn Kinh tế nông nghiệp		TS, Việt nam, 2015	Kinh tế	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế nông nghiệp 1 Kinh tế nông nghiệp 2 Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
4	Hoàng Việt, 1954, Khoa Bất động sản và KTTN	GS, 2003	TS, CHLB Nga, 1989	Kinh tế Nông nghiệp	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên 1 Kinh doanh nông nghiệp 1 Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành	Cơ quan, đơn vị chủ quản	Phụ trách giảng dạy các học phần
5	Phạm Văn Khôi, 1954, Khoa BDS và KTTN	PGS, 2003	TS, Việt Nam,	Kinh tế Nông nghiệp	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Quy hoạch phát triển nông thôn
6	Trần Quốc Khánh 1954, Khoa BDS và KTTN	PGS, 2003	TS, Việt nam	Kinh tế Nông nghiệp	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh doanh nông nghiệp 1 Kinh doanh nông nghiệp 2
7	Phạm Lan Hương, 1976, Khoa BDS và KTTN		TS, Việt nam, 2013	Kinh tế Nông nghiệp	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên đất 1 Thị trường bất động sản Kinh tế nông nghiệp 1
8	Nguyễn Thị Hải Yến, 1979, Khoa BDS và KTTN		TS, Việt nam, 2015	Kinh doanh Bất động sản	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Thị trường bất động sản Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp
9	Nguyễn Thị Tùng Phương, 1978, Khoa BDS và KTTN		TS, Việt nam, 2019	Kinh doanh Bất động sản	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Thị trường bất động sản Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp
10	Nguyễn Thanh Lâm, 1986, Khoa BDS và KTTN		TS, Việt nam, 2021	Kinh doanh Bất động sản	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên đất 1 Thị trường bất động sản Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành	Cơ quan, đơn vị chủ quản	Phụ trách giảng dạy các học phần
11	Nguyễn Hữu Dũng, 1978, Khoa BDS và KTTN		TS, Hàn Quốc, 2012	Kinh tế sinh thái, môi trường rừng	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên 1 Thị trường tài nguyên và sản phẩm tài nguyên
12	Trần Thị Hồng Việt, Viện Quản trị kinh doanh	PGS.2019	TS, Việt nam	Kinh tế Nông nghiệp	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh 1 Kinh doanh nông nghiệp 1 Kinh doanh nông nghiệp 2
13	Võ Thị Hòa Loan, 1978, Khoa BDS và KTTN		Ths, Việt Nam, 2005	Kinh tế Nông nghiệp	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế thủy sản Quy hoạch phát triển nông thôn Kinh tế nông nghiệp 1
14	Nguyễn Hà Hưng, 1981, Khoa BDS và KTTN		Ths, Việt Nam, 2008	Kinh tế Nông nghiệp	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý trang trại Kinh tế và quản lý phát triển cộng đồng Thị trường nông sản thế giới

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành	Cơ quan, đơn vị chủ quản	Phụ trách giảng dạy các học phần
15	Nguyễn Hoàng Hoa, 1985, Khoa BĐS và KTTN		Ths, Hàn Quốc, 2015	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Thị trường nông sản thế giới Kinh doanh nông nghiệp 1 Kinh tế tài nguyên nước
16	Trần Mai Hương, 1978 Khoa BĐS và KTTN		Ths, Hoa Kỳ, 2005	Khoa học cây trồng	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên 1 Thị trường tài nguyên và sản phẩm tài nguyên Kinh tế nông nghiệp 1
17	Phùng Chí Cường, 1978, Khoa BĐS và KTTN		Ths, Việt Nam, 2016	Kinh tế và quản lý địa chính	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Công nghệ nông nghiệp Kinh tế nông nghiệp 1
18	Vũ Thành Bao, 1977, Khoa BĐS và KTTN		Ths, Việt Nam	Ths, Kỹ thuật trắc địa	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên đất 1 Công nghệ nông nghiệp
19	Trần Minh Thư,		Ths, Việt Nam, 2011	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Thị trường bất động sản Kinh doanh nông nghiệp 2
21	Trần Thu Thủy, 1990, Khoa BĐS và KTTN		Ths, Việt Nam, 2015	Kinh tế và quản lý địa chính	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế tài nguyên đất 1 Thị trường bất động sản

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành	Cơ quan, đơn vị chủ quản	Phụ trách giảng dạy các học phần
22	Nguyễn Đức Kiên, 1991, Khoa BĐS và KTTN		Ths, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Thị trường bất động sản Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp
23	Nguyễn Hữu Khánh 1975, Viện chiến lược phát triển, Bộ kế hoạch và đầu tư		TS, Việt nam 2013	Nghiên cứu vùng	Viện chiến lược phát triển, Bộ kế hoạch và đầu tư	Thị trường tài nguyên và sản phẩm tài nguyên Kinh tế tài nguyên 1
24	Nguyễn Tiến Định, 1978, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		TS, Việt nam, 2019	Kinh tế nông nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuyên đề marketing nông nghiệp Thị trường nông sản thế giới
25	Nguyễn Như Trang, 1986, Đại học Thái Nguyên		TS, Việt nam, 2020	Kinh tế nông nghiệp	Trường Đại học Thái Nguyên	Quản lý trang trại Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp
26	Trần Thị Thoa , 1974, Học viện Hành chính Quốc gia		TS, Việt nam, 2020	Kinh tế nông nghiệp	Học viện Hành chính Quốc gia	Kinh tế nông nghiệp 1 Kinh tế nông nghiệp 1
27	Nguyễn Tuấn Anh, 1985, Viện Kinh tế và quản lý thủy lợi		TS, Việt nam, 2020	Kinh tế nông nghiệp	Viện Kinh tế và quản lý thủy lợi	Kinh tế tài nguyên nước Kinh tế nông nghiệp 1

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành	Cơ quan, đơn vị chủ quản	Phụ trách giảng dạy các học phần
28	Trần Gia Long, 1974, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		TS, Việt Nam, 2012	Kinh tế nông nghiệp	Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn	Quản lý trang trại Quy hoạch phát triển nông thôn
29	Lưu Đức Khải, 1968, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương		Ths, Quốc gia Úc 2004	Quản trị kinh doanh	Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương	Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Ngô Thị Phương Thảo

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 30/05/1977

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Quê quán: Can Lộc, Hà Tĩnh

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2011 - Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất: PGS

Năm bổ nhiệm: 2018

Chức vụ hiện tại: Trưởng Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Bất động sản & Kinh tế Tài nguyên

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: P703 - A1 - Đại học Kinh tế Quốc dân

Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DD: 0904682369

Fax: Email: thaonp@neu.edu.vn ; phuongthaoneu@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Ngành học: Tài chính Doanh nghiệp

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1999

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Kinh tế học

Năm cấp bằng: 2004

Nơi đào tạo: Trường Đại học Quốc Gia Úc

- Tiến sĩ chuyên ngành: Kinh tế

Năm cấp bằng: 2011

Nơi đào tạo:

- Tên luận án:

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Thành thạo

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 2000-2008	Trường Đại học Kinh tế quốc	Bộ môn Kinh tế và quản lý địa

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
	dân. 207 Đường Giải phóng-HBT -HN	chính - ĐHKQTĐ
Từ 2008- 2017	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội- 207 Đường Giải phóng- Hai bà trung Hà nội	Phó trưởng Bộ môn Kinh tế và quản lý địa chính - ĐHKQTĐ
Từ 2014- 2017	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội- 207 Đường Giải phóng- Hai bà trung Hà nội	Phó trưởng BM Kinh tế và quản lý địa chính - kiêm giám đốc trung tâm
Từ 5/2017- 2/2019	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội- 207 Đường Giải phóng- Hai bà trung Hà nội	Trưởng Bộ môn Kinh tế tài nguyên
Từ 2/2019 - nay	Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội- 207 Đường Giải phóng- Hai bà trung Hà nội	Trưởng Khoa -Khoa BĐS và KTTN

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Hoàn thiện mô hình quản lý Địa chính ở Việt Nam	2007	Đề tài Cấp cơ sở	Tham gia
2.	Phát triển hoạt động thế chấp BĐS trong các NHTMVN	2010	Đề tài cấp cơ sở	Chủ trì
3.	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp nông nghiệp VN	2013	Đề tài cấp cơ sở	Tham gia
4.	Điều tiết giá trị tăng thêm từ đất do xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố Hà nội	2016	Đề tài cấp cơ sở	Tham gia
5.	Nghiên cứu cơ sở khoa học về lượng giá thiệt hại do các hiện tượng KTTVCĐ gây ra với kinh tế	2017	Đề tài nhánh cấp Nhà nước thuộc đề tài BĐKH 41/16-20	Tham gia
6.	“Nghiên cứu giải pháp hoàn	2019	Đề tài nhánh cấp	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	thiện chính sách giao đất, cho thuê đất theo cơ chế thị trường”		Nhà nước thuộc đề tài BDKH 22/16-20	
7.	Lập nhiệm vụ qui hoạch Tỉnh Gia Lai	2020	Đề tài cấp Tỉnh	Chủ trì
8.	Lập nhiệm vụ quy hoạch Tỉnh Đắk Lắk	2020	Đề tài cấp Tỉnh	Tham gia
9.	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội Huyện Thanh Trì thành phố Hà nội đến năm 2020.	2006	Cấp thành phố	Tham gia
10.	Qui hoạch phát triển kinh tế xã hội các xã huyện Thạch Thất, thành phố Hà nội, giai đoạn 2010-2015, định hướng 2020	2006 -2008	Đề tài cấp Huyện	Tham gia
11.	Những giải pháp nhằm quản lý và phát triển Thị trường BĐS	2004	Đề tài cấp Bộ	Tham gia
12.	Nghiên cứu lịch sử phát triển công tác đăng ký thống kê đất đai ở VN	2005	Đề tài cấp cơ sở	Tham gia
13.	Dự án nâng cao năng lực cộng đồng (nghiên cứu bình đẳng giới) - Huyện Phù Yên - Tỉnh Sơn La -	2005 - 2006	Tổ chức CARE (Đan Mạch)	Tham gia
14.	Giải pháp bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Hà nội	2005-2006	Đề tài trọng điểm cấp Bộ	Tham gia
15.	Nghiên cứu những giải pháp nhằm khắc phục những rào cản ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường BĐS	2007	Đề tài cấp Bộ	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
16	Đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà nội	2008-2009	Đề tài cấp thành phố	Tham gia
17	Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc xây dựng chỉ số giá của thị trường BĐS Việt Nam	2009	Đề tài cấp Cơ sở	Tham gia
18	“Nghiên cứu chính sách và giải pháp phát triển các tổ chức xã hội dân sự ở nông thôn Việt Nam”	2010-2011	Đề tài cấp Bộ NN &PTNT	Tham gia
19	Giải pháp và hình thức tổ chức đối với nông dân nhằm phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung trong nông nghiệp Việt Nam”	2010-2011	Đề tài cấp Bộ	Tham gia
20	Thị trường BĐS Việt Nam 2013	2013	Đề tài cấp cơ sở trọng điểm	Tham gia
21	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ cho hai huyện Ninh hải và Thuận Nam tỉnh Ninh thuận – vùng xây dựng nhà máy điện hạt nhân	2014	Đề tài cấp tỉnh trọng điểm	Tham gia
22	Quá trình chuyển đổi đất lúa với mục tiêu an ninh lương thực trong điều kiện biến đổi khí hậu vùng đồng bằng Sông Hồng.	2014	Đề tài cấp cơ sở	Tham gia
23	Nghiên cứu qui trình và đề xuất giải pháp xây dựng chỉ số giá Bất động sản trên địa bàn thành phố Hà nội	2015	Đề tài cấp Thành phố	Tham gia
24	Xây dựng chỉ số biến động giá đất phục vụ quản lý nhà nước về đất đai	2016	Đề tài cấp Bộ	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Phát triển hoạt động thế chấp đất đai trong thị trường BĐS Việt nam	2007	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 118 tháng 4/2007
2	Hoạt động thế chấp BĐS ở Việt Nam. Lượng tăng, chất có tăng?	2010	Tạp chí Tài chính
3	Định giá BĐS thế chấp ở Việt Nam? Vướng mắc và hướng tháo gỡ	2010	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
5	Impact of international migration on employment in Vietnam's informal sector.	2010	Tạp chí Vietnam's Socia – economic Development
6	A propensity score matching analysis on the impact of international migration on entrepreneurship in Vietnam.	2012	
7	Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy vai trò của nông dân, cư dân nông thôn- Kinh nghiệm của Hàn Quốc và một số vấn đề rút ra cho Việt nam. Rural Development based on promoting the roles of farmers on rural citizen-Korea's Experience and implications for Vietnam	2012	Hội thảo quốc tế Công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông thôn Hàn Quốc – Bài học kinh nghiệm cho Việt nam 2012 Rural industrialization in Korea: Experiences for rural development in Vietnam
8	Quĩ tín thác đầu tư BĐS- Giải pháp phát triển thị	2013	Hội thảo quốc gia: “Phát triển hệ thống tài chính Việt nam góp phần

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	trường tài chính BĐS		ổn định kinh tế vĩ mô
9	Xây dựng mô hình quỹ tín thác đầu tư BĐS – giải pháp huy động vốn cho thị trường BĐS ở Việt Nam	2013	Tạp chí tài chính và doanh nghiệp
10	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất của nông dân vào doanh nghiệp nông nghiệp Việt nam	2014	Tạp chí tài nguyên và Môi trường
11	Tái cơ cấu doanh nghiệp BĐS theo hướng M&A ở Việt Nam	2014	Hội thảo khoa học quốc gia: “Kinh doanh bất động sản – Cơ hội và thách thức trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi”
12	Improving the role of civil society organisations in the rural socio- economic development Việt nam	2015	Hội thảo quốc tế lần thứ 11 về “Humanities and Social Sciences: Challenge, Equity and Responsibility”
13	Đề xuất cơ chế chính sách đặc thù đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân hai huyện Thuận Nam và Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận- Vùng xây dựng nhà máy điện hạt nhân	2015	Hội thảo quốc gia về: “Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam- Đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững”
14	Khơi thông nguồn vốn tín dụng ngân hàng đối với thị trường BĐS Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	2016	Tạp chí Tài chính
15	Cơ chế đối tác công tư trong phát triển bền vững nông nghiệp VN	2016	Tạp chí Khoa học và xã hội Việt nam số tháng 6/2016
16	Impact of Land Acquisition on the Sustainable	2016	Sociology Study, November 2016,

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Livelihoods in Ninh Thuan Province, Vietnam		Vol. 6, No. 11,
17	Ensuring sustainable livelihoods for people when land acquisition for building nuclear power plants in Ninh Thuan, Vietnam	2016	Hội thảo quốc tế lần thứ 12 về “Humanities and Social Sciences: Challenge, Equity and Responsibility”
18	Giải pháp tăng cường năng lực định giá đất phục vụ mục đích quản lý nhà nước về đất đai theo cơ chế thị trường.	2016	Hội thảo khoa học quốc gia: “Quản lý tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu
19	Điều tiết giá trị tăng thêm từ đất trên địa bàn thành phố Hà nội	2017	Tạp chí Phát triển bền vững
20	Nghiên cứu tác động của cơ chế chính sách đến tính thanh khoản của thị trường bất động sản ở Việt Nam đến năm 2020 trong điều kiện hội nhập	2017	Tạp chí Phát triển Kinh tế
21	Giải pháp đầu tư cải tạo các điểm chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà nội.	2017	Tạp chí tài chính
22	Huy động vốn cho thị trường Bất động sản thông qua chứng khoán hóa các khoản vay ở Việt nam	2017	Tạp chí Kinh tế Phát triển
23	Áp dụng chuẩn mực basel II trong hoạt động thanh tra giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.	2017	Hội thảo quốc gia

3. Sách, giáo trình và các ấn phẩm khác đã công bố

TT	Tên công trình (Sách, báo, tài liệu...)	Nơi công bố (Nhà xuất bản, nơi xuất bản)	Năm công bố	Chủ biên, đồng chủ biên, tham gia
1	Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt nam	Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân	2008	Tham gia
2	Một số chính sách xã hội ở Việt nam	Nhà xuất bản chính trị quốc gia	2011	Đồng tác giả
3	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất bãi bồi ven biển vùng đồng bằng sông Hồng	Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân	2015	Đồng chủ biên
4	Định giá đất trong nền kinh tế thị trường ở Việt nam	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân	2017	Chủ biên
5	Thị trường Bất động sản	Nhà xuất bản Kinh tế quốc dân	2017	Tham gia
1	Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt nam	Nhà xuất bản đại học Kinh tế quốc dân	2008	Tham gia
2	Một số chính sách xã hội ở Việt nam	Nhà xuất bản chính trị quốc gia	2011	Đồng tác giả

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2021
Người khai ký tên

PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1985 - Nay	ĐH Kinh tế quốc dân	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học
2020 - Nay	Hội Khoa học kinh tế Hà Nội	Giảng dạy và nghiên cứu khoa học

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm trong đề tài
1	Đề tài : Khảo sát, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học cấp tỉnh giai đoạn 2010 – 2015	2018-2020	Cấp Tỉnh (Tỉnh BìnhPhước)	Chủ nhiệm
2	Đề tài : Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC ở Việt Nam.	2016-2018	Cấp Bộ B2016-KHA-09	Chủ nhiệm
3	Đề tài : Phát triển các mô hình chuỗi cung ứng hàng nông sản Việt Nam: Những kết quả ban đầu trong năm 2014	2014-2015	Cấp cơ sở KTQD2014.04 TĐ	Chủ nhiệm
4	Đề tài Study on “Foreign direct investment (FDI) in the agro-forestry and fishery sector in Vietnam: Positive elements, the constrains and roadmap to alleviate these constraints” - EU-MUTRAP Project No17, PMU Expert 4.	3/2014-7/2014	Cấp Bộ (Bộ Công Thương)	Chủ nhiệm
5	Đề tài dịch vụ tư vấn: “ Hỗ trợ phát triển kinh doanh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ” - Dự án Phát triển Lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên” - Khoản vay số 2269-VIE(SF), Khoản tài trợ số 0600-VIE.	6/2012-12/2012	Cấp Bộ (Bộ NN&PTNT)	Chủ nhiệm
	Đề tài: “Giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong tham gia giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn miền núi phía Bắc Việt Nam”.	1/2010-12/2011	Cấp Bộ trọng điểm B2010.06.172T Đ Bộ GD&ĐT	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm trong đề tài
6	Đề tài: “Liên kết nông dân với thị trường nông sản để được hưởng lợi nhiều hơn trong chuỗi giá trị” - Dự án “Hỗ trợ Chương trình phát triển Doanh nghiệp – BSPS”, DANIDA-CIEM	6/2010-12/2010	Cấp cơ sở (CIEM)	Chủ nhiệm
7	Đề án: “Đánh giá thực trạng và đề xuất các mục tiêu, giải pháp củng cố, phát triển HTX trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020”	8/2009-6/2010	Cấp thành phố (UBND Thành phố Hà Nội)	Chủ nhiệm
8	Đề tài: Các giải pháp hoàn thiện và phát triển hệ thống cung ứng giống lợn ở vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ Việt Nam gia nhập WTO	6/2007-6/2008	Cấp Bộ B2007-06-57 Bộ GD&ĐT	Chủ nhiệm
9	Analysis of Current Marketing Mechanism and Potential for Lychee Product in the Yenlap Watershed Area and Comparable Production Environment in Quangninh Province (GCP/VIE/019/BEL)	1997	Cấp tỉnh	Chủ nhiệm
10	Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế ứng phó với xâm nhập mặn ở vùng ĐB Sông Cửu Long: Thí điểm tại một huyện điển hình (Chương trình KH&CN ứng phó với BĐKH, QLTN &MT giai đoạn 2016-2020)	2017-2020	Cấp Nhà nước. (BĐKH.05/16-20)	Tham gia
11	Dự án phát triển hệ thống tưới Bắc sông Chu – Nam sông Mã tỉnh Thanh Hóa (ADB 6) Vốn vay ADB (Chuyên gia Phát triển nguồn nhân lực)	2014-2018	Cấp Bộ (Bộ NN&PTNT)	Tham gia
12	Nghiên cứu định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và đề xuất chính sách phù hợp với các	2017-2018	Cấp Bộ (Bộ NN&PTNT)	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm trong đề tài
	đối tượng sử dụng (QĐ số 3324/QĐ-BNN-KHCN Ngày 2/8/2016)			
13	Nghiên cứu xây dựng một số chính sách thu hút khu vực tư nhân vào đầu tư, quản lý khai thác công trình thủy lợi để cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác (QĐ số 23/QĐ-VKT Ngày 3/5/2017)	2017-2018	Cấp Bộ (Bộ NN&PTNT)	Tham gia
14	Nghiên cứu hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng Nông thôn mới (Chương trình KH&CN phục vụ XD Nông thôn mới g/đoạn 2011-2015)	2015-2017	Cấp Nhà nước	Tham gia
15	Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam trong hai ngành cơ khí và chế biến thực phẩm	2014-2017	Đề tài cấp Bộ - Bộ GD&ĐT B2014.06.25	Tham gia
16	Dự án Tăng cường chất lượng, an toàn nông sản và phát triển khí sinh học (QSEAP), Vốn vay ADB.	2011-2015	Cấp Bộ (Bộ NN&PTNT)	Tham gia
17	Nghiên cứu các mô hình phát triển bền vững trang trại ở vùng cây ăn quả tỉnh Bắc Giang.	2009-2010	Cấp bộ trọng điểm Bộ GD&ĐT	Tham gia
18	Định hướng và hoàn thiện một số chính sách chủ yếu phát triển nông nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập	2004-2005	ĐT cấp bộ B2004-38-82	Tham gia
19	Cổ phần hoá các Doanh nghiệp Nhà nước trong nông nghiệp	2002-2003	ĐT cấp bộ	Tham gia
20	Quản lý bón phân lân để phát triển sản xuất lương thực bền vững trên đất chua, dốc ở Australia, Philipin và Việt Nam (Dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế của Viện Nông hóa - Thổ nhưỡng Proj. 9414)	1996-1997	ĐT cấp bộ	Tham gia

4. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Main factors impacting famers' decision to develop sustainable agriculture under GAP standards	2020	The Proceeding of 3rd International Conference on Comtemporary Issues in Economics, Management and Business 2020, Nov.18th-19th, Hanoi, Vietnam, Finance Publishing House, 2020, p.381-390.
2	Bàn về một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành mía đường Việt Nam	2020	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “Giải pháp cho ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới” do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Bộ Công Thương tổ chức tại HN ngày 1/12/2020, Tr.20-28.
3	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam	2020	Kỷ yếu Diễn đàn Nông dân QG lần V “Vốn & Công nghệ trong liên kết 6 nhà” do Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội NDVN & Ngân hàng NNVN tổ chức tại HN ngày 13/10/2020, Tr. 37-52
4	Xuất khẩu nông sản thực phẩm (Agri-Food) của Việt Nam sang EU và các nước CPTPP: Cơ hội và thách thức	2019	Kỷ yếu Diễn đàn Nông dân quốc gia lần thứ IV “Từ CPTPP tới EVFTA: Cùng nông dân đi chợ thế giới” do Báo Nông thôn ngày nay và Báo Dân Việt tổ chức tại Hà Nội ngày 11/10/2019, Tr.63-71.
5	CPTPP - Thách thức đối với ngành chăn nuôi Việt Nam	2019	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “CPTPP: Cơ hội và thách thức cho nông sản Việt “ do Báo Nông thôn ngày nay và Báo Dân Việt tổ chức tại Hà Nội ngày 2/7/2019, Tr.73-85..
6	The Roles of Agricultural Cooperatives in Linking Small Farmers to Set up Large Paddy Fields in Mekong Delta	2019	Journal of Economics and Sustainable Development, ISSN 2222-1700 (Paper), ISSN 2222-2855 (Online), Vol.10, No.2, 2019, p.109-119 https://iiste.org/Journals/index.php/JEDS

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
7	Main factors impacting famers' decision to develop sustainable agriculture under GAP standards	2019	Presentation at Vietnam Sustainability Forum, 17-18 January 2019 Hanoi, Vietnam
8	Impact of Farmers' Adoption of Good Agricultural Products on Total Factor Productivity Change: The Case of Grape and Apple Production in Vietnam	2018	European Journal of Business and Management, ISSN 2222-1905 (Paper), ISSN 2222-2839 (Online), Vol.10, No.35, 2018, p.82-87 https://iiste.org/Journals/index.php/EJBM/article/view/45660
9	Nội lực của doanh nghiệp nông nghiệp trong việc đẩy mạnh xuất khẩu nông sản ra thị trường thế giới	2018	Kỷ yếu Diễn đàn nông dân quốc gia lần thứ III “Khơi nguồn nông sản Việt” do Bộ Công thương-TU Hội Nông dân VN và Bộ NN&PTNT tổ chức tại Hà Nội ngày 14/10/2018, Tr.62-74
10	Ảnh hưởng của các nhân tố đến đầu tư phát triển nông nghiệp theo tiêu chuẩn GAP của nông hộ tại tỉnh Ninh Thuận	2017	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 240 (II) tháng 6/2017. ISSN 1859-0012
11	Vận dụng mô hình Faustmann vào xác định chu kỳ kinh doanh rừng trồng bạch đàn tối ưu tại tỉnh Lạng Sơn	2017	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 238 tháng 4/2017. ISSN 1859-0012
12	Các yếu tố kích lệ và các rào cản đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành nông nghiệp Việt Nam	2015	Diễn đàn kinh doanh - Đầu tư nông nghiệp thời TPP, do Tổng hội Nông nghiệp & PTNT Việt Nam và Kênh thông tin Kinh tế Tài chính CAFEF tổ chức ngày 21/11/2015 tại TP Hồ Chí Minh

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
13	Gia nhập chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu: Thách thức đối với các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam và các đề xuất chính sách	2015	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - Đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 11//2015
14	Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp	2014	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014
15	Thách thức và cơ hội đối với sản xuất và tiêu thụ nông sản Việt Nam 6 tháng cuối năm 2014	2014	Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2014- Những thách thức mới” NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 7/2014
16	Phát triển nông nghiệp sạch và bền vững trên thế giới và ở Việt Nam: Thực trạng và một số giải pháp	2013	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 196 tháng 10/2013.ISSN 1859-0012, tr.
17	The current state and features of Vietnamese tea industry	2013	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế về “International Tea Symposium on Tea Industry and Culture”, do International Tea Club, Republic of Korea tổ chức tại tỉnh Boseong Hàn Quốc, từ ngày 12-13/12/2013
18	Bài viết “Thực trạng và giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội”	2010	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Số 155 (II) ISSN 1859-0012
19	Bài viết “Thực trạng và các giải pháp phát triển hệ thống cung ứng giống lợn	2010	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Số 156, ISSN 1859-0012

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	ở vùng Đồng bằng sông Hồng”		
20	Country paper: “Vietnam Women Entrepreneurs in Agribusiness”	2006	Kỷ yếu hội thảo của Tổ chức Năng suất Châu Á (APO) về “Các công cụ quản lý năng suất cho các nữ doanh nhân trong kinh doanh nông nghiệp” được tổ chức tại Bali, Indonesia tháng 7 năm 2006.
21	Phát triển sản xuất cây ăn quả ở Việt Nam: Thực trạng và Thách thức	2003	Tạp chí Kinh tế và Phát triển Số 72
22	Một số biện pháp nhằm phát triển sản xuất- kinh doanh quả vải ở vùng lưu vực hồ Yên Lập	1998	Tạp chí Kinh tế Nông nghiệp, Số 3

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2021

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

PGS.TS Vũ Thị Minh

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 2000 đến 2005	Viện nghiên cứu rau quả Trung ương	Chuyên viên
Từ 2006 đến nay	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Giảng viên cơ hữu
Từ 2008 đến 2015	Trung tâm Kinh tế tài nguyên và PTNT - ĐHKQTĐ	Giảng viên kiêm Phó Giám đốc Trung tâm
Từ 2014 đến 2015	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quyền Trưởng Bộ môn Kinh tế Nông nghiệp và PTNT
Từ 2015 đến nay	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Trưởng Bộ môn Kinh tế Nông nghiệp và PTNT

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đề tài nhánh đề tài quốc gia: (Trương đương cấp Bộ): Nghiên cứu tính tất yếu chuyển đổi sang mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long Mã số: BDKH.05/16-20 số 05HĐ – KH-CN – BDKH/16-20 ngày 29/12/2016	2018 - 2020	Cấp Quốc gia	Thành viên
2	Đề tài nhánh đề tài Quốc gia: Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long Mã số: BDKH.05/16-20 số 05HĐ – KH-CN – BDKH/16-20 ngày 29/12/2016	2018 - 2020	Cấp Quốc gia	Thành viên
3	Đề tài Quốc gia: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mô hình phát	2017 - 2020	Cấp Quốc gia	Thành

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long Mã số: BDKH.05/16-20 số 05HD – KHCN – BDKH/16-20 ngày 29/12/2016			viên
4	Thực trạng và giải pháp phát triển một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu khi Việt Nam gia nhập TPP Mã số: KTQD/V 2016.27	2016 -2017	Cấp trường	Chủ nhiệm
5	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ – Hải Phòng đến năm 2025	2016 - 2017	Cấp Tỉnh	Thành viên
6	Lập nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2020 – 2030 , tầm nhìn 2050	2019 - 2020	Cấp Bộ	Thành viên
7	Lập nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2020 – 2030 , tầm nhìn 2050	2019 - 2020	Cấp Bộ	Thành viên
8	- Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021 – 2030, kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và các giải pháp chủ yếu	2019 - 2020	Đề tài trọng điểm	Thành viên
9	Nghiên cứu nguyên lý kinh doanh nông nghiệp: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế	2019 - 2020	Cấp trường	Thành viên
10	Khảo sát, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học cấp tỉnh giai đoạn 2010-2015	2018 - 2020	Cấp Bộ	Thành viên
11	Đề tài nhánh đề tài Quốc gia: Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long Mã số: BDKH.05/16-20 số 05HD –	2018 - 2020	Cấp Quốc gia	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	KHCN – BDKH/16-20 ngày 29/12/2016			
12	Đề tài Quốc gia: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long Mã số: BDKH.05/16-20 số 05HD – KHCN – BDKH/16-20 ngày 29/12/2016	2017 - 2020	Cấp Quốc gia	Thành viên
13	Thực trạng và giải pháp phát triển một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu khi Việt Nam gia nhập TPP Mã số: KTQD/V 2016.27	2016 -2017	Cấp trường	Chủ nhiệm
14	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bạch Long Vĩ – Hải Phòng đến năm 2025	2016 - 2017	Cấp Tỉnh	Thành viên
15	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện An Dương – Hải Phòng đến năm 2025	2016 - 2017	Cấp Tỉnh	Thành viên
16	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Kiến Thụy – Hải Phòng đến năm 2025	2016 - 2017	Cấp Tỉnh	Thành viên
17	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC ở Việt Nam	2016 - 2017	Cấp Quốc gia	Thành viên
18	Lập DA Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển KTXH Quận Kiến An – TP Hải Phòng đến năm 2025	2015 - 2016	Cấp Tỉnh	Thành viên
19	Phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng ứng dụng công nghệ cao	2015 - 2016	Cấp trường	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
20	Nghiên cứu mức sẵn long chi trả tiền sử dụng nước sạch của các hộ nông thôn ở vùng Đồng bằng Sông Hồng	2015 - 2016	Cấp trường	Thành viên
21	Phát triển các mô hình chuỗi cung ứng hàng nông sản Việt Nam: Những kết quả ban đầu trong năm 2014	2014 - 2015	Cấp trường	Thành viên
22	Cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ cho 2 huyện Thuận Nam, Ninh Hải – Ninh Thuận- Vùng xây dựng các nhà máy điện hạt nhân	2014 - 2015	Cấp Bộ	Thành viên
23	Sử dụng Bền vững Tài nguyên nước và đất cho sản xuất nông nghiệp vùng đất bãi bồi ven biển đồng bằng sông Hồng	2012 - 2013	Cấp Bộ	Thành viên
24	Đề án: Xây dựng mô hình nông thôn mới xã Sai Nga – Cẩm Khê – Phú Thọ	2010 - 2012	Hợp đồng tư vấn	Chủ nhiệm
24	Đề án: Xây dựng mô hình nông thôn mới xã Cao Minh – Vĩnh Bảo – Hải Phòng	2011 - 2013	Hợp đồng tư vấn	Chủ nhiệm
26	Đề án: Xây dựng mô hình nông thôn mới xã Cổ Am – Vĩnh Bảo – Hải Phòng	2011 - 2013	Hợp đồng tư vấn	Chủ nhiệm
27	Đề án: Xây dựng mô hình nông thôn mới xã Liên Am – Vĩnh Bảo – Hải Phòng	2011 - 2013	Hợp đồng tư vấn	Chủ nhiệm
28	Đề tài: Giải pháp và hình thức tổ chức đối với nông dân nhằm phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung trong nông nghiệp Việt Nam sản xuất hàng hóa	2010 - 2011	Cấp Bộ	Thành viên
29	Nghiên cứu mô hình Phát triển bền vững trang trại ở vùng cây ăn quả Bắc Giang	2009 - 2010	Cấp Bộ	Thành viên
30	Đánh giá thực trạng và đề xuất mục tiêu, giải pháp phát triển HTX trên địa bàn Hà Nội	2010- 2011	Hợp đồng tư vấn	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
31	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH Phổ Yên -Thái Nguyên	2009 -2010	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
32	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH Đan Phượng – Hà Nội	2008 -2009	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
33	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH Bắc Hà- Lao Cai	2008	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
34	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH đến năm 2020 xã Tân Liên - Vĩnh Bảo - Hải Phòng	2007	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
35	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH Gia Lâm-Hà Nội	2006	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
36	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH Thanh Sơn- Phú Thọ	2006	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
37	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH đến năm 2020 Cái Răng, - Thành phố Cần Thơ	2006	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
38	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH đến năm 2020 Phong Điền - Thành phố Cần Thơ	2006	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
39	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH đến năm 2020 Ninh Kiều - Thành phố Cần Thơ	2006	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
40	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH đến năm 2020 Thốt Nốt - Thành phố Cần Thơ	2006	Hợp đồng tư vấn	Thành viên
41	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH đến năm 2020 Vĩnh Thạnh - Thành phố Cần Thơ	2006	Hợp đồng tư vấn	Thành viên

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Bài báo: Tác động Covid 19 đến cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản Việt Nam	2020	Tạp chí Kinh tế phát triển – Đại học Kinh tế quốc dân số tháng 4 /2020
2	Bài viết hội thảo: “ Sinh kế bền vững của người dân huyện Cao Phong tỉnh Hòa Bình trong phát triển rừng kết hợp với trồng cam Cao Phong”	2019	Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển nông nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam:
3	Bài viết hội thảo : “Nâng cao giá trị gia tăng nông sản xuất khẩu: Giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên ở Việt Nam”	2016	Hội thảo quốc gia: Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu – ĐHKQTĐ – Vụ NN NT Ban KTTW- Tổng cục quản lý đất đai Bộ TNMT 11/2016
4	Bài viết hội thảo: “Thách thức xuất khẩu một số mặt hàng nông sản chủ lực Việt Nam thời kỳ hội nhập” – Tác giả	2015	Hội thảo quốc gia: Nông nghiệp nông thôn Việt Nam Đổi mới hội nhập và phát triển bền vững – ĐHKQTĐ ; Bộ NN & PTNT 10/2015
5	Enhancing the value of agricultural insurance in USA – a lesson for VietNam in integration	2018	CONFERENCE PAPER ABSTRACTS: 1 ST International Conference on Contemporary Issues In ECONOMICS, MANAGEMENT AND BUSINES
6	Bài báo: “Nhu cầu thông tin, tư vấn thị trường hàng nông sản: Những vấn đề đặt ra ! ”	2008	Tạp chí tài chính doanh nghiệp số tháng 4 năm 2008
7	Bài báo: “Ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu gỗ: Tăng trưởng nhưng vẫn bộc lộ bất ổn”	2008	Tạp chí tài chính doanh nghiệp 2008
8	Bài báo : “Kinh tế nông nghiệp Hà Nội sẽ là mô hình mẫu”	2011	Tạp chí Thương Mại số 29 – 2011
9	Bài viết hội thảo: Đặc điểm và xu hướng phát triển của các trạm trại vùng cây ăn	2010	Hội thảo tại Bắc Giang về "Phát triển bền vững trang trại cây ăn quả". 12/2010

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	quả		
10	Bài báo: " Đầu tư phát triển kinh tế nông nghiệp - Thực trạng và giải pháp"	2011	Tạp chí Quản lý ngân quỹ quốc gia số 113(11/2011)
11	Báo cáo Tham luận: Nguyên nhân Biến đổi khí hậu – Khu vực ĐBSCL	2015	Tái cơ cấu nông nghiệp nhằm nâng cao khả năng thích ứng với BĐKH và phòng chống thiên tai ĐBSCL
12	Báo cáo Tham luận Một số giải pháp tái cơ cấu nông nghiệp KV ĐBSCL	2015	Tái cơ cấu nông nghiệp nhằm nâng cao khả năng thích ứng với BĐKH và phòng chống thiên tai ĐBSCL
13	Bài viết hội thảo: “ Sinh kế bền vững của người dân huyện Cao Phong tỉnh Hòa Bình trong phát triển rừng kết hợp với trồng cam Cao Phong”	2019	Hội thảo khoa học quốc gia: Phát triển nông nghiệp bền vững gắn với bảo vệ và phát triển rừng ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách – Hội KH Kinh tế nông nghiệp & PTNT Việt Nam – UN – REDD
14	Quản lý các khoản thu từ đất bài học kinh nghiệm từ nam định và hải dương	2019	Quản lý các khoản thu từ đất

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày tháng năm 2021
Người khai ký tên

TS. Hoàng Mạnh Hùng

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1977-1989	Khoa Kinh tế Nông nghiệp và PTNT, Đại học KTQD	Cán bộ giảng dạy
1990-1998	Khoa Kinh tế Nông nghiệp và PTNT, Đại học KTQD	Cán bộ giảng dạy
1999-2008	Khoa Kinh tế Nông nghiệp và PTNT, Đại học KTQD	Cán bộ giảng dạy
Từ 2008 đến 3/2014	Khoa BDS và KT Tài nguyên	Cán bộ giảng dạy
Từ 2014 đến nay	Khoa BDS và KT Tài nguyên	Cán bộ giảng dạy

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	1. Phát triển các loại hình HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Sông Lô. Chương trình cấp huyện	1979.	Cấp Bộ	Thành viên
2	2. Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Đông Anh Hà Nội. Chương trình cấp huyện	1980.	Cấp Bộ	Thành viên
3	3. Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Gia Lâm, Hà Nội. Chương trình cấp huyện	1981	Cấp Bộ	Thành viên
4	4. Rà soát định mức lao động trong nông nghiệp	1986.	Thành phố Hà Nội	Thành viên
5	5. Thực trạng và quan điểm phát triển kinh tế nông nghiệp hàng hoá và đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn Bắc Bộ. 6. Chương trình KX03-21A,	1994-1995.	Cấp nhà nước	Thành viên
6	7. Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chè.	1996	Cấp Bộ	Thành viên
7	8. Quy hoạch phát triển kinh	1996.	Cấp tỉnh	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	tế xã hội 5 huyện miền núi tỉnh Quảng nam- Đà nẵng			
8	9.Dự án xây dựng trung tâm cụm xã thuộc huyện Sông Thao và Yên Lập tỉnh Vĩnh Phú	1996	Cấp tỉnh.	Thành viên
9	10.Phát triển kinh tế hợp tác trong nông thôn	1997	Cấp cơ sở	Thành viên
10	11.Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.	1997	Cấp tỉnh	Thành viên
11	12.Thực trạng và giải pháp phát triển trang trại ở tỉnh Sơn La. Đề tài nhánh	1999.	cấp Nhà nước	Thành viên
12	13.Thực trạng phát triển kinh tế trang trại. Đề tài nhánh	1999.	cấp Nhà nước.	Thành viên
13	14. Kiến nghị các giải pháp về tổ chức sản xuất nông nghiệp và kinh tế trang trại ở các tỉnh miền núi vùng cao Bắc Việt nam,	1999-2000	Cấp Bộ	Thành viên
14	15.Các chính sách và giải pháp huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội Thủ đô.	2000	Cấp Thành phố	Thành viên
15	16.Các biện pháp đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ rau trên địa bàn thành phố Hà Nội.	2001	Cấp Thành phố	Thành viên
16	17.Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thanh Trì, Hà Nội đến năm 2010.	2000-2001.	cấp Thành phố.	Thành viên
17	18.Đánh giá tác động của quá trình đô thị hoá đến các huyện ngoài thành Hà Nội.	2001	Cấp Thành phố.	Thành viên
18	19.Biện pháp đẩy mạnh cổ phần hoá các doanh nghiệp	2002	Cấp Bộ	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	nông nghiệp Nhà nước.			
19	20.Đánh giá tác động của các chính sách đến sự phát triển của các ngành nghề nông thôn ngoại	2002	Cấp Thành phố	Thành viên
20	21,Đổi mới tổ chức và quản lý các doanh nghiệp Nhà nước ngành cà phê tỉnh Đắk Lắk.	2002	Cấp tỉnh.	Thành viên
21	22. Xu thế phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc và miền núi đến năm 2020.	2003	Cấp Bộ	Thành viên
22	23.Điều tra đánh giá các nguồn lực trên địa bàn Quảng Nam – Đà Nẵng (Thuộc đề tài cấp Nhà nước: Điều tra đánh giá các nguồn lực cho phát triển kinh tế đất nước).	2003	Cấp Nhà nước	Thành viên
23	24.Điều tra đánh giá thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản tại Nghệ An.	2003	cấp Bộ	Thành viên
24	25,Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định tiêu chí và nội dung phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng nông nghiệp sinh thái.	2003-2004	cấp Bộ	Thành viên
25	26.Phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề tài nhánh.	2004	cấp Nhà nước	Thành viên
26	27. Hiệu chỉnh tài liệu tập huấn cho cán bộ cơ sở thuộc Chương trình 135.	2005.	cấp Bộ	Thành viên
27	28,Đánh giá thực trạng thu nhập, đời sống, việc làm của người có đất bị thu hồi để	2005.	cấp Nhà nước	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	xây dựng các khu công nghiệp, khu đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, nhu cầu công cộng và lợi ích quốc gia tại thành phố Đà Nẵng.			
28	29. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Thanh Trì đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	2005-2007.	Cấp Thành phố	Thành viên
29	30. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Gia Lâm đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	2005-2007	Cấp Thành phố.	Thành viên
30	31. Quy hoạch phát triển nông nghiệp thành phố Hải Phòng.	2006	Cấp Thành phố	Thành viên
31	32. Con đường, bước đi và các giải pháp chiến lược để thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn.	2006	Cấp Nhà nước	Thành viên
32	33. Cơ sở hình thành giá đất đô thị trong nền kinh tế thị trường.	2006	cấp Bộ trọng điểm.	Thành viên
33	34. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây đến năm 2020.	2006.	cấp tỉnh	Thành viên
34	35. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020.	2007	cấp tỉnh	Thành viên
35	36. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội huyện Ea- Kar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020.	2007	Cấp tỉnh	Thành viên
36	37. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh các ngành tại	2008	Cấp tỉnh	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	tỉnh Hà Tây.			
37	38.Thực trạng và giải pháp xây dựng và phát triển mô hình HTX ở Hà Nội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	2009	Cấp tỉnh	Thành viên
38	39.Các giải pháp phát triển các tổ chức xã hội dân sự trong nông thôn Việt nam.	2010-2011	cấp bộ trọng điểm	Thành viên
39	40.Chính sách giải pháp và các hình thức tổ chức nông dân vùng sản xuất hàng hóa tập trung.	2010-2011	cấp bộ trọng điểm	Thành viên
40	41.Chính sách phát triển các loại hình kinh tế hợp tác ở Việt Nam	2014	Cấp bộ	Thành viên
41	42.Phát triển các mô hình chuỗi cung ứng hàng nông sản Việt Nam- Những kết quả bước đầu trong năm 2014.	2015	Cấp cơ sở trọng điểm	Thành viên
42	43.Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC ở Việt nam	2016- 2017	Cấp bộ- Thành viên	Thành viên
43	44.Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả tiền sử dụng nước sạch của các hộ nông dân vùng đồng bằng sông hồng. QĐ số 898/ QĐ-KTQD	năm 2016	Cấp cơ sở Thành viên	Thành viên
44	45. Chất lượng quản lý chung cư trên địa bàn quận Hoàng Mai, Hà nội	Năm 2018	Cấp cơ sở Thành viên	Thành viên
45	Nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm rau sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội.	2001	cấp Thành phố	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	Đề tài nhánh			
46	Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng xây dựng vùng nông thôn sinh thái bền vững.	2002	Cấp cơ sở	Chủ nhiệm
47	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây đến năm 2020.	2007	Cấp huyện	Chủ nhiệm
48	Nghiên cứu xác định sản phẩm chủ lực của tỉnh Vĩnh Long	2009-2010	Cấp tỉnh	Chủ nhiệm
49	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	2012	cấp huyện	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Phát triển các loại hình HTX nông nghiệp.	1981	Kỳ yếu hội thảo:Chương trình cấp huyện, Bộ Đại học
2	Một số vấn đề về phát triển chăn nuôi lợn tập thể ở Gia Lâm, thành phố Hà Nội.	1983	Tạp san chương trình cấp huyện, Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch
3	Dịch vụ hoá chất cho nông nghiệp và môi trường nông thôn.	1993	Tạp chí Hoạt động Khoa học. Số 9.
4	Một số giải pháp về dịch vụ thủy lợi cho hộ nông dân trong giai đoạn hiện nay.	1994	Tạp chí Hoạt động Khoa học. Số 4
5	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nhìn từ góc độ sản xuất nông nghiệp.	1994	Tạp chí Quản lý Kinh tế Nông nghiệp. Số 3 và 4
6	Vấn đề vệ sinh an toàn lao	1994	Tạp chí Bảo hộ Lao động. Số 1

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	động trong quá trình thâm canh nông nghiệp ở nước ta.		
7	Làng nghề truyền thống tỉnh Hà Bắc. Thực trạng và giải pháp	1995	Hội khoa học Kinh tế Nông nghiệp Việt Nam
8	Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Sơn La.	1999	hội thảo “Chính sách và giải pháp phát triển kinh tế trang trại trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá”. Đại học KTQD
9	Phát huy công cụ quản lý Nhà nước về đất đai trong giai đoạn hiện nay.	1999	hội thảo “Kinh tế và chính sách đất đai ở Việt Nam”. Thái Nguyên
10	Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế hộ nông dân ở các tỉnh miền núi vùng cao phía Bắc.	2000	Tạp chí Kinh tế và Phát triển. Số 34.
11	Phát triển các loại hình HTX nông nghiệp ở miền núi, vùng cao phía Bắc	2000	hội thảo “Phát triển trang trại và các loại hình sản xuất nông nghiệp ở miền núi, vùng cao”. Đại học KTQD
12	Thực trạng và các giải pháp chủ yếu nhằm sử dụng hợp lý nguồn lao động trên địa bàn thủ đô.	2000	hội thảo: “Phát triển kinh tế Hà Nội 2001-2010”. Sở Kế hoạch Đầu tư, Hà Nội
13	Phát triển rau sạch trên địa bàn Hà Nội.	2003	Tạp chí Kinh tế Phát triển. Số 3
14	Phát triển nông nghiệp bền vững	2005	hội thảo: “Pháp luật và phát triển bền vững” Văn phòng Quốc Hội
15	Nhân tố ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của các ngành.	2007	hội thảo: “Nâng cao năng lực cạnh tranh các ngành tỉnh Hà Tây. Đại học KTQD
16	Các chỉ số xác định sản phẩm chủ lực	2009	Kỷ yếu hội thảo “Xác định sản phẩm chủ lực tỉnh Vĩnh Long. Sở Khoa học CN Vĩnh Long
17	Biện pháp vốn cho các hình thức tổ chức nông dân vùng	2011	Tạp chí thị trường tài chính, Số tháng 7

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	sản xuất hàng hóa tập trung		
18	Một số vấn đề đặt ra cho quản lý nhà nước trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Hưng yên.	2012	Tạp chí Kinh tế và Phát triển số tháng 1 năm 2012
19	Hoàn thiện quản lý nhà nước về đất nông nghiệp ở việt nam từ kinh nghiệm một số nước và một số địa phương khác	2012	Tạp chí Kinh tế và Phát triển số tháng 3 năm 2012
20	Phát triển tài nguyên rừng ở Việt Nam	2012	Hội thảo “Đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành tài nguyên” Đại học KTQD
21	Các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản và khả năng áp dụng tại Việt Nam	2013	Tạp chí Kinh tế và Phát triển số tháng 10 năm 2013
22	Những giải pháp chủ yếu nhằm phát triển nông nghiệp hàng hóa trong điều kiện hội nhập	2015	Hội thảo cấp quốc gia: Nông nghiệp nông thôn việt nam, Đổi mới, Hội nhập và phát triển
23	Phát triển thị trường Tài nguyên Việt nam trong điều kiện biến đổi khí hậu	2016	Hội thảo cấp quốc gia: Quản lý và sử dụng tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu
24	Nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam-Con đường tất yếu và giải pháp phát triển	2017	Hội thảo cấp quốc gia:Đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao
25	Đầu tư vốn cho nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam	2017	Tạp chí Thị trường Tài chính số 24 Tháng12
26	Xu thế tất yếu và những vấn đề đặt ra cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam	2018	Hội thảo cấp quốc gia- Đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
27	ORGANIC AGRICULTURE IN VIETNAM - SUSTAINABLE TRENDS AND DEVELOPMENT SOLUTIONS	2018	Hội thảo khoa học quốc tế CIEMB. Tại Hà nội
28	Sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tại vùng đồng bằng sông hồng. Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn	2019	Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn số số 16/ tháng 8
29	Nông nghiệp công nghệ cao ở Việt nam – Giải pháp quan trọng để gia tăng giá trị sử dụng đất	2019	Kỳ yếu hội thảo khoa học quốc gia- khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong luật đất đai 2013. NXB ĐHKQTĐ tháng 12
30	.Nông nghiệp hữu cơ ở Việt nam- nhu cầu vốn và giải pháp huy động	2020	Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ số 1+2 Tháng 1
31	Đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực kinh doanh cho các cơ sở kinh doanh nông nghiệp	2021	Kỳ yếu hội thảo cấp quốc gia- Đào tạo nguồn nhân lực cho ngành kinh doanh nông nghiệp năm 2021

Xác nhận của Trường ĐH KTQĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

PGS.TS Trần Quốc Khánh

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1999 - 2003	Đại học Kinh tế Quốc dân - 207 Giải Phóng – Q. Hai Bà Trung, HN	Giảng viên, nghiên cứu viên
2003-2008	Đại học Kinh tế Quốc dân - 207 Giải Phóng – Q. Hai Bà Trung, HN	Phó trưởng BM. Kinh tế & QL Địa chính
2008 -nay	Đại học Kinh tế Quốc dân - 207 Giải Phóng – Q. Hai Bà Trung, HN	Trưởng BM. Kinh tế và QL Địa chính

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu lịch sử phát triển công tác đăng ký thống kê đất đai ở Việt Nam	2005	Đề tài cấp cơ sở	Tham gia
2	Chuyển đổi đất lúa vùng Đồng bằng sông Hồng với mục tiêu an ninh lương thực trong điều kiện biến đổi khí hậu	2015	Đề tài cấp cơ sở	Tham gia
3	Quy trình xóa đói giảm nghèo các tỉnh miền núi phía Bắc	2005	Đề tài cấp Nhà nước	Tham gia
4	Giá quyền sử dụng đất – Thực trạng và giải pháp	2004	Đề tài cấp Bộ	Tham gia
5	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội Huyện Thanh Trì thành phố Hà nội đến năm 2020.	2006	Đề tài cấp Thành phố	Tham gia
6	Qui hoạch phát triển kinh tế xã hội các xã huyện Thạch Thất, thành phố Hà nội, giai đoạn 2010-2015, định hướng 2020	2006 -2008	Đề tài cấp Thành phố	Tham gia
7	Hoàn thiện mô hình quản lý Địa chính ở Việt Nam	2007	Đề tài Cấp cơ sở	Tham gia
8	Những giải pháp nhằm	2004	Đề tài cấp Bộ	

TT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	quản lý và phát triển Thị trường BĐS			Tham gia
9	Giải pháp bình ôn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Hà nội	2005-2006	Đề tài trọng điểm cấp Bộ	Tham gia
10	Đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà nội	2008-2009	Đề tài cấp thành phố	Tham gia
11	Cơ chế chính sách đặc thù cho 2 huyện Thuận Nam và Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận – vùng xây dựng nhà máy điện hạt nhân	2014 - 2015	Đề tài trọng điểm cấp tỉnh	Tham gia
12	Cơ chế chính sách phân phối giá trị gia tăng từ đất trên địa bàn thành phố Hà Nội	2016	Đề tài cấp cơ sở	Tham gia
13	Nghiên cứu cơ chế khai thác và huy động nguồn lực để xây dựng, cải tạo, chỉnh trang đô thị trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025	2016 - 2017	Đề tài cấp thành phố (tương đương cấp Bộ)	Tham gia
14	Đề án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng	2016	Đề tài tư vấn cấp thành phố	Tham gia
15	Nghiên cứu phương pháp và quy trình ứng dụng tính chỉ số giá bất động sản ở Hà Nội	2015 - 2016	Đề tài cấp thành phố (tương đương cấp Bộ)	Tham gia
16	Assessment of Vietnam urban upgrading interventions	2018	Đề tài Tư vấn cho WB	Tham gia

B, Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)
1	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và bãi bồi ven biển vùng đồng bằng sông Hồng	Sách chuyên khảo	2015
2	Thị trường Bất động sản	Sách giáo trình	2017
3	Định giá đất trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam	Sách chuyên khảo	2015
4	Quản lý nhà nước về đất đai	Bài giảng xuất bản	2020

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2021

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Phạm Lan Hương

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 03/5/1979

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Cổ Nhuế 1 - Bắc Từ Liêm - Hà Nội Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2015, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trưởng Bộ môn Kinh doanh bất động sản

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trường ĐH Kinh tế quốc dân

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 297 Trần Cung, Cổ Nhuế 1 - Bắc Từ Liêm - Hà

Nội Điện thoại liên hệ: CQ: 02436280280 ĐD: 0983.969.569

Fax: Email: yennh@neu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: ĐH Kinh tế quốc dân

Ngành học: Kinh tế và Quản lý Địa chính

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2001

Bằng đại học 2: Ngoại ngữ

Năm tốt nghiệp: 2012

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Năm cấp bằng: 2004

Nơi đào tạo: ĐH Kinh tế quốc dân

- Tiến sĩ chuyên ngành: QTKD Bất động sản

Năm cấp bằng: 2015

Nơi đào tạo: ĐH Kinh tế quốc dân

- Tên luận án: Đầu tư cá nhân trên thị trường bất động sản khu vực Hà Nội.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Tốt

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 2005 - 2008	Khoa Bất động sản và Địa chính - Đại học Kinh tế quốc dân	Giảng viên
Từ 2008 - tháng 3/2013	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên - Đại học Kinh tế quốc dân	Phó Trưởng Bộ môn Kinh doanh bất động sản
Từ tháng 3/2014 - tháng 11/2015	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên - Đại học Kinh tế quốc dân	Q.Trưởng Bộ môn Kinh doanh bất động sản
Từ tháng 11/2015 đến nay	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên - Đại học Kinh tế quốc dân	Trưởng Bộ môn Kinh doanh bất động sản

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đề tài cấp Nhà nước: “Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý kinh tế đất nhằm khai thác nguồn thu từ đất theo cơ chế thị trường ở Việt Nam”, mã số BDKH.41/16-20.	2018-2020	Đề tài cấp nhà nước	Thư ký khoa học
2	Đề tài nhánh cấp Nhà nước: “Nghiên cứu cơ sở lý luận về kinh tế đất, quản lý kinh tế đất và nguồn	2018-2019	Đề tài nhánh cấp Nhà nước/ tương	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	<i>thu từ đất theo cơ chế thị trường.</i>		đương cấp Bộ	
3	Nghiên cứu cơ chế khai thác, huy động nguồn lực để xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025	2016-2018	Đề tài cấp thành phố (tương đương cấp Bộ)	Chủ nhiệm
4	Thị trường bất động sản Việt Nam năm 2013	2013-2014	Đề tài trọng điểm cấp cơ sở	Chủ nhiệm
5	Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng chỉ số giá bất động sản ở Việt Nam	2009-2010	Đề tài cấp cơ sở	Chủ nhiệm
6	<i>Thư ký khoa học đề tài:</i> Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà Nội	2009-2010	Chương trình 01X-10	Thư ký khoa học
7	<i>Thư ký khoa học đề tài:</i> Nghiên cứu phương pháp và quy trình ứng dụng tính chỉ số giá bất động sản ở Hà Nội	2015-2016	Chương trình 01X-10	Thư ký khoa học
8	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất của nông dân vào các doanh nghiệp nông nghiệp ở Việt Nam - Cơ sở lý luận và thực tiễn	2013	Đề tài cơ sở	Thành viên
9	Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định giá đất bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại Việt Nam	2014-2015	Đề tài cơ sở	Thành viên
10	Nghiên cứu cơ sở khoa học xây	2008-2009	Đề tài trọng	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	dựng cơ sở dữ liệu đội ngũ chuyên gia KHCN trong các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của Việt Nam phục vụ công tác quản lý KHCN		điểm cấp Bộ	
11	Nghiên cứu các rào cản đối với thị trường bất động sản Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	2007- 2008	Đề tài cấp Bộ	Thành viên
12	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH huyện Thạch Thất đến năm 2020, định hướng đến năm 2013	2009-2010	Dự án cấp thành phố	Thư ký khoa học
13	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH huyện Thanh Trì đến năm 2020, định hướng đến năm 2013	2009-2010	Dự án cấp thành phố	Thư ký khoa học
14	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH huyện Mê Linh đến năm 2020, định hướng đến năm 2013	2009-2010	Dự án cấp thành phố	Thành viên
15	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH huyện Hoài Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2013	2009-2010	Dự án cấp thành phố	Thành viên
	Hoàn thiện mô hình quản lý Địa chính ở Việt Nam	2007-2008	Đề tài cấp cơ sở	Thành viên

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Is Land Ownership a Key Factor in the Choice of Livelihood in the Mekong Delta, Vietnam?	8/2019	<i>Human Ecology</i> , 47, pages681-691, Springer [SSCI], tháng 8/ 2019
2	Forest resources and household welfare: Empirical evidence from North Central Vietnam	7/2020	<i>NRF</i> , A United Nations Sustainable Development Journal, [SSCI], tháng 7/2020
2	A quantitative analysis of housing and its correlates in rural Vietnam	4/2020	Management Science Letters, [Scopus], tháng 4/2020
3	Cấp độ tài chính hóa của thị trường bất động sản Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển bền vững.	2/2020	Tạp chí Kinh tế và Dự báo tháng 2/2020
4	Chính sách huy động nguồn lực cải tạo chung cư cũ trên địa bàn TP. Hà Nội	8/2019	Tạp chí Tài chính tháng 8/2020
5	Cơ chế khai thác huy động nguồn lực cho cải tạo chỉnh trang đô thị - trường hợp cải tạo các khu chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội.	12/2019	Hội thảo khoa học quốc gia “Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013”, Hà Nội, 2019
6	Nghiên cứu tổng quan về kinh tế đất và khai thác các nguồn thu từ đất	12/2019	Hội thảo khoa học quốc gia “Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013”, Hà Nội, 2019
7	Effects of capital flows and monetary policies on real estate market	2018	Hội thảo khoa học quốc gia tế “Contemporary Issues in Economics, Management and Business” - CIEMB, 2018.
8	Thị trường bất động sản thời gian qua và dự báo trong thời gian tới	2018	Hội thảo khoa học quốc gia "Kinh tế Việt Nam năm 2017 và triển vọng năm 2018: Tháo

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
			<i>gỡ rào cản phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam "</i> , 2018.
9	Tác động của các dòng vốn và chính sách tiền tệ tới thị trường bất động sản.	2017	Hội thảo khoa học quốc gia " <i>Thể chế với phát triển kinh tế ở Việt Nam</i> ", 2017.
10	Hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp bất động sản trong phân tích kỹ thuật với lý thuyết vùng giá trị đất đai và các chỉ số giá nhà - đất".	2015	<i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia.</i>

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2021

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Thị Hải Yến

LÍ LỊCH KHOA HỌC

1. LÍ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: NGUYỄN THỊ TÙNG PHƯƠNG Giới tính: Nữ
Sinh ngày: 14/3/1980 Nơi sinh: Hải Dương
Quê quán: Hưng Đạo, Tứ kỳ, Hải Dương Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm, nước cấp: 2019, Việt Nam
Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:
Chức vụ: Phó Trưởng bộ môn Kinh doanh Bất động sản
Đơn vị công tác: Khoa Bất động sản và Kinh tế Tài nguyên – ĐH Kinh tế quốc dân
Chỗ ở riêng: số 2 ngõ 319 đường Tam Trinh, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
Điện thoại liên hệ: 0914.799.996
Email: tungphuongneu@gmail.com

2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Kinh tế quốc dân; Ngành học: Kinh tế nông nghiệp; Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2002

2.2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Tài chính tín dụng lưu thông tiền tệ Năm cấp bằng: 2008
Nơi đào tạo: Đại học Kinh tế quốc dân
- Tiến sĩ: Quản trị kinh doanh Bất động sản
Năm cấp bằng: 2019 Nơi đào tạo: Đại học Kinh tế quốc dân

2.3. Ngoại ngữ:

. Anh: mức độ sử dụng: Trung bình

3. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

TT	Thời gian (từ năm... đến năm...)	Vị trí công tác	Thông tin tham chiếu (ghi cơ quan và tên lãnh đạo cao nhất của đơn vị)	Vị trí công việc đảm nhận
1	2003-2005	Nhân viên	Trung tâm quy hoạch sử dụng đất đai – Bộ Tài nguyên và Môi Trường	Cán bộ lập quy hoạch sử dụng đất
2	2005-2007	Nhân viên	Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản Hà Nội – Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	Trợ lý Chủ tịch HĐQT; Cán bộ Ban quản lý dự án

TT	Thời gian (từ năm... đến năm...)	Vị trí công tác	Thông tin tham chiếu (ghi cơ quan và tên lãnh đạo cao nhất của đơn vị)	Vị trí công việc đảm nhận
3	2007-2008	Nhân viên	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Cán bộ tín dụng
4	2008- đến nay	Giảng viên	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên - Trường Đại học kinh tế quốc dân	Giảng viên bộ môn Kinh doanh Bất động sản

4. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

4.1. Các đề tài khoa học đã và đang tham gia

TT	Tên đề tài	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp	Trách nhiệm trong Đề tài
1	Tham gia nhóm công bố bài báo quốc tế “The interaction impact of extrinsic and intrinsic motivations on pro-environmental consumption behaviors”	2020 -2021	Trường	Thành viên
2	Lifestyles and the choice of apartment with eco-friendly environment in the transition economy of Vietnam	2020 -2021	Trường	Thành viên

4.2. Các công trình khoa học đã công bố

4.2.1. Các loại sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn đã công bố:

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)
1	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và bãi bồi ven biển vùng đồng bằng sông Hồng	Sách chuyên khảo	2015
2	Thị trường Bất động sản	Sách giáo trình	2017
3	Định giá đất trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam	Sách chuyên khảo	2015

4.2.2. Các bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo đã công bố

TT	Tên công trình (bài báo, công trình,...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp tri đã đăng công trình)	Năm công bố
1	Phát triển bất động sản du lịch nghỉ dưỡng (condotel) ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Kinh tế & Dự báo	2020
2	Thị trường bất động sản trong bối cảnh dịch Covi 2019	Đồng tác giả	Tạp chí Kinh tế & Dự báo	2020
3	Nhìn lại thị trường bất động sản năm 2019 và một số vấn đề cần lưu ý trong năm 2020	Tác giả	Tạp chí Kinh tế & Dự báo	2019
4	Phát triển thị trường BDS công nghiệp trong Thời gian tới	Tác giả	Tạp chí Kinh tế & Dự báo số 20 tháng 7/2019	7/2019
5	Ảnh hưởng của phong cách sống đến lựa chọn các tiêu chí căn hộ chung cư tại khu vực đô thị - Nghiên cứu tại Thành phố Hà Nội	Đồng tác giả	Tạp chí kinh tế & Phát triển số 244 tháng 10/2017	2017
6	Nghiên cứu mối liên hệ giữa giai đoạn phát triển gia đình và tiêu chí lựa chọn căn hộ chung cư tại Thành phố Hà Nội	Tác giả	Tạp chí Thông tin & Dự báo kinh tế xã hội số 142 (10.2017).	2017
7	Một số giải pháp tạo vốn cho cải tạo xây dựng mới cá chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hà Nội	Đồng tác giả	Hội thảo tại Việt Nam	Tháng 6/2016
8	Chuyển đổi đất lúa với an ninh lương thực ở vùng đồng bằng sông Hồng - Thực trạng và dự báo	Đồng tác giả	Hội thảo tại Việt Nam	Tháng 11/2015
9	Chính sách phát triển nhà ở của Mỹ, Bài học cho xây dựng chính sách phát triển nhà ở Việt Nam	Đồng tác giả	Hội thảo quốc tế tại Việt Nam	2014
10	Thuế Bất động sản ở Việt Nam giai đoạn	Đồng tác giả	Hội thảo quốc tế tại Việt Nam	2014

TT	Tên công trình (bài báo, công trình,...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp trí đã đăng công trình)	Năm công bố
	2013-2014 và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh kinh tế mới			
11	Chính sách phát triển nhà ở phúc lợi của Nhật Bản, bài học cho phát triển cho nhà ở và nhà ở xã hội Việt Nam	Tác giả	Hội thảo quốc tế tại Việt Nam	2014
12	Chính sách và chiến lược tạo lực cho thị trường nhà ở 6 tháng đầu năm 2014, tạo đà cho 6 tháng cuối năm	Đồng tác giả	Hội thảo quốc gia Việt Nam	2014
13	Thị trường bất động sản Việt Nam giai đoạn 2011-2013 nhìn từ góc độ hàng tồn kho bất động sản nhà ở	Đồng tác giả	Hội thảo quốc tế tại Việt Nam	2013
14	Yếu tố thành công trong phát triển nền công nghiệp hiện đại của Hàn Quốc – Bài học cho Việt Nam	Đồng tác giả	Hội thảo đề tài KX0407/11-15 tại trường Đại học Kinh tế quốc dân	2013
15	Thị trường bất động sản của nước Lào nhìn từ các quan điểm và các phân khúc đầu tư	Tác giả	Hội thảo quốc tế tại Viêng Chăn - Lào	2012
16	Chính sách và chiến lược phát triển khu vực nông thôn Hàn Quốc – Bài học cho nông thôn Việt Nam	Đồng tác giả	Hội thảo quốc tế tại Việt Nam	2012
17	Giải pháp chiến lược định vị trong đổi mới mô hình quản trị các trường đại học khối ngành kinh tế Việt Nam	Đồng tác giả	Hội thảo quốc tế tại Việt Nam	2012

4.3. Các đề tài dự án

TT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
1	Nghiên cứu giải pháp quản lý và sử dụng công cụ giá theo cơ chế thị trường	2019-2020	Chủ nhiệm đề tài nhánh	Chưa nghiệm thu
2	Áp dụng Lý thuyết “vị thế - chất lượng” để phân tích sự lựa chọn nhà ở của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội	2016-2017	Cấp cơ sở	Đã nghiệm thu
3	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất cho sản xuất nông nghiệp vùng đất bãi bồi ven biển đồng bằng sông Hồng	2013-2014	Cấp Bộ	Đã nghiệm thu
4	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ 2 huyện Thuận Nam và Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận - vùng xây dựng các nhà máy điện hạt nhân	2014	Tương đương cấp Nhà nước	Đã nghiệm thu
5	Thị trường bất động sản Việt Nam năm 2013	2013-2014	Đề tài trọng điểm cấp cơ sở	Đã nghiệm thu
6	“Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thu hút đầu tư phát triển du lịch vùng hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái”	2017 - 2018	Cấp bộ	Đã nghiệm thu
7	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý kinh tế đất nhằm khai thác nguồn thu từ đất theo cơ chế thị trường tại Việt Nam	2018 - 2019	Cấp Nhà nước	Đang thực hiện

4.4. Tư vấn quy hoạch

TT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
1	Lập nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ 2693/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 10/12/2019).	2019	Đề tài cấp Tỉnh	Đã nghiệm thu

TT	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
2	Lập nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ 2693/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/12/2019)	2019	Đề tài cấp Tỉnh	Đã nghiệm thu
3	Đề tài quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ đến năm 2020	2009-2011	Thành phố	Đã nghiệm thu
4	Đề tài quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tam Đảo tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 tầm nhìn 2030	2009-2010	Thành phố	Đã nghiệm thu
5	Đề tài quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Hoài Đức đến năm 2020 tầm nhìn 2030	2010-2011	Thành phố	Đã nghiệm thu
6	Đề tài quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Mê Linh đến năm 2020 tầm nhìn 2030	2010-2011	Thành phố	Đã nghiệm thu
7	Đề tài quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thạch Thất đến năm 2020 tầm nhìn 2030	2010-2011	Thành phố	Đã nghiệm thu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Thị Tùng Phương

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ 6/2009 đến 10/2010	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên phong	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên phong; Tổng giám đốc: Đào Trọng Khanh.
Từ 10/2010 đến nay	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Hiệu trưởng: Phạm Hồng Chương.

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định giá đất bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại Việt Nam	2014-2015	Đề tài cơ sở cấp trường	Chủ trì
2	Điều kiện, cơ hội, thách thức, mô hình, lộ trình, nguồn lực và yêu cầu đối với phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2010, tầm nhìn 2030	2015 – 2016	Đề tài nhánh Đề tài độc lập cấp nhà nước	Thành viên chính
3	Nghiên cứu hệ thống đăng ký đất đai và BĐS trong quá trình phát triển thị trường BĐS ở Việt Nam	Tháng 1-12/2017	Đề tài cơ sở cấp trường	Chủ trì
4	Đồng chủ nhiệm “Nghiên cứu thực trạng thị trường khoa học và công nghệ của Việt Nam từ 2005 đến nay”	2016-2017	Đề tài nhánh Đề tài cấp nhà nước	Đồng chủ trì
5	Nguồn lực tài chính từ đất phục vụ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị - Nghiên cứu thực tế tại Hà Nội	Tháng 1/2019-1/2020	Đề tài cơ sở cấp trường	Chủ trì
6	Nghiên cứu giải pháp hoàn thiện chính sách thu hồi và đền bù khi thu hồi đất đảm bảo phân chia hài hòa lợi	2019-2020	Đề tài nhánh thuộc Đề tài cấp nhà nước Mã số BDKH.41/16-20:	Chủ trì

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	ích giữa các bên và tăng cường nguồn thu từ đất		Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý kinh tế đất nhằm khai thác nguồn thu từ đất theo cơ chế thị trường ở Việt Nam	
7	Khảo sát, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học cấp tỉnh giai đoạn 2010 – 2015	2018	Đề tài khoa học cấp tỉnh do Sở KH&CN Bình Phước quản lý	Thành viên
8	Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0”	2019	Đề tài khoa học cấp tỉnh do Sở KH&CN Quảng Nam quản lý	Thành viên
9	Thực trạng nghiên cứu và phát triển (R&D) và tiếp nhận công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	2016-2017	Sở Khoa học Công nghệ Hưng Yên	Thành viên
10	Định hướng chiến lược phát triển Khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2020 tầm nhìn 2030	2016-2017	Đề tài cấp nhà nước	Thành viên
11	Nghiên cứu đổi mới chính sách và công cụ tài chính phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nền kinh tế thị trường	2016-2017	Đề tài cấp nhà nước (Tham gia 01 nhánh)	Thành viên
12	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2025	2016-2017	UNBD Huyện Bạch Long Vĩ, Hải Phòng	Thành viên
13	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rừng bền	2016-2017	Bộ Giáo dục và	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	vững theo tiêu chuẩn FSC ở Việt Nam		Đào tạo	
14	Nghiên cứu cơ chế khai thác, huy động nguồn lực để xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025	2017-2018	Sở Khoa học Công nghệ Hà Nội	Thành viên
15	Nghiên cứu cơ chế điều tiết giá trị tăng thêm từ đất do quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.	Tháng 1 - 12/2016	Đề tài cơ sở cấp trường	Thành viên
16	Nghiên cứu phương án hỗ trợ kết nối doanh nghiệp nông nghiệp điển hình nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thông qua hoạt động đổi mới sáng tạo	Tháng 7/ 2018	Đề tài nhánh đề tài cấp nhà nước	Thành viên
17	Chính sách thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam	Tháng 12/ 2017	Đề tài nhánh đề tài cấp nhà nước	Thành viên
18	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp thu hút đầu tư phát triển du lịch vùng Hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái	Tháng 01/ 2017	Sở KH&CN Tỉnh Yên Bái	Thành viên

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí/ hội thảo
1	Nghiên cứu cơ sở lý luận mô hình Hedonic và khả năng ứng dụng trong xác định giá bất động sản	2016	Hội thảo khoa học quốc gia “Đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng marketing và định giá ở Việt Nam”, ISBN 978-604- 946-084- 5; tháng 3/2016, Hà Nội
2	Hoạt động mua bán và sáp nhập trong lĩnh vực bất động sản Việt Nam – Nhìn từ các thương vụ điển hình	2016	Tạp chí Kinh tế xây dựng, số 02/2016, trang 28-35.
3	Nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực bất động	2016	Hội thảo quốc gia: “Hoạt động tài chính Quốc tế trong giai đoạn hội nhập mới”,

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí/ hội thảo
	sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập mới		ISBN 978-604-946-126-2, tháng 6/2016, Hà Nội.
4	Quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: Thực trạng và giải pháp	2016	Hội thảo quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”, ISBN 978-604-946-178-1, tháng 11/2016, Hà Nội
5	Hiện trạng sử dụng và những thách thức đối với sử dụng tài nguyên đất trong điều kiện biến đổi khí hậu tại Việt Nam	2016	Hội thảo quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”, ISBN 978-604-946-178-1, tháng 11/2016, Hà Nội
6	Study the Rural Households’ willingness to pay for clean water: A case study in Rural Hanoi	2016	Hội thảo quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”, ISBN 978-604-946-178-1, tháng 11/2016, Hà Nội
7	Huy động nguồn lực đất đai, bất động sản trong phát triển các đô thị vệ tinh ở Hà Nội	2016	Hội thảo khoa học cấp Thành phố “Cơ hội và giải pháp thúc đẩy phát triển đô thị vệ tinh thành phố Hà Nội”, Hà Nội
8	Vài suy nghĩ về định hướng phát triển của Khu công nghệ cao Đà Nẵng trong bối cảnh hội nhập kinh tế	2016	Hội thảo khoa học quốc gia “Cơ hội thách thức và điều kiện phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2020 tầm nhìn 2030”, tháng 12/2016, Hà Nội
9	Mấy vấn đề về thể chế, chính sách trong phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam	2017	Hội thảo khoa học quốc gia “Hoàn thiện thể chế tài chính cho phát triển bền vững thị trường bảo hiểm và thị trường chứng khoán Việt Nam”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Đề tài độc lập QG: ĐTĐL.XH.09/15, tháng 3/2017, Hà Nội.
10	Bàn về một số cơ chế chính sách khung trong cải tạo xây dựng lại các khu chung cư cũ trên địa bàn Thành phố Hà Nội	2017	“Hội thảo khoa học tiếp thu những ý kiến đóng góp để hoàn thiện một số cơ chế khung trong việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ”, Hà Nội, 2017
11	Chủ trương chính sách phát triển thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp: Kết quả, hạn chế và giải pháp thúc đẩy	2017	Tọa đàm "Tiếp tục đổi mới hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới", do Ban Kinh tế Trung ương tổ chức tại Hà Nội, 2017.
12	Quản lý và sử dụng nguồn lực đất đai phát triển kinh tế trong điều kiện biến đổi khí hậu tại Việt Nam	2017	Hội thảo khoa học Quốc gia: “Nghiên cứu cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí/ hội thảo
			<i>khí hậu</i> ”, tháng 3/2017, Hà Nội, ISBN 978-604-59-8026-2
13	Thực trạng thị trường khoa học và công nghệ tại Việt Nam: Nhìn từ các yếu tố cấu thành	2017	Hội thảo khoa học: “Cơ chế chính sách và công cụ tài chính kế toán phát triển thị trường khoa học & công nghệ ở Việt Nam”, Học viện Tài Chính, 2017, Hà Nội, tr 47-71.
14	Chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ tại Việt Nam: Thực trạng và định hướng hoàn thiện	2017	Hội thảo khoa học: “Cơ chế chính sách và công cụ tài chính kế toán phát triển thị trường khoa học & công nghệ ở Việt Nam”, Học viện Tài Chính, 2017, Hà Nội, tr 294-316
15	Mô hình ươm tạo cho khu công nghệ cao Đà Nẵng	2017	Hội thảo khoa học quốc gia “Định hướng chiến lược phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Đọc học Kinh tế quốc dân, ISBN, 978-604-65-3050-3, Nxb Lao động – xã hội, tháng 8/2017, trang 110-121.
16	Hoạt động R&D và tiếp nhận công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn Hưng Yên	2017	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 9 năm 2017 (701), trang 31 -33.
17	Thực trạng hoạt động nghiên cứu triển khai (R&D) và tiếp nhận công nghệ của các doanh nghiệp công nghiệp: Kết quả điều tra tại tỉnh Hưng Yên	2017	Hội thảo khoa học quốc gia: “Thực trạng và giải pháp thúc đẩy tăng trưởng hài hòa trong các khu vực doanh nghiệp ở Việt Nam”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nxb Lao động, Hà Nội, trang 119 – 132
18	Chính sách phát triển thị trường BĐS tại Việt Nam: Thực trạng và kiến nghị	2017	Tạp chí Kinh tế xây dựng số 04/2017, trang 4-11
19	Bàn về thực trạng sản phẩm bất động sản Hà Nội hiện nay	2017	Hội thảo Khoa học cấp Thành phố “Phát triển thị trường bất động sản: Tạo lập không gian sống văn minh ở Thủ đô Hà Nội”, Viện Nghiên cứu phát triển KT-XH Hà Nội và Báo Kinh tế & Đô thị đồng tổ chức, trang 149 -163, tháng 12/2017, Hà Nội.
20	Bàn về chính sách phát triển thị trường bất động sản tại Việt Nam	2018	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Tháng 3/2018, trang 3-6
21	Chính sách thúc đẩy giao dịch công nghiệp trên thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam: Thực trạng	2018	Hội thảo khoa học quốc gia: "Những vấn đề lý luận và thực tiễn về xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ", Trường Đại học Kinh tế Quốc

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí/ hội thảo
	và định hướng hoàn thiện		dân, Nxb Lao động – Xã hội , Hà Nội, trang 172 -190, tháng 6/2018.
22	Các công cụ thu hồi giá trị đất gia tăng trong quá trình phát triển kết cấu hạ tầng đô thị ở một số quốc gia trên thế giới	2018	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 17, Tháng 6/2018, trang 58-61
23	Bàn về chính sách điều tiết giá trị gia tăng từ đất tại Việt Nam	2018	Tạp chí Tài chính, Kỳ 2, Tháng 7/2018 (685), trang 16 -19
24	Nghiên cứu thị trường bất động sản Hà Nội: Góc nhìn từ một số loại hình sản phẩm bất động sản	2018	Tạp chí Kinh tế xây dựng, số 02/2018, trang 10-17
25	Định hướng chiến lược phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng	2018	Sách chuyên khảo, mã số ISBN: 978-604-973-140-2, Số quyết định xuất bản 1095/QĐ-NXBTN ngày 2/8/2018, NXB Thanh Niên, Hà nội
26	Mối quan hệ giữa tiếp nhận công nghệ, nghiên cứu triển khai (R&D) và hoạt động kinh doanh: Bằng chứng thực tế tại các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Hưng Yên	2018	Hội thảo Khoa học Quốc gia ““Đổi mới sáng tạo nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam”, Trường Đại học Điện lực (EPU) và Viện Nghiên cứu Chiến lược Thương hiệu và Cạnh tranh (BCSI) tổ chức tháng 10/ 2018, Hà Nội, ISBN: 978-604-931-555-8, trang 74-79, NXB Công thương.
27	Các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên: Nghiên cứu tình huống sinh viên ngành Bất động sản, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	2018	Hội thảo quốc tế “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia - ICYREB 2018”, Học viện Tài chính, trang 1226- 1239, ISBN: 978-604-79-1930-7
28	Some factors affecting land value uplift: a review of the literature	2018	Conference Proceedings, The first International Conference on Contemporary Issues In Economics, Management and Business (1 st CIEMB), NEU and ANU, Hanoi, VietNam, p.184-204, ISBN: 978-604-65-3728-1
29	An Examination of Factors affecting residential property price in Urban area: The case of Hanoi, Vietnam	2018	Conference Proceedings, The first International Conference on Contemporary Issues In Economics, Management and Business (1 st CIEMB), NEU and ANU, Hanoi, VietNam, p.1394-1406, ISBN: 978-604-65-3728-1

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí/ hội thảo
30	Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC ở Việt Nam	2018	Sách chuyên khảo, mã số ISBN: 978-604-946-523-9, Số quyết định xuất bản 605/QĐ-NXBĐHKQTQD ngày 24/12/2018, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà nội
31	Nghiên cứu các công cụ thu hồi giá trị đất đai phát triển cơ sở hạ tầng đô thị	2019	Hội thảo khoa học quốc gia: “Đô thị hóa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam: Xu hướng đổi mới và điều kiện phát triển”, Quyết định XB số 249/QĐ - NXBLĐXH, cấp ngày 06/6/2017. ISBN: 978-604-65-3962-9, trang 202 – 214, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
32	Impact of Infrastructure Investment on Land Values: A case study in Hanoi, Vietnam	2019	10th NEU – KKV International Conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development, 2019, Labour -social publishing house, Publishing register No. 1439-2019/CXBIPH/01-65/LDXH. Publishing Decision No. 168/QĐ-NXBLĐXH, ISBN: 978-604-65-4174-5, p.358-369.
33	Chính sách quản lý, sử dụng nhà chung cư và một số vấn đề đặt ra khi ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành: Nghiên cứu dưới góc nhìn của cư dân tại đô thị Hà Nội	2019	Hội thảo Khoa học Nhà kinh tế trẻ Việt Nam lần thứ I với chủ đề “Vai trò của trí thức trẻ Việt Nam trong nền kinh tế số”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, ISBN: 978-604-9835-24-7, Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội.
34	Chính sách huy động nguồn lực cải tạo chung cư cũ trên địa bàn TP. Hà Nội	2019	Tạp chí Tài chính, Kỳ 2, Tháng 8/2019 (711), trang 82 -84
35	Huy động nguồn lực tài chính từ đất phục vụ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị: nghiên cứu thực tế tại Hà Nội	2019	Hội thảo Khoa học Quốc gia: Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trang 511- 528, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Mã số ISBN: 978-604-946-755-4, Số Quyết định xuất bản: 464/QĐ-NXBĐHKQTQD ngày 09/12/2019
36	Công cụ huy động nguồn lực tài chính đất đai phục vụ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị: Kinh nghiệm của Nhật Bản và bài học cho Việt Nam	2019	Hội thảo Khoa học Quốc gia: Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trang 331- 340, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Mã số ISBN: 978-604-946-755-4, Số Quyết định xuất bản: 464/QĐ-NXBĐHKQTQD ngày 09/12/2019

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí/ hội thảo
37	Nghiên cứu tổng quan về kinh tế đất và khai thác các nguồn thu từ đất	2019	Hội thảo Khoa học Quốc gia: Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trang 181- 204, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Mã số ISBN: 978-604-946-755-4, Số Quyết định xuất bản: 464/QĐ-NXBĐHKTQD ngày 09/12/2019
38	Factors influencing green housing purchase behaviour: a survey from Hanoi City, Vietnam	2020	12th NEU – KKU International Conference on Socio-economic and Environmental Issues in Development, 2020, Labour -social publishing house, Publishing register No. 2623-2020/CXBIPH/01-145/LDXH. Publishing Decision No. 310/QĐ-NXBLDXH, ISBN: 978-604-65-5031-0, p.625-641.
39	Forest resources and household welfare: Empirical evidence from North Central Vietnam	2020	NRF, A United Nations Sustainable Development Journal (Tạp chí ISI)
40	Thị trường quyền sử dụng đất trong quá trình phát triển kinh tế thị trường tại Việt Nam	2020	Hội thảo Khoa học Quốc gia: “Phát triển nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: Thực trạng, đặc trưng và gợi ý các tiêu chí về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trang 477- 496, số đăng ký xuất bản: 2709-2020/CXBIPH/04-49/LĐXH, Quyết định xuất bản số: 323/QĐ-NXBLĐXH cấp ngày 03/8/2020, mã ISBN: 978-604-65-5035-8
1	Factors Influencing Green Housing Purchase Intention in Hanoi City, Vietnam	2020	International Conference "Climate change and Sustainability Management in Vietnam and Taiwan" (ICCSM-2020), on 28th October 2020, at NEU, Hà Nội. Publishing register No. 4085-2020/CXBIPH/02-210/LĐXH; Publishing Decision No. 565/QĐ-NXBLĐXH, dated on 16/10/2020; ISBN: 978-604-65-5327-4; pp. 227-243.
2	Phát triển kinh doanh lưu trú du lịch - góc nhìn pháp lý từ một số loại hình bất động sản du lịch tại Việt Nam	2020	Hội thảo khoa học quốc gia: “Kinh doanh dịch vụ lưu trú chia sẻ trong kỷ nguyên số”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trang 278- 297, Quyết định xuất bản số: 652/QĐ-NXBLĐXH, Mã số ISBN: 978-604-65-5296-3.

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí/ hội thảo
3	Nghiên cứu tổng quan về đào tạo ngành kinh doanh Nông nghiệp bậc đại học tại Hoa Kỳ	2021	Hội thảo khoa học Quốc gia “Đào tạo nguồn nhân lực ngành Kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, trang 115- 126, Quyết định xuất bản số: 83/QĐ-NXBĐHKTQD, Mã số ISBN: 978-604-946-972-5.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Nguyễn Thanh Lân

LÍ LỊCH KHOA HỌC

I. LÍ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Hữu Dũng

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/04/1978

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Hồng Thái-Kiến Xương-Thái Bình

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm, nước cấp: 2012, Hàn Quốc

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ: Trưởng Bộ môn

Đơn vị công tác: Khoa Bất động sản và Kinh tế Tài nguyên, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

Chỗ ở riêng: 14, Làng giáo viên Lâm nghiệp, Xuân Mai, Hà Nội

Điện thoại liên hệ: 0961151148

Email: nguyen.huudung@neu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy; Nơi đào tạo: Đại học Lâm nghiệp; Ngành học: Quản trị Kinh doanh; Nước đào tạo: Việt Nam; Năm tốt nghiệp: 2000

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Kinh tế quốc tế và

phát triển Năm cấp bằng: 2006 Nơi đào tạo: Đại học Quốc gia Úc, Australia

- Thạc sĩ chuyên ngành: Hệ sinh thái rừng Năm cấp bằng: 2015 Nơi đào tạo: Đại học Melbourne, Australia

- Tiến sĩ: Kinh tế sinh thái Năm cấp bằng: 2012 Nơi đào tạo: Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc

3. Ngoại ngữ:

1: Anh

Mức độ sử dụng: C

2: Hàn Quốc:

Mức độ sử dụng: A

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
11. 2016-nay	Đại học Kinh tế Quốc dân	<i>Giảng viên, Chủ nhiệm Bộ môn Kinh tế Tài nguyên.</i> Giảng dạy đại học và sau đại học. Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế tài nguyên môi trường và Bất động sản
2016-nay	Cologne University of Applied Sciences	<i>Giảng viên thỉnh giảng.</i> Giảng dạy môn Kinh tế phát triển và hợp tác quốc tế trong quản lý nguồn nước (Chương trình thạc sĩ TERMA tại VAWR, ngôn ngữ tiếng Anh)

2001-2016	Đại học Lâm nghiệp	Giảng viên cơ hữu. Giảng dạy đại học và sau đại học
-----------	--------------------	---

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài khoa học đã và đang tham gia

TT	Tên đề tài	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp	Trách nhiệm trong Đề tài
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên gắn với sinh kế cộng đồng tại Khu Di sản Thiên nhiên Thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng	2021-2022	Nhà nước	Chủ nhiệm đề tài nhánh
2	Tác động của làm việc từ xa đến lựa chọn nơi ở và nhu cầu đi lại của người lao động tại Việt Nam	2021	Trường	Chủ nhiệm
3	Giá trị kinh tế hệ sinh thái khu vực U Minh Hạ	2020	Trường	Chủ nhiệm
4	Đánh giá tác động đến sinh kế của người dân sử dụng đất nông nghiệp sau khi thực hiện Chương trình dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Cơ quan tài trợ: Đại học Kinh tế Quốc dân	2019	Trường	Chủ nhiệm
5	đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học cấp tỉnh giai đoạn 2010-2015 tại Bình Phước	2018	Tỉnh	Thành viên
6	Nghiên cứu đề xuất một số chính sách thu hút khu vực tư nhân vào đầu tư, quản lý khai thác công trình thủy lợi để cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác	2018	Bộ	Thành viên
7	Nghiên cứu các giải pháp thu hút đầu tư phát triển du lịch vùng hồ Thác Bà tỉnh Yên Bái	2017-2018	Tỉnh	Thành viên
8	Tối ưu hóa giá trị kinh tế gỗ, nhiên liệu sinh học, và trữ lượng Các-bon của rừng tại Gippsland		Đại học Melbourne, Úc	Thành viên
9	Chuyển đổi rừng tại Châu Á và Châu Âu hướng tới quản lý rừng bền vững	2012-2013	Asian	Điều phối viên khu vực
10	Phân tích bối cảnh và thể chế cho đánh giá quản trị có sự tham gia (PGA) trong REDD+ ở Việt Nam	2011-2012	UNDP	Cố vấn trưởng chuyên môn

2. Các công trình khoa học đã công bố

2.1. Các loại sách chuyên khảo, tham khảo, hướng dẫn đã công bố:

TT	Tên công trình (Sách, báo, tài liệu...)	Nơi công bố (Nhà xuất bản, nơi xuất bản)	Năm công bố	Chủ biên, đồng chủ biên, tham gia
1	Chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn	Nhà xuất bản Tài chính	2020	Chủ biên

2.2. Các bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo đã công bố

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Tiềm năng sử dụng năng lượng mặt trời kết hợp với sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam	2021	Hội thảo Đào tạo nguồn nhân lực ngành Kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội
2	Các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người sử dụng dịch vụ nước sạch tại nông thôn: nghiên cứu trường hợp huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2021	Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn 1 (1), Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
3	Ứng dụng mô hình sử dụng năng lượng mặt trời kết hợp với sản xuất nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ	2021	Hội thảo Đào tạo nguồn nhân lực ngành Kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội
4	Forest Cover Change, Households' Livelihoods, Trade-Offs, and Constraints Associated with Plantation Forests in Poor Upland-Rural Landscapes: Evidence from North Central Vietnam. Journal of Forests	2020	Journal of Forests. www.mdpi.com/1999-4907/11/5/548 . (Scopus)
5	Economic Valuation from Direct Use of Mangrove at U Minh Ha National Park, Vietnam	2020	Climate Change and Sustainability Management in Vietnam and Taiwan. National Economics University. Vietnam
6	Làm việc từ xa trong giai đoạn dịch COVID-19 tác động đến nhu cầu di chuyển và lựa chọn nơi ở của người lao động tại Hà Nội	2020	Chính sách vượt qua tác động của covid-19 để phục hồi và phát triển kinh tế
7	Các nhân tố ảnh hưởng tới thu nhập của hộ nông dân canh tác trên đất sau dồn điền đổi thửa tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	2019	Tạp chí Khoa học và Công nghệ 209 (16), 9-13. Đại học Thái Nguyên. http://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/2031
8	Depletion, degradation, and management on coastal resources in Vietnam.	2018	Contemporary Issues in Economics, Management and Business. National Economics University. Vietnam

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
9	Optimal equity structure for public-private partnership investment in rural water supply sector in Vietnam. Contemporary Issues in Economics, Management and Business. National Economics University. Vietnam	2018	Contemporary Issues in Economics, Management and Business. National Economics University. Vietnam
10	Impacts of inflation on the stock market operation in Vietnam	2018	Contemporary Issues in Economics, Management and Business. National Economics University. Vietnam
11	Impact of land tenure policy on land use change - experience from Northern Vietnam	2018	Contemporary Issues in Economics, Management and Business. National Economics University. Vietnam.
12	Water Prices and Determination of Customer Satisfaction: A Comparison of Private and the Other Sectors in Managing the Rural Water Supply Schemes.	2018	Socio-Economic and Environmental Issues in Development. Hung Vuong University.
13	Giá nước và mức độ hài lòng của người sử dụng nước khi thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư xây dựng và quản lý các công trình nước sạch tập trung nông thôn	2018	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi 44.
14	Determination of Customer Satisfaction: A Comparison of Private and Public Sectors in the Rural Water Supply Schemes, Vietnam	2018	Socio-Economic and Environmental Issues in Development. Labor - Social Publishing House.
15	Conditions of forest transition in Asian countries	2017	Journal of Forest Policy and Economics 76, 14-24. Elsevier Publisher. Available at: www.sciencedirect.com/science/article/pii/S138993411630185X (Scopus/ISI)
16	Corrigendum to Conditions of forest transition in Asian countries	2017	Forest Policy and Economics, 83, p.177. Available at: www.sciencedirect.com/science/article/pii/S1389934117303672 (Scopus/ISI)
17	Ứng dụng mô hình Faustmann vào xác định tuổi khai thác tối ưu cho	2017	Tạp chí Kinh tế và Phát triển 238. Đại học Kinh tế Quốc dân. Địa chỉ

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	rừng Bạch Đàn trồng tại Lạng Sơn		xem: www.ktpt.edu.vn/tap-chi/so-238/muc-luc-896/van-dung-mo-hinh-faustmann-vao-xac-dinh-chu-ky-kinh-doanh-rung-trong-bach-dan-toi-uu-tai-tinh-lang-son.375522.aspx
18	Relationship between inflation and economic growth in Vietnam	2017	Emerging issues in economics and business in the context of international intergration. National Economics University
19	Economic restructuring in a highly repressed economy: perspectives on the order of policy reform	2017	Policy and sustainable economic development. University of Economics HCM city. Available at: http://digital.lib.uet.edu.vn/handle/UET/55490
20	Bước đầu đánh giá chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình trong điều kiện biến đổi khí hậu	2017	Nghiên cứu cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu. Đại học Kinh tế Quốc dân
21	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia của người dân vào Chương trình Phát triển Nông thôn Mới tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	2017	Huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới. Hội khoa học kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.
22	Xác định chu kỳ kinh doanh tối ưu về kinh tế cho rừng trồng Bạch Đàn tại tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	2016	Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu. Đại học Kinh tế Quốc dân
23	Forest management for joint productions of timber, carbon, and firewood in Vietnam	2015	Livelihood development and sustainable environmental management in the context of climate change, pp 167. Agriculture Publishing House.
24	The impacts of global warming and drought on forest ecosystems	2015	Livelihood development and sustainable environmental management in the context of climate change, pp 230. Agriculture Publishing House.
25	Institutional and context analysis to inform the Participatory Governance Assessment (PGA) for REDD+ in	2013	UNDP, Liên Hiệp Quốc. Available at: http://www.forestcarbonasia.org/othe

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	Viet Nam'. UNDP, United States. Available at: http://www.forestcarbonasia.org/other-publications/institution-context-analysis-inform-pga-redd-viet-nam/		r-publications/institution-context-analysis-inform-pga-redd-viet-nam/
26	Optimum harvesting time and clone choices for eucalyptus growers in Vietnam	2012	Forest Policy and Economics 15, 60 – 69. Elsevier Publisher. Available at: www.sciencedirect.com/science/article/pii/S1389934111001663 (Scopus/ISI)

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Hữu Dũng

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1988-1998	Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, Khoa KTNN	Giảng viên
1998-nay	Đại học Kinh tế Quốc dân, Viện Quản trị Kinh doanh	Giảng viên Trưởng Ban nghiên cứu Trưởng Ban Đào tạo Đại học

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Những giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy việc bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam trong những năm tới;	2002-2004	Đề tài cấp Bộ	Thành viên
2	Đổi mới hệ thống quản lý nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các tổng công ty nhà nước trong quá trình CNH, HĐH	2000-2002	Đề tài cấp Bộ;	Thành viên
3	Nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng trong các siêu thị điện máy ở Hà Nội	2014-2015	Đề tài cấp Cơ sở	Chủ trì
4	Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp Hà Nội	2014-2015	Đề tài cấp Thành phố	Chủ trì
5	Năng lực hấp thụ kết quả nghiên cứu khoa học của các doanh nghiệp Việt Nam	2018-2019	Đề tài cấp Bộ	Thành viên
6	Đánh giá tác động của năng lực đổi mới sáng tạo tới năng suất, chất lượng và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp qua nghiên cứu điển hình ngành nông nghiệp	2018-2019	Đề tài nhánh cấp Nhà nước	Chủ trì

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
7	Nghiên cứu năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tác động đến nâng cao năng suất chất lượng - áp dụng thí điểm cho doanh nghiệp nông nghiệp	2018-2020	Đề tài cấp nhà nước	Thư ký khoa học
Đề tài tư vấn				
1	Quy hoạch nguồn nhân lực Hà Nội cho đến 2020, tầm nhìn 2030;	2012	Đề tài tư vấn	Thành viên
2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Quốc Oai- Hà Nội cho đến 2020 tầm nhìn 2030	2012	Đề tài tư vấn	Thành viên
3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Chương Mỹ- Hà Nội cho đến 2020 tầm nhìn 2030	2012	Đề tài tư vấn,	Thành viên
4	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Hoài Đức, Hà Nội cho đến 2020, tầm nhìn 2030	2011	Đề tài tư vấn	Thành viên
5	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Thạch Thất, Hà Nội cho đến 2020, tầm nhìn 2030	2010	Đề tài tư vấn	Thành viên
6	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thị trấn Vĩnh Bảo, Hải Phòng cho đến 2020	2009	Đề tài tư vấn	Thành viên
7	Quy hoạch ngành nông lâm thủy sản Hải Phòng cho đến 2010, tầm nhìn 2020;	2007	Đề tài tư vấn	Thành viên
8	Tư vấn nghiên cứu khả năng xây dựng các trung tâm lao động - việc làm cho cấp xã để hỗ trợ người nghèo trong việc tiếp cận thông tin về thị trường lao động ở Thanh Hoá - Dự án của GTZ;	2007	Đề tài tư vấn	Thành viên
9	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội xã Kim Quang, Thạch Thất, Hà tây cho đến 2020;	2007	Đề tài tư vấn	Thành viên
10	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Gia Lâm cho đến 2010, tầm nhìn 2020	2006	Đề tài tư vấn	Thành viên

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
Giáo trình- Sách chuyên khảo			
1	Đổi mới sáng tạo và năng suất, chất lượng trong doanh nghiệp (Nghiên cứu trường hợp các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam), NXB Lao động Xã hội,	2020 Chủ biên	Sách tham khảo
2	Quản lý dự án; NXB Chính trị hành chính	2011 chủ biên	Sách chuyên khảo
3	Tình huống về quản trị kinh doanh; NXB đại học KTQD	2010 Đồng tác giả	Sách chuyên khảo
4	Giáo trình Kinh tế học vi mô, NXB Lao động Xã hội,	2009- Đồng tác giả	Giáo trình
5	Giáo trình Kinh tế học vi mô; NXB Đại học KTQD	2008 Đồng tác giả	Giáo trình
6	Giáo trình kinh tế học Vi mô cho các trường trung cấp chuyên nghiệp khối kinh tế, NXB Giáo dục	2007- Đồng tác giả	Giáo trình
7	Giáo trình Kinh tế học Vi mô (dùng cho chuyên ngành quản trị kinh doanh), NXB Đại học KTQD	2006- Chủ biên	Giáo trình
8	Learning through case studies; NXB Lao động xã hội	2003- Đồng tác giả	Sách chuyên khảo
9	Selected case studies in Business Administration, NXB giáo dục	2002- Đồng tác giả	Sách chuyên khảo
10	Tình huống trong quản trị kinh doanh, NXB giáo dục	1999- Đồng tác giả	Sách chuyên khảo
Bài báo khoa học			
1	Thực trạng nghiên cứu- Phát triển trong các doanh nghiệp ngành nông nghiệp ở Việt Nam	1/2020	Tạp chí Kinh tế & Phát triển số 271 (II)
2	Nhân tố ảnh hưởng đến hành vi bạo lực qua mạng của thanh thiếu niên từ 14-18 tuổi ở Hà Nội	9/2018	Tạp chí Kinh tế & Phát triển số 255 (II)
3	Nhân tố ảnh hưởng đến năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp Da giày Hà Nội	1+2/2016	Tạp chí Quản lý Kinh tế

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
4	Giải pháp thúc đẩy khởi nghiệp của sinh viên trên địa bàn Hà Nội,	1/2016	Tạp chí Kinh tế và Dự báo
5	Nhân tố tác động đến năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp cơ điện tử Hà Nội	12/2015	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
6	Nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng tại các siêu thị điện máy ở Hà Nội	7/2015	Tạp chí Quản lý Kinh tế
7	Nhu cầu đào tạo nghề giúp việc gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội	1/2015	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
8	An assesment of Hanoi international tourism development	6/2014	Au-Gsb e-Journal. Assumption University, Thailand
9	Năng lực đổi mới sáng tạo và sự cần thiết phải nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp Việt Nam	6/2013	Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội Quốc gia
10	Nâng cao chất lượng các chương trình Cử nhân chính quy chất lượng cao ở Việt Nam,	6/2013	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
11	Thúc đẩy mối quan hệ Nhà trường- Doanh nghiệp cho chương trình Cử nhân Quản trị Kinh doanh bằng tiếng Anh tại Viện Quản trị Kinh doanh	11/2012	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
12	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho thủ đô Hà Nội	7/2012	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
13	Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt ở thủ đô Hà Nội.	6/2012	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
14	Phát triển du lịch làng nghề truyền thống cho sinh viên trên địa bàn Hà Nội	2011	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
15	Về việc đảm bảo tiến độ dự án trong các dự án phát triển	4/2008	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
16	Mô hình vùng nông nghiệp theo hướng đô thị sinh thái ở Hà Nội những năm 2020 nhìn từ kinh nghiệm của Bangkok, Thái Lan	2/2006	Tạp chí Kinh tế và Phát triển

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
17	Sắc màu sinh thái trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp Hà Nội những năm đầu chuyển dịch	9/2005	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
18	Nông nghiệp sinh thái đô thị: Lý thuyết cơ bản và một số mô hình thực tiễn	1/2003	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
19	Bài học áp dụng hệ thống ISO 9000 tại một doanh nghiệp	1/2003	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
20	Phát triển nông nghiệp đô thị sinh thái ở huyện Từ Liêm	2/2002	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
21	Làm việc theo nhóm và quản lý chất lượng đồng bộ trong các doanh nghiệp Việt Nam	11/1998	Tạp chí Kinh tế và Phát triển

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021

Xác nhận của cơ quan

Người khai kí tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Trần Thị Hồng Việt

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **Võ Thị Hòa Loan**

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 22-9-1978

Nơi sinh: Vĩnh Phúc

Quê quán: Xã Quảng Đông - Huyện Quảng Trách - Tỉnh Quảng Bình Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2004, Việt Nam,

Chức danh khoa học cao nhất: Giảng viên

Năm bổ nhiệm: 2004

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên - Đại học Kinh tế Quốc Dân - Hà Nội

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Nhà vườn 5 - Nhà số 8 - Tổng cục V- Yên Xá - Tân Triều - Hà Nội

Điện thoại liên hệ: CQ: 046280280 ĐĐ: 0979701888

Fax: Email: yohoaloan@yahoo.com; loanvh@neu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính Quy

Nơi đào tạo: 1996-2000

Ngành học: Kinh tế nông nghiệp

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2000

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp Năm cấp bằng: 2004

Nơi đào tạo: Trường Đại học Kinh tế quốc dân - Hà Nội

- Tiến sĩ chuyên ngành:

Năm cấp bằng:

Nơi đào tạo:

- Tên luận án:

3. Ngoại ngữ:

1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: thành thạo

2. Tiếng Pháp

Mức độ sử dụng: sử dụng được

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1996-2000	Khoa Kinh tế nông nghiệp - Đại học KTQD	Sinh viên
2002- nay	Khoa KTNN&PTNT nay là Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên	Giảng viên, Phó bộ môn KTNN

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội Huyện Thanh Trì thành phố Hà nội đến 2010	2000	Thành phố	Thành viên
2	Xoá đói giảm nghèo Huyện Từ Liêm - Thành phố Hà nội giai đoạn 2001 - 2005	2001	Thành phố	Thành viên
3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Huyện Vĩnh Bảo - Thành phố Hải Phòng đến 2020	2003	Thành phố	Thành viên
4	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Quận Hải An - Thành phố Hải Phòng đến 2020	2004	Thành phố	Thành viên
5	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng đến 2020	2004	Thành phố	Thành viên
6	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Quận Kiến An - Thành phố Hải Phòng đến 2020	2004	Thành phố	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
7	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng đến 2020	2004	Thành phố	Thành viên
8	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Thị Xã Đồ Sơn - Thành phố Hải Phòng đến 2020	2005	Thành phố	Thành viên
10	Điều chỉnh, rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp - Thành phố Hải Phòng đến 2020;	2006	Thành phố	Thành viên
11	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Xã Lý Học – Huyện Vĩnh Bảo đến 2020	2006 - 2007	Thành phố	Thư ký
12	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Huyện Sóc Sơn - Thành phố Hà Nội đến 2020;	2007	Huyện Vĩnh Bảo	Chủ nhiệm
13	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội đến 2020; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Huyện Gia Lâm - Thành phố Hà Nội đến 2020;	2007	Thành phố	Thư ký
14	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ đến 2020;	2008	Thành Phố	Thư ký
15	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Huyện	2008		Thư ký

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
16	Yên Lập - Tỉnh Phú Thọ đến 2020; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Huyện Đan Phượng - Hà nội đến 2020;	2010	Tỉnh Phú Thọ Thành phố	Thư ký
17	Đề tài: Hoàn thiện chính sách nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập WTO	2004 – 2005	Cấp thành phố, tỉnh	Thành viên
18	Đề tài: Nghiên cứu các chính sách và giải pháp phát triển các tổ chức xã hội dân sự ở nông thôn Việt nam	2010-2012	Cấp Bộ	Thư ký
19	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng	2016-2017	Thành phố	Thành viên
20	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Bạch Long Vĩ đến 2025	2016-2017	Thành phố	Thành viên
21	Xây dựng nhiệm vụ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019-2020	Tỉnh	Thành viên
22	Xây dựng nhiệm vụ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn 2050	2019-2020	Tỉnh	Thành viên
23	Dự án “Phát huy quy chế dân chủ xã phường” do Hội nhà báo Việt Nam	2003	Cơ quan phát triển Quốc tế Thủy Điện	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	phối hợp trường Đại học Kinh tế quốc dân đảm nhiệm		(SIDA)	
24	Dự án “ Phòng chống tham nhũng” - Do Ban nội chính Trung ương phối hợp trường Đại học Kinh tế quốc dân đảm nhiệm	2004	Cơ quan phát triển Quốc tế Thủy Điện (SIDA)	Thành viên
25	Dự án “ Xây dựng quy trình lồng ghép quy chế dân chủ cơ sở trong các hoạt động xoá đói giảm nghèo” - Do nhóm nghiên cứu trường Đại học KTQD đảm nhiệm -	2004	Tỉnh Phú Thọ Thành phố	Thư ký Thư ký
26	Dự án nâng cao năng lực cộng đồng (nghiên cứu bình đẳng giới) - Huyện Phù Yên - Tỉnh Sơn La -	2000-2001	Cấp thành phố, tỉnh	Thành viên

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Tác động của đại dịch Covid-19 đến các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp Việt Nam và các khuyến nghị chính sách	2020	Tạp chí kinh tế phát triển
2	Cơ hội, thách thức và giải pháp phát triển bền vững thủy sản Việt Nam	2019	Tạp chí Kinh tế và dự báo
3	Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về chuyển đổi mục đích sử dụng đất	2019	Hội thảo quốc gia Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	nông nghiệp và tác động của nó đến nhóm lợi ích		kinh tế trong Luật đất đai 2013
4	Sinh kế bền vững của người dân Huyện Cao Phong trong việc phát triển rừng kết hợp trồng cam Cao Phong	2018	Hội thảo quốc gia
5	Giải pháp Phát triển thủy sản Việt Nam Bền vững	2018	Hội thảo Quốc tế CIEM 1- Trường ĐH KTQD - các quốc gia
6	Tài nguyên biển Việt Nam, thực trạng và giải pháp phát triển bền vững	2016	Hội thảo quốc gia
7	Cơ hội thách thức và giải pháp phát triển thủy sản Việt Nam	2015	Hội thảo quốc gia
8	Những giải pháp chủ yếu nhằm tăng trưởng kinh tế bền vững để xoá đói giảm nghèo ở vùng núi phía Bắc	2005	Tạp chí nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2021

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Võ Thị Hòa Loan

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2006 - Nay	ĐH Kinh tế quốc dân	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Những nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số của các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp	2021-2022	Trường	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp tác động đến năng suất, chất lượng – Áp dụng thí điểm cho doanh nghiệp nông nghiệp	2017 - 2018	Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước	Chủ nhiệm
3	Phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng ứng dụng công nghệ cao	2015-2016	Trường	Chủ nhiệm
4	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tuy Lộc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011-2015, định hướng năm 2020	2011 - 2012	Cấp huyện	Chủ nhiệm
5	Khảo sát, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học cấp tỉnh giai đoạn 2010 – 2015	2018-2019	Cấp tỉnh	Thư ký khoa học
6	Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế ứng phó với xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long: Thí điểm tại một huyện điển hình	2016-2017	Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước	Tham gia
7	Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy đào tạo nghề cho nông dân ở các Trung tâm dạy nghề thuộc Hội Nông dân Việt Nam	2015 - 2016	Bộ	Tham gia
8	Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ngoại thành theo hướng giá trị cao, kinh tế xanh và phát triển bền vững	2013 - 2014	Bộ	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
9	Cơ chế chính sách đặc thù cho hai huyện Thuận Nam và Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận xây dựng nhà máy điện hạt nhân	2013 - 2014	Bộ	Tham gia
10	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất cho sản xuất nông nghiệp vùng đất bãi bồi ven biển vùng Đồng bằng Sông Hồng	2012 - 2013	Bộ	Tham gia
11	Nghiên cứu chính sách và giải pháp phát triển các tổ chức xã hội dân sự ở nông thôn Việt Nam	2010 - 2011	Bộ	Tham gia
12	Giải pháp và hình thức tổ chức đối với nông dân nhằm phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung trong nông nghiệp Việt Nam	2020 - 2011	Bộ	Tham gia
13	Nghiên cứu xác định sản phẩm chủ lực của tỉnh Vĩnh Long đến năm 2015	2009 - 2010	Cấp tỉnh	Thư ký khoa học
14	Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội huyện Đan Phượng – TP Hà Nội	2008 - 2009	Cấp tỉnh	Tham gia
15	Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội huyện Phổ Yên Thái Nguyên đến năm 2020	2008 - 2009	Cấp tỉnh	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Nghiên cứu nhu cầu đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp ở Trường Đại học Kinh tế quốc dân	2021	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Đào tạo nguồn nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội”
2	Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	2021	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Đào tạo nguồn nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội”
2	Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp và khuyến nghị chính sách	2020	Tạp chí Kinh tế & Phát triển; ISSN: 1859-0012; Tháng 04/2020

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
3	Đầu tư phát triển nông nghiệp thông minh 4.0: Kinh nghiệm từ tỉnh Lâm Đồng	2019	Tạp chí Tài chính Kỳ II, tháng 05/2019; ISSN-2615-8973
4	Những nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư ứng dụng công nghệ cao của doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	2019	Tạp chí Kinh tế và Dự báo; ISSN 0866-7120; Số 15 tháng 05/2019
5	Đầu tư phát triển nông nghiệp ngoại thành Hà Nội theo hướng ứng dụng công nghệ cao: Thực trạng và giải pháp	2016	Hội thảo khoa học quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”; ISBN: 987-604-946-178-1
6	Đào tạo nghề cho nông dân tại các cơ sở dạy nghề thuộc Hội Nông dân Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	2016	Hội thảo khoa học quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”; ISBN: 987-604-946-178-1
7	Phát triển sản xuất hoa ở ngoại thành Hà Nội theo hướng sản phẩm chủ lực trong nông nghiệp	2015	Hội thảo khoa học quốc gia: “Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững”; ISBN: 987-604-946-024-1
8	Nông nghiệp công nghệ cao: “sân chơi” có dành cho kinh tế hộ gia đình quy mô nhỏ	2014	Hội thảo Khoa học quốc gia: “Quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi”; ISBN: 987-604-927-847-1
9	Nghiên cứu xác định sản phẩm chủ lực trong nông nghiệp ở các địa phương	2011	Hội thảo khoa học quốc gia: “Nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực ngành Kinh tế tài nguyên đáp ứng nhu cầu xã hội”. ĐH KTQD

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2021

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

Ths. Nguyễn Hà Hưng

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2012 - Nay	ĐH Kinh tế quốc dân	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu Nguyên lý Kinh doanh Nông nghiệp: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế KTQD/V2019.75	2019-2020	Trường	Chủ nhiệm
2	Khảo sát, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học cấp tỉnh giai đoạn 2010-2015 05/HĐ-SKH-CN Bình Phước	2018-2019	Tỉnh	Tham gia
3	Nghiên cứu tính tất yếu chuyển đổi sang mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long BĐKH.05/16-20	2017	Đề tài nhánh thuộc đề tài nhà nước	Tham gia
4	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu BĐKH.05/16-20	2017	Đề tài nhánh thuộc đề tài nhà nước	Tham gia
5	Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long BĐKH.05/16-20	2017	Đề tài nhánh thuộc đề tài nhà nước	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
6	Nghiên cứu phương pháp và quy trình ứng dụng tính chỉ số giá bất động sản ở Hà Nội	2016	Đề tài cấp thành phố Hà Nội	Tham gia
7	Đề án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Bảo – Hải Phòng	2016	Tỉnh	Tham gia
8	Cơ chế chính sách đặc thù cho 2 huyện Thuận Nam và Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận – vùng xây dựng nhà máy điện hạt nhân	2014-2015	Đề tài trọng điểm cấp tỉnh Ninh Thuận	Tham gia
9	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC ở Việt Nam B2016-KHA-09	2016-2017	Bộ GDĐT	Thư ký khoa học
10	Nghiên cứu phương pháp và quy trình tính chỉ số giá bất động sản ở Hà Nội	2015-2016	Sở Khoa học Công nghệ Hà Nội	Tham gia
11	Phát triển các mô hình chuỗi cung ứng hàng nông sản Việt Nam: Những kết quả ban đầu trong năm 2014 KTQD2014.04TĐ	2014-2015	Trường	Tham gia
12	Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định giá đất bồi thường khi nhà nước thu hồi đất tại Việt Nam KTQD/V2014.45	2014-2015	Trường	Tham gia
13	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cải tạo nâng cao đặc tính trở nhiệt cho vỏ kết cấu bao che của các toà nhà hiện hữu ở đô thị nhằm sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng ở Việt Nam, Mã số 52/2014/ HĐ-KHCN-BĐKH/ 11-15	1/2014-12/2015	Đề tài KHCN cấp nhà nước	Tham gia
14	Xây dựng danh mục đặc tính về truyền nhiệt, cách nhiệt và hướng	6/2013->6/2015	Đề tài KHCN Bộ	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	dẫn kỹ thuật sử dụng vật liệu xây dựng nhằm tiết kiệm năng lượng, Mã số TK 05-13		Xây dựng Cấp quản lý	

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Bản về phương pháp giảng dạy kinh doanh nông nghiệp	2021- tác giả	Kỷ yếu Hội thảo KH Quốc Gia Đào tạo nguồn nhân lực Ngành Kinh doanh Nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội ISBN 9786049469725
2	Đề xuất áp dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên trong xác định mức giá nước sinh hoạt nông thôn tại Hà Nội	2020- tác giả	Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương số 570, ISSN 08683808
3	Study the land acquisition: Principle and Practice	2020 – tác giả	Kỷ yếu Hội thảo Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013, ĐH Kinh tế quốc dân ISBN: 978-604-946-755-4
4	Xuất khẩu Nông sản và thực phẩm Việt Nam vào các nước Châu Âu và CPTPP: Cơ hội và Thách thức	2019 – Đồng tác giả	Hội thảo: Từ CPTPP đến EVFTA: Cùng nông dân Việt Nam đi chợ thế giới, Trung Ương Hội Nông Dân Việt Nam
5	CPTPP: Thách thức cho ngành Công nghiệp Chăn nuôi Việt Nam	2019 – Đồng tác giả	Hội thảo; CPTPP: Cơ hội và Thách thức cho sản phẩm Nông nghiệp Việt Nam, Trung Ương Hội Nông Dân Việt Nam
6	“Study the factors affecting the Willingness to pay of rural household in Vietnam: A case study in rural Hanoi”	2018- Tác giả	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Conference Proceedings, The first International Conference on Contemporary Issues In Economics, Management and Business (1 st CIEMB), NEU and ANU, Hanoi, VietNam, 7p.1394-1406, ISBN: 978-604-65-3728-1

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
7	“Hiện trạng sử dụng và những thách thức đối với sử dụng tài nguyên đất trong điều kiện biến đổi khí hậu tại Việt Nam”	2016- Đồng tác giả	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”, ”, ISBN 978-604-946-178-1, tháng 11/2016, Hà Nội
8	“Study the Rural Households’ willingness to pay for clean water: A case study in Rural Hanoi”	2016- Tác giả	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”, ”, ISBN 978-604-946-178-1, tháng 11/2016, Hà Nội
9	“Chính sách phát triển thị trường BĐS nhà ở: Kinh nghiệm Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam	2014- Tác giả	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Kinh doanh bất động sản-cơ hội và thách thức trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi”
10	‘The current state and features of Vietnamese Tea Industry’ <i>“Đặc điểm và thực trạng ngành công nghiệp chè ở Việt Nam”</i>	2013- Tác giả	2013 Boseong International Tea Symposium in Korea <i>Hội thảo chuyên đề quốc tế về chè năm 2013 tại Hàn</i>
11	“A Study on Water Resources in Vietnam: Current Status, Problems and Solutions for Sustainable Consumption” <i>“Nghiên cứu về tài nguyên nước ở Việt Nam: thực trạng, vấn đề và giải pháp cho vấn đề tiêu dùng bền vững”</i>	2013- Đồng tác giả	2013-2048 ISSS 2013 The 57 th World Conference of the International Society for the System Sciences: Curating the Conditions for a Thrivable Planet, ISBN: 978-1-906740-11-5 <i>Năm 2013 Hội thảo quốc tế lần thứ 57 tại Việt Nam</i>
12	“Climate Change Economics: Theory and Practice” <i>Kinh tế học Biến đổi khí hậu: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i>	2013- Đồng tác giả	International Workshop between National Economics University and Ausaid’s Australia awards alumni program in Vietnam: “Economics of Climate Change and Policy Implications for Vietnam” <i>Hội thảo khoa học quốc tế: Kinh tế học biến đổi khí hậu và gợi ý chính sách đối với Việt Nam</i>
13	“Fisheries Traceability System in Vietnam”	2011- Tác giả	8th International AFAS Joint Symposium between Korea

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	<i>“Hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản tại Việt Nam”</i>		and Japan in Japan: "Development of International Joint Research in Agricultural and Life Sciences" <i>Hội thảo chuyên đề quốc tế AFAS giữa Hàn Quốc và Nhật Bản lần thứ 8 tại Nhật Bản</i>
14	“A Study on the Current Status of Food Safety and Management System in Vietnam” <i>“Nghiên cứu về thực trạng và hệ thống quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ở Việt Nam</i>	2011- Tác giả	Journal of Agriculture and Life Sciences Vol 23(10: 69-81) ISSN 2233-8322 <i>Tạp chí Nông nghiệp và Khoa học xã hội số 23(10: trang 69-81)</i> ISSN 2233-8322 <i>Tại Hàn Quốc</i>
15	A Study on the Current Status of Food Safety and Management System in Vietnam” <i>“Nghiên cứu về thực trạng và hệ thống quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ở Việt Nam”</i>	2010- Tác giả	7th International AFAS Joint Symposium between Korea and Japan in Korea: “Current Status and Perspectives of Agriculture, Forestry and Animal Sciences” <i>Hội thảo chuyên đề quốc tế AFAS giữa Hàn Quốc và Nhật Bản lần thứ 7 tại Hàn Quốc</i>

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

Ths. Nguyễn Thị Hoàng Hoa

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2008- Nay	Đại học Kinh tế Quốc dân - 207 Giải Phóng – Q. Hai Bà Trung, HN	Giảng viên, nghiên cứu viên
2006-2008	Công ty TNHH Fresh Studio Innovations Asia &	Nghiên cứu viên
1999-2006	Trung tâm Sinh thái nông nghiệp - Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Nghiên cứu viên
2003-2005	Trường Đại học Tennessee	Trợ lý nghiên cứu
1995-1999	Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội	Sinh viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Tác động của hình thức làm việc từ xa đến nhu cầu di chuyển và lựa chọn nơi ở của người lao động tại Việt Nam	23/07/2020 - 22/07/2021	cấp Trường	Tham gia
2.	Thực trạng nghiên cứu và phát triển (R&D) và năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp thuộc một số ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh Hợp đồng số 11/2020/HĐ-KHCN ngày 26/3/2020	26/03/2020 - 25/06/2021	Cấp Bộ	Tham gia
3.	Nghiên cứu thực trạng quản lý hệ thống thông tin kinh tế đất	15/11/2018 - 14/11/2020	Cấp Bộ	Tham gia
4.	Lập nhiệm vụ QH tỉnh	10/12/2019	Cấp Bộ	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	Gia Lai thời kỳ 2020-2030, tầm nhìn 2050	- 09/02/2020		
5.	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025 và các giải pháp chủ yếu	02/02/2019-01/05/2020	Cấp trường	Tham gia
6.	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025 và các giải pháp chủ yếu	02/02/2019-01/05/2020	Cấp trường	Tham gia
7.	Lập nhiệm vụ Quy hoạch Tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	10/12/2019 - 09/06/2020	Cấp Bộ	Tham gia
8.	Giá trị kinh tế của hệ sinh thái rừng ngập mặn tại vườn quốc gia U Minh Hạ, Việt Nam	17/2/2020 - 16/02/2021	Cấp Trường	Tham gia
9.	Lập nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	15/11/2019 - 14/11/2020	Cấp Bộ	Tham gia
10.	Đánh giá tác động đến sinh kế của người dân sử dụng đất nông nghiệp sau khi thực hiện Chương trình dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định Mã số: KTQD/V2018.13	25/01/2018 – 24/01/2019	Cấp Trường	Tham gia
11.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rừng bền vững theo tiêu	01/01/2017 -	Cấp Bộ	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	chuẩn FSC ở Việt Nam B2016-KHA-09	31/12/2018		
12.	Định hướng chiến lược phát triển Khu Công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2020 tầm nhìn 2030 ĐTĐLCN.16/15	01/07/2017 - 30/06/2018	Cấp Bộ	Tham gia
13.	Thực trạng quản lý nhà nước về phát triển thị trường quyền sử dụng đất BĐKH.41/16-20(Nhánh do ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Loan)	29/11/2019 - 28/11/2020	Cấp Bộ	Tham gia
14.	Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”	25/01/2019 - 24/01/2021	Cấp Bộ	Tham gia
15.	Nghiên cứu áp dụng thí điểm mô hình quản trị điểm hạn chế TOC (Doanh nghiệp số 06) Đề tài nhánh 11 (03.11/2019/HĐ-DA2)	12/12/2019 - 11/06/2021	Cấp Bộ	Tham gia
16.	Nghiên cứu thực trạng nguồn lực từ các lợi thế của đất và khai thác nguồn thu từ sử dụng đất	15/11/2018	Đề tài nhánh cấp NN tương đương đề tài cấp Bộ	Tham gia
17.	Khảo sát, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học cấp tỉnh giai đoạn 2010-2015”	1/6/2018 - 30/04/2020	Tỉnh	Tham gia
18.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý kinh tế đất nhằm khai thác nguồn thu từ đất theo cơ chế thị trường ở Việt Nam BĐKH.41/16-20	01/12/2018 - 31/12/2020	Cấp Bộ	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
19.	Nghiên cứu đề xuất phương pháp xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam. Mã số TTKHCN.ĐT.04-2017	2018-2019	Nhà nước	Tham gia
20.	"Điều kiện, cơ hội, thách thức, mô hình, lộ trình nguồn lực và yêu cầu đối với phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030". Mã số: 05/ĐTĐL.CN	2016-2017	Nhà nước	Tham gia
21.	Báo cáo phát triển vùng kinh tế trọng điểm Việt Nam 2014 và triển vọng 2015.	2015	Đề tài cấp Trường	Tham gia
22.	Phân tích thực trạng chuyển giao công nghệ (trên góc độ tiếp nhận công nghệ) của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn Hà Nội	2015	Đề tài cấp thành phố	Tham gia
23.	Xây dựng và thử nghiệm bài giảng điện tử môn học ATVSLĐ tại các trường ĐH, CĐ và TCCN khối ngành kinh tế	2013	Đề tài cấp Bộ	Tham gia
24.	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	2013-2014	Đề tài cấp Bộ	Tham gia
25.	Ngành hoa thân thiện với môi trường tại Việt Nam: Kết nối giữa người sản xuất, chính sách và nghiên cứu	2006-2008	Dự án nước ngoài	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
26.	Phát triển bền vững trong quản lý sâu bệnh, dịch hại và dinh dưỡng đất trong hệ thống sản xuất rau quy mô hộ gia đình ở Việt Nam và Trung Quốc (VEGSYS) do EC tài trợ	2001-2005	Dự án nước ngoài	Tham gia
27.	Quản lý bền vững đất ở hệ sinh thái nông nghiệp nương rẫy miền núi phía Bắc Việt Nam	2001-2003	Dự án nước ngoài	Tham gia
28.	Môi trường trong quá trình phát triển của những làng nghề thủ công	1998-1999	Dự án nước ngoài	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC ở Việt nam	2018	Sách chuyên khảo – NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
2.	Định hướng chiến lược phát triển khu công nghệ cao Đà Nẵng	2018	Sách chuyên khảo - NXB Thanh niên

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2021

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Trần Mai Hương

3. Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Trung bình

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2002 - 2006	Cán bộ Viện cơ điện và Công nghệ sau thu hoạch	Cán bộ kỹ thuật
2006 - 2009	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên - Đại học KTQD	Giảng viên
2009 đến nay	Chuyên viên Phòng QLĐT, Giảng viên kiêm giảng Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên	Chuyên viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đánh giá hiệu quả kinh tế khi áp dụng cơ giới hóa khâu thu hoạch lúa ở Đồng bằng Sông Cửu Long	2008-2010	Trường	Chủ nhiệm
2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Tân Sơn Phú Thọ đến 2020	2007-2008	Cấp thành phố, tỉnh	Tham gia
3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Bắc Hà Lào Cai đến 2020	2008-2009	Cấp thành phố, tỉnh	Tham gia

4	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất cho sản xuất nông nghiệp vùng đất bãi bồi ven biển vùng Đồng bằng Sông Hồng	2012 - 2013	Bộ	Tham gia
5	Thực trạng và giải pháp phát triển một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu khi Việt Nam gia nhập TPP	2016-2017	Trường	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất bãi bồi ven biển vào sản xuất nông nghiệp vùng Đồng bằng sông hồng	2015	Sách chuyên khảo (ISBN 978-604-927-960-7)
2	Một số yếu tố tác động đến kết quả tốt nghiệp đối với sinh viên hệ chính quy	2016	Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (ISBN 978-604-946-128-6)
3	Chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao ở tỉnh Vĩnh Phúc	2017	Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (ISBN 978-604-946-288-7)
4	Nghiên cứu thiết kế máy xát vỏ cà phê kiểu rulô ngang hai tầng XV-1500 (Design of a coffee de-husk using two horizontal rollers model XV-1500)	2018	Kỉ yếu Hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí lần thứ V (ISBN: 978-604-67-1103-2)
5	Xác định các thông số tối ưu của máy xát vỏ cà phê kiểu rulo ngang 2 tầng XV - 1500	2019	Tạp chí Công nghiệp nông thôn (ISSN 1859 – 4026)
6	Xây dựng mô hình toán quá trình xát vỏ cà phê trong máy xát vỏ cà phê kiểu rulo ngang 2 tầng XV-1500	2019	Tạp chí khoa học và công nghệ nông nghiệp (ISSN 2588 – 1256)
7	Phát triển nông nghiệp bền vững trong	2020	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Số 10

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa		tháng 04/2020)
8	Thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Vĩnh Phúc	2020	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (Số 11 tháng 04/2020)
9	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực – Yếu tố quan trọng để phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam	2021	Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia (ISBN 978-604-946-972-5)

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2021

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Phùng Chí Cường

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2001 - 2009	Trường Đại học Mở - Địa chất	Chuyên viên
2009 – Đến nay	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Biên soạn chương trình, tài liệu giảng dạy về Sở hữu trí tuệ cho các trường Đại học lĩnh vực kỹ thuật-công nghệ. B2008-02-61TĐ	2008/2009	Bộ	Tham gia
2	Nghiên cứu xây dựng Website quản lý trang thiết bị được đầu tư từ các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. B2009-02-80.	2009/2010	Bộ	Tham gia
3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Đan Phượng thành phố Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn 2030	2010/2011	Huyện	Tham gia
4	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Mê Linh thành phố Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn 2030	2010/2011	Huyện	Tham gia
5	Nghiên cứu giải pháp và chính sách phát triển các tổ chức xã hội dân sự ở nông thôn Việt Nam.	2010/2011	Bộ	Tham gia
6	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất cho sản xuất nông nghiệp vùng đất bãi bồi ven biển đồng bằng	2012/2013	Bộ	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	sông Hồng			
7	Phát triển sản xuất nông sản hàng hóa của đồng bào dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên	2012/2013	Bộ	Tham gia
8	Đề án cơ chế chính sách đặc thù hỗ trợ 2 huyện Thuận Nam và Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận – vùng xây dựng các nhà máy điện hạt nhân	2014/2015	Tỉnh	Tham gia
9	Chuyển đổi đất lúa với mục tiêu an ninh lương thực trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Hồng	2014/2015	Bộ	Tham gia
10	Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định giá đất bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại Việt Nam	2014/2015	Trường	Tham gia
11	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội quận Ngô Quyền đến năm 2025	2014/2016	Huyện	Tham gia
12	Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Bảo đến năm 2025	2014/2017	Huyện	Tham gia
13	Lập dự án Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội quận Kiến An đến năm 2025	2014/2017	Huyện	Tham gia
14	Lập dự án Rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội quận Lê Chân đến năm 2025	2014/2017	Huyện	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
15	Lập dự án Rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Kiên Thụy đến năm 2025	2015/2018	Huyện	Tham gia
16	Lập dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội quận Hồng Bàng đến năm 2025	2016/2018	Huyện	Tham gia
17	Lập dự án rà soát, điều chỉnh và bổ sung quy hoạch huyện Bạch Long Vĩ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	2016/2020	Huyện	Tham gia
18	Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2016/2018	Bộ	Tham gia
19	Nghiên cứu tính tất yếu chuyển đổi sang mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2016/2018	Bộ	Tham gia
20	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu	2016/2018	Bộ	Tham gia
21	Nghiên cứu cơ chế khai thác, huy động nguồn lực để xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn Hà	2016/2018	Tỉnh	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	Nội đến năm 2025			
22	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý kinh tế đất nhằm khai thác nguồn thu từ đất theo cơ chế thị trường ở Việt Nam. Mã số: BDKH.41/16-20.	2016/2020	Nhà nước	Tham gia
23	Nghiên cứu giải pháp hoàn thiện quản lý hệ thống thông tin về kinh tế đất.	2016/2020	Bộ	Chủ trì
24	Nghiên cứu thực trạng quản lý hệ thống thông tin kinh tế đất	2016/2020	Bộ	Tham gia
25	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, kế hoạch 5 năm 2021-2025 và các giải pháp chủ yếu	2018/2019	Trường	Tham gia
26	Nguồn lực tài chính từ đất phục vụ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị - Nghiên cứu thực tế tại Hà Nội	2018/2019	Trường	Tham gia
27	Lập nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2019/2020	Tỉnh	Chủ trì
28	Lập nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Gia Lai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2019/2020	Tỉnh	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Ứng dụng phần mềm Mapinfo xây dựng cơ sở dữ liệu định giá bất động sản	2014	Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh doanh bất động sản – cơ hội và thách thức trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi”
2	Đất nông nghiệp - thực trạng và định hướng sử dụng trong thời gian tới	2015	Hội thảo khoa học quốc gia “Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững”
3	Đề xuất chế chính sách đặc thù đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân 2 huyện Thuận Nam và Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận – vùng xây dựng các nhà máy điện hạt nhân	2015	Hội thảo khoa học quốc gia “Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững”

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Vũ Thành Bao

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: TRẦN THỊ MINH THU

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 05/11/1984

Nơi sinh: Hà Nội

Quê quán: Thanh Chương, Nghệ An

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Thạc sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2011, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trường ĐH Kinh tế quốc dân

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: 221 Phố Trần Đại Nghĩa, Phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại liên hệ: CQ: 02436280280 DD: 0822295989

Fax: Email: thutm@neu.edu.vn

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: ĐH Thương mại

Ngành học: Quản trị kinh doanh

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2007

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, bằng tiếng anh
2011

Năm cấp bằng:

Nơi đào tạo: ĐH Kinh tế quốc dân

- Tiến sĩ chuyên ngành: Quản trị kinh doanh Bất động sản
Đang học

Năm cấp bằng:

Nơi đào tạo: ĐH Kinh tế quốc dân

- Tên luận án: Mức sẵn lòng chi trả giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn Hà Nội

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Tốt

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2009 - Nay	ĐH Kinh tế quốc dân	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đề tài: “Tur vấn chính sách cho phát triển thị trường bất động sản”	2010	Cấp cơ sở	Tham gia
2	Xây dựng mô hình bất động sản Du lịch - Nghỉ dưỡng tại các vùng hồ lớn của Việt Nam (Nghiên cứu ví dụ điển hình hồ Thác Bà, Yên Bái)	2013	Cấp cơ sở	Tham gia
3	Thị trường Bất động sản Việt Nam năm 2013	2013	Cấp cơ sở	Tham gia
4	Lập dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Bảo đến năm 2025	2015- 2016	Cấp Bộ	Tham gia
5	Nghiên cứu phương pháp và quy trình ứng dụng tính chỉ số giá bất động sản ở Hà Nội	2015- 2016	Cấp Bộ	Tham gia
6	Nghiên cứu hệ thống đăng kí đất đai và bất động sản trong quá trình phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam	2017	Cấp cơ sở	Tham gia
7	Nghiên cứu cơ chế khai thác, huy động nguồn lực để xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025	2017	Cấp Bộ	Tham gia
8	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý kinh tế đất nhằm khai thác nguồn thu từ đất theo cơ chế thị trường tại Việt Nam	2018	Cấp nhà nước	Tham gia
9	Nghiên cứu thực trạng quản lý hệ thống thông tin kinh tế đất	2018	Cấp Bộ	Tham gia
10	Thực trạng quản lý nhà nước về phát triển thị trường quyền sử dụng đất	2019	Cấp Bộ	Tham gia
11	Đề tài: “Tur vấn chính sách cho phát triển thị trường bất động sản”	2010	Cấp cơ sở	Tham gia
12	Xây dựng mô hình bất động sản Du lịch - Nghỉ dưỡng tại các vùng hồ lớn của Việt Nam (Nghiên cứu ví dụ	2013	Cấp cơ sở	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	điển hình hồ Thác Bà, Yên Bái)			
13	Thị trường Bất động sản Việt Nam năm 2013	2013	Cấp cơ sở	Tham gia
14	Lập dự án điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Vĩnh Bảo đến năm 2025	2015- 2016	Cấp Bộ	Tham gia
15	Nghiên cứu phương pháp và quy trình ứng dụng tính chỉ số giá bất động sản ở Hà Nội	2015- 2016	Cấp Bộ	Tham gia
16	Chất lượng quản lý chung cư trên địa bàn quận Hoàng Mai, Hà Nội	2018	Cấp cơ sở	Chủ nhiệm
17	Nghiên cứu thực trạng phân định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý kinh tế đất trong bộ máy quản lý nhà nước	2018	đề tài nhánh cấp NN	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Chính sách huy động vốn cho thị trường bất sản	3/ 2011	Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ. Số 5
2	Các tác nhân tham gia thị trường Bất động sản	2011	Kỷ yếu hội thảo về nghiên cứu khoa học và đào tạo ngành Kinh tế Tài nguyên. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
3	Các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản và khả năng áp dụng tại Việt Nam	10/2013	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 196
4	Vốn cho các doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội trong điều kiện hiện nay	2014	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Kinh doanh bất động sản- cơ hội và thách thức trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi
5	Bàn về việc định giá đất nông nghiệp khi nhà nước thu hồi đất	2015	Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, số 22
6	Định giá đất phục vụ tích tụ đất đai trong nông nghiệp	11/2015	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.
7	Những giải pháp chủ yếu phát triển thị trường tài nguyên Việt Nam trong điều kiện biến đổi khí hậu	2016	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia: Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
8	Mối quan hệ giữa giá và chất lượng dịch vụ quản lý vận hành chung cư	2018	Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, số 20 (509)
9	Improving the quality of condominium operation management services in Ha Noi during the urbanization process	2018	Kỉ yếu hội thảo quốc tế CIEMB
10	Định giá đất khu vực nông thôn khi nhà nước thu hồi- những vấn đề đặt ra cần giải quyết	2019	Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013”
11	Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng tại châu Âu: Vận dụng cho đào tạo nhân lực bất động sản tại Việt Nam	2020	Kỉ yếu hội thảo khoa học “Đào tạo nguồn nhân lực Bất động sản và Thẩm định giá theo định hướng ứng dụng”, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
12	Định giá đất khu vực nông thôn nhằm phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp	2021	Kỉ yếu hội thảo khoa học: “Đào tạo nguồn nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội”, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2021

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

Ths. Trần Thị Minh Thư

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2018 - nay	Đại học Kinh tế Quốc dân - 207 Giải Phóng – Q. Hai Bà Trung, HN	Giảng viên, nghiên cứu viên
2012 - 2018	Tổng cục quản lý Đất đai – Bộ Tài nguyên và Môi trường	Nghiên cứu viên
2008 - 2012	Đại học Kinh tế Quốc dân	Sinh viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1.	Lập nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk	2019-2020	cấp tỉnh	Tham gia
2.	Nguồn lực tài chính từ đất phục vụ đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị - Nghiên cứu thực tế tại Hà Nội	2018 - 2019	Cấp tỉnh	Tham gia
3.	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý kinh tế đất nhằm khai thác nguồn thu từ đất theo cơ chế thị trường ở Việt Nam.	2018 - 2019	Cấp Bộ	Tham gia
4.	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối tỉnh Bắc Kạn	2017	Cấp tỉnh	Tham gia
5.	Điều tra, đánh giá thoái hóa đất tỉnh Bắc Kạn	2014 - 2015	Cấp tỉnh	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
6.	Điều tra, đánh giá thoái hóa đất tỉnh Thái Nguyên	2014 - 2015	Cấp tỉnh	Tham gia
7.	Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai”	2014	Cấp tỉnh	Tham gia
8.	Dự án thử nghiệm xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt huyện Dương Minh Châu – tỉnh Tây Ninh	2013-2016	Cấp tỉnh	Tham gia
9.	Dự án thử nghiệm xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt huyện Yên Khánh – tỉnh Ninh Bình	2013-2016	Cấp tỉnh	Tham gia
10.	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai các xã Trọng Con, thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	2015	Cấp Tỉnh	Tham gia
11.	Quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Bảo – thành phố Hải Phòng (2011-2020)	2011- 2013	Cấp Tỉnh	Tham gia
12.	Quy hoạch sử dụng đất huyện Hòa Bình – tỉnh Bạc Liêu (2011-2020)	2011- 2013	Cấp Tỉnh	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
13.	Quy hoạch sử dụng đất huyện Cái Nước, Phú Tân – tỉnh Cà Mau (2011-2020)	2011- 2013	Cấp Tỉnh	Tham gia
14.	Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Bắc Kạn (2011-2020)	2011- 2013	Cấp Tỉnh	Tham gia
15.	Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Cao Bằng (2011-2020)	2011- 2013	Cấp Tỉnh	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Bài giảng Quản lý nhà nước về đất đai	2018	Sách chuyên khảo – NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2021

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

Trần Thu Thủy

- Tiến sĩ chuyên ngành:

Năm cấp bằng:

Nơi đào tạo:

- Tên luận án:

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Thành thạo

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
8/2013 - 8/2016	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	Chuyên viên Giao dịch ngoại tệ và Các sản phẩm phái sinh
9/2016 - nay	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý kinh tế đất nhằm khai thác nguồn thu từ đất theo cơ chế thị trường tại Việt Nam	2018	Cấp Nhà nước	Thành viên
2	Nghiên cứu thực trạng giá trị tăng lên và việc phân chia lợi ích và khai thác nguồn thu từ đất khi thu hồi	2018	Tương đương cấp Bộ	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp thành đất ở - <i>Đề tài nhánh, thuộc đề tài cấp nhà nước mã BDKH.41/16-20</i>			
3	Lập nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2019-2020	Tương đương cấp Bộ	Thành viên
4	Nghiên cứu cơ chế khai thác huy động nguồn lực để xây dựng, cải tạo, chỉnh trang đô thị trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025	2016	Thành phố Hà Nội	Thành viên
5	Nghiên cứu các phương thức huy động tài chính cho đầu tư phát triển đô thị tại Việt Nam	2021	Cấp Trường	Chủ nhiệm
6	Nghiên cứu Nguyên lý Kinh doanh Nông nghiệp: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế	2019-2020	Cấp Trường	Thành viên
7	Nghiên cứu hệ thống đăng ký đất đai và bất động sản trong quá trình phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam	2017-2018	Cấp Trường	Thành viên

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Housing problems and quality of life among elderly living in the high-rise buildings	11/2018	CIEMB, Đại học Kinh tế quốc dân
2	Is Land Ownership a Key Factor in the Choice of Livelihood in the Mekong Delta, Vietnam?	08/2019	Human Ecology, 47, pages 681-691, Springer 2019
3	Study the land acquisition: Principle and practice	12/2019	Kỷ yếu Hội thảo “Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013”, Hà Nội 12/2019, ISBN 987-604-946-755-4
4	Xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị hướng tới sử dụng và khai thác hiệu quả giá trị kinh tế từ đất đai - một số vấn đề lý luận và thực tiễn	12/2019	Kỷ yếu Hội thảo “Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật Đất đai 2013”, Hà Nội 12/2019, ISBN 987-604-946-755-4

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày tháng năm
Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

Nguyễn Đức Kiên

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Hữu Khánh

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 23/11/1975

Nơi sinh: Nghệ An

Quê quán: Nghi Hòa – Nghi Lộc – Nghệ An

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2013, Nhật Bản

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 65 Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Căn hộ T052412A Khu Đô thị Times City 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại liên hệ: CQ: 0238230451 DD: 0888061865

Fax: Email: khanhnguyen.dsi@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Ngành học: Kinh doanh Nông nghiệp

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1998

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Kinh tế phát triển và Kinh tế Quốc tế; Năm cấp bằng: 2006

Nơi đào tạo: Đại học Quốc gia Australia, Canberra, Australia

- Tiến sĩ chuyên ngành: Nghiên cứu vùng

Năm cấp bằng: 2013

Nơi đào tạo: Đại học Kyoto, Nhật Bản

3. Ngoại ngữ:

1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Tốt

2. Nhật Bản

Mức độ sử dụng: Nghe, nói

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
9/1999 – 3/2017	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Giảng viên
4/2017 – nay	Viện Chiến lược phát triển, Bộ Kế hoạch và đầu tư	Nghiên cứu viên
6/2019 – nay	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Giảng viên thỉnh giảng

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đề án “Xây dựng và phát triển thành phố Hà Tĩnh có hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, thông minh đáp ứng vai trò trung tâm vùng của tỉnh và khu vực đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”	2020/2021	Thành phố	Ban chủ nhiệm
2	Phân tích định lượng đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu ở địa phương: Trường hợp Hà Nội	2020/2020	Viện	Chủ nhiệm
3	Một số yêu cầu thiết yếu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 đối với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh công nghiệp 4.0	2019/2020	Bộ	Thư ký
4	Đề án Những giải pháp ổn định	2019/2020	Ngành	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	kinh tế vĩ mô tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững cho CHDCND Lào đến năm 2025			
5	Nhiệm vụ nghiên cứu “Xây dựng đất nước Việt Nam có nền kinh tế thịnh vượng, xã hội hài hoà và tương lai bền vững”	2020/2021	Ngành	Thư ký
6	Nghiên cứu chế biến sâu nông sản cá, cao su và lúa gạo	2015/2016	Bộ	Tham gia
7	Nghiên cứu kinh tế hộ và giải pháp phát triển bền vững kinh tế hộ ở khu vực miền núi miền bắc Việt Nam	2000/2000	Trường	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự thỏa mãn của người dân trong bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và hàm ý chính sách	2020	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
2	Chính sách đổi mới sáng tạo trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Những bài học từ Trung Quốc và Đài Loan	2019	Tạp chí Thông tin khoa học xã hội
3	Aquaculture Policies in the Thanh Hoa Province in Vietnam	2019	Journal of Asian Politics and Society

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
4	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ dân trên địa bàn xã Thái Nguyên, Thái Thụy, Thái Bình	2016	Tạp chí Kinh tế và Phát triển
5	Chính sách thuỷ sản ở Việt Nam: Trường hợp tỉnh Thanh Hoá	2015	Hội thảo hàng năm Trung Tây lần thứ 64 về vấn đề Châu Á, tổ chức tại Đại học Washington
6	Phân tích năng lực cạnh tranh dịch vụ bưu chính chuyển phát của Bưu điện Nghệ An	2015	Tạp chí Khoa học và Phát triển
7	Ngân sách xã trong phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước: Nghiên cứu tại xã Hoàng Diệu, Gia Lộc, Hải Dương	2014	Tạp chí Khoa học và Phát triển

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2021

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Hữu Khánh

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
10/2000 - 5/2006	Bộ môn Hệ thống nông nghiệp- Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam (VASI)	Cán bộ hợp đồng nghiên cứu
6/2006 - 12/2013	Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển NNNT (IPSARD)	Cán bộ hợp đồng nghiên cứu
1/2013 - 2/2017	Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển NNNT (IPSARD)	Nghiên cứu viên
3/2017- 6/2020	Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển NNNT (IPSARD)	Nghiên cứu viên, Phó trưởng Bộ môn Thể chế nông thôn
1/7/2020- 28/2/2021	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT - Bộ Nông nghiệp và PTNT	Phó trưởng Phòng Kinh tế hợp tác
1/3/2021 đến nay	Cục Kinh tế hợp tác và PTNT - Bộ Nông nghiệp và PTNT	Trưởng Phòng Kinh tế hợp tác

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu đề xuất mô hình hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 nhằm phát triển liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp với từng nhóm sản phẩm nông, lâm thủy sản ở các vùng, miền khác nhau	2018-2021	Đề tài KHCN cấp Bộ	Thư ký khoa học
2	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp, chính sách phát triển các hình thức tổ chức sản xuất (Doanh nghiệp, HTX,	2019	Nhiệm vụ thường xuyên theo	Chủ trì nhiệm vụ

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	THT, trang trại, liên kết) trong nông nghiệp năm 2018		chức năng	
3	Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất cơ chế chính sách huy động nội lực từ người dân vùng miền núi phía Bắc (MNPB) tham gia xây dựng nông thôn mới	2010	Đề tài nghiên cứu cấp cơ sở	Chủ nhiệm đề tài
4	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để xây dựng mô hình làng nghề tre, tầm vông, trúc đan lát theo hướng tập trung kết hợp du lịch sinh thái tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu phục vụ xây dựng nông thôn mới	2016-2018	Dự án cấp Nhà nước- Chương trình KHCN xây dựng NTM (Mã số: 40/2015/H Đ-VPCT).	Thành viên tham gia
5	Nghiên cứu đề xuất mô hình hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 nhằm phát triển liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp với từng nhóm sản phẩm nông, lâm thủy sản ở các vùng, miền khác nhau	2018-2020	Đề tài nghiên cứu cấp Bộ	Thư ký Đề tài
6	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp tích tụ và tập trung ruộng đất trong nông nghiệp vùng đồng bằng Nam Bộ	2017-2018	Đề tài cấp Bộ- Trung ương Hội nông dân VN	Thành viên
7	Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao công tác tuyên truyền vận động nông dân ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp của Hội	2017-2018	Đề tài cấp Bộ- Trung ương Hội nông dân	Thành viên

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	Nông dân Việt Nam giai đoạn 2017 - 2025		Việt Nam	
8	Nghiên cứu cơ sở khoa học đề xuất chính sách và giải pháp phát triển Hợp tác xã trong nông, lâm, ngư nghiệp	2014-2015	Đề tài nghiên cứu cấp Bộ	Thành viên
9	Nghiên cứu đề xuất chính sách thúc đẩy đối tác công - tư (PPP) trong nông nghiệp	2015	Đề tài nghiên cứu cấp Bộ	Thành viên

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Sách: Sổ tay Hướng dẫn về tiêu chí và phương thức xây dựng hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 tham gia liên kết theo chuỗi giá trị nông, lâm thủy sản.	2020	ISBN: 978-604-65-5364-9. Xác nhận đăng ký xuất bản số: 4490-2020/CXBIPH/07-224/LĐXH. Quyết định xuất bản số: 606/QĐ-NXBLĐXH cấp ngày 26/10/2020. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV/2020. Nhà xuất bản Lao động Xã hội, 2020.
2	Xây dựng mô hình hợp tác xã phù hợp về quản lý và xử lý ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề chế biến nông - lâm sản.	2020	ISBN: 978-604-80-5045-0. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4645-2020/CXBIPH/5-171/TTTT. Số quyết định xuất bản: 513/QĐ-NXB TTTT ngày 17/12/2020. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV/2020.
3	Tiềm năng và giải pháp phát triển	2021	Tạp chí Nông thôn mới (ISSN

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	trang trại, hợp tác xã kết hợp du lịch nông nghiệp, nông thôn.		1859-0195). Số 590. Kỳ 1 tháng 3/2021. P8-12.
4	Vai trò của hợp tác xã trong liên kết chuỗi giá trị: Thực trạng và giải pháp.	2020	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, kỳ 2, tháng 8/2020. P126-134.
5	Tài liệu hướng dẫn: “Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong quản trị và sản xuất nông nghiệp”	2018	Hoạt động triển khai theo Quyết định số 1801/QĐ-BNN-KTHT ngày 21/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt kế hoạch hỗ trợ bồi dưỡng cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã để thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp, 2015-2020.
6	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng, củng cố, phát triển hợp tác xã ở Việt Nam.	2020	Tạp chí Cộng sản. Số 945, tháng 7 năm 2020.
7	Thực trạng và giải pháp liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị.	2020	Tạp chí Nông thôn mới (ISSN 1859-0195). Số 563+564+565. Tháng 6/2020. P54-57.
8	Liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản của các hợp tác xã nông nghiệp hiện nay.	2020	Tạp chí Kinh tế và Dự báo- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (ISSN 0866-7120). Số 17, tháng 6 năm 2020.
9	Giải pháp để HTX tham gia xử lý môi trường làng nghề.	2020	Tạp chí Nông thôn mới (ISSN 1859-0195). Số 560, Số kỳ 1 tháng 5/2020. P18-20.
10	Giải pháp để hợp tác xã vượt khó trong mùa dịch.	2020	Tạp chí Nông thôn mới (ISSN 1859-0195). Số 557, Số kỳ 1

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
			tháng 4/2020. P22-23.
11	Giải pháp phát triển nông lâm kết hợp thích ứng với biến đổi khí hậu ở Tây Nguyên.	2020	Tạp chí Nông thôn mới (ISSN 1859-0195). Số 556, Số kỳ 3 tháng 3/2020. P6-9.
12	4 giải pháp phát triển HTX nhằm thúc đẩy kinh tế hộ nông dân.	2020	Tạp chí Nông thôn mới (ISSN 1859-0195). Số 548, Số kỳ 1 tháng 1/2020. P13-15.
13	Phát triển hợp tác xã nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	2019	Tạp chí Kinh tế và Dự báo- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (ISSN 0866-7120). Số 31 tháng 11 năm 2019. P47-49.
14	Giải pháp phát triển chuỗi giá trị tre, luồng tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.	2019	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (ISSN 1859-4581). Số 20/2019. P104-111.
15	Tuyên truyền, vận động nông dân ứng dụng KHCN : Giải pháp - Hiệu quả.	2019	Tạp chí Nông thôn mới (ISSN 1859 - 0195). Số 530, Số kỳ 1 tháng 7/2019. P9-15.
16	Tích tụ và tập trung đất đai trong nông nghiệp ở Đồng bằng Nam Bộ: Cần thực hiện đồng bộ 06 giải pháp quan trọng.	2019	Tạp chí Nông thôn mới (ISSN 1859-0195). Số 512+513+514, Xuân Kỷ Hợi 2019. P36-41.
17	Đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp nông nghiệp và tác động của Đổi mới sáng tạo đến năng suất, chất lượng ngành nông nghiệp Việt Nam.	2019	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia. NXB Lao động xã hội. Quyết định xuất bản số 143/QĐ-NXBLĐXH, cấp ngày 19/04/2019. ISBN: 978-604-65-4162-2. In xong và nộp lưu chiểu Quý II/2019.
18	Một số giải pháp hỗ trợ sự tham gia của các HTX nông nghiệp	2017	Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam (ISSN 1859-4794). Số

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	trong phát triển cánh đồng lớn sản xuất lúa ở ĐBSCL.		2 năm 2017 (695) * Năm thứ 58. P62-64.
19	Vai trò hợp tác xã nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	2016	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (ISSN 1859-4581). Số 24/2016. P14-20.
20	Năng lực và hoạt động của hợp tác xã trong nông lâm ngư nghiệp: Thực trạng và giải pháp.	2015	Tạp chí Kinh tế và Phát triển (ISSN 1859-0012). Số 222 (II), tháng 12/2015. P18-24.
21	Thực trạng triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hợp tác xã trong nông lâm ngư nghiệp.	2015	Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (ISSN 1859-4700). Số 23/2015. P5-8.
22	Các hình thức liên kết Nông dân và Doanh nghiệp trong sản xuất - tiêu thụ lúa theo Cánh đồng lớn ở tỉnh An Giang.	2015	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - Đổi mới, Hội nhập và Phát triển bền vững – Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. Hội thảo tổ chức tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân, ngày 10/11/2015.
23	Les rôles de l'organisation paysanne et de l'action collective pour le renforcement des filières de commercialisation des produits de «spécialité locale». Le cas du longane «Long» de la province de Hungyen, Vietnam	2010	Publié dans "ISDA 2010, Montpellier, France, 2010: HAL articles en ligne édités par Hubert Devautour et al.
24	Phát triển Hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp.	2015	Kỷ yếu Hội thảo Tái cơ cấu Nông nghiệp Việt Nam: Từ chính sách đến thực tiễn. Hội thảo tổ chức tại Học viện Nông

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
			nghiệp, ngày 17/1/2015.
25	Transition alimentaire et essor économique: portrait en régions de la consommation de viandes au Vietnam	2014	In économies et Sociétés, Série «Systèmes agroalimentaires», AG, N0 36, 10/2014, p. 1559-1578. Cahiers de l'iSéma les presses, Paris, France.
26	The role of agricultural cooperatives in associating small farmers to establish large paddy fields in the Mekong Delta	2018	International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business (1st CIEMB 2018), National Economics University, Hanoi, Vietnam. November 29-30, 2018. Labour-Social Publishing House. P1612-1627.
27	The Roles of Agricultural Cooperatives in Linking Small Farmers to Set up Large Paddy Fields in Mekong Delta	2019	Journal of Economics and Sustainable Development (ISSN 2222-1700 (Paper)-ISSN 2222-2855 (Online)). Vol.10, No.2, 2019. P109-119.

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

Nguyễn Tiến Định

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Nguyễn Như Trang

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 22/06/1986

Nơi sinh: Thái Nguyên

Quê quán: TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2020, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trường ĐH Kinh tế và quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số nhà 586, tổ 8, phường Đồng Quang, TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại liên hệ: CQ:

DD: 0915208226

Fax: Email: nhutrang226tueba@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: ĐH Kinh tế và quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

Ngành học: Kinh tế nông nghiệp

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2008

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Quản Trị Kinh doanh

Năm cấp bằng: 2012

Nơi đào tạo: ĐH Southern Luzon Phillipines

- Tiến sĩ chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp

Năm cấp bằng: 2020

Nơi đào tạo: ĐH Kinh tế quốc dân

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Tốt

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2008 - Nay	ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh ĐH Thái Nguyên	Giảng viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đánh giá tác động định lượng của Hiệp định CPTPP và EVFTA lên vấn đề lao động và việc làm đến năm 2025.	2020-2021	Bộ	Tham gia
2	Khảo sát, đánh giá xác định tiềm năng thu được từ các dịch vụ thủy lợi khác ở các công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý và các công trình thủy lợi lớn các vùng	2020-2021	Bộ	Tham gia
3	Quyết định lựa chọn trường của sinh viên trường Đại học Kinh tế & QTKD	2019-2020	Trường	Tham gia
4	Cơ chế phối hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong phát triển nông nghiệp nông thôn hiện nay	2017-2019	Đề tài cấp Đại học Thái Nguyên	Tham gia
5	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp	2016-2018	Đề tài cấp Đại học	Tham gia

	nghiệp vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên		Thái Nguyên	
6	Đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan thuế trên địa bàn Thành phố Thái Nguyên	2015-2016	Trưởng	Chủ nhiệm
7	Giải pháp huy động vốn cho phát triển du lịch tại tỉnh Bắc Cạn	2012-2013	Trưởng	Tham gia
8	Giải pháp xây dựng nông thôn mới tại xã Hóa Thượng - Huyện Đồng Hỷ - tỉnh Thái Nguyên	2011-2012	Trưởng	Tham gia
9	Vận dụng một số mô hình phân tích trong xây dựng kế hoạch chiến lược tuyển dụng lao động tại Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại TNG	2011-2012	Đề tài cấp trường	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Factors affecting student's choice of university, research at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration (Tueba)	2020	International Journal Of Advance Research And Innovative Ideas In Education, ISSN: 2395-4396; Tháng 12/2020
2	Self-employment of rural youth in Thai Nguyen Province, Viet Nam	2020	International Journal of Advance research and innovative ideas in education; ISSN(O) : 2395-4396; Vol 6 Issue-3; Tháng 5/2020
2	Self-Employment Intention of Rural Youth: A Study in Thai Nguyen Province – Viet Nam	2020	IOSR Journal of Economics and Finance (IOSR -JEF); e-ISSN: 2321-5933; Vol 11,

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
			Issue 1 Ser; Tháng 5/2020
3	Determinant of Linking Gaps Tea production: Case Study of Tea production households in Northern Midland and Moutainous region, Viet Nam	2019	Journal of Business Management and Economic Research; ISSN 2602-3385; Vol III, pp 46-58
4	Adopting GAPs for producing Tea-direction for sustainable agricultural development of northern midland and moutainous region in Viet Nam	2018	International Journal of Economic, Commerce and Management; ISSN 2348 – 0386; Vol. VII, pp 419-428
5	Farmer's decision in adopting the good agricultural practice standards in Tea production: Evidence from the northern midland and moutainous region	2018	Conference proceeding 1st international Conference contemporary issues in economics, management and bussiness
6	Đầu tư sản xuất chè theo hướng thực hành nông nghiệp tốt ở Thái Nguyên	2017	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia - Đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao hiệu quả theo hướng công nghiệp hóa
7	Hiệu quả kinh tế của các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong trồng chè trên địa bàn thành phố Thái Nguyên	2017	Kỷ yếu hội thảo khoa học kế toán – kiểm toán và kinh tế Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 - ĐH Quy Nhơn
8	Solutions to Develop Tea Production Follow Good Agricultural Practice (GAP) Standard: Study at Thai Nguyen	2017	Proceedings International Conference for young reseachers in Economics and Business (ICYRED 2017)

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
9	The impacts of infrastructure costs to investment capital attraction of enterprises in industrial parks: A study in Thai Nguyen Province, Vietnam	2017	International Journal of Economics, Commerce and Management; ISSN 2348 – 0386; Vol. V, Issue 10, pp 331 - 340
10	Giải pháp nâng cao sự hài lòng của khách hàng cá nhân về chất lượng dịch vụ tín dụng tại các NHTM ở Việt Nam	2016	Kỷ yếu hội thảo quốc tế "Phát triển bền vững thị trường tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế"
11	Đầu tư phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới: Nghiên cứu trường hợp huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	2016	Tạp chí Kinh tế châu Á Thái Bình Dương, ISSN: 0868-3808; Tháng 4/2016
12	Một số giải pháp phát triển ngân hàng dưới góc nhìn khách hàng - Nghiên cứu trường hợp ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Thái Nguyên	2015	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: "Chiến lược của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong tiến trình gia nhập cộng đồng kinh tế Asean; ISBN978-604-60-21643; NXB Kinh tế TP HCM; tr 556 – 571
13	Vận dụng các mô hình phân tích trong xây dựng kế hoạch chiến lược tuyển dụng tại Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại TNG	2013	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - ĐH Thái Nguyên, ISSN: 1859-2171

3. Các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản

Stt	Tên sách	Loại sách	Mã số ISBN	Năm bắt đầu - Năm nghiệm thu	Nhà xuất bản	Trách nhiệm tham gia
1	Vai trò của phát triển khu công nghiệp đối với sinh kế người dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	Chuyên khảo	ISBN 978- 604- 915- 983-1	2020	NXB Đại học Thái Nguyên	Tham gia

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Xác nhận của Trường ĐH KT&QTKD

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Như Trang

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Trần Thị Thoa

Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 19/9/1974

Nơi sinh: Thái Bình

Quê quán: Vũ Đông - Kiến Xương - Thái Bình Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2020, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trường Học viện Hành chính Quốc gia

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số nhà 09A khu đô thị Cầu Brou - Xã Tân Triều - Huyện Thanh Trì - TP. Hà Nội

Điện thoại liên hệ: CQ: DD: 0902.286.447

Fax: Email: thoadtnt@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Đại học sư phạm I Hà Nội

Ngành học: Khoa sinh - Kỹ thuật Nông nghiệp

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 1996

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học:

- Thạc sĩ chuyên ngành: Quản lý nhà nước (QLC)

Năm cấp bằng: 2001

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
2.	Xây dựng khung chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng	02-12/2019	Đồng chủ nhiệm	Đã nghiệm thu

3. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1.	Thực trạng ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất và làng nghề	2012	Tạp chí QLNN, số 196, trang 67-71
2.	Phát huy vai trò của đoàn thể chính trị trong xây dựng nông thôn mới	2014	Tạp chí Tổ chức Nhà nước, số 4, trang 52-54
3.	Tăng cường công tác quản lý nhà nước nhằm khuyến khích các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp	2016	Tạp chí QLNN, số 243, trang 82-85
4.	Quản lý tổng hợp vùng bờ: Lý luận và thực tiễn	2016	Thông tin Khoa học Hành chính, số 12, trang 3-6
5.	Sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới tại vùng đồng bằng sông Hồng	2019	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 16, 119-128
6.	Participation of Residents Implementation of Infrastructure Development Criteria in in New Rural Construction in Viet Nam	2019	Jomaes Journal of Management and Economic Students, 01(6), 21-27
7.	Sự tham gia của nông dân trong phát triển nông nghiệp hữu cơ -	18/10/2017	Sản xuất và tiêu dùng bền vững

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	biện pháp sản xuất nông nghiệp bền vững ở Việt Nam		
8.	Tăng trưởng xanh trong nông nghiệp Việt Nam - Bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0	27/9/2018	Kinh doanh bền vững trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0
9.	People's participation in Red River Delta Region of Environmental Criteria in New Rural Construction	29, 30/11/2018	Economics, Management and Business

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận của Học viện Hành chính Quốc gia

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người khai ký tên

TS. Trần Thị Thoa

	lý Thủy lợi	
9/2017- 1/2021	Phòng Chính sách và Chiến lược, Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi	Phó trưởng phòng, nghiên cứu viên
1/2021 - nay	Phòng nghiên cứu quản lý khai thác công trình, Viện Kinh tế và Quản lý Thủy lợi	Phó trưởng phòng, nghiên cứu viên

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu đề xuất mô hình đầu tư xây dựng và quản lý khai thác hệ thống thủy lợi nội đồng khi chuyển đổi đất trồng lúa sang các cây trồng có giá trị kinh tế cao, nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, phục vụ xây dựng nông thôn mới ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2020-2021	Nhà nước	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách huy động nguồn lực xã hội để chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ xây dựng nông thôn mới bền vững	2019 - 2020	Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước	Chủ nhiệm
3	Nghiên cứu đề xuất hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm giảm thiểu rủi ro lũ quét và sạt lở đất, đá ở các tỉnh miền núi phía Bắc	2019 - 2020	Đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước	Chủ nhiệm
4	Nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí kiểm soát an toàn phòng chống thiên tai	2020-2023	Đề tài cấp bộ	Thư ký
5	Nghiên cứu đề xuất định hướng hoàn thiện phương pháp xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong	2020	Đề tài cấp bộ	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	quản lý khai thác công trình thủy lợi			
6	Khảo sát, đánh giá tiềm năng thu được từ các dịch vụ thủy lợi khác của công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý và công trình thủy lợi lớn	2020	Đề tài cấp bộ	Chủ nhiệm
7	Nghiên cứu đề xuất một số chính sách thu hút khu vực tư nhân vào đầu tư, quản lý khai thác công trình thủy lợi để cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác	2017-2019	Đề tài trọng điểm cấp Bộ	Thư ký
8	Nghiên cứu mô hình và giải pháp thúc đẩy xã hội hóa đầu tư xây dựng và quản lý hồ đập nhỏ vùng miền núi phía bắc và tây nguyên	2016-2018	Đề tài cấp bộ	Thành viên chính
9	Nghiên cứu xây dựng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi tỉnh An Giang	2018	Tỉnh	Thành viên chính
10	Thu thập, nghiên cứu, đánh giá đề xuất các định mức, cơ chế huy động nguồn lực trong công tác duy tu bảo dưỡng đê điều phục vụ quản lý, duy tu đê điều.	2016	Bộ	Thành viên chính
11	Thu thập, nghiên cứu, đánh giá đề xuất các định mức, cơ chế huy động nguồn lực trong công tác duy tu bảo dưỡng đê điều phục vụ quản lý, duy tu đê điều.	2016	Bộ	Thành viên tham gia
12	Khảo sát, xây dựng cơ chế chính sách nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng.	2016-2017	CPO (Dự án ADB5)	Thành viên tham gia chính

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
13	Gói thầu: CPMU-HP1-01: Công ty trong nước xem xét và đánh giá thể chế các tổ chức dùng nước	2015	CPO (Dự án WB6)	Thành viên tham gia
14	Đánh giá sự tham gia của tư nhân trong đầu tư xây dựng và quản lý vận hành khai thác hệ thống cấp nước nông thôn.	2015	Đại sứ quán Úc	Thành viên tham gia chính
15	Nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý khai thác và bảo vệ CTTL do công ty TNHH MTV TL Bắc Hà Tỉnh và các đơn vị thủy nông cơ sở ở các huyện quản lý	2015-2018	Tỉnh	Thành viên tham gia chính
16	Nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý khai thác CTTL do công ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi Bắc Hưng Hải quản lý.	2014	Tổng cục Thủy lợi	Thành viên tham gia chính
17	Hỗ trợ kỹ thuật cho việc đánh giá suất đầu tư trong khuôn khổ công trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh nước sạch nông thôn.	2014	Đại sứ quán Úc	Thành viên tham gia chính
18	Nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý khai thác CTTL do công ty TNHH MTV Thủy lợi Phúc Yên quản lý.	2014-2020	Tỉnh	Thành viên tham gia chính
19	Nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho công tác quản lý khai thác CTTL do công ty TNHH MTV Thủy lợi Liễn Sơn quản lý.	2014-2020	Tỉnh	Thành viên tham gia chính
20	Nghiên cứu xây dựng quy định về năng lực tổ chức, cá nhân tham	2011-2013	Bộ	Thành viên tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi			
21	Nghiên cứu xác định suất vốn đầu tư xây dựng Thủy lợi	2009-2010	Bộ	Thành viên tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố (tiêu biểu):

2.1. Các bài báo trên tạp chí khoa học

TT	Tên bài báo	Năm	Tên, số tạp chí công bố, trang tạp chí
1	Ứng dụng năng lượng gió – xu thế chung và đánh giá dưới góc độ kinh tế và môi trường	2007	Khoa học kỹ thuật thủy lợi và môi trường số 17 (7/2007)
2	Nghiên cứu kiến thức - thái độ - hành vi của người dân đối với công tác tiêu thoát nước thải ở thành phố Bắc Ninh	2009	Khoa học và công nghệ thủy lợi số 24 (11-2009)
3	Phân tích rủi ro trong thẩm định dự án thủy điện bằng phương pháp mô phỏng'	2009	Khoa học và công nghệ thủy lợi số 24 (11-2009)
4	Phân tích rủi ro về giá vật liệu trong lập tổng mức đầu tư công trình thủy điện bằng phương pháp mô phỏng	2009	Khoa học và công nghệ thủy lợi số 24 (11-2009)
5	Quản lý nước thải có sự tham gia của người dân và định hướng phát triển bền vững ở các đô thị	2010	Tài nguyên Nước Số 3-2010
6	Truyền thông thúc đẩy sự tham gia của người dân trong quản lý tiêu thoát nước thải: Một nghiên cứu ở thành phố Hải Dương	2011	Khoa học kỹ thuật Thủy lợi và Môi trường Số 34 (9/2011)
7	Đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng kênh Tân Thành - Lò Gạch giai đoạn 2	2011	Khoa học và công nghệ thủy lợi Số 5+6(12-2011)
8	Thực trạng và giải pháp nâng cao	2013	Khoa học và công nghệ thủy lợi

TT	Tên bài báo	Năm	Tên, số tạp chí công bố, trang tạp chí
	chất lượng nguồn nhân lực quản lý khai thác công trình thủy lợi		Số 18(10-2013)
9	Xác định chi phí nhiên liệu dầu cho công tác bơm tưới bổ sung trong điều kiện bất định của công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn	2014	Khoa học và công nghệ thủy lợi số 24 (12-2014)
10	Chính sách đổi mới quản lý lao động và tiền lương trong các Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi	2014	Khoa học và công nghệ thủy lợi số 24 (12-2014)
11	Đánh giá triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích trong lĩnh vực cấp nước nông thôn	2016	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, Số 35 (10/2016)
12	Thúc đẩy khu vực tư nhân tham gia hoạt động cấp nước sinh hoạt nông thôn	2016	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, Số 32 (4/2016)
13	Chính sách đầu tư theo hình thức đối tác công tư ở Việt Nam và một số trở ngại đối với khu vực tư nhân tham gia đầu tư, quản lý vận hành công trình thủy lợi	2018	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, Số 44 (06/2018)
14	Phân tích tài chính làm cơ sở kiến nghị chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư và khai thác hồ đập nhỏ ở miền núi và Tây Nguyên	2018	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, Số 44 (06/2018)
15	Đánh giá tiềm năng thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân vào quản lý vận hành công trình thủy lợi	2018	Tạp chí Khoa học và công nghệ Thủy lợi, Số 47 (09/2018)
16	Giá nước và mức độ hài lòng của người sử dụng nước khi thu hút khu vực tư nhân tham gia đầu tư xây dựng và quản lý các công trình nước sạch tập trung nông thôn	2018	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, Số 44 (06/2018)
17	Nghiên cứu đề xuất chính sách thu hút khu vực tư nhân tham gia quản	2019	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn, Số 3+4/2019

TT	Tên bài báo	Năm	Tên, số tạp chí công bố, trang tạp chí
	lý vận hành công trình thủy lợi		
18	Tối đa hóa lợi ích giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân trong dự án cấp nước tập trung ở nông thôn Việt Nam	2019	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Thủy lợi, Số 53 (3/2019)

2.2. Sách giáo trình, sách chuyên khảo

TT	Tên sách	Năm	Nơi xuất bản
1	Kinh tế tài nguyên Thiên nhiên Đại cương (biên dịch)	2020	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ
2	Sổ tay hướng dẫn quy trình đầu tư và quản lý khai thác công trình thủy lợi để thu hút khu vực tư nhân tham gia cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế khác	2019	NXB Khoa học và Kỹ thuật

2.3. Các báo cáo hội nghị, hội thảo

TT	Tên báo cáo khoa học	Năm	Địa điểm tổ chức hội thảo
I	Trong nước		
1	Áp dụng phương pháp mô phỏng và tập mờ để ra quyết định đầu tư mờ trong điều kiện bất định	11/2009	Đại học Thủy lợi, Hà Nội
2	Ô nhiễm ánh sáng ở các đô thị lớn – định hướng và giải quyết	11/2009	Đại học Thủy lợi, Hà Nội
3	Tiếp cận Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội đối với dự án thủy điện nhỏ ngoài lưới điện quốc gia'	11/2009	Đại học Thủy lợi, Hà Nội
4	Bàn về phương pháp định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trong nông nghiệp	11/2016	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu
5	Đề xuất chính sách chia sẻ rủi ro trong các dự án quản lý vận hành công trình thủy lợi theo hình thức đối tác công tư	2018	Tuyển tập khoa học công nghệ năm 2018, Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam, Hà Nội
II	Nước ngoài		

TT	Tên báo cáo khoa học	Năm	Địa điểm tổ chức hội thảo
1	Methodologies for Solving Environmental Conflicts between the Poor Community and the Water Supply Company: A Case Study of Vietnam	2007	Well – Drilling and Rural Water Supply, CICD Series Vol.2: (09.2007)
2	Water Prices, And Determination of Customer Satisfaction: A Comparison of Private And Rest Sectors of Managing In The Rural Water Supply Schemes	5/2018	9th International conference on Socio-economic and Environmental issues in development, NEU
3	Optimal equity structure for public-private partnership investment in rural water supply sector in Vietnam	11/2018	The 1st International Conference on Contemporary Issues on Economics, Management & Business (CIEMB), Ha Noi

**Xác nhận của Viện Kinh tế và Quản lý
Thủy lợi**

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021
Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Tuấn Anh

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **Trần Gia Long**

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 08/02/1974

Nơi sinh: Hưng Yên

Quê quán: An Viên - Tiên Lữ - Hưng Yên

Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm, nước nhận học vị: 2012, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất:

Năm bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Chuyên viên chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Vụ Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Số nhà 444 N13 - Khu Giếng Sen - Tổ dân phố 4 - phường La Khê, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại liên hệ: CQ: 0243 8432654 DD: 0986.663.858

Fax: Email: trangialong.74@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo	Nơi đào tạo	Ngành học	Năm tốt nghiệp
Chính quy	Đại học kiểm sát	Kiểm sát	1996
Chuyên tu	Học viện Cảnh sát nhân dân	Luật	1998
Chính quy	Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển	2002

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp

Năm cấp bằng: 2007

Nơi đào tạo: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- Tiến sĩ chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp

Năm cấp bằng: 2012

Nơi đào tạo: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tên luận án: Nghiên cứu xu hướng chuyển đổi nghề của lao động nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng.

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: Tốt

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
4/2003 - 12/2012	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Chuyên viên; Ủy viên BCH Đảng bộ Bộ, Ủy viên BCH Công đoàn cơ quan Bộ; Bí thư Đoàn Thanh niên Bộ
12/2012 - nay	Vụ Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp và PTNT	Chuyên viên chính; Ủy viên BCH Đảng bộ Bộ (đến 2015), Ủy viên BCH Công đoàn cơ quan Bộ (đến 2016); Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự Bộ (đến 2019)

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu	Năm bắt đầu/hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, trường)	Trách nhiệm tham gia
1	Cơ sở lý luận và thực tiễn về xu hướng chuyển đổi nghề nghiệp của nông dân	2009	Học viện Nông nghiệp VN	Chủ nhiệm
2	Thực trạng và giải pháp chuyển đổi nghề nghiệp của nông dân Thái Bình	2010	Học viện Nông nghiệp VN	Chủ nhiệm
3	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở Việt Nam	2012	Học viện Nông nghiệp VN	Tham gia
4	Nâng cao chất lượng trong công tác tham mưu, đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới	2017-2018	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Chủ trì
5	Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn	2018	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Chủ trì
6	Phát triển hoạt động cho vay theo chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Việt Nam	2017 - 2019	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Tham gia
7	Báo cáo nghiên cứu khoa học Chuyên đề số 8 “Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển ngành NN, bao gồm cả	2019-2020	Bộ NN và PTNT; Tiểu ban	Chủ trì

TT	Tên đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu	Năm bắt đầu/hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, trường)	Trách nhiệm tham gia
	mục tiêu cơ cấu lại các ngành nông nghiệp thời kỳ 2011 - 2020 và phương hướng, mục tiêu phát triển thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025”		Kinh tế - Xã hội Đại hội Đảng XIII	
8	Báo cáo nghiên cứu khảo học Chuyên đề số 35 “Đánh giá việc thực hiện đột phá chiến lược phát triển kết cấu hạ tầng trong giai đoạn 2011 - 2020 và vấn đề đặt ra trong giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025”	2019-2020	Bộ NN và PTNT; Tiểu ban Kinh tế - Xã hội Đại hội Đảng XIII	Tham gia
9	Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Đề án “Đảm bảo ANLTQG đến năm 2020” và xây dựng Kết luận mới của Bộ Chính trị về “Đảm bảo ANLTQG đến năm 2030”	2020 - 2021	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Chủ trì
10	Xây dựng Bài giảng của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT “Vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân trong bối cảnh và yêu cầu mới” tại Học viện Chính trị Quốc gia HCM	2020	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Chủ trì

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Thực trạng và giải pháp chuyển đổi nghề của nông dân vùng Đồng bằng sông Hồng	2012	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Hà Nội
2	Chuyển đổi nghề của lao động nông nghiệp vùng ĐBSH	2012	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Hà Nội
3	Xu hướng chuyển đổi nghề của lao động nông thôn	2012	Tạp chí Lao động và Xã hội, Hà Nội
4	Xu hướng chuyển đổi nghề của lao động nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Hồng	2012	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội
5	Yếu tố ảnh hưởng xu hướng chuyển đổi nghề của lao động	2012	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Hà Nội

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	nông nghiệp vùng ĐBSH		
6	Đào tạo nghề nông nghiệp cho nông dân: Cơ sở lý luận và thực tiễn	2012	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội
7	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn	2014	Hội thảo Quốc tế Hội thảo “ <i>Giáo dục cho khu vực nông thôn trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế</i> ” do Viện Khoa học giáo dục Việt Nam

Xác nhận của Bộ Nông nghiệp và PTNT

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

Người khai ký tên

TS. Trần Gia Long

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
1989-2016	Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (Ban Chính sách phát triển nông thôn)	Nghiên cứu viên, Phó Trưởng ban, Trưởng ban
2016-nay	Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (Ban Nghiên cứu các vấn đề xã hội)	Phó Trưởng ban, Phó Trưởng ban phụ trách

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu dự báo chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn trong quá trình CNH, HĐH và ĐTH ở nước ta đến năm 2020	2007-2009	Cấp Nhà nước	Thư ký
2	Chính sách phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam đến năm 2020	2008-2010	Cấp nhà nước	Chủ nhiệm đề tài nhánh
3	Liên kết nội vùng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên	2013-2015	Cấp nhà nước	Thành viên
4	Nghiên cứu phát triển cum tương hồ vãi thiều Lục Ngạn, Bắc Giang	2017-2019	Cấp nhà nước	Thành viên
5	Cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn	2015-2016	Cấp Bộ	Chủ nhiệm

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
6	Năng lực tham gia của hộ nông dân vào sản xuất nông sản hàng hóa: Cách tiếp cận từ chuỗi giá trị	2008-2009	Cấp Bộ	Chủ nhiệm
7	Ảnh hưởng của việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp tới thu nhập của hộ nông dân	2004-2005	Cấp Bộ	Chủ nhiệm
8	Cơ sở khoa học của điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong quá trình hội nhập khu vực mậu dịch tự do AFTA	2001-2002	Cấp Bộ	Chủ nhiệm
9	Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng bông công nghiệp	2004-2005	Cấp TCT	Chủ nhiệm
10	Nghiên cứu đánh giá dòng tài chính cho vùng cảnh quan	2020-2021	Đề tài do Tropicbos tài trợ	Chủ nhiệm
11	Xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên khuyến khích đầu tư tư nhân thích ứng BĐKH ở ĐBSCL giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025: Lĩnh vực chế biến thực phẩm và logistics liên quan	2018	Đề tài do GIZ tài trợ	Chủ nhiệm
12	Overview of planned public investment related to land-use in Central Highland region of Viet Nam, 2016-2020	2017	Đề tài do EFI tài trợ	Tham gia
13	A review of the practical application of the sharing economy	2020	Đề tài do UNDP tài trợ	Chủ nhiệm
14	Climate change, green growth public sector actions and promotion of private sector's	2020-2021	Đề tài do JICA tài trợ	Tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
	participation in GHG mitigation			
15	Nghiên cứu vấn đề giới trong di cư nội địa và tài cơ cấu kinh tế ở Việt Nam	2020	Đề tài do Australian Aid tài trợ	Tham gia
16	Báo cáo nghiên cứu lồng ghép mục tiêu kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và Chiến lược tăng trưởng xanh vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2020	Đề tài do GIZ tài trợ	Tham gia
17	Nghiên cứu chuyển giao một số dịch vụ hành chính công cho tư nhân trong lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp và phát triển nông thôn	2019	Đề tài do GIZ tài trợ	Chủ nhiệm

2. Các công trình khoa học đã công bố:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Ảnh hưởng xã hội của thực hiện Luật Đất đai 2003 đối với hộ gia đình nông thôn (Social impacts of implementing the Land Law 2003 on rural household) - Sách song ngữ - Tác giả	2010	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2	Tăng cường năng lực tham gia thị trường của hộ nông dân thông qua chuỗi giá trị hàng nông sản – Tác giả	2010	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
2	Access to Land: Non-market land transaction in rural Vietnam (A chapter in the book named Land Tenure reform in Asia and Africa: Assessing impacts on poverty and natural resource management - Coauthors	2013	Palgrave Macmillan Publishing house
3	Hội đồng nhân dân với vai trò phát triển kinh tế nông thôn – Đồng tác giả	2014	Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính
4	Việc làm ở nông thôn: Thực trạng và giải pháp – Đồng tác giả	2001	Nhà xuất bản nông nghiệp
5	Từ ngân hàng một cấp đến ngân hàng thương mại: Cải cách khu vực tài chính ở Việt Nam 1988-2003 – Đồng tác giả	2005	CIEM-NIAS
6	Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến sản xuất và tiêu thụ một số nông sản ở Việt Nam: qua nghiên cứu chè, cà phê và điều (The impact of international economic integration on the production, processing and marketing agricultural products in Viet Nam: via coffee, tea and cashew nut) – Sách song ngữ - Đồng tác giả	2006	Nhà xuất bản Lý luận Chính trị
7	Các yếu tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn Việt Nam – Đồng tác giả	2006	IAE-MISPA
8	Huy động và phân bổ nguồn lực cho phát triển nông thôn – Đồng tác giả	2005	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
9	Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam: Kết quả điều tra hộ gia đình	2007	Nhà xuất bản Thống kê

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	nông thôn năm 2006 tại 12 tỉnh (Characteristics of the Vietnamese rural economy: Evidence from a 2006 Rural Household Survey in 12 provinces of Viet Nam), Song ngữ – Đồng tác giả		
10	Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam: Kết quả điều tra hộ gia đình nông thôn năm 2008 tại 12 tỉnh (Characteristics of the Vietnamese rural economy: Evidence from a 2008 Rural Household Survey in 12 provinces of Viet Nam), Song ngữ – Đồng tác giả	2009	Nhà xuất bản Thống kê
11	Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam: Kết quả điều tra hộ gia đình nông thôn năm 2010 tại 12 tỉnh (Characteristics of the Vietnamese rural economy: Evidence from a 2010 Rural Household Survey in 12 provinces of Viet Nam), Song ngữ – Đồng tác giả	2011	Nhà xuất bản Thống kê
12	Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam: Kết quả điều tra hộ gia đình nông thôn năm 2012 tại 12 tỉnh (Characteristics of the Vietnamese rural economy: Evidence from a 2012 Rural Household Survey in 12 provinces of Viet Nam), Song ngữ – Đồng tác giả	2013	Nhà xuất bản Lao động – Xã hội
13	Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam: Kết quả điều tra hộ gia đình nông thôn năm 2014 tại 12 tỉnh (Characteristics of the Vietnamese rural economy: Evidence from a	2015	Nhà xuất bản Hồng Đức

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
	2014 Rural Household Survey in 12 provinces of Viet Nam), Song ngữ – Đồng tác giả		
14	Đổi mới mô hình tổ chức quản lý sản xuất nông nghiệp – yêu cầu bức thiết	2014	Kinh tế - Xã hội (Đặc san của Ban Kinh tế Trung ương)
15	Sử dụng đất nông nghiệp của hộ nông dân	2019	Tạp chí Kinh tế và Dự báo; ISSN 0866-7120; Số 31 tháng 11/2019
16	Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định sử dụng đất của hộ nông dân: Bằng chứng từ điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình nông thôn Việt Nam	2019	Tạp chí Kinh tế và Dự báo; ISSN 0866-7120; Số 30 tháng 10/2019
17	Nhu cầu xã hội về nguồn lực ngành kinh doanh nông nghiệp.	2021	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: “Đào tạo nguồn nhân lực ngành kinh doanh nông nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội”
18	Kinh tế chia sẻ trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và một số vấn đề đặt ra	2020	Thông tin khoa học của Hội đồng khoa học các cơ quan Đảng Trung ương, Số 2 (45), tháng 4-5/2020
19	Tích tụ, tập trung ruộng đất trong nông nghiệp thông qua phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông thôn	2017	Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển nông nghiệp: Vấn đề và giải pháp
20	5 thách thức cản trở thu hút đầu tư vào nông nghiệp Tây Bắc	2017	Tạp chí Pan Nature
21	The rural households’ willingness to pay for clean water: A case study in rural Ha Noi – Đồng tác giả	2016	Hội thảo khoa học quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”; ISBN: 987-604-946-178-1

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
22	Phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông thôn nhằm thúc đẩy tích tụ, tập trung ruộng đất cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa	2016	Hội thảo khoa học quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”; ISBN: 987-604-946-178-1
23	Đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp Việt Nam: Vấn đề và giải pháp	2016	Hội thảo khoa học quốc gia: “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu”; ISBN: 987-604-946-178-1

Xác nhận của Trường ĐH KTQD

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người khai ký tên

(Ghi rõ chức danh, học vị)

ThS. Lưu Đức Khải

5.5: ĐỀ CƯƠNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Giao tiếp kinh doanh 1 (Level 1, 2)**

Tiếng Anh: **English Business Communication (Level 1, 2)**

(ENGLISH 1 - LEVEL 1, 2)

Mã học phần: **NNKC1101A, NNKC1101B**

Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Ngoại ngữ không chuyên

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Các sinh viên thuộc một trong những điều kiện sau sẽ được tham dự học phần này:

• **Đối với Level 1:** Các sinh viên có điểm thi tiếng Anh trong kì thi tuyển sinh đại học có mức điểm từ 1 đến 3; Hoặc các sinh viên có điểm kiểm tra phân loại trình độ đạt từ 50 đến 70 điểm.

• **Đối với Level 2:** Các sinh viên có điểm thi tiếng Anh trong kì thi tuyển sinh đại học có mức điểm từ 3.5 trở lên; Hoặc các sinh viên có điểm kiểm tra phân loại trình độ đạt từ 72 điểm trở lên.

• **Đối với sinh viên được miễn học miễn thi:** theo Quyết định số 470/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/5/2013, sinh viên có bằng cử nhân tiếng Anh hoặc có một trong các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế còn hiệu lực sẽ được chuyển điểm các học phần Tiếng Anh trong chương trình đào tạo. Điểm của học phần sẽ được quy đổi như/sau:

TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL CBT	TOEFL IBT	IELTS	Điểm học phần 1	Điểm học phần 2	Điểm học phần 3
450	450	133	45	4.5	8.0	7.0	Không áp dụng
490	480	155	55	5.0	9.0	9.0	8.0
541	500	173	61	5.5-6.0	10	10	9
591	530	195	71	6.5-7.0	10	10	10
701	550	231	92	7.5	10	10	10
911	650	271	113	8.5	10	10	10

- Trong trường hợp các sinh viên thuộc diện miễn học, nhưng từ chối việc xét miễn, sẽ được xếp vào học tại các lớp Level 2.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần trang bị các kiến thức đã học để sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp đơn giản như: Đi mua sắm, mô tả các vấn đề khó khăn, giải thích lý do, quản lý email, đưa ra ý kiến cá nhân v.v ... Tăng cường khả năng phát âm đúng, chuẩn các từ vựng tiếng Anh, các câu ngắn và khả năng sử dụng bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Phát triển 4 kỹ năng giao tiếp cho sinh viên: nghe, nói, đọc, viết và phát triển khả năng tự chủ trong quá trình học tập cho sinh viên.

Kết thúc học phần này, sinh viên có thể:

a) Ngữ âm: sinh viên phát âm tốt được các nguyên âm, phụ âm và trọng âm

b) Từ vựng: sinh viên có thể sử dụng được khoảng 300 từ đã học

c) Ngữ pháp: sinh viên sử dụng đúng các thì hiện tại, quá khứ, tương lai, danh từ đếm được và không đếm được, so sánh hơn và so sánh cao nhất, động từ khuyết thiếu.

d) Thực hành :

- Sinh viên nghe hiểu những đoạn hội thoại với nội dung như : chào hỏi, thể thao, mua sắm, ca nhạc, phàn nàn về một dịch vụ, phỏng vấn, kiểm tra thông tin cho 1 chuyến bay

- Sinh viên có thể thảo luận và nói về những chủ đề liên quan tới kinh doanh và cuộc sống thường ngày

- Sinh viên có thể đọc hiểu các bài báo, tin nhắn, quảng cáo ngắn ; có thể viết câu theo các cấu trúc đã học trong giáo trình, viết về kinh nghiệm, hoài bão, email, thư phàn nàn

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

6.1. Đối với trình độ Pre A1:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	NỘI DUNG	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Giới thiệu và nêu yêu cầu của khóa học Bài 3: Making plans	5	2	2	

STT	NỘI DUNG	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
2	Bài 4: Going places	4	2	3	
3	Bài 5: Buying and selling	4	2	2	
4	Bài 6: Opinions and decisions	4	2	3	
5	Bài 7: Changes	4	2	2	
6	Bài 8: Ambition	4	2	2	
7	Kiểm tra giữa kỳ	4	0	2	2 ca
8	Bài 9: Working together	4	2	3	
9	Kiểm tra giữa kỳ	4	0	2	2 ca
10	Bài 10: Different cultures	4	2	3	
11	Ôn tập	4	3	2	
	Cộng	45	19	26	

Giới thiệu sơ lược từng bài

Bài 3

Making plans

Bài 3: cung cấp từ vựng liên quan tới các công việc nội trợ, lên kế hoạch cho 1 chuyến đi, giới thiệu về 1 nhà hàng ; giảng cho sinh viên cách sử dụng cấu trúc *going to* và *will*; giới thiệu trọng âm của từ ,đồng thời hướng dẫn sinh viên làm các bài tập với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong bài 3 nhằm giúp sinh viên vận dụng tốt các từ vựng cũng như cấu trúc đã học trong phần lý thuyết.

Bài 4

Going places

Bài 4: cung cấp cấu trúc ngữ pháp về thời quá khứ (động từ có quy tắc và bất quy tắc, dạng câu hỏi và phủ định); chủ điểm từ vựng liên quan đến các khoản chi tiêu cho 1 chuyến đi công tác; viết báo cáo dựa vào những thông tin đã được ghi chú, cách sử dụng những ký hiệu viết tắt trong quá trình ghi chép thông tin; giới thiệu cách mở đầu một cuộc trò chuyện, trao đổi thông tin liên quan đến sở thích; tiếp tục giới thiệu cho sinh viên các nguyên âm, phụ âm; hướng dẫn sinh viên luyện 4 kỹ năng thông qua các bài tập trong bài 4.

Bài 5

Buying and selling

Bài 5: cung cấp từ vựng liên quan đến việc mua, bán, xu hướng; giới thiệu cấu trúc với *should*, *have to* và *must*; tiếp tục ôn ngữ âm với nội dung trọng âm trong câu; nội dung bài đọc cung cấp thông tin về nhãn hiệu, khẩu hiệu, và cách đọc các số lớn, phần trăm và phân số; chủ đề nói liên quan tới việc mua bán và miêu tả xu hướng (tăng hoặc giảm) của một sản phẩm nào đó trên thị trường; hướng dẫn sinh viên luyện 4 kỹ năng thông qua các bài tập trong bài.

Bài 6

Opinion and decisions

Bài 6: cung cấp các ký hiệu viết tắt trong tin nhắn, các từ vựng liên quan đến việc đưa ra quan điểm và lý do, từ ngữ sử dụng trong cuộc họp thông qua điện thoại; giới thiệu trật tự của các tính từ và cấu trúc của so sánh hơn và so sánh cao nhất; với chủ đề nói trong bài sẽ giúp sinh viên biết cách đưa ra lời phản nản trực tiếp hay viết thư phản nản về một dịch vụ mà họ không hài lòng; phần ngữ âm tiếp tục giúp sinh viên cách sử dụng ngữ điệu lên/xuống trong giao tiếp và các nguyên âm đôi; các bài tập đọc cung cấp cho sinh viên các từ vựng và cấu trúc sử dụng trong việc đưa ra lời phản nản về một sản phẩm hay dịch vụ nào đó; sinh viên sẽ được luyện các bài tập cho 4 kỹ năng.

Bài 7

Changes

Bài 7: cung cấp từ vựng liên quan đến chủ đề miêu tả người; trong phần viết sinh viên sẽ biết cách chỉnh sửa tài liệu trên máy vi tính và biết cách viết tóm tắt một bức thư; các phụ âm sẽ được tiếp tục giới thiệu trong phần phiên âm; trong phần ngữ pháp sinh viên sẽ biết cách sử dụng các dạng câu khẳng định, câu hỏi, câu phủ định, câu trả lời của thời hiện tại hoàn thành; bài tập đọc giúp sinh viên phân biệt rõ sự khác nhau giữa thời quá khứ và hiện tại hoàn thành.

Bài 8

Ambition

Bài 8: cung cấp các từ vựng liên quan đến chủ đề kinh doanh; bài tập đọc giúp sinh viên thấy được sự khác biệt giữa việc kinh doanh trước đây và bây giờ và mẫu của 1 lá thư xin việc; trong phần ngữ pháp các dạng: động từ, danh từ, tính từ, trạng từ

sẽ được đề cập, bên cạnh đó thời hiện tại hoàn thành và quá khứ tiếp tục được giới thiệu với các cụm từ chỉ thời gian; chủ đề nói xoay quanh cách đặt các câu hỏi cho một đoạn hội thoại cuộc phỏng vấn, trao đổi về kinh nghiệm/thành tựu/hoài bão; phần bài tập viết giúp sinh viên có thể viết tóm tắt kinh nghiệm/thành tựu/hoài bão của bản thân.

Kiểm tra giữa kỳ

Liên quan toàn bộ các kiến thức đã học và luyện trên lớp.

Bài 9

Working together

Bài 9: cung cấp các cụm động từ, cấu trúc câu điều kiện loại 1 và các cụm từ chỉ thời gian; bài đọc kết hợp với nghe sẽ mang lại thông tin thú vị về sự liên quan giữa nhạc Jazz và công việc kinh doanh; phần viết giúp sinh viên biết về các cuộc họp thông qua internet để từ đó sinh viên biết cách viết ra những suy nghĩ của mình nếu có tham gia những cuộc họp tương tự; phần nói sinh viên sẽ được sử dụng những cấu trúc đã học để trao đổi thông tin với bạn của mình.

Bài 10

Different cultures

Bài 8 cung cấp các chủ điểm từ vựng liên quan đến văn hóa; bài tập đọc sẽ so sánh sự khác nhau về văn hóa giữa một số nước; các cấu trúc câu điều kiện loại 1 và 2 sẽ được đề cập; bài tập luyện nói giúp sinh viên làm quen với việc thuyết trình cũng như thiết kế slide.

Kiểm tra giữa kỳ

Liên quan toàn bộ các kiến thức đã học và luyện trên lớp.

6.2. Đối với trình độ Pre A1:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Giới thiệu và nêu yêu cầu khóa học. Làm bài kiểm tra đầu kỳ	5	2	2	

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Ghi chú</i>
			<i>Lý thuyết</i>	<i>Bài tập, thảo luận, kiểm tra</i>	
2	Bài 1- Các hoạt động kinh doanh	5	2	2	
3	Bài 2: Dữ liệu	5	2	3	
4	Bài 3- Quy tắc ứng xử	5	2	2	
5	Bài 4- Hình ảnh	5	2	2	
6	Bài 5- Sự thành công	5	2	3	
7	Bài 6- Tương lai	5	2	3	
8	Kiểm tra giữa kỳ - Nói	5	0	2	
9	Bài 7- Vị trí	5	2	3	
10	+ Bài 8- Tìm việc (phần 1) + Kiểm tra bài giữa kỳ: Đọc- Viết	5	2	3	
11	+ Bài 8 – Tìm việc (phần 2) + Ôn tập cuối kỳ	5	0	2	
	Cộng	45	18	27	

Bài 1 – Các hoạt động kinh doanh

Nội dung của bài nói đến 3 mảng hoạt động kinh doanh: sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ và bán lẻ. Tương ứng có thể phân chia 3 loại hình công ty: Cty sản xuất sản phẩm, cty cung cấp dịch vụ và Cty bán lẻ. Với đặc thù của từng công ty nhân viên sẽ có vai trò, trách nhiệm khác nhau ở các công việc khác nhau. Hình thức làm việc nhóm, đội là hình thức làm việc phổ biến trong các cty này.

Qua bài sinh viên sẽ nắm được 1 số lượng từ vựng về chủ đề hoạt động kinh doanh, nghề nghiệp, nghe mẫu và thực hiện hội thoại ngắn: chào hỏi, giới thiệu về nghề nghiệp, loại hình cty đang làm...có dùng 2 thì hiện tại đơn và tiếp diễn. Biết trình bày 1 email sao cho phù hợp với hoàn cảnh công việc. Đọc hiểu về 2 công ty hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Bài 2 - Dữ liệu

Công nghệ thông tin giúp cho các công ty lưu trữ được một khối lượng dữ liệu khổng lồ và họ thường lưu trong cơ sở dữ liệu của công ty và luôn luôn được cập nhật. Từ các thông tin lưu trữ này công ty sẽ dễ dàng tiến hành nghiên cứu thói quen mua

sắm của khách hàng từ đó họ cải thiện hoạt động marketing của mình. Ngoài ra cty còn dung các thiết bị giám sát còn vì mục đích ngăn chặn hành vi tội phạm, tăng tính an ninh. Tuy nhiên điều này dẫn đến việc thông tin cá nhân bị xâm phạm và nhiều khi con người cảm thấy mất tự do, không có sự riêng tư.

Sinh viên học được từ vựng về chủ đề công nghệ thông tin, số lượng, danh từ đếm được hay không đếm được; thực hiện nghe và nói, viết trong tình huống kiểm tra thông tin chính xác hay không. Bài đọc giúp sv biết được cách thức lấy thông tin cá nhân của các cty và mục đích sử dụng thông tin ấy.

Bài 3 - Quy tắc ứng xử

Quy tắc ứng xử trong kinh doanh rất quan trọng vì giúp mọi người thiết lập những mối quan hệ trong công việc của mình; giúp tạo môi trường làm việc lịch sự, chuẩn mực và vì vậy giúp tăng tính hiệu quả trong công việc.

Qua bài sv nắm được một lượng từ về quy tắc ứng xử nơi công sở; biết thực hiện những câu đề nghị hay yêu cầu một cách lịch sự trong hoạt động nghe, nói; nhận biết những hành vi nào nên và không nên ở công sở nói chung và một số quốc gia nói riêng thông qua bài đọc, nghe.

Bài 4 - Hình ảnh

Nói tới nhãn hàng là nói tới tên gọi, biểu tượng, thiết kế giúp mọi người nhận dạng và phân biệt với nhãn hàng khác. Các chuyên gia marketing phải làm việc vất vả mới có thể tạo dựng nhãn hàng và quảng bá hình ảnh của nhãn hàng thông qua các chiến dịch quảng cáo. Hình ảnh của nhãn hàng phải hấp dẫn đối với thị trường mục tiêu.

Thông qua bài đọc sinh viên nắm được từ vựng về chủ đề thời trang, phân biệt được các loại nhãn hàng nào: cao cấp, vừa hay rẻ tiền qua đó luyện tập lại các cấu trúc câu so sánh. Qua bài nghe và nói sinh viên học được cách miêu tả 1 sản phẩm.

Bài 5 - Thành công

Nhiều người thành lập công ty vì họ có ý tưởng kinh doanh hay nhưng để thực hiện ý tưởng kinh doanh ấy họ phải trải qua nhiều bước và nhiều khâu chuẩn bị quan trọng như tiến hành nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch kinh doanh, chuẩn bị nguồn tài chính, xây dựng cơ sở khách hàng. Tất cả các khâu phải được chuẩn bị và thực hiện tốt đi kèm với đam mê trong công việc. Khi tìm được khách hàng và đánh bại được đối thủ kinh doanh và có được lợi nhuận thì có thể coi là họ đã thành công.

Thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết sinh viên sẽ lĩnh hội một lượng từ vựng về chủ đề thành công hay thất bại, ôn tập lại về cấu tạo từ. Từ thông tin vắn tắt và bài nghe mẫu, sv sẽ kể lại được một câu chuyện thành công của một người hay 1

công ty nào đó.

Bài 6 - Tương lai

Con người không ngừng khai phá những khả năng tiềm tàng và có những khám phá mới. Công nghệ sẽ giúp chúng ta định hình được tương lai và mở ra những cơ hội mới cho các nhà kinh doanh. Tuy nhiên để phát triển 1 công nghệ mới cần nhiều thời gian và số tiền lớn. Vì vậy rất khó thuyết phục các nhà đầu tư vào các dự án mà đầy tính rủi ro và ít cơ hội mang lại lợi nhuận lớn như thế này.

Sinh viên ôn và luyện tập các cấu trúc dùng động từ khiếm khuyết chỉ khả năng trong tương lai, từ đó đưa ra những phỏng đoán dưới dạng nói hay viết về kinh doanh các sản phẩm công nghệ mới trong tương lai. Qua kỹ năng đọc, nghe sinh viên hiểu kỹ hơn về hoạt động kinh doanh sản phẩm công nghệ cao ở các khía cạnh: vốn đầu tư, chi phí ban đầu, mức độ rủi ro, thời gian hoàn vốn và bắt đầu có lãi...

Bài 7 - Vị trí

Địa điểm tiến triển các hoạt động kinh doanh là 1 yếu tố vô cùng quan trọng cho sự phát triển của hoạt động kinh doanh đó. Một công ty muốn lập 1 văn phòng tại 1 địa điểm mới tại nước ngoài thì phải quan tâm tới các yếu tố như: cơ sở hạ tầng tốt, nền kinh tế ổn định, chính sách thuế có nhiều ưu đãi cho doanh nghiệp, thái độ tích cực của người bản địa

Bài này giúp cung cấp lượng từ liên quan đến chủ đề, ngữ pháp: thì tương lai để biểu đạt kế hoạch hay dự định cho tương lai; từ đó sinh viên phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Bài 8- Tìm việc

Người tìm việc tìm kiếm việc ở thị trường việc làm, còn người tuyển dụng cần người có bằng cấp phù hợp và có kinh nghiệm. Người tìm việc có thể tìm thông qua quảng cáo tuyển dụng, số khác gặp nhân viên tư vấn hướng nghiệp để giúp họ định hình con đường sự nghiệp của mình. Hình thức tìm việc trên internet ngày càng có hiệu quả dẫn đến các công ty tuyển dụng truyền thống mất dần thị trường.

Qua bài sinh viên nắm được một số lượng từ và cụm từ lớn liên qua tới chủ đề, tìm hiểu về cách các nhân vật trong các bài nghe, đọc đã phải trải qua những khó khăn nào mới tìm được công việc của mình. Ôn tập cấu trúc câu mệnh lệnh các dạng và áp dụng trong tình huống hướng dẫn ai làm gì. Sinh viên nắm được quy luật viết 1 bản sơ yếu lý lịch theo lối của người Anh như thế nào.

Ôn tập

Ôn tập lại toàn bộ kiến thức đã học.

7. GIÁO TRÌNH:

Đối với trình độ Level 1:

Chris Faram (2003), Power Base Pre. Intermediate - Units: 3 – 10, Pearson Education Limited.

Đối với trình độ Level 2:

Christine Johnson (2006), Intelligent Business (Pre. Intermediate – Units: 1 - 8), Pearson Education Limited.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Các giáo trình Tiếng Anh thuộc về lĩnh vực kinh doanh ở trình độ Pre Intermediate (Market Leader, Business Basics, Business Objective, Business Venture, v.v...)

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

+ Số lần kiểm tra: 02 lần, gồm 01 bài kiểm tra môn Đọc + Viết và 01 bài kiểm tra môn Nói. Môn Đọc+Viết thi trong 50 phút. Điểm mỗi bài kiểm tra tính theo thang điểm 10, lấy điểm chẵn. Hình thức thi: tự luận.

+ Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Để có thể dự thi kết thúc học phần, sinh viên tích lũy được đủ ba đầu điểm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kì lần 1, điểm kiểm tra giữa kì lần hai. Đồng thời, sinh viên cũng không được dự thi và phải học lại học phần nếu nghỉ học quá 20% số tiết quy định tại học phần.

+ Hình thức thi kết thúc học phần và công thức tính điểm học phần: Bài thi kết thúc học phần gồm 100 câu trắc nghiệm trên máy tính, thi trong 45 phút. Công thức tính điểm học phần bao gồm: 10% điểm chuyên cần, 30% điểm kiểm tra giữa kì với hai bài kiểm tra, 60% điểm thi kết thúc học phần.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Giao tiếp kinh doanh 2 (Level 1, 2)

Tiếng Anh: English Business Communication 2 (Level 1, 2)

(ENGLISH 2 - LEVEL 1, 2)

Mã học phần: **NNKC1102A, NNKC1102B**

Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Ngoại ngữ không chuyên

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Các sinh viên đã tích lũy được đủ kiến thức và điểm số của học phần Tiếng Anh Giao Tiếp Kinh Doanh 1 theo đúng nhóm trình độ: Level 1, Level 2, sẽ được đăng kí tham dự học phần này.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bao gồm các bài hội thoại, các bài xã luận, e-mail, bảng biểu liên quan việc luyện tập các kỹ năng. Các hiện tượng ngữ pháp như các thì quá khứ, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, v.v cách sử dụng tính từ, trạng từ và các dạng thức so sánh cũng được đề cập trong học phần này.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Tiếp tục nâng cao trình độ của sinh viên theo bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Thúc đẩy sinh viên chủ động tích lũy và ứng dụng các kiến thức về ngữ pháp và từ vựng về lĩnh vực kinh doanh trong các hoạt động giao tiếp.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN
PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Ghi chú</i>
			<i>Lý thuyết</i>	<i>Bài tập, thảo luận, kiểm tra</i>	
1	Giới thiệu và nêu yêu cầu khóa học. Làm bài kiểm tra đầu kỳ	2	1	3	
2	Bài 9- Bán hàng	5	2	3	
3	Bài 10- Giá	5	2	3	
4	Bài 11- Bảo hiểm	5	2	3	
5	Bài 12- Dịch vụ	5	2	3	
6	Bài 13- Năng suất	5	2	3	
7	Bài 14- Sự sáng tạo	5	2	3	
8	Kiểm tra giữa kỳ - Đọc -Viết	5	0	3	
9	Bài 15- Sự tạo động lực	5	2	3	
10	Kiểm tra giữa kỳ - Nghe	3	0	3	
	Cộng	45	15	30	

Bài 9- Bán hàng

Các công ty sản xuất thường bán sản phẩm của mình thông qua người bán lẻ nhưng họ cũng bán trực tiếp tới người tiêu dùng qua điện thoại , qua internet hay qua đội ngũ bán hàng. Nhiều công ty cũng bán hàng cho các công ty khác dưới dạng bán buôn. Thông tin về sản phẩm được in dưới dạng tờ rơi, các cuốn giới thiệu sản phẩm và các công ty thường gửi các thông tin này cho khách hàng tiềm năng của họ qua

đường bưu điện. Các nhà marketing tìm ra nhiều cách để quảng bá sản phẩm tới khách hàng mới của mình.

Về ngữ pháp: Sinh viên biết phân biệt và sử dụng đúng nhóm động từ khuyết thiếu chỉ nhiệm vụ, đặc biệt là các trường hợp ngoại lệ. Về từ vựng: cách xây dựng từ từ gốc và cách sử dụng trong ngữ cảnh cụ thể. Qua bài đọc, nghe hiểu, nghe mẫu sinh viên biết cách biểu đạt ý kiến, gợi ý trong thảo luận nhóm trong các cuộc họp nhóm bán hàng.

Bài 10- Giá

Rất khó cho công ty định giá hợp lý cho 1 sản phẩm. Giá thấp có thể giúp tăng doanh số nhưng lại làm giảm lợi nhuận biên. Và dẫn tới việc công ty buộc phải cắt giảm chi phí để có thể giảm giá sản phẩm xuống. Các công ty thường lập đồ thi giá để thấy được xu hướng giá trong 1 khoảng thời gian nào đấy: quý, năm.... Việc nghiên cứu xu hướng này có thể giúp các công ty lựa chọn được chiến lược giá chính xác cho sản phẩm của họ.

Bài này ngoài giúp sinh rèn luyện 4 kỹ năng cơ bản như: nói, nghe, đọc, viết còn giúp sinh viên phân biệt được ngoại động từ và nội động và cách dùng, ôn tập và nâng cao việc dùng thì Hiện tại hoàn thành. Đặc biệt sinh viên sẽ có cơ hội thực hành kỹ năng miêu tả đồ thị về giá nói riêng và các số liệu các đơn vị khác theo một số cấu trúc câu cơ bản.

Bài 11- Bảo hiểm

Nhiều cá nhân và doanh nghiệp phải mua bảo hiểm để giúp họ tránh được những rủi ro như cháy nổ, tai nạn, trộm cắp... Người mua bảo hiểm phải trả một mức phí cụ thể nào đó cho cty bảo hiểm theo định kỳ để giúp họ chi trả những tổn thất mà họ phải gánh chịu. Tuy nhiên có nhiều cá nhân đã cố tình khai báo gian lận để được đền bù và điều này khiến cho các công ty bảo hiểm mỗi năm thất thoát nhiều triệu đô la. Vì vậy các công ty phải sử dụng nhiều sản phẩm công nghệ cao để phát hiện những vụ gian lận này.

Như thông tường sinh viên được rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết ở bài này họ được thu nạp một lượng lớn từ vựng về chuyên ngành bảo hiểm, cơ cấu, nghề nghiệp của các nhân viên trong 1 cty bảo hiểm, luyện tập cấu trúc câu bị động ở tất cả các thì, biết sử dụng các cấu trúc câu để đưa ra luận điểm và bảo vệ luận điểm của mình trong 1 cuộc họp nhóm.

Bài 12- Dịch vụ

Sự hài lòng của khách hàng đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược bán hàng của công ty do đó các công ty cố gắng để cung cấp dịch vụ bán hàng tốt nhất. Điều đó bao gồm: sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, tư vấn hiệu quả, tạo mọi điều kiện tốt để khách hàng đặt và thanh toán tiền cho sản phẩm, giao hàng đúng hạn. Các công ty cũng cần có 1 hệ thống giải đáp khiếu kiện của khách hàng khi mà phía công ty mắc lỗi hay bán ra những sản phẩm chất lượng kém thì có đơn vị giải quyết những sự việc này. Phần lớn các công ty phải đào tạo nhân viên chăm sóc khách hàng để giải quyết các vấn đề một cách lịch sự.

Ngoài 4 kỹ năng cơ bản , về từ vựng sinh viên học mới các từ đồng nghĩa, các thành ngữ thuộc chủ đề, dùng câu điều kiện dạng 1, biết cách dùng các cấu trúc câu để thực hiện các tình huống giải quyết khiếu nại của khách hàng một cách lịch sự.

Bài 13- Năng suất

Trong sản xuất năng suất là lượng hàng hóa được sản xuất ra trong một đơn vị thời gian, sức lao động và 1 lượng tiền nhất định nào đó. Có nhiều cách giúp công ty tăng năng suất như: lắp đặt hệ thống máy móc công nghệ mới, hệ thống sản xuất đúng lúc, kiểm soát chất lượng hiệu quả, công nhân có tay nghề cao...Năng suất có nghĩa là làm ra sản phẩm hay dịch vụ nào đó một cách có hiệu quả tức là không lãng phí thời gian, không lãng phí các nguồn lực.

Bài này giúp sinh viên phân biệt và sử dụng đúng cách dùng tính từ và trạng từ trong câu, cách xây dựng từ từ từ gốc và các cấu trúc câu giúp họ thể hiện được cách kiểm soát thời gian trong một cuộc họp kinh doanh. Các kỹ năng nghe. Nói, đọc, viết càng giúp sv hiểu rõ chủ đề của bài: nâng cao năng suất không chỉ trong kinh doanh mà còn trong tất cả mọi việc trong cuộc sống.

Bài 14- Tính sáng tạo

Trong kinh doanh hàng ngày chúng ta phải giải quyết nhiều vấn đề khác nhau mỗi ngày. Chính vì vậy mà sự sáng tạo trong kinh doanh đóng một vai trò thực sự quan trọng. Người sáng tạo thường có những sáng kiến hay, độc đáo chứ không dựa vào lối mòn của người đi trước. Trong ngành nghề nào cũng cần có sự sáng tạo và mỗi người đều có sự sáng tạo theo các cách khác nhau. Chính vì vậy người lãnh đạo phải hiểu nhân viên của mình và tạo điều kiện cho họ được sáng tạo ở mức cao nhất. Muốn giải quyết 1 vấn đề một cách triệt để thì phải đặt mình vào các vị trí khác nhau để tìm hiểu và đưa ra giải pháp tốt nhất.

Ngoài 4 kỹ năng, bài cung cấp cho sinh viên 1 lượng từ về chủ đề sự sáng tạo, cấu tạo của động từ nhiều thành phần, cách tạo từ loại bằng cách thêm hậu tố, câu điều kiện dạng 2, cách diễn đạt ý kiến của mình và cách gợi ý người khác đưa ra ý kiến trong cuộc nhóm.

Bài 15- Sự tạo động lực

Mỗi nhân viên có một động lực làm việc khác nhau: tiền lương cao, cơ hội thăng tiến, công việc thú vị, môi trường làm việc tốt, học được nhiều kỹ năng, thử thách để khám phá bản thân v.v.. Vì vậy người lãnh đạo nên tìm hiểu động lực nào khiến cho nhân viên của anh ta làm việc chăm chỉ để từ đó có chính sách hợp lý để giúp họ làm việc có hiệu quả và giữ được người tài ở lại với mình.

Qua một số bài tập nghe, nói, đọc, viết sinh viên có cơ hội nâng cao đồng thời ôn tập lại vốn từ vựng của 15 bài từ kỳ 1 đến cuối kỳ 2 đồng thời có dịp phân biệt sự giống và khác nhau giữa 2 thì quá khứ và hiện tại hoàn thành, động từ nhiều thành phần. Bên cạnh đó sinh viên cũng học được các cấu trúc giúp trình bày được lý do, phần giải thích để làm rõ hơn về quyết định của họ trước 1 vấn đề gì đó.

7. GIÁO TRÌNH

Đối với trình độ Level 1:

Christine Johnson (2006), Intelligent Business (Pre. Intermediate – Units: 9 - 15), Pearson Education Limited.

Đối với trình độ Level 2:

Christine Johnson (2006), Intelligent Business (Pre. Intermediate – Units: 9 - 15), Pearson Education Limited.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các giáo trình Tiếng Anh thuộc về lĩnh vực kinh doanh ở trình độ Pre Intermediate

- David Cotton/ David Falvey/ Simon Kent (2002), Market Leader Pre Intermediate, Pearson Longman

- David Grant and Robert McLarty (Business Basics, Oxford University Press, Business Objective, Business Venture, v.v...)

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Số lần kiểm tra: 02 lần, gồm 01 bài kiểm tra môn Đọc + Viết và 01 bài kiểm tra môn Nghe. Môn Đọc+Viết thi trong 50 phút, môn Nghe thi trong 30 phút. Điểm mỗi bài kiểm tra tính theo thang điểm 10, lấy điểm chẵn. Hình thức thi: tự luận.

+ Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Để có thể dự thi kết thúc học phần, sinh viên tích lũy được đủ ba đầu điểm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kì lần 1, điểm kiểm tra giữa kì lần hai. Đồng thời, sinh viên cũng không được dự thi và phải học lại học phần nếu nghỉ học quá 20% số tiết quy định tại học phần.

+ Hình thức thi kết thúc học phần và công thức tính điểm học phần: Bài thi kết thúc học phần gồm 100 câu trắc nghiệm trên máy tính, thi trong 45 phút. Công thức tính điểm học phần bao gồm: 10% điểm chuyên cần, 30% điểm kiểm tra giữa kì với hai bài kiểm tra, 60% điểm thi kết thúc học phần.

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Giao tiếp kinh doanh 3 (Level 1, 2)

Tiếng Anh: English Business Communication 3 (Level 1, 2)

ENGLISH 3 - LEVEL 1, 2

Mã học phần: **NNKC1102A, NNKC1102B**

Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Ngoại ngữ không chuyên

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Các sinh viên đã tích lũy được đủ kiến thức và điểm số của học phần Tiếng Anh Giao Tiếp Kinh Doanh 1 và 2 theo đúng nhóm trình độ Level 1, Level 2. Các sinh viên có kiến thức và các khái niệm cơ bản bằng tiếng Việt về các môn kinh tế, kinh doanh. Tương đương với việc sinh viên đã tích lũy được các kiến thức của các môn cơ sở bằng tiếng Việt thuộc ba hoặc 4 học phần đầu tiên của bậc đại học.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần bao gồm các bài hội thoại, các bài xã luận, bảng biểu, cùng với các bài tập tình huống có liên quan đến các chủ đề về kinh tế - kinh doanh.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi học xong học phần, sinh viên tự tin và có khả năng sử dụng bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong môi trường kinh tế, kinh doanh; nắm được một khối lượng từ vựng và ngữ pháp để học có thể đọc được các tài liệu về lĩnh vực kinh tế kinh doanh.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	NỘI DUNG	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Giới thiệu và nêu yêu cầu của khóa học Ôn tập từ vựng và cấu trúc của TAHP2	4	2	3	
2	Bài 1: Companies	5	4	1	
3	Bài 2: Leadership	5	4	1	
4	Bài 3: Strategy	5	4	1	
5	Bài 4: Pay	5	4	1	
6	Bài 5: Development	5	4	1	
7	Kiểm tra giữa kỳ 1	4	0	3	
8	Bài 6: Marketing	5	4	2	
9	Kiểm tra giữa kỳ 2	3	0	3	
10	Ôn tập	4	1	3	
	Cộng	45	27	16	

Giới thiệu sơ lược từng bài

Bài 1 . COMPANIES

Bài 1 giới thiệu thêm về cách dùng các thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn ; cung cấp cho sinh viên từ vựng về các loại hình công ty, các cấu trúc giới thiệu, mô tả nghề nghiệp, công ty; sinh viên được luyện tập nói theo tình huống dựa trên chủ điểm của bài học

Bài 2. LEADERSHIP

Bài 2 giới thiệu thêm về cách dùng mạo từ, chú trọng đến những trường hợp đặc biệt; cung cấp các chủ điểm từ vựng liên quan đến chủ đề lãnh đạo, phong cách quản lý, các từ đồng nghĩa, cách kết hợp từ cùng các bài đọc, sinh viên được luyện tập nói theo tình huống dựa trên chủ điểm của bài học

Bài 3. STRATEGY

Bài 3 cung cấp các dạng thức diễn tả hoạt động trong tương lai (will/shall, be going to, be V-ing, present); cung cấp chủ điểm từ vựng liên quan đến chủ đề về chiến lược marketing, sự biến đổi nghĩa của từ khi có hậu tố đi cùng; giới thiệu cấu trúc của bài thuyết trình đồng thời cung cấp các từ nối, cụm từ, câu thường dùng trong các phần khác nhau của bài thuyết trình; sinh viên được luyện các kỹ năng đọc lấy ý chính, ý chi tiết thông qua bài đọc; sinh viên được luyện tập nói theo tình huống dựa trên chủ điểm của bài học

Bài 4. PAY

Bài 4 cung cấp cách sử dụng và phân biệt thì quá khứ đơn và thì hiện tại tiếp diễn; cung cấp từ vựng về chủ đề kinh tế chú trọng đến cách đánh giá hiệu quả công việc; cung cấp cho sinh viên các động từ có giới từ đi kèm, cách dùng vị trí của giới từ sau động từ có tân ngữ; cung cấp cho sinh viên các cấu trúc dùng để đánh giá vấn đề, chất lượng; sinh viên được luyện tập nói theo tình huống dựa trên chủ điểm của bài học

Bài 5 . DEVELOPMENT

Bài 5 cung cấp từ vựng liên quan đến chủ đề bảo tồn hay khai thác tài nguyên thiên nhiên, cách sử dụng một số động từ khuyết thiếu chỉ sự có thể; cung cấp cấu trúc diễn đạt nguyên nhân và kết quả; sinh viên được luyện tập các kỹ năng nghe, đọc, nói thông qua các dạng bài tập

Bài 6. MARKETING

Bài 6 giúp sinh viên hiểu sâu hơn về so sánh hơn, so sánh hơn nhất, trang bị cho sinh viên từ vựng về thương hiệu, nhãn mác, các chiến lược marketing, các phó từ chỉ cấp độ dùng trong so sánh; sinh viên được luyện kỹ năng đọc hiểu thông qua bài đọc; sinh viên đưa ra quan điểm của mình thông qua vấn đề được nêu ra trong bài đọc; sinh viên được luyện kỹ năng nói theo chủ đề của bài học

Ôn tập

ÔN TẬP LẠI TOÀN BỘ KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

7. GIÁO TRÌNH:

Đối với trình độ Level 1:

Tonya Trappe/ Graham Tullis (2005), Intelligent Business (Intermediate – Units: 1 - 6), Pearson Education Limited.

Đối với trình độ Level 2:

Tonya Trappe/ Graham Tullis (2005), Intelligent Business (Intermediate – Units: 1 - 6), Pearson Education Limited.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Các giáo trình Tiếng Anh thuộc về lĩnh vực kinh doanh ở trình độ Intermediate

- David Cotton/ Bill Mascull/ Market Leader, Business Basics, Business Objective, Business Venture, v.v...); Các giáo trình kinh tế bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

+ Số lần kiểm tra: 02 lần, gồm 01 bài kiểm tra môn Đọc + Viết và 01 bài kiểm tra môn Nói. Môn Đọc+Viết thi trong 50 phút. Điểm mỗi bài kiểm tra tính theo thang điểm 10, lấy điểm chẵn. Hình thức thi: tự luận.

+ Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Để có thể dự thi kết thúc học phần, sinh viên tích lũy được đủ ba đầu điểm: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kì lần 1, điểm kiểm tra giữa kì lần hai. Đồng thời, sinh viên cũng không được dự thi và phải học lại học phần nếu nghỉ học quá 20% số tiết quy định tại học phần.

+ Hình thức thi kết thúc học phần và công thức tính điểm học phần: Bài thi kết thúc học phần gồm 100 câu trắc nghiệm trên máy tính, thi trong 45 phút. Công thức tính điểm học phần bao gồm: 10% điểm chuyên cần, 30% điểm kiểm tra giữa kì với hai bài kiểm tra, 60% điểm thi kết thúc học phần.

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Kinh tế vi mô 1

Tiếng Anh: Microeconomics 1

Mã học phần: **KHMI1101** Số tín chỉ: **03**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế vi mô

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên đã được học các môn: Toán cho các nhà kinh tế, có một số lượng từ vựng tiếng Anh nhất định để hiểu được các khái niệm kinh tế học cơ bản.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Chương trình Kinh tế học vi mô 1 được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Kết cấu các bài giảng được trình bày đơn giản và hợp lý nhưng vẫn bảo đảm tính hiện đại. Nội dung môn học được xây dựng phù hợp với kiến thức của giai đoạn 1, đi sâu vào những khái niệm về thị trường, cung- cầu, co giãn của cầu và cung, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận), cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền, cung - cầu lao động, thất bại thị trường, ...

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần nắm bắt được những nguyên lý kinh tế vi mô, từ đó làm nền tảng cho việc nghiên cứu học phần Kinh tế vi mô 2. Ngoài ra, sinh viên còn có thể bước đầu vận dụng được lý thuyết vi mô để giải thích được một số vấn đề kinh tế của kinh tế thị trường.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó	
			Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành
1	Tổng quan về Kinh tế học	4	3	1
2	Lý thuyết cung cầu	8	5	3
3	Cơ giãn của cầu và cung	4	3	1
4	Lý thuyết lợi ích	5	3	2
5	Sản xuất, chi phí, lợi nhuận	8	5	3
6	Cấu trúc thị trường	8	5	3
7	Thị trường lao động	4	3	1
8	Các thất bại của thị trường	4	3	1
	Cộng	45	30	15

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

Chương này giới thiệu tổng quan về kinh tế học nói chung và hai bộ phận cơ bản của nó là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Mục đích chính của chương là giới thiệu vấn đề khan hiếm – một thực tế kinh tế của mọi xã hội và cách thức giải quyết vấn đề đó trong các cơ chế kinh tế khác nhau. Ngoài ra, chương này cũng giới thiệu các quy luật kinh tế chủ yếu tác động tới việc ra quyết định lựa chọn của các thành viên kinh tế.

Nội dung:

1.1 Tổng quan về kinh tế học

1.1.1. Kinh tế học và nền kinh tế

1.1.2. Các bộ phận của kinh tế học

1.2 Nội dung và phương pháp nghiên cứu

1.2.1. Nội dung của kinh tế vi mô

1.2.2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế học vi mô

1.3 Lý thuyết lựa chọn kinh tế

1.3.1. Quy luật khan hiếm

1.3.2. Chi phí cơ hội

1.3.3. Quy luật chi phí cơ hội tăng dần

1.3.4. Đường giới hạn khả năng sản xuất

1.3.5. Phân tích cận biên - phương pháp lựa chọn tối ưu

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương I; trang 3 - 29
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương I; trang 5- 32
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế học vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương I
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, Nxb LĐ-XH, 2010: Chương I; trang 5 -21 các bài tập 1.1 – 1.15

CHƯƠNG 2: LÝ THUYẾT CUNG CẦU

Lý thuyết cung cầu là một trong những nội dung quan trọng nhất của kinh tế học, được xây dựng trên cơ sở của mô hình cung cầu. Mô hình cung cầu là một công cụ đơn giản song rất hữu ích trong phân tích kinh tế. Mô hình cung cầu mô tả sự tương tác giữa người sản xuất và người tiêu dùng để xác định giá và sản lượng của hàng hoá hay dịch vụ được mua bán trên thị trường. Ngoài ra, mô hình cung cầu còn giúp chúng ta hiểu về tác động của nhiều chính sách của chính phủ như chính sách giá, thương mại quốc tế...

Nội dung:

2.1 Cầu (Demand)

- 2.1.1 Tác động của giá tới lượng cầu
- 2.1.2 Tác động của các yếu tố khác tới cầu
- 2.1.3 Hàm cầu
- 2.1.4 Cầu cá nhân và cầu thị trường.

2.2 Cung (Supply)

- 2.2.1 Tác động của giá tới lượng cung
- 2.2.2 Tác động của các yếu tố khác đến cung
- 2.2.3 Hàm cung
- 2.2.4 Cung cá nhân và cung thị trường

2.3 Cân bằng thị trường

- 2.3.1 Xác định cân bằng thị trường bằng đồ thị.
- 2.3.2 Xác định cân bằng thị trường bằng toán học
- 2.3.3 Thị trường xác định cân bằng

2.4. Thay đổi trạng thái cân bằng

- 2.4.1 Tác động của sự dịch chuyển của cầu
- 2.4.2 Tác động của sự dịch chuyển của đường cung
- 2.4.3 Tác động của sự dịch chuyển của cả đường cầu và đường cung

2.5. Tác động của sự can thiệp của chính phủ

- 2.5.1 Tác động của chính sách thuế
- 2.5.2 Tác động của kiểm soát giá

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương II; trang 45 – 82
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương II; trang 33- 54
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế học vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương II
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương II; trang 22 -31 các bài tập 2.1 – 2.7

CHƯƠNG 3: CƠ GIÃN CỦA CẦU VÀ CUNG

Mô hình cung cầu cho thấy rằng cầu phụ thuộc vào giá của hàng hoá đó, cũng như thu nhập của người tiêu dùng và giá của các hàng hoá khác. Tương tự, cung phụ thuộc vào giá cũng như vào những nhân tố có ảnh hưởng tới chi phí sản xuất... Chương này sẽ nghiên cứu về cơ giãn của cầu và cung - định lượng sự thay đổi của lượng cầu và lượng cung khi có sự thay đổi của giá và các nhân tố ảnh hưởng khác đến người mua và người bán. Các loại cơ giãn chủ yếu được nghiên cứu bao gồm độ co giãn của cầu theo giá, độ co giãn của cầu theo giá chéo, độ co giãn của cầu theo thu nhập, và độ co giãn của cung theo giá.

Nội dung:

3.1. Độ co giãn của cầu theo giá

- 3.1.1. Khái niệm, công thức xác định
- 3.1.2. Phương pháp tính
- 3.1.3. Phân loại độ co giãn của cầu theo giá
- 3.1.4. Quan hệ giữa E_{DP} , P và TR
- 3.1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ giãn của cầu theo giá
- 3.1.6. Ý nghĩa của độ co giãn của cầu theo giá

3.2. Độ co giãn chéo của cầu

- 3.2.1. Khái niệm, công thức xác định
- 3.2.2. Phương pháp tính
- 3.2.3. Phân loại độ co giãn chéo
- 3.2.4. Ý nghĩa của độ co giãn chéo của cầu

3.3. Độ co giãn của cầu theo thu nhập

- 3.3.1. Khái niệm, công thức xác định
- 3.3.2. Phương pháp tính
- 3.3.3. Phân loại độ co giãn của cầu theo thu nhập
- 3.3.4. Ý nghĩa của độ co giãn của cầu theo thu nhập

3.4. Độ co giãn của cung theo giá

- 3.4.1. Khái niệm, công thức xác định
- 3.4.2. Phương pháp tính
- 3.4.3. Phân loại độ co giãn của cung theo giá
- 3.4.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới độ co giãn của cung theo giá

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương III; trang 95– 123
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương II; trang 78- 92
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương III
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương III; trang 44 -59 các bài tập 3.1 – 3.20

CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT LỢI ÍCH

Chương này sẽ phân tích hành vi của người tiêu dùng hợp lý (các cá nhân, hộ gia đình) trên thị trường hàng hoá. Nội dung chính của chương đề cập đến một lý thuyết cơ bản về hành vi của người tiêu dùng đó là Lý thuyết lợi ích (Lý thuyết lợi ích đo được) còn các lý thuyết khác như Lý thuyết lợi ích có thể so sánh (Phân tích Bảng quan -Ngân sách), Lý thuyết sở thích bậc 1... sẽ được nghiên cứu ở học phần Kinh tế vi mô 2. Lý thuyết lợi ích là một cách tiếp cận đơn giản và mặc dù còn có nhiều hạn chế nhưng vẫn giải thích được cách thức người tiêu dùng sử dụng thu nhập cho tiêu dùng như thế nào để tối đa hoá lợi ích trong điều kiện ràng buộc về ngân sách.

Nội dung:

4.1. Các khái niệm và giả định cơ bản

4.1.1. Khái niệm, công thức tính và giả định lợi ích đo được

4.1.3. Quy luật lợi ích cận biên giảm dần

4.1.4. Lợi ích cận biên và đường cầu

4.1.5. Thặng dư tiêu dùng

4.2. Lựa chọn tiêu dùng tối ưu

4.2.1. Nguyên tắc tối đa hoá lợi ích của người tiêu dùng

4.2.2. Cân bằng của người tiêu dùng

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương IV; trang 125 – 139

2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương III; trang 60- 70

3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương IV

4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VI; trang 60 -63 các bài tập 4.1 – 4.2

CHƯƠNG 5: SẢN XUẤT, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN

Các chương trước đã tập trung vào khía cạnh cầu của thị trường dựa vào việc phân tích hành vi của người tiêu dùng và chúng ta đã bỏ qua câu hỏi: các hàng hoá, dịch vụ đã được sản xuất ra như thế nào. Chương này nghiên cứu khía cạnh cung, hành vi của người sản xuất và các quyết định cung nhằm thực hiện mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nội dung:

5.1. Lý thuyết sản xuất

5.1.1. Hàm sản xuất

5.1.2. Sản xuất với 1 đầu vào biến đổi

5.2. Lý thuyết chi phí

5.2.1. Các chi phí về tài nguyên

5.2.2. Chi phí kinh tế và chi phí tính toán

5.2.3. Chi phí ngắn hạn

5.3. Lợi nhuận

5.3.1. Khái niệm và công thức tính

5.3.2. Lợi nhuận kinh tế và lợi nhuận tính toán

5.3.3. Những yếu tố tác động đến lợi nhuận

5.3.4. Nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương VI; trang 215- 220; 229 -239; 249 -255
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐHVà Cao đẳng, Nxb Giáo dục, 2010: Chương IV;trang 93-99 và 106 -113
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, Nxb LĐ-XH, 2010: Chương V
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, Nxb LĐ-XH, 2010: Chương V; trang 77 -88 các bài tập 5.1 – 5.7

CHƯƠNG 6: CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG

Trong chương này chúng ta sẽ nghiên cứu các cấu trúc thị trường truyền thống và xem xét việc ra quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường này. Nội dung của chương sẽ chủ yếu tập trung vào hai cấu trúc là thị trường cạnh tranh và thị trường độc quyền. Đồng thời, chương này cũng có đề cập đến những đặc điểm và nội dung cơ bản nhất của hai cấu trúc thị trường cạnh tranh độc quyền và độc quyền tập đoàn; những nội dung chi tiết và sâu hơn về hai cấu trúc này sẽ được nghiên cứu tiếp ở Học phần Kinh tế vi mô 2.

Nội dung:

6.1. Các loại thị trường

6.1.1. Các khái niệm cơ bản

6.1.2. Phân loại thị trường

6.2. Cạnh tranh hoàn hảo

6.2.1. Những đặc điểm của cạnh tranh hoàn hảo

6.2.2. Lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh trong ngắn hạn

6.2.3. Điểm hòa vốn và điểm đóng cửa sản xuất

6.2.4. Đường cung của hãng cạnh tranh và của thị trường trong ngắn hạn

6.2.5. Phân tích các tác động khi chính phủ can thiệp vào thị trường

6.3. Độc quyền

6.3.1. Những đặc điểm của thị trường độc quyền

6.3.2. Các nguyên nhân dẫn đến độc quyền

6.3.3. Đường cầu và đường doanh thu cận biên trong độc quyền

6.3.4. Quyết định sản xuất của độc quyền

6.4. Các thị trường cạnh tranh không hoàn hảo

6.4.1. Đặc điểm và nội dung cơ bản của thị trường cạnh tranh độc quyền

6.4.2. Đặc điểm và nội dung cơ bản của thị trường độc quyền tập đoàn

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương VII; trang 285- 298, 305-319; chương VIII; trang 329 -340

2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương V; trang 138- 141 và 141- 144, 153 -155 và 166 -167, 174 -175

3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VI

4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VI; trang 100 -135 các bài tập 6.1 – 6.11 và 6.15 -6.27

CHƯƠNG 7: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Chương này nghiên cứu về thị trường đầu vào quan trọng của doanh nghiệp, đó là thị trường lao động. Chương này sẽ nghiên cứu nguyên tắc sử dụng lao động tối ưu, quan hệ giữa đường sản phẩm doanh thu cận biên và đường cầu lao động của doanh nghiệp; nghiên cứu các tính chất của đường cung lao động cá nhân và cung lao động thị trường. Đồng thời, chương này cũng phân tích trạng thái cân bằng của thị trường lao động cạnh tranh.

Nội dung:

7.1. Cầu lao động

7.1.1. Cầu lao động của cá nhân hãng

7.1.2. Đường cầu lao động thị trường

7.1.3. Sự dịch chuyển của đường cầu lao động

7.2. Cung lao động

7.2.1. Cung lao động cá nhân

7.2.2. Đường cung lao động của thị trường

7.2.3. Sự dịch chuyển của đường cung lao động

7.3. Cân bằng trong thị trường lao động cạnh tranh

7.3.1 Cân bằng thị trường lao động cạnh tranh

7.3.2. Sự thay đổi của trạng thái cân bằng trong thị trường lao động

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương XI; trang 411 - 417; 421 - 426
2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương VI; trang 177 -201
3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VII
4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VII; trang 136 -152 các bài tập 7.1 – 7.14

CHƯƠNG 8: CÁC THẤT BẠI CỦA THỊ TRƯỜNG

Trong các chương trước chúng ta nghiên cứu kinh tế thị trường hoạt động trên cơ sở tương tác của các lực lượng cung và cầu, theo đó, nền kinh tế thị trường hoạt động hiệu quả và giải quyết tương đối tốt ba vấn đề kinh tế cơ bản. Tuy nhiên, có một số trường hợp mà bản thân kinh tế thị trường không thể giải quyết được để đạt được trạng thái tối ưu nhất mà cần phải có sự can thiệp của Chính phủ. Chương này sẽ nghiên cứu các tình huống (thất bại thị trường) cần có vai trò can thiệp của Chính phủ.

Nội dung:

8.1. Hoạt động của thị trường

8.1.1. Điểm hiệu quả Pareto

8.1.2. Các nguyên nhân dẫn đến thất bại thị trường

8.2. Các thất bại của thị trường và cách khắc phục của Chính phủ

8.2.1. Các ngoại ứng

8.2.2. Hàng hoá công cộng

8.2.3. Cạnh tranh không hoàn hảo

8.2.4. Phân phối thu nhập không công bằng

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân: Chương XI;

trang 495-530

2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010: Chương VII; trang 218- 227

3. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Hướng dẫn thực hành Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương XIII

4. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Bài tập Kinh tế vi mô, NXB LĐ-XH, 2010: Chương VIII; trang 153 -162 các bài tập 8.1 – 8.6

1. GIÁO TRÌNH:

1. Đại học Kinh tế quốc dân, Giáo trình Kinh tế học, 2012 (Xuất bản kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Đại học KTQD), NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

2. Bộ môn Kinh tế vi mô (ĐH KTQD), Kinh tế vi mô- Giáo trình chuẩn dùng trong các trường ĐH và Cao đẳng, NXB Giáo dục, 2010

2. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Doornbusch, Economics, XB lần thứ ba, 1991, McGraw Hill

2. Michael Parkin, Microeconomics - XB lần thứ tư, 1990, Addison-Wesley

3. Robert S. Pindyck, Daniel L. Rubinfeld, Microeconomics, XB lần thứ hai, 1992, Macmillan

4. Paul A. Samuelson & William D. Nordhaus, Economics, XB lần thứ 14, McGraw Hill, 1992

5. Bradley R. Schiller, The Microeconomy today, XB lần thứ tư, Randan House, 1989

3. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN:

Kết quả môn học dựa trên điểm thi hết môn (70%), bài kiểm tra giữa kỳ (20%) và điểm tham gia thảo luận trên lớp (10%).

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Kinh tế Vĩ mô 1

Tiếng Anh: Macroeconomics 1

Mã học phần: KHMA1101

Số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế Vĩ mô

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ MÔN HỌC:

Học phần này giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô để giúp sinh viên hiểu được sự vận hành của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên sẽ được giới thiệu các khái niệm cũng như nguyên lý hạch toán cơ bản về thu nhập quốc dân, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát, thất nghiệp, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán. Ngoài ra, sinh viên cũng được tiếp cận với những mô hình đơn giản nhất và vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô trong việc xác định thu nhập, lạm phát hay thất nghiệp trong nền kinh tế.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu chính của học phần nhằm giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ và nguyên lý cơ bản về hoạt động của nền kinh tế tổng thể. Sinh viên cũng sẽ được trang bị công cụ để mô tả và giải thích các vấn đề trên.

Cụ thể, mục đích của học phần là giúp sinh viên:

- Hiểu được khái niệm, đo lường và các nhân tố quyết định tăng trưởng, lạm phát và thất nghiệp.

- Hiểu được những ý tưởng ban đầu về vai trò của các chính sách tài khóa, tiền tệ

và tỷ giá hối đoái trong nền kinh tế thị trường.

- Có cách nhìn các vấn đề qua lăng kính của nhà kinh tế học.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Chữa bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1	3	3	0	Giảng đường cần có micro và máy chiếu
2	Chương 2	7	4	3	
3	Chương 3	6	4	2	
4	Chương 4	7	4	3	
5	Chương 5	7	4	3	
6	Chương 6	5	3	2	
7	Chương 7	5	3	2	
8	Chương 8	5	3	2	
	Cộng	45	28	17	

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH VĨ MÔ

Chương này giới thiệu các vấn đề cơ bản nhất về kinh tế vĩ mô: đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế vĩ mô.

- 1.1. Đối tượng và nội dung
- 1.2. Phương pháp nghiên cứu

CHƯƠNG 2: ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG VÀ MỨC GIÁ

Chương này giới thiệu định nghĩa, đo lường, cách tính GDP và CPI và cách sử dụng hai chỉ tiêu này trong phân tích kinh tế

2.1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP)

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Các phương pháp tính GDP

2.1.3. Các thước đo khác về thu nhập quốc dân: GNP, NNP, Thu nhập quốc dân, và thu nhập khả dụng.

2.1.4. GDP danh nghĩa, thực tế và chỉ số điều chỉnh GDP

2.1.5. GDP thực tế và phúc lợi kinh tế

2.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phương pháp tính CPI

2.2.3. Phân biệt CPI và chỉ số điều chỉnh GDP

2.2.4. Bài tập thực hành

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 14
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 2
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 23 & 24.
- 4.

CHƯƠNG 3 : TỔNG CUNG VÀ TỔNG CẦU

Chương này giới thiệu mô hình tổng cung- tổng cầu và cách sử dụng mô hình này để giải thích những biến động kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn và vai trò của các chính sách nhằm bình ổn nền kinh tế

3.1. Mô hình tổng cung và tổng cầu

1. Tổng cầu của nền kinh tế
2. Tổng cung của nền kinh tế
3. Xác định sản lượng và mức giá

3.2. Giải thích biến động kinh tế và vai trò của các chính sách ổn định

1. Các cú sốc cầu
2. Các cú sốc cung

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 18
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 6
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 33.

CHƯƠNG 4 : TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA

Chương này đi sâu giải thích tổng cầu của nền kinh tế: Các thành tố của tổng cầu, các nhân tố quyết định tổng cầu và vai trò của tổng cầu trong việc quyết định sản lượng khi nền kinh tế còn nhiều nguồn lực nhàn rỗi. Những ý tưởng ban đầu về chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ cũng được đề cập trong chương này.

4.1. Mô hình giao điểm Keynes

4.1.1. Đường AE và xác định sản lượng cân bằng

4.1.1.1. Số nhân chi tiêu

4.2. Các nhân tố quyết định tổng chi tiêu

4.2.1. Tiêu dùng

4.2.2. Đầu tư

4.2.3. Chi tiêu chính phủ

4.2.4. Xuất khẩu ròng

4.3. Mô hình AE và xác định sản lượng cân bằng trong nền kinh tế giản đơn

4.3.1. Đường AE

4.3.2. Sản lượng cân bằng

4.3.3. Số nhân chi tiêu

4.4. Mô hình AE và xác định sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế đóng có sự tham gia của chính phủ

4.4.1. Đường AE

4.4.2. Sản lượng cân bằng

4.4.3. Số nhân chi tiêu và số nhân thuế

4.5. Mô hình AE và xác định sản lượng cân bằng trong một nền kinh tế mở

4.5.1. Đường AE

4.5.2. Sản lượng cân bằng

4.5.3. Số nhân chi tiêu

4.6. Chính sách tài khóa

4.6.1. Chính sách tài khóa chủ động

4.6.2. Chính sách tài khóa và thâm hụt ngân sách chính phủ

4.6.3. Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 19
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 7
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 34.
- 4.

CHƯƠNG 5 : TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

Chương này thảo luận một số vấn đề cơ bản về tiền, cấu trúc của hệ thống tiền tệ, vai trò của ngân hàng trung ương trong việc kiểm soát cung tiền và tác động của sự thay đổi trong cung ứng tiền tệ tới các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như lãi suất, đầu tư, tổng cầu, sản lượng và mức giá.

5.1. Giới thiệu tổng quan về tiền

- 5.1.1. Khái niệm
- 5.1.2. Các chức năng
- 5.1.3. Các loại tiền
- 5.1.4. Đo lường tổng lượng tiền

5.2. Cung tiền

- 5.2.1. Ngân hàng thương mại và cung ứng tiền tệ
- 5.2.2. Mô hình về cung tiền
- 5.2.3. Các công cụ điều tiết cung tiền của ngân hàng trung ương.

5.3. Cầu tiền

- 5.3.1. Các động cơ giữ tiền
- 5.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu về tiền
- 5.4. Thị trường tiền tệ và xác định lãi suất

5.4.1. Đường cung tiền

5.4.2. Đường cầu tiền

5.4.3. Xác định lãi suất cân bằng

5.5. Chính sách tiền tệ

- 5.5.1. Tác động của sự thay đổi cung tiền đến lãi suất, đầu tư, sản lượng và mức giá
- 5.5.2. Các nhân tố quyết định hiệu quả của chính sách tiền tệ

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 20

2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 8

3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 34.

CHƯƠNG 6 : THẤT NGHIỆP

Chương này bàn về định nghĩa, đo lường và các nguyên nhân gây ra thất nghiệp cũng như tác động của thất nghiệp đến nền kinh tế.

6.1. Khái niệm và đo lường

6.2. Thất nghiệp tự nhiên

6.2.1. Thất nghiệp tạm thời

6.2.2. Thất nghiệp cơ cấu

6.2.3. Thất nghiệp theo lý thuyết cổ điển

6.3. Thất nghiệp chu kỳ

6.4. Tác động của thất nghiệp

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 17

2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 5

3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 28.

CHƯƠNG 7: LẠM PHÁT

Chương này bàn về định nghĩa, đo lường và các nguyên nhân gây ra lạm phát cũng như tác động của lạm phát đến nền kinh tế.

7.1. Khái niệm và Đo lường

7.2. Các nguyên nhân gây ra lạm phát

7.2.1. Lạm phát do cầu kéo

7.2.2. Lạm phát do chi phí đẩy

7.2.3. Lạm phát dự kiến

7.2.4. Tiền tệ và lạm phát

7.3. Tác động của lạm phát:

7.3.1. Chi phí của lạm phát

7.3.1. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 22
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 9
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 29.

CHƯƠNG 8: KINH TẾ VĨ MÔ VỀ NỀN KINH TẾ MỞ

Chương này giới thiệu những khái niệm cơ bản về nền kinh tế mở như cán cân thanh toán, thị trường ngoại hối và tỉ giá hối đoái, tác động của sự thay đổi tỉ giá hối đoái đến nền kinh tế.

8.1. Cán cân thanh toán

8.2. Tỉ giá hối đoái

8.2.1. Tỷ giá hối đoái danh nghĩa và tỷ giá hối đoái thực tế

8.2.2. Thị trường ngoại hối và xác định tỉ giá hối đoái

8.2.3. Tác động của sự thay đổi tỉ giá hối đoái đến nền kinh tế

8.3. Các hệ thống tỷ giá hối đoái.

8.3.1. Hệ thống tỷ giá thả nổi

8.3.2. Hệ thống tỷ giá cố định

8.3.3. Hệ thống tỷ giá thả nổi có quản lý

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình Kinh tế học (tập II), Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012, Chương 27
2. Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012, Chương 10
3. N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004, Ch 30.

7. GIÁO TRÌNH:

Giáo trình Kinh tế học, Tập II, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2012

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

–Nguyễn Văn Công (Chủ biên), Bài tập Nguyên lý Kinh tế học vĩ mô, Nxb Lao động, 2012

–N. Gregory Mankiw, Principles of Economics, International Student Edition, Third Edition, Thomson, 2004.

–Joseph E. Stiglitz & Carl E. Walsh, Economics, Third Edition, Norton & Company, 2002.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN:

Kết quả học phần dựa trên điểm chuyên cần (10%), 1 bài kiểm tra giữa kỳ (20%) và điểm thi hết môn (70%).

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Đã ký)

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: **Pháp luật đại cương**

Tiếng Anh: **Fundamentals of Laws**

Mã học phần: LUCS1108

Tổng số tín chỉ: **02**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Pháp luật cơ sở

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật: (1) Nguồn gốc, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử, nhà nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chức năng của nhà nước Việt Nam, hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2) Nguồn gốc của pháp luật, bản chất của pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; (3) Khái niệm về hình thức pháp luật, các hình thức pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam. (4) Giới thiệu cho người học về các lĩnh vực pháp luật của Việt Nam: pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính, pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự; pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự; pháp luật kinh tế; pháp luật sở hữu trí tuệ; pháp luật lao động; pháp luật tài chính; pháp luật về đất đai và môi trường; và (5) trang bị cho người học kiến thức cơ bản của pháp luật quốc tế.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Trang bị cho sinh viên những khái niệm pháp lý cơ bản, những vấn đề thuộc kiến thức pháp lý có tổ chức nền tảng mà xã hội đòi hỏi mỗi công dân có trình độ đều phải có như: nguồn gốc, bản chất của nhà nước nói chung và nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng, xác định nội hàm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của mỗi cơ quan trong bộ máy nhà nước, mối quan hệ giữa nhà nước và các thiết chế khác trong hệ thống chính trị của Việt Nam. Trang bị những kiến thức cơ bản nhất về pháp luật như: Khái niệm, bản chất của pháp luật, cơ sở hình thành pháp luật; sự tác động của pháp luật đến các mối quan hệ xã hội, hậu quả của việc áp dụng pháp luật; thẩm quyền và thủ tục áp dụng pháp luật; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam; các lĩnh vực pháp luật cơ bản của Việt Nam: quản lý nhà nước, công chức, viên chức, công vụ, vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; quyền và nghĩa vụ cơ bản của các chủ thể trong các quan hệ tài sản, nhân thân, vấn đề về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thừa kế, tội phạm, các loại tội phạm, tính chất của tội phạm, hình phạt và nguyên tắc áp dụng hình phạt trong hình sự; pháp luật về chủ thể kinh doanh và pháp luật điều chỉnh hành vi kinh doanh của các chủ thể kinh doanh; tài sản trí tuệ và các phương thức bảo vệ tài sản trí tuệ; pháp luật về ngân sách và phân bổ ngân sách; điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ sử dụng đất và bảo vệ môi trường; điều chỉnh pháp luật đối với quan hệ lao động, và những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế bao gồm: công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế.

6. NỘI DUNG

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIẾT	LÝ THUYẾT	BT, TL, KIỂM TRA	GHI CHÚ
1	Chương 1	9	5	4	
2	Chương 2	9	4	5	
3	Chương 3	9	4	5	
4	Chương 4	9	4	5	
5	Chương 5	9	5	4	
	TỔNG SỐ	45	22	23	

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

Tóm tắt nội dung của chương 1

Chương 1 giới thiệu với người học những nội dung cơ bản nhất về nhà nước nói chung và nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Nguồn gốc của nhà nước, bản chất của nhà nước, kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử; nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự hình thành và phát triển của nhà nước Việt Nam, bản

chất của nhà nước Việt Nam, các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của nhà nước Việt Nam, và hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam.

1.1. Những vấn đề lý luận về nhà nước

1.1.1. Nguồn gốc ra đời của nhà nước

1.1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước

1.1.3. Chức năng của nhà nước

1.1.4. Kiểu nhà nước

1.1.5. Hình thức nhà nước

1.2. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.2. Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.3. Các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.2.4. Các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tài liệu tham khảo chương 1:

- Hiến pháp 2013;

- Luật tổ chức Quốc hội 2014 ;

- Luật tổ chức Chính phủ 2001;

- Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2014;

- Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân 2014;

- Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 2003;

Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

Tóm tắt nội dung của chương 2

Nội dung chương này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản như: nguồn gốc ra đời của pháp luật, khái niệm, các đặc điểm cơ bản của pháp luật; quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, chủ thể của quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

2.1. Những vấn đề chung về pháp luật

2.1.1. Nguồn gốc ra đời của pháp luật

2.1.2. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật

2.1.3. Vai trò của pháp luật

2.2. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật

2.2.1. Quy phạm pháp luật

2.2.2.1. Khái niệm quy phạm pháp luật

2.2.2.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật

2.2.3. Quan hệ pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật

2.2.3.2. Thành phần của quan hệ pháp luật

2.2.3.3. Sự kiện pháp lý

2.2.4. Thực hiện pháp luật

2.2.4.1. Khái niệm, đặc điểm của ý thức pháp luật

2.2.4.2. Vai trò của ý thức pháp luật đối với hoạt động thực hiện pháp luật

2.2.4.3. Giáo dục và hoàn thiện ý thức pháp luật

2.2.5. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

2.2.5.1. Vi phạm pháp luật

2.2.5.1.1. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật

2.2.5.1.2. Các loại vi phạm pháp luật

2.2.5.2. Trách nhiệm pháp lý

2.2.5.2.1. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý

2.2.5.2.2. Cơ sở áp dụng trách nhiệm pháp lý

2.2.5.2.3. Các loại trách nhiệm pháp lý

2.3. Hình thức pháp luật

2.3.1. Khái niệm hình thức pháp luật

2.3.2. Các hình thức pháp luật

2.3.3. Văn bản quy phạm pháp luật

2.3.3.1. Khái niệm, đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật

2.3.3.2. Nguyên tắc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

2.3.3.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam

Tài liệu tham khảo chương 2:

- Luật xử lý vi phạm hành chính 2012

- Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009

- Bộ luật dân sự 2005
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân 2004.

Chương 3. LĨNH VỰC PHÁP LUẬT CÔNG

Tóm tắt nội dung của chương 3

Nội dung chương này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về lĩnh vực pháp luật công như: xác định được đối tượng, phương pháp điều chỉnh của hệ thống pháp luật công; các quan hệ pháp luật thuộc lĩnh vực pháp luật công, chủ thể của các quan hệ thuộc lĩnh vực pháp luật công,...: cơ quan hành chính, thủ tục hành chính, tổ tụng hành chính; quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; chủ thể quản lý đất đai, quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai; quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường; các loại tội phạm, hệ thống hình phạt theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, nguyên tắc áp dụng hình phạt, thủ tục áp dụng hình phạt; ...

3.1. Luật hành chính

3.1.1. Những vấn đề chung về luật hành chính

3.1.1.1. Khái niệm chung về pháp luật Hành chính

3.1.1.1.1. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật Hành chính

3.1.1.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính

3.1.1.1.3. Hệ thống Luật Hành chính

3.1.1.1.4. Luật Hành chính với chương trình cải cách hành chính quốc gia

3.1.1.2. Quan hệ pháp luật hành chính

3.1.2. Một số nội dung cơ bản của luật hành chính

3.1.2.1. Cơ quan hành chính nhà nước

3.1.2.2. Quy chế pháp lý hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức

3.1.2.3. Quy chế pháp lý hành chính đối với tổ chức xã hội, công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch

3.1.2.4. Thủ tục hành chính

3.1.2.5. Pháp luật về thực hành tiết kiệm và phòng chống tham nhũng

3.1.2.6. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính

3.1.2.7. Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo

3.1.2.8. Pháp luật tố tụng hành chính

3.2. Luật tố tụng hành chính

3.2.1. Những vấn đề chung về tố tụng hành chính

3.2.1.1. Khiếu kiện hành chính

3.2.1.2. Pháp luật tố tụng hành chính

3.2.2. Thủ tục giải quyết các khiếu kiện hành chính (Vụ án hành chính)

3.3. Luật tài chính

3.3.1. Khái quát về pháp luật tài chính

3.3.1.1. Khái niệm pháp luật tài chính

3.3.1.2. Nguồn của luật tài chính

3.3.2. Các nội dung cơ bản của pháp luật tài chính

3.3.2.1. Pháp luật ngân sách nhà nước

3.3.2.2. Pháp luật thuế

3.4. Pháp luật đất đai

3.4.1. Những vấn đề chung về pháp luật đất đai

3.4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về đất đai

3.4.1.2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật về đất đai

3.4.2. Nội dung cơ bản của pháp luật đất đai

3.4.2.1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai và các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai

3.4.2.2. Người sử dụng đất, các hình thức sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

3.4.2.3. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai

3.5. Pháp luật môi trường

3.5.1. Những vấn đề chung về Luật môi trường

3.5.1.1. Khái niệm pháp luật về môi trường

3.5.1.2. Vai trò của pháp luật về môi trường

3.5.1.3. Nguyên tắc của pháp luật về môi trường

3.5.2. Một số nội dung cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường

3.5.2.1. Pháp luật về kiểm soát các lĩnh vực môi trường

3.5.2.2. Pháp luật về xử lý các vi phạm trong lĩnh vực môi trường

3.6. Luật hình sự Việt Nam

3.6.1. Khái quát về Luật hình sự Việt Nam

3.6.1.1. Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của LHSVN

3.6.1.2 Bộ luật hình sự Việt Nam

3.6.2 . Tội phạm

3.6.2.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại tội phạm.

3.6.2.2 Cấu thành tội phạm

3.6.2.3. Các giai đoạn thực hiện tội phạm.

3.6.2.4 Đồng phạm

3.6.2.5 Các tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi

3.6.2.6. Các tội phạm theo quy định của pháp luật Việt Nam

3.6.3 Hình phạt và thi hành hình phạt

3.6.3.1 Khái niệm, đặc điểm hình phạt

3.6.3.2 Hệ thống hình phạt và biện pháp tư pháp

3.6.3.3 Quyết định hình phạt

3.6.3.4 Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt

3.6.3.5 Trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội

3.7. Luật tố tụng hình sự Việt Nam

3.7.1 Khái quát chung về Luật tố tụng hình sự Việt Nam

3.7.2 Các giai đoạn của tố tụng hình sự

Tài liệu tham khảo chương 3:

- Luật tổ chức Chính phủ 2003
- Luật xử lý vi phạm hành chính 2012
- Luật khiếu nại 2011
- Luật tố cáo 2011
- Luật tố tụng hành chính 2010
- Luật cán bộ công chức 2008
- Luật viên chức 2010

- Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí - 26/11/2013
- Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009;
- Bộ luật tố tụng hình sự 2003
- Luật đất đai 2013.
- Luật môi trường 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2014

Chương 4: LĨNH VỰC PHÁP LUẬT TƯ

Tóm tắt nội dung của chương 4

Nội dung chương này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất của lĩnh vực pháp luật tư như: Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của luật dân sự; tài sản và quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nhận diện về tố tụng dân sự, thẩm quyền và thủ tục giải quyết vụ án dân sự; những kiến thức về pháp luật sở hữu trí tuệ như: quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, vật nuôi, nội dung bảo hộ các quyền này, xác định các hành vi vi phạm sở hữu trí tuệ và biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; những kiến thức cơ bản nhất về pháp luật lao động: nguyên tắc của quan hệ pháp luật lao động, chủ thể của quan hệ pháp luật lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, tiền lương, hợp đồng lao động, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, tranh chấp lao động và vấn đề đình công, giải quyết đình công.

4.1. Luật dân sự Việt Nam

4.1.1. Khái niệm chung về Luật dân sự

4.1.1. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

4.1.2. Luật dân sự và hệ thống Luật dân sự

4.1.2. Những nội dung cơ bản của luật dân sự

4.1.2.1. Tài sản và quyền sở hữu

4.1.2.2. Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự

4.1.2.3. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

4.2. Luật tố tụng dân sự Việt Nam

4.2.1.. Những vấn đề chung về luật Tố tụng dân sự

4.2.2. Chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

4.2.3. Thẩm quyền của tòa án trong giải quyết vụ việc dân sự

4.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự

4.3. Pháp luật sở hữu trí tuệ

4.3.1 Khái quát chung về pháp luật sở hữu trí tuệ

4.3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của pháp luật về sở hữu trí tuệ

4.3.1.2. Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ

4.3.2. Các nội dung cơ bản của pháp luật sở hữu trí tuệ

4.3.2.1. Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan

4.3.2.2. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

4.3.2.3. Bảo hộ quyền đối với giống cây trồng mới

4.3.2.4. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

4.4. Pháp luật lao động

4.4.1. Những vấn đề chung về pháp luật lao động

4.4.1.1. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật lao động

4.4.1.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động.

4.4.1.3. Ngành luật lao động trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

4.4.2. Các nội dung cơ bản của pháp luật lao động.

4.4.2.1. Hợp đồng lao động.

4.4.2.2. Thỏa ước lao động

4.4.2.3. Tiền lương

4.4.2.4. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

4.4.2.5. Kỷ luật lao động

4.4.2.6. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động

4.4.2.7. Đình công và giải quyết đình công

4.5. Pháp luật trong kinh doanh

4.5.1. Những vấn đề chung về chủ thể kinh doanh

4.5.1.1. Một số khái niệm cơ bản: chủ thể kinh doanh, doanh nghiệp, kinh doanh

4.5.1.2. Phân loại chủ thể kinh doanh

4.5.1.3. Điều kiện, thủ tục thành lập doanh nghiệp

4.5.2. Các hình thức tổ chức kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt

Nam

4.5.2.1. Doanh nghiệp tư nhân

4.5.2.2. Công ty hợp danh

4.5.2.3. Công ty cổ phần

4.5.2.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên

4.5.2.5. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

4.5.2.6. Các hình thức tổ chức kinh doanh khác

4.5.3. Pháp luật về hợp đồng thương mại

4.5.3.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp đồng thương mại

4.5.3.2. Các hợp đồng thương mại chủ yếu

Tài liệu tham khảo chương 4:

- Bộ luật dân sự 2005

- Bộ luật tố tụng dân sự 2004 được sửa đổi bổ sung một số điều năm 2011.

- Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bộ luật Lao động do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2012.

- Bộ luật Dân sự do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005.

- Luật Bảo hiểm xã hội do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006.

- Luật doanh nghiệp 2005, 2014;

- Luật thương mại 2005

Chương 5: PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

Tóm tắt nội dung của chương 5

Nội dung chương này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất của pháp luật quốc tế: chủ thể của công pháp quốc tế, cơ chế thực thi các quy phạm của công pháp quốc tế, các nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế; một số nội dung cơ bản của tư pháp quốc tế.

5.1. Những vấn đề chung về pháp luật quốc tế

5.2. Công pháp quốc tế

5.2.1 Những vấn đề chung về pháp luật quốc tế và công pháp quốc tế

5.2.1.1 Những vấn đề chung về pháp luật quốc tế

a. Khái niệm pháp luật quốc tế

b. Nguồn của pháp luật quốc tế

5.2.1.2 Những vấn đề chung về công pháp quốc tế

a. Khái niệm

b. Chủ thể của công pháp quốc tế

c. Cơ chế thực thi các quy phạm công pháp quốc tế

d. Các nguyên tắc cơ bản của công pháp quốc tế

5.2.2 Một số nội dung cơ bản của công pháp quốc tế

5.2.2.1. Dân cư trong luật quốc tế

5.2.2.2. Lãnh thổ quốc gia

5.2.2.3. Luật biển quốc tế

5.2.2.4. Luật hàng không quốc tế

5.2.2.5. Tổ chức quốc tế và Hội nghị quốc tế

5.2.2.6. Luật ngoại giao và lãnh sự

5.2.2.7. Giải quyết tranh chấp quốc tế và cơ quan tài phán quốc tế

5.2.2.8 Trách nhiệm pháp lý quốc tế

5.3. Tư pháp quốc tế

5.3.1 Giới thiệu chung về Tư pháp quốc tế

5.3.1.1. Khái niệm tư pháp quốc tế

a. Đối tượng điều chỉnh

b. Phạm vi điều chỉnh

c. Phương pháp điều chỉnh

5.3.1.2. Nguồn của tư pháp quốc tế

5.3.2 Một số nội dung cơ bản của Tư pháp quốc tế

5.3.2.1 Xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật

5.3.2.2 Xung đột thẩm quyền và giải quyết xung đột về thẩm quyền trong TPQT

5.3.2.3 Quyền sở hữu và thừa kế trong tư pháp quốc tế

5.3.2.4 Quan hệ lao động, hôn nhân gia đình trong tư pháp quốc tế

5.3.2.5 Tổ tụng dân sự quốc tế

5.3.2.6 Giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài bằng trọng tài

Tài liệu tham khảo chương 5

- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008

- Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế 2005

- Bộ luật dân sự 2005

7. GIÁO TRÌNH

- Giáo trình pháp luật đại cương – Khoa Luật – đại học kinh tế quốc dân;
- Giáo trình Luật Lao động Việt Nam. Chủ biên: PGS. Nguyễn Hữu Viện, Th.s Hoàng Xuân Trường; NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2011.
- Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật – Khoa Luật đại học Quốc gia Hà Nội 1997

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các văn bản pháp luật được chỉ dẫn ở phần tài liệu tham khảo cuối mỗi chương.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Tham dự từ 80% số giờ học trên lớp trở lên là điều kiện dự thi kết thúc học phần của sinh viên.

Điểm học phần được tính trên cơ sở điểm đánh giá của giảng viên (10%), điểm trung bình của 2 lần kiểm tra định kỳ học phần (hoặc làm bài tập nhóm) (40%) và điểm thi kết thúc học phần (50%).

Việc chấm điểm sử dụng thang điểm 10. Điểm kiểm tra định kỳ học phần, điểm đánh giá của giảng viên lấy điểm nguyên. Điểm thi kết thúc học phần lấy lẻ đến 0,5. Điểm học phần lấy lẻ đến một chữ số thập phân.

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN
(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Toán cho các nhà kinh tế

Tiếng Anh: Mathematics for Economics

Mã học phần: **TOCB 1105** Số tín chỉ: **03**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Toán cơ bản

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản của Đại số tuyến tính. Học phần là kiến thức đại số tối thiểu, cần thiết cho các nhà kinh tế. Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và công cụ tính toán hữu hiệu đối với hệ phương trình tuyến tính, ma trận, định thức, dạng toàn phương, xây dựng nền tảng toán học cơ bản cho nhiều môn học khác.

Học phần gồm 4 chương. Chương 1 trình bày về Không gian vectơ (số học) n chiều; Chương 2 đề cập đến Ma trận, Định thức; Chương 3 trình bày về lý thuyết Hệ phương trình tuyến tính và chương cuối trình bày các kiến thức cơ bản về Dạng toàn phương.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

* Về kiến thức: Sinh viên cần nắm vững các khái niệm cơ bản liên quan đến không gian vectơ n chiều và có kỹ năng tính toán tốt đối với các phép toán vectơ, ma trận, định thức. Sinh viên cũng cần nắm vững các phương pháp giải, các kết quả định tính đối với hệ phương trình tuyến tính, phép biến đổi tuyến tính trong không gian vectơ n chiều. Sinh viên cũng cần tham khảo thêm chương Dạng toàn phương để hiểu sâu hơn các kết quả về bài toán cực trị hàm nhiều biến trong học phần Toán cho kinh tế 2.

* Về thực hành: Kết thúc học phần này, sinh viên cần thực hiện tốt các phép toán đối với ma trận, định thức, giải thành thạo hệ phương trình tuyến tính và biết cách áp dụng các kiến thức được trang bị vào một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế.

* Về kỹ năng: Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc độc lập hoặc

làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1	10	8	2	
2	Chương 2	12	8	4	
3	Chương 3	10	8	2	
4	Chương 4	10	9	3	
	Kiểm tra HP	3	0	1	
	Cộng	45	33	12	

CHƯƠNG I: KHÔNG GIAN VECTƠ N CHIỀU

Chương 1 trình bày các kiến thức cơ bản trong không gian vectơ n chiều: Các phép toán, các tính chất cơ bản của vectơ, khái niệm không gian vectơ, không gian con và cơ sở của không gian vectơ.

1.1. Hệ phương trình tuyến tính và phương pháp khử ẩn liên tiếp

1.1.1. Các khái niệm cơ bản về hệ phương trình tuyến tính

1.1.2. Phương pháp khử ẩn liên tiếp

1.2. Vectơ n chiều và không gian vectơ

1.2.1. Khái niệm vectơ n chiều và các phép toán đối với vectơ

1.2.2. Khái niệm không gian vectơ n chiều - Không gian con

1.3. Các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vectơ

1.3.1. Khái niệm tổ hợp tuyến tính và biểu diễn tuyến tính

1.3.2. Sự độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính

1.3.3. Các định lý cơ bản về sự độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính

1.4. Cơ sở của không gian vectơ

1.4.1. Cơ sở của không gian vectơ n chiều và tọa độ của vectơ trong cơ sở

1.4.2. Cơ sở của không gian con

1.5. Hạng của hệ vectơ

1.5.1. Khái niệm cơ sở và hạng của hệ vectơ

1.5.2. Các định lý cơ bản về hạng của hệ vectơ

Tài liệu tham khảo của chương 1:

1) LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, chương 2.

2) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

3) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục, chương 5.

4) ALPHA C. CHIANG (1995), Fundamental Methods of Mathematical Economics, Third edition, Mc. Graw-Hill, Inc, chương 2.

5) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANANIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambridge, Massachusetts, London, England, chương 7.

CHƯƠNG II: MA TRẬN VÀ ĐỊNH THỨC

Chương 2 đề cập đến các khái niệm cơ bản và các phép toán đối với ma trận, định thức: Các phép toán cộng, trừ các ma trận, nhân một số với ma trận, nhân các ma trận, ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận, giải phương trình ma trận, cách tính định thức cấp n và các tính chất của định thức.

2.1. Ma trận và các phép toán tuyến tính đối với ma trận

2.1.1. Các khái niệm cơ bản về ma trận

2.1.2. Các phép toán tuyến tính đối với ma trận

2.1.3. Các phép biến đổi đối với ma trận

2.2. Định thức

2.2.1. Hoán vị của n số tự nhiên đầu tiên

2.2.2. Định nghĩa định thức cấp n

2.2.3. Các tính chất cơ bản của định thức

2.3. Các phương pháp tính định thức

2.3.1. Phương pháp khai triển

2.3.2. Phương pháp biến đổi

2.4. Phép nhân ma trận và ma trận nghịch đảo

2.4.1. Phép nhân các ma trận

2.4.2. Ma trận nghịch đảo

2.4.3. Ứng dụng để giải phương trình ma trận

2.5. Hạng của ma trận

2.5.1. Khái niệm hạng của ma trận

2.5.2. Các định lý về hạng của ma trận

2.5.3. Các phương pháp tìm hạng của ma trận và ứng dụng khảo sát hệ vectơ

Tài liệu tham khảo của chương 2:

1) LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, chương 3.

2) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

3) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục, chương 3.

4) ALPHA C. CHIANG (1995), Fundamental Methods of Mathematical Economics, Third edition, Mc. Graw-Hill, Inc, chương 2.

5) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambridge, Massachusetts, London, England, chương 8, chương 9.

CHƯƠNG III: HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH

Chương 3 đề cập đến lý thuyết tổng quát về hệ phương trình tuyến tính: Định lý tồn tại nghiệm, phương pháp định thức giải hệ phương trình tuyến tính, không gian nghiệm của hệ phương trình tuyến tính thuần nhất và ứng dụng vào một số các mô hình tuyến tính trong kinh tế: mô hình cân bằng thị trường, mô hình IS – LM, mô hình Input- Output.

3.1. Hệ phương trình Cramer

3.1.1. Hệ phương trình Cramer và phương pháp ma trận nghịch đảo

3.1.2. Quy tắc Cramer

3.2. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát.

3.2.1. Điều kiện tồn tại nghiệm

3.2.2. Phương pháp định thức giải hệ phương trình tuyến tính

3.3. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất

3.3.1. Điều kiện tồn tại nghiệm không tầm thường

3.3.2. Không gian con nghiệm - Hệ nghiệm cơ bản

3.3.3. Mối liên hệ với hệ không thuần nhất

3.4. Một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế

3.4.1. Mô hình cân bằng thị trường

3.4.2. Mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô và mô hình IS – LM (Tham khảo)

3.4.3. Mô hình Input-Output

Tài liệu tham khảo của chương 3:

- 1) LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, chương 4.
- 2) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.
- 3) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục, chương 3.
- 4) ALPHA C. CHIANG (1995), Fundamental Methods of Mathematical Economics, Third edition, Mc. Graw-Hill, Inc, chương 2.
- 5) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambridge, Massachusetts, London, England, chương 7.

CHƯƠNG IV: DẠNG TOÀN PHƯƠNG (Tham khảo)

Chương 4 đề cập đến các khái niệm cơ bản về phép biến đổi tuyến tính trong \mathbb{R}^n và về dạng toàn phương: phép biến đổi tuyến tính không suy biến, phép biến đổi tuyến tính tích, phương pháp đưa một dạng toàn phương về dạng chính tắc và các tiêu chuẩn nhận biết dạng toàn phương xác định dương, xác định âm.

4.1. Các khái niệm cơ bản về dạng toàn phương

- 4.1.1. Dạng toàn phương và biểu diễn ma trận của dạng toàn phương
- 4.1.2. Dạng toàn phương chính tắc

4.2. Biến đổi dạng toàn phương về dạng chính tắc

- 4.2.1. Biến đổi dạng toàn phương bằng các phép biến đổi tuyến tính
- 4.2.2. Phương pháp biến đổi dạng toàn phương về dạng chính tắc
- 4.2.3. Luật quán tính

4.3. Dạng toàn phương xác định

- 4.3.1. Khái niệm dạng toàn phương xác định
- 4.3.2. Giá trị riêng của ma trận
- 4.3.3. Các tiêu chuẩn nhận biết dạng toàn phương xác định

Tài liệu tham khảo của chương 4:

- 1) LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, chương 5.
- 2) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

3) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục, chương 8.

4) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambridge, Massachusetts, London, England, chương 10.

7. GIÁO TRÌNH

LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), Toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) BỘ MÔN TOÁN CƠ BẢN (2011), Bài tập toán cao cấp cho các nhà kinh tế, NXB Thống kê.

2) NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐĨNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), Toán cao cấp 1, NXB Giáo dục.

3) ALPHA C. CHIANG (1995), Fundamental Methods of Mathematical Economics, Third edition, Mc. Graw-Hill, Inc.

4) MICHAEL HOY, JOHN LIVERNOIS, CHRIS MC KENNA, RAY REES, THANASIS STENGO S (2001), Mathematics for Economics, The MIT Press Cambridge, Massachusetts, London, England.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Tham dự giờ giảng và làm bài tập: 10%

- Bài kiểm tra: 20%

- Bài thi cuối học kỳ: 70%

- Điều kiện dự thi hết học phần: Sinh viên không được nghỉ học quá 20% thời lượng học phần. Sinh viên nghỉ học vượt quá 20% thời lượng học phần thì phải học lại.

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Tống Thành Trung

GS.TS. Trần Thọ Đạt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh 1

Tiếng Anh: Business Management 1

Mã học phần: **QTTH1102** Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Quản trị kinh doanh tổng hợp

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế vi mô 1

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Quản trị kinh doanh 1 là học phần ở mức đại cương, chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ sở về kinh doanh và quản trị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Đó là những kiến thức chung nhất làm cơ sở để sinh viên có thể nghiên cứu sâu các kỹ năng cụ thể ở các học phần khác. Hai vấn đề cơ bản được nghiên cứu là kinh doanh và quản trị kinh doanh:

- Các vấn đề chung về kinh doanh: đối tượng thực hiện hoạt động kinh doanh, các vấn đề gắn với kinh doanh, môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả kinh doanh.

- Các kiến thức quản trị kinh doanh cơ sở như khái niệm, thực chất, nguyên tắc, phương pháp quản trị; kỹ năng, nghệ thuật và phong cách của các nhà quản trị; khái niệm, cách thức, phương pháp ra quyết định và các vấn đề về cấu trúc tổ chức doanh nghiệp.

Học phần Quản trị kinh doanh 1 được coi là cầu nối giữa các kiến thức lý thuyết (sinh viên đã được trang bị ở các học phần khoa học cơ bản như toán học, kinh tế học,...) với các học phần khoa học trang bị các kỹ năng cụ thể cho sinh viên như khởi sự kinh doanh, chiến lược kinh doanh, quản trị tác nghiệp, quản trị chất lượng, quản trị nhân lực, quản trị hậu cần, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính, quản trị chi phí kinh doanh,...

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở cần thiết về kinh doanh và quản trị kinh doanh, làm nền tảng để sinh viên có khả năng nghiên cứu và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu thuộc các lĩnh vực đào tạo cử nhân kinh tế, quản trị kinh

doanh và quản lý kinh tế.

Vì là cầu nối nên học phần Quản trị kinh doanh 1 không dừng ở mức trình bày các nguyên lý lý thuyết mang tính phổ biến và cũng không đi sâu vào các kỹ năng quản trị cụ thể mà trang bị cho sinh viên các kiến thức “cụ thể” đủ mức cần thiết để sinh viên có cơ sở tiếp thu các kiến thức quản trị chuyên sâu (kỹ năng cụ thể) ở các học phần khác.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Trong phạm vi thiết kế 3 tín chỉ cho học phần Quản trị kinh doanh 1 và căn cứ vào kiến thức cơ sở mà sinh viên cần am hiểu trước khi nghiên cứu sâu các kỹ năng quản trị kinh doanh, trong học phần Quản trị kinh doanh 1, sinh viên bắt buộc nghiên cứu 8 chương sau của Giáo trình Quản trị kinh doanh:

Số TT	Phần/Chương	Tên phần/chương	Phân bổ thời gian		
			Tổng số	Giảng	Bài tập, thảo luận, kiểm tra
1	Chương 1	Nhập môn quản trị kinh doanh	1	1	0
2	Chương 2	Kinh doanh	6	3	3
3	Chương 3	Môi trường kinh doanh	7	4	3
4	Chương 4	Hiệu quả kinh doanh	6	3	3
5	Chương 5	Khái lược về quản trị kinh doanh	7	4	3
6	Chương 6	Nhà quản trị	6	3	3
7	Chương 7	Ra quyết định quản trị	6	3	3
8	Chương 8	Cấu trúc tổ chức kinh doanh	6	3	3
<i>Tổng thời gian</i>			45	24	21

Chương 1. NHẬP MÔN QUẢN TRỊ KINH DOANH

Giới thiệu khái quát chương

Chương 1 bao hàm các kiến thức “nhập môn” với những nội dung rất cơ bản như đối tượng nghiên cứu của môn học Quản trị kinh doanh là các hoạt động kinh doanh do một doanh nghiệp tiến hành. Giải thích thực chất, nhiệm vụ cũng như vị trí của môn khoa học Quản trị kinh doanh trong hệ thống khoa học quản trị nói riêng và

khoa học xã hội nói riêng. Chương này cũng đề cập đến lịch sử phát triển môn học, cho người đọc bức tranh về sự phát triển tri thức của loài người về quản trị kinh doanh từ khi manh nha cho đến nay.

1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học quản trị kinh doanh

1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học

1.1.2. Kinh tế và nguyên tắc kinh tế

1.2. Quản trị kinh doanh với tư cách một môn khoa học

1.2.1. Thực chất và nhiệm vụ của môn khoa học quản trị kinh doanh

1.2.2. Vị trí của môn học quản trị kinh doanh trong hệ thống các môn khoa học xã hội

1.3. Quản trị kinh doanh với tư cách môn khoa học lý thuyết và ứng dụng

1.3.1. Phương pháp nghiên cứu của môn khoa học quản trị kinh doanh lý thuyết

1.3.2. Nguyên tắc lựa chọn của môn khoa học quản trị kinh doanh ứng dụng

1.4. Lịch sử phát triển môn học quản trị kinh doanh

1.4.1. Trước khi xuất hiện quản trị kinh doanh với tư cách môn khoa học độc lập

1.4.2. Quản trị kinh doanh phát triển với tư cách môn khoa học độc lập

Tài liệu tham khảo của chương

1. Nguyễn Cảnh Chất (dịch và biên soạn): Tinh hoa quản lí, Nxb Lao động-xã hội 2002
2. Drucker: Management. Revised ed. New York: HarperCollins, 2008
3. Gareth R. Jones, Jennifer M. George và Charles W. L. Hill: Management, second edition, 2000, Irwin McGraw-Hill
4. Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Wehrich: Những vấn đề cốt yếu của quản lý, Nxb Khoa học - kỹ thuật 1994, chương 1, tr.19-31
5. Subir Chowdhury: Quản lý trong thế kỷ 21, Nxb GTVT, 2006
6. Williams: Principles of Management. 3rd ed. Mason, OH: South-Western, 2011

Chương 2. KINH DOANH

Giới thiệu chương

Để hiểu rõ hơn bản chất, nội dung và phương pháp quản trị kinh doanh, việc nắm vững bản chất, nội dung các thuật ngữ: kinh doanh, doanh nhân, doanh nghiệp, quản trị kinh doanh và môi trường kinh doanh là hết sức quan trọng. Với cách tiếp cận

đó, chương 2 sẽ tập trung làm rõ một số vấn đề cơ bản về kinh doanh như: bản chất và mục tiêu hoạt động kinh doanh; phân loại hoạt động kinh doanh; chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp; mô hình kinh doanh và xu thế phát triển kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu.

2.1. Hoạt động kinh doanh

2.1.1 *Quan niệm về kinh doanh*

2.1.2 *Mục đích kinh doanh*

2.1.3 *Tư duy kinh doanh*

2.2 Phân loại hoạt động kinh doanh

2.2.1 *Phân loại theo ngành kinh tế - kỹ thuật*

2.2.2 *Phân loại theo loại hình sản xuất*

2.2.3 *Phân loại theo phương pháp tổ chức sản xuất*

2.2.4 *Phân loại theo hình thức pháp lý*

2.2.5 *Phân loại theo tính chất sở hữu*

2.2.6 *Phân loại theo tính chất đơn hay đa ngành*

2.2.7 *Phân loại theo tính chất kinh doanh trong nước hoặc quốc tế*

2.3 Chu kỳ kinh doanh

2.3.1 *Chu kỳ kinh tế*

2.3.2 *Chu kỳ kinh doanh*

2.4 Mô hình kinh doanh

2.4.1 *Khái niệm mô hình kinh doanh*

2.4.2 *Các yếu tố cấu thành mô hình kinh doanh*

Tài liệu tham khảo của chương

1. ISIC Rev.4 – Hệ thống Phân ngành chuẩn quốc tế đã được Ủy ban Thống kê Liên hiệp quốc thông qua tháng 3/2006.

2. Fritscher B, Pigneur Y (2010). Supporting business model modelling: A compromise between creativity and constraints. Lecture Notes in Computer Science, 5963, Springer-Verlag: 28-43.

3. Luật doanh nghiệp 2005 và Nghị định 139/2007/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

4. Luật hợp tác xã 2003 và Nghị định 88/2005/NĐ-CP về chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

5. Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, Tổng cục Thống kê, 2007.

Chương 3. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Giới thiệu chương

Doanh nghiệp là một hệ thống mở nên chịu tác động từ môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong nó. Môi trường kinh doanh với nhiều cấp độ khác nhau từ môi trường vĩ mô, môi trường vi mô và chính ngay bản thân môi trường nội bộ doanh nghiệp. Mỗi loại môi trường đó sẽ có những tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó mục tiêu của chương môi trường gồm:

- Hiểu được khái niệm môi trường kinh doanh và sự cần thiết của nghiên cứu môi trường kinh doanh;

- Nắm bắt được các cấp độ môi trường kinh doanh và nội dung nghiên cứu tương ứng: môi trường vĩ mô, môi trường vi mô, đặc biệt là môi trường kinh doanh toàn cầu hiện nay;

- Nhận dạng được một số đặc điểm của môi trường kinh doanh hiện nay ở Việt Nam. Từ đó có những suy nghĩ cho việc phải hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng tạo thuận lợi cho kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1. Khái lược về môi trường kinh doanh

3.1.1. Khái niệm môi trường kinh doanh

3.1.2. Sự cần thiết phải nhận thức đúng đắn môi trường kinh doanh

3.2. Các đặc trưng cơ bản của môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nước ta

3.2.1. Nền kinh tế nước ta xây dựng mang bản chất nền kinh tế thị trường

3.2.2. Các yếu tố thị trường ở nước ta đang được hình thành

3.2.3. Tư duy còn mang mủn, truyền thống, cũ kỹ

3.2.4. Môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Huyền, Bàn về qui mô kinh doanh với vấn đề hiệu quả, Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 10/2001, trang 4-6

2. PGS.TS.Nguyễn Ngọc Huyền (2009): Chiến lược kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

3. La gestion moderne, Une vision globale et intégrée, Pierre G.Bergeron- Suzie Marquis, Ed. Gaëtan Morin, 2004

4. Kinh doanh (Báo cáo phát triển Việt Nam 2006 – Báo cáo chung của các nhà tài trợ cho hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ Việt Nam, Hà Nội ngày 6-7 tháng 12 năm 2005

5. Nguyễn Hải Sản (2005): Quản trị học, Nxb Thống kê

6. Lawrence R. Jauch et William F. Glueck, Ed. Chenelière/McGraw-Hill: Management stratégique et politique générale

Chương 4. HIỆU QUẢ KINH DOANH

Giới thiệu chương

Chương 4 đề cập đến kết quả và hiệu quả kinh doanh từ khái niệm, bản chất, phân biệt các phạm trù hiệu quả và nhận thức rõ kinh doanh gắn với đánh giá hiệu quả kinh doanh và hiệu quả đầu tư kinh doanh cũng như sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả kinh doanh. Nội dung tiếp theo liên quan đến phân tích các nhân tố tác động tới hiệu quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Học xong chương này người học nhận thức rõ ràng tầm quan trọng của không phải chỉ là kết quả đạt được mà còn là hiệu quả kinh doanh cao; có kỹ năng không chỉ tính toán, phân tích hiệu quả kinh doanh mà còn trên cơ sở các nhân tố tác động để tìm kiếm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4.1. Khái lược về hiệu quả kinh doanh

4.1.1. *Khái niệm*

4.1.2. *Bản chất phạm trù hiệu quả*

4.1.3. *Phân biệt các loại hiệu quả*

4.2. Hệ thống chỉ tiêu và tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh

4.2.1. *Hệ thống chỉ tiêu và tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh*

4.2.1.1. *Chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh*

4.2.1.2. *Tiêu chuẩn hiệu quả kinh doanh*

4.2.2. *Hiệu quả đầu tư*

4.3. Các nhân tố tác động đến hiệu quả kinh doanh

4.3.1. *Nhóm nhân tố bên trong doanh nghiệp*

4.3.2. *Nhóm nhân tố bên ngoài doanh nghiệp*

Tài liệu tham khảo của chương

1. Chỉ thị 868/CT/BTC ngày 26.03.1998 của Bộ Tài chính về việc đánh giá, phân tích và phân loại sắp xếp lại DNNN

2. Công văn 02/ KK/ TW ngày 24/3/2000 của Ban chỉ đạo kiểm kê TŨ về phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh và tình hình tài chính của DNNN

3. PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên) (2009): Thay đổi và phát triển doanh nghiệp, Nxb Phụ nữ

4. Nguyễn Ngọc Huyền: Bàn về qui mô kinh doanh với vấn đề hiệu quả, Tạp chí

Kinh tế và Phát triển số 10/2001, trang 4-6

5. Nguyễn Ngọc Huyền: Giá thành sản phẩm và qui mô kinh doanh có hiệu quả, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 9/2001 (341), trang 23-26

6. Nguyễn Ngọc Huyền: Về đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 3/2003 (359), trang 11-12

7. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06.10.2006 về việc ban hành qui chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước

Chương 5. KHÁI LƯỢC VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Giới thiệu chương

Chương năm đề cập đến những vấn đề chung về quản trị kinh doanh nhằm tạo cơ sở cho việc nghiên cứu các chương tiếp theo của môn học. Nội dung chủ yếu của chương đề cập đến những vấn đề như khái niệm, mục đích và đặc điểm quản trị kinh doanh; cơ sở hình thành mô hình và tổ chức hoạt động quản trị kinh doanh; các nguyên tắc cơ bản trong quản trị kinh doanh; các phương pháp quản trị kinh doanh và các trường phái lý thuyết quản trị chủ yếu.

Sau khi học xong chương này, người học có thể:

- Nêu được khái niệm quản trị kinh doanh*
- Mô tả được xu hướng phát triển của mô hình quản trị kinh doanh*
- Nêu được các nguyên tắc của quản trị kinh doanh*
- Trình bày được các phương pháp quản trị kinh doanh*
- Nêu được các trường phái lý thuyết quản trị chủ yếu.*

5.1. Khái niệm, mục đích và đặc điểm quản trị kinh doanh

- 5.1.1. Khái niệm quản trị kinh doanh
- 5.1.2. Mục đích của quản trị kinh doanh
- 5.1.3. Đặc điểm của quản trị kinh doanh

5.2. Cơ sở tổ chức hoạt động quản trị

- 5.2.1. Quản trị kinh doanh trên cơ sở tuyệt đối hóa ưu điểm của chuyên môn hóa
- 5.2.2. Quản trị kinh doanh trên cơ sở đảm bảo tính thống nhất của các quá trình kinh doanh

5.3. Các nguyên tắc cơ bản trong quản trị kinh doanh

- 5.3.1. Cơ sở hình thành các nguyên tắc
- 5.3.2. Yêu cầu đối với hệ thống nguyên tắc

5.3.3. Các nguyên tắc của quản trị kinh doanh chủ yếu

5.4. Các phương pháp quản trị

5.4.1. Khái lược về phương pháp quản trị

5.4.2. Các phương pháp quản trị phổ biến

5.5. Các trường phái lý thuyết quản trị chủ yếu

6.5.1. Trường phái lý thuyết quản trị khoa học cổ điển

6.5.2. Trường phái lý thuyết quản trị hành chính

6.5.3. Trường phái hành vi

6.5.4. Trường phái quản trị khoa học

6.5.5. Trường phái tiếp cận hệ thống

6.5.6. Trường phái lý luận tình huống

6.5.7. Một số quan điểm quản trị phương Đông

6.5.8. Trường phái quản trị định lượng

9.5.9. Một số hướng quản trị hiện đại

Tài liệu tham khảo của chương

1. Arun Kumar Rachana Sharma (2000), Principles of Business Management, Atlantic Publishers and Distributors, New Delhi, India.

2. David E. Farrar (2006), Process- Based management: A winning strategy, OMG

3. Nguyễn Cảnh Chất (dịch và biên soạn, 2002), Tinh hoa quản lí, Nhà xuất bản Lao động- xã hội, Hà Nội.

4. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (2011): Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, chương 5

5. Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Weihrich (1994): Những vấn đề cốt yếu của quản lý, Nhà xuất bản Khoa học - kỹ thuật, Hà Nội.

6. Jay Heizer and Barry Render, Operations Management (2011), Pearson Education, Inc.

7. Stephen P. Robbins (2012), Organizational Behavior (15th ed.), Prentice- Hall Inc.

Chương 6. NHÀ QUẢN TRỊ

Giới thiệu chương

Đội ngũ các nhà quản trị thực hiện các nhiệm vụ quản trị các hoạt động kinh doanh ở các doanh nghiệp. Chương bày bản về đội ngũ các nhà quản trị doanh nghiệp bao gồm các vấn đề cơ bản như:

- Ai là nhà quản trị? Họ cần có các tiêu chuẩn gì? Phải hoàn thành nhiệm vụ gì? Nhằm mục tiêu gì?...

- Các kỹ năng chủ yếu của đội ngũ các nhà quản trị là những kỹ năng gì và cần làm gì để có được các kỹ năng đó

- Thế nào là phong cách quản trị? Có các phong cách quản trị chủ yếu nào và phong cách mà nhà quản trị thể hiện trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ quản trị của mình nên như thế nào?

- Nghệ thuật mà nhà quản trị cần có và vận dụng trong quá trình hoàn thiện bản thân cũng như tiếp xúc với các đối tác có liên quan.

6.1. Nhà quản trị

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Các cách phân loại nhà quản trị

6.1.3. Yêu cầu và tiêu chuẩn đối với nhà quản trị

6.2. Kỹ năng quản trị

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Các kỹ năng quản trị

6.2.3. Quan hệ giữa các kỹ năng với các cấp quản trị

6.3. Phong cách quản trị

6.3.1. Khái niệm và các nhân tố ảnh hưởng

6.3.2. Các phong cách quản trị chủ yếu

6.4. Nghệ thuật quản trị

6.4.1. Khái niệm

6.4.2. Một số nghệ thuật quản trị chủ yếu

Tài liệu tham khảo của chương

1. Dale Carnegie (1994): Đắc nhân tâm - Bí quyết của thành công (bản dịch), Nxb Tổng hợp, Đồng Tháp

2. Nguyễn Cảnh Chất (dịch và biên soạn, 2002): Tinh hoa quản lí, Nxb Lao động-xã hội, Hà Nội

3. Ph.D.Kenneth Blanchard-M.D.Spencer Johnson (1996): Ba bí mật của quản lý, Nxb Trung tâm thông tin KHKT Hoá chất

4. Vũ Đình Phòng (biên soạn theo Napoleon Hill, 1996): Bí quyết KD để trở thành giàu có và hạnh phúc, Nxb Thống kê

5. Lê Thụ (1994): 100 tình huống của GD, Nxb Thống kê

6. Trần Quang Tuệ (biên dịch, 2000): Nhân sự - chìa khoá của sự thành công, Nxb Tp Hồ Chí Minh

7. Hoàng Xuân Việt (1995): Nghệ thuật dùng người, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh

8. Các trang mạng: Đất Việt, *Thứ Ba*, 07/02/2012; Thanh Niên, Thứ năm, 11/1/2007, 09:01 GMT+7

Chương 7. RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ

Giới thiệu chương

Ra những quyết định tốt, được mọi người ủng hộ và thực thi là cả một nghệ thuật mà tất cả các nhà quản trị đều phải học. Điều này lại càng có ý nghĩa quan trọng đối với một doanh nhân.

Khi mới khởi nghiệp, bạn thường chỉ có một mình và phải tự quán xuyến mọi việc của doanh nghiệp. Khi đó, bạn sẽ chịu trách nhiệm về mọi quyết định của mình, cả về mặt chiến lược lẫn chiến thuật.

Nhưng khi doanh nghiệp phát triển, để vận hành nó, bạn cần phải có sự hợp sức của nhiều người khác. Lúc này, bạn đã cân nhắc đến ý kiến của người khác khi ra quyết định hay chưa? Và bạn có nên làm điều này hay không?

Sẽ không có một câu trả lời dứt khoát cho câu hỏi trên. Chính vì vậy mà việc ra những quyết định tốt là cả một nghệ thuật. Tùy theo tình huống mà việc ra quyết định có thể dựa trên sự độc đoán hay trên sự đồng thuận của tất cả mọi người. Lúc nào cũng dựa trên sự độc đoán hay luôn bao biện là một cách ra quyết định cực đoan và nguy hiểm. Những người ra quyết định giỏi nhất là những người linh hoạt. Họ biết khi nào phải độc đoán, khi nào phải đi tìm tiếng nói chung của mọi người trong tổ chức và khi nào nên ở giữa hai cực này.

Chương tám giới thiệu một số khái niệm, cách thức phân loại, và phương pháp ra quyết định trong quản trị kinh doanh.

7.1. Khái lược về ra quyết định trong quản trị kinh doanh

7.1.1. *Một số khái niệm*

7.1.2. *Yêu cầu đối với việc ra quyết định*

7.2. Phân loại quyết định

7.2.1. *Theo tính chất quan trọng của quyết định*

7.2.2. *Theo độ dài thời gian*

7.2.3. *Theo tính chất quan trọng của quyết định*

7.2.4. *Theo tính chất ổn định của quyết định*

7.2.5. *Theo chủ thể ra quyết định*

7.2.6. *Theo cấp ban hành quyết định*

7.2.7. *Theo đối tượng quyết định*

- 7.2.8. *Theo hình thức ban hành quyết định*
- 7.2.9. *Theo cách thức tác động tới đối tượng thực hiện quyết định*
- 7.2.10. *Theo tính chất đúng đắn của quyết định*

7.3. Căn cứ và quy trình ra quyết định

- 7.3.1. *Căn cứ để ra quyết định*
- 7.3.2. *Quy trình ra quyết định*

7.4. Một số phương pháp ra quyết định

- 7.4.1. *Phương pháp định tính*
- 7.4.2. *Phương pháp định lượng*

Tài liệu tham khảo của chương

1. PGS.TS Trần Việt Lâm (2010), “Giáo trình Phương pháp tối ưu trong kinh doanh”, Đại học Kinh tế quốc dân.
2. TS. Nguyễn Xuân Thủy (2005), “Phân tích định lượng trong quản trị”, Nxb Thống kê.
3. Trần Túc (2001), Quy hoạch tuyến tính, Nxb ĐH KTQD.
4. “Kỹ năng ra quyết định” (2008), Cẩm nang Kinh doanh Harvard
5. Nguyễn Khắc Minh (2002), Nhập môn Lý thuyết trò chơi và ứng dụng trong kinh doanh, Nxb Khoa học kỹ thuật.
6. Morgenstern, O: Lý thuyết trò chơi, in trong “Tủ điển khoa học xã hội, tập 9, Stuttgart-Tubingen-Goetingen 1956” [tr.707].

Chương 8. CẤU TRÚC TỔ CHỨC KINH DOANH

Giới thiệu chương

Chương 8 giới thiệu cấu trúc của các tổ chức kinh doanh bao gồm nhiều nội dung liên quan đến cấu trúc tổ chức, các mô hình cấu trúc tổ chức, các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tổ chức và các kỹ năng cơ bản gắn với việc hình thành hay hoàn thiện cấu trúc tổ chức doanh nghiệp. Người học và người đọc tìm thấy ở chương này các kiến thức cơ bản cũng như các kiến thức phát triển về cấu trúc tổ chức.

8.1. Khái lược về cấu trúc tổ chức

Tổ chức chính thức và tổ chức phi chính thức

- 8.1.1. *Cơ cấu tổ chức chính thức*
- 8.1.2. *Vai trò của cấu trúc tổ chức chính thức*
- 8.1.3. *Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tổ chức chính thức*

8.2. Các kiểu cơ cấu tổ chức trong doanh nghiệp

- 8.2.1. *Các hệ thống tổ chức ở một bộ phận trong doanh nghiệp*

- 8.2.1.1. *Hệ thống tổ chức kiểu chức năng*
- 8.2.1.2. *Hệ thống tổ chức hình sao*
- 8.2.2. *Các hệ thống tổ chức trong toàn doanh nghiệp*
- 8.2.2.1. *Hệ thống tổ chức kiểu trực tuyến*
- 8.2.2.2. *Hệ thống tổ chức kiểu trực tuyến - tư vấn*
- 8.2.2.3. *Hệ thống tổ chức kiểu trực tuyến - chức năng*
- 8.2.2.4. *Hệ thống tổ chức kiểu ma trận*
- 8.2.2.5. *Hệ thống tổ chức theo nhóm*
- 8.2.2.6. *Hệ thống tổ chức mạng lưới*

8.3. Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức chính thức

- 8.3.1. Khái lược
- 8.3.2. Các yêu cầu chủ yếu
- 8.3.3. Các nguyên tắc tổ chức hoạt động
- 8.3.4. Hình thành/thiết kế lại các nơi làm việc
- 8.3.5. Xác định quyền hạn, quyền lực và trách nhiệm
- 8.3.6. Xây dựng và hoàn thiện nội qui, qui chế

Tài liệu tham khảo của chương

1. Barnatt, C. “Office Space, Cyberspace, and Virtual Organization”. Journal of General Management, Summer 1995, pp. 78-91
2. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (2012): Giáo trình Khởi sự kinh doanh, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân
3. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (2011): Những bài học về quản lý và quản trị tập đoàn kinh tế nhà nước nhìn từ góc độ Vinashin, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Mô hình tổ chức và hoạt động của các tập đoàn kinh tế VN” Đề tài độc lập cấp NN ĐTĐL.2010.T/34, trang 239-248
4. Handy, C. “Trust and the Virtual Organization”, Harvard Business Review, May/June 1995, pp 40-50.
5. Jones and Deckro. “Strategic Decision Processes in Matrix Organization”. European Journal of Operatioanal Research, October 1994, pp. 192-203

7. GIÁO TRÌNH

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên), 2013, Giáo trình QUẢN TRỊ KINH DOANH, tập 1 – Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Trần Ánh: Kinh tế và quản lý doanh nghiệp, Nxb Thống kê 2000

2. TS. Trương Đình Chiến: Quản trị marketing trong doanh nghiệp, Nxb Thống kê Hà Nội 2000
3. PGS. TS. Trương Đình Chiến (chủ biên): Quản trị quan hệ khách hàng, Nxb Phụ nữ 2009
4. Ciaran Walsh (Trần Thị Thu Hằng dịch): Các chỉ số cốt yếu trong quản lý, bwportal.com.vn 22.8.2011
5. GS.TS. Nguyễn Thành Độ và PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên) 2012, Giáo trình Quản trị kinh doanh, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân
6. Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Weihrich: Những vấn đề cốt yếu của quản lý, Nxb Khoa học - kỹ thuật 1994
7. Harold Koontz, Heinz Weihrich (2009), Essentials of Management: An International Perspective, 8/e, Tata McGraw-Hill Education Private Limited.
8. PGS.TS. Lê Công Hoa và PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên): Quản trị kinh doanh đương đại, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân 2011, trang 241-264
9. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền (chủ biên): Giáo trình Quản trị kinh doanh, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân 2012
10. Học cách lập kế hoạch kinh doanh, TBKTSG 06/01/2003
11. PGS.TS. Nguyễn Thành Hưng: Kỹ năng lãnh đạo trong doanh nghiệp, Nxb Phụ nữ 2009
12. Jeffrey J.Fox: Nghệ thuật quản lý - Những nguyên tắc để thu dụng và giữ được nhân viên giỏi nhất, Nxb Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh 2004
13. Kỹ năng lập kế hoạch, nqcentre on Tháng Mười Một 1, 2008
14. Lê Hồng Lĩnh: Đánh giá hiệu quả làm việc nhóm HongLinh06-08-2007, 16:50:00
15. Nguyễn Tuyết Mai: 12 phẩm chất cần thiết cho nhà lãnh đạo, bwportal.com 26.11.2004
16. Mellerowicz,K.: Kinh tế xí nghiệp đại cương, tập 3, xuất bản lần thứ 12, Berlin 1967
17. Trần Phương Minh (*Dịch từ Entrepreneur*): Những mật pháp tiết kiệm tài chính hiệu quả, bwportal.com.vn 4.5.2007
18. PGS.TS. Lưu Văn Nghiêm: marketing dịch vụ, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, trang 5-21
19. Nguyên tắc phát triển chiến lược cạnh tranh khu biệt, Đầu Tư Thứ tư, 3/11/2004, 11:48 GMT+75
20. Nguyễn Hải Sản: Quản trị học, Nxb Thống kê 1998
21. Stephen P. Robbins and Mary Coulter (2002), Management (Active book),

7/e, Prentice-Hall, Inc

22. Thomas J. Robbins - Wayne D. Morrison: Quản lý và kỹ thuật quản lý, Nxb Giao thông vận tải 1999

23. Hàn Viết Thuận (1997), “Phương pháp thiết kế hệ thống thông tin tin học hóa trong quản lý doanh nghiệp”, Tạp chí Kinh tế và dự báo Bộ Khoa học - đầu tư, Hà Nội

24. Hàn Viết Thuận (2000), Phân tích thiết kế và cài đặt hệ thống thông tin quản lý, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý CFVG, Hà Nội, đọc phần thiết kế hệ thống thông tin

25. Trương Văn Tú - Trần Thị Song Minh (2000), Hệ thống thông tin quản lý, Giáo trình, NXB Thống kê, Hà Nội

26. Vũ Quốc Tuấn: Về với thị trường sáu mươi hai triệu dân www.SAGA.vn | DNSGCT - 18/07/2008

27. Nguyễn Văn Vy (2002), Phân tích thiết kế các hệ thống thông tin hiện đại hướng cấu trúc và hướng đối tượng, NXB Thống kê, Hà Nội

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

9.1. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% thời lượng giảng lý thuyết
- Phải tham gia làm và nộp đầy đủ bài kiểm tra bắt buộc giữa kỳ
- Không có điểm số tối thiểu đối với bài kiểm tra

9.2. Hình thức kiểm tra đánh giá Trọng số

- | | |
|--------------------------|-----|
| • Chuyên cần | 10% |
| • Bài tập nhóm | 20% |
| • Bài kiểm tra cá nhân | 20% |
| • Thi kết thúc học phần: | 50% |
| • Thang điểm | 10 |

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Tiếng Anh: Probability and mathematical statistics

Mã học phần: TOKT1108

Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Toán Kinh tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Lý thuyết xác suất và thống kê toán là môn học nghiên cứu các hiện tượng ngẫu nhiên và xử lý số liệu kinh tế – xã hội trong điều kiện bất định, tức là thông tin không đầy đủ.

Môn học có 2 phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng gắn rất chặt về nội dung.

- Phần Lý thuyết xác suất nhằm phát hiện và nghiên cứu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên. Các kiến thức về Lý thuyết xác suất là cơ sở trực tiếp cho quá trình phân tích và suy luận thống kê trong phần Thống kê toán, đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức phục vụ cho các môn học khác như Kinh tế lượng, Dân số học, Xã hội học...

- Phần Thống kê toán bao gồm: Cơ sở lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, các phương pháp trong thống kê mô tả nhằm đưa ra các đặc trưng chính của số liệu, phần thống kê suy diễn giúp đưa ra các suy diễn về tổng thể sử dụng các thông tin từ mẫu, trong đó có bài toán ước lượng tham số tổng thể và kiểm định giả thuyết thống kê.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và thống kê toán. Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức nền tảng về lý thuyết xác suất, biết vận dụng để giải quyết một vấn đề thực tế trong sản xuất kinh doanh. Người học cũng

được nắm được một cách cơ bản các kiến thức về thống kê toán, nắm được cách thức để tóm tắt những đặc trưng cơ bản của số liệu mẫu, có thể thực hiện các suy diễn thống kê về tổng thể dựa trên số liệu mẫu, qua đó vận dụng vào các bài toán thực tế trong kinh tế xã hội

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương I

Biến cố ngẫu nhiên và xác suất (6 tiết)

- 1.1. Phép thử và các loại biến cố
- 1.2. Xác suất của biến cố
- 1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất
- 1.4. Định nghĩa thống kê về xác suất
- 1.5. Nguyên lý xác suất lớn và nguyên lý xác suất nhỏ
- 1.6. Mọi quan hệ giữa các biến cố
- 1.7. Các định lý và công thức xác suất

Chương II.

Biến ngẫu nhiên và quy luật phân bố xác suất (5 tiết)

- 2.1. Định nghĩa và phân loại biến ngẫu nhiên
- 2.2. Quy luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên
- 2.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên

Chương III

Một số qui luật phân phối xác suất quan trọng (5 tiết)

- 3.1. Quy luật không - một $A(p)$
- 3.2. Quy luật nhị thức $B(n, p)$
- 3.3. Quy luật Poisson
- 3.4. Quy luật phân bố đều
- 3.5. Quy luật chuẩn
- 3.6. Qui luật khi bình phương
- 3.7. Quy luật Student $T(n)$
- 3.8. Qui luật Fisher - Snedecor $F(n_1, n_2)$

Chương IV: Biến ngẫu nhiên hai chiều (4 tiết)

- 4.1. Khái niệm biến ngẫu nhiên nhiều chiều.
- 4.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc hai chiều.
- 4.3. Các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên hai chiều

Chương V: Luật số lớn (2 tiết)

- 5.1. Bất đẳng thức Trêbusép,
- 5.2. Định lý Trêbusép,
- 5.3. Định lý Bernoulli

Chương VI: Cơ sở lý thuyết mẫu (7 tiết)

- 6.1. Khái niệm phương pháp mẫu
- 6.2. Tổng thể nghiên cứu
- 6.3. Mẫu ngẫu nhiên
- 6.4. Thống kê và các đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên
- 6.5. Các thống kê đặc trưng của mẫu ngẫu nhiên hai chiều
- 6.6. Quy luật phân phối xác suất của các tham số đặc trưng mẫu

Chương VII: Ước lượng các tham số của biến ngẫu nhiên (5 tiết)

- 7.1. Phương pháp ước lượng điểm
- 7.2. Phương pháp ước lượng bằng khoảng tin cậy

Chương VIII: Kiểm định giả thuyết thống kê (9 tiết)

- 8.1. Khái niệm chung
- 8.2. Kiểm định tham số.
- 8.3. Kiểm định phi tham số

7. GIÁO TRÌNH

Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh (2005). Lý thuyết xác suất và thống kê toán, NXB Thống kê,

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, Nguyễn Thế Hệ (2005). Bài tập “ Lý thuyết xác suất và thống kê toán”, Nhà xuất bản Thống kê

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thang điểm: 10
- Cơ cấu điểm:
 - + Điểm đánh giá của giảng viên: 10%
 - + Điểm bài kiểm tra: 20%
 - + Điểm thi học phần: 70%
- Điều kiện dự thi học phần:
 - + Phải tham dự ít nhất 80% số tiết học trên lớp ;
 - + Phải có bài kiểm tra.

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Thương mại điện tử căn bản

Tiếng Anh: Fundamentals of E - Commerce

Mã học phần: TMQT

Tổng số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Thương mại quốc tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Nắm vững các kiến thức giáo dục đại cương, các kiến thức cơ sở của khối ngành như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, tin học, thương mại, thương mại quốc tế,...

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc của ngành Thương mại điện tử, được thiết kế gồm 10 chương, với thời lượng 30 tiết lý thuyết và 15 tiết thực hành. Học phần giới thiệu một cách khái quát về các vấn đề cơ bản liên quan đến thương mại điện tử nhằm trang bị những kiến thức nền tảng về thương mại điện tử cho sinh viên.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Môn học sẽ giúp sinh viên hiểu các nội dung kinh doanh trên Internet, các loại hình kinh doanh trên Internet, các điều kiện cần thiết để kinh doanh trên Internet, các vấn đề về cơ sở hạ tầng pháp lý, kinh tế, xã hội có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh trên Internet, là nền tảng cơ bản để sau này sinh viên đến gần hơn với các công việc quản trị, xây dựng hệ thống Thương mại điện tử, kinh doanh trực tuyến, xây dựng và bảo trì các dự án công nghệ thông tin,...

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập tình huống, bài tập thực hành các trang Web cụ thể	
1	Chương 1	8	6	2	Giảng dạy tại phòng máy tính, có kết nối Internet
2	Chương 2	4	3	1	
3	Chương 3	4	3	1	
4	Chương 4	3	2	1	
5	Chương 5	5	3	2	
6	Chương 6	5	3	2	
7	Chương 7	3	2	1	
8	Chương 8	3	3	0	
9	Chương 9	4	3	1	
10	Chương 10	6	3	3	
	Cộng	45	31	14	

CHƯƠNG I – Tổng quan về thương mại điện tử

Thương mại điện tử được biết tới như một phương thức kinh doanh hiệu quả từ khi Internet hình thành và phát triển. Thương mại điện tử vẫn mang bản chất như các hoạt động thương mại truyền thống. Tuy nhiên, thông qua các phương tiện điện tử mới, các hoạt động thương mại được thực hiện nhanh hơn, hiệu quả hơn, giúp tiết kiệm chi phí và mở rộng không gian kinh doanh. Chương này giới thiệu về các khái niệm thương mại điện tử, các giai đoạn phát triển của thương mại điện tử trong doanh nghiệp cũng như trong xã hội. Đồng thời, các loại hình thương mại điện tử và ý nghĩa của thương mại điện tử trên góc độ doanh nghiệp, người tiêu dùng và xã hội cũng được giới thiệu chi tiết ở đây.

1.1 Khái niệm Thương mại điện tử

1.2 Các giai đoạn phát triển thương mại điện tử

1.2.1 Thương mại thông tin

1.2.2 Thương mại giao dịch

1.2.3 Thương mại cộng tác

1.3 Phân loại thương mại điện tử

- 1.3.1 TMĐT đơn thuần, TMĐT một phần
- 1.3.2 Phân loại theo đối tượng giao dịch
- 1.4 Mô hình khung cho thương mại điện tử
- 1.5 Đặc trưng của thương mại điện tử
- 1.6 Mô hình kinh doanh của thương mại điện tử
- 1.7 Lợi ích của Thương mại điện tử
 - 1.7.1 Lợi ích đối với xã hội
 - 1.7.2 Lợi ích đối với khách hàng
 - 1.7.3 Lợi ích đối với tổ chức
- 1.8 Thách thức trong ứng dụng thương mại điện tử
- 1.9 Tình hình phát triển thương mại điện tử trên thế giới và một số quốc gia

Tài liệu tham khảo chương:

- (1) Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, NXB: Thống kê
- (2) David King/Dennis Viehland/Jae Lee; 2006; Electronic Commerce: A Managerial Perspective; Publisher: Prentice Hall
- (3) Trần Hữu Linh, Thương mại điện tử 2015, NXB: Hồng Đức
- (4) Laudon, K.C & C. G Traver, E- commerce 2014: business, technology, society, Publisher: Pearson

CHƯƠNG II – MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

Mạng máy tính là một số các máy tính được nối kết với nhau theo một cách nào đó nhằm mục đích để trao đổi chia sẻ thông tin cho nhau với những ưu điểm: Nhiều người có thể dùng chung một thiết bị ngoại vi (máy in, modem..), một phần mềm. Dữ liệu được quản lý tập trung nên an toàn hơn, sự trao đổi thông tin dữ liệu giữa những người dùng sẽ nhanh chóng hơn, thuận lợi hơn. Chương này sẽ tập trung giới thiệu các vấn đề về mạng máy tính, các loại mạng, ưu điểm, cấu hình của các mạng này ứng dụng trong giao dịch TMĐT.

- 2.1 Mạng máy tính
 - 2.1.1 Khái niệm
 - 2.1.2 Các loại mạng máy tính
 - 2.1.3 Ứng dụng của mạng máy tính
- 2.2 Mạng Internet
 - 2.2.1 Khái niệm
 - 2.2.2 Cấu hình mạng Internet trong kinh doanh
 - 2.2.3 Ứng dụng Internet trong kinh doanh

2.3 Mạng Extranet

2.3.1 Khái niệm

2.3.2 Cấu hình mạng Extranet

2.3.3 Ứng dụng của mạng Extranet trong kinh doanh

2.4 Mạng Intranet

2.4.1 Khái niệm

2.4.2 Cấu hình mạng Intranet

2.4.3 Ứng dụng của mạng Intranet trong kinh doanh

2.5 Các thiết bị mạng

Tài liệu tham khảo chương:

(1) Greenstein M., & M. Vasarhelyi; 2004; Electronic Commerce: Security, Risk Management and Control; Publisher: Mc Graw Hill

(2) Laudon K. C., C. G Traver; 2003; E – commerce: business Technology, Society; Publisher: Addison Wesley

CHƯƠNG III. XÂY DỰNG WEBSITE THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Website là một tập hợp các trang web (web pages) bao gồm văn bản, hình ảnh, video, flash v.v... thường chỉ nằm trong một tên miền (domain name) hoặc tên miền phụ (subdomain). Trang web được lưu trữ (web hosting) trên máy chủ web (web server) có thể truy cập thông qua Internet. Website và cơ sở dữ liệu được sử dụng như là một công cụ chính trong các hoạt động khai thác kinh doanh trên môi trường Internet. Trong chương này, các nội dung chi tiết về Website và database và xây dựng Website sẽ được giới thiệu

3.1 Công nghệ Website

3.1.1 Khái niệm và đặc điểm Website

3.1.2 Nghiên cứu đặc điểm Website áp dụng trong kinh doanh

3.1.4 Tên miền

3.1.5 Lưu trữ

3.2 Xây dựng website TMĐT

3.2.1 Nghiên cứu thị trường TMĐT

3.2.2 Các bước xây dựng một website TMĐT

3.2.3 Xác định mục tiêu kinh doanh và chức năng của hệ thống

3.2.4 Lựa chọn kiến trúc hệ thống của website TMĐT

3.2.5 Thiết kế hệ thống website TMĐT

3.2.6 Quản trị website

3.3 Cơ sở dữ liệu (database)

3.3.1 Khái niệm cơ sở dữ liệu

3.3.2 Các loại cơ sở dữ liệu

3.3.3 Định hướng thiết kế cơ sở dữ liệu

Tài liệu tham khảo chương:

- (1) Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, NXB: Thống kê
- (2) David King/Dennis Viehland/Jae Lee; 2006; Electronic Commerce: A Managerial Perspective; Publisher: Prentice Hall
- (3) Janice Reynolds, The Complete E-Commerce Book: Design, Build & Maintain a 4. Successful Web-based Business, 2004
- (4) <http://usability.gov/guidelines>

CHƯƠNG IV. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Để có được một giải pháp kinh doanh trực tuyến thành công, việc tìm hiểu thị trường, môi trường vĩ mô và các hoạt động của doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng. Chương này nhằm hướng dẫn sinh viên cách tự nghiên cứu về các môi trường vi mô, vĩ mô liên quan đến thương mại điện tử và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh trực tuyến hiệu quả.

4.1 E – market analysis (SWOT analysis)

4.1.1 Hạ tầng CNTT, kỹ thuật, thanh toán, an ninh

4.1.2 Môi trường văn hóa xã hội

4.1.3 Môi trường pháp luật

4.1.4 Môi trường kinh tế

4.2 Tổ chức hoạt động TMĐT (nội bộ doanh nghiệp)

4.3 Lập kế hoạch kinh doanh trực tuyến

4.3.1 Phát triển sản phẩm

4.3.2 Thiết kế website

4.3.3 Xây dựng chiến lược marketing online và offline

Tài liệu tham khảo chương:

- (1) Sách trắng công nghệ thông tin
- (2) Báo cáo TMĐT
- (3) Báo cáo chỉ số TMĐT
- (4) Michael E-Porter, **Strategy and the Internet digital**, E-Book Harvard Business School
- (5) W.Robson, **Strategic Management for Information Systems**, Pitman

CHƯƠNG V. LÝ THUYẾT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ B2C & C2C

Thương mại điện tử B2C hay là thương mại giữa các công ty và người tiêu dùng, thương mại điện tử C2C (hay thương mại giữa người tiêu dùng với người tiêu dùng) liên quan đến việc khách hàng thu thập thông tin, mua các hàng hoá thực (hữu hình như là sách hoặc sản phẩm tiêu dùng) hoặc sản phẩm thông tin (hoặc hàng hoá về nguyên liệu điện tử hoặc nội dung số hoá, như phần mềm, sách điện tử) và các hàng hoá thông tin, nhận sản phẩm qua mạng điện tử. Chương này sẽ giới thiệu chi tiết hơn về các ví dụ, các bước thiết lập, phân tích khách hàng, và một số các ví dụ cụ thể của một số ngành công nghiệp giúp sinh viên có đủ kiến thức để thực hiện loại hình giao dịch này.

5.1 Khái niệm về giao dịch B2C và C2C

5.1.1 Giao dịch B2C

5.1.2 Giao dịch C2C

5.2 Đặc điểm hàng hóa bán trực tuyến

5.3 Quy trình mua bán trực tuyến

5.4 Phân loại khách hàng trực tuyến

5.5 Một số ngành điển hình ứng dụng Thương mại điện tử

5.5.1 Du lịch trực tuyến

5.5.2 Tài chính trực tuyến

5.5.3 Lao động trực tuyến

5.5.4 Bất động sản

5.6 Các công cụ hỗ trợ ra quyết định trực tuyến

Tài liệu tham khảo chương:

(1) Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, NXB: Thống kê

(2) David King/Dennis Viehland/Jae Lee; 2006; Electronic Commerce: A Managerial Perspective; Publisher: Prentice Hall

CHƯƠNG VI. LÝ THUYẾT VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ B2B

Thương mại điện tử B2B được định nghĩa đơn giản là thương mại điện tử giữa các công ty. Đây là loại hình thương mại điện tử gắn với mối quan hệ giữa các công ty với nhau. Khoảng 80% thương mại điện tử theo loại hình này và phần lớn các chuyên gia dự đoán rằng thương mại điện tử B2B sẽ tiếp tục phát triển nhanh hơn B2C. Để giúp sinh viên hiểu rõ hơn về loại hình giao dịch B2B này, chương này sẽ đưa ra các khái niệm, cơ sở hạ tầng cho giao dịch này, và các ví dụ thực hành cho từng loại hình giao dịch B2B.

6.1 Khái niệm, đặc tính, và mô hình của B2B

- 6.1.1 Khái niệm
- 6.1.2 Các yếu tố thúc đẩy sự phát triển TMĐT B2B
- 6.1.3 Các đặc tính của giao dịch B2B
- 6.2 Các loại giao dịch B2B
 - 6.2.1 Giao dịch một bên bán – nhiều bên mua
 - 6.2.2 Giao dịch một bên mua từ nhiều người bán
 - 6.2.3 Giao dịch tại sàn giao dịch B2B
 - 6.2.4 Thương mại điện tử cộng tác (SCM, ERP, CRM)
- 6.3 Cơ sở hạ tầng cho giao dịch B2B
 - 6.3.1 VANs
 - 6.3.2 EDI
 - 6.3.3 XML
 - 6.3.4 Dịch vụ Web
- 6.4 Thương mại điện tử trong nội bộ doanh nghiệp
 - 6.4.1 Phần mềm hoạt động trong doanh nghiệp
 - 6.4.2 Cơ sở dữ liệu
 - 6.4.3 Phần mềm tương tác

Tài liệu tham khảo chương:

- (1) Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, NXB: Thống kê
- (2) David King/Dennis Viehland/Jae Lee; 2006; Electronic Commerce: A Managerial Perspective; Publisher: Prentice Hall
- (3) Website: Đấu thầu điện tử: <http://muasamcong.mpi.gov.vn/>

CHƯƠNG VII. LÝ THUYẾT VỀ CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ (G2G)

Cũng như thương mại điện tử, có nhiều cách định nghĩa về Chính phủ điện tử (CPĐT). Chính phủ điện tử thường được định hướng theo các mục tiêu như phục vụ doanh nghiệp, phục vụ công dân; có tinh thần trách nhiệm, một cửa và định hướng hiệu quả; tính cộng tác; chi phí hợp lý; an toàn và tôn trọng riêng tư. Chương này sẽ giới thiệu tới học viên khái niệm về Chính phủ điện tử, Chính phủ điện tử một cửa, các cấp bậc phát triển Chính phủ điện tử và hạ tầng giao dịch Chính phủ điện tử.

- 7.1 Tổng quan về Chính phủ điện tử
- 7.2 Các mô hình giao dịch Chính phủ điện tử
- 7.3 Các mức độ vận hành của Chính phủ điện tử
- 7.4 Cơ sở hạ tầng phát triển chính phủ điện tử
- 7.5 Chính phủ điện tử một cửa

7.5.1 Khái niệm

7.5.2 Ví dụ

7.5.3 Ứng dụng

Tài liệu tham khảo chương:

(1) Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, NXB: Thống kê

(2) David King/Dennis Viehland/Jae Lee; 2006; Electronic Commerce: A Managerial Perspective; Publisher: Prentice Hall

(3) Báo cáo TMĐT 2011

CHƯƠNG VIII. THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Thanh toán trực tuyến hay thanh toán điện tử là một vấn đề vẫn còn rất mới mẻ ở Việt Nam, trong khi ở nhiều nước nó lại là một phương thức mua bán rất phổ biến. Chương này giới thiệu chi tiết tới sinh viên những công cụ thanh toán trực tuyến mà trong đó phổ biến nhất là Thẻ, Ví điện tử và Thẻ thông minh. Ngoài ra, các rủi ro cũng như những vấn đề an ninh bảo mật cũng được đưa ra trong chương này.

8.1 Các yếu tố dẫn tới công nghệ thanh toán trực tuyến

8.2 Các công cụ hỗ trợ thanh toán trực tuyến

8.2.1 Tiền mặt số hóa

8.2.2 Séc điện tử

8.2.3 Thẻ

8.3 Các công nghệ hỗ trợ

8.3.1 Thẻ thông minh

8.3.2 Ví tiền điện tử (Ewallet)

8.4 Chuyển tiền điện tử

8.5 Các rủi ro trong thanh toán điện tử

8.6 Một số dịch vụ thanh toán điện tử phổ biến của Việt nam

Tài liệu tham khảo chương:

(1) Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, NXB: Thống kê

(2) David King/Dennis Viehland/Jae Lee; 2006; Electronic Commerce: A Managerial Perspective; Publisher: Prentice Hall

(3) Báo cáo TMĐT 2011

CHƯƠNG IX. AN NINH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Các vấn đề an ninh thương mại điện tử cũng chính là các vấn đề đã trở thành những rào cản lớn nhất trong hoạt động thương mại điện tử. Để tăng cường sự nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề này, chương này sẽ đưa ra các nội dung chi tiết như sau:

- 9.1 Khái niệm rủi ro trong TMĐT
 - 9.1.1 Nhóm rủi ro về dữ liệu
 - 9.1.2 Nhóm rủi ro về công nghệ
 - 9.1.3 Nhóm rủi ro về thủ tục và quy trình giao dịch
 - 9.1.4 Nhóm rủi ro về luật pháp và các tiêu chuẩn công nghiệp
 - 9.1.5 Ảnh hưởng của rủi ro tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- 9.2 Yêu cầu về an ninh mạng
- 9.3 Bảo mật trong giao dịch điện tử
 - 9.3.1 Mã hóa dữ liệu
 - 9.3.2 Lớp ổ cắm an toàn
 - 9.3.3 Các giao dịch điện tử an toàn
 - 9.3.4 Chữ ký điện tử
 - 9.3.5. Chứng chỉ số hóa
 - 9.3.6 Tường lửa
- 9.4 Hợp đồng điện tử
- 9.5 Các tổ chức an ninh mạng của Việt nam

Tài liệu tham khảo chương:

- (1) Greenstein M., & M. Vasarhelyi; 2004; Electronic Commerce: Security, Risk Management and Control; Publisher: Mc Graw Hill
- (2) Laudon K. C., C. G Traver; 2003; E – commerce: business Technology, Society; Publisher: Addison Wesley

CHƯƠNG X. MARKETING TRỰC TUYẾN

Marketing trực tuyến là việc ứng dụng công nghệ mạng máy tính, các phương tiện điện tử vào việc nghiên cứu thị trường, hỗ trợ phát triển sản phẩm, phát triển các chiến lược và chiến thuật marketing... nhằm mục đích cuối cùng là đưa sản phẩm hàng hóa và dịch vụ đến người tiêu dùng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Việc ứng dụng công nghệ để thực hiện các hoạt động marketing là một điểm khác biệt chính yếu giữa Marketing trực tuyến và Marketing truyền thống. Chương này sẽ giới thiệu khái niệm, điều kiện áp dụng và các chính sách marketing trực tuyến hỗn hợp.

- 10.1 Khái niệm về marketing trực tuyến
 - 10.1.1 Khái niệm
 - 10.1.2 Đặc điểm
 - 10.1.3 Điều kiện áp dụng
- 10.2 Nghiên cứu thị trường trực tuyến

10.3 Phân đoạn thị trường trực tuyến

10.4 Chiến lược marketing điện tử

10.4.1 Chiến lược giá

10.4.2 Chiến lược sản phẩm

10.4.3 Chiến lược khuyến khích trưng

10.4.4 Chiến lược phân phối

7. GIÁO TRÌNH:

Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, Nhà xuất bản Thống kê

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

(1) Greenstein M., & M. Vasarhelyi; 2004; Electronic Commerce: Security, Risk Management and Control; Publisher: Mc Graw Hill

(2) Laudon K. C., C. G Traver; 2003; E – commerce: business Technology, Society; Publisher: Addison Wesley

(3) Trần Văn Hòe, 2006, Thương mại điện tử, NXB: Thống kê

(4) David King/Dennis Viehland/Jae Lee; 2006; Electronic Commerce: A Managerial Perspective; Publisher: Prentice Hall

(5) Báo cáo TMĐT 2011, Bộ Công Thương

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

Đánh giá theo thang điểm 10, trong đó:

Dự lớp, thảo luận, bài tập: 10%

Kiểm tra: 20%

Thi cuối học phần: 70%

Hình thức thi viết tự luận kết hợp với trắc nghiệm

Sinh viên phải dự lớp tối thiểu 70% số tiết học mới được thi hết học phần.

Hà nội, ngày tháng 1 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Liên Hương

GS.TS. Trần Thọ Đạt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Kinh tế nông nghiệp 1

Tiếng Anh: Agricultural Economics 1

Mã học phần: TNKT1109

Số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế Nông nghiệp & PTNT

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 2,

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Kinh tế nông nghiệp 1 là học phần bắt buộc của chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và PTNT. Sau khi trình bày tổng quan về nông nghiệp gồm: vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân, đặc điểm của sản xuất nông nghiệp nói chung và của nông nghiệp Việt Nam nói riêng, phát triển nền nông nghiệp bền vững, các nội dung tiếp theo nghiên cứu trực tiếp những vấn đề kinh tế học nông nghiệp gắn với thực tiễn phát triển nông nghiệp Việt Nam, cụ thể gồm: Những cơ sở lý thuyết cơ bản về kinh tế học nông nghiệp; Thị trường và phân tích thị trường nông nghiệp; Thương mại quốc tế hàng nông sản; Hệ thống kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam; Kinh tế sử dụng các yếu tố nguồn lực chủ yếu trong nông nghiệp; Những vấn đề về tiến bộ khoa học công nghệ trong ngành nông nghiệp với những khía cạnh khác biệt so với trong các ngành sản xuất vật chất khác của nông nghiệp nói chung và của nông nghiệp Việt Nam;

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

- *Kiến thức lý thuyết:* Trang bị những kiến thức lý thuyết kinh tế học của ngành sản xuất vật chất đặc thù của xã hội: ngành kinh tế sinh học-sinh thái. Cụ thể là những kiến thức về những tính quy luật chung của phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa gắn với nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế; phân bổ và sử dụng nguồn lực hợp lý, đạt hiệu quả (phân bổ, kỹ thuật và kinh tế), bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, giúp cho người học có nền tảng

lý thuyết để tiếp thu học phần Kinh tế nông nghiệp 2 và một số môn học chuyên sâu khác của chuyên ngành.

- *Kỹ năng thực hành*: Kỳ vọng sau khi kết thúc học phần Kinh tế nông nghiệp 1, người học sẽ đạt được những kỹ năng về:

+ Trực tiếp hoặc tham gia xây dựng, phân biện việc xây dựng các kế hoạch, chiến lược phát triển nông nghiệp của đất nước hoặc của vùng, của các địa phương;

+ Trực tiếp hoặc tham gia quản lý các kế hoạch phát triển nông nghiệp ở cả tầm vĩ mô và vi mô về: phân bổ nguồn lực hợp lý; quản lý sử dụng nguồn lực hiệu quả; quản lý xây dựng vùng chuyên canh nông sản có trình độ thâm canh cao; quản lý sản xuất nhằm cung cấp thực phẩm an toàn theo các cấp độ tiêu chuẩn khác nhau; quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng và quản lý phát triển bền vững của nông nghiệp trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế;

+ Biết vận dụng các kiến thức lý thuyết của môn học để tiếp thu học phần Kinh tế nông nghiệp 2 và một số môn học khác thuộc chuyên ngành hẹp (các môn học khác thuộc hướng chuyên sâu)

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

6.1. Phân bổ thời gian

STT	Tên chương	Phân bổ thời gian		
		Tổng số	Lý thuyết	Bài tập, thực hành
1	Chương 1: Nhập môn kinh tế nông nghiệp	5,5	4,5	1
2	Chương 2: Cơ sở lý thuyết cơ bản về kinh tế nông nghiệp	5	3	2
3	Chương 3: Thị trường và phân tích thị trường nông nghiệp	5	4	1
4	Chương 4: Thương mại quốc tế hàng nông sản	5	4	1
5	Chương 5: Hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam	5	4	1
6	Chương 6: Kinh tế sử dụng các yếu tố nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp	5	4	1
7	Chương 7: Tiến bộ khoa học công nghệ trong nông nghiệp	5	4	1
8	Bài tập thực hành	2	0	2
9	Tổng cộng	37,5	27,5	10

6.2. Nội dung chủ yếu các chương

Chương 1: Nhập môn Kinh tế nông nghiệp

Chương này trình bày những kiến thức tổng quan về nông nghiệp nói chung và nông nghiệp Việt Nam nói riêng phù hợp với đối tượng sinh viên ngành Kinh tế nông nghiệp, nhằm nhận thức rõ vai trò của nền nông nghiệp với tính cách là bộ phận cấu thành hữu cơ của nền kinh tế. Trên cơ sở đó cần nhận thức rõ những đặc điểm của ngành để có những biện pháp phát triển hiệu quả và bền vững ngành nông nghiệp của cả nước cũng như của từng địa phương trong điều kiện hội nhập. Ngoài ra, để học tập có kết quả, sinh viên cần nắm vững đối tượng của môn học, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Kinh tế nông nghiệp

Đề cương chi tiết

1.1. Vai trò của nông nghiệp trong nền Kinh tế Quốc dân.

1.1.1. Cung cấp lương thực, thực phẩm và các sản phẩm phi lương thực thực phẩm cho xã hội.

1.1.2. Cung cấp yếu tố đầu vào cho phát triển các lĩnh vực phi nông nghiệp.

1.1.3. Là thị trường tiêu thụ của công nghiệp và dịch vụ.

1.1.4. Nông nghiệp tham gia vào xuất khẩu.

1.1.5. Tạo việc làm cho lao động ở khu vực nông thôn.

1.1.6. Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường sinh thái.

1.2. Những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp.

1.2.1. Những đặc điểm chung

a/ Sản xuất nông nghiệp có tính vùng.

b/ Ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu.

c/ Đối tượng sản xuất nông nghiệp là cây trồng vật nuôi.

d/ Sản xuất nông nghiệp có tính thời vụ cao.

1.2.2. Những đặc điểm riêng của nông nghiệp Việt Nam.

a/ Đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn hội nhập quốc tế.

b/ Là nền nông nghiệp nhiệt đới pha trộn tính chất ôn đới.

1.3. Nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

1.3.1. Khái quát quá trình đổi mới.

1.3.2. Những thành tựu nổi bật của nông nghiệp Việt Nam hiện nay.

1.3.3. Những vấn đề đặt ra.

1.4. Phát triển nông nghiệp bền vững.

1.4.1. Khái niệm, sự cần thiết phát triển nông nghiệp bền vững.

1.4.2. Nội dung phát triển nông nghiệp bền vững.

1.4.3. Biện pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam

1.5. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học

1.5.1. Đối tượng, nhiệm vụ môn học

1.5.2. Phương pháp nghiên cứu môn học

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng cộng sản Việt Nam- Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB CTQG-Sự thật, Hà Nội, 2011.

2. Bộ NN&PTNT: Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2010-2020, Hà Nội, 2011.

3. Kết luận số 97-KL/TW ngày 9/5/2014 của Bộ chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4. David Colman và Trevor Young: Principles of Agricultural economics (Nguyên lý Kinh tế nông nghiệp), NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1994.

5. E. Wayne Nafziger: The economics of developing countries (Kinh tế học của các nước đang phát triển). NXBTK 1998, tr 120-126

7. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt *Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*.

8. Luật đất đai 2013

9. Tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu

Chương 2: Cơ sở lý thuyết cơ bản về kinh tế nông nghiệp

Trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết kinh tế học hiện đại về nông nghiệp. Trên cơ sở nắm vững những nguyên lý, sinh viên có thể hiểu sâu sắc hơn về bố trí sản xuất các sản phẩm chủ lực nhằm phát huy lợi thế so sánh; về liên kết sản xuất theo chuỗi cung; nắm được phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế ở tầm vi mô trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp; về chiến lược phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay.

Đề cương chi tiết

2.1. Lý thuyết về lợi thế so sánh.

2.1.1. Lý thuyết lợi thế so sánh tuyệt đối.

2.1.2. Lý thuyết lợi thế so sánh tương đối.

2.2. Lý thuyết về chuỗi cung hàng nông sản.

2.2.1. Quan niệm về chuỗi cung và chuỗi cung hàng nông sản.

2.2.2. Chuỗi sản phẩm, chuỗi giá trị và chuỗi thị trường hàng nông sản.

2.3. Lý thuyết về tối ưu hóa hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp

2.3.1. Hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp

2.3.2. Tối ưu hóa hiệu quả kinh tế

2.4. Lý thuyết cung cầu thị trường nông sản.

3.4.1. Cung thị trường nông sản

3.4.2. Cầu thị trường nông sản

3.5.3. Cân bằng cung cầu thị trường nông sản và vai trò của Chính phủ

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn

2. David Colman và Trevor Young: Principles of Agricultural economics (Nguyên lý Kinh tế nông nghiệp), NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1994, tr 26-37; 42-47; 113-126; 154-155; 269-274.

3. E. Wayne Nafziger: The economics of developing countries (Kinh tế học của các nước đang phát triển). NXBTK 1998, tr 141-174: Các lý thuyết về phát triển kinh tế)

4. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>

5. Tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu

Chương 3: Thị trường và phân tích thị trường nông nghiệp

Chương này trình bày những kiến thức cơ bản về thị trường, phân tích đặc điểm cơ bản của thị trường nông nghiệp dưới góc độ kinh tế, gồm: khái niệm về thị trường nông nghiệp dưới góc độ kinh tế, vì vậy sinh viên cũng hiểu rõ về khái niệm thị trường dưới các góc độ khác nữa; hiểu và nắm vững chức năng cơ bản của thị trường nông nghiệp; tiếp theo là phân tích các đặc điểm của thị trường nông nghiệp để thấy rõ những nét đặc thù của thị trường này; và nội dung cuối cùng của chương là trình bày

về những biện pháp phát triển thị trường nông nghiệp Việt Nam hiện nay.

Đề cương chi tiết:

3.1. Khái niệm, chức năng của thị trường nông nghiệp.

3.1.1. Khái niệm thị trường và thị trường nông nghiệp.

3.1.2. Chức năng của thị trường nông nghiệp.

3.2. Phân tích một số đặc điểm của thị trường nông nghiệp.

3.2.1. Độ cận biên thị trường và giá nông sản.

3.2.2. Sự hình thành giá nông sản theo thời vụ

3.2.3. Tình trạng độc quyền trên thị trường nông nghiệp.

3.2.4. Thị trường nông nghiệp Việt Nam đang trong quá trình hội nhập.

3.3. Những biện pháp chủ yếu hoàn thiện thị trường nông nghiệp Việt Nam.

3.3.1. Xây dựng hệ thống thị trường đồng bộ.

3.3.2. Tổ chức quản lý thị trường.

3.3.3. Khuyến khích cạnh tranh, chống độc quyền trên thị trường nông nghiệp

3.3.4. Chủ động hội nhập thị trường nông sản thế giới.

3.3.5. Hoàn thiện thể chế, chính sách của Nhà nước cho phát triển thị trường nông nghiệp

Tài liệu tham khảo:

1. David Colman và Trevor Young: Principles of Agricultural economics (Nguyên lý Kinh tế nông nghiệp), NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1994, tr 220-224; 228-230.

2. Van Hung, MacAulay, Marsch, 2006: The economics of Land fragmentation in the north of Vietnam, The University of Sydney, 2006.

3. Võ Trí Thành (CIEM, 2013): “*Kinh tế Việt Nam và thế giới – Tình hình hiện tại và triển vọng*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

4. TS. Jennifer Ifft (2013): “*Tổng quan thị trường nông nghiệp toàn cầu năm 2012 và dự báo năm 2013*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

5. Tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu

Chương 4: Thương mại quốc tế hàng nông sản

Cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế học thương mại quốc tế hàng nông sản, gồm: Một số lý thuyết thương mại quốc tế vận dụng vào nông nghiệp theo những

tư tưởng kinh tế điển hình; sự cân bằng và điều kiện thương mại quốc tế; sự can thiệp và thâm nhập thị trường nông sản quốc tế; thực trạng và những giải pháp chủ yếu đẩy mạnh thương mại quốc tế hàng nông sản Việt Nam trong điều kiện hội nhập hiện nay.

Đề cương chi tiết:

4.1. Một số lý thuyết có thể vận dụng trong thương mại quốc tế hàng nông sản

4.1.1. Lý thuyết về “giá trị quốc tế” của John Stunart Mill

4.1.2. Lý thuyết về tài nguyên thiên nhiên với thương mại quốc tế của Eli Heckschers-Bertil Ohlin (H-O)

4.1.3. Lý thuyết của Myin về giải thoát lượng tồn dư

4.1.4. Một số lý thuyết có liên quan khác

4.2. Cân bằng và điều kiện thương mại quốc tế hàng nông sản

4.2.1. Cân bằng thương mại quốc tế hàng nông sản

4.2.2. Điều kiện thương mại quốc tế hàng nông sản

4.3. Thâm nhập vào thị trường nông sản quốc tế

4.3.1. Sự cần thiết thâm nhập thị trường nông sản quốc tế

4.3.2. Các hình thức thâm nhập thị trường nông sản quốc tế

4.4. Thương mại quốc tế hàng nông sản Việt nam

4.4.1. Vai trò của thương mại quốc tế hàng nông sản Việt Nam

4.4.2. Thực trạng thương mại quốc tế hàng nông sản Việt Nam

4.4.3. Phương hướng và giải pháp đẩy mạnh thương mại quốc tế hàng nông sản Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1. David Colman và Trevor Young: Principles of Agricultural economics (Nguyên lý Kinh tế nông nghiệp), NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1994, tr 275-305.

2. Bộ công thương: www.moit.gov.vn/baocongthuong.com.vn: Báo công thương: Các bài báo liên quan về xuất nhập khẩu hàng nông sản

3. OECD-FAO: “*OECD-FAO Agricultural Outlook 2014-2023*”, ISSN 15630447.

4. Võ Trí Thành (CIEM, 2013): “*Kinh tế Việt Nam và thế giới – Tình hình hiện tại và triển vọng*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

5. TS. Jennifer Ifft (2013): “*Tổng quan thị trường nông nghiệp toàn cầu năm 2012 và dự báo năm 2013*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

6. Tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu

Chương 5: Hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam

Chương này nghiên cứu hệ thống nông nghiệp dưới góc độ kinh tế, tức là góc độ quan hệ sản xuất của nông nghiệp. Các nội dung của chương tập trung vào việc làm rõ những đặc trưng cơ bản của hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam hiện nay và những vấn đề kinh tế chủ yếu phát triển các bộ phận cấu thành của hệ thống này trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Đề cương chi tiết:

1. Khái niệm và đặc trưng hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc trưng

2. Những bộ phận cấu thành hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam

2.1 Kinh tế hộ nông dân

2.1.1. Khái niệm, vị trí, vai trò của kinh tế hộ nông dân trong hệ thống kinh tế nông nghiệp

2.1.2. Những đặc trưng của kinh tế hộ nông dân

2.1.3. Xu hướng phát triển của kinh tế hộ nông dân

2.2. Kinh tế kinh tế trang trại

2.2.1. Khái niệm vị trí, vai trò của kinh tế trang trại trong hệ thống kinh tế nông nghiệp

2.2.2. Những đặc trưng của kinh tế trang trại

2.2.3. Điều kiện hình thành và phát triển kinh tế trang trại

2.2.4. Xu hướng phát triển của kinh tế trang trại

2.3. Kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

2.3.1. Khái niệm, vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong hệ thống kinh tế nông nghiệp

2.3.2. Đặc trưng của kinh tế tập thể trong nông nghiệp

2.3.3. Các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp

2.3.4. Xu hướng phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp

2.4. Kinh tế nhà nước trong nông nghiệp

2.4.1. Khái niệm, vị trí, vai trò của trong hệ thống kinh tế nông nghiệp

2.4.2. Đặc trưng của kinh tế nhà nước trong nông nghiệp

2.4.3. Các hình thức kinh tế nhà nước trong nông nghiệp

2.4.4. Xu hướng phát triển các hình thức kinh tế nhà nước trong nông nghiệp

2.5. Các hình thức kinh tế khác trong hệ thống kinh tế nông nghiệp

2.6. Mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành hệ thống kinh tế nông nghiệp

3. Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam

2.1. Thời kỳ trước cách mạng 1945

2.2. Thời kỳ 1945 - 1954

2.3. Thời kỳ 1955 - 1975

2.4. Thời kỳ 1976 - 1986

2.5. Thời kỳ từ 1987 - đến nay

4. Phương hướng và các biện pháp đổi mới, phát triển hệ thống kinh tế nông nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập

4.1. Phương hướng và các biện pháp phát triển kinh tế hộ nông dân

4.2. Phương hướng và các biện pháp phát triển kinh tế trang trại

4.3. Phương hướng và các biện pháp đổi mới kinh tế hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế tập thể

4.4. Phương hướng và các biện pháp phát triển kinh tế nhà nước trong nông nghiệp

4.5. Phương hướng và các biện pháp phát triển các hình thức kinh tế khác trong nông nghiệp

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ NN&PTNT: Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2010-2020 (phần có liên quan về phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác khác trong nông nghiệp nông thôn)

2. Nghị quyết Trung ương 7 Khoá X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn

3. E. Wayne Nafziger: The economics of developing countries (Kinh tế học của các nước đang phát triển). NXBTK 1998, tr 120-126

4. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt *Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*.

5. Luật đất đai 2013

6. Tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu

Chương 6: Kinh tế sử dụng các yếu tố nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp

Hoạt động sản xuất nông nghiệp cần huy động và sử dụng các yếu tố đầu vào với tính cách là các nguồn lực. Chương này tập trung trình bày những lý thuyết và thực tiễn Việt Nam về việc huy động và quản lý sử dụng hiệu quả một số yếu tố nguồn lực chủ yếu gồm: nguồn lực ruộng đất; nguồn lực lao động hay nguồn nhân lực; nguồn lực vốn; nguồn lực khoa học công nghệ và một số nguồn lực khác.

Đề cương chi tiết:

6.1. Khái niệm và đặc điểm các yếu tố nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp.

6.1.1. Khái niệm các yếu tố nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp.

6.1.2. Đặc điểm các yếu tố nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp.

6.2. Vai trò các yếu tố nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp.

6.2.1 Số lượng và chất lượng các yếu tố nguồn lực tác động đến tốc độ tăng trưởng và phát triển ngành nông nghiệp

6.2.2 Việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn lực là tất yếu khách quan, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất

6.2.3 Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ thuật và quản lý cho lực lượng lao động ngành nông nghiệp

6.2.4 Hoàn thiện nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn

6.3. Các nguồn lực chủ yếu trong nông nghiệp

6.3.1. Nguồn lực ruộng đất trong nông nghiệp

a/ Vị trí của nguồn lực ruộng đất.

b/ Đặc điểm của ruộng đất- tư liệu sản xuất chủ yếu trong nông nghiệp.

c Nguyên tắc quản lý và sử dụng đất đai

d/. Những chỉ tiêu kinh tế về tổ chức, quản lý và sử dụng đất trong nông nghiệp

6.3.2 Nguồn nhân lực trong nông nghiệp.

a/ Khái niệm và đặc điểm nguồn nhân lực trong nông nghiệp.

b/ Xu hướng biến động nguồn nhân lực trong nông nghiệp.

c/ Các nguồn nhân lực trong nông nghiệp nước ta.

d/ Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động nông nghiệp.

e/ Sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực trong nông nghiệp nước ta.

6.3.3. Nguồn lực vốn trong nông nghiệp

a/ Khái niệm và vai trò nguồn lực vốn trong nông nghiệp

b/ Đặc điểm của vốn trong nông nghiệp.

c/ Kinh tế của việc sử dụng vốn trong nông nghiệp.

6.3.4. Nguồn lực khoa học công nghệ trong nông nghiệp

a/ Khái niệm vai trò của khoa học công nghệ trong nông nghiệp

b/ Đặc điểm của khoa học và công nghệ trong nông nghiệp

c/ Đổi mới công nghệ trong nông nghiệp

d/ Sử dụng hiệu quả khoa học công nghệ trong nông nghiệp

6.3.5 Một số nguồn lực quan trọng khác

a/ Nguồn lực khí hậu

b/ Nguồn lực thủy văn

c/ Nguồn lực xã hội

6.4. Phát huy hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp

6.4.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp

6.4.2 Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nông nghiệp

Tài liệu tham khảo:

1. E. Wayne Nafziger: The economics of developing countries (Kinh tế học của các nước đang phát triển). NXBTK 1998, tr 141-174: Khái niệm về ruộng đất, tài nguyên thiên nhiên và vốn)

2. Bộ tài nguyên & Môi trường: Luật đất đai năm 2013 (sửa đổi)

3. Bộ lao động thương binh và xã hội: Tài liệu điều tra về lao động việc làm định kỳ (phần về lao động nông nghiệp nông thôn)

4. Bộ NN&PTNT: www.omard.gov.vn Các tài liệu có liên quan

5. Nghị định số 41/2010/NĐ-CP: về chính sách tín dụng cho phát triển nông nghiệp nông thôn

6. Quyết định số 1050 /QĐ-NHNN/2014: Về chương trình cho vay thí điểm phát triển nông nghiệp nông thôn...

7. Tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu

Chương 7: Tiến bộ khoa học công nghệ trong nông nghiệp

Khoa học công nghệ có vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nông nghiệp hàng hoá lớn chuyên canh, thâm canh cao. Chương này trình bày những

nội dung chủ yếu gồm: Khái niệm, vai trò, đặc điểm tiến bộ khoa học công nghệ trong ngành nông nghiệp; những nội dung chủ yếu về tiến bộ khoa học công nghệ liên quan đến một số yếu tố đầu vào khác ngoài các yếu tố cơ bản đã nghiên cứu ở chương 6, gồm thủy lợi hoá, cơ giới hoá, điện khí hoá và sinh học hoá nông nghiệp; trên cơ sở đó người học đề xuất phương hướng và những giải pháp thúc đẩy tiến bộ khoa học công nghệ trong nông nghiệp Việt Nam

Đề cương chi tiết:

7.1. Khái niệm, nội dung và đặc điểm của tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp

7.1.1. Khái niệm

7.1.2. Vai trò của tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp

7.1.3. Nội dung của tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp

7.1.4. Đặc điểm của tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp

7.1.5. Đánh giá hiệu quả ứng dụng tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp Việt Nam

7.2. Thủy lợi hóa nông nghiệp

7.2.1. Khái niệm thủy lợi hóa

7.2.2. Nội dung thủy lợi hóa

7.2.3. Vai trò của thủy lợi hóa

7.2.4. Thành quả thủy lợi hóa trong nông nghiệp Việt Nam.

7.2.5. Xu hướng thủy lợi hóa nông nghiệp

7.3. Cơ khí hóa nông nghiệp

7.3.1. Khái niệm

7.3.2. Vai trò của cơ khí hóa nông nghiệp

7.3.3. Nội dung cơ khí hóa nông nghiệp

7.3.4. Thành quả cơ khí hóa nông nghiệp Việt Nam.

7.3.5. Xu hướng cơ khí hóa nông nghiệp

7.4. Điện khí hóa nông nghiệp

7.4.1. Khái niệm

7.4.2. Vai trò của điện khí hóa nông nghiệp

7.4.3. Nội dung điện khí hóa nông nghiệp

7.4.4. Thành quả điện khí hóa nông nghiệp Việt Nam.

7.4.5. Xu hướng điện khí hóa nông nghiệp

7.5. Sinh học hóa nông nghiệp

7.5.1. Khái niệm

7.5.2. Vai trò của sinh học hóa nông nghiệp

7.5.3. Nội dung sinh học hóa nông nghiệp

7.5.4. Thành quả sinh học hóa nông nghiệp Việt Nam

7.5.4. Xu hướng sinh học hóa nông nghiệp

7.6. Phương hướng và biện pháp thúc đẩy tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp Việt Nam

7.6.1. Phương hướng thúc đẩy tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp

7.6.2. Các biện pháp thúc đẩy tiến bộ KH-CN trong nông nghiệp

a) Nhóm biện pháp chính sách

b) Nhóm biện pháp kinh tế

c) Nhóm biện pháp tổ chức

Tài liệu tham khảo:

1. David Colman và Trevor Young: Principles of Agricultural economics (Nguyên lý Kinh tế nông nghiệp, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1994, tr 69-81: Đổi mới công nghệ).

2. E. Wayne Nafziger: The economics of developing countries (Kinh tế học của các nước đang phát triển. NXBTK 1998, tr 453-455; 460-463; 513-514)

3. Bộ KH&CN: www.most.gov.vn : Các thông tin, bài báo có liên quan

4. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt *Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*.

5. Tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu

6. Bộ NN&PTNT-ADB: *Dự án Đầu tư Khoa học Công nghệ Nông nghiệp (Nghiên cứu khả thi)*, Hà Nội, 2007

7. GIÁO TRÌNH:

PGS.TS Phạm Văn Khôi - TS Hoàng Mạnh Hùng (2020)- Kinh tế nông nghiệp, NXB KTQD

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

8.1. Các văn kiện, chính sách của Đảng và Nhà nước

1. Đảng cộng sản Việt Nam- Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB CTQG-Sự thật, Hà Nội, 2011

2. Chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về tiếp tục đổi mới và phát triển nông nghiệp, nông thôn, NXB NN, Hà Nội, 1993. Trong đó:

2.1. Chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng (13/01/1981), trang 9-16;

2.2. Nghị quyết 10-NQTU của Bộ chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (05/4/1988), trang 19-50;

2.3. Luật Đất đai năm 1993, trang 53-71. Luật đất đai sửa đổi năm 2003.

2.4. Nghị quyết của Chính phủ số 12/CP ngày 02/3/1003 ban hành quy định sắp xếp lại tổ chức và đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước, trang 150-160.

3. Một số văn bản pháp luật hiện hành về phát triển nông nghiệp, nông thôn, NXB Lao động-xã hội, Hà Nội, 1999. Trong cuốn này có Chỉ thị 100 của Ban bí thư; Nghị quyết 10 của Bộ chính trị; Nghị quyết lần thứ V của Ban chấp hành Trung ương; Nghị định 12/CP, Luật đất đai 1993; Nghị định 64/CP

3.1. Nghị định 15/CP về chính sách khuyến khích phát triển HTX, trang 169-186

3.2. Nghị định 43/CP Ban hành điều lệ mẫu HTX nông nghiệp, trang 187-209

3.3. Nghị quyết số 06- NQ/TU Khóa VIII (11/1988) về một số vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn

3.4. Nghị định số 01/ CP ngày 04/01/1995 ban hành quy định về giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong doanh nghiệp nhà nước

4. Quyết định số 03/ CP về kinh tế trang trại, Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 35 tháng 3-4/2000, trang 60-64.

5. Thông tư liên bộ: Tổng cục thống kê- Bộ NN & PTNT hướng dẫn tiêu chí xác định kinh tế trang trại, Tạp chí kinh tế và Phát triển số 41, tháng 11/2000, trang 52

6. Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá IX), NXB CTQG- ST, Hà Nội, 4/1996

7. Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP tháng 10/2008 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 Về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới

8. Bộ NN&PTNT-ADB: *Dự án Đầu tư Khoa học Công nghệ Nông nghiệp (Nghiên cứu khả thi)*, Hà Nội, 2007

8.2. Các sách, bài báo

1. Nguyễn Văn Bích- Chu Tiến Quang đồng chủ biên: Chính sách kinh tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, NXB CTQG-ST, Hà Nội, 1996

2. Nguyễn Văn Bích- Chu Tiến Quang đồng chủ biên: Phát triển nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1999

3. Nguyễn Văn Bích- Chu Tiến Quang- Lưu Đức Sùng đồng chủ biên: Kinh tế hợp tác, hợp tác xã ở Việt Nam, Thực trạng và định hướng phát triển, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2001.

4. Nguyễn Sinh Cúc- Nguyễn Văn Tiêm: Nửa thế kỷ phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam 1945-1995, NXB Nông nghiệp 2000

5. Trần Văn Hà-Nguyễn Khánh Quắc: Kinh tế trang trại gia đình, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1988

6. Nguyễn Đình Hương chủ biên: Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam theo định hướng CNH,HĐH, NXB CTQG-ST, Hà Nội, 2000

7. Nguyễn Đình Hương chủ biên: Sản xuất và đời sống của các hộ không có đất hoặc thiếu đất ở Đồng bằng sông Cửu long- Thực trạng và giải pháp, NXB CTQG-ST, Hà Nội, 2000

8. Lương Xuân Quý- Nguyễn Thế Nhã đồng chủ biên: Đổi mới tổ chức và quản lý các hợp tác xã trong nông nghiệp, nông thôn. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1999

9. Nguyễn Văn Thường- Nguyễn Thế Nhã đồng chủ biên: Đổi mới tổ chức và quản lý các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước theo hướng CNH,HĐH. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2001

10. Đào Thế Tuấn: Kinh tế hộ nông dân, NXB CYQG-ST, Hà Nội, 1997.

11. David Colman và Trevor Young: Nguyên lý Kinh tế nông nghiệp, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1994.

12. Frank Ellis: Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1995

13. Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt *Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*.

14. Võ Trí Thành (CIEM, 2013): “*Kinh tế Việt Nam và thế giới – Tình hình hiện tại và triển vọng*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

15. TS. Jennifer Ifft (2013): “*Tổng quan thị trường nông nghiệp toàn cầu năm 2012 và dự báo năm 2013*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

- Tài liệu cập nhật khác do Giáo viên giảng giới thiệu

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

Dự lớp: $\geq 80\%$ số giờ và phải có bài tập lớn giữa kỳ

- Điểm chuyên cần: 10% điểm học phần

- Điểm bài tập lớn giữa kỳ: 30% điểm học phần

- Điểm thi cuối học kỳ: 60% điểm học phần

10. GIẢNG VIÊN

- Họ và tên giảng viên phụ trách môn học TS. Hoàng Mạnh Hùng

- Họ và tên giảng viên tham gia giảng dạy: Ths. Nguyễn Hà Hưng; Ths. Võ Thị Hòa Loan

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Nguyên lý kế toán

Tiếng Anh: Accounting Principles

Mã học phần: **KTKE1101**

số tín chỉ: **3 (2,1)**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Các môn học thuộc kiến thức giáo dục đại cương

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần đề cập các kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như: Bản chất hạch toán kế toán; nguyên tắc, khái niệm kế toán được sử dụng rộng rãi. Đối tượng của kế toán và hệ thống phương pháp hạch toán kế toán. Trên cơ sở đó học phần đề cập nguyên lý kế toán các quá trình kinh doanh cơ bản.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Trang bị những kiến thức về cơ sở lý luận và phương pháp luận về hạch toán kế toán cho sinh viên để từ đó sinh viên tiếp thu hiệu quả các môn học khác trong khung chương trình đào tạo.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

Phần/Chương	Thời gian (45 tiết)		
	Tổng số	Giảng	Bài tập và Thảo luận
Chương 1: Tổng quan về kế toán	8	6	2
Chương 2: Chu trình kế toán	10	6	4
Chương 3: Kế toán doanh thu, chi phí	7	5	2
Chương 4: Kế toán tài sản	11	7	4
Chương 5: Kế toán nợ phải trả, kết quả kinh doanh và vốn chủ sở hữu	9	6	3
Tổng	45	30	15

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN

Nghiên cứu Chương 1, người học sẽ được trang bị những vấn đề cơ bản về nguyên lý hạch toán kế toán; vị trí của hạch toán kế toán trong hệ thống các loại hạch toán và trong hệ thống quản lý của đơn vị kế toán; người học cũng sẽ được nghiên cứu những nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận rộng rãi.

1.1. Bản chất và vai trò của kế toán.

1.1.1. Kế toán là gì.

1.1.2. Thông tin kế toán với việc ra quyết định kinh doanh

1.1.3. Các loại kế toán.

1.1.4. Cơ hội nghề nghiệp và triển vọng phát triển đối với kế toán

1.2. Đối tượng phản ánh của kế toán và các công thức kế toán căn bản

1.2.1. Đối tượng phản ánh của kế toán.

1.2.2. Các công thức kế toán căn bản

1.3. Hệ thống báo cáo tài chính.

1.3.1. Vai trò và mục tiêu của báo cáo tài chính

1.3.2. Các báo cáo tài chính cơ bản.

1.4. Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán và các tổ chức có ảnh hưởng đến thực hành nghề nghiệp kế toán

1.4.1. Sự hình thành và nội dung các nguyên tắc kế toán chung.

1.4.2. Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế.

1.4.3. Các tổ chức có ảnh hưởng tới thực hành nghề nghiệp kế toán.

1.5. Hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp

1.5.1. Khái niệm và các chức năng cơ bản của hệ thống thông tin kế toán.

1.5.2. Mối quan hệ của hệ thống thông tin kế toán và hệ thống thông tin quản lý.

1.5.3. Xây dựng hệ thống thông tin kế toán.

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán
- Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung”, các chuẩn mực kế toán khác có liên quan và tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên.
- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter 1

Chương 2: CHU TRÌNH KẾ TOÁN

Nghiên cứu Chương 2, người học sẽ nắm được các khái niệm cơ bản và chức năng của tài khoản kế toán, chứng từ kế toán và hiểu được chu trình kế toán hoàn chỉnh; biết cách sử dụng các công thức kế toán căn bản để phân tích, xử lý và ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.1. Phân tích các nghiệp vụ kinh tế bằng các công thức kế toán căn bản

2.2. Tài khoản kế toán và phương pháp ghi sổ kép

2.2.1. Tài khoản kế toán.

2.2.2. Phương pháp ghi sổ kép.

2.2.3. Sổ Nhật ký và Sổ cái tài khoản.

2.2.4. Tổng hợp ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế tới các báo cáo tài chính

2.3. Tổng hợp quy trình nghiệp vụ của kế toán

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán
- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter 2, 3, 4
- Các tài liệu khác theo hướng dẫn của giảng viên

Chương 3: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ

Trong chương này, người học sẽ được học về khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc kế toán hai yếu tố chính cấu thành nên Báo cáo kết quả kinh doanh là Doanh thu và Chi phí

3.1. Kế toán doanh thu

3.1.1. Khái niệm doanh thu

3.1.2. Đo lường doanh thu

3.1.3. Phương pháp kế toán doanh thu

3.2. Kế toán chi phí

3.2.1. Khái niệm chi phí

3.2.2. Đo lường chi phí

3.2.3. Phương pháp kế toán chi phí

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter
- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

Chương 4. KẾ TOÁN TÀI SẢN

Chương 4 cung cấp cho người học kiến thức về các vấn đề có liên quan đến Tài sản, một trong các yếu tố cấu thành nên Bảng cân đối kế toán, thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, thông qua các kỹ thuật ghi chép của kế toán để kiểm soát, quản lý và sử dụng tài sản có hiệu quả.

4.1. Kế toán tài sản ngắn hạn.

4.1.1. Khái niệm và phân loại TSNH.

4.1.2. Kế toán hàng tồn kho.

4.1.3. Kế toán thu, chi tiền.

4.1.4. Kế toán khoản phải thu KH.

4.2. Kế toán tài sản dài hạn.

4.2.1. Khái niệm và phân loại TSDH.

4.2.2. Kế toán tài sản cố định hữu hình.

4.2.3. Khấu hao tài sản cố định hữu hình.

4.2.4. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán
 - Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
 - Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter 6, 9,
- 10
- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

Chương 5: KẾ TOÁN NỢ PHẢI TRẢ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Trong chương 5, người học tiếp thu các kiến thức kế toán liên quan đến các yếu tố còn lại của Bảng cân đối kế toán là Nợ phải trả và Nguồn vốn chủ sở hữu, đồng thời, người học cũng được học quy trình xác định kết quả của kế toán, cũng như các vấn đề liên quan đến xử lý, phân phối kết quả kinh doanh.

5.1. Kế toán nợ phải trả

5.1.1. Khái niệm và phân loại nợ phải trả

5.1.2. Kế toán khoản phải trả người bán

5.1.2. Kế toán các khoản nợ dài hạn

5.2. Kế toán kết quả kinh doanh và vốn chủ sở hữu

5.2.1. Kế toán kết quả kinh doanh

5.2.2. Kế toán vốn chủ sở hữu

Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley, Chapter 11, 12, 13, 14, 15.
- Các tài liệu tham khảo khác theo hướng dẫn của giảng viên

7. GIÁO TRÌNH

- PGS.TS Nguyễn Thị Đông. (2007). *Giáo trình Lý thuyết Hạch toán kế toán*. Nhà xuất bản Tài chính.
- PGS.TS Nguyễn Văn Công. (2011). *Hệ thống câu hỏi và bài tập Lý thuyết Hạch toán kế toán*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bài giảng Nguyên lý kế toán – Bộ môn Nguyên lý kế toán
- Hệ thống chuẩn mực Kế toán quốc tế
- Chế độ Kế toán và chuẩn mực Kế toán Việt Nam
- Weygandt, Kimmel, Keiso (2012), *Accounting Principles*, Wiley
- Các tài liệu khác theo hướng dẫn cụ thể của giáo viên trực tiếp giảng dạy

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:
 - + Dự lớp: 10%
 - + Kiểm tra giữa kỳ: 20%

+ Thi cuối học kỳ: 70%

- Sinh viên phải tham gia dự lớp tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần, làm đầy đủ các bài tập trong sách bài tập và các bài tập do giáo viên giảng dạy bổ sung.

- Chủ động nghiên cứu tài liệu, giáo trình để trao đổi và thảo luận, làm việc theo nhóm trên lớp. Tham gia kiểm tra định kỳ và thi hết môn theo quy chế.

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Thống kê trong kinh tế và kinh doanh

Tiếng Anh: Statistics in economics and bussiness

Mã học phần: TKKD1129

số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Thống kê kinh doanh

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Học phần Thống kê trong kinh tế và kinh doanh cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản, cốt lõi về thống kê. Sinh viên được trang bị từ các khái niệm cơ bản về dữ liệu và các loại thống kê đến các công cụ thống kê mô tả bao gồm trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị; và tính các tham số đặc trưng. Sinh viên cũng được cung cấp kiến thức về mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết, hồi quy và phân tích dãy số thời gian phục vụ cho dự báo và ra quyết định. Để giúp sinh viên thành thực với các tình huống ra quyết định dựa trên bằng chứng khoa học, học phần trang bị phần mềm thống kê SPSS để ứng dụng phân tích các bộ dữ liệu thực tế trong kinh tế, quản lý và kinh doanh.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong người học cần đạt được những kiến thức và kỹ năng sau:

- Nắm vững kiến thức tổng quát và nhập môn thống kê học với những khái niệm cơ bản trong thống kê và quá trình nghiên cứu thống kê.

- Nắm vững khái niệm chung về điều tra thống kê và làm chủ các kỹ thuật điều tra thống kê, kỹ thuật chọn mẫu và suy rộng kết quả trong điều tra chọn mẫu

- Thành thạo kỹ năng trình bày dữ liệu: kỹ thuật phân tổ thống kê theo một và nhiều tiêu thức; phương pháp trình bày dữ liệu bằng bảng và đồ thị thống kê hiệu quả nhất

- Thành thạo các phương pháp thống kê mô tả: tính toán các chỉ tiêu được dùng phổ biến trong phân tích thống kê nói riêng và phân tích hoạt động kinh doanh nói chung như các loại số bình quân, các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tổng thể theo một tiêu thức nào đó....

- Rèn luyện kỹ năng phân tích thống kê trong các tình huống với các mục đích khác nhau trong quản lý bằng hệ thống các phương pháp phân tích thống kê (phân tích mối liên hệ, phân tích biến động qua thời gian và các nhân tố ảnh hưởng...) với những điều kiện vận dụng cụ thể.

- Nắm vững một số phương pháp dự đoán thống kê thường sử dụng trong quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế xã hội.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết tín chỉ	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1	2.5	1.5	1	
2	Chương 2	2.5	1.5	1	
3	Chương 3	4	2.5	1.5	
4	Chương 4	5.5	4	1.5	
5	Chương 5	6	4.5	1.5	
6	Chương 6	5.5	4	1.5	
7	Chương 7	5.5	4	1.5	
8	Chương 8	5	3.5	1.5	
9	Kiểm tra HP	1	0	1	
	Cộng	37.5	25.5	12	

CHƯƠNG 1 - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THỐNG KÊ

Thống kê là khoa học về thu thập, phân tích, trình bày và diễn giải dữ liệu. Trong kinh tế và quản trị kinh doanh những thông tin có được từ quá trình trên giúp cho nhà quản lý và người ra quyết định có sự hiểu biết sâu sắc hơn về môi trường kinh tế và kinh doanh, từ đó đưa ra quyết định chính xác và tốt hơn. Trong chương này sẽ đề cập đến một số vấn đề chung như là sự nhập môn về thống kê, cụ thể: sự ra đời, phát triển và vai trò của thống kê; nội dung và các khái niệm cơ bản thường dùng trong thống kê; các thang đo và các phương pháp thống kê.

Nội dung:

1.1. Đối tượng nghiên cứu của thống kê

1.1.1. Sơ lược lịch sử phát triển và vai trò của TK trong đời sống xã hội

1.1.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê

1.2. Các khái niệm thường dùng trong thống kê

1.2.1. Tổng thể thống kê và đơn vị tổng thể

1.2.2. Tiêu thức thống kê

1.2.3. Chỉ tiêu thống kê

1.3. Thang đo trong thống kê

1.3.1. Thang đo định danh

1.3.2. Thang đo thứ bậc

1.3.3. Thang đo khoảng

1.3.4. Thang đo tỷ lệ

1.4. Các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 1*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. PGS.TS Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 1*, nhà xuất bản Thống kê.

3. *Luật thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành* (2004) Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

4. Viện khoa học thống kê (2010), *Thống kê thực hành* (sách dịch)– *Chương 1*, Nhà xuất bản Thống kê

5. David R.Anderson, Dennis J.Sweeney (2011), Thomas A.Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.

6. Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel (2009), *Basic Business Statistics, Concepts and Applications*, Eleventh edition, Pearson International Edition.

7. McGraw-Hill Irwin (2002), *Complete Business Statistic*, Fifth edition.

CHƯƠNG 2 – THU THẬP THÔNG TIN THỐNG KÊ

Giai đoạn đầu tiên của quá trình nghiên cứu thống kê là thu thập thông tin – Điều tra thống kê – là giai đoạn có ý nghĩa quyết định đến chất lượng thông tin thống kê. Nhiệm vụ chủ yếu của điều tra thống kê là thu thập được đầy đủ thông tin cần thiết về hiện tượng nghiên cứu, làm cơ sở cho việc tổng hợp và phân tích. Tuy nhiên, đối tượng của thống kê thường là những hiện tượng số lớn, phức tạp bao nhiêu nhiều đơn vị, phân

tử khác nhau. Vì vậy, việc thu thập các thông tin này cũng hết sức phức tạp. Do sự đa dạng, phong phú và phức tạp của đối tượng nghiên cứu, nên muốn đáp ứng được mục đích nghiên cứu, muốn giải quyết được một vấn đề lý thuyết hoặc thực tế đã được định trước đòi hỏi các cuộc điều tra thống kê phải được tổ chức một cách khoa học, có kế hoạch tập trung, thống nhất, có chuẩn bị chu đáo theo những nguyên tắc khoa học nhất định.

Nội dung:

2.1. Khái niệm về thu thập thông tin thống kê

2.2. Các hình thức thu thập thông tin

2.2.1. Báo cáo thống kê định kỳ

2.2.1.1. Báo cáo thống kê tổng hợp

2.2.1.2. Báo cáo thống kê cơ sở

2.2.2. Điều tra thống kê

2.2.2.1. Khái niệm chung về điều tra thống kê

2.2.2.2. Các loại điều tra thống kê

2.2.2.3. Phương pháp thu thập thông tin trong điều tra thống kê

2.2.2.4. Phương án điều tra

2.2.2.5. Sai số trong điều tra thống kê

2.2.3. Khai thác dữ liệu hồ sơ hành chính

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 2*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. PGS.TS Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 1, 2 và 3*, nhà xuất bản Thống kê.

3. *Luật thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành* (2004) Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

4. Các văn kiện hướng dẫn Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 và 2009.

5. Tổng cục Thống kê (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, kết quả toàn bộ*, Nhà xuất bản Thống kê.

6. Tổng cục Thống kê, Các phương án điều tra của các cuộc điều tra hàng năm được thực hiện trong ngành thống kê (công bố trên trang web của Tổng cục thống kê - <http://www.gso.gov.vn>)

CHƯƠNG 3 – TỔNG HỢP THỐNG KÊ

Sau khi tiến hành điều tra thống kê, ta sẽ thu được những tài liệu phản ánh được những đặc trưng riêng rẽ về từng đơn vị tổng thể. Do vậy chưa thể sử dụng các tài liệu này vào phân tích để nêu rõ bản chất, quy luật phát triển của toàn bộ hiện tượng. Muốn làm được điều này, cần phải tiến hành hệ thống hóa các tài liệu đã thu được trong điều tra để làm cho các tài liệu riêng rẽ về từng đơn vị tổng thể trở thành những con số phản ánh đặc trưng chung của toàn bộ hiện tượng, trên cơ sở đó, giúp ta có nhận định chung về toàn bộ hiện tượng nghiên cứu và là cơ sở để sử dụng các phương pháp phân tích và dự đoán thống kê. Nội dung chương này sẽ đề cập đến các phương pháp tổng hợp dữ liệu thống kê để thực hiện mục đích trên.

Nội dung:

3.1. Phân tổ thống kê

3.1.1. Khái niệm chung về phân tổ thống kê

3.1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tổ thống kê.

3.1.1.2. Các loại phân tổ thống kê.

3.1.1.3. Tiêu thức phân tổ và chỉ tiêu giải thích.

3.1.2. Các bước phân tổ thống kê

3.1.2.1. Xác định mục đích phân tổ

3.1.2.2. Lựa chọn tiêu thức phân tổ

3.1.2.3. Xác định số tổ và khoảng cách tổ

3.1.2.4. Phân phối các đơn vị vào từng tổ

3.1.3. Dãy số phân phối

3.1.3.1. Khái niệm và các loại dãy số phân phối

3.1.3.2. Dãy số lượng biến

3.2. Bảng thống kê

3.3. Đồ thị thống kê

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 3*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. PGS.TS Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 3*, nhà xuất bản Thống kê.

3. Viện khoa học thống kê (2010), *Thống kê thực hành (sách dịch)– Chương 1*, Nhà xuất bản Thống kê.

4. David R.Anderson, Dennis J.Sweeney (2011), Thomas A.Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.

5. Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel (2009), *Basic Business Statistics, Concepts and Applications*, Eleventh edition, Pearson International Edition.

CHƯƠNG 4 – CÁC MỨC ĐỘ THỐNG KÊ MÔ TẢ

Các hiện tượng kinh tế - xã hội tồn tại trong những điều kiện thời gian và địa điểm nhất định. Mỗi đặc điểm cơ bản của hiện tượng thường có thể được biểu hiện bằng các mức độ khác nhau. Việc nghiên cứu các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội là một trong những nội dung của phân tích thống kê, nhằm vạch rõ mặt lượng trong mối quan hệ mật thiết với mặt chất của hiện tượng nghiên cứu trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Đây cũng là cơ sở xuất phát của nhiều nội dung phân tích thống kê khác.

Trong phân tích thống kê, các mức độ của hiện tượng bao gồm: số tuyệt đối và số tương đối, các mức độ trung tâm, các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tiêu thức.

Nội dung:

4.1. Số tuyệt đối và số tương đối trong thống kê

4.1.1. Số tuyệt đối trong thống kê

4.1.1.1. Khái niệm

4.1.1.2. Các loại số tuyệt đối

4.1.2. Số tương đối trong thống kê

4.1.2.1. Khái niệm

4.1.2.2. Các loại số tương đối

4.1.3. Điều kiện vận dụng số tuyệt đối và số tương đối trong thống kê

4.2. Các mức độ trung tâm

4.2.1. Số trung bình

4.2.2. Mốt

4.2.3. Trung vị

4.3. Các chỉ tiêu đo độ biến thiên của tiêu thức

4.3.1. Khoảng biến thiên

4.3.2. Độ lệch tuyệt đối bình quân

- 4.3.3. Phương sai
- 4.3.4. Độ lệch tiêu chuẩn
- 4.3.5. Hệ số biến thiên

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 4*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. PGS.TS Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 4*, nhà xuất bản Thống kê.
3. Viện khoa học thống kê (2010), *Thống kê thực hành (sách dịch)– Chương 2*, Nhà xuất bản Thống kê.
4. David R.Anderson, Dennis J.Sweeney (2011), Thomas A.Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.
5. Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel (2009), *Basic Business Statistics, Concepts and Applications*, Eleventh edition, Pearson International Edition.

CHƯƠNG 5 - ĐIỀU TRA CHỌN MẪU

Thực tế khi phân tích các hiện tượng kinh tế - xã hội cho thấy không phải lúc nào chúng ta cũng có thể nghiên cứu cũng như thu thập số liệu của tổng thể chung hay tất cả các đơn vị thuộc đối tượng nghiên cứu. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó là do tổng thể chung quá lớn làm cho chi phí cao, mất nhiều thời gian và gặp nhiều sai số trong quá trình điều tra hay thu thập số liệu, hoặc do không thể xác định được qui mô tổng thể chung hay tổng thể chung không xác định làm việc nghiên cứu không khả thi hoặc cũng có thể là khi nghiên cứu toàn bộ tổng thể chung sẽ làm phá vỡ hay ảnh hưởng đến tổng thể chung. Một tổng thể mẫu sẽ được chọn ra để thu thập tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, kết quả nghiên cứu mẫu sẽ được suy diễn ra các kết quả của tổng thể chung. Tuy nhiên, khi ước lượng kết quả luôn tồn tại một sai số khi ước lượng, hơn nữa việc xác định qui mô mẫu cũng như xác định phương pháp chọn mẫu để đảm bảo tính đại diện của mẫu điều tra cũng là một vấn đề quan trọng.

Nội dung chương này sẽ đề cập đến một số vấn đề chung về điều tra chọn mẫu, các vấn đề cơ bản trong điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên, phương pháp ước lượng trung bình và tỷ lệ trong điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên Cuối cùng giới thiệu các hình thức tổ chức chọn mẫu khác nhau.

Nội dung:

5.1. Những vấn đề chung về điều tra chọn mẫu

5.1.1. Khái niệm, ưu điểm, hạn chế và trường hợp vận dụng ĐTCM

5.1.2. Tổng thể chung và tổng thể mẫu

5.1.3. Chọn hoàn lại và không hoàn lại

5.2. Cơ sở của ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê

5.2.1. Biến ngẫu nhiên

5.2.2. Quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên

5.2.3. Định lý giới hạn trung tâm

5.3. Ước lượng kết quả điều tra

5.3.1. Sai số trong điều tra chọn mẫu

5.3.2. Ước lượng trung bình của tổng thể

5.3.3. Ước lượng tỷ lệ tổng thể chung

5.3.4. Xác định kích thước mẫu

5.4. Kiểm định giả thuyết thống kê

5.4.1. Những vấn đề chung về kiểm định giả thuyết thống kê

5.4.2. Kiểm định trung bình một tổng thể

5.5. Một số phương pháp tổ chức chọn mẫu thường dùng trong thống kê

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 5 và 6*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. PGS.TS. Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 5*, NXB Thống kê.
3. Viện khoa học Thống kê (2010), *Thống kê thực hành* (sách dịch), NXB Thống kê.
4. PGS. TS Nguyễn Cao Văn, TS Trần Thái Ninh (2008), *Giáo trình Lý thuyết xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
5. Tăng Văn Khiên (1995), *Những vấn đề cơ bản về điều tra chọn mẫu*, Nhà xuất bản thống kê.
6. David R. Anderson, Dennis J. Sweeney (2011), Thomas A. Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.

7. Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel (2009), *Basic Business Statistics, Concepts and Applications*, Eleventh edition, Pearson International Edition.

CHƯƠNG 6 - PHÂN TÍCH HỒI QUY VÀ TƯƠNG QUAN

Các hiện tượng kinh tế - xã hội luôn tồn tại và phát triển trong mối liên hệ và tác động qua lại với nhau. Do vậy ngoài việc nghiên cứu bản chất hiện tượng cần phân tích mối liên hệ, tác động của hiện tượng nghiên cứu với các hiện tượng khác. Thực tế nghiên cứu cho thấy kết quả của việc nghiên cứu mối liên hệ là rất hữu ích trong việc xác định được những nhân tố có mối liên hệ và tác động lớn đến hiện tượng nghiên cứu để từ đó làm căn cứ cho việc hoạch định các chính sách và quyết định quản lý. Ngoài việc phân tích mối liên hệ, phân tích hồi quy - tương quan còn là cơ sở để xây dựng phương pháp dự đoán hữu ích dựa trên mối liên hệ. Sau khi xây dựng được phương trình hồi quy phù hợp sử dụng phương pháp ngoại suy sẽ cho kết quả dự đoán tương ứng.

Nội dung chương này đề cập đến: một số vấn đề chung về mối liên hệ và nhiệm vụ của phương pháp hồi quy tương quan; các kỹ thuật xây dựng phương trình hồi quy và phân tích mối liên hệ tương quan đơn giữa hai biến ở dạng tuyến tính và phi tuyến. Cuối cùng là giới thiệu phương pháp hồi quy tương quan bội.

Nội dung:

6.1. Nhiệm vụ của phân tích HQ và TQ

- 6.1.1. Liên hệ hàm số và liên hệ tương quan
- 6.1.2. Nhiệm vụ của phân tích hồi quy và tương quan
- 6.1.3. Ý nghĩa của phân tích hồi quy và tương quan

6.2. Hồi quy và tương quan đơn

- 6.2.1. Xây dựng phương trình hồi quy
- 6.2.2. Kiểm định các hệ số của phương trình hồi quy

6.3. Hồi quy và tương quan bội

- 6.3.1. Xây dựng phương trình hồi quy
- 6.3.2. Kiểm định các hệ số của phương trình hồi quy

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Lý thuyết thống kê - Chương 11 và 12*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. PGS.TS. Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 7*, NXB Thống kê.
3. Viện khoa học Thống kê (2010), *Thống kê thực hành* (sách dịch), NXB Thống kê.
4. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2006), *Kinh tế lượng* (chương trình nâng cao), Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 2006
5. PGS. TS Nguyễn Cao Văn, TS Trần Thái Ninh (2008), *Giáo trình Lý thuyết xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
6. Gujarati, Damodar N (2006), *Essentials of Econometrics*, McGraw-Hill. Inc.
7. David R. Anderson, Dennis J. Sweeney (2011), Thomas A. Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.
8. Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel (2009), *Basic Business Statistics, Concepts and Applications*, Eleventh edition, Pearson International Edition.

CHƯƠNG 7 - PHÂN TÍCH DÃY SỐ THỜI GIAN

Dãy số thời gian là dãy các trị số của chỉ tiêu thống kê được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Để phân tích đặc điểm biến động của hiện tượng qua thời gian, chúng ta sử dụng 5 chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian. Một dãy số thời gian gồm có 4 thành phần là xu thế, biến động chu kỳ, biến động thời vụ, và biến động ngẫu nhiên, các thành phần này có thể kết hợp với nhau theo nhiều dạng. Để loại bỏ các tác động ngẫu nhiên giúp làm trơn dãy số và biểu hiện xu hướng biến động cơ bản của hiện tượng, chúng ta sử dụng phương pháp mở rộng khoảng cách thời gian, dãy số bình quân trượt, và hàm xu thế. Thành phần thời vụ được tính dựa vào chỉ số thời vụ và được bóc tách dựa vào mô hình kết hợp các thành phần của dãy số thời gian. Một trong những ứng dụng quan trọng nữa của dãy số thời gian là dự đoán trên cơ sở phân tích các đặc điểm và thành phần của dãy số thời gian. Tất cả các nội dung trên được trình bày trong chương này.

Nội dung:

7.1. Khái niệm chung về dãy số thời gian

7.1.1. Khái niệm chung về dãy số thời gian (Khái niệm, kết cấu)

7.1.2. Tác dụng của dãy số thời gian

7.1.3. Các loại dãy số thời gian

7.1.4. Yêu cầu đối với việc xây dựng dãy số thời gian

7.2. Các chỉ tiêu phân tích đặc điểm biến động hiện tượng qua thời gian

7.2.1. Mức độ bình quân theo thời gian

7.2.2. Lượng tăng (giảm) tuyệt đối

7.2.3. Tốc độ phát triển

7.2.4. Tốc độ tăng (giảm)

7.2.5. Giá trị tuyệt đối của 1% tốc độ tăng (giảm)

7.3. Một số phương pháp biểu diễn xu hướng biến động cơ bản của hiện tượng

7.3.1. Dãy số bình quân trượt

7.3.2. Hàm xu thế

7.4. Một số phương pháp dự đoán ngắn hạn thường dùng trong thống kê

7.4.1. Dự đoán dựa vào lượng tăng (giảm) tuyệt đối bình quân

7.4.2. Dự đoán dựa vào tốc độ phát triển bình quân

7.4.3. Dự đoán bằng phương pháp ngoại suy hàm xu thế

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Lý thuyết thống kê - Chương 13*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. PGS.TS. Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 8 và 10*, NXB Thống kê.

3. Viện khoa học Thống kê (2010), *Thống kê thực hành* (sách dịch), NXB Thống kê.

4. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2006), *Kinh tế lượng* (chương trình nâng cao), Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật Hà Nội, 2006

5. TS Nguyễn Khắc Minh (2002), *Các phương pháp phân tích và dự báo trong kinh tế*, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật

6. Gujarati, Damodar N (2006), *Essentials of Econometrics*, McGraw-Hill. Inc.

7. David R. Anderson, Dennis J. Sweeney (2011), Thomas A. Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.

CHƯƠNG 8 - PHƯƠNG PHÁP CHỈ SỐ

Chỉ số là một phương pháp quan trọng, là công cụ hữu hiệu trong thống kê và trong nghiên cứu, phân tích kinh tế xã hội nói chung. Đây là phương pháp phân tích sự biến động của của hiện tượng qua các điều kiện thời gian và không gian khác nhau; phân tích mức các ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành tới sự biến động đó. Nội dung của chương này sẽ trình bày chi tiết về lý thuyết chỉ số, từ khái niệm, phân loại, đặc điểm đến phương pháp xây dựng các chỉ số cơ bản; phương pháp phân tích bằng hệ thống chỉ số.

Nội dung:

8.1. Khái niệm chung về phương pháp chỉ số

8.1.1. Khái niệm, đặc điểm của phương pháp chỉ số

8.1.2. Tác dụng của phương pháp chỉ số

8.2. Chỉ số phát triển

8.2.1. Chỉ số đơn

8.2.2. Chỉ số tổng hợp

8.3. Chỉ số không gian

8.3.1. Chỉ số đơn

8.3.2. Chỉ số tổng hợp

8.4. Hệ thống chỉ số

8.4.1. Khái niệm, tác dụng của HTCS

8.4.2. Phương pháp xây dựng hệ thống chỉ số

Tài liệu tham khảo của chương:

1. PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2011), *Giáo trình Lý thuyết thống kê - Chương 14*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. PGS.TS. Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê – Chương 9*, NXB Thống kê.
3. Nguyễn Hữu Hòe (1984), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB Thống kê
4. Viện khoa học thống kê (2005), *Một số vấn đề phương pháp luận thống kê*, NXB Thống kê.

7. GIÁO TRÌNH

PGS.TS. Trần Thị Kim Thu (2015), *Giáo trình Lý thuyết Thống kê*, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc dân.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Trần Ngọc Phác, TS. Trần Thị Kim Thu (2006), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB Thống kê.
2. Hoàng Trọng (2008) *Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội*
3. Viện khoa học Thống kê (2010), *Thống kê thực hành* (sách dịch), NXB Thống kê.
4. PGS. TS Nguyễn Cao Văn, TS Trần Thái Ninh (2008), *Giáo trình Lý thuyết xác suất và Thống kê toán*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
5. Nguyễn Hữu Hòe (1984), *Giáo trình Lý thuyết thống kê*, NXB Thống kê
6. Viện khoa học thống kê (2005), *Một số vấn đề phương pháp luận thống kê*, NXB Thống kê.
7. David R.Anderson, Dennis J.Sweeney (2011), Thomas A.Williams, *Statistics for business and economics*, 11th edition, South-Western, Cengage Learning.
8. Mark L. Berenson, David M. Levine, Timothy C. Krehbiel (2009), *Basic Business Statistics, Concepts and Applications*, Eleventh edition, Pearson International Edition.
9. McGraw-Hill Irwin (2002), *Complete Business Statistic*, Fifth edition.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế quốc dân, cụ thể:

- Điểm đánh giá của giảng viên: 10%
- Một bài kiểm tra: 30%
- Bài thi hết môn: 60%

(Điều kiện dự thi: điểm đánh giá của giảng viên tối thiểu là 5, điểm kiểm tra tối thiểu là 3)

10. GIẢNG VIÊN

- Họ và tên giảng viên phụ trách môn học: TS. Đỗ Văn Huân

- Họ và tên giảng viên tham gia giảng dạy:

+ GS.TS. Phan Công Nghĩa

+ PGS.TS. Trần Thị Kim Thu

+ PGS.TS. Trần Thị Bích

+ TS. Phạm Thị Mai Anh

+ TS. Chu Thị Bích Ngọc

+ TS. Nguyễn Minh Thu

+ TS. Cao Quốc Quang

+ TS. Đỗ Văn Huân

+ TS. Trần Thị Nga

+ TS. Nguyễn Thị Xuân Mai

+ TS. Lê Hoàng Minh Nguyệt

+ ThS. Nguyễn Huyền Trang

+ ThS. Trần Hoài Nam

+ ThS. Nguyễn Đăng Khoa

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Đỗ Văn Huân

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: **Pháp luật kinh doanh**

Tiếng Anh: **Business Law**

Mã học phần: LUKD_1118 Tổng số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Pháp luật kinh doanh

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Đã học Pháp luật đại cương

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Những quy định pháp luật cơ bản về: Thành lập và điều hành hoạt động của doanh nghiệp; Chế độ pháp lý đối với các loại doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác; Pháp luật về hoạt động thương mại và hợp đồng kinh doanh, thương mại; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại bằng những phương thức Trọng tài thương mại và Tòa án; Pháp luật giải quyết việc phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Nhận thức được vai trò, hình thức và nội dung của công cụ pháp luật đối với các hoạt động kinh doanh. Pháp luật kinh doanh là nền tảng cho mọi hoạt động kinh doanh, đồng thời cũng là môi trường chung tạo sự thống nhất trong hoạt động của các công chức nhà nước và cán bộ quản trị doanh nghiệp khi thực hiện những mục tiêu của mình trong nền kinh tế thị trường.

- Nắm được những kiến thức pháp luật cơ bản nhất trong đầu tư, thành lập, điều hành hoạt động một doanh nghiệp trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nắm vững những cơ sở pháp lý trong đàm phán, thương thảo để ký kết và thực hiện các loại hợp đồng trong kinh doanh, thương mại. Hình thành kỹ năng trong việc

cập nhật những quy định pháp luật mới về kinh tế và kinh doanh trong nước và quốc tế liên quan đến hợp đồng kinh doanh, thương mại.

- Rèn luyện những kỹ năng cơ bản về chuẩn bị hồ sơ, công việc cần thiết trong các giai đoạn khi tham gia giải quyết những tranh chấp trong kinh doanh, thương mại và xử lý tình huống doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1	7	5	2	Kiểm tra 1 tiết
2	Chương 2	9	6	3	
3	Chương 3	4	3	1	
4	Chương 4	9	7	2	
5	Chương 5	9	6	3	
6	Chương 6	7	5	2	
	Cộng	45	32	13	

CHƯƠNG I - QUY CHẾ PHÁP LÝ CHUNG VỀ

THÀNH LẬP VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát về chương:

Những cách phân loại doanh nghiệp; Quy chế pháp lý cơ bản đối với việc thành lập và quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực kinh doanh thể hiện qua những điều kiện và thủ tục hiện hành; Thủ tục đăng ký những thay đổi so với đăng ký doanh nghiệp ban đầu trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp; Tổ chức lại và giải thể doanh nghiệp; Pháp luật đầu tư kinh doanh với những nội dung liên quan đến hình thức đầu tư trực tiếp là thành lập các tổ chức kinh tế; Những quyền và nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp.

1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của doanh nghiệp

1.1.2. Phân loại doanh nghiệp

- 1.1.3. Giới hạn trách nhiệm trong kinh doanh
- 1.2. Điều kiện và thủ tục cơ bản để thành lập doanh nghiệp
 - 1.2.1. Những điều kiện cơ bản thành lập doanh nghiệp
 - 1.2.2. Thủ tục thành lập doanh nghiệp
- 1.3. Đăng ký những thay đổi của doanh nghiệp
 - 1.3.1. Đăng ký những thay đổi nội dung Đăng ký doanh nghiệp
 - 1.3.2. Tổ chức lại doanh nghiệp
 - 1.3.3. Giải thể doanh nghiệp
- 1.4. Pháp luật đầu tư
 - 1.4.1. Hình thức đầu tư
 - 1.4.2. Lĩnh vực, địa bàn đầu tư
 - 1.4.3. Bảo đảm đầu tư
 - 1.4.4. Ưu đãi đầu tư
 - 1.4.5. Hỗ trợ đầu tư
- 1.5. Những quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp trong kinh doanh
 - 1.5.1. Quyền của doanh nghiệp trong kinh doanh
 - 1.5.2. Nghĩa vụ của doanh nghiệp trong kinh doanh
 - 1.5.3. Tuân thủ pháp luật cạnh tranh

Tài liệu tham khảo chương 1:

- Bộ luật Dân sự 2005
- Luật Doanh nghiệp 2014
- Luật Đầu tư 2014
- Luật Cạnh tranh 2004

CHƯƠNG II. CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ CÁC CÔNG TY

Giới thiệu khái quát về chương:

Chương 3 nghiên cứu những quy định cụ thể của pháp luật về việc đăng ký thành lập, tổ chức quản lý hoạt động đối với mỗi loại doanh nghiệp. Hiện hành, theo Luật Doanh nghiệp 2014, có 5 loại hình doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty TNHH một thành viên, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Với mỗi loại hình doanh nghiệp, đề cập những quy định cơ bản về 3 nội dung chủ yếu là: Đặc điểm trong việc thành lập và hoạt động; Chế độ thành

lập và tổ chức quản lý hoạt động.

2.1. Công ty cổ phần

2.1.1. Đặc điểm trong việc thành lập và hoạt động

2.1.2. Chế độ thành lập công ty cổ phần

2.1.3. Tổ chức quản lý hoạt động công ty cổ phần

2.2. Công ty TNHH hai thành viên trở lên

2.2.1. Đặc điểm trong việc thành lập và hoạt động

2.2.2. Chế độ thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên

2.2.3. Tổ chức quản lý hoạt động công ty TNHH hai thành viên trở lên

2.3. Công ty TNHH một thành viên

2.3.1. Đặc điểm trong việc thành lập và hoạt động

2.3.2. Chế độ thành lập công ty TNHH một thành viên

2.3.3. Tổ chức quản lý hoạt động công ty TNHH một thành viên

2.4. Công ty hợp danh

2.4.1. Đặc điểm trong việc thành lập và hoạt động

2.4.2. Chế độ thành lập công ty hợp danh

2.4.3. Tổ chức quản lý hoạt động công ty hợp danh

Tài liệu tham khảo chương 2:

- Như chương 1

CHƯƠNG III - CHẾ ĐỘ PHÁP LÝ VỀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN VÀ CÁC CHỦ THỂ KINH DOANH KHÁC

Giới thiệu khái quát về chương:

Trong thực tế của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần ở Việt Nam, tham gia thực hiện hoạt động kinh doanh, ngoài các doanh nghiệp còn có một số chủ thể khác. Đồng thời, cùng với sự phát triển của thị trường, một số hình thức tổ chức sản xuất mới được dần dần xác lập, áp dụng thí điểm. Chương này đề cập quy chế pháp lý đối với việc thành lập và hoạt động của các chủ thể kinh doanh như hợp tác xã, hộ kinh doanh và những mô hình mới của nhóm công ty như tập đoàn kinh tế và công ty mẹ-công ty con.

3.1. Doanh nghiệp tư nhân

3.1.1. Đặc điểm trong việc thành lập và hoạt động

- 3.1.2. Chế độ thành lập doanh nghiệp tư nhân
- 3.1.3. Tổ chức quản lý hoạt động doanh nghiệp tư nhân
- 3.2. Nhóm công ty
 - 3.1.1. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty
 - 3.1.2. Công ty mẹ-công ty con
- 3.3. Hợp tác xã
 - 3.3.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp tác xã
 - 3.3.2. Thành lập hợp tác xã
 - 3.3.3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã
 - 3.2.4. Quy chế pháp lý về thành viên
 - 3.2.5. Tổ chức, quản lý hợp tác xã
 - 3.2.6. Tài sản và tài chính của hợp tác xã
- 3.4. Hộ kinh doanh
 - 3.4.1. Khái niệm và đặc điểm của hộ kinh doanh
 - 3.4.2. Đăng kí kinh doanh
- 3.5. Tổ hợp tác và cá nhân hoạt động thương mại
 - 3.5.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ hợp tác
 - 3.5.2. Tổ viên
 - 3.5.3. Tổ chức và quản lý tổ hợp tác
 - 3.5.4. Chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác

Tài liệu tham khảo chương 3:

- Luật hợp tác xã 2012
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21-11-2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã
- Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10-10-2007 về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác
- Nghị định số 39/2007/NĐ-CP ngày 16-3-2007 về cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh.
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

CHƯƠNG IV - PHÁP LUẬT HỢP ĐỒNG KINH DOANH, THƯƠNG MẠI

Giới thiệu khái quát về chương:

Mục đích cơ bản của việc thành lập doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh là tiến hành các hoạt động kinh doanh, thương mại. Hợp đồng là hình thức pháp lý của các mối quan hệ kinh doanh giữa các chủ thể kinh doanh. Chương này nghiên cứu những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại, quy chế pháp lý đối với việc xác lập và giải quyết các quan hệ hợp đồng kinh doanh, thương mại.

4.1. Khái quát hợp đồng và pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại

4.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại hoạt động thương mại

4.1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại hợp đồng dân sự

4.1.3. Khái niệm, đặc điểm và phân loại hợp đồng kinh doanh, thương mại

4.1.4. Hệ thống văn bản pháp luật và nguyên tắc áp dụng pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại

4.2. Chế độ pháp lý hợp đồng dân sự

4.2.1. Giao kết hợp đồng dân sự

4.2.2. Thực hiện hợp đồng dân sự

4.2.3. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng dân sự

4.3. Hợp đồng mua bán hàng hóa

4.3.1. Hàng hoá trong hợp đồng mua bán hàng hoá

4.3.2. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hoá

4.3.3. Hợp đồng mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hoá

4.3.4. Hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế

4.4. Hợp đồng dịch vụ

4.4.1. Khái niệm hợp đồng dịch vụ

4.4.2. Phân loại hợp đồng dịch vụ

4.4.3. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng dịch vụ

4.5. Trách nhiệm pháp lý trong hoạt động thương mại

4.5.1. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng thương mại

4.5.2. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm pháp luật thương mại

Tài liệu tham khảo chương 4:

- Bộ luật dân sự 2005

- Luật Thương mại 2005

- Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế
- Hiệp định WTO về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)
- Hiệp định WTO về thương mại hàng hóa (GATT)
- Hiệp định WTO về thương mại dịch vụ (GATS).

CHƯƠNG V - PHÁP LUẬT GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH, THƯƠNG MẠI

Giới thiệu khái quát về chương:

Những tranh chấp phát sinh giữa những nhà đầu tư trong quá trình góp vốn thành lập và điều hành, quản lý doanh nghiệp, giữa các bên trong thực hiện hợp đồng và trong các hoạt động kinh doanh khác là điều tất yếu, xảy ra thường xuyên. Những tranh chấp kinh doanh, thương mại có những đặc điểm riêng so với các tranh chấp trong những lĩnh vực khác nên cần có những phương thức giải quyết thích hợp. Chương này nghiên cứu những quy định của các phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và bằng Tòa án. Một nội dung khác được đề cập trong chương này là việc giải quyết những vụ việc cạnh tranh phát sinh trong quá trình thực hiện pháp luật cạnh tranh.

5.1. Tranh chấp trong kinh doanh và việc giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại

5.1.1. Khái niệm về tranh chấp kinh doanh, thương mại

5.1.2. Phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại

5.2. Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng trọng tài thương mại

5.2.1. Khái niệm trọng tài

5.2.2. Quá trình hình thành và phát triển của trọng tài thương mại ở Việt Nam

5.2.3. Nguyên tắc và điều kiện giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại

5.2.4. Những giai đoạn cơ bản của tổ tụng trọng tài

5.3. Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án nhân dân

5.3.1. Khái quát chung về hệ thống Tòa án ở Việt Nam

5.3.2. Thẩm quyền giải quyết các vụ việc về kinh doanh, thương mại của Tòa án nhân dân

5.3.3. Nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Tòa án

- 5.3.4. Thủ tục giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại tại Toà án
- 5.3.5. Thi hành bản án, quyết định giải quyết các vụ việc kinh doanh, thương mại của Toà án, phán quyết của Trọng tài
- 5.4. Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài
 - 5.4.1. Nguyên tắc xác định pháp luật trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài
 - 5.4.2. Một số quy tắc trọng tài quốc tế thông dụng
 - 5.4.3. Vấn đề công nhận và thi hành tại Việt Nam các phán quyết của Toà án và trọng tài nước ngoài
- 5.5. Pháp luật cạnh tranh
 - 5.5.1. Nội dung pháp luật cạnh tranh
 - 5.5.2. Khái niệm vụ việc cạnh tranh
 - 5.5.3. Cơ quan giải quyết các vụ việc cạnh tranh
 - 5.5.4. Xử lý vụ việc cạnh tranh (Tổ tụng cạnh tranh)
 - 5.5.5. Xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh.

Tài liệu tham khảo chương 5:

- Luật Trọng tài thương mại 2010.
- Bộ luật Tố tụng dân sự 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011
- Luật Thi hành án dân sự 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.
- Luật Cạnh tranh 2004.
- Luật Mẫu UNCITRAL về Trọng tài thương mại quốc tế 1985.

CHƯƠNG VI - PHÁP LUẬT PHÁ SẢN

Giới thiệu khái quát về chương:

Trong cơ chế cạnh tranh của thị trường, doanh nghiệp và hợp tác xã có thể lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính gọi là tình trạng phá sản. Pháp luật phá sản quy định những dấu hiệu xác định doanh nghiệp và hợp tác xã mất khả năng thanh toán, thủ tục tiến hành các bước của quá trình giải quyết việc phá sản, những hậu quả pháp lý khi một doanh nghiệp và hợp tác xã bị tuyên bố phá sản.

- 6.1. Những quy định chung về pháp luật phá sản
 - 6.1.1. Khái niệm chung về phá sản và pháp luật phá sản Việt Nam
 - 6.1.2. Khái niệm phá sản và dấu hiệu xác định doanh nghiệp, hợp tác xã mất

khả năng thanh toán

- 6.1.3. Đối tượng áp dụng Luật Phá sản 2014
- 6.1.4. Vai trò của pháp luật phá sản
- 6.1.5. Thẩm quyền giải quyết phá sản của Tòa án nhân dân
- 6.1.6. Các biện pháp bảo toàn tài sản
- 6.1.7. Cá nhân, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản
- 6.2. Thủ tục giải quyết vụ việc phá sản
 - 6.2.1. Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản
 - 6.2.2. Hội nghị chủ nợ và thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh
 - 6.2.3. Tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản
 - 6.2.4. Thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản

Tài liệu tham khảo chương 6:

- Luật Phá sản 2014
 - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16-2-2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

7. GIÁO TRÌNH

- Giáo trình Pháp luật kinh tế (2015). Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế quốc dân. NXB Đại học Kinh tế quốc dân. Tái bản lần thứ 6.
- Bài giảng Pháp luật kinh doanh do giáo viên cung cấp.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Những văn bản quy phạm pháp luật ghi tại cuối mỗi chương của Giáo trình
- Những văn bản quy phạm pháp luật ghi tại cuối mỗi chương của Mục 6
- International Business Law. ISBN: 013600864X; 9780136008644. Ray A August; Don Mayer; Michel Bixby. NXB Prentice Hall. 2009. Bản dịch của Khoa Luật Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội 2013.
- Thường xuyên cập nhật văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên các trang thông tin điện tử như: <http://vietlaw.gov.vn>; <http://vbpl.vn>; trang web của Bộ, cơ quan ngang Bộ và các trang web khác.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Giờ lên lớp của sinh viên ít nhất là 80%. Sinh viên phải có bài kiểm tra.

- Hình thức thi kết thúc học phần là thi viết.

- Công thức tính điểm học phần là 10%, 40%, 50%. Trong đó, điểm đánh giá của giảng viên 10%. 40% là điểm trung bình cộng 1 bài kiểm tra viết và 1 bài tập nhóm hoặc 2 bài tập nhóm. 50% là điểm thi kết thúc học phần.

- Việc chấm điểm sử dụng thang điểm 10. Điểm kiểm tra định kỳ học phần, điểm đánh giá của giảng viên lấy điểm nguyên. Điểm thi kết thúc học phần lấy lẻ đến 0,5. Điểm học phần lấy lẻ đến một chữ số thập phân.

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Dương Nguyệt Nga

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Lý thuyết tài chính tiền tệ

Tiếng Anh: Monetary and Financial Theories

Mã học phần: NHLT1101 số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Lý thuyết Tài chính tiền tệ 1

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

- Những NLCB của chủ nghĩa Mác - Lênin
- Kinh tế vi mô 1
- Kinh tế vĩ mô 1

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Lý thuyết tài chính tiền tệ 1 là học phần thuộc phần kiến thức bắt buộc của trường. Môn học nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tài chính - tiền tệ, ngân sách nhà nước, tín dụng, lãi suất cũng như các hoạt động trên thị trường tài chính, hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ. Trên cơ sở đó sinh viên có được các kiến thức căn bản cần thiết để nghiên cứu các học phần chuyên sâu theo mỗi chuyên ngành đào tạo.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1	5	3	2	
2	Chương 2	3	2	1	
3	Chương 3	5	3	2	
4	Chương 4	4	3	1	

5	Chương 5	7	4	3	
6	Chương 6	7	5	2	
7	Chương 7	7	5	2	
8	Chương 8	7	5	2	
	Cộng	45	30	15	

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Tiền tệ và tài chính là những phạm trù kinh tế gắn liền với nền sản xuất và lưu thông hàng hoá. Nó có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình phát triển nền kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Để thấy rõ vai trò đó, chương này cho phép chúng ta hiểu một cách cơ bản các khái niệm về tiền tệ và tài chính. Qua đó nhận thức được quá trình ra đời, phát triển của tiền tệ và tài chính.

1.1. Bản chất của tiền tệ

1.1.1. Sự ra đời của tiền tệ

1.1.2. Bản chất của tiền tệ

1.2. Chức năng của tiền tệ

1.2.1. Chức năng của tiền tệ theo quan điểm K.Marx

1.2.2. Chức năng của tiền tệ theo quan điểm kinh tế học hiện đại

1.3. Sự phát triển các hình thái tiền tệ

1.3.1. Tiền bằng hàng hoá

1.3.2. Tiền giấy

1.3.3. Tiền ghi sổ

1.4. Chế độ tiền tệ

1.4.1. Chế độ song bản vị

1.4.2. Chế độ bản vị tiền vàng

1.4.3. Chế độ bản vị vàng thỏi

1.4.4. Chế độ bản vị vàng hối đoái

1.4.5. Chế độ bản vị ngoại tệ

1.4.6. Chế độ bản vị tiền giấy không chuyển đổi ra vàng

1.5. Khối tiền tệ

1.5.1. Khái niệm

1.5.2. Cách đo lường

1.6. Bản chất của tài chính

1.6.1. Sự ra đời của phạm trù tài chính

1.6.2. Bản chất của tài chính

1.7. Chức năng của tài chính

1.7.1. Chức năng phân phối

1.7.2. Chức năng giám đốc

Tài liệu tham khảo:

1. Chương 1 “Đại cương về tài chính và tiền tệ”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Lê Vinh Danh (1996), Tiền và hoạt động ngân hàng, NXB Chính trị Quốc gia

4. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

5. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 2: HỆ THỐNG TÀI CHÍNH

Chương này sẽ giới thiệu về chức năng, vai trò của hệ thống tài chính đối với nền kinh tế. Cấu trúc và quan hệ của từng bộ phận trong hệ thống tài chính cũng như chính sách điều hành của chính phủ đối với hệ thống tài chính quốc gia như thế nào.

2.1. Tổng quan về hệ thống tài chính

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Mô hình hệ thống tài chính trong nền kinh tế

2.1.3. Các cấu phần của hệ thống tài chính

2.2. Chức năng và vai trò của hệ thống tài chính

2.2.1. Chức năng của hệ thống tài chính

2.2.2. Vai trò của hệ thống tài chính đối với sự phát triển nền kinh tế

2.3. Quản lý Nhà nước đối với hệ thống tài chính

2.3.1. Mục tiêu

2.3.2. Nội dung quản lý

Tài liệu tham khảo:

1. Chương 2 “Tổng quan về hệ thống tài chính”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa

học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

4. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 3: NGÂN SÁCH HÀ NƯỚC

Chương này sẽ tìm hiểu về nguồn kinh phí được sử dụng để tài trợ cho sự tồn tại và hoạt động của bộ máy nhà nước, cho việc cung cấp các hàng hoá công cộng. Nhà nước sử dụng nguồn kinh phí đó như thế nào và tổ chức quản lý điều hành việc huy động và sử dụng nguồn kinh phí đó ra sao. Đó chính là những nội dung cơ bản mà chương này sẽ đề cập đến.

3.1. Tổng quan về Ngân sách nhà nước

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Vai trò

3.2. Thu Ngân sách nhà nước

3.2.1. Khái niệm

3.2.2. Đặc điểm

3.2.3. Nội dung

3.3. Chi Ngân sách nhà nước

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Đặc điểm

3.3.3. Nội dung

3.4. Thâm hụt Ngân sách nhà nước

3.4.1. Khái niệm

3.4.2. Nguyên nhân

3.4.3. Tác động

3.4.4. Biện pháp khắc phục

3.5. Tổ chức hệ thống Ngân sách nhà nước - Phân cấp NSNN

3.5.1. Tổ chức hệ thống Ngân sách nhà nước

3.5.2. Phân cấp Ngân sách nhà nước

3.6. Năm ngân sách và chu trình Ngân sách Nhà nước

3.6.1. Năm ngân sách

3.6.2. Chu trình ngân sách

3.7. Chính sách tài khóa

3.7.1. Khái niệm

3.7.2. Mục tiêu

3.7.3. Công cụ

Tài liệu tham khảo:

1. Chương 3 “Ngân sách nhà nước”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Các trang web của Chính phủ, các ngân hàng và các tổ chức tài chính.

3. Các trang web của bộ tài chính, tổng cục thuế, tổng cục hải quan.

4. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 4: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Chương này giúp chúng ta tìm hiểu về vốn, vai trò của vốn đối với doanh nghiệp. Các nguồn và phương thức tạo vốn của doanh nghiệp như thế nào cũng như cách quản lý và sử dụng vốn trong doanh nghiệp như thế nào có hiệu quả.

4.1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp

4.1.1. Khái niệm

4.1.2. Vai trò

4.2. Nguồn vốn của doanh nghiệp

4.2.1. Nguồn vốn chủ sở hữu

4.2.2. Nguồn vốn nợ

4.3. Quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp

4.3.1. Khái niệm và phân loại tài sản ngắn hạn

4.3.2. Quản lý tài sản ngắn hạn

4.4. Quản lý tài sản dài hạn của doanh nghiệp

4.4.1. Khái niệm và phân loại tài sản dài hạn

4.4.2. Quản lý tài sản dài hạn

Tài liệu tham khảo:

1. Chương 4 “Tài chính doanh nghiệp”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Chương 1 “Tổng quan về tài chính doanh nghiệp”

Chương 5 “Nguồn vốn của doanh nghiệp”

Chương 6 “Quản lý tài sản trong doanh nghiệp”

PGS.TS Lưu Thị Hương, PGS.TS Vũ Duy Hào, 2013, Giáo trình tài chính doanh

nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 5: TÍN DỤNG VÀ LÃI SUẤT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Tín dụng và lãi suất luôn song hành cùng với nhau. Lãi suất là giá cả của tín dụng, hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường đều cần đến nguồn vốn tín dụng và quan tâm đến chi phí đầu vào đó chính là lãi suất. Lãi suất đóng vai trò quan trọng cả ở tầm vĩ mô và trong hoạt động vi mô. Chương này sẽ làm rõ cho chúng ta về các vấn đề đó.

5.1. Tổng quan về tín dụng

5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng

5.1.2. Vai trò của tín dụng

5.2. Các loại hình tín dụng trong nền kinh tế thị trường

5.2.1. Tín dụng ngân hàng

5.2.2. Tín dụng thương mại

5.2.3. Tín dụng nhà nước

5.2.4. Cho thuê tài chính

5.3. Tổng quan về lãi suất

5.3.1. Bản chất của lãi suất

5.3.2. Vai trò của lãi suất

5.3.3. Một số loại lãi suất trên thị trường

5.4. Một số phân biệt về lãi suất

5.4.1. Lãi suất thực và lãi suất danh nghĩa

5.4.2. Lãi suất đơn và lãi suất tích hợp

5.4.3. Lãi suất và tỷ suất lợi tức

Tài liệu tham khảo:

1. Chương 7 “Một số vấn đề cơ bản về lãi suất”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

4. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 6: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thị trường tài chính là một cấu phần quan trọng trong hệ thống tài chính quốc gia. Chương này sẽ tìm hiểu về chức năng, vai trò của thị trường tài chính đối với sự phát triển kinh tế. Đồng thời cũng đi vào nghiên cứu cấu trúc của thị trường tài chính, các chủ thể tham gia và những hàng hoá được mua bán trên thị trường tài chính.

6.1. Khái quát về thị trường tài chính

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Chức năng và vai trò của thị trường tài chính

6.2. Các chủ thể của thị trường tài chính

6.2.1. Chủ thể cần vốn

6.2.2. Chủ thể có vốn

6.3. Cấu trúc của thị trường tài chính

6.3.1. Căn cứ vào thời hạn chuyển giao vốn

6.3.2. Căn cứ vào tính chất các công cụ tài chính

6.3.3. Căn cứ vào quá trình phát hành và lưu thông

6.3.4. Căn cứ vào mức độ can thiệp của Chính phủ

6.3.5. Căn cứ vào phương thức tổ chức của thị trường

6.4. Các công cụ của thị trường tài chính

6.4.1. Các công cụ của thị trường tiền tệ

6.4.2. Các công cụ của thị trường vốn

Tài liệu tham khảo:

1. Chương 5 “Thị trường tài chính”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

4. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 7: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Chương này nghiên cứu sự ra đời và chức năng của Ngân hàng thương mại. Các ngân hàng thương mại thực hiện các hoạt động huy động vốn, sử dụng vốn và cung cấp các dịch vụ như thế nào.

7.1. Khái quát về Ngân hàng thương mại

7.1.1. Sự ra đời của Ngân hàng thương mại

7.1.2. Khái niệm

7.1.3. Chức năng của Ngân hàng thương mại

7.1.4. Bảng cân đối tài sản của Ngân hàng thương mại

7.2. Các hoạt động của Ngân hàng thương mại

7.2.1. Hoạt động huy động vốn

7.2.2. Hoạt động sử dụng vốn

7.2.3. Hoạt động cung cấp dịch vụ

Tài liệu tham khảo:

1. Chương 8 “Ngân hàng thương mại”

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), Luật Tổ chức tín dụng năm 2010, Hà Nội.

4. Peter S.Rose (2001), Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Tài chính, Hà Nội

5. Phan Thị Thu Hà (2013), Giáo trình Ngân hàng thương mại, NXB ĐHKQTĐ, Hà Nội.

6. David Cox, 1997, “Ngh nghiệp vụ ngân hàng hiện đại”, NXB chính trị quốc gia;

7. Các trang Web của các ngân hàng thương mại

8. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

CHƯƠNG 8: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

Ngân hàng trung ương là một thể chế đặc biệt của mỗi quốc gia. Với vai trò điều tiết vĩ mô lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng (thông qua chính sách tiền tệ) ngân hàng trung ương có ảnh hưởng và tác động đầy quyền lực đến mọi mặt của nền kinh tế. Trong chương này sẽ đề cập đến một số vấn đề tổng quan về NHTW và Chính sách tiền tệ nói chung.

8.1. Tổng quan về Ngân hàng trung ương

8.1.1. Quá trình hình thành

8.1.2. Mô hình của Ngân hàng trung ương

8.1.3. Chức năng của Ngân hàng trung ương

8.2. Ngân hàng trung ương và cơ sở tiền tệ

8.2.1. Bảng cân đối tiền tệ rút gọn của NHTW

8.2.2. Quá trình NHTW cung cấp tiền dự trữ cho hệ thống NHTM

8.3. Chính sách tiền tệ quốc gia

8.3.1. Khái niệm

8.3.2. Mục tiêu

8.3.3. Công cụ chính sách tiền tệ quốc gia

Tài liệu tham khảo

1. Chương 9 «Quá trình cung ứng tiền tệ »

Chương 10 « Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia »

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. Các trang Web về Chính phủ, ngân hàng trung ương

4. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

7. GIÁO TRÌNH:

PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài, 2012, Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài (2012), Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Frederic S.Miskin (2002), Tiền tệ ngân hàng thị trường tài chính, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

3. TS. Cao Thị Ý Nhi (2014), Câu hỏi và bài tập Lý thuyết tài chính tiền tệ, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

4. Lê Vinh Danh (1996), Tiền và hoạt động ngân hàng, NXB Chính trị Quốc gia

5. Các trang Web về các ngân hàng và các tổ chức tài chính

6. Các tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

Sinh viên đủ điều kiện dự thi nếu:

- Tham dự ít nhất 75% thời gian học trên lớp.
- Điểm bài kiểm tra định kỳ đạt từ 5 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10/10).

Ngoài ra:

- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận
- Hình thức thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm kết hợp tự luận
- Cách tính điểm học phần:

STT	Nội dung	Điểm số	Trọng số	Tổng điểm
1	Điểm chuyên cần	X	10%	10%X (1)
2	Điểm kiểm tra (1 bài)	Y	30%	30%Y (2)
3	Điểm thi cuối kỳ	Z	60%	60%Z (3)
	Điểm tổng kết học phần			(1)+(2)+(3)

TRƯỞNG BỘ MÔN

(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế

Tiếng Anh: International Economics

Mã học phần: TMKQ 1101 .Tổng số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế quốc tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về quá trình hình thành, phát triển và những đặc điểm mới của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế. Tiếp đến, học phần cung cấp kiến thức về dòng vận động của các luồng hàng hóa, dịch vụ, tài chính tiền tệ và thanh toán giữa một quốc gia với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác trong nền kinh tế thế giới, những chính sách nhằm điều tiết các dòng vận động này và tác động của các chính sách đó đến phúc lợi của quốc gia. Nội dung cuối của học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế (như khái niệm, các hình thức, tác động của của hội nhập kinh tế quốc tế) và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Cung cấp những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế quốc tế (gồm hai phần chính là thương mại quốc tế và tài chính quốc tế). Sinh viên sẽ được trang bị những kỹ năng để phân tích, đánh giá các quan hệ kinh tế quốc tế, các công cụ của chính sách kinh tế đối ngoại, để từ đó biết cách tổ chức, quản lý các hoạt động kinh tế đối ngoại của một quốc gia, một ngành cũng như của một doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng hiện nay.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1	9	6	3	Cần có hệ thống âm thanh và máy chiếu tốt để phục vụ cho việc minh họa tình huống khi giảng viên giảng và sinh viên thực hành
2	Chương 2	9	6	3	
3	Chương 3	8	5	3	
4	Chương 4	7	4	3	
5	Chương 5	7	4	3	
Cộng		40	25	15	

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ GIỚI THIỆU MÔN HỌC KINH TẾ QUỐC TẾ

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này, trước hết, giới thiệu những vấn đề cơ bản về nền kinh tế thế giới như khái niệm, cơ cấu, quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới; phân tích các xu thế lớn của sự vận động của nền kinh tế thế giới. Sau đó, chương này đi vào nghiên cứu những vấn đề có tính chất toàn cầu có tác động lớn đến sự vận động của nền kinh tế thế giới, nội dung và tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế cũng như cơ sở hình thành và phát triển của các quan hệ kinh tế quốc tế. Cuối cùng, giới thiệu đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học kinh tế quốc tế.

1.1 **Nền kinh tế thế giới**

1.1.1 Khái niệm và cơ cấu nền kinh tế thế giới

1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới

1.1.3 Những xu thế lớn trong sự vận động của nền kinh tế thế giới

1.1.4 Những vấn đề có tính chất toàn cầu

1.2 **Các quan hệ kinh tế quốc tế**

1.2.1. Khái niệm và nội dung quan hệ kinh tế quốc tế

1.2.2. Tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế

1.2.3. Cơ sở hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế

1.3 **Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học kinh tế quốc tế**

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu môn học

1.3.2. Nội dung nghiên cứu môn học

1.3.3. Phương pháp nghiên cứu môn học

1.4 . Khả năng và điều kiện cần thiết phát triển lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam

1.3.4. Những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về phát triển kinh tế đối ngoại.

1.3.5. Đánh giá những nguồn lực và lợi thế của Việt Nam trong phát triển kinh tế đối ngoại.

1.3.6. Các điều kiện cần thiết để phát triển có hiệu quả lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Dominick Salvatore (2013), *International Economics*, 11th Edition, Wiley
2. Krugman Obstfeld Melitz (2012), *International Economics: Theory & Policy*, Ninth Edition, Addison- Wesley

CHƯƠNG 2 – THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này được mở đầu với phần tổng quan về thương mại quốc tế, bao gồm khái niệm, nội dung, chức năng, đặc điểm mới của thương mại quốc tế. Tiếp đến là phần trình bày nội dung những lý thuyết cơ bản về thương mại quốc tế, đi từ các quan điểm của trường phái trọng thương đến lý thuyết lợi thế tuyệt đối và lý thuyết lợi thế sánh, lý thuyết Heckscher – Ohlin, các lý thuyết mới về thương mại quốc tế (được xây dựng từ giữa thế kỷ 20 trở đi). Cuối cùng, chương này nghiên cứu chính sách thương mại quốc tế và hệ thống các công cụ, biện pháp của chính sách thương mại quốc tế và thực tiễn chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam.

2.1. Thương mại quốc tế và lý thuyết

2.1.1. Khái niệm, nội dung và chức năng của thương mại quốc tế

2.1.2. Đặc điểm mới của thương mại quốc tế

2.1.3. Một số lý thuyết về thương mại quốc tế điển hình (Lý thuyết lợi thế tuyệt đối của Adam Smith, lý thuyết lợi thế so sánh của David Ricardo, lý thuyết Hecksher – Ohlin)

2.1.4. Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu và vận dụng lý thuyết trên đối với Việt Nam.

3.1. Chính sách thương mại quốc tế

3.1.1. Khái niệm và vai trò của chính sách thương mại quốc tế

3.1.2. Xu hướng tự do hoá thương mại và xu hướng bảo hộ thương mại trong chính sách thương mại quốc tế

3.1.3. Các công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế

3.1.4. Chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam

3.2. Chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam những năm đổi mới

3.2.1. Đánh giá thực trạng thương mại quốc tế và chính sách thương mại quốc tế

3.2.2. Những định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách thương mại quốc tế của Việt Nam

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Dominick Salvatore (2013), *International Economics*, 11th Edition, Wiley

2. Krugman Obstfeld Melitz (2012), *International Economics: Theory & Policy*, Ninth Edition, Addison- Wesley

3. Ngô Thị Tuyết Mai (Chủ biên) (2010), *Phát triển bền vững hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam trong điều kiện hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia

CHƯƠNG 3 – ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ DI CHUYỂN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Giới thiệu khái quát về chương

Nội dung chương này trước hết giới thiệu về khái niệm, những tác động của đầu tư quốc tế đối với nước tiếp nhận và nước đi đầu tư. Tiếp đến là phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về hai loại hình đầu tư quốc tế (đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài). Tiếp sau những vấn đề chung về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là phần di chuyển lao động quốc tế với những vấn đề liên quan đến quan niệm, xu hướng vận động, hiệu quả phúc lợi, các tác động đến các đối tượng hữu quan và tình hình xuất khẩu lao động của Việt Nam.

3.1. Khái niệm, đặc trưng và phân loại đầu tư quốc tế

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Đặc trưng

3.1.3. Phân loại

3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2.2. Các hình thức và tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2.3. Công ty đa quốc gia và đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.2.4. Các xu hướng mới của sự vận động của đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.3. Đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.3.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.3.2. Các hình thức và tác động của đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.3.3. ODA - một hình thức quan trọng của đầu tư gián tiếp nước ngoài

3.4. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

3.4.1. Các khía cạnh pháp lý liên quan đến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

3.4.2. Đánh giá tình hình thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

3.4.3. Các biện pháp nhằm mở rộng thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

3.5. Di chuyển lao động quốc tế

- 3.5.1. Khái niệm
- 3.5.2. Xu hướng di chuyển lao động quốc tế
- 3.5.3. Ảnh hưởng phúc lợi của di chuyển lao động quốc tế
- 3.5.4. Các tác động khác của di chuyển lao động quốc tế
- 3.5.5. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu lao động của Việt Nam

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đỗ Đức Bình & Nguyễn Thường Lạng (Đồng chủ biên), 2006, *Những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh trong đầu tư trực tiếp nước ngoài: Kinh nghiệm Trung Quốc và thực tiễn Việt Nam*, NXB Lý luận Chính trị.
2. Krugman Obstfeld Melitz (2012), *International Economics: Theory & Policy, Ninth Edition*, Addison- Wesley
3. Nguyễn Thường Lạng (Chủ biên), (2006), *Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, NXB Lý luận Chính trị
4. Vũ Đình Bách (2008), *Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam* (Chương IV: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế- mục II.Thu hút đầu tư nước ngoài). NXB Chính trị quốc gia.

Chương 4 - CÁN CÂN THANH TOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ QUỐC TẾ

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này gồm 4 nội dung chính. Thứ nhất, nghiên cứu cán cân thanh toán quốc tế bao gồm khái niệm, nguyên tắc hình thành, các bộ phận cấu thành và các biện pháp giải quyết tình trạng mất cân đối cán cân thanh toán quốc tế. Thứ hai, nghiên cứu thị trường ngoại hối, bao gồm khái niệm, chức năng, các thành viên tham gia, các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản trên thị trường ngoại hối, các vấn đề rủi ro hối đoái, tự bảo hiểm và đầu cơ hối đoái. Thứ ba, tỷ giá hối đoái được nghiên cứu bao gồm khái niệm, chế độ tỷ giá hối đoái, các nhân tố ảnh hưởng và tác động của tỷ giá hối đoái đến các quan hệ kinh tế quốc tế. Cuối cùng hệ thống tiền tệ quốc tế, bao gồm khái niệm, mục đích, các tiêu chức để đánh giá hiệu quả và các hệ thống tiền tệ quốc tế cũng được đề cập cụ thể.

4.1. Cán cân thanh toán quốc tế

- 4.1.1. Khái niệm và nguyên tắc hình thành cán cân thanh toán
- 4.1.2. Cơ cấu cán cân thanh toán quốc tế
- 4.1.3. Cân đối cán cân thanh toán quốc tế
- 4.1.4. Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế

4.2. Thị trường ngoại hối

- 4.2.1. Khái niệm và đặc điểm
- 4.2.2. Các chức năng cơ bản
- 4.2.3. Các thành viên tham gia
- 4.2.4. Rủi ro hối đoái, tự bảo hiểm và đầu cơ hối đoái

4.3. Tỷ giá hối đoái

- 4.3.1. Khái niệm và phân loại tỷ giá hối đoái
- 4.3.2. Các nhân tố xác định tỷ giá hối đoái
- 4.3.3. Các chế độ tỷ giá hối đoái
- 4.3.4. Tác động của tỷ giá hối đoái đến các quan hệ kinh tế quốc tế
- 4.3.5. Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu tỷ giá hối đoái

4.4. Hệ thống tiền tệ quốc tế

- 4.4.1. Khái niệm
- 4.4.2. Quá trình hình thành và phát triển
- 4.4.3. Vai trò của vàng và USD trong hệ thống tiền tệ quốc tế
- 4.4.4. Đồng tiền tự do chuyển đổi và ngoại tệ mạnh
- 4.4.5. Vai trò của IMF

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (chủ biên), 2002, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội – 2002
2. Dominick Salvatore (2013), *International Economics*, 11th Edition, Wiley
3. Krugman Obstfeld Melitz (2012), *International Economics: Theory & Policy, Ninth Edition*, Addison- Wesley

CHƯƠNG 5 – HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này tập trung giới thiệu những nội dung cơ bản cả về mặt lý luận và thực tiễn liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế: Trước hết là khái niệm về hội nhập kinh tế quốc tế. Đó là quá trình các quốc gia tăng cường giao lưu hợp tác một cách có hiệu quả và phụ thuộc lẫn nhau. Thứ hai, các hình thức của hội nhập kinh tế khu vực (liên kết kinh tế khu vực) bao gồm khu mậu dịch tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung, liên minh tiền tệ và liên minh kinh tế. Thứ ba, tác động của một trong những hình thức hội nhập kinh tế cơ bản là liên minh thuế quan đến quan hệ thương mại cũng như các quan hệ kinh tế quốc tế khác của các nước thành viên và của toàn thế giới. Thứ tư, khái quát chung về những tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đến từng quốc gia và nền kinh tế thế giới. Cuối cùng là nội dung giới thiệu những nét cơ bản về một số liên kết kinh tế khu vực tiêu biểu như ASEAN, EU, NAFTA và tổ chức Thương mại thế giới.

5.1. KHÁI NIỆM VÀ CÁC HÌNH THỨC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

- 5.1.1. Khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế
- 5.1.2. Các hình thức hội nhập kinh tế khu vực
- 5.2. TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
- 5.2.1. Tác động của tạo lập thương mại
- 5.2.2. Tác động của chuyên hướng thương mại
- 5.2.3. Tác động của liên minh thuế quan
- 5.2.4. Tác động của khu vực thương mại tự do, liên minh kinh tế
- 5.3. MỘT SỐ TỔ CHỨC KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ KHU VỰC TIÊU BIỂU
- 5.3.1. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)
- 5.3.2. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)
- 5.3.3. Liên minh châu Âu (EU)
- 5.4. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM
- 5.4.1. Quan điểm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
- 5.4.2. Khái quát về quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
- 5.4.3. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với phát triển kinh tế xã hội

Việt Nam

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ Công Thương (2011), Cổng thông tin về WTO và tiếp cận thị trường, “Giới thiệu về WTO”, <http://wto.nciec.gov.vn/Lists/WTO%20%20Gii%20thiu/DispForm.aspx?ID=1>.
2. Lương Xuân Quỳ (2015), *Tư duy mới về phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới (mục III- Chương II và mục III- chương III)*, NXB.Chính trị quốc gia.
3. Ủy Ban quốc gia về Hội nhập kinh tế quốc tế (2011), “Giới thiệu về ASEAN”, <http://www.nciec.gov.vn/index.nciec?1365>.
4. Vũ Đình Bách (2008), *Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam* (Chương IV: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế- Mục I. Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế). NXB.Chính trị quốc gia.

7. GIÁO TRÌNH

GS.TS. Đỗ Đức Bình và PGS.TS Ngô Thị Tuyết Mai (Đồng chủ biên) (2019), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Đức Bình & Nguyễn Thường Lạng (Đồng chủ biên), 2006, *Những vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh trong đầu tư trực tiếp nước ngoài: Kinh nghiệm Trung Quốc và thực tiễn Việt Nam*, NXB Lý luận Chính trị.
2. Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (chủ biên), 2002, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Lao động -Xã hội, Hà Nội – 2002

3. Dominick Salvatore (2013), *International Economics*, 11th Edition, Wiley
4. Krugman Obstfeld Melitz (2012), *International Economics: Theory & Policy, Ninth Edition*, Addison- Wesley
5. Ngô Thị Tuyết Mai (Chủ biên) (2010), *Phát triển bền vững hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam trong điều kiện hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia
6. Nguyễn Thường Lạng (Chủ biên), (2006), *Vấn đề bảo hộ quyền sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*, NXB Lý luận Chính trị

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- + Đảm bảo thời gian lên lớp theo quy định
- + Có bài kiểm tra học phần và bài tập lớn

Cơ cấu điểm thành phần được tính như sau:

- | | |
|---------------------------------|-----|
| + Điểm đánh giá của giảng viên: | 10% |
| + Điểm kiểm tra học phần: | 20% |
| + Điểm bài tập lớn: | 20% |
| + Điểm thi kết thúc học phần: | 50% |

10. GIẢNG VIÊN

- Họ và tên giảng viên phụ trách môn học (học phần ngày thuộc môn học nào thì ghi giảng viên phụ trách môn học đó): TS. Đỗ Thị Hương; GS.TS. Đỗ Đức Bình.

- Họ và tên giảng viên tham gia giảng dạy: PGS.TS. Ngô Thị Tuyết Mai; TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng; GS.TS. Đỗ Đức Bình; PGS.TS. Nguyễn Thường Lạng; TS. Đỗ Thị Hương; TS. Nguyễn Xuân Hưng; Th.S Lê Tuấn Anh; TS. Nguyễn Bích Ngọc; Th.s Trần Hoàng Hà; CN Tô Xuân Cường.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Đỗ Thị Hương

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Kinh doanh Nông nghiệp 1

Tiếng Anh: Agribusiness 1

Mã học phần:

Số tín chỉ: **03**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kinh doanh nông nghiệp có 2 học phần: Học phần kinh doanh nông nghiệp 1 là một trong những môn học cốt lõi thuộc ngành kinh doanh nông nghiệp. Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản và cụ thể về hoạt động kinh doanh nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Đó là những vấn đề chung về kinh doanh nông nghiệp, các lý thuyết và công cụ vận dụng trong kinh doanh nông nghiệp; phương thức và các hình thức kinh doanh nông nghiệp ở thị trường trong nước và thị trường quốc tế....

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần Kinh doanh nông nghiệp 1 nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Kinh doanh nông nghiệp những kiến thức cơ bản để đạt được các mục tiêu sau:

- Nhận biết được các lý thuyết cơ bản về kinh doanh nông nghiệp
- Hiểu được các hình thức và phương thức tổ chức kinh doanh nông nghiệp ở thị trường trong nước, thị trường ngoài nước; .
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động kinh doanh nông nghiệp

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]

G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh doanh nông nghiệp	PLO4 PLO5	III III
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để giải thích quan hệ kinh tế trong kinh doanh nông nghiệp; đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động kinh doanh nông nghiệp	PLO7 PLO8	III III
	Sinh viên có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn	PLO10 PLO11	III III
G3	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có khả năng có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh Nông nghiệp	LPO13 LPO14 LPO15	III IV III

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1 Sinh viên vận dụng được kiến thức về nguyên lý kế toán, thống kê, marketing, pháp luật và công nghệ trong phân tích các hoạt động kinh doanh nông nghiệp Hiểu một cách hệ thống đồng bộ các lý thuyết quản trị kinh doanh trong nông nghiệp, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	PLO4 PLO5	III IV
	LO.1.2 Sinh viên vận dụng các lý thuyết và mô hình kinh doanh được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh Nông nghiệp	PLO7 PLO8	IV IV

Mã CDR		Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
		Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức/ doanh nghiệp nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế		
LO.2		Chuẩn kỹ năng		
G2	LO.2.1	Sinh viên có kỹ năng phát hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp khái quát để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp	PLO10	IV
	LO.2.2	Sinh viên khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	PLO11	IV
LO.3		Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
G3	LO.3.1	Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc	PLO13	III
	LO.3.2	Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp chuyên sâu của mình.	PLO14	IV
	LO.3.3	Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn	PLO15	III

**Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5).*

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1. Tổng quan môn học kinh doanh nông nghiệp	7	5	2	
2	Chương 2: Các lý thuyết và công cụ vận dụng trong kinh doanh nông nghiệp	7	5	2	
3	Chương 3: Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh nông nghiệp	7	5	2	
4	Chương 4: Các chủ thể tổ chức kinh doanh nông nghiệp	6	4	2	
5	Chương 5: Kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử	6	4	2	
6	Chương 6: Kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi	6	4	2	
7	Chương 7: Phân tích đầu vào và đầu ra trong kinh doanh nông nghiệp	6	4	2	
	Tổng cộng	45	31	14	

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN MÔN HỌC KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

1.1. Khái niệm và vai trò của kinh doanh nông nghiệp

1.1.1. Khái niệm về kinh doanh nông nghiệp và tổ chức hoạt động kinh doanh nông nghiệp

1.1.2. Vai trò của kinh doanh nông nghiệp với nông nghiệp và nền kinh tế quốc dân

1.2. Đặc điểm kinh doanh nông nghiệp

1.2.1. Đất đai, thời tiết, khí hậu... là các yếu tố đầu vào quan trọng và đặc thù của hoạt động kinh doanh nông nghiệp

1.2.2. Đối tượng hoạt động của kinh doanh nông nghiệp là những cơ thể sống

1.2.3. Hoạt động kinh doanh nông nghiệp mang tính thời vụ

1.2.4. Hoạt động kinh doanh nông nghiệp hoạt động chủ yếu ngoài trời, chịu sự tác động lớn của các điều kiện tự nhiên

1.2.5. Hoạt động kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam

1.3. Nội dung cơ bản của tổ chức kinh doanh nông nghiệp

1.3.1. Nghiên cứu, dự báo, phân tích thị trường hàng hóa và khách hàng

1.3.2. Hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh nông nghiệp

1.3.3. Huy động các nguồn lực cho kinh doanh nông nghiệp

1.3.4. Tổ chức hoạt động kinh doanh nông nghiệp

1.3.5. Quản lý và đánh giá hoạt động kinh doanh nông nghiệp

1.4. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học

1.4.1. Đối tượng của môn học

1.4.2. Nhiệm vụ của môn học

1.4.3. Phương pháp nghiên cứu môn học

CHƯƠNG 2. CÁC LÝ THUYẾT VÀ CÔNG CỤ VẬN DỤNG TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

2.1. Kinh doanh nông nghiệp theo cơ chế thị trường

2.1.1. Đặc trưng của kinh tế thị trường hiện đại

2.1.2. Sự vận hành của cơ chế thị trường và các quy luật kinh doanh nông nghiệp

2.1.3. Những vấn đề kinh tế cơ bản của kinh doanh trong cơ chế thị trường

2.2. Lý thuyết vận dụng trong kinh doanh nông nghiệp

2.2.1. Lý thuyết về cung sản xuất và cung cầu nông sản

2.2.2. Lý thuyết lợi thế so sánh trong kinh doanh nông nghiệp

2.2.3. Lý thuyết cạnh tranh trong kinh doanh nông nghiệp

2.2.4. Lý thuyết chuỗi giá trị và liên kết trong kinh doanh nông nghiệp

2.2.5. Lý thuyết bền vững trong kinh doanh nông nghiệp

2.3. Các công cụ sử dụng trong tổ chức kinh doanh nông nghiệp

2.3.1. Các định mức kinh tế - kỹ thuật

2.3.2. Các quyết định trong kinh doanh nông nghiệp

3.2.3. Các văn bản pháp lý cho kinh doanh nông sản

CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

3.1. Khái niệm và ảnh hưởng của môi trường trong kinh doanh nông nghiệp

3.1.1. Khái niệm môi trường kinh doanh và các yếu tố của môi trường kinh doanh nông nghiệp

3.1.2. Ảnh hưởng của môi trường kinh doanh nông nghiệp

3.2. Môi trường kinh doanh vĩ mô

3.2.1. Môi trường quốc tế

3.2.2. Môi trường chính trị, luật pháp

3.2.3. Môi trường kinh tế

3.2.4. Môi trường văn hóa, xã hội

3.2.5. Môi trường công nghệ

3.2.6. Môi trường tự nhiên

3.3. Môi trường ngành

3.3.1. Cường độ cạnh tranh từ các đối thủ hiện tại

3.3.2. Sức ép từ khách hàng

3.3.3. Sức ép từ nhà cung cấp

3.3.4. Đe dọa từ đối thủ cạnh tranh tiềm ẩn

3.3.5. Đe dọa từ sản phẩm thay thế

3.4. Các phương pháp phân tích môi trường trong kinh doanh nông nghiệp

3.4.1. Phân tích SWOT

3.4.2. Phân tích PEST và các biến thể

3.4.3. Phân tích BCG

3.4.4. Phân tích ma trận EFE của McKinsey

3.5 Vận dụng các kết quả phân tích, đánh giá môi trường trong kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 4. CÁC CHỦ THỂ TỔ CHỨC KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

4.1. Khái niệm, vai trò của các chủ thể kinh doanh nông sản

4.1.1. Khái niệm về chủ thể kinh doanh nông nghiệp

4.1.2. Vai trò của các chủ thể kinh doanh nông nghiệp

4.2. Các loại hình kinh doanh nông nghiệp

4.2.1. Loại hình kinh doanh theo ngành

4.2.2. Loại hình kinh doanh theo sản phẩm

4.2.3. Loại hình kinh doanh theo vùng

4.3. Các chủ thể kinh doanh nông nghiệp chủ yếu

4.3.1. Hộ nông dân

4.3.2. Trang trại

4.3.3. HTX

4.3.4. Doanh nghiệp nông nghiệp

4.1.2.5. Những người kinh doanh nông nghiệp

4.4. Sàn giao dịch nông sản

4.3.1. Khái quát chung về Sàn Giao dịch nông sản

4.3.2. Nguyên tắc và điều kiện hoạt động của Sàn giao dịch nông sản

4.3.3. Các hình thức giao dịch và hợp đồng mua bán chủ yếu qua Sàn giao dịch Nông sản.

4.3.4. Pháp luật về mua bán hàng hóa qua Sàn giao dịch nông sản ở Việt Nam

4.5. Hệ thống phân phối nông sản

4.1.1. Khái niệm và vai trò hệ thống phân phối

4.1.2. Cấu trúc hệ thống phân phối

4.1.3. Yêu cầu và căn cứ thiết lập hệ thống phân phối

4.1.4. Quản lý hoạt động và phát triển của hệ thống phân phối

CHƯƠNG 5. KINH DOANH NÔNG NGHIỆP TRÊN MẠNG ĐIỆN TỬ

5.1. Khái niệm, đặc điểm kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.1.1. Khái niệm kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.1.1.1. Khái niệm kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.1.1.2. Bối cảnh và sự hình thành kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.1.2. Đặc điểm của kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.1.3. Vai trò của kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.2. Tổ chức kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.2.1. Nội dung kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.2.2. Quy trình kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.3. Những điều kiện cho kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử

5.3.1. Những điều kiện về pháp lý

5.3.2. Những điều kiện về kinh tế

5.4. Một số điển hình kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử thành công trên thế giới

5.5. Sự hình thành và phát triển của kinh doanh nông nghiệp trên mạng điện tử ở Việt Nam.

CHƯƠNG 6. KINH DOANH NÔNG NGHIỆP THEO CHUỖI

6.1. Khái niệm và đặc điểm kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của kinh doanh theo chuỗi

6.1.2. Khái niệm kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.1.3. Phân loại kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.1.4. Đặc điểm kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.2. Tổ chức kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.2.1. Nghiên cứu thị trường, lựa chọn sản phẩm/dịch vụ kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.2.2. Tổ chức bộ máy kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.2.3. Tổ chức hoạt động kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

6.3.1. Các yếu tố thuộc về doanh nghiệp

6.3.2. Các yếu tố thuộc về môi trường

6.4. Một số tình huống điển hình trong kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi

CHƯƠNG 7. PHÂN TÍCH ĐẦU VÀO - ĐẦU RA TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

7.1 Những yếu tố đầu vào của hoạt động kinh doanh nông nghiệp

7.1.1. Đất đai

7.1.2. Sức lao động

7.1.3. Vốn

7.1.4. Những yếu tố khác

7.2. Những yếu tố đầu ra của hoạt động kinh doanh nông nghiệp

7.2.1. Những sản phẩm đầu ra xét theo trạng thái tự nhiên

7.2.1.1. *Những sản phẩm hữu hình (đong, đo, đếm được)*

7.2.1.2. *Những sản phẩm vô hình (khó đong đo, đếm được)*

- 7.2.2. Những sản phẩm đầu ra xét theo công dụng
 - 7.2.2.1. Những sản phẩm đáp ứng nhu cầu về dinh dưỡng
 - 7.2.2.2. Những sản phẩm đáp ứng nhu cầu về dược liệu
 - 7.2.2.3. Những sản phẩm đáp ứng nhu cầu về nhân văn

7.3. Phân tích đầu vào - đầu ra

- 7.3.1 Phân tích các yếu tố đầu vào
- 7.3.2 Phân tích các yếu tố đầu ra
- 7.3.3 Sơ đồ kinh doanh nông nghiệp
- 7.3.4 Môi quan hệ giữa nhóm ngành và tổng thể

8. GIÁO TRÌNH

8.1 Davis J. H. and Goldberg R. A; *A Concept of Agribusiness*; Boston: Division of Research, Graduate School of Business Administration; Harvard University; 1957

8.2 PhD. Cliff Ricketts, Kristina G. Ricketts; *Agribusiness Fundamentals and Applications 2nd Edition*; Delmar Publications; ISBN-13: 978-1418032319; 2009.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1 GS,TS Hoàng Đức Thân Giáo trình kinh doanh thương mại. NXB đại học kinh tế quốc dân năm 2018

9.2 PGS.TS. Trần Quốc Khánh, Giáo trình Quản Trị kinh doanh nông nghiệp, Trường đại học kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Lao động – xã hội, Hà Nội -2005.

9.3 TS. Vũ Kim Dũng – TS. Cao Thúy Xiêm, Giáo trình Kinh tế quản lý, Trường đại học kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội – 2003.

9.4 Davis J. H. and Goldberg R. A; *A Concept of Agribusiness*; Boston: Division of Research, Graduate School of Business Administration; Harvard University; 1957

9.5 PhD. Cliff Ricketts, Kristina G. Ricketts; *Agribusiness Fundamentals and Applications 2nd Edition*; Delmar Publications; ISBN-13: 978-1418032319; 2009.

9.6 Cochrane W.; *Farm Prices, Myth and Reality*; Minneapolis: University of Minnesota Press; 1958.

9.7 Cook M. L and Chaddad F. R.; “Agroindustrialization of the Global Agrifood Economy: Bridging Development Economics and Agribusiness Research”; *Agricultural Economics*, 23; 2000; pp. 207 - 218.

9.8 Gill T. G.; “Case Studies in Agribusiness: An Interview with Ray Goldberg”; *International Journal of an Emerging Transdiscipline*, 16; 2013.

9.9 Hamilton S.; ‘Revisiting the History of Agribusiness’; *Business History Review*, Vol. 90. 3; 2016; pp. 141 - 145.

9.10 King R. P. et. al; “Agribusiness Economics and Management”; *American Journal of Agricultural Economics* 92(2); 2010.

9.11 Thijs Ten Raa; *Input-Output Economics: Theory and Applications, Featuring Asian Economies*; World Scientific, 2009.

9.12 Zylbersztajn D.; “Agribusiness Systems Analysis: Origin, Evolution and Research Perspectives”; *Revista de Administracao* 52; 2017; pp. 114 - 117.

9.13 Zylbersztajn D. & Farina E. M.; “Strictly Coordinated Food Systems: Exploring the Limits of the Coasian Firm”; *American Journal of Agricultural Economics*, Vol 12 (2); 1999; pp. 249 - 265.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 8 - Hệ số: 10%	x	x		
		3. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
Tuần 1	Chương 1/ Bài 1	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	Chương 1/ Bài 2	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	Chương 2/ Bài 1	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 2/ Bài 2	- Bài giảng:	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 3/Bài 1	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 4	- Bài giảng về địa tô: - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 5	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.6 9.7 9.8	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 8	Kiểm tra trên lớp và đánh giá bài cá nhân	- Đánh giá bài tập cá nhân - Kiểm tra trên lớp	0/6	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 9	Chương 6	- Bài giảng: - Xem video và thảo luận	2/1	8.1 9.9 9.10 9.11	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 10	Chương 7	- Bài giảng: - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.12	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 11+12 +13	Thực hành	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/1 2		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Kinh doanh Nông nghiệp 2

Tiếng Anh: Agribusiness 2

Mã học phần:

Số tín chỉ: **03**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY:

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh doanh Nông nghiệp 1

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần kinh doanh nông nghiệp 2 là phần tiếp theo của Kinh doanh nông nghiệp 1. Học phần này đề cập sâu hơn những nghiệp vụ của kinh doanh nông nghiệp về phân tích nhu cầu và hành vi người tiêu dùng nông sản; về xây dựng các chiến lược kinh doanh; xây dựng các dự án kinh doanh nông nghiệp; tổ chức tiêu thụ các nông sản; phân tích kinh doanh nông nghiệp và kinh doanh nông nghiệp trên thị trường quốc tế.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần Kinh doanh nông nghiệp nhằm hướng dẫn người học đạt được những mục tiêu cơ bản sau:

- Nhận biết được các lý thuyết và trau dồi các kỹ năng sâu về kinh doanh nông nghiệp
- Nắm được kiến thức và kỹ năng tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế để kinh doanh nông nghiệp
- Có kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh nông nghiệp

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về kinh doanh nông nghiệp	PLO5	III
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để giải thích quan hệ kinh tế trong kinh doanh nông nghiệp; đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động kinh doanh nông nghiệp	PLO7 PLO8	III III
	Sinh viên có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, kỹ năng làm việc, kỹ năng mềm để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn	PLO10 PLO11	III III
G3	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có khả năng có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh Nông nghiệp	LPO13	III
		LPO14	IV
		LPO15	III

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực	
[1]	[2]	[3]	[4]	
LO.1	Chuẩn kiến thức			
G1	LO.1.1	Sinh viên vận dụng được kiến thức về nguyên lý kế toán, thống kê, marketing, pháp luật và công nghệ trong phân tích các hoạt động kinh doanh nông nghiệp	PLO5	III IV

Mã CDR		Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
	LO.1.2	Sinh viên vận dụng các lý thuyết và mô hình kinh doanh được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về hoạt động kinh doanh Nông nghiệp Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức/ doanh nghiệp nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế	PLO7 PLO8	IV IV
LO.2		Chuẩn kỹ năng		
G2	LO.2.1	Sinh viên có kỹ năng phát hiện nghiên cứu, phân tích, tổng hợp khái quát để giải quyết các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp	PLO10	IV
	LO.2.2	Sinh viên khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	PLO11	IV
LO.3		Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
G3	LO.3.1	Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc	PLO13	III
	LO.3.2	Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp	PLO14	IV

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
	chuyên sâu của mình.		
LO.3.3	Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn	PLO15	III

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 8: Phân tích nhu cầu và hành vi của người tiêu dùng nông sản	8	6	2	
2	Chương 9: Chiến lược kinh doanh nông nghiệp	8	6	2	
3	Chương 10: Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp	8	6	2	
4	Chương 11: Phân tích kinh doanh nông nghiệp	7	5	2	
5	Chương 12: Xây dựng các dự án kinh doanh nông nghiệp	7	5	2	
6	Chương 13: Kinh doanh nông nghiệp trên thị trường quốc tế	7	5	2	
	Tổng cộng	45	33	12	

CHƯƠNG 8. PHÂN TÍCH NHU CẦU VÀ HÀNH VI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG NÔNG SẢN

- 8.1. Nhu cầu của người tiêu dùng nông sản
 - 8.1.1 Khái niệm nhu cầu tiêu dùng nông sản
 - 8.1.2 Tháp nhu cầu nông sản
 - 8.1.3. Phân tích nhu cầu nông sản và vận dụng trong kinh doanh nông nghiệp
- 8.2. Động cơ thúc đẩy tiêu dùng
 - 8.2.1 Động cơ tích cực
 - 8.2.2 Động cơ hạn chế tiêu dùng
 - 8.2.3. Phân tích động cơ thúc đẩy nhu cầu nông sản và vận dụng trong kinh doanh nông nghiệp
- 8.3. Hành vi của người tiêu dùng
 - 8.3.1 Các hành vi của người tiêu dùng
 - 8.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng hành vi người tiêu dùng
 - 8.2.3. Phân tích hành vi của người tiêu dùng và vận dụng trong kinh doanh nông nghiệp
- 8.4. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng hình học
 - 8.4.1 Một số vấn đề cơ bản
 - 8.4.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng.
 - 8.4.3 Sự hình thành đường cầu thị trường.
 - 8.4.4. Các vấn đề khác

CHƯƠNG 9. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

- 9.1. Ý tưởng kinh doanh và xác định ý tưởng kinh doanh nông nghiệp
 - 9.1.1. Khái niệm về ý tưởng kinh doanh nông nghiệp
 - 9.1.2. Xây dựng ý tưởng kinh doanh nông nghiệp
- 9.2. Xác định phương hướng kinh doanh nông nghiệp
 - 9.2.1. Khái niệm về phương hướng kinh doanh nông nghiệp
 - 9.2.2 Các căn cứ xây dựng phương hướng kinh doanh nông nghiệp
 - 9.2.3. Quy trình xây dựng phương hướng kinh doanh nông nghiệp
- 9.3. Xác định quy mô kinh doanh nông nghiệp

- 9.3.1. Khái niệm quy mô kinh doanh nông nghiệp
- 9.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quy mô kinh doanh nông nghiệp
- 9.3.3. Xác định quy mô kinh doanh nông nghiệp
- 9.4. Xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh
 - 9.4.1. Khái niệm và phân loại kế hoạch kinh doanh nông nghiệp
 - 9.4.2. Vai trò của kế hoạch kinh doanh nông nghiệp
 - 9.4.3. Hệ thống kế hoạch trong kinh doanh nông nghiệp
 - 9.4.4. Xây dựng các kế hoạch kinh doanh nông nghiệp
- 9.5. Chiến lược kinh doanh nông nghiệp
 - 9.5.1. Khái niệm chiến lược kinh doanh nông nghiệp
 - 9.5.2. Phân biệt kế hoạch và chiến lược kinh doanh nông nghiệp
 - 9.5.3. Phân loại chiến lược kinh doanh nông nghiệp
 - 9.5.4. Lựa chọn chiến lược kinh doanh nông nghiệp
- 9.6. Những triển vọng và thách thức của các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ WTO
 - 9.6.1. Những khó khăn, thách thức của các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp
 - 9.6.2. Những cơ hội và triển vọng của các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 10. TỔ CHỨC TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

- 10.1 Vai trò và đặc điểm của tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp
 - 10.1.1 Vai trò của tiêu thụ sản phẩm
 - 10.1.2 Đặc điểm của tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp
- 10.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm của kinh doanh nông nghiệp
 - 10.2.1. Nhóm nhân tố thị trường
 - 10.2.2. Nhóm nhân tố về cơ sở vật chất – kỹ thuật và công nghệ của sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
 - 10.2.3. Nhóm nhân tố về chính sách vĩ mô
- 10.3 Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của các cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp
 - 10.3.1 Nghiên cứu và dự báo thị trường

- 10.3.2 Xác định giá cả tiêu thụ
- 10.3.3 Tổ chức mạng lưới tiêu thụ sản phẩm
- 10.3.4 Tổ chức thông tin quảng cáo, giới thiệu sản phẩm của cơ sở sản xuất kinh doanh
- 10.3.5 Xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với nông sản phẩm
- 10.4 Một số điểm lưu ý trong tổ chức tiêu thụ nông sản
 - 10.4.1 Một số điểm cần lưu ý
 - 10.4.2 Một vài trường hợp xảy ra trong quá trình tiêu thụ sản phẩm cần lưu ý

CHƯƠNG 11. PHÂN TÍCH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

- 11.1. Mục đích, yêu cầu và đặc điểm của phân tích kinh doanh nông nghiệp
 - 11.1.1. Mục đích của phân tích kinh doanh nông nghiệp
 - 11.1.2. Yêu cầu của phân tích kinh doanh nông nghiệp
 - 11.1.3. Đặc điểm của phân tích kinh doanh nông nghiệp
- 11.2. Phương pháp và nội dung phân tích kinh doanh nông nghiệp
 - 11.2.1. Phương pháp phân tích kinh doanh
 - 11.2. 2. Nội dung phân tích kinh doanh nông nghiệp
- 11.3. Tổ chức phân tích kinh doanh nông nghiệp
 - 11.3.1. Tổ chức thu thập và xử lý thông tin
 - 11.3.2. Tổ chức và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phân tích kinh doanh
 - 11.3.3. Trình tự phân tích kinh doanh
- 11.4. Tổng hợp kết quả phân tích kinh doanh

CHƯƠNG 12. XÂY DỰNG CÁC DỰ ÁN KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

- 12.1. Giới thiệu sơ lược về dự án kinh doanh nông nghiệp
 - 4.1.1 Khái niệm về dự án kinh doanh nông nghiệp
 - 4.1.2 Lợi ích của việc lập DAKD
- 12.2. Các bước xây dựng dự án kinh doanh
 - 12.2.1 Chuẩn bị ý tưởng làm dự án
 - 12.2.2 Mô tả tính cấp thiết của dự án
 - 12.2.3 Xác định mục tiêu của dự án

- 12.2.4. Xác định phương pháp và chiến lược thực hiện
- 12.2.5. Xác định các nhu cầu cần cho dự án
- 12.2.6 Giải trình nhu cầu tài chính của dự án
- 12.2.7 Mô tả các hoạt động của dự án
- 12.2.8. Vẽ biểu đồ thời gian thực hiện dự án
- 12.2.9. Phân tích thị trường
- 12.2.10. Phân tích tài chính
- 12.2.11. Đánh giá hiệu quả dự án
- 12.2.11. Cấu trúc của một bảng đề xuất dự án

CHƯƠNG 13. KINH DOANH NÔNG NGHIỆP TRÊN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

13.1. Đặc điểm thị trường nông sản quốc tế

- 13.1.1. Đặc điểm thị trường nông nghiệp Mỹ
- 13.1.2. Đặc điểm thị trường nông nghiệp EU
- 13.1.3. Đặc điểm thị trường nông nghiệp châu phi và Trung Đông
- 13.1.4. Đặc điểm thị trường nông nghiệp Châu Á

13.2. Tổ chức hoạt động kinh doanh nông nghiệp trên thị trường quốc tế

- 13.2.1. Tìm kiếm và lựa chọn bạn hàng quốc tế
- 13.2.2. Giao dịch, đàm phán và ký kết hợp đồng nông nghiệp quốc tế
- 13.2.3. Tổ chức thực hiện hợp đồng nông nghiệp quốc tế
- 13.2.4. Thanh lý và tổng kết đánh giá hợp đồng nông nghiệp quốc tế

7.3. Kinh doanh nông nghiệp đa và xuyên quốc gia

- 13.3.1. Các đặc thù của kinh doanh nông nghiệp đa và xuyên quốc gia
- 13.3.2. Tổ chức kinh doanh nông nghiệp đa và xuyên quốc gia

8. GIÁO TRÌNH

8.3 Davis J. H. and Goldberg R. A; *A Concept of Agribusiness*; Boston: Division of Research, Graduate School of Business Administration; Harvard University; 1957

8.4 PhD. Cliff Ricketts, Kristina G. Ricketts; *Agribusiness Fundamentals and Applications 2nd Edition*; Delmar Publications; ISBN-13: 978-1418032319; 2009.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1 GS,TS Hoàng Đức Thân Giáo trình kinh doanh thương mại. NXB đại học kinh tế quốc dân năm 2018

9.2 PGS.TS. Trần Quốc Khánh, Giáo trình Quản Trị kinh doanh nông nghiệp, Trường đại học kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Lao động – xã hội, Hà Nội -2005.

9.3 TS. Vũ Kim Dũng – TS. Cao Thúy Xiêm, Giáo trình Kinh tế quản lý, Trường đại học kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản thống kê, Hà Nội – 2003.

9.4 Davis J. H. and Goldberg R. A; *A Concept of Agribusiness*; Boston: Division of Research, Graduate School of Business Administration; Harvard University; 1957

9.5 PhD. Cliff Ricketts, Kristina G. Ricketts; *Agribusiness Fundamentals and Applications 2nd Edition*; Delmar Publications; ISBN-13: 978-1418032319; 2009.

9.6 Cochrane W.; *Farm Prices, Myth and Reality*; Minneapolis: University of Minnesota Press; 1958.

9.7 Cook M. L and Chaddad F. R.; “Agroindustrialization of the Global Agrifood Economy: Bridging Development Economics and Agribusiness Research”; *Agricultural Economics*, 23; 2000; pp. 207 - 218.

9.8 Gill T. G.; “Case Studies in Agribusiness: An Interview with Ray Goldberg”; *International Journal of an Emerging Transdiscipline*, 16; 2013.

9.9 Hamilton S.; ‘Revisiting the History of Agribusiness’; *Business History Review*, Vol. 90. 3; 2016; pp. 141 - 145.

9.10 King R. P. et. al; “Agribusiness Economics and Management”; *American Journal of Agricultural Economics* 92(2); 2010.

9.11 Thijs Ten Raa; *Input-Output Economics: Theory and Applications, Featuring Asian Economies*; World Scientific, 2009.

9.12 Zylbersztajn D.; “Agribusiness Systems Analysis: Origin, Evolution and Research Perspectives”; *Revista de Administracao* 52; 2017; pp. 114 - 117.

9.13 Zylbersztajn D. & Farina E. M.; “Strictly Coordinated Food Systems: Exploring the Limits of the Coasian Firm”; *American Journal of Agricultural Economics*, Vol 12 (2); 1999; pp. 249 - 265.

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	4. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		5. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 8 - Hệ số: 10%	x	x		
		6. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 8/ Bài 1	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	Chương 8/ Bài 2	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	Chương 9/ Bài 1	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 9/ Bài 2	- Bài giảng:	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 10/Bài 1	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 10/Bài 2	- Bài giảng về địa tô: - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 11	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống	2/1	8.1 9.6	LO.1.1 LO.1.2

		và thảo luận		9.7 9.8	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 8	Kiểm tra trên lớp và đánh giá bài cá nhân	- Đánh giá bài tập cá nhân - Kiểm tra trên lớp	0/6	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 9	Chương 12	- Bài giảng: - Xem video và thảo luận	2/1	8.1 9.9 9.10 9.11	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 10	Chương 13	- Bài giảng: - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.12	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 11+12+13	Thực hành	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/12		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG NÔNG SẢN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Quản trị chuỗi cung ứng nông sản

Tiếng Anh: Agribusiness Supply Chain Management

Mã học phần: **TNDC**

Tổng số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Sinh viên bắt buộc hoàn thành học phần **kinh tế nông nghiệp 1**.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh tế trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản, các tác nhân trong chuỗi cung ứng nông sản, các vấn đề nội tại sẽ tác động đến các tác nhân và các hệ thống hỗ trợ chuỗi cung ứng nông sản. Những nội dung cơ bản của môn học bao gồm những kiến thức về chuỗi cung ứng nông sản, bản chất và cấu trúc của chuỗi cung ứng nông sản, các vấn đề nội tại như tính dễ hư hỏng của nông sản, chất lượng nông sản, rủi ro, và các hệ thống hỗ trợ cần thiết giúp chuỗi cung ứng nông sản đạt được hiệu quả và đảm bảo phát triển bền vững.

Những kiến thức mà môn học cung cấp là cơ sở phân tích đánh giá các yếu tố kinh tế của chuỗi cung ứng nông sản, trên cơ sở đó nhằm hoạch định các chính sách trong quản lý chuỗi cung ứng nông sản phù hợp với phát triển kinh tế xã hội, và đảm bảo phát triển bền vững.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục đích của khóa học là đem đến một cách tiếp cận thống nhất để quản lý và đánh giá góc độ kinh tế trong quản chuỗi cung ứng nông sản. Bằng cách này, những sinh viên tham gia khóa học này sẽ có một nền tảng kiến thức kinh tế đầy đủ để phân tích và đánh giá hiệu quả của chuỗi cung ứng nông sản. Sau khi hoàn thành khóa học này, các sinh viên sẽ có thể giải thích quan hệ kinh tế trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản từ lý luận về bản chất chuỗi cung ứng nông sản; đánh giá các tác nhân tham

gia vào chuỗi; hiểu được các vấn đề nội tại trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản và so sánh được hiệu quả hoạt động của các hệ thống hỗ trợ cho chuỗi cung ứng nông sản. Theo đó, sinh viên sẽ tích lũy được kỹ năng về phân tích đánh giá các khía cạnh kinh tế trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về quản trị chuỗi cung ứng nông sản. Cụ thể như sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng nông sản.	CDR 1.1 CDR 1.3	I, II
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để giải thích quan hệ kinh tế trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản từ lý luận bản chất chuỗi; đánh giá các tác nhân tham gia vào chuỗi; so sánh các hiệu quả các hệ thống hỗ trợ quản trị chuỗi cung ứng nông sản;	CDR 2.2	III, IV

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1 Sinh viên hiểu được các đặc điểm cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng.	CDR 1.1	Nhận biết (I)
	LO.1.2 Sinh viên giải thích được các khái niệm và bản chất của quản trị chuỗi cung ứng, các tác nhân tham gia vào chuỗi.	CDR 1.3	Hiểu (II)
LO.2	Chuẩn kỹ năng		
G2	LO.2.1 Sinh viên vận dụng được kiến thức để giải thích quan hệ kinh tế trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản.	CDR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.2 Sinh viên vận dụng được kiến thức để đánh giá các tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng nông sản;	CDR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.3 Sinh viên vận dụng được kiến thức để so sánh các hiệu quả hoạt động của các hệ thống hỗ trợ chuỗi cung ứng nông sản.	CDR 2.2	Phân tích (IV)

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG NÔNG SẢN

Giới thiệu chương: Chương này cung cấp những kiến thức cơ bản giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng nông sản: bản chất của chuỗi cung ứng, bản chất của quản trị chuỗi cung ứng, logistics và sự liên quan với hệ thống kinh doanh nông nghiệp. Phân tích vai trò và vị trí cũng như mối quan hệ giữa môn học quản trị chuỗi cung ứng nông sản với các môn của chuỗi cung ứng và tầm quan trọng của các yếu tố thúc đẩy chuỗi cung ứng nông sản, cụ thể là cơ sở vật chất, hàng tồn kho, vận chuyển, tìm nguồn cung ứng, định giá và công nghệ thông tin.

Nội dung chương:

1.1 Chuỗi cung ứng nông sản

1.1.1 Khái niệm

1.1.2 Đặc điểm

1.1.3. Vai trò của chuỗi cung ứng

1.1.4 Quản trị chuỗi cung ứng nông sản

1.2 Logistics và chuỗi cung ứng nông sản

1.2.1 Quản lý đơn hàng

1.2.2 Quản lý vận chuyển và phân phối ra nước ngoài

1.2.3 Quản lý hàng tồn kho

1.2.4 Dịch vụ hậu cần tại nhà máy

1.2.5 Vận chuyển trong nước

1.2.6 Mua sắm

1.2.7 Quản lý thông tin

1.3 Các vấn đề gặp phải

1.3.1 Sản xuất, lao động và đầu vào

1.3.2 Mạng lưới chuỗi cung ứng

1.3.3 Doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh

1.4 Động lực của chuỗi cung ứng nông sản

1.4.1 Cơ sở vật chất

1.4.2 Vận chuyển

1.4.3 Hàng tồn kho

1.4.4 Tìm nguồn cung ứng

1.4.5 Định giá

1.4.6 Thông tin

1.5 Đối tượng nghiên cứu của môn học

1.5.1 Vị trí và mối quan hệ giữa môn khoa học kinh tế tài nguyên đất với các môn khoa học khác

1.5.2 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khoa học kinh tế tài nguyên đất

1.5.3 Nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu của môn học

1.5.4 Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế tài nguyên đất

CHƯƠNG 2 – CÁC TÁC NHÂN THAM GIA VÀO CHUỖI CUNG ỨNG NÔNG SẢN

Giới thiệu chương: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về từng khâu vào nông sản một cách chi tiết cụ thể, các kênh phân phối sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng, vai trò của các chính phủ trong quản lý chuỗi cung ứng, các nhà chế biến và bán lẻ.

Nội dung chương:

2.1 Khái niệm và của Đầu vào

2.1.1 Khái niệm đầu vào

2.1.2 Ý nghĩa của đầu vào

2.1.3 Phân loại đầu vào

2.2 Đầu ra của trang trại

2.2.1 Xu hướng đầu ra

2.2.2 Các kênh Phân phối nông sản đến người tiêu dùng

2.3 Các nhà chế biến

2.3.1 Chế biến chính

2.3.2 Sản xuất công nghiệp

2.4 Nhà bán lẻ

2.4.1 Giới thiệu chung về nhà bán lẻ

2.4.2 Khu vực tự do

2.4.3 Khu vực có tổ chức

2.4.4 Vai trò của thành phần trung gian

2.4.5 Đầu tư trực tiếp nước ngoài

CHƯƠNG 3: CÁC VẤN ĐỀ NỘI TẠI TRONG QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG NÔNG SẢN

Giới thiệu chương: Chương này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề nội tại trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản như tính dễ hư hỏng của nông sản, tầm quan trọng của hệ thống chất lượng, thủ tục quản lý chất lượng, các nguồn rủi ro khác nhau và sự phân loại rủi ro ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng kinh doanh nông sản. Các nội dung của chương bao gồm những thách thức phải

đổi mặt trong việc xử lý hàng hóa dễ hư hỏng liên quan đến việc phân phối sản phẩm, thời hạn sử dụng ngắn, thiếu kiểm soát nhiệt độ hoặc các phương tiện thích hợp để bảo quản và vận chuyển, lãng phí và áp lực giá cả, tầm quan trọng của hệ thống chất lượng, thủ tục quản lý chất lượng về hiệu quả chuỗi cung ứng, và vai trò của chính phủ trong việc áp dụng các hệ thống chất lượng, hiểu các nguồn rủi ro khác nhau và sự phân loại rủi ro ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng nông sản.

Nội dung chương:

3.1 Các vấn đề nội tại trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản

3.1.1 Bản chất

3.1.2 Ý nghĩa

3.2 Tính dễ hỏng của nông sản

3.2.1 Cơ sở vật chất tại nguồn

3.2.2 Phân phối và gia tăng giá trị

3.2.3 Chế biến

3.2.4 Tiếp thị trực tiếp thông qua thị trường bán buôn

3.2.5 Trung gian

3.2.6 Sự lãng phí

3.2.7 Quản lý chất lượng

3.2.8 Quản lý giá cả

3.2.9 Rủi ro bên cung và bên cầu

3.3 Chất lượng nông sản

3.3.1. Khái niệm

3.3.2. Cho điểm

3.3.3. Các giai đoạn của chuỗi cung ứng

3.3.4. Nhu cầu tiếp cận có cấu trúc

3.3.5. Tổng quan về chính sách

3.3.6. Các chính sách quốc tế

3.3.7. Vai trò của chính phủ

3.3.8. Thương mại quốc tế

3.3.9. Chế biến thứ cấp

3.4 Rủi ro

3.4.1 Bản chất

3.4.2. Các nguồn rủi ro

3.4.3. Phân loại rủi ro nông nghiệp

3.4.4. Quản trị rủi ro

CHƯƠNG 4 – HỆ THỐNG HỖ TRỢ CHUỖI CUNG ỨNG NÔNG SẢN

Giới thiệu chương: Chương này cung cấp những kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của hệ thống hỗ trợ chuỗi cung ứng nông sản bao gồm cơ sở hạ tầng, triển khai công nghệ trong kinh doanh nông sản ở cấp trang trại và ở giai đoạn chế biến, tầm quan trọng của dòng tài chính và các thách thức tài chính khác nhau ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng nông sản. Nội dung của chương liên quan đến cơ sở hạ tầng như trung tâm phân phối, thị trường có tổ chức, kho lạnh và mạng lưới thông tin liên lạc và đào tạo nhân lực quản lý hiệu quả chuỗi cung ứng nông sản, áp dụng các công nghệ mới như Internet, điện toán di động và điện toán đám mây trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản, tầm quan trọng của dòng tài chính và các thách thức tài chính khác nhau ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, bao gồm thị trường hàng hóa, vai trò của doanh nghiệp trong việc cải thiện dòng tài chính và tín dụng và cấu trúc thể chế tài chính.

Nội dung chương:

4.1 Cơ sở hạ tầng

4.1.1 1. Khái niệm

4.1.2. Vai trò

4.1.3. Mạng lưới vận tải

4.1.4. Các thách thức

4.1.5. Kho lạnh

4.1.6. Các thị trường có tổ chức

4.1.7. Mạng lưới giao tiếp

4.1.8. Đào tạo nguồn nhân lực

4.1.9. Đầu tư

4.2 Công nghệ thông tin

4.2.1 Giới thiệu

4.2.2 Hệ thống pháp lý

4.2.3 Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp

4.2.4 Ứng dụng trọng tâm chuỗi cung ứng

4.2.5 Công nghệ internet

4.2.6 Công nghệ di động

4.2.7 Điện toán đám mây

4.5 Vai trò của chính phủ

4.5.1 Cải cách chính sách

4.5.2 Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt

4.5.3 Điều chỉnh

4.5.4 Thúc đẩy

4.5.5 Đàm phán thương mại và trợ cấp

8. GIÁO TRÌNH

8.1. Agribusiness supply chain management. N. Chandrasekaran, R. Raghuram (2011). CRC Press. ISBN: 978-1-4665-1674-8

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. Chandrasekaran, N. Supply Chain Management, Oxford University Press, India, 2010.

9.2 Christopher, M. Logistics and Supply Chain Management: Strategies for Reducing Cost and Improving Service, Financial Times Pitman Publishing, London, 1998. CSCMP Supply Chain Management. Available from: <http://cscmp.org/aboutcscmp/definitions.asp>

9.3 Engle, C. R. and Quagraine K. Aquaculture Marketing Handbook, Blackwell Publishing, London, 2006.

9.4 The Hindu, Vegetable prices under control. Aug 28, 2012. <http://www.thehindu.com/news/cities/Kochi/article3830941.ece>

9.5 Kulkarni, P. The marine seafood export supply chain in India: Current state and influence of import requirements, International Institute for Sustainable Development, Canada,

2005. http://www.iisd.org/tkn/pdf/tkn_marine_export_india.pdf

9.6 Kumar, C. Tribune rejoinder. Food Corporation of India, Aug. 4, 2011. <http://fciweb.nic.in/app/webroot/upload/pressrelease/Tribune%20rejoinder.pdf>

9.7 Forward Markets Commission (FMC). IV. Exchanges and their Role. 2013. <http://www.fmc.gov.in/index3.aspx?sslid=141&subsublinkid=59&langid=2>

9.8 Gangadharan, S. External commercial borrowings (ECB) Policy. Reserve Bank of India, March 2, 2010. <http://rbi.org.in/scripts/NotificationUser.aspx?Id=5519&Mode=0>

9.9 ITC. e-Choupal. n.d. <http://www.itcportal.com/businesses/agri-business/e-choupal.aspx> Maheshwar, C. and Chanakwa, T.S. Post harvest losses due to gaps in cold Chain in India: A solution, Acta Hort. (ISHS) 712:777–784, 2006. http://www.actahort.org/books/712/712_100.htm

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	7. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		8. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 8 - Hệ số: 10%	x	x		
		9. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 1/ Bài 1 - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng nông sản	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận + Bản chất chuỗi cung ứng nông sản + Quản trị chuỗi cung ứng nông sản + Logistics và chuỗi cung	2/1	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
		ứng nông sản + Khái niệm cơ bản			
Tuần 2	Chương 1/ Bài 2 Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng nông sản	- Bài giảng: + Logistics và chuỗi cung ứng nông sản + Các vấn đề thường gặp - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	Chương 1/ Bài 2 Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng nông sản	- Bài giảng: Động lực của chuỗi cung ứng nông sản + Liệt kê và phân tích các động lực - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 2: Các tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng nông sản/ Bài 1	- Bài giảng: Các tác nhân + Đầu vào của chuỗi + Đầu ra của trang trại	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 2: Các tác nhân tham gia vào chuỗi cung ứng nông sản / Bài 2	- Bài giảng: Các tác nhân + Cơ sở chế biến + Nhà bán lẻ - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 3: Các vấn đề nội tại trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản/ Bài 1: tính dễ hỏng của nông sản	- Bài giảng về tính dễ hỏng của nông sản: + Các kênh phân phối + Quản lý chất lượng Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 3: Các vấn đề nội tại trong quản trị chuỗi cung ứng nông sản / Bài 2: Chất lượng sản phẩm và rủi ro	- Bài giảng về chất lượng sản phẩm: + Tiếp cận có cấu trúc + Các nguồn rủi ro + Quản trị rủi ro - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 8	Kiểm tra trên lớp và đánh giá bài cá nhân	- Đánh giá bài tập cá nhân - Kiểm tra trên lớp	0/6	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 9	Chương 4: Hệ thống hỗ trợ quản trị chuỗi cung ứng nông sản/ Bài 1: Cơ sở hạ tầng và công nghệ thông tin	- Bài giảng: + Cơ sở hạ tầng + Công nghệ thông tin - Thảo luận về vai trò của 2 thành phần này trong hệ thống hỗ trợ quản trị chuỗi cung ứng nông sản	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 10	Chương 4: Hệ thống hỗ trợ quản trị chuỗi cung ứng nông sản / Bài 2: Hệ thống tài chính và vai trò của chính phủ	- Bài giảng: + Hệ thống tài chính + Vai trò của chính phủ - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 11+12 +13	Thực hành	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/12		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Marketing nông nghiệp

Tiếng Anh: Agricultural Marketing

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: **03**

Số tiết lý thuyết: 20

Số tiết bài tập/thảo luận: 25

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY

Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Quản trị kinh doanh nông nghiệp

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Marketing được coi là môn khoa học của nền sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường. Ngày nay, marketing không chỉ còn bó hẹp trong phạm vi bán hàng, sản xuất kinh doanh mà còn được áp dụng trong các những lĩnh vực khác như: chính trị, văn hóa, xã hội... Kiến thức về marketing là không thể thiếu được trong kinh tế thị trường hiện đại. Với ý nghĩa đó, học phần marketing nông nghiệp sẽ cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về marketing và vận dụng trong lĩnh vực đặc thù là sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Chương 1 sẽ cung cấp đến người học những kiến thức cơ bản về marketing, marketing nông nghiệp, các chương tiếp theo sẽ đề cập đến những hợp phần của một trương trình marketing kinh doanh nông nghiệp. Những kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong học phần này có tính thực tiễn cao đối với các nhà quản trị kinh doanh, quản lý kinh tế nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần Marketing nông nghiệp nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về marketing vận dụng trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp. Sau khi nghiên cứu học phần này, người học có thể hiểu được những kiến thức cơ bản của marketing, đặc thù của marketing nông nghiệp. Từ đó, người học có thể vận dụng để

xây dựng một chương trình marketing cho một doanh nghiệp nông nghiệp cụ thể.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mục tiêu của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
G1	<i>Về kiến thức:</i> Sinh viên nhớ và hiểu được các nội dung của marketing kinh doanh nông nghiệp	1.2.2, 1.2.3	1/6, 2/6
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức để xây dựng, phân tích và đánh giá một chương trình marketing kinh doanh nông nghiệp	2.2.1, 3.1.1	3/6, 4/6
G3	<i>Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:</i>		

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Mức độ năng lực (Bloom)	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Về kiến thức		
LO.1.1	<u>Trình bày, mô tả được:</u> + Bản chất, khái niệm, chức năng và đặc điểm của marketing kinh doanh nông nghiệp. + Chương trình, môi trường marketing kinh doanh nông nghiệp + Vai trò, mục tiêu định giá ban đầu, một số chiến lược định giá ban đầu + Khái niệm, vai trò, chức năng, các loại mạng kênh phân phối; các hình thức tổ chức kênh phân phối + Bản chất, vai trò, các hình thức hỗ trợ marketing + Sự cần thiết, yêu cầu đánh giá kết quả hoạt động marketing	1/6	1.2.2, 1.2.3
LO.1.2	<u>Giải thích được:</u> + Nghiên cứu thị trường trong kinh doanh nông nghiệp + Chiến lược sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp + Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá ban đầu	2/6	1.2.2, 1.2.3

	+ Các hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp + Hệ thống, nội dung đánh giá kết quả hoạt động marketing		
LO.2	Về kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	<u>Vận dụng, áp dụng để:</u> + Xây dựng chiến lược sản phẩm của doanh nghiệp nông nghiệp + Định giá ban đầu cho sản phẩm kinh doanh nông nghiệp + Lựa chọn kênh phân phối + Tổ chức các hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp	3/6	2.2.1, 3.1.1
<i>LO.2.2</i>	Phân tích, Lý giải, so sánh...: + Phân tích kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp	4/6	3.1.1
LO.3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
<i>LO.3.1</i>	Đánh giá, cho ý kiến, khuyến cáo...	5/6	
<i>LO.3.2</i>	Đề xuất, thiết kế...	6/6	

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học		Mục đích
<i>Chiến lược dạy và học</i>	<i>Phương pháp dạy và học</i>	
Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
	Câu hỏi gợi mở	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Chiến lược dạy học tương tác/hợp tác	Bài tập nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung của môn học vào vấn đề thực tế.
	Thuyết trình	Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng cần thiết của môn học.

Chiến lược tự học	Nghiên cứu bài học và tài liệu	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân.
Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động	Thảo luận	Sinh viên sẽ được chia thành nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết tình huống; qua đó, giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. Đồng thời, sinh viên có thể được đi khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp nông nghiệp để gắn kết lý thuyết với thực tiễn.

8. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUAN VỀ MARKETING NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Đây là chương mở đầu có vai trò rất quan trọng đối với toàn bộ chuyên đề marketing nông nghiệp. Những kiến thức trong chương này là cơ sở để nghiên cứu các chương tiếp theo. Tổng quan về marketing nông nghiệp giúp sinh viên hiểu được bản chất, chức năng và đặc điểm chủ yếu của marketing kinh doanh nông nghiệp; Làm rõ các khái niệm liên quan; Và giúp sinh viên hiểu được những nội dung chính của các giai đoạn, chương trình và môi trường marketing kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung chương:

1.1. Bản chất, khái niệm, chức năng và đặc điểm của marketing kinh doanh nông nghiệp

1.1.1. Bản chất của marketing kinh doanh nông nghiệp

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

1.1.3. Chức năng của marketing kinh doanh nông nghiệp

1.1.4. Đặc điểm chủ yếu của marketing kinh doanh nông nghiệp

1.2. Chương trình marketing của doanh nghiệp nông nghiệp

1.2.1. Mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp nông nghiệp

1.2.2. Các bộ phận hợp thành của chương trình marketing kinh doanh nông nghiệp

1.2.3. Các giai đoạn hoạt động của chương trình marketing nông nghiệp

1.3. Môi trường marketing kinh doanh nông nghiệp

1.3.1. Môi trường kinh tế

1.3.2. Thị trường từng loại sản phẩm nông nghiệp

1.3.3. Môi trường chính trị pháp luật

1.3.4. Môi trường văn hóa xã hội

1.3.5. Môi trường khoa học công nghệ.

CHƯƠNG 2 - NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG VÀ CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Mục tiêu của chương này giúp sinh viên hiểu được những vấn đề sau: mục đích, bản chất của nghiên cứu thị trường; phương pháp nghiên cứu thị trường; sự khác biệt giữa các loại sản phẩm nông nghiệp; luồng sản phẩm, chu kỳ sống của sản phẩm; các chiến lược về sản phẩm.

Nội dung chương:

2.1. Nghiên cứu thị trường trong kinh doanh nông nghiệp

2.1.1. Các loại thị trường nông nghiệp

2.1.2. Phân loại, xác định và đánh giá khách hàng

2.1.3. Xác định thị trường mục tiêu

2.2. Chiến lược sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp

2.2.1. Các khái niệm cơ bản về sản phẩm

2.2.2. Những đặc điểm của sản phẩm kinh doanh nông nghiệp

2.2.3. Luồng sản phẩm

2.2.4. Chu kỳ sống của sản phẩm

2.2.5. Chiến lược sản phẩm của doanh nghiệp nông nghiệp

CHƯƠNG 3 – CHIẾN LƯỢC GIÁ SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Sau khi nghiên cứu thị trường và xây dựng chiến lược sản phẩm, một nội dung quan trọng tiếp theo doanh nghiệp cần thực hiện, đó là định giá sản phẩm. Trong kinh doanh, nhiều doanh nghiệp đã thất bại do định giá sai. Vì vậy, mục tiêu của chương này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được: vai trò, mục tiêu định giá ban đầu cho sản phẩm kinh doanh nông nghiệp; Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá ban đầu; Phương pháp định giá ban đầu cho sản phẩm kinh doanh nông nghiệp; Và một số chiến lược về giá cho sản phẩm kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung chương:

3.1. Vai trò, mục tiêu định giá ban đầu cho sản phẩm kinh doanh nông nghiệp

3.1.1. Vai trò định giá ban đầu

3.1.2. Mục tiêu định giá ban đầu

3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá ban đầu

3.2.1. Nhân tố bên trong

3.2.2. Nhân tố bên ngoài

3.3. Định giá ban đầu cho sản phẩm kinh doanh nông nghiệp

3.3.1. Định giá dựa vào chi phí hoặc doanh thu và lãi dự kiến

3.3.2. Định giá dựa vào phân tích điểm hòa vốn và lợi nhuận mục tiêu

3.3.3. Một số phương pháp khác

3.4. Một số chiến lược về giá sản phẩm kinh doanh nông nghiệp

3.4.1. Chiến lược giá đối với sản phẩm mới

3.4.2. Chiến lược giá cho danh mục một số sản phẩm

3.4.3. Chiến lược giá cho sản phẩm song đôi, sản phẩm chính, sản phẩm phụ

3.4.4. Chiến lược giá theo nguyên tắc địa lý

3.4.5. Chiết giá, bớt giá, thay đổi giá

CHƯƠNG 4 – KÊNH PHÂN PHỐI HÀNG HÓA NÔNG SẢN

Giới thiệu khái quát chương:

Tiêu thụ sản phẩm là khâu mang tính quyết định đối với toàn bộ mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. Chương này tập trung phân tích việc tổ chức phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông sản với những nội dung chủ yếu như: làm rõ vai trò, chức năng của kênh phân phối nông sản; Các loại mạng kênh phân phối; Những hình thức tổ chức kênh phân phối; Lựa chọn kênh phân phối hàng hóa nông nghiệp.

Nội dung chương:

4.1. Khái niệm, vai trò, chức năng của kênh phân phối hàng hóa nông sản

4.1.1. Khái niệm về kênh phân phối sản phẩm

4.1.2. Vai trò của kênh phân phối và các trung gian

4.1.3. Chức năng của kênh marketing

4.2. Các loại mạng kênh phân phối

4.2.1. Kênh phân phối hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cá nhân

4.2.2. Kênh phân phối hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ công nghiệp

4.2.3. Kênh phân phối sản phẩm nông nghiệp

4.3. Hình thức tổ chức kênh phân phối

4.3.1. Kênh phân phối truyền thống

4.3.2. Hệ thống marketing liên kết dọc (VMS – Vertical Marketing System)

4.4. Lựa chọn kênh phân phối hàng hóa nông nghiệp

4.4.1. Những yêu cầu lựa chọn kênh phân phối đối với các nhà doanh nghiệp

4.4.2. Những căn cứ để lựa chọn kênh phân phối

CHƯƠNG 5 – CÁC HÌNH THỨC HỖ TRỢ MARKETING KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương:

Các biện pháp hỗ trợ marketing giúp nâng cao hiệu quả của các chương trình marketing đã thực hiện. Chương này giúp sinh viên hiểu được và vận dụng những nội dung cơ bản của hoạt động hỗ trợ marketing như: bản chất và vai trò của hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp; Các hình thức hoạt động hỗ trợ marketing của chính phủ; Và các hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp.

Nội dung chương:

5.1. Bản chất và vai trò của hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp

5.1.1. Bản chất của hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp

5.1.2. Vai trò của hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp

5.2. Các hình thức hoạt động hỗ trợ marketing của Chính phủ

5.2.1. Tập hợp và phổ biến thông tin thị trường

5.2.2. Định số loại và chuẩn phân loại nông sản hàng hóa

5.2.3. Tiêu chuẩn hóa bao bì, chứa đựng nông sản hàng hóa, thực phẩm

5.2.4. Các hoạt động bảo vệ người tiêu dùng nông sản thực phẩm

5.3. Các hình thức hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp

5.3.1. Quảng cáo

5.3.2. Xúc tiến bán hàng

5.3.3. Tuyên truyền (PR-public relation)

5.3.4. Bán hàng cá nhân

CHƯƠNG 6 – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG MARKETING KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương:

Đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp trước hết là đánh giá chương trình marketing của doanh nghiệp đã được xây dựng và triển khai trong thời gian qua nhằm tìm kiếm những ưu điểm và hạn chế để phát huy hay khắc phục trong việc xây dựng chương trình marketing mới. Mặt khác, nội dung này còn để đánh giá quá trình thực hiện các hoạt động marketing của doanh nghiệp từ nghiên cứu thị trường, sản xuất sản phẩm, xây dựng hệ thống phân phối, chương trình xúc tiến bán hàng. Kết quả đánh giá sẽ làm cơ sở để triển khai các hoạt động marketing của doanh nghiệp trong thời kỳ kế tiếp. *Nội dung chương:*

6.1. Sự cần thiết và yêu cầu đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp

6.1.1. Sự cần thiết phải đánh giá

6.1.2. Yêu cầu đánh giá

6.2. Hệ thống đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp

6.2.1. Đánh giá hoạt động nghiên cứu thị trường và chiến lược sản phẩm của doanh nghiệp nông nghiệp

6.2.2. Đánh giá chương trình giá

6.2.3. Đánh giá kênh phân phối

6.2.4. Đánh giá các hình thức hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp

6.3. Nội dung đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp

6.3.1. Đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp

6.3.2. Phân tích kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp

6.4. Dự đoán và xác định lại chiến lược marketing kinh doanh nông nghiệp

6.4.1. Dự đoán môi trường marketing kinh doanh nông nghiệp

6.4.2. Xác định lại chiến lược marketing kinh doanh nông nghiệp

9. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 1/Bài 1: - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Tổng quan về marketing nông nghiệp	- Hoạt động làm quen - Thành lập nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận Bài mở đầu: Giới thiệu môn học 1.1. Bản chất, khái niệm, chức năng và đặc điểm của marketing kinh doanh nông nghiệp	2/1	1, 5	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	- Chương 1/Bài 2: Tổng quan về marketing nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 1.2. Chương trình marketing của doanh nghiệp nông nghiệp 1.3. Môi trường marketing kinh doanh nông nghiệp	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	- Chương 2/Bài 3:	- Bài giảng và thảo luận	2/1	2,6	LO.1.1

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	Nghiên cứu thị trường và chiến lược sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp	2.1. Nghiên cứu thị trường trong kinh doanh nông nghiệp			LO.1.2
Tuần 4	Chương 2/Bài 4: Nghiên cứu thị trường và chiến lược sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 2.2. Chiến lược sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp 2.3. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 2	2/1	4,6	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Bài 5	- Chữa bài tập - Bài kiểm tra cá nhân	0/3		LO 2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 3/Bài 6: Chiến lược giá sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 3.1. Vai trò, mục tiêu định giá ban đầu cho sản phẩm kinh doanh nông nghiệp 3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá ban đầu	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 7	Chương 3/Bài 7: Chiến lược giá sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 3.3. Định giá ban đầu cho sản phẩm kinh doanh nông nghiệp 3.4. Một số chiến lược về giá sản phẩm kinh doanh nông nghiệp 3.5. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 3	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 8	Chương 4/Bài 8: Kênh phân phối hàng hóa nông sản	- Bài giảng và thảo luận 4.1. Khái niệm, vai trò, chức năng của kênh phân phối hàng hóa nông sản 4.2. Các loại mạng kênh phân phối	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 9	Chương 4/Bài 9:	- Bài giảng và thảo luận	2/1	3	LO.1.1

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	Kênh phân phối hàng hóa nông sản	4.3. Hình thức tổ chức kênh phân phối 4.4. Lựa chọn kênh phân phối hàng hóa nông nghiệp 4.5. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 4			LO.1.2
Tuần 10	Chương 5/Bài 10: Các hình thức hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 5.1. Bản chất và vai trò của hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp 5.2. Các hình thức hoạt động hỗ trợ marketing của Chính phủ	2/1	3	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 11	Chương 5/Bài 11: Các hình thức hỗ trợ marketing kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 5.3. Các hình thức hoạt động truyền thông marketing của doanh nghiệp 5.4. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 5	2/1	9, 10	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 12	Chương 6/Bài 12 Đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 6.1. Sự cần thiết và yêu cầu đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp 6.2. Hệ thống đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp 6.3. Nội dung đánh giá kết quả hoạt động marketing kinh doanh nông nghiệp 6.4. Dự đoán và xác định lại chiến lược marketing kinh doanh nông nghiệp 6.5. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 5	2/1		

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 13	Bài 13	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/3		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

10. GIÁO TRÌNH/BÀI GIẢNG

Giáo trình: “ *Marketing nông nghiệp*”, Bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

11. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Quốc Khánh (2005), Quản trị kinh doanh nông nghiệp, NXB ĐH LDXH,
2. Trần Minh Đạo (2012), Giáo trình Marketing căn bản, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.
3. Philip Kotler, Principles of Marketing, Pearson international edition, 12th, 2008.
4. Philip T. Kotler (2011), Marketing Management, Chapter 12, Link ebook : <https://drive.google.com/file/d/0B0kMA2Wzke9KZ252c09Wbml0eFU/view>
5. Don Sexton, Marketing căn bản: Marketing 101 – Tất cả thông tin và chiến lược cần thiết để marketing thành công sản phẩm hoặc dịch vụ, NXB lao động.
6. Al Ries & Jack Trout, 22 Quy luật bất biến trong marketing
7. William M. Luther, Chiến lược marketing hoàn hảo.
8. Paul R. Gamble – Alan Tapp – Anthony Marsella – Merlin Stone, Marketing đột phá, Nhà Xuất bản trẻ.
9. Jim Cockrum, Free Marketing – 101 ý tưởng phát triển doanh nghiệp với chi phí thấp
10. Donald Hendon, Marketing Failures – Sự thật về những thất bại trong tiếp thị sản phẩm.
11. Brian Tracy, Thuật Marketing
12. FAO (1997), Agricultural and Food Marketing Management, <http://www.fao.org/3/w3240e/W3240E00.htm#TOC>
13. Najibullah Hassanzoy (2013), Agricultural Marketing for a Small Agribusiness (a

training manual)

[https://www.academia.edu/8836587/Agricultural Marketing for a Small Agribusiness](https://www.academia.edu/8836587/Agricultural_Marketing_for_a_Small_Agribusiness)

12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

12.1. Thang điểm đánh giá: 10

12.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá

TT	Điểm thành phần (%)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (50%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần 6 - Hệ số: 20%	x	x		
		3. Bài tập lớn - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần 12,13 - Hệ số: 20%			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Công nghệ nông nghiệp 1

Tiếng Anh: Agriculture technology

Mã học phần: **TNKT**

Tổng số tín chỉ: **03**

Số tiết lý thuyết: **35**

Số tiết bài tập/thảo luận: **10**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY

Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần công nghệ nông nghiệp 1 trình bày những nguyên lý cơ bản về công nghệ trong nông nghiệp. Mô tả về hệ thống các công nghệ áp dụng trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới. Nhằm cung cấp kiến thức cho người học về một số công nghệ cơ bản về trồng trọt, chăn nuôi. Từ đó sinh viên khi ra trường có thể lựa chọn, quản lý sử dụng các công nghệ cho nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao từ đó giúp cho sản xuất ra các loại nông sản phẩm đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Trang bị cho sinh viên ngành nông nghiệp những kiến thức cơ bản về hệ thống các công nghệ về trồng trọt và chăn nuôi ứng dụng trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, từ đó giúp cho sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản được đào tạo trong nhà trường vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh ở cơ sở để làm việc có hiệu quả cao nhất.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được những nguyên lý cơ bản về công nghệ trong nông nghiệp.	CDR 1.1 CDR 1.3	I, II
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức có thể lựa chọn, quản lý sử dụng các công nghệ cho nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao từ đó giúp cho sản xuất ra các loại nông sản phẩm đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.	CDR 2.2	III, IV

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1 Sinh viên hiểu được các đặc điểm cơ bản của công nghệ nông nghiệp.	CDR 1.1	Nhận biết (I)
	LO.1.2 Sinh viên giải thích được các khái niệm và những nguyên lý cơ bản về công nghệ trong nông nghiệp	CDR 1.3	Hiểu (II)
LO.2	Chuẩn kỹ năng		
G2	LO.2.1 Sinh viên vận dụng được kiến thức để giải thích được vai trò, đặc điểm cơ bản của công nghệ nông nghiệp.	CDR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.2 Sinh viên vận dụng được kiến thức để vận dụng được kiến thức có thể lựa chọn, quản lý sử dụng các công nghệ cho nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao	CDR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.3 Sinh viên vận dụng được kiến thức về	CDR 2.2	Phân tích

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
	quản lý sử dụng các công nghệ cho nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao để từ đó giúp cho sản xuất ra các loại nông sản phẩm đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.		(IV)

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔN HỌC CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP

Chương này trình bày những kiến thức tổng quan về công nghệ nông nghiệp nói chung và các công nghệ đang được áp dụng trong nông nghiệp ở Việt Nam nói riêng phù hợp với đối tượng sinh viên ngành nông nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên có được những kiến thức để đưa ra những quyết định lựa chọn các công nghệ phù hợp trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất theo hướng bền vững đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp của cả nước cũng như của từng địa phương trong điều kiện hội nhập. Để học tập có kết quả tốt, sinh viên cần nắm vững các khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học.

1.1. Tổng quan về công nghệ nông nghiệp

1.1.1. Khái niệm công nghệ và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm công nghệ nông nghiệp

1.1.1.2. Khái niệm ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp

1.1.2. Phân loại công nghệ trong nông nghiệp

1.1.2.1. Phân theo ngành nông nghiệp

(Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến sau thu hoạch...)

1.1.2.2. Phân theo các khâu của các ngành nông nghiệp

(giống, làm đất, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh...)

1.1.2.3. Phân theo cấp độ công nghệ

(Thủ công, cơ khí, tự động; công nghệ thấp, công nghệ trung bình, công nghệ cao...)

1.1.3. Các xu hướng phát triển công nghệ nông nghiệp

1.1.4. Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp

1.2. Tổng quan về môn học công nghệ nông nghiệp

1.2.1. Vai trò của môn công nghệ nông nghiệp trong ngành kinh doanh nông nghiệp

1.2.2. Đối tượng nghiên cứu của môn học

1.2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu

2.2.3. Phương pháp nghiên cứu

CHƯƠNG 2. CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG TRỒNG TRỌT

2.1. Khái niệm, phân loại công nghệ sinh học trong ngành trồng trọt

2.1.1. Khái niệm công nghệ sinh học trong ngành trồng trọt

2.1.2. Phân loại công nghệ sinh học trong trồng trọt

2.1.2.1. Công nghệ giống cây trồng

- Công nghệ sinh học truyền thống

- Công nghệ sinh học cao

2.1.2.2. Công nghệ sinh học trong sản xuất phân bón và bảo vệ thực vật

- Công nghệ sinh học truyền thống

- Công nghệ sinh học cao

2.2. Nội dung các loại công nghệ sinh học chủ yếu trong trồng trọt

2.2.1. Nội dung công nghệ sản xuất giống

- Các công nghệ sản xuất truyền thống

- Các công nghệ sản xuất cao

2.2.2. Nội dung công nghệ sản xuất sinh học trồng trọt khác

2.3. Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các công nghệ sinh học vào ngành trồng trọt trong kinh doanh nông nghiệp

2.3.1. Các thành tựu trong nghiên cứu công nghệ sinh học trồng trọt

2.3.2. Các phương thức chuyển giao tiến bộ công nghệ sinh học vào ngành trồng trọt

2.3.3. Các điều kiện tiếp nhận và ứng dụng công nghệ sinh học trong trồng trọt của kinh doanh nông nghiệp

2.4. Một số vấn đề trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trồng trọt trong nông nghiệp VN

CHƯƠNG 3. CÔNG NGHỆ CANH TÁC CÂY TRỒNG

3.1. Khái niệm và phân loại công nghệ canh tác cây trồng

3.1.1. Khái niệm công nghệ canh tác cây trồng

3.1.2. Phân loại công nghệ canh tác cây trồng

3.2. Các công nghệ canh tác cây trồng chủ yếu

3.2.1. Công nghệ sản xuất giống và gieo trồng

3.2.1.1. Công nghệ sản xuất giống

(Nói chung cho tất cả các loại cây trồng theo các phương pháp khác nhau: Gieo hạt riêng, chọn giống từ sản xuất đại trà, giâm bầu, nhân giống từ tế bào,...).

3.2.1.2. Công nghệ gieo trồng

Gieo thẳng, gieo vãi, tria hạt

3.2.2. Công nghệ làm đất

3.2.2.1. Công nghệ cày, bừa

3.1.2.2. Công nghệ lên luống

3.2.3. Công nghệ tưới, tiêu nước

3.2.3.1. Công nghệ tưới nước

3.2.3.2. Công nghệ thoát nước

3.2.4. Công nghệ bón phân

3.2.5. Công nghệ chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh

3.2.6. Công nghệ thu hoạch

3.3. Các công nghệ canh tác một số loại cây trồng chủ yếu

3.3.1. Cây lương thực

3.3.2. Cây thực phẩm

3.3.3. Cây ăn quả

3.3.4. Cây công nghiệp

3.3.5. Cây rau

CHƯƠNG 4. CÔNG NGHỆ BẢO VỆ VÀ THU HOẠCH CÂY TRỒNG

4.1. Công nghệ bảo vệ cây trồng

4.1.1. Công nghệ hóa học

4.1.2. Công nghệ sinh học

4.2. Công nghệ thu hoạch cây trồng

4.3. Công nghệ thu hoạch một số loại cây trồng

4.3.1. Công nghệ thu hoạch lúa

4.3.2. Công nghệ thu hoạch ngô

4.3.3. Công nghệ thu hoạch

CHƯƠNG 5. CÔNG NGHỆ SINH HỌC CHĂN NUÔI

5.1. Sinh lí học vật nuôi

5.1.1. Đặc trưng sinh lí cơ bản của cơ thể sống

5.1.2. Sinh lí tiêu hóa

5.2. Chọn và tạo giống vật nuôi

5.2.1. Chọn lọc giống vật nuôi

5.2.2. Nhân giống vật nuôi

5.2.3. Sinh trưởng, sinh sản và sức sản xuất của vật nuôi

CHƯƠNG 6. CÔNG NGHỆ CHĂM SÓC VÀ NUÔI DƯỠNG VẬT NUÔI

6.1. Thức ăn của vật nuôi

6.1.1. Khái niệm

6.1.2. Thành phần của thức ăn

6.1.3. Nhu cầu về thức ăn của vật nuôi

6.2. Công nghệ nuôi dưỡng vật nuôi

6.2.1. Nuôi dưỡng vật nuôi lấy thịt

6.2.2. Nuôi dưỡng vật nuôi sinh sản

6.2.3. Nuôi dưỡng vật nuôi lấy sữa

6.3. Công nghệ nuôi cá nước ngọt

8. GIÁO TRÌNH

- TS.Đào Duy Cầu (2004): Giáo trình công nghệ trồng trọt – NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

- TS.Đào Duy Cầu (2004): Giáo trình công nghệ chăn nuôi – NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Giáo trình vi sinh vật trồng trọt - BỘ NN-PTNT – BỘ NN-PTNT 1970
- Các nước đang phát triển với cuộc CM xanh – NXB Nông thôn 1978
- Giáo trình canh tác - ĐHNN1
- Trồng cây ăn quả ở Việt nam – Vũ Công Hậu - NXB Nông nghiệp 1999
- Thức ăn và dinh dưỡng động vật - Đại học nông nghiệp I
- Phạm Quang Hùng, Đặng Vũ Bình: Giáo trình chăn nuôi cơ bản, NXB Nông nghiệp 2006

- Phạm Hữu Doanh: Kỹ thuật nuôi lợn nái mắn đẻ sai con - NXB Nông nghiệp 1999
- Bệnh truyền nhiễm - Đại học nông nghiệp I
- Giáo trình BVTV – ĐHNN1
- Máy canh tác nông nghiệp, Nguyễn Văn Muồn - Nguyễn Viết Lâu - Trần Văn Nghiễn - Hà Đức Thái, NXB Giáo dục-1999
- Máy thu hoạch nông nghiệp, Phạm Xuân Vượng, NXB Giáo dục – 1999
- Giáo trình vi sinh vật trồng trọt - BỘ NN-PTNT – BỘ NN-PTNT 1970
- Trồng cây ăn quả ở Việt nam – Vũ Công Hậu - NXB Nông nghiệp 1999
- Giáo trình thủy nông – ĐHNN1
- Disease Control and storage life extension in fruit. Editors: L.M. Coates, P.J. Hofman Canberra, 1998. Citrus research board, California, USA. 1994 – 1995 Annual report.
- Các Tài liệu cập nhật khác do Giảng viên giới thiệu.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Dự lớp: $\geq 80\%$ số giờ và phải có bài tập lớn

- Điểm chuyên cần: 10% điểm học phần
- Điểm bài tập lớn giữa kỳ: 30% điểm học phần
- Điểm thi cuối học kỳ: 60% điểm học phần

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	10. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		11. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ	x	x		

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
		8 - Hệ số: 10%				
		12. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
Tuần 1	Chương 1/ Bài 1 - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Tổng quan về công nghệ nông nghiệp	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận Một số khái niệm cơ bản về công nghệ nông nghiệp	2/1	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	Chương 1/ Bài 2 Tổng quan về công nghệ nông nghiệp	- Bài giảng: Đặc điểm, vai trò và phân loại công nghệ nông nghiệp + Đặc điểm của công nghệ nông nghiệp + Vai trò của công nghệ nông nghiệp + Phân loại công nghệ trong nông nghiệp	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
		+ Các xu hướng phát triển công nghệ nông nghiệp			
Tuần 3	Chương 2/ Bài 1 Công nghệ sinh học trong trồng trọt	- Bài giảng: + Khái niệm, phân loại công nghệ sinh học trong ngành trồng trọt + Nội dung các loại công nghệ sinh học chủ yếu trong trồng trọt	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 2/Bài 2 Công nghệ sinh học trong trồng trọt	- Bài giảng: + Nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các công nghệ sinh học vào ngành trồng trọt trong kinh doanh nông nghiệp + Một số vấn đề trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trồng trọt trong nông nghiệp VN	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 3/Bài 1: Công nghệ canh tác cây trồng	- Bài giảng: + Khái niệm và phân loại công nghệ canh tác cây trồng + Các công nghệ canh tác cây trồng chủ yếu	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 3/Bài 2: Công nghệ canh tác cây trồng	- Bài giảng: Các công nghệ canh tác một số loại cây trồng chủ yếu	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 4/ Bài 1: Công nghệ bảo vệ và thu hoạch cây trồng	- Bài giảng: Công nghệ bảo vệ cây trồng	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 8	Chương 4/ Bài 2:	Bài giảng:	0/6	8.1	LO 2.1

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	Công nghệ bảo vệ và thu hoạch cây trồng	Công nghệ thu hoạch một số loại cây trồng		9.3 9.4 9.5	LO.2.2
Tuần 9	Chương 5/ Bài 1: Công nghệ chăm sóc vật nuôi	- Bài giảng: Sinh lí học vật nuôi	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 10	Chương 5/ Bài 2: Công nghệ chăm sóc vật nuôi	- Bài giảng: Chọn và tạo giống vật nuôi	2/1	8.1 9.1	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 11	Chương 6/ Bài 1: Công nghệ chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi	Bài giảng: Thức ăn của vật nuôi	2/1	8.1 9.1	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 12	Chương 6/ Bài 2: Công nghệ chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi	Bài giảng: Công nghệ nuôi dưỡng vật nuôi	2/1	8.1 9.1	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 13	Chương 6/ Bài 3: Công nghệ chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi	Bài giảng: Công nghệ nuôi cá nước ngọt	2/1	8.1 9.1	LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

Hà Nội, ngày ... tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Công nghệ nông nghiệp 2

Tiếng Anh: Agriculture technology 2

Mã học phần: **TNKT**

Tổng số tín chỉ: **03**

Số tiết lý thuyết: **35**

Số tiết bài tập/thảo luận: **10**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY

Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần công nghệ nông nghiệp 2 trình bày những nguyên lý cơ bản về công nghệ sau thu hoạch. Mô tả về hệ thống các công nghệ áp dụng trong bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới. Nhằm cung cấp kiến thức cho người học về một số công nghệ cơ bản về công nghệ sau thu hoạch. Từ đó sinh viên khi ra trường có thể lựa chọn, quản lý sử dụng các công nghệ bảo quản, chế biến nông sản theo hướng hiện đại, công nghệ cao từ đó giúp cho việc bảo quản, chế biến nông sản đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Trang bị cho sinh viên ngành nông nghiệp những kiến thức cơ bản về hệ thống các công nghệ áp dụng cho giai đoạn sau thu hoạch, từ đó giúp cho việc bảo quản và

chế biến các sản phẩm nông nghiệp đạt chất lượng và hiệu quả cao. Giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản được đào tạo trong nhà trường vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh ở cơ sở để làm việc có hiệu quả cao nhất.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được những nguyên lý cơ bản về công nghệ sau thu hoạch, về hệ thống các công nghệ áp dụng cho giai đoạn sau thu hoạch, từ đó giúp cho việc bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp đạt chất lượng và hiệu quả cao.	CDR 1.1 CDR 1.3	I, II
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức trong bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp ở Việt Nam và trên thế giới từ đó giúp cho chế biến ra các loại sản phẩm nông sản đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.	CDR 2.2	III, IV

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1	Sinh viên hiểu được các đặc điểm cơ bản của công nghệ sau thu hoạch.	CDR 1.1 Nhận biết (I)
	LO.1.2	Sinh viên giải thích được các khái niệm, những nguyên lý cơ bản và về hệ thống các công nghệ áp dụng cho giai đoạn sau thu hoạch, từ đó giúp cho việc bảo quản và chế biến các sản phẩm nông nghiệp đạt chất lượng và hiệu quả cao.	CDR 1.3 Hiểu (II)

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.2	Chuẩn kỹ năng		
G2	LO.2.1	Sinh viên vận dụng được kiến thức để hiểu và giải thích được hệ thống các công nghệ áp dụng cho giai đoạn sau thu hoạch	CĐR 2.2 Vận dụng (III)
	LO.2.2	Sinh viên vận dụng được kiến thức để sử dụng được hệ thống các công nghệ áp dụng cho giai đoạn sau thu hoạch	CĐR 2.2 Vận dụng (III)
	LO.2.3	Sinh viên vận dụng được kiến thức về quản lý sử dụng các công nghệ sau thu hoạch theo hướng hiện đại, công nghệ cao để từ đó giúp chế biến ra các loại nông sản phẩm đạt chất lượng và hiệu quả cao theo hướng bền vững.	CĐR 2.2 Phân tích (IV)

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH

Chương này trình bày những kiến thức tổng quan về công nghệ sau thu hoạch nói chung và các công nghệ sau thu hoạch đang được áp dụng trong bảo quản, chế biến nông sản ở Việt Nam nói riêng phù hợp với đối tượng sinh viên ngành nông nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên có được những kiến thức để đưa ra những quyết định lựa chọn các công nghệ phù hợp trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất theo hướng bền vững đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp của cả nước cũng như của từng địa phương trong điều kiện hội nhập.

1.1. Tổng quan về công nghệ sau thu hoạch

1.1.1. Một số khái niệm

- 1.1.2. Vai trò, đặc điểm của giai đoạn sau thu hoạch*
- 1.1.3. Tổn thất sau thu hoạch và nguyên nhân gây tổn thất*
- 1.1.4. Mục tiêu, yêu cầu và nguyên tắc bảo quản, chế biến nông sản thực phẩm*
- 1.1.5. Nhóm nông sản thực phẩm và yêu cầu bảo quản, chế biến.*

CHƯƠNG 2. CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN

- 2.1. Nguyên lý chung về công nghệ chế biến nông sản**
 - 2.1.1. Mục đích và yêu cầu của công tác chế biến*
 - 2.1.2. Đặc điểm của công nghệ chế biến nông sản*
- 2.2. Công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm**
 - 2.2.1. Một số biện pháp công nghệ dùng trong chế biến nông sản*
 - 2.2.2. Công nghệ chế biến một số nông sản*

CHƯƠNG 3. CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN NÔNG SẢN

- 3.1. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc của bảo quản nông sản**
 - 3.1.1. Mục đích của bảo quản nông sản*
 - 3.1.2. Yêu cầu của bảo quản nông sản*
 - 3.1.3. Nguyên tắc của bảo quản nông sản*
- 3.2. Nhóm nông sản thực phẩm và yêu cầu bảo quản**
 - 3.2.1. Đặc điểm của nông sản thực phẩm*
 - 3.2.2. Phân loại nông sản*
 - 3.2.3. Yêu cầu bảo quản của các dạng nông sản*
- 3.3. Công nghệ bảo quản một số loại nông sản chính**

CHƯƠNG 4: CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN MỘT SỐ NÔNG SẢN CHÍNH

- 4.1. Công nghệ chế biến nông sản dạng hạt*
- 4.2. Công nghệ chế biến thịt*
- 4.3. Công nghệ chế biến sữa*
- 4.4. Công nghệ chế biến rau, củ*

CHƯƠNG 5: CÔNG NGHỆ BẢO QUẢN MỘT SỐ NÔNG SẢN CHÍNH

5.1. Công nghệ bảo quản nông sản dạng hạt

5.2. Công nghệ bảo quản thịt

5.3. Công nghệ bảo quản sữa

5.4. Công nghệ bảo quản rau, củ

8. GIÁO TRÌNH

- TS.Đào Duy Cầu (2004): Giáo trình Cơ khí nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch – NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Quốc Trung: Sổ tay kỹ thuật bảo quản lương thực – NXB KHKT
- Lê Doãn Diên: Sử dụng công nghệ sinh học để chế biến nông sản sau thu hoạch – NXB Nông nghiệp – 1995
- Tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu
- Chế biến hạt dầu, V.P. Kitrigin (Người dịch: Lê Văn Thạch, Nguyễn Năng Vinh, Lê Trọng Hoàng, Phạm Sương Thu), NXB Nông nghiệp
- Triệu Thị Chơi: Chế biến và bảo quản thực phẩm – NXB Nông nghiệp – 1993
- Công nghệ và máy chế biến lương thực, Trần Văn Nghiễn, Hà nội – 1999
- Post harvest handling of tropical fruits. Editors: B.R. Champ, E. Highly and G.I.Johson. ACIAR, 1993
- Disease Control and storage life extension in fruit. Editors: L.M. Coates, P.J. Hofman Canberra, 1998. Citrus research board, California, USA. 1994 – 1995 Annual report.
- Các Tài liệu cập nhật khác do Giảng viên giới thiệu

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	13. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		14. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Bài tập lớn - Thời điểm: Tuần học thứ 7 - Hệ số: 30%	x	x		
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 1/ Bài 1 - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Tổng quan về công nghệ sau thu hoạch	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận Một số khái niệm cơ bản về công nghệ sau thu hoạch	2/1	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 2	Chương 1/ Bài 2 Tổng quan về công nghệ sau thu hoạch	- Bài giảng: Đặc điểm, vai trò của công nghệ sau thu hoạch + Đặc điểm của công nghệ sau thu hoạch + Vai trò của công nghệ sau thu hoạch + Phân loại công nghệ sau thu hoạch + Các xu hướng phát triển công nghệ sau thu hoạch	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	Chương 2/ Bài 1 Công nghệ chế biến nông sản	- Bài giảng: + Đặc điểm, mục đích và yêu cầu của công tác chế biến + Công nghệ chế biến lương thực, thực phẩm	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 3/Bài 1 Công nghệ bảo quản nông sản	- Bài giảng: + Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc của bảo quản nông sản + Nhóm nông sản thực phẩm và yêu cầu bảo quản	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 4/Bài 1: Công nghệ chế biến một số nông sản chính	- Bài giảng: Công nghệ chế biến nông sản dạng hạt	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 4/Bài 2: Công nghệ chế biến một số nông sản chính	- Bài giảng: Công nghệ chế biến rau, củ, quả	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 4/Bài 3: Công nghệ chế biến một số nông sản	- Bài giảng: Công nghệ chế biến thịt, trứng, sữa	2/1	8.1 9.3 9.4	LO 2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	chính			9.5	
Tuần 8	Sinh viên làm bài tập lớn		0/6	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 9	Chương 5/Bài 1: Công nghệ bảo quản một số nông sản chính	- Bài giảng: Công nghệ bảo quản nông sản dạng hạt	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 10+11	Chương 5/Bài 2: Công nghệ bảo quản một số nông sản chính	Công nghệ bảo quản rau, củ, quả	2/1	8.1 9.1	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 12+13	Chương 5/Bài 3: Công nghệ bảo quản một số nông sản chính	- Bài giảng: Công nghệ bảo quản thịt, trứng, sữa	2/1	8.1 9.1	LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

Hà Nội, ngày ... tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐẠO ĐỨC VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN CHUNG

Tiếng Việt: Đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh nông nghiệp

Tiếng Anh: Ethics and responsibility in Agribusiness

- Mã học phần: TNKT

- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Kiến thức của chuyên ngành - bắt buộc)

- Số tín chỉ: 3

- Các học phần tiên quyết:

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH: Bộ môn Kinh tế nông nghiệp

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp những kiến thức, kỹ năng để xem xét đạo đức và trách nhiệm của một doanh nghiệp nông nghiệp với các bên liên quan, tích hợp các khía cạnh từ việc tuân thủ pháp luật, đạo đức và trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp nông nghiệp. Chú trọng xem xét các khía cạnh về vai trò của doanh nghiệp nông nghiệp dẫn đến những cơ chế quản trị và vận dụng chính sách, khuyến khích hành vi đạo đức, trách nhiệm với các bên liên quan và hỗ trợ cho sự bền vững lâu dài của doanh nghiệp nông nghiệp.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách:

1. Anne T. Lawrence, James Weber (2020),

Business and society: Stakeholders,

Ethics, Public policy 16 th , McGraw Hill

2. Freddie L. Barnard, John Foltz, Elizabeth A. Yeager (2016), Agribusiness management 5th, Routledge

Tài liệu tham khảo:

1. Anne T. Lawrence, James Weber (2020), Business and society: Stakeholders,

Ethics, Public policy 16th, McGraw Hill.

2. Ferrell O.C., Fraedrich John, Ferrell Linda (2016), *Business Ethics*, 11th. Ed., South Western, Cengage Learning, Ohio.

3. Báo cáo và các tình huống nghiên cứu về Sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm - Dự án nghiên cứu do UNDP và Trường ĐH Kinh tế Quốc dân phối hợp thực hiện (2020 - 2021).

Handout phát vào các buổi học.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1 (Kiến thức)	<ul style="list-style-type: none"> + Lợi ích của việc áp dụng các thông lệ kinh doanh nông nghiệp có trách nhiệm; + Các cấp độ khác nhau mà việc kinh doanh nông nghiệp có đạo đức, có trách nhiệm có thể được giải quyết; + Các khía cạnh kinh tế, luật pháp và đạo đức của doanh nghiệp nông nghiệp; + Trách nhiệm kinh doanh nông nghiệp đối với những bên liên quan chính; + Môi quan hệ qua lại giữa doanh nghiệp nông nghiệp và xã hội; + Việc sử dụng các kiểm soát quốc tế và quy tắc ứng xử làm công cụ cho hoạt động kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm; 	KT4	3
G2 (Kỹ năng)	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định các bên liên quan chính của một doanh nghiệp nông nghiệp; + Xác định thành tố quan trọng của việc kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm của doanh nghiệp nông nghiệp; + Các chiến lược để cải thiện hoạt động kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm; + Tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm; 	KN3 KN5	3 3

	+ Thiết kế các công cụ kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm hiệu quả;		
G3 (Mức tự chủ và trách nhiệm)	+ Nghiêm túc và chủ động tuân thủ pháp luật; + Tích cực và tham gia xây dựng chính sách; + Nhạy bén và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan; + Quan tâm đến sự đóng góp của Doanh nghiệp nông nghiệp cho xã hội.	NLTC2	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mục tiêu học phần	CLO	Mô tả	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	CLO 1.1	Sinh viên có thể hiểu được lợi ích của việc áp dụng các thông lệ kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm;	I
	CLO 1.2	Sinh viên có thể phân biệt được các cấp độ khác nhau mà việc kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm có thể được giải quyết	II
	CLO 1.3	Sinh viên có thể giải thích được các khía cạnh kinh tế, luật pháp và đạo đức của doanh nghiệp nông nghiệp	II
	CLO 1.4	Sinh viên có thể chỉ ra trách nhiệm kinh doanh nông nghiệp đối với những bên liên quan chính và giải thích mối quan hệ qua lại giữa doanh nghiệp nông nghiệp và xã hội	II
	CLO 1.5	Sinh viên có thể làm rõ những kiểm soát quốc tế và quy tắc ứng xử làm công cụ cho hoạt động kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm.	II
G2	CLO 2.1	Sinh viên có thể xác định những bên liên quan chính	II
	CLO 2.2	Sinh viên có thể xác định những thành tố quan trọng trong kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm của doanh nghiệp	III

Mục tiêu học phần	CLO	Mô tả	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
	CLO 2.3	Sinh viên có thể dự thảo những chiến lược để cải thiện kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm	IV
	CLO 2.4	Sinh viên có thể tổ chức và thực hiện các hoạt động kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm.	IV
	CLO 2.5	Sinh viên có thể thiết kế các công cụ kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm hiệu quả	V
G3	CLO 3.1	Sinh viên nghiêm túc và chủ động tuân thủ pháp luật	III
	CLO 3.2	Sinh viên tích cực và tham gia vào việc xây dựng chính sách kinh doanh có đạo đức và trách nhiệm	III
	CLO 3.3	Sinh viên nhạy cảm và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan với tư cách là nhà lãnh đạo doanh nghiệp nông nghiệp	III
	CLO 3.4	Sinh viên tâm niệm doanh nghiệp nông nghiệp đóng góp cho xã hội	III

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

1.1. Tổng quan về đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh

1.1.1. Đạo đức và trách nhiệm nói chung

1.1.2. Khái niệm về đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh

1.1.3. Vai trò của kinh doanh đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.4. Sự phát triển của đạo đức và trách nhiệm trong kinh doanh

1.2. Khái niệm, vai trò của đạo đức và trách nhiệm kinh doanh nông nghiệp

- 1.2.1. Khái niệm đạo đức và trách nhiệm
- 1.2.2. Sự cần thiết phải kinh doanh có đạo đức và trách nhiệm trong nông nghiệp
- 1.2.3. Mối quan hệ giữa kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm với các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu
- 1.2.4. Các bên liên quan đến doanh nghiệp nông nghiệp
- 1.3. Cơ chế vận hành kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm**
- 1.3.1. Toàn cầu hóa
- 1.3.2. Đột phá công nghệ
- 1.3.3. Biến đổi khí hậu

Chương 2: TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG

2.1. Quyền của người tiêu dùng

- 2.1.1. Bảo vệ quyền riêng tư của người tiêu dùng
- 2.1.2. Trách nhiệm sản phẩm
- 2.1.3. Công bố thông tin
- 2.1.4. Tham gia và đồng sáng tạo

2.2. Phương thức bảo vệ người tiêu dùng

- 2.2.1. Quản lý chất lượng
- 2.2.2. Quy tắc ứng xử
- 2.2.3. Giao dịch với khách hàng
- 2.2.4. Thu hồi sản phẩm
- 2.2.5. Thủ tục trọng tài
- 2.2.6. Quy định của Việt nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Chương 3: MỐI QUAN HỆ GIỮA DOANH NGHIỆP NÔNG NGHIỆP VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN KHÁC

3.1. Quan hệ giữa doanh nghiệp nông nghiệp và người lao động

- 3.1.1. Quyền của người lao động
- 3.1.2. Quyền riêng tư tại nơi làm việc
- 3.1.3. Bình đẳng trong công việc
- 3.1.4. Những vấn đề về điều kiện làm việc
- 3.1.5. Quy định quản lý lao động của Việt Nam

3.2. Quan hệ giữa doanh nghiệp nông nghiệp và chính phủ

- 3.2.1. Trách nhiệm của doanh nghiệp nông nghiệp với chính phủ

3.2.2. Quy định liên quan của Việt Nam

3.3. Trách nhiệm kinh doanh nông nghiệp với cộng đồng

3.3.1. Mối quan hệ giữa doanh nghiệp nông nghiệp với cộng đồng

3.3.2. Xây dựng quan hệ đối tác hợp tác

3.3.3. Quy định liên quan của Việt Nam

3.4. Trách nhiệm doanh nghiệp nông nghiệp với môi trường

3.4.1. Các vấn đề môi trường toàn cầu

3.4.2. Quản lý môi trường như một thực thể cạnh tranh

3.4.3. Quy định liên quan của Việt Nam

Chương 4: GIAO TIẾP KINH DOANH NÔNG NGHIỆP CÓ TRÁCH NHIỆM

4.1. Khái niệm

4.2. Quy định của chính phủ về giao tiếp kinh doanh

4.3. Giải quyết khủng hoảng truyền thông

Chương 5: PHƯƠNG PHÁP KINH DOANH NÔNG NGHIỆP CÓ TRÁCH NHIỆM

5.1. Quy tắc ứng xử

5.2. Hệ thống kiểm soát nội bộ

5.3. Nghiên cứu dự án thực tế

8. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Đánh giá quá trình học		Từ tuần 1 đến tuần 12	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO1.4, CLO2.1, CLO2.2; CLO 2.3, CLO2.4 CLO3.1 CLO3.2	- Mức độ tham gia lớp học đầy đủ. - Mức độ chuẩn bị bài học từ nhà (đầy đủ, kỹ lưỡng) - Mức độ tham gia trả lời câu hỏi của giảng viên (số lần và chất lượng ý kiến trả lời) - Mức độ tham gia đặt câu hỏi với bài giảng của giảng viên (số lần và chất lượng câu hỏi)	10%

Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra cá nhân kiểm tra kiến thức chủ đề từ tuần 1-6	Tuần 6	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO1.4, CLO2.1, CLO2.2; CLO 2.3, CLO2.4 CLO3.1 CLO3.2	- Mức độ hoàn thành bài tập cá nhân (đúng thời gian, chất lượng bài tập gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần)	20%
Đánh giá giữa kỳ		Tuần 11, 12,	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO1.4, CLO2.1, CLO2.2; CLO 2.3, CLO2.4 CLO3.1 CLO3.2 CLO3.3	- Mức độ hoàn thành bài tập nhóm, thuyết trình (đúng hạn, chất lượng nội dung và thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên và lớp gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần).	20%
Đánh giá cuối kỳ			CLO1.1 – CLO1.5, CLO2.1 – CLO2.5 CLO3.1 – CLO3.4	- Mức độ hoàn thành bài thi tự luận cá nhân cuối kỳ (chất lượng bài thi gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần)	50%

*Học phần sử dụng phần mềm turnitin để đánh giá tính liên chính trong học thuật.

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	<p>CHƯƠNG 1: Giới thiệu Kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm</p> <p>Kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm là gì?</p> <p>Tại sao phải kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm?</p> <p>Mối liên hệ giữa kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm với các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu?</p>	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1; CLO3.2	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu môn học;</p> <p>Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết</p> <p>Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết</p>	Đánh giá quá trình, thái độ
2	<p>CHƯƠNG 1: Kinh doanh nông nghiệp có đạo đức và trách nhiệm vận hành như thế nào?</p> <p>+ Toàn cầu hóa</p> <p>+ Đột phá công nghệ</p> <p>+ Biến đổi khí hậu</p>	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1; CLO3.2	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 2</p> <p>Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết</p> <p>Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết</p>	
3	<p>CHƯƠNG 1: Phân loại các chủ đề chính của học phần: tuân thủ pháp luật, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nông nghiệp và kinh doanh nông nghiệp bền vững.</p>	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1, CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 3</p> <p>Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết</p> <p>Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết</p>	

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
4	<p>CHƯƠNG 2: Tại sao chúng ta quan tâm đến vấn đề bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng?</p> <p>Quyền của người tiêu dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảo vệ quyền riêng tư của người tiêu dùng + Trách nhiệm sản phẩm + Công bố thông tin + Tham gia và đồng sáng tạo - Phương thức bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng + Quản lý chất lượng + Quy tắc ứng xử + Giao dịch khách hàng + Thu hồi sản phẩm + Thủ tục trọng tài - Quy định Việt Nam về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Hộp thông tin chi tiết) 	<p>CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO2.1, CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 4</p> <p>Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết</p> <p>Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết</p>	
5	<p>CHƯƠNG 3: Quan hệ giữa doanh nghiệp nông nghiệp và người lao động</p>	<p>CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1, CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 5</p> <p>Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết</p> <p>Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết</p>	
6		<p>CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1, CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2</p>	<p>Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 6 và hệ thống các tuần học trước chuẩn bị cho kiểm tra giữa kỳ</p> <p>Dạy và học trên lớp: Bài kiểm tra cá nhân giữa kỳ</p>	Bài kiểm tra cá nhân 20%

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
7	CHƯƠNG 3: Mối quan hệ giữa doanh nghiệp nông nghiệp và chính phủ	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1, CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 7 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
8	CHƯƠNG 3: Trách nhiệm và đạo đức kinh doanh nông nghiệp với cộng đồng	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1, CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 8 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
9	CHƯƠNG 3: Doanh nghiệp nông nghiệp với môi trường tự nhiên	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1, CLO2.2; CLO2.3; CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 9 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
10	CHƯƠNG 4: Giao tiếp kinh doanh nông nghiệp có trách nhiệm	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO2.1, CLO2.2; CLO2.3; CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 10 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
11	CHƯƠNG 5: Phương pháp kinh doanh nông nghiệp có trách nhiệm	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO1.5 CLO2.1, CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO3.3.	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 11 và chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 1 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 3 tiết	Bài tập thuyết trình nhóm 20%
12	Nghiên cứu và trình bày những vấn đề thực tế về kinh doanh nông nghiệp có trách nhiệm	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO1.5 CLO2.1, CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO3.3.	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 12 và chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 1 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 3 tiết	
	Thi cuối kỳ	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3 CLO1.4 CLO1.5 CLO2.1, CLO2.2; CLO2.3; CLO2.4 CLO3.1; CLO3.2 CLO3.3, CLO3.4	Kiểm tra 90 phút	Bài thi tự luận 50%

10. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

10.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 20% tổng số buổi học của học phần sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân và bài tập nhóm muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học, tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

10.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua trao đổi với giảng viên (trả lời và đặt câu hỏi), thảo luận với sinh viên khác trên lớp, thảo luận nhóm và thuyết trình.

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn

Tiếng Anh: Analysis policy of Agriculture and Country

Mã học phần: **TNKT1116** Số tín chỉ: **03**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế Nông nghiệp và PTNT

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế nông nghiệp 1, QTKD nông nghiệp 1.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Môn phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn được hình thành bởi 10 chương, phân thành 2 phần có tính chất riêng biệt: Phần chung về phân tích chính sách và phần về các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam. Phần chung, giới thiệu khái quát về chính sách và phân tích chính sách; giới thiệu một số phương pháp phân tích áp dụng trong phân tích chính sách, trong đó nhấn mạnh đến phương pháp phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản; phương pháp phân tích ngành nông sản. Đây là phần vừa giúp cho người học hiểu được việc áp dụng các phương pháp vào phân tích chính sách và cũng là cơ sở để phân tích các chính sách cụ thể để phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

Phần cụ thể, giáo trình giới thiệu và phân tích 7 chính sách kinh tế, xã hội chủ yếu là: Phân tích các chính sách thị trường nông sản; Phân tích chính sách đất đai trong nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn; Phân tích chính sách lương thực và Phân tích các chính sách xã hội nông thôn. Đây là những vấn đề chủ yếu và có tính cấp thiết trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Môn Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn có vị trí quan trọng trong hệ thống các môn chuyên ngành. Nó có tính chất kế thừa các kiến thức của các môn học cơ sở và chuyên ngành chuyên sâu của ngành kinh tế nông nghiệp. Đây là môn có tính

chất nghiệp vụ, người học sẽ sử dụng kiến thức trong nhiều cương vị công tác ở Bộ và các sở, phòng ở cấp tỉnh và huyện. Đặc biệt là các doanh nghiệp, trang trại, hộ đang và sẽ tham gia vào các hoạt động kinh tế nông thôn.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Trang bị cho người học những kiến thức chung về chính sách và phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Qua đó để người học hiểu rõ các nội dung của một văn bản chính sách, làm thế nào để soạn thảo được một văn bản chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển nông nghiệp nông thôn; vận dụng các phân tích chung vào phân tích cấu trúc các văn bản chính sách ở các lĩnh vực cụ thể, thậm chí trong từng văn bản chính sách trên thực tế.

Bên cạnh giảng lý thuyết, thông qua thảo luận và các bài tập cụ thể môn học nhằm rèn luyện kỹ năng thực hành phân tích theo các nội dung và phương pháp được giới thiệu trong chương trình môn học. Đây là mục tiêu rất quan trọng vì môn học có tính chuyên sâu và là những nghiệp vụ cụ thể của thực tiễn quản lý kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1: Nhập môn phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn	4	3	1	
2	Chương 2: Phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản trong phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn	4	3	1	
3	Chương 3: Phân tích ngành nông sản trong phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn	4	3	1	
4	Chương 4: Phân tích các chính sách về thị trường nông sản	4	3	1	
5	Chương 5: Phân tích chính sách đất đai trong nông nghiệp	4	3	1	
6	Chương 6: Phân tích sách vốn và đầu tư	4,5	3	1,5	

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
	vốn cho nông nghiệp, nông thôn				
7	Chương 7: Phân tích chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn	3	2	1	
8	Chương 8: Phân tích chính sách phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn	4	3	1	
9	Chương 9: Phân tích chính sách lương thực	3	2	1	
10	Chương 10: Phân tích chính sách xã hội nông thôn	3	2	1	
	Cộng	37,5	27	10,5	

CHƯƠNG 1 - NHẬP MÔN PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Chương này giới thiệu những vấn đề chung về chính sách và phân tích chính sách - những vấn đề để người học phân biệt được chính sách với các công cụ quản lý khác trong nông nghiệp, khi nào cần ban hành chính sách, đặc điểm của các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; cấu trúc của văn bản chính sách, tổ chức việc soạn thảo và điều chỉnh văn bản chính sách nông nghiệp, nông thôn. Hiểu phân tích chính sách theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp, các phương pháp cần vận dụng khi phân tích chính sách, tổ chức phân tích chính sách và áp dụng vào soạn thảo và điều chỉnh các văn bản chính sách.

1.1. Tổng quan về chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.1. Khái niệm và vai trò của chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.1.1. Khái niệm chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.1.2. Vai trò của chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.2. Hệ thống chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.2.1. Hệ thống chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.2.2. Đặc điểm của các chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.3. Cấu trúc của chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.3.1. Mục tiêu của chính sách nông nghiệp, nông thôn.

1.1.3.2. Nội dung tác động của chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.1.3.3. Điều kiện thực hiện chính sách (ràng buộc của chính sách)

1.1.3.4. Tổ chức thực hiện trong văn bản chính sách

1.1.4. Tổ chức xây dựng và thực hiện chính sách

1.1.4.1. Tổ chức xây dựng và lựa chọn chính sách

1.1.4.2. Tổ chức thực hiện chính sách.

1.2. Tổng quan về phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.2.1. Khái niệm phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.2.2. Vai trò của phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn

1.2.3. Các phương pháp phân tích cơ bản

1.2.4. Tổ chức thực hiện phân tích chính sách

Tài liệu tham khảo chương:

1 Nguyễn Trí Dĩnh (Hà Nội 1993) Vai trò nhà nước trong phát triển kinh tế các nước ASEAN - Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 5853/92 - Chương 1-2.

2 Frank Ellis (Hà Nội 1995) Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển. Nhà xuất bản Nông nghiệp - Chương 1 - 3.

3 Ngô Đức Cát chủ biên (Hà Nội 1996) - Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp - Chương 1.

4 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (Hà Nội 1995). Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp – Chương 1-2.

5 UBKHNN và FAO (1993). Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm - Toàn bộ.

CHƯƠNG 2 - PHÂN TÍCH SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG NÔNG SẢN TRONG PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Đây là chương giới thiệu quá trình vận dụng phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản vào phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn. Qua phân tích các mối quan hệ sản xuất và tiêu dùng nông sản chỉ ra các trạng thái cần có sự can thiệp của chính sách. Đặc biệt, phân tích đã chỉ ra nội dung cần can thiệp, mức độ can thiệp, các điều kiện cần có để can thiệp và những hiệu quả đạt được khi có sự can thiệp của chính sách theo các vấn đề can thiệp chính sách đã thiết kế.

2.1. Mục tiêu và các công cụ, các chỉ tiêu phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản trong phân tích chính sách

2.1.1. Mục tiêu của phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản trong phân tích

chính sách

2.1.2. Các thước đo của phân tích sản xuất và tiêu dùng nông sản

2.2. Phân tích sản xuất và ứng xử của người sản xuất nông sản trong phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn

2.2.1. Hàm sản xuất và các mối quan hệ vật chất trong sản xuất nông sản

2.2.2. Phân tích các mối quan hệ kinh tế từ hàm sản xuất và sự vận dụng của phân tích chính sách

2.3. Phân tích cầu và đánh giá ứng xử của người tiêu dùng trong phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn

2.3.1. Hàm cầu và các mối quan hệ trong tiêu dùng qua hàm cầu

2.3.2. Phân tích mối quan hệ của hàm cầu và vận dụng trong phân tích chính sách

2.4. Phân tích các chính sách trợ giá đầu vào và đầu ra trong nông nghiệp

2.4.1. Phân tích chính sách trợ giá đầu vào

2.4.2. Phân tích văn bản chính sách trợ giá đầu ra

Tài liệu tham khảo chương:

1 Phương pháp phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp /Sommogyi L. Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 6524/92. Phần giới thiệu phân tích.

2 Frank Ellis (Hà Nội 1995) Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển. Nhà xuất bản Nông nghiệp - Chương 2-3.

3 Ngô Đức Cát chủ biên (Hà Nội 1996) - Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp - Chương 3.

4 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (Hà Nội 1995). Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp.

5 UBKHNN và FAO (1993). Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm. Phần phân tích phúc lợi.

6 Vũ Đình Bách (1993) Đổi mới hoàn thiện chính sách và cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta. Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 7028/92. Đọc toàn bộ.

CHƯƠNG 3 - PHÂN TÍCH NGÀNH NÔNG SẢN TRONG PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

Chương này tập trung giới thiệu phương pháp phân tích ngành hàng nông sản, ứng dụng các kết quả của phân tích ngành hàng vào phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Điều đặc biệt của phân tích là trong hành loạt các tác nhân tham gia vào ngành hàng đã chỉ ra được tác nhân nào đóng vai trò quan trọng, trạng thái của nó cần có sự can thiệp của chính sách. Qua đó người soạn thảo lựa chọn được đối tượng can

thiệp, thiết kế các nội dung, mức độ, điều kiện của sự can thiệp, hiệu quả của các can thiệp đó.

3.1. Khái niệm, vai trò của phân tích ngành nông sản trong phân tích chính sách

3.1.1. Khái niệm ngành nông sản và phân tích ngành nông sản

3.1.2. Vai trò của phân tích ngành nông sản trong phân tích chính sách

3.2. Những khái niệm cơ bản trong phân tích ngành nông sản

3.2.1. Khái niệm tác nhân kinh tế

3.2.2. Tác nhân sản xuất

3.2.3. Tài khoản sản xuất kinh doanh

3.2.4. Giá trị gia tăng và tác nhân của ngành nông sản

3.3. Các công cụ sử dụng trong phân tích ngành nông sản

3.3.1. Giá cả

3.3.2. Các kết quả của hạch toán kế toán

3.3.3. Các nguồn thông tin và việc hình thành các kênh thông tin

3.4. Quy trình phân tích ngành nông sản

3.4.1. Xác định phạm vi ngành hàng nông sản

3.4.2. Lập sơ đồ các mối quan hệ vật chất trong ngành nông sản

3.4.3. Thiết lập các tài khoản sản xuất - kinh doanh của ngành nông sản

3.5. Nội dung phân tích ngành hàng nông sản và vận dụng trong phân tích chính sách nông nghiệp

3.5.1. Phân tích khả năng sinh lời tài chính của các hoạt động

3.5.2. Phân tích hiệu quả kinh tế của ngành sản phẩm trong phân tích chính sách nông sản

3.5.3. Phân tích sự hình thành các giá nông sản trong phân tích chính sách nông sản

3.5.4. Phân tích các chuyển dịch của các tác nhân trong phân tích chính sách nông sản

Tài liệu tham khảo chương:

1 Phương pháp phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp /Sommogyi L. Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 6524/92. Phần phân tích vĩ mô.

2 Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995.

3 Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993. Phần

phân tích cân đối liên ngành.

4 Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.

5 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1995.

6 UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.

7 Nguyên lý kinh tế nông nghiệp. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội 1997. Phân ngành hàng.

CHƯƠNG 4 - PHÂN TÍCH CÁC CHÍNH SÁCH VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN

Chương này giới thiệu về phân tích thị trường nông sản. Đây là chương vận dụng các kiến thức chung của phân tích chính sách, kiến thức về thị trường nông sản để phân tích về thị trường nông sản. Trên cơ sở đó vận dụng vào phân tích chính sách thị trường nông sản của Việt Nam, tổng kết những thành tựu, những vấn đề cần đổi mới và hoàn thiện của chính sách thị trường nông sản trong thời gian tới.

4.1. Những vấn đề chung của chính sách thị trường nông sản

4.1.1. Khái niệm chính sách thị trường nông sản

4.1.2. Vai trò của chính sách thị trường nông sản

4.2. Một số chính sách chủ yếu của chính sách thị trường nông sản

4.2.1. Chính sách giá nông sản

4.2.1.1. Cơ chế hình thành giá nông sản

4.2.1.2. Đặc điểm của giá nông sản

4.2.1.3. Mục tiêu cơ bản của chính sách giá nông sản

4.2.1.4 Nội dung chủ yếu của chính sách giá nông sản

4.2.2. Chính sách Marketing hàng nông sản

4.2.2.1. Đặc điểm tham gia thị trường của các hộ, trang trại

4.2.2.2. Hình thức tham gia thị trường của các hộ, trang trại

4.2.2.3. Mục tiêu của chính sách marketing hàng nông sản

4.2.2.4. Nội dung chủ yếu của chính sách marketing hàng nông sản

4.2.3. Một số chính sách khác

4.2.3.1. Chính sách tỷ giá hối đoái

4.2.3.2. Chính sách thuế và trợ cấp trong tiêu thụ nông sản

Tài liệu tham khảo chương:

1 Phương pháp phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp /Sommogyi L. Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 6524/92. Phân tích vĩ mô.

2 Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995.

3 Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993.

4 Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.

5 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1995.

6 UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.

7 Nguyên lý kinh tế nông nghiệp. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội 1997.

8 C.Peter Timmer (1991), Phân tích chính sách lương thực, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 1991.

9 Đỗ Như Khuê (1991) Cơ chế hình thành giá xuất khẩu tôm đông lạnh và giá mua tôm nguyên liệu ở nước ta hiện nay - Luận án PTS kinh tế. Thư viện KTQD, mã số LÁT 19.

10 Vũ Thị Minh Hiền (1991) Một số vấn đề về giá cả nông sản xuất khẩu của Việt Nam - Luận án PTS kinh tế. Thư viện KTQD, mã số LATS 20.

CHƯƠNG 5 - PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH ĐẤT ĐAI TRONG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Chương này giới thiệu về phân tích chính sách đất đai trong nông nghiệp, nông thôn. Đây là chương vận dụng các kiến thức chung của phân tích chính sách, kiến thức về đất đai dưới góc độ kinh tế, xã hội để phân tích chính sách về đất đai trong nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở đó vận dụng vào phân tích chính sách đất đai trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, tổng kết những thành tựu, những vấn đề cần đổi mới và hoàn thiện của chính sách đất đai trong thời gian tới.

5.1. Khái niệm, vị trí và vai trò chính sách đất đai trong nông nghiệp, nông thôn

5.1.1. Khái niệm về chính sách đất đai

5.1.2. Vị trí và vai trò của chính sách đất đai trong nông nghiệp, nông thôn

5.2. Những cơ sở khoa học để hình thành chính sách đất đai

5.2.1. Quan hệ đất đai và sự vận động của quan hệ đất đai trong kinh tế thị trường

5.2.2. Kinh nghiệm xử lý các quan hệ đất đai trong lịch sử Việt Nam và ở một số nước trên thế giới

5.3. Những nội dung cơ bản của chính sách đất đai

5.3.1. Mục tiêu của chính sách đất đai

5.3.2. Những nội dung tác động chủ yếu của chính sách đất đai

5.4. Những chuyển biến trong chính sách đất đai của Việt Nam

Tài liệu tham khảo chương:

1 Phương pháp phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp /Sommogyi L. Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 6524/92. Phần phân tích vĩ mô.

2 GS.TS Nguyễn Đình Hương (1999) Sản xuất và đời sống của các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất ở Đồng bằng sông Cửu Long - Thực trạng và giải pháp. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Chương 1, trang 15 - 63; chương 3, trang 149 - 193.

3 Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995. Phần phân tích chính sách đất đai.

4 Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993.

5 Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.

6 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội ,1995.

7 UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.

8 Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (Sách dịch), Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội 1997.

CHƯƠNG 6 - PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ VỐN CHO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Chương này giới thiệu về phân tích vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn. Đây là chương vận dụng các kiến thức chung của phân tích chính sách, kiến thức về vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở đó vận dụng vào phân tích chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn, tổng kết những thành tựu, những vấn đề cần đổi mới và hoàn thiện của chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới.

6.1. Khái niệm, vai trò và yêu cầu chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn

6.1.1. Khái niệm chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn

6.1.2. Vai trò của chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn

6.2. Cơ sở khoa học hình thành chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn

6.2.1. Các hình thức đầu tư vốn cho nông nghiệp nông thôn

6.2.2. Các đặc điểm sử dụng vốn trong nông nghiệp, nông thôn

6.2.3. Yêu cầu của chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn

6.3. Những nội dung chủ yếu của chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn

6.3.1. Chính sách vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn

6.3.2. Chính sách đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn

6.4. Những chuyển biến trong chính sách vốn và đầu tư vốn cho nông nghiệp, nông thôn

6.4.1. Những thành tựu cơ bản.

6.4.2. Những tồn tại, những vấn đề cần đổi mới, hoàn thiện.

Tài liệu tham khảo chương:

1 Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995. Phần chính sách vốn.

2 Phương pháp phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp /Sommogyi L. Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 6524/92. Phần phân tích vốn.

3 Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993.

4 Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.

5 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội ,1995.

6 UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.

7 Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (Sách dịch), Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội 1997.

CHƯƠNG 7 - PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Chương này giới thiệu về phân tích chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn. Đây là chương vận dụng các kiến thức chung của phân tích chính sách, kiến thức về phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở đó vận dụng vào phân tích chính sách phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp, nông

thôn, tổng kết những thành tựu, những vấn đề cần đổi mới và hoàn thiện của chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới.

7.1. Khái niệm và vai trò của chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

7.1.1. Khái niệm chính sách phát triển nguồn nhân lực

7.1.2. Vai trò của chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

7.2. Cơ sở khoa học hình thành chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

7.2.1. ảnh hưởng của đặc điểm và xu hướng biến động của nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

7.2.2. Yêu cầu về nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn trong điều kiện hội nhập ảnh hưởng đến chính sách phát triển nguồn nhân lực

7.2.3. Những điều kiện để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn ảnh hưởng đến chính sách phát triển nguồn nhân lực

7.3. Những nội dung cơ bản của chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

7.3.1. Mục tiêu của chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

7.3.2. Nội dung chủ yếu của chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

7.3.3. Những điều kiện để thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

7.4. Những chuyển biến trong chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

7.4.1. Những thành tựu đã đạt được

7.4.2. Những tồn tại và những vấn đề cần đổi mới, hoàn thiện chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn

Tài liệu tham khảo chương:

1 Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995.

2 Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993.

3 Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.

4 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1995.

5 UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.

6 Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (Sách dịch), Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội 1997.

CHƯƠNG 8 - PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Chương này giới thiệu về phân tích chính sách khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn. Đây là chương vận dụng các kiến thức chung của phân tích chính sách, kiến thức về khoa học, công nghệ và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào nông nghiệp, nông thôn. Trên cơ sở đó vận dụng vào phân tích chính sách khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn, tổng kết những thành tựu, những vấn đề cần đổi mới và hoàn thiện của chính sách khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới.

8.1. Những vấn đề chung về chính sách phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn

8.1.1. Khái niệm chính sách phát triển khoa học công nghệ nông nghiệp, nông thôn

8.1.2. Vai trò và yêu cầu của chính sách phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn

8.1.3. Mục tiêu của chính sách phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn

8.2. Cơ sở khoa học hình thành các chính sách phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn

8.2.1. Đặc điểm của khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn

8.2.2. Đặc điểm tâm lý trong tiếp nhận khoa học và công nghệ của nông dân

8.3. Một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn chủ yếu

8.3.1. Chính sách phát triển khoa học và công nghệ sinh học

8.3.2. Chính sách phát triển khoa học và công nghệ cơ điện tử & tự động hóa

8.3.3. Chính sách phát triển khoa học và công nghệ thủy lợi và nguồn nước

8.4. Những chuyển biến trong chính sách khoa học và công nghệ nông nghiệp, nông thôn

8.4.1. Những thành tựu đã đạt được

8.4.2 Những tồn tại và những vấn đề cần đổi mới, hoàn thiện chính sách

Tài liệu tham khảo chương:

1 Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995.

2 Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993.

3 Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.

4 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1995.

5 UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.

CHƯƠNG 9 - PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH LƯƠNG THỰC

Chương này giới thiệu về phân tích chính sách lương thực của nông nghiệp, nông thôn. Đây là chương vận dụng các kiến thức chung của phân tích chính sách, kiến thức về phát triển sản xuất lương thực và an ninh lương thực. Trên cơ sở đó vận dụng vào phân tích chính sách lương thực, tổng kết những thành tựu, những vấn đề cần đổi mới và hoàn thiện của chính sách lương thực của nông nghiệp, nông thôn trong thời gian tới.

9.1. Vị trí của chính sách lương thực trong hệ thống chính sách nông nghiệp nông thôn

9.2. Những khái niệm cơ bản và mục tiêu của chính sách

9.2.1. Những khái niệm cơ bản

9.2.1.1. *Cung cấp đủ lương thực*

9.2.1.2. *Sự sẵn có lương thực*

9.2.1.3. *Quyền sở hữu lương thực*

9.2.1.4 *Đảm bảo an ninh lương thực*

9.2.2. Mục tiêu chính sách

9.3. Các công cụ của chính sách lương thực

9.3.1. Nhóm những công cụ liên quan đến cung lương thực

9.3.1.1. *Tự túc lương thực*

9.3.1.2. *Nhóm các công cụ bình ổn giá lương thực*

9.3.2. Nhóm những công cụ liên quan đến cầu lương thực

9.3.2.1. *Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và cầu lương thực*

9.3.2.2. *Nhóm các công cụ lợi ích*

9.3.3. Phối hợp giữa các công cụ chính sách

Tài liệu tham khảo chương:

- 1 C.Peter Timmer (1991), Phân tích chính sách lương thực, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 1991.
- 2 Lê Văn Bầm (1992) Những vấn đề kinh tế chủ yếu để phát triển sản xuất lúa ở vùng đồng bằng Sông Hồng Luận án PTS kinh tế. Thư viện KTQD, mã số LATS 37.
- 3 Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995.
- 4 Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993.
- 5 Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.
- 6 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội ,1995.
- 7 UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.
- 8 Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (Sách dịch), Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội 1997.

CHƯƠNG 10 - PHÂN TÍCH CÁC CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NÔNG THÔN

Chương này giới thiệu về phân tích chính sách xã hội nông thôn. Đây là chương vận dụng các kiến thức chung của phân tích chính sách, kiến thức về phát triển xã hội nông thôn. Trên cơ sở đó vận dụng vào phân tích chính sách xã hội nông thôn, tổng kết những thành tựu, những vấn đề cần đổi mới và hoàn thiện của chính sách xã hội nông thôn trong thời gian tới.

10.1. Khái niệm, vai trò của chính sách xã hội nông thôn

10.1.1. Khái niệm chính sách xã hội nông thôn

10.1.2. Vai trò của chính sách xã hội nông thôn

10.2. Mục tiêu chung của chính sách xã hội nông thôn

10.2.1. Bảo đảm dân chủ và công bằng xã hội nông thôn

10.2.2. Từng bước xóa dần sự cách biệt giữa thành thị với nông thôn, giữa các vùng và các tầng lớp dân cư trong nông thôn

10.2.3. Xây dựng một cuộc sống xã hội văn minh, hiện đại ở nông thôn

10.3. Một số chính sách xã hội chủ yếu ở nông thôn

10.3.1. Chính sách xoá đói giảm nghèo

10.3.2. Chính sách dân số và lao động ở nông thôn

10.3.3. Chính sách giáo dục, nâng cao sức khoẻ cộng đồng nông thôn

Tài liệu tham khảo chương:

1 Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995.

2 Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993.

3 Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.

4 Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội ,1995.

5 UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.

6 Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (Sách dịch), Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội 1997.

7 C.Peter Timmer (1991), Phân tích chính sách lương thực, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 1991.

7. GIÁO TRÌNH:

Phạm Văn Khôi (2007), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội 2007.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Phương pháp phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp /Sommogyi L. Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 6524/92.

2. Nguyễn Trí Dĩnh (Hà Nội 1993) Vai trò nhà nước trong phát triển kinh tế các nước ASEAN - Thư viện Đại học KTQD - Mã số Vc 5853/92.

3. Frank Ellis (1995), Chính sách nông nghiệp trong các nước đang phát triển.. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội, 1995.

4. Tổ chức Lương nông Liên Hiệp quốc và Vụ Nông lâm ngư UBKHNN (1993), Phương pháp phân tích chính sách và kinh tế trong nông nghiệp, Hà Nội 1993.

5. Ngô Đức Cát chủ biên (1996), Phân tích chính sách nông nghiệp, nông thôn. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội, 1996.

6. Nguyễn Dương Đán và Ngô Đức Cát chủ biên (1995), Nguyên lý cơ bản về chính sách nông nghiệp, nông thôn, Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội ,1995.

7. UBKHNN và FAO, Tài liệu tập huấn của Dự án đào tạo về phân tích chính sách nông nghiệp và thực phẩm.

8. Nguyên lý kinh tế nông nghiệp (Sách dịch), Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội 1997.

9. C.Peter Timmer (1991), Phân tích chính sách lương thực, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 1991.

10. GS.TS Nguyễn Đình Hương (1999) Sản xuất và đời sống của các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất ở Đồng bằng sông Cửu Long - Thực trạng và giải pháp. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Chương 1, trang 15 - 63; chương 3, trang 149 - 193.

11. Đỗ Như Khuê (1991) Cơ chế hình thành giá xuất khẩu tôm đông lạnh và giá mua tôm nguyên liệu ở nước ta hiện nay. Luận án PTS kinh tế. Thư viện KTQD, mã số LATS19.

12. Vũ Thị Minh Hiền (1991) Một số vấn đề về giá cả nông sản xuất khẩu của Việt Nam - Luận án PTS kinh tế. Thư viện KTQD, mã số LATS 20.

13. Lê Văn Bầm (1992) Những vấn đề kinh tế chủ yếu để phát triển sản xuất lúa ở vùng đồng bằng Sông Hồng Luận án PTS kinh tế. Thư viện KTQD, mã số LATS 37.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

- Số lần kiểm tra: 1-2 lần
- Kiểm tra giữa kỳ: 30% điểm học phần
- Thi cuối học kỳ: 60% điểm học phần
- Chuyên cần: 10% điểm học phần

10. GIẢNG VIÊN

- Họ và tên giảng viên phụ trách môn học: PGS. TS Phạm Văn Khôi
- Họ và tên giảng viên tham gia giảng dạy : TS. Hoàng Mạnh Hùng; Ths. Nguyễn Hà Hưng;

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Phân tích kinh doanh

Tiếng Anh: Business Analysis

Mã học phần: KTKE1105

Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kế toán quản trị

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Kinh tế vi mô 1.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Môn học Phân tích kinh doanh bao gồm các nội dung phân tích quá trình cung cấp các yếu tố đầu vào, quá trình sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp. Bên cạnh đó còn có các hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, hoạt động khác. Môn học sẽ phân tích và tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu cung cấp cho các nhà quản trị trong doanh nghiệp nâng cao kết quả và hiệu quả kinh doanh.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Môn học Phân tích kinh doanh nhằm trang bị cho sinh viên về phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp thông qua việc xử lý các số liệu do kế toán cung cấp và hệ thống dự toán của doanh nghiệp để từ đó đánh giá đúng đắn hoạt động cung cấp các yếu tố đầu vào của sản xuất; hoạt động sản xuất; hoạt động tiêu thụ sản phẩm; đánh giá hoạt động đầu tư; hoạt động tài chính. Từ đó có cơ sở khoa học đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn cho kỳ hiện tại và dự báo hoạt động kinh doanh trong tương lai của doanh nghiệp.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

Toàn bộ học phần gồm 5 chương như sau:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1	4	3	1	Trong đó có 2 tiết kiểm tra môn học được thông báo trước khi giảng dạy
2	Chương 2	2	1	1	
3	Chương 3	17	10	7	
4	Chương 4	4	2	2	
5	Chương 5	3	2	1	
Cộng		45	30	15	

Chương 1 - TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH KINH DOANH

Chương này trình bày tổng quan về phân tích kinh doanh. Giới thiệu cho người học thấy được khái niệm và ý nghĩa, nhiệm vụ của phân tích kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Đối tượng và các phương pháp nghiên cứu, nhiệm vụ phân tích kinh doanh và quá trình tổ chức phân tích kinh doanh trong các doanh nghiệp.

1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của phân tích kinh doanh

1.1.1. Khái niệm phân tích kinh doanh

1.1.2. Ý nghĩa của phân tích kinh doanh

1.1.3. Nhiệm vụ của phân tích kinh doanh

1.2. Đối tượng nghiên cứu của phân tích kinh doanh

1.3. Các phương pháp phân tích kinh doanh

1.3.1. Phương pháp so sánh

1.3.2. Phương pháp chi tiết chỉ tiêu phân tích

1.3.3. Phương pháp loại trừ

1.3.4. Phương pháp liên hệ cân đối

1.3.5. Các phương pháp khác sử dụng trong phân tích hoạt động kinh doanh

1.4. Tổ chức phân tích kinh doanh

1.4.1. Khái quát chung về tổ chức phân tích kinh doanh

1.4.2. Lựa chọn loại hình phân tích

1.4.3. Lập kế hoạch phân tích

1.4.4. Thu thập và xử lý thông tin

1.4.5. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu phân tích và lựa chọn phương pháp phân tích

1.4.6. Viết báo cáo và tổ chức hội nghị phân tích

Tài liệu tham khảo của chương:

- Bài giảng môn Phân tích kinh doanh

- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013

và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.

- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

Chương 2- PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP

Chương này trình bày nội dung và nhiệm vụ của phân tích hoạt động cung cấp bao gồm: Đánh giá khái quát hoạt động cung cấp, phân tích tình hình cung cấp các yếu tố đầu vào như vật tư, hàng hóa, lao động,... Qua đó cần xem xét các nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động cung cấp để đưa ra các quyết định phù hợp.

2.1. Hoạt động cung cấp, nội dung và nhiệm vụ phân tích

2.2.1. Hoạt động cung cấp

2.2.1. Nội dung và nhiệm vụ phân tích

2.2. Phân tích kết quả hoạt động cung cấp hàng hóa

2.2.1. Đánh giá khái quát kết quả cung cấp về mặt số lượng

2.2.2. Phân tích tình hình cung cấp về chủng loại

2.2.3. Phân tích tình hình cung cấp về chất lượng

2.2.4. Phân tích tình hình cung cấp về tiến độ

2.2.5. Phân tích tình hình dự trữ

2.2.6. Phân tích chi phí hoạt động cung cấp

2.2.7. Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả hoạt động cung cấp

2.3. Phân tích kết quả hoạt động cung ứng lao động

2.3.1. Đánh giá khái quát kết quả cung ứng về mặt số lượng

2.3.2. Phân tích tình hình cung ứng về mặt chất lượng

2.3.3. Phân tích kết quả hoạt động cung ứng về mặt cơ cấu

2.3.4. Phân tích chi phí hoạt động cung ứng

2.3.5. Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả hoạt động cung ứng

Tài liệu tham khảo của chương:

- Bài giảng môn Phân tích kinh doanh

- Giáo trình Phân tích kinh doanh, trường ĐHKQTĐ, Nhà xuất bản ĐHKQTĐ năm 2013

Chương 3 - PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Chương này trình bày cho người học hiểu được vai trò của hoạt động sản xuất và các nhiệm vụ cần phân tích trong hoạt động sản xuất. Thông qua phân tích chỉ rõ được tiềm năng chưa khai thác, đề xuất các biện pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả và hiệu quả trong sản xuất.

3. 1. Hoạt động sản xuất và nội dung nhiệm vụ phân tích

3.1.1. Hoạt động sản xuất

3.1.2. Nội dung và nhiệm vụ phân tích

3.2. Đánh giá khái quát kết sản xuất về mặt quy mô

3.2.1. Chỉ tiêu đánh giá

3.2.2. Quy trình đánh giá

3.3. Phân tích xu hướng, tốc độ và nhịp điệu tăng trưởng của sản xuất

3.3.1. Ý nghĩa phân tích

3.3.2. Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

3.4. Phân tích chất lượng sản phẩm

3.4.1. Ý nghĩa phân tích

3.4.2. Phân tích chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm có phân chia thứ hạng

3.4.3. Phân tích chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm không phân chia thứ hạng

3.5. Phân tích mối quan hệ giữa kết quả sản xuất với tình hình sử dụng các yếu tố cơ bản

3.5.1. Thiết lập quan hệ

3.5.2. Phân tích quan hệ

3.6. Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

3.6.1. Ý nghĩa và nội dung phân tích

3.6.2. Đánh giá khái quát tình hình thực hiện kế hoạch

3.6.3. Phân tích giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm

3.6.4. Phân tích mối liên hệ giữa chi phí sản xuất với sản lượng thực hiện

3.6.5. Phân tích chi phí sản xuất trên 1000 đồng giá trị sản lượng hàng hóa

3.6.6. Phân tích chi phí tiền lương

3.6.7. Phân tích chi phí nguyên vật liệu

3.6.8. Phân tích chi phí khấu hao tài sản cố định

3.6.9. Phân tích chi phí sản xuất chung

Tài liệu tham khảo của chương:

- Bài giảng môn Phân tích kinh doanh

- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.

- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

Chương 4 - PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG TIÊU THỤ

Chương này làm rõ cho người học hiểu được tầm quan trọng của hoạt động tiêu thụ, nhiệm vụ cụ thể khi phân tích hoạt động tiêu thụ. Thông qua phân tích chi rõ điểm mạnh, yếu của doanh nghiệp trong hoạt động tiêu thụ để đưa ra các biện pháp nâng cao kết quả và hiệu quả hoạt động tiêu thụ.

4.1. Hoạt động tiêu thụ, nội dung và nhiệm vụ phân tích

4.1.1. Hoạt động tiêu thụ

4.1.2. Nội dung và nhiệm vụ phân tích

4.2. Đánh giá khái quát kết quả hoạt động tiêu thụ

4.2.1. Đánh giá khái quát về quy mô tiêu thụ

4.2.2. Đánh giá khái quát về mặt hàng tiêu thụ

4.3. Phân tích doanh thu tiêu thụ

4.3.1. Phân tích tốc độ, xu hướng và nhịp điệu tăng trưởng doanh thu

4.3.2. Phân tích cơ cấu doanh thu và thị phần tiêu thụ

4.3.3. Phân tích doanh thu hoạt động xuất khẩu

4.3.4. Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng

4.4. Phân tích lợi nhuận tiêu thụ

4.4.1. Phân tích lợi nhuận gộp về tiêu thụ

4.4.2. Phân tích lợi nhuận thuần về tiêu thụ

Tài liệu tham khảo của chương:

- Bài giảng môn Phân tích kinh doanh

- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.

- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

Chương 5- ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KHẢ NĂNG SINH LỢI

Chương này nhằm đánh giá một cách chung nhất về tình hình tài chính trong doanh nghiệp như mức độ độc lập tài chính, khả năng thanh toán, khả năng sinh lợi. Từ đó các nhà quản lý có căn cứ tin cậy đưa ra các chính sách phù hợp để nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp.

5.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính

5.1.1. Tình hình tài chính và yêu cầu, mục đích đánh giá

5.1.2. Đánh giá khái quát tình hình huy động vốn

5.1.3. Đánh giá khái quát mức độ độc lập tài chính

5.1.4. Đánh giá khái quát khả năng thanh toán

5.1.5. Đánh giá khái quát khả năng sinh lợi

5.2. Phân tích khả năng sinh lợi

5.2.1. Khả năng sinh lợi và công thức xác định

5.2.2. Quy trình phân tích khả năng sinh lợi

5.2.3. Phân tích khả năng sinh lợi của tài sản

5.2.4. Phân tích khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu

5.2.3. Phân tích khả năng sinh lợi của chi phí

Tài liệu tham khảo của chương:

- Bài giảng môn Phân tích kinh doanh
- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.
- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

7. GIÁO TRÌNH

Giáo trình Phân tích kinh doanh, trường ĐHKQTĐ, nhà xuất bản ĐHKQTĐ, năm 2013

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Các văn bản pháp quy, các chế độ, thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính có liên quan đến kế toán, kiểm toán.
- Giáo trình "Phân tích hoạt động kinh doanh" Trường Đại học KTQD năm 2013 và các năm tái bản, chủ biên GS.TS. Nguyễn Văn Công.
- Giáo trình "Phân tích kinh doanh" Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh năm 2007 và các năm tái bản chủ biên PGS.TS Phạm Văn Dược.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Đánh giá học phần theo thang điểm 10:
 - + Dự lớp: 10%
 - + Kiểm tra giữa kỳ: 30% (hai bài kiểm tra, tùy theo đánh giá của GV)
 - + Thi cuối học kỳ: 60%
- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:
 - + Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% số giờ quy định của học phần.
 - + Tham gia kiểm tra giữa kỳ ít nhất là 1 bài.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế

Tiếng Anh: International Business

Mã học phần:

Số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH: Kinh doanh quốc tế

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Để việc học tập đạt hiệu quả tốt, sinh viên cần được trang bị những kiến thức cơ bản về kinh doanh và quản trị kinh doanh trước khi tham dự học phần Kinh doanh quốc tế.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Kinh doanh quốc tế có nội dung đề cập đến hai mảng vấn đề chủ yếu sau đây.

Thứ nhất, những vấn đề liên quan đến bản chất, quy mô và phạm vi của kinh doanh quốc tế, các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp.

Thứ hai, những vấn đề mà các doanh nghiệp phải giải quyết khi tham gia kinh doanh quốc tế, từ lựa chọn chiến lược, cơ cấu tổ chức và phong thức kinh doanh; cho đến việc thực hiện các chức năng kinh doanh cơ bản như quản trị sản xuất và cung ứng vật tư, quản trị marketing, quản trị tài chính và quản trị nguồn nhân lực.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Cùng với những học phần khác, học phần Kinh doanh quốc tế được xây dựng với những mục tiêu cơ bản sau đây:

- Giúp sinh viên hiểu biết về môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của môi trường đó tới các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế;
- Trang bị cho sinh viên những phương pháp tư duy mới, những kiến thức cơ

bản cần thiết cho việc phân tích và đưa ra những quyết định kinh doanh thích hợp;

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế trong bối cảnh môi trường kinh doanh thường xuyên biến động.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Học phần Kinh doanh quốc tế được xây dựng với kết cấu gồm 12 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan về kinh doanh quốc tế

Mở đầu

I. Một số vấn đề chung về kinh doanh quốc tế

- Kinh doanh quốc tế là gì
- Các chủ thể tham gia vào kinh doanh quốc tế
- Các hình thức kinh doanh quốc tế
- Động cơ tham gia kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp
- Tại sao phải nghiên cứu kinh doanh quốc tế

II. Toàn cầu hóa và kinh doanh quốc tế

- Toàn cầu hóa là gì
- Các nhân tố thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa
- Kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa

Thảo luận chương 1

Chương 2: Môi trường văn hóa

Mở đầu

I. Văn hóa là gì

- Khái niệm
- Đặc điểm của văn hóa

II. Các thành tố của văn hóa

- Giá trị, thái độ
- Thẩm mỹ
- Phong tục, tập quán
- Ngôn ngữ
- Giáo dục
- Tôn giáo

III. Phân loại các nền văn hóa

IV. ý nghĩa của văn hóa đối với kinh doanh

Thảo luận chương 2

Chương 3: Môi trường chính trị và luật pháp

Mở đầu

I. Rủi ro chính trị là gì

- Khái niệm rủi ro chính trị
- Nguồn gốc rủi ro chính trị
- Hình thức rủi ro chính trị
- Tác động của rủi ro chính trị đến kinh doanh

II. Các biện pháp ngăn ngừa rủi ro chính trị

III. Luật pháp và kinh doanh quốc tế

- Các hệ thống luật pháp phổ biến
- Những vấn đề pháp luật toàn cầu và kinh doanh quốc tế

Thảo luận Chương 3

Chương 4: Môi trường kinh tế

Mở đầu

I. Phân loại các hệ thống kinh tế

- Cơ sở phân loại hệ thống kinh tế
- Các hệ thống kinh tế điển hình

II. Đánh giá trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia

- Cơ sở đánh giá trình độ phát triển kinh tế
- Phân loại các quốc gia

III. Những vấn đề kinh tế vĩ mô cơ bản tác động đến kinh doanh

IV. ý nghĩa của việc nghiên cứu môi trường quốc gia đối với kinh doanh

Thảo luận chương 4

Chương 5: Thương mại quốc tế

Mở đầu

I. Tổng quan về thương mại quốc tế

II. Lý thuyết Thương mại quốc tế

- Các lý thuyết dựa trên yếu tố quốc gia
- Các lý thuyết dựa trên yếu tố công ty và ngành

III. Can thiệp của chính phủ vào Thương mại quốc tế

- Các lý do can thiệp vào Thương mại của chính phủ
- Các công cụ can thiệp vào thương mại

IV. ý nghĩa đối với kinh doanh

Thảo luận chương 5

Chương 6: Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Mở đầu

I. Tổng quan về FDI

II. Các lý thuyết về FDI

III. Các nguyên nhân và công cụ can thiệp vào FDI của chính phủ

- Đối với nước tiếp nhận đầu tư
- Đối với nước đầu tư

IV. Các công ty đa quốc gia và FDI

V. ý nghĩa đối với kinh doanh

Thảo luận chương 6

Chương 7: Liên kết kinh tế khu vực

Mở đầu

I. Khái niệm và các cấp độ liên kết

- Khái niệm liên kết kinh tế khu vực
- Các cấp độ liên kết kinh tế

II. Liên kết kinh tế trên thế giới

- Liên kết ở châu Âu
- Liên kết ở châu Á
- Liên kết ở châu Mỹ
- Liên kết ở các khu vực khác

III. Tác động của liên kết kinh tế

- Dới góc độ quốc gia
- Dới góc độ doanh nghiệp

IV. Hệ thống Thương mại toàn cầu: từ GATT đến WTO

V. ý nghĩa đối với kinh doanh quốc tế

Thảo luận chương 7

Chương 8: Hệ thống tài chính - tiền tệ quốc tế

Mở đầu

I. Giới thiệu chung về thị trường tài chính quốc tế

- Khái niệm thị trường tài chính quốc tế
 - Chức năng của thị trường tài chính quốc tế
 - Phân loại thị trường tài chính quốc tế
- II. Thị trường vốn quốc tế
- Vai trò của thị trường vốn quốc tế
 - Các bộ phận cấu thành của thị trường vốn quốc tế
- III. Thị trường tiền tệ quốc tế
- Thị trường các đồng tiền châu Âu
 - Thị trường ngoại hối
- IV. Tỷ giá hối đoái
- Tác động của tỷ giá hối đoái tới kinh doanh
 - Các nhân tố ảnh hưởng tới tỷ giá hối đoái
 - Dự báo tỷ giá hối đoái
- V. Hệ thống tiền tệ quốc tế và các tổ chức tài chính quốc tế chủ yếu
- Thảo luận chương 8

Chương 9: Phân tích các cơ hội kinh doanh

Mở đầu

- I. Lựa chọn thị trường/địa điểm kinh doanh
- II. Thực hiện các nghiên cứu thị trường quốc tế
- III. Thông tin trong nghiên cứu thị trường quốc tế

Thảo luận chương 9

Chương 10: Chiến lược và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

Mở đầu

- I. Chiến lược của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế
 - Khái niệm, vai trò của chiến lược
 - Quá trình hình thành chiến lược của doanh nghiệp kinh doanh quốc tế
 - Các dạng chiến lược quốc tế
 - Các cấp chiến lược của doanh nghiệp
- II. Các nhân tố tác động đến việc lựa chọn chiến lược của doanh nghiệp
 - Sức ép giảm chi phí và thích ứng với điều kiện địa phương
 - Các yếu tố sản xuất
 - Các yếu tố marketing

III. Phân cấp quản lý trong doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

- Phân cấp theo chiều dọc: quản lý tập trung và quản lý phân cấp
- Phân cấp quản lý theo chiều ngang: các dạng cấu trúc tổ chức chủ yếu trong các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

IV. Các cơ chế phối hợp và kiểm soát trong các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế

Thảo luận Chương 10

Chương 11: Lựa chọn các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế

Mở đầu

I. Một số quyết định cơ bản về thâm nhập thị trường

II. Xuất khẩu và thương mại đối lưu

- Xuất khẩu gián tiếp và xuất khẩu trực tiếp
- Các hình thức của thương mại đối lưu

III. Thâm nhập thông qua hợp đồng

- Hợp đồng giấy phép
- Hợp đồng kinh tiêu
- Hợp đồng quản lý
- Hợp đồng chia khóa trao tay

IV. Thâm nhập thông qua đầu tư trực tiếp

- Liên doanh
- Chi nhánh sở hữu hoàn toàn
- Liên minh chiến lược

Thảo luận Chương 11

Chương 12: Quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế

Mở đầu

I. Quản trị sản xuất và cung ứng nguyên vật liệu

- Lựa chọn địa điểm sản xuất
- Quyết định *tự sản xuất - hay mua*
- Quản trị cung ứng nguyên vật liệu

II. Quản trị nguồn nhân lực

- Khái niệm và đặc trưng của quản trị nhân lực trong kinh doanh quốc tế
- Các chính sách nhân sự quốc tế chủ yếu
- Nội dung của quản trị nhân lực trong kinh doanh quốc tế

Thảo luận Chương 12

Kế hoạch thực hiện

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bổ thời gian		
			Lý thuyết	Thực hành /thảo luận	Tự học
1	Chương 1: Tổng quan về kinh doanh quốc tế	3	2	1	
2	Chương 2: Môi trường văn hóa	4	2	2	
3	Chương 3: Môi trường chính trị và luật pháp	3	1	2	
4	Chương 4: Môi trường kinh tế	4	1	1+ (2 tiết báo cáo thuyết trình)	
5	Chương 5: Thương mại quốc tế	4	2	2	
6	Chương 6: Đầu t trực tiếp nýớc ngoài (FDI)	4	2	2	
7	Chương 7: Liên kết kinh tế khu vực	4	2	2	
8	Chương 8: Hệ thống tài chính - tiền tệ quốc tế	3	1	2	
9	Chương 9: Phân tích các cơ hội kinh doanh	3	1	2	
10	Chương 10: Chiến lược và cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế	4	3	1	
11	Chương 11: Lựa chọn các phýơng thức thâm nhập thị trường quốc tế	3	2	1	
12	Chương 12: Quản trị hoạt động kinh doanh quốc tế	6	2	1+(3 tiết thuyết trình)	
	CỘNG	45	20	25	

7. GIÁO TRÌNH

Tài liệu tham khảo bắt buộc dùng trong quá trình học tập học phần của sinh viên là *Giáo trình Kinh doanh quốc tế*, tập 1, 2, xuất bản năm 2001 và 2002, do Bộ môn Kinh doanh quốc tế biên soạn. Ngoài ra, sinh viên cần đọc những tài liệu khác phục vụ

cho học phần theo yêu cầu cụ thể của giáo viên.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Donald A. Ball, J. Michael Geringer, Michael S. Minor, Jeane M. Mcnett (2009), *International Business*, 17th Edition, South-Western Cengage Learning, 2009
2. Mike W. Peng , *Global Business*, 2010, South-Western Cengage Learning
3. Rastogi, P.N., (1992), *Policy Analysis and Problem-Solving for Social Systems*, Sage Publications, New Delhi, California, London.
4. Bradley, Richard A., and Myers, Stewart C., (1991), *Principles of Corporate Finance*, 4th. Ed., McGraw Hill, NY.
5. John I.Wild, Kenneth L.Wild and Jerry C.Y.Han, (2000), *International Business An integrated approach*
6. Bộ Thương mại (2006), thương mại hàng hoá trong WTO, www.mot.gov.vn
7. The word trade organization, Những nguyên tắc cơ bản của WTO, www.vnexpress

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kết quả học tập cuối cùng của sinh viên được đánh giá như sau:

- Tham gia giờ giảng, thảo luận hoặc bài tập trên lớp, nghe 2 video về KDQT, bài thuyết trình theo nhóm tối đa 5 SV: 20%

- Bài tập về nhà: 10%

- Bài kiểm tra định kỳ: 20%

Bài thi hết học phần: 50%

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2020

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Tài chính Doanh nghiệp

Tiếng Anh: Corporate Finance

Mã học phần: *NHTC1109*

Số tín chỉ: 2

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Tài chính Doanh nghiệp

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Lý thuyết tài chính tiền tệ và Kế toán tài chính

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Tài chính Doanh nghiệp nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp: đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, cơ cấu vốn và chi phí vốn, các quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp: quản lý dòng tiền vào, ra, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính doanh nghiệp, các kỹ năng phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp như: phân tích tài chính, lựa chọn nguồn tài trợ, phân tích và lựa chọn cơ cấu vốn tối ưu, đưa ra quyết định quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

Mục tiêu lý thuyết:

- Nắm được các khái niệm cơ bản về tài chính doanh nghiệp, so sánh được sự khác nhau của các loại hình doanh nghiệp, phân tích được các vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp
- Nắm được các nguyên tắc quản lý tài chính doanh nghiệp và hiểu được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp
- Nắm được đặc điểm, phương pháp tính, và tác động của một số loại thuế (thuế Giá trị gia tăng, thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Thu nhập Doanh nghiệp) đến doanh

nghiệp

- Hiểu rõ các khái niệm và đặc điểm về doanh thu, chi phí, lợi nhuận của doanh nghiệp
- Hiểu rõ khái niệm, cấu thành, và đặc điểm của các báo cáo tài chính, nắm được ý nghĩa của các chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính
- Hiểu được mục đích và các phương pháp phân tích tài chính của doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính và những thông tin liên quan
- Nắm được đặc điểm các phương thức huy động vốn của doanh nghiệp, quá trình lựa chọn nguồn tài trợ
- Nắm được cách xác định chi phí vốn và xác định cơ cấu vốn tối ưu của doanh nghiệp;
- Hiểu được cách đánh giá hiệu quả khi thực hiện một dự án thông qua thẩm định tài chính dự án bằng các chỉ tiêu khác nhau
- Nắm được ý nghĩa và mô hình quản lý ngân quỹ doanh nghiệp
- Đưa ra các quyết định quản lý tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp như các phải khoản phải thu trong tín dụng thương mại, quản lý hàng tồn kho.

Mục tiêu thực hành:

- Biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng trong thực hành phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các báo cáo tài chính và các thông tin liên quan
- Biết đánh giá việc lựa chọn nguồn vốn, xác định chi phí vốn, đánh giá hiệu quả tài chính dự án, và các chính sách quản lý tài sản của doanh nghiệp.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Tên chương	Tổng số tiết	Trong đó		
			Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Tổng quan về Tài chính Doanh nghiệp	3	3		
2	Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của DN	6	4	2	
3	Phân tích tài chính Doanh nghiệp	6	4	2	
4	Nguồn vốn của Doanh nghiệp	3	2		1
5	Đầu tư của Doanh nghiệp	3	2	1	
6	Chi phí vốn và cơ cấu vốn	6	4	1	1
7	Tài sản của doanh nghiệp	3	2	1	
	Cộng	30	21	7	2

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương: Nội dung chính của Chương 1 sẽ tập trung vào những nội dung cơ bản về tài chính doanh nghiệp, bao gồm khái niệm doanh nghiệp, khái niệm tài chính doanh nghiệp, các nội dung cơ bản và mục tiêu của quản lý tài chính doanh nghiệp, vai trò của quản lý tài chính doanh nghiệp và các nguyên tắc trong quản lý tài chính doanh nghiệp. Sau khi học xong chương 1, sinh viên sẽ nắm bắt được những kiến thức cơ bản về các hoạt động cơ bản của quản lý tài chính doanh nghiệp.

1.1. Doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm và phân loại

1.1.2 Môi trường hoạt động của doanh nghiệp

1.2. Khái niệm tài chính doanh nghiệp

1.3. Cơ sở tài chính doanh nghiệp và các dòng tiền

1.4. Các nội dung cơ bản về quản lý tài chính doanh nghiệp

1.5. Mục tiêu quản lý tài chính doanh nghiệp

1.6. Vai trò quản lý tài chính doanh nghiệp

1.7. Nguyên tắc quản lý tài chính doanh nghiệp

1.8. Bộ máy quản lý tài chính Tài liệu tham khảo chương:

- PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), *Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành)*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương I, trang 5-20

- Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2009), *Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition*, South-Western Cengage Learning, Chương 1, trang 2-21

- Luật doanh nghiệp số: 68/2014/QH13, điều 4,5,7,16,17

CHƯƠNG II: QUẢN TRỊ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương: Chương 2 sẽ đề cập đến các kiến thức cơ bản về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp thông qua cách trình bày về khái niệm doanh thu, chi phí, lợi nhuận. Bên cạnh đó, các nội dung chính về một số loại thuế tác động đến doanh nghiệp cũng được nghiên cứu như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.1. Chi phí của doanh nghiệp

2.1.1 Chi phí sản xuất và chi phí tiêu thụ sản phẩm

2.1.2 Chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

2.1.3 Chi phí hoạt động tài chính và chi phí hoạt động khác

2.2. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm và thu nhập của doanh nghiệp

2.2.1 Tiêu thụ sản phẩm và doanh thu tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp

2.2.2 Doanh thu của doanh nghiệp

2.3. Lợi nhuận của doanh nghiệp

2.3.1 Khái niệm lợi nhuận của doanh nghiệp

2.3.2 Phân phối lợi nhuận

2.4 Một số loại thuế chủ yếu đối với doanh nghiệp

2.4.1 Thuế giá trị gia tăng

2.4.2 Thuế tiêu thụ đặc biệt

2.4.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp

- PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương II, III, trang 20-56

- Thông tư 219/2013/TT-BTC: Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng, điều 4-13, trang 2-46

- Thông tư 78/2014/TT-BTC: Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, điều 3-12, trang 3-45

CHƯƠNG III: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương: Chương 3 sẽ tập trung vào giới thiệu các báo cáo tài chính chính của doanh nghiệp, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo ngân quỹ. Sau đó, phương pháp phân tích từng báo cáo tài chính sẽ được giới thiệu, giúp sinh viên có những kiến thức tổng quan để có thể đọc hiểu và phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp. Sau đó, Nội dung chương 3 cũng đề cập vào phân tích năm khía cạnh của doanh nghiệp, cụ thể là khả năng thanh toán,

khả năng hoạt động, khả năng sinh lời, cơ cấu vốn và các chỉ tiêu thị trường của doanh nghiệp.

3.1. Mục tiêu phân tích tài chính

3.1.1 Phân tích tài chính đối với nhà quản trị

3.1.2 Phân tích tài chính đối với nhà đầu tư

3.1.2 Phân tích tài chính đối với người cho vay

3.2. Thu thập thông tin sử dụng trong phân tích

3.2.1 Bảng cân đối kế toán

3.2.2 Báo cáo kết quả kinh doanh

3.2.3 Ngân quỹ

3.3. Phương pháp và nội dung phân tích

3.3.1 Phương pháp phân tích

3.3.2 Nội dung phân tích

Tài liệu tham khảo chương:

- PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), *Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành)*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương III, trang 25-45

- Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), *Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*, chương 4, trang 84-121.

- Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, điều 3-18

CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương: Nội dung chính của chương 4 sẽ giới thiệu về các phương thức huy động vốn của doanh nghiệp, bao gồm hai phương thức chính là

phương thức huy động vốn bằng vốn chủ sở hữu và phương thức huy động vốn bằng nợ. Sau đó, chương 4 sẽ giới thiệu về cách tính chi phí vốn của doanh nghiệp. Qua đó, doanh nghiệp sẽ nghiên cứu và tìm ra được cơ cấu vốn tối ưu cho mình.

4.1. Tổng quan về vốn của doanh nghiệp

4.2. Các nguồn vốn của doanh nghiệp và phương thức huy động

4.2.1 Nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp

4.2.2 Nợ và phương thức huy động nợ của doanh nghiệp

Tài liệu tham khảo chương:

- PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), *Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành)*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương IV, V, trang 56-120.

- Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), *Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*, chương 10 (306-334); chương 14 (416-454)

CHƯƠNG V: ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương: Chương 5 tập trung phân tích một trong ba quyết định quản trị tài chính của doanh nghiệp là quản trị đầu tư dài hạn của doanh nghiệp. Trong chương này, khái niệm về đầu tư và phân loại đầu tư sẽ được giới thiệu, giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quan về ý nghĩa và vai trò của đầu tư. Tiếp theo, chương 5 giới thiệu các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án và cách xác định luồng tiền, phân tích và đánh giá dự án.

5.1. Đầu tư và vai trò của hoạt động đầu tư đối với doanh nghiệp

5.1.1 Khái niệm

5.1.2 Phân loại đầu tư

5.1.3 ý nghĩa và các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định đầu tư

5.2. Các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án

5.2.1 Chỉ tiêu giá trị hiện tại ròng

5.2.2 Chỉ tiêu tỷ lệ hoàn vốn nội bộ

5.2.3 Chỉ tiêu thời gian hoàn vốn

5.3. Xác định luồng tiền của dự án

5.3.1 Các luồng tiền của dự án

5.3.2 Báo cáo tài chính dự toán và phương pháp xác định luồng tiền của dự án

5.3.3 Một số trường hợp đặc biệt

5.4. Phân tích và đánh giá dự án

5.4.1 Đánh giá dự tính về NPV

5.4.2 Phân tích tình huống và các phân tích khác

5.4.3 Phân tích hoà vốn

5.5.4 Phân tích, ra quyết định đầu tư chứng khoán

Tài liệu tham khảo chương:

- PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hòa (2010), *Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành)*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương VII, trang 71-98

- Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), *Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning, chương 11 (335-362); chương 12 (364- 384)*

CHƯƠNG VI: CHI PHÍ VỐN VÀ CƠ CẤU VỐN

Giới thiệu khái quát chương: Nội dung chính của chương 6 sẽ tập trung vào khái niệm và các phương pháp tính toán chi phí vốn của doanh nghiệp. Sau đó, chương 7 sẽ giới thiệu cách tính chi phí vốn bình quân và chi phí vốn cận biên của công ty, là nền tảng để giúp công ty xác định cơ cấu vốn mục tiêu cho mình.

6.1. Khái niệm chi phí vốn

6.2. Chi phí của các loại vốn

6.2.1 Chi phí của nợ vay

6.2.2 Chi phí vốn chủ sở hữu

6.2.3 Chi phí trung bình của vốn

6.2.4 Chi phí cận biên của vốn

6.3. Cơ cấu vốn của doanh nghiệp

6.3.1 Mục tiêu cơ cấu vốn

6.3.2 Xác định cơ cấu vốn mục tiêu

Tài liệu tham khảo chương:

- PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hòa (2010), *Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành)*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương IV, V, trang 56-120.

- Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), *Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning*, chương 10 (306-334); chương 14 (416-454)

CHƯƠNG VII: QUẢN TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương: Chương này sẽ tập trung vào phân tích hoạt động quản lý tài sản của doanh nghiệp. Cụ thể, các phương thức quản lý tài sản ngắn hạn và quản lý tài sản dài hạn sẽ được giới thiệu, giúp cho sinh viên có thể nắm vững được từng phương pháp và áp dụng được trong thực tế.

6.1. Quản lý tài sản ngắn hạn

6.1.1 Khái niệm và phân loại tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp

6.1.2 Quản lý tài sản ngắn hạn

6.2. Quản lý tài sản cố định và quỹ khấu hao

6.2.1 Khái niệm và phân loại tài sản cố định của doanh nghiệp

6.2.2 Quản lý tài sản cố định

Tài liệu tham khảo chương:

- PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Chương VII, 121-154.

- Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning, chương 16 (488- 522)

2. GIÁO TRÌNH

PGS. TS. Lưu Thị Hương và PGS. TS. Vũ Duy Hào (2010), Tài chính doanh nghiệp (Dùng cho ngoài ngành), Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2008), Fundamentals of Financial Management, Twelfth Edition, South-Western Cengage Learning

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

- Điểm đánh giá của giảng viên: 10% (theo Quy định chung của Trường)
- Điểm kiểm tra: (2 lần, với trọng số điểm kiểm tra 30%)
- Điểm thi hết học phần: 60%
- Điều kiện dự thi:

+ Tham dự ít nhất 75% thời gian học trên lớp.

+ Điểm bài kiểm tra định kỳ đạt từ 5 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10/10)

+ Ngoài ra, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận

- Hình thức thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm kết hợp tự luận

10. GIẢNG VIÊN:

- Họ và tên giảng viên phụ trách môn học: TS Lê Đức Hoàng

- Họ và tên giảng viên tham gia giảng dạy: PGS.TS Vũ Duy Hào, PGS.TS Đàm Văn Huệ, TS Lê Đức Hoàng, TS Đào Anh Tuấn, TS Trần Tất Thành, TS Trần Đức Thắng, TS Đỗ Hồng Nhung, TS Phan Hồng Mai, ThS Lê Thu Thủy, ThS Trần Minh Tuấn, ThS Lê Quốc Anh, ThS Trần Thị Lan Phương, ThS Trần Thị Thu Hiền, ThS Nguyễn Thanh Huyền, ThS Phạm Văn Tuệ Nhã, ThS Hoàng Thị Hồng Ngọc, ThS Hoàng Khánh, ThS Trần Phi Long, ThS Trần Thùy Dung, ThS Nguyễn Tuấn Anh.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS Vũ Duy Hào

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Marketing công nghệ số

Tiếng Anh: Internet Marketing

Mã học phần: MAMK 1117

Số tín chỉ: 2

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Marketing

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế học I, Marketing căn bản

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên hiểu thêm những ứng dụng marketing mới trong môi trường công nghệ thông tin đang ngày càng phát triển. Trong đó, học phần tập trung nghiên cứu về công nghệ và lịch sử mạng internet, phân tích hành vi người tiêu dùng (nội địa và quốc tế) trên mạng, mô hình kinh doanh, quảng cáo và truyền thông, thiết kế trang web, định giá, nghiên cứu marketing sử dụng mạng internet, đặc biệt tập trung nghiên cứu thông tin và những thành tựu phát triển gần đây của thương mại điện tử.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trang bị cho sinh viên khái niệm marketing trên mạng và tầm quan trọng ngày càng tăng của Internet marketing trong các kế hoạch chiến lược marketing của các doanh nghiệp
- Giới thiệu và phân tích các đặc điểm của marketing trên mạng và sự khác biệt so với marketing trong môi trường truyền thống
- Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của xây dựng và quản trị chiến lược và các hoạt động marketing trên mạng Internet

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương 1: Tổng quan về marketing điện tử

-
- | | |
|-----|---|
| 1.1 | Sự ra đời và phát triển của công nghệ số |
| 1.2 | Tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ số vào hoạt động marketing |
| 1.3 | Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của marketing điện tử |
-

Chương 2: Hệ thống thông tin điện tử phục vụ việc ra quyết định marketing

-
- | | |
|-----|---|
| 2.1 | Tổng quan về thiết kế và hoạt động của hệ thống thông tin điện tử |
| 2.2 | Marketing dựa trên cơ sở dữ liệu điện tử - database marketing |
| 2.3 | Các công cụ và quy trình thực hiện nghiên cứu marketing trong môi trường công nghệ số |
-

Chương 3: Môi trường hoạt động marketing trong kỷ nguyên số hóa

-
- | | |
|-----|--|
| 3.1 | Tổng quan về môi trường hoạt động marketing của doanh nghiệp |
| 3.2 | Các yếu tố của môi trường marketing vĩ mô |
| 3.3 | Các yếu tố của môi trường marketing vi mô |
-

Chương 4: Hành vi và hành vi trực tuyến của khách hàng

-
- | | |
|-----|--|
| 4.1 | Mô hình nghiên cứu hành vi khách hàng |
| 4.2 | Các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi khách hàng |
| 4.3 | Hành vi trực tuyến của khách hàng và các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi trực tuyến của khách hàng |
| 4.4 | Quá trình thông qua quyết định mua trực tuyến |
-

Chương 5: Chiến lược marketing điện tử

-
- | | |
|-----|---|
| 5.1 | Tổng quan về chiến lược marketing điện tử |
| 5.2 | Cơ sở lựa chọn và xây dựng chiến lược marketing điện tử |
| 5.3 | Phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu |
| 5.4 | Định vị thị trường và khác biệt hóa |
| 5.5 | Thiết lập các mục tiêu cho marketing –mix điện tử |
-

Chương 6: Marketing mix điện tử

-
- | | |
|-----|---|
| 6.1 | Chính sách sản phẩm trong e.marketing mix |
| 6.2 | Chính sách giá trong e.marketing mix |
| 6.3 | Chính sách phân phối trong e.marketing mix |
| 6.4 | Chính sách truyền thông trong e.marketing mix |
| 6.7 | Các chính sách khác trong e.Marketing mix |
-

Chương 7: Quản trị quan hệ khách hàng trong marketing điện tử (eCRM)

-
- | | |
|-----|---|
| 7.1 | Tổng quan về CRM và eCRM |
| 7.2 | Các công cụ của CRM nhằm xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng |
| 7.3 | Các công cụ của eCRM |
-

Chương 8: Quản lý sự hiện diện điện tử của doanh nghiệp

-
- | | |
|-----|--|
| 8.1 | Tổng quan về quản lý sự hiện diện điện tử của doanh nghiệp |
| 8.2 | Website và các công cụ kết nối khách hàng với website của doanh nghiệp |
| 8.3 | Mobile marketing |
| 8.4 | Marketing trực tiếp qua email và các công cụ điện tử khác |
-

Chương 9: Đo lường hiệu quả hoạt động của chương trình e.marketing

9.1	Tổng quan về đo lường hiệu quả hoạt động marketing
9.2	Quy trình thực hiện việc đo lường hiệu quả hoạt động e.marketing
9.3	Các công cụ đo lường hiệu quả hoạt động e.marketing

7. GIÁO TRÌNH: Internet Marketing, Tác giả: Judy Strauss

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO: Internet Marketing, tác giả: Rafi M. Mohamed

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Dự lớp	10%
- Thảo luận, thuyết trình, báo cáo, bản thu hoạch	20%
- Thi cuối học kỳ	70%

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Kinh tế tài nguyên

Tiếng Anh: Natural Resources Economics

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế tài nguyên

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần giảng dạy các mối quan hệ giữa khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên và hành vi ứng xử của các cá nhân, tổ chức và nhà nước dưới góc độ kinh tế - xã hội. Môn học này cũng giải quyết các vấn đề phức tạp như lợi ích và chi phí của việc thay đổi chất lượng, số lượng tài nguyên thiên nhiên và môi trường; mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và chất lượng tài nguyên thiên nhiên, các chính sách kinh tế nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nhất nguồn tài nguyên thiên nhiên trong hiện tại và tương lai.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về vai trò và mối quan hệ của tài nguyên thiên nhiên đối với nền kinh tế; cơ sở lý thuyết nền tảng của kinh tế tài nguyên; các mô hình khai thác tài nguyên. Bên cạnh đó, sinh viên cũng nắm được các kiến thức và kỹ năng ban đầu về phân tích và định giá tài nguyên, biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng đó vào việc xem xét các vấn đề chung của kinh tế tài nguyên trong thực tế.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		G chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Phần 1: Giới thiệu Chương 1: Những vấn đề quan trọng của Kinh tế tài nguyên	4	3	1	
2	Chương 2: Tài nguyên thiên nhiên và nền kinh tế	4	3	1	
3	Phần 2: Cơ sở lý thuyết về Kinh tế tài nguyên Chương 3: Tự nguyện chi trả/ Cầu về tài nguyên	5	3	2	
4	Chương 4: Chi phí/ Cung về tài nguyên	5	3	2	
5	Chương 5: Hiệu quả và sự bền vững	4	3	1	
6	Phần 3: Các vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên Chương 6: Thị trường và tính hiệu quả	5	3	2	
7	Chương 7: Chính sách công về tài nguyên thiên nhiên	5	3	2	
8	Phần 4: Phân tích tài nguyên thiên nhiên Chương 8: Các nguyên lý phân tích tài nguyên thiên nhiên	4	3	1	
9	Chương 9: Định giá tài nguyên thiên nhiên	4	3	1	
10	Phần 5: Những vấn đề tài nguyên thiên nhiên trong thực tế Chương 10: Kinh tế tài nguyên khoáng sản	5	3	2	
	Tổng cộng	45	30	15	

PHẦN I: GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA KINH TẾ TÀI NGUYÊN

Chương này tập trung giới thiệu các vấn đề quan trọng cần giải quyết của khoa học kinh tế tài nguyên, cụ thể là Liệu tài nguyên thiên nhiên có đủ cho con người sử dụng hay không, Mức độ sử dụng tài nguyên tối ưu xã hội như thế nào, Chính sách tài nguyên hướng đến sự tối ưu, Hạch toán tài nguyên, Phân tích lợi ích-chi phí trong kinh tế tài nguyên, Các vấn đề trong sử dụng đất và Các vấn đề tài nguyên thiên nhiên mang tính quốc tế.

1.1. SỰ ĐẦY ĐỦ CỦA TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1.1.1 Sự thay đổi giá trong dài hạn

1.1.2 Sự thay thế tài nguyên thiên nhiên

1.2. MỨC ĐỘ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TỐI ƯU XÃ HỘI

1.3. CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN: HƯỚNG TỚI SỰ TỐI ƯU

1.4. HẠCH TOÁN TÀI NGUYÊN

1.5. PHÂN TÍCH LỢI ÍCH-CHI PHÍ TRONG KINH TẾ TÀI NGUYÊN

1.6 CÁC VẤN ĐỀ VỀ SỬ DỤNG ĐẤT

1.7 CÁC VẤN ĐỀ TÀI NGUYÊN QUỐC TẾ

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition.

People, land & water, Edited by Guy Besette, 2006, Earthscan.

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S.Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Developemnt Report, 2011, WB,

Handbook of Water Economics, Principle and Practice, Collin Green, 2003, Wiley Co. UK.

Cost-benefit Analysis Guide, Treasury Boad of Canada Secretariat, Ottawa, 1998.

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

Nguyễn Thế Chinh & Vũ Thị Minh (2013): Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 57 (11-12/2013), ISSN 1859-039X.

Vũ Thị Minh & Nguyễn Đức Huân (2014): Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp, Kỷ yếu

Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014.

CHƯƠNG 2: TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ NỀN KINH TẾ

Chương này tập trung vào Mối quan hệ giữa thế giới tự nhiên và nền kinh tế, Các sản phẩm và dịch vụ mà thế giới tự nhiên cung cấp cho nền kinh tế; Phân loại và Mô hình hoá các sản phẩm và dịch vụ tài nguyên thiên nhiên và Các quan điểm kinh tế học liên quan đến đối tượng của khoa học kinh tế tài nguyên.

2.1 THIÊN NHIÊN VÀ NỀN KINH TẾ

2.2 CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

2.3 MÔ HÌNH HÓA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN

2.3.1. Các tài nguyên không tái tạo được

2.3.2. Các tài nguyên tái chế được

2.3.3. Các tài nguyên tái tạo được

2.4. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ KINH TẾ HỌC

2.5. CHÍNH SÁCH VÀ CHÍNH TRỊ

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S.Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

Nguyễn Thế Chinh & Vũ Thị Minh (2013): Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 57 (11-12/2013), ISSN 1859-039X.

Vũ Thị Minh & Nguyễn Đức Huân (2014): Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014.

Vũ Thị Minh & Vũ Thành Trung (2013): Lý thuyết Kinh tế học bền vững và khả năng ứng dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các học thuyết kinh tế và khả năng ứng dụng vào Việt Nam”, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

PHẦN II: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ KINH TẾ TÀI NGUYÊN

CHƯƠNG 3: TỰ NGUYỆN CHI TRẢ/ CẦU VỀ TÀI NGUYÊN

Chương này tập trung vào cơ sở lý thuyết nền tảng cho kinh tế tài nguyên: Tự nguyện chi trả / cầu về tài nguyên thiên nhiên. Tự nguyện chi trả/cầu về hàng hoá tư, hàng hoá công, các lợi ích gắn với tự nguyện chi trả, tự nguyện chi trả/cầu về tài nguyên thiên nhiên theo thời gian và vấn đề chiết khấu... được mô hình hoá cụ thể trong chương này.

3.1 TỰ NGUYỆN CHI TRẢ

3.1.1 Minh họa mức độ tự nguyện chi trả

3.1.2 Tự nguyện chi trả cận biên và Cầu

3.1.3 Tổng tự nguyện chi trả / Cầu về hàng hóa tư

3.1.4 Tổng tự nguyện chi trả / Cầu về hàng hóa công

3.1.5 Tự nguyện chi trả và các lợi ích

3.1.6 Tự nguyện chi trả theo thời gian

3.2 TÍNH CHIẾT KHẤU

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S.Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Developemnt Report, 2011, WB,

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

Nguyễn Thế Chinh & Vũ Thị Minh (2013): Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 57 (11-12/2013), ISSN 1859-039X.

Vũ Thị Minh & Nguyễn Đức Huân (2014): Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014.

Vũ Thị Minh & Vũ Thành Trung (2013): Lý thuyết Kinh tế học bền vững và khả năng ứng dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các học thuyết kinh tế và khả năng ứng dụng vào Việt Nam”, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

CHƯƠNG 4: CHI PHÍ/ CUNG VỀ TÀI NGUYÊN

Chương này tập trung vào cơ sở lý thuyết nền tảng cho kinh tế tài nguyên: Chi phí/ Cung về tài nguyên thiên nhiên. Chi phí cơ hội, Chi phí xã hội, Giá trị hiện tại của chi phí, Môi quan hệ giữa chi phí và sự thay đổi công nghệ, Đường chi phí và Cung về tài nguyên thiên nhiên được mô hình hoá chi tiết trong chương này.

4.1 CHI PHÍ CƠ HỘI

4.2 ĐƯỜNG CONG CHI PHÍ

4.3 HÌNH DẠNG ĐƯỜNG CHI PHÍ

4.4 CHI PHÍ XÃ HỘI

4.5 GIÁ TRỊ HIỆN TẠI CỦA CHI PHÍ

4.6 CHI PHÍ VÀ SỰ THAY ĐỔI CÔNG NGHỆ

4.7 CHI PHÍ VÀ CUNG VỀ TÀI NGUYÊN

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S.Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

Vũ Thị Minh & Vũ Thành Trung (2013): Lý thuyết Kinh tế học bền vững và khả năng ứng dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các học thuyết kinh tế và khả năng ứng dụng vào Việt Nam”, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

Vũ Thị Minh (2012): Vốn đất đai và vấn đề sử dụng, bảo vệ có hiệu quả vốn đất đai trong quá trình phát triển kinh tế” Bài trình bày tại Hội thảo “ Nguồn vốn tự nhiên trong bối cảnh thúc đẩy nền kinh tế xanh ở Việt Nam: Những vấn đề lý luận, thực tiễn và khuyến nghị chính sách” do Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường tổ chức ngày 9/11/2012

CHƯƠNG 5: HIỆU QUẢ VÀ SỰ BỀN VỮNG

Chương này tập trung vào tính hiệu quả và bền vững trong sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Hiệu quả tĩnh và hiệu quả liên thời gian, các vấn đề còn tranh luận liên quan đến tính chiết khấu, các vấn đề về sự công bằng liên thế hệ trong tiếp cận và sử dụng tài nguyên được phân tích, mô hình hoá cụ thể trong chương này.

5.1 HIỆU QUẢ TĨNH

5.2 HIỆU QUẢ ĐỘNG (LIÊN THỜI GIAN)

5.3 CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH CHIẾT KHẤU

5.4 HIỆU QUẢ VÀ SỰ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC THỂ HỆ

5.4.1 Vấn đề về sự bền vững

5.4.2 Sự bền vững xét trên phạm vi rộng

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S. Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

Nguyễn Thế Chinh & Vũ Thị Minh (2013): Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 57 (11-12/2013), ISSN 1859-039X.

Vũ Thị Minh & Nguyễn Đức Huân (2014): Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014.

Vũ Thị Minh & Vũ Thành Trung (2013): Lý thuyết Kinh tế học bền vững và khả năng ứng dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các học thuyết kinh tế và khả năng ứng dụng vào Việt Nam”, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

Vũ Thị Minh (2011): Chính sách bồi thường khi thu hồi đất của nông dân: Một số bất cập vướng mắc và kiến nghị, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Động viên tài chính từ đất đai để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở” do Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính tổ chức tháng 12/2011

PHẦN III: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

CHƯƠNG 6: THỊ TRƯỜNG VÀ TÍNH HIỆU QUẢ

Chương này tập trung vào quan hệ cung cầu thị trường tài nguyên, mối quan hệ thị trường và hiệu quả xã hội tĩnh và hiệu quả xã hội liên thời gian trong tiếp cận và sử dụng tài nguyên được phân tích, mô hình hoá cụ thể trong chương này.

6.1 CUNG VÀ CẦU THỊ TRƯỜNG

6.2 THỊ TRƯỜNG VÀ HIỆU QUẢ XÃ HỘI TỈNH

6.2.1 Chi phí bên ngoài

6.2.2 Lợi ích bên ngoài

6.2.3 Tài nguyên dễ tiếp cận (Open- Access Resource)

6.2.4 Tài nguyên dễ tiếp cận và sự lãng phí tài nguyên

6.3 THỊ TRƯỜNG VÀ HIỆU QUẢ LIÊN THỜI GIAN

6.3.1 Thị trường và tính chiết khấu

6.3.2 Điều kiện hưởng dụng

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S.Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

Nguyễn Thế Chinh & Vũ Thị Minh (2013): Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 57 (11-12/2013), ISSN 1859-039X.

Vũ Thị Minh & Nguyễn Đức Huân (2014): Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014.

Vũ Thị Minh & Vũ Thành Trung (2013): Lý thuyết Kinh tế học bền vững và khả năng ứng dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các học thuyết kinh tế và khả năng ứng dụng vào Việt Nam”, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

Vũ Thị Minh (2011): Chính sách bồi thường khi thu hồi đất của nông dân: Một số bất cập vướng mắc và kiến nghị, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Động viên tài chính từ đất đai để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở” do Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính tổ chức tháng 12/2011.

CHƯƠNG 7: CHÍNH SÁCH CÔNG VỀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Chương này tập trung vào chính sách công về tài nguyên thiên nhiên, cụ thể là

Các mục tiêu của chính sách công, Các loại chính sách công, Các chính sách công được chính phủ tài trợ, Các quy định kiểm soát trực tiếp, Thất bại của thị trường và của Chính phủ trong quản lý tài nguyên thiên nhiên; Các vấn đề về phân cấp và tập trung hoá chính sách công về tài nguyên thiên nhiên.

7.1 CÁC MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH CÔNG

7.1.1 Hiệu quả kinh tế

7.1.2 Sự công bằng

7.1.3 Sự linh hoạt

7.1.4 Tính thực thi

7.2 CÁC LOẠI CHÍNH SÁCH CÔNG

7.3 QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN TƯ NHÂN

7.4 CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐƯỢC CHÍNH PHỦ TÀI TRỢ

7.4.1 Thuế

7.4.2 Trợ cấp

7.5 KIỂM SOÁT TRỰC TIẾP

7.6 SẢN XUẤT CÔNG TRỰC TIẾP

7.7 THẤT BẠI CỦA THỊ TRƯỜNG/ THẤT BẠI CỦA CHÍNH PHỦ

7.8 TẬP TRUNG HÓA/ PHÂN CẤP HÓA CHÍNH SÁCH

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S.Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

Nguyễn Thế Chinh & Vũ Thị Minh (2013): Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 57 (11-12/2013), ISSN 1859-039X.

Vũ Thị Minh & Nguyễn Đức Huân (2014): Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014.

Vũ Thị Minh & Vũ Thành Trung (2013): Lý thuyết Kinh tế học bền vững và khả

năng ứng dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các học thuyết kinh tế và khả năng ứng dụng vào Việt Nam”, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

Vũ Thị Minh (2011): Chính sách bồi thường khi thu hồi đất của nông dân: Một số bất cập vướng mắc và kiến nghị, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Động viên tài chính từ đất đai để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở” do Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính tổ chức tháng 12/2011.

PHẦN IV: PHÂN TÍCH TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

CHƯƠNG 8: CÁC NGUYÊN LÝ PHÂN TÍCH TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Chương này tập trung vào ba nguyên lý phân tích tài nguyên thiên nhiên: Phân tích tác động; Phân tích hiệu quả chi phí và Phân tích lợi ích – chi phí. Mỗi nguyên lý có cách tiếp cận, nội dung phân tích và mục tiêu phân tích khác nhau nhưng đều có vai trò quan trọng trong xem xét, đánh giá và ra quyết định liên quan đến tài nguyên thiên nhiên.

8.1 PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG

8.1.1 Phân tích tác động môi trường

8.1.2 Phân tích tác động kinh tế

8.2 PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ CHI PHÍ

8.3 PHÂN TÍCH LỢI ÍCH-CHI PHÍ

8.3.1 Khung cơ sở

8.3.2 Phạm vi của dự án

8.3.3 Nguyên tắc có/ không có

8.3.4 Tính chiết khấu

8.3.5 Các ảnh hưởng của tính chiết khấu

8.3.6 Chiết khấu và các thể hệ tương lai

8.3.7 Lựa chọn tỷ lệ chiết khấu

8.3.8 Các vấn đề về phân phối

8.3.9 Đối phó với sự không chắc chắn

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition.

People, land & water, Edited by Guy Besette, 2006, Earthscan.

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S. Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,

Handbook of Water Economics, Principle and Practice, Collin Green, 2003,

Wiley Co. UK.

Cost-benefit Analysis Guide, Treasury Board of Canada Secretariat, Ottawa, 1998.

Lê trình - Bài giảng về đánh giá tác động môi trường dự án phát triển, AITCV, 2005

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

AITCV: Đánh giá tác động của các dự án phát triển, Tài liệu tập huấn, Hà Nội, 2005.

CHƯƠNG 9: ĐỊNH GIÁ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Chương này tập trung vào cơ sở khoa học và phương pháp xác định giá trị của tài nguyên thiên nhiên. Cụ thể là ước lượng các lợi ích/ các giá trị sử dụng và không sử dụng; ước lượng các chi phí liên quan đến xác định giá trị của tài nguyên thiên nhiên. Đồng thời cũng giới thiệu các kỹ thuật định giá dựa vào thị trường và phi thị trường và điều kiện vận dụng.

9.1 ƯỚC LƯỢNG CÁC LỢI ÍCH

9.2 CÁC LỢI ÍCH SỬ DỤNG (CHỦ ĐỘNG)

9.2.2 Phân tích giá thị trường trực tiếp

9.2.3 Các kỹ thuật phi thị trường

9.3 CÁC LỢI ÍCH KHÔNG SỬ DỤNG (THỤ ĐỘNG)

9.4 ƯỚC LƯỢNG CÁC CHI PHÍ

9.4.1 Những vấn đề chung

9.4.2 Các chi phí về phương tiện vật chất

9.4.3 Các chi phí về quy định công

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S. Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội 2010.

Economic Valuation of Natural Resources: Issues, Theory, and Applications - by Rebecca L. Johnson, ISBN-13: 9780813378381, ISBN-10: 0813378389, Westview Press, Published: 06/28/1990.

Economic Valuation of Natural Resources: A Handbook for Coastal Resources

Policy Maker, 1995, the U.S. Department of Commerce.

Natural Resource Valuation: A Primer on Concepts and Techniques – C.A. Ulibarri & K.F. Wellman, 1997, the U.S. Department of Energy.

Valuation of Natural Resources – A NERC scoping study, 2009, Cranfield University

Nguyễn Thế Chinh & Vũ Thị Minh (2013): Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 57 (11-12/2013), ISSN 1859-039X.

Vũ Thị Minh (2011): Chính sách bồi thường khi thu hồi đất của nông dân: Một số bất cập vướng mắc và kiến nghị, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Động viên tài chính từ đất đai để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở” do Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính tổ chức tháng 12/2011.

PHẦN V: CÁC VẤN ĐỀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TRONG THỰC TẾ

CHƯƠNG 10: KINH TẾ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Chương này tập trung vào các vấn đề kinh tế liên quan đến thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản và các chính sách liên quan đến xuất nhập khẩu và thị trường khoáng sản các loại. Các vấn đề liên quan đến tái chế cũng được mô hình hoá cụ thể trong chương này.

10.1 CÁC YẾU TỐ ĐỊA CHẤT VÀ CHI PHÍ KHAI THÁC

10.2 KINH TẾ KHAI THÁC KHI BIẾT TRỮ LƯỢNG

10.2.1 Giá trị vốn

10.2.2 Chi phí người sử dụng

10.3 GIÁ KHOÁNG SẢN TRONG THỰC TẾ

10.4 THĂM DÒ VÀ PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN

10.5 TÀI NGUYÊN KHÔNG TÁI TẠO VÀ SỰ BỀN VỮNG

10.5.1 Chuyển sang thay thế bằng tài nguyên khác

10.5.2 Tô đầu tư

10.6 SỰ PHỤ THUỘC VÀO NHẬP KHẨU KHOÁNG SẢN Ở HOA KỲ

10.7 CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH SÁCH KHÁC

10.8 KINH TẾ HỌC VỀ TÁI CHẾ

Tài liệu tham khảo:

Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc., Second Edition

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic topic, Laurence S. Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,
Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ,
Hà Nội 2010.

Economic Valuation of Natural Resources: Issues, Theory, and Applications - by
Rebecca L. Johnson, ISBN-13: 9780813378381, ISBN-10: 0813378389, Westview
Press, Published: 06/28/1990.

The Mining Valuation Handbook: Mining and Energy Valuation for Investors
and Management (3rd Edition), By Dr. Victor Rudenno, Wrightbooks 2009, ISBN-13:
978-0730377078.

Đặng Xuân Minh, Định giá mỏ khoáng sản
www.thamdinhgia.org/uploads/15552/Dinh_gia_mo_khoang_san.

7. GIÁO TRÌNH:

- Natural Resource Economics, Barry C. Field, 2008, Waveland Press, Inc.,
Second Edition.

- Bài giảng Kinh tế tài nguyên (tự biên soạn).

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

People, land & water, Edited by Guy Besette, 2006, Earthscan.

Natural resources, taxation and regulation: Unusual perspectives on a classic
topic, Laurence S. Moss, ed., 2006, Blackwell Publishing Ltd.

Natural Resources Management, Vietnam Development Report, 2011, WB,
Handbook of Water Economics, Principle and Practice, Collin Green, 2003,
Wiley Co. UK.

Cost-benefit Analysis Guide, Treasury Board of Canada Secretariat, Ottawa,
1998.

Environmental Economics and Natural Resources Management, David A.
Anderson, 2010, Published by Routledge, USA and Canada.

Economics of the Environment and Natural Resources, Blackwell Publishing,
UK, 2004.

Environmental and Natural Economics, Tom Tietenberg, 2011, Pearson
Education, Inc, 7th edition.

Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ,
Hà Nội 2010.

Tài liệu hội thảo quốc gia về “Đánh giá hiệu quả sử dụng và tiết kiệm tài nguyên
thiên nhiên ở Việt Nam” 12-14/12/2011, ISPONRE.

Các văn bản chính sách của Bộ Tài nguyên và Môi trường và quản lý tài nguyên,
khoáng sản.

Nguyễn Thế Chinh & Vũ Thị Minh (2013): Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam, Tạp chí Quản lý Kinh tế, số 57 (11-12/2013), ISSN 1859-039X.

Vũ Thị Minh & Nguyễn Đức Huân (2014): Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014.

Vũ Thị Minh & Vũ Thành Trung (2013): Lý thuyết Kinh tế học bền vững và khả năng ứng dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Các học thuyết kinh tế và khả năng ứng dụng vào Việt Nam”, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, Hà Nội.

Vũ Thị Minh (2011): Chính sách bồi thường khi thu hồi đất của nông dân: Một số bất cập vướng mắc và kiến nghị, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Động viên tài chính từ đất đai để đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở” do Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính tổ chức tháng 12/2011.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

- Dự lớp: $\geq 80\%$ số giờ,
- Bài tập lớn giữa kỳ: 30% điểm học phần
- Thi cuối học kỳ: 60% điểm học phần
- Chuyên cần: 10% điểm học phần

10. GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH:

- Giáo viên phụ trách: PGS.TS Vũ Thị Minh
- Giáo viên giảng dạy: PGS.TS Vũ Thị Minh, TS Nguyễn Hữu Dũng

Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS. Ngô Thị Phương Thảo

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Kinh tế học biến đổi khí hậu

Tiếng Anh: Economics of Climate Change

Mã học phần: **MTKH1103**

Tổng số tín chỉ: **03**

Số tiết lý thuyết: 28

Số tiết bài tập/thảo luận: 17

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY

Kinh tế và Quản lý Biến đổi khí hậu

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Biến đổi khí hậu, mà nguyên nhân chính là do gia tăng lượng phát thải các khí gây hiệu ứng nhà kính từ các hoạt động kinh tế của con người, được coi là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại trong thế kỷ 21. Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng và phát triển của các quốc gia. Không một quốc gia nào tránh được những tác động của biến đổi khí hậu và không một quốc gia nào có thể một mình đương đầu với những thách thức do biến đổi khí hậu gây ra. Cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu đòi hỏi những hành động khẩn cấp trên phạm vi toàn cầu trên cả hai phương diện: giảm nhẹ biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Học phần ***Kinh tế học Biến đổi khí hậu*** cung cấp các kiến thức về nguyên nhân, hậu quả và các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên quan điểm kinh tế và cách tiếp cận toàn cầu. Học phần tập trung vào các nội dung chính như: giải thích tính toàn cầu của biến đổi khí hậu, phân tích các khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, trình bày kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu, phân tích các chính sách biến đổi khí hậu, giới thiệu các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu và thảo luận về các hành động quốc tế về biến đổi khí hậu. Các

nội dung trên được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

▪ Trang bị cho người học phương pháp luận về cách tiếp cận kinh tế và toàn cầu đối với biến đổi khí hậu, kinh tế học giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu và các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu.

▪ Người học có kỹ năng vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề thực tiễn về biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu; đồng thời có kỹ năng phân tích các vấn đề về kinh tế và chính sách biến đổi khí hậu trên thực tiễn.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mục tiêu của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhớ và hiểu được cách tiếp cận kinh tế và toàn cầu đối với biến đổi khí hậu, kinh tế học giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, các chính sách biến đổi khí hậu và các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu.	1.2.2, 1.2.3	3/6, 3/6
G2	Chuẩn kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có kỹ năng vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề thực tiễn về biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu; đồng thời có kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế và chính sách biến đổi khí hậu trên thực tiễn	2.2.1, 3.1.1	3/5, 3/5

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ năng lực (Bloom)	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
1	Chuẩn về kiến thức		
	LO1.1: Sinh viên nhớ và hiểu được cách tiếp cận kinh tế và toàn cầu đối với biến đổi khí hậu, kinh tế học giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, các chính sách biến đổi khí hậu và các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu	2/6	1.2.2, 1.2.3

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ năng lực (Bloom) Bloom	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
	LO1.2: Sinh viên hiểu được sự khác nhau giữa cách tiếp cận kinh tế để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu so với các cách tiếp cận khác (công nghệ, kỹ thuật,...)	3/6	1.2.3
2	Chuẩn về kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm		
	LO2.1: Sinh viên có kỹ năng vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề thực tiễn về biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu	3/5	2.2.1, 3.1.1
	LO2.2: Sinh viên có kỹ năng phân tích các vấn đề về kinh tế và chính sách biến đổi khí hậu trên thực tiễn	3/5	2.2.1, 3.1.1

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học		Mục đích
Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	
Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic.
	Câu hỏi gợi mở	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Chiến lược dạy học tương tác/ hợp tác	Bài tập nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế.
	Thuyết trình	Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học.
Chiến lược tự học	Nghiên cứu bài học và tài liệu	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân.
Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động	Thảo luận	Sinh viên sẽ được chia thành nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết tình huống. Qua đó, giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống.

8. NỘI DUNG HỌC PHẦN

BÀI MỞ ĐẦU: GIỚI THIỆU MÔN HỌC

1. Đối tượng nghiên cứu
2. Phương pháp nghiên cứu
3. Nhiệm vụ của môn học

CHƯƠNG 1: TIẾP CẬN KINH TẾ VÀ TOÀN CẦU

ĐỐI VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Giới thiệu khái quát Chương 1

Các nghiên cứu khoa học ngày càng chỉ ra nhiều bằng chứng về việc BĐKH là có thật và do con người gây ra. Những tác động tiềm tàng của BĐKH đang nhận được sự quan tâm trên phạm vi toàn cầu; đòi hỏi các quốc gia trên thế giới phải thực hiện đồng thời hai chiến lược: giảm nhẹ BĐKH và thích ứng với BĐKH. Chương 1 trình bày cách tiếp cận kinh tế và toàn cầu đối với vấn đề BĐKH. Tính toàn cầu của BĐKH được giải thích thông qua các nội dung về sự ấm lên toàn cầu; khái niệm, biểu hiện và nguyên nhân của BĐKH; các tác động tiềm tàng của BĐKH; các giải pháp ứng phó với BĐKH và các hiệp ước quốc tế về BĐKH. Trên quan điểm kinh tế, BĐKH được coi là thất bại thị trường lớn nhất hiện nay liên quan đến ngoại ứng tiêu cực và hàng hóa công cộng. Ngoài ra, phân tích kinh tế về BĐKH phải xem xét đến khía cạnh đạo đức, tính đến yếu tố rủi ro và không chắc chắn về xu hướng và tác động của BĐKH; phân tích các tác động dài hạn của BĐKH và khả năng của những thay đổi lớn, không cận biên.

Các nội dung chính của Chương 1

- 1.1. Biến đổi khí hậu – Vấn đề của toàn cầu
 - 1.1.1. Sự ấm lên toàn cầu
 - 1.1.2. Khái niệm, biểu hiện và nguyên nhân của BĐKH
 - 1.1.3. Tác động của BĐKH
 - 1.1.4. Ứng phó với BĐKH
 - 1.1.5. Các hiệp ước quốc tế về BĐKH
- 1.2. Biến đổi khí hậu – Góc nhìn kinh tế
 - 1.2.1. Thất bại thị trường liên quan đến BĐKH
 - 1.2.2. Khía cạnh đạo đức trong phân tích kinh tế đối với BĐKH
 - 1.2.3. Rủi ro và không chắc chắn đối với BĐKH
 - 1.2.4. Tác động dài hạn của BĐKH: đánh giá theo thời gian và chiết khấu
 - 1.2.5. Khả năng của những thay đổi lớn, không cận biên
- 1.3. Các chủ đề thảo luận nhóm

CHƯƠNG 2: KINH TẾ HỌC GIẢM NHẸ VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tóm tắt nội dung chính của Chương 2

Sự gia tăng lượng phát thải các khí nhà kính từ các hoạt động kinh tế của con người là nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu toàn cầu. Sử dụng cách tiếp cận kinh tế và trên quan điểm toàn cầu, kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu giải quyết bài toán giảm phát thải khí nhà kính đạt hiệu quả chi phí. Xác định mức phát thải khí nhà kính toàn cầu tối ưu về kinh tế và các công cụ giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu là những nội dung chính của Chương 2. Bên cạnh đó, thích ứng với biến đổi khí hậu là sự điều chỉnh của con người và các hệ thống kinh tế-xã hội trước các tác động của biến đổi khí hậu nhằm làm giảm khả năng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu gây ra và tận dụng các cơ hội có lợi do biến đổi khí hậu mang lại. Kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu xem xét khía cạnh kinh tế của các biện pháp thích ứng khác nhau để lựa chọn biện pháp thích ứng đạt hiệu quả chi phí hoặc mang lại lợi ích ròng lớn nhất. Những thách thức trong phân tích kinh tế đối với thích ứng với biến đổi khí hậu cũng được đề cập trong Chương 2.

Các nội dung chính của Chương 2

2.1. Kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu

2.1.1. Mức phát thải khí nhà kính toàn cầu tối ưu về kinh tế

2.1.2. Tổng quan về các công cụ giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu

2.1.3. Công cụ mệnh lệnh-kiểm soát đối với giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu

2.1.4. Công cụ kinh tế đối với giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu

2.1.5. So sánh các công cụ giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu

2.2. Kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu

2.2.1. Các khía cạnh kinh tế của thích ứng với biến đổi khí hậu

2.2.2. Các công cụ phân tích kinh tế đối với thích ứng với biến đổi khí hậu

2.2.3. Thách thức trong phân tích kinh tế đối với thích ứng với biến đổi khí hậu

2.3. Các chủ đề thảo luận nhóm

CHƯƠNG 3: CHÍNH SÁCH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Giới thiệu khái quát về Chương 3

Chính sách biến đổi khí hậu, bao gồm chính sách giảm nhẹ và thích ứng, đóng vai trò quan trọng trong các nỗ lực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu. Tuy nhiên, trên quan điểm kinh tế, các chính sách biến đổi khí hậu khi thực hiện có thể gặp phải vấn đề thông tin không hoàn hảo, tạo ra chi phí giao dịch lớn, những tác động về phân phối và sự đánh đổi trong bối cảnh nguồn lực khan hiếm.

Các nội dung chính của Chương 3

- 3.1. Chính sách giảm nhẹ biến đổi khí hậu
 - 3.1.1 Tổng quan về chính sách giảm nhẹ biến đổi khí hậu
 - 3.1.2. Các chính sách làm giảm các nguồn phát thải khí nhà kính
 - 3.1.3. Các chính sách tăng cường các bể hấp thụ khí nhà kính
 - 3.1.4. Các công cụ chính sách giảm nhẹ biến đổi khí hậu
- 3.2. Chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu
 - 3.2.1. Tổng quan về chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu
 - 3.2.2. Các chính sách tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu
 - 3.2.3. Các chính sách dựa trên nhu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu
 - 3.2.4. Lựa chọn các chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu
- 3.3. Các chủ đề thảo luận nhóm

CHƯƠNG 4: CÁC CÔNG CỤ PHÂN TÍCH KINH TẾ ĐỐI VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Giới thiệu khái quát về Chương 4

Các quyết định về chính sách thường được đưa ra dựa trên những thông tin từ các cách tiếp cận và phân tích khác nhau, trong đó phân tích kinh tế đóng vai trò rất quan trọng. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, các công cụ phân tích kinh tế sẽ giúp nhận diện các tác động của biến đổi khí hậu, qui đổi các tác động của biến đổi khí hậu về giá trị tiền tệ và sử dụng các đánh giá về chi phí và lợi ích của các biện pháp giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu để lựa chọn các chính sách biến đổi khí hậu hiệu quả.

Các nội dung chính của Chương 4

- 4.1. Mô hình hóa các tác động của biến đổi khí hậu
 - 4.1.1. Kịch bản phát triển kinh tế-xã hội
 - 4.1.2. Kịch bản phát thải khí nhà kính
 - 4.1.3. Kịch bản biến đổi khí hậu
 - 4.1.4. Mô hình hóa các tác động của biến đổi khí hậu
 - 4.1.5. Một số nghiên cứu thực nghiệm về mô hình hóa các tác động của BĐKH
- 4.2. Lượng giá kinh tế các tác động của biến đổi khí hậu
 - 4.2.1. Tổng quan về lượng giá kinh tế
 - 4.2.2. Các phương pháp lượng giá kinh tế
 - 4.2.3. Lượng giá kinh tế các tác động của biến đổi khí hậu
 - 4.2.4. Một số nghiên cứu thực nghiệm về lượng giá kinh tế các tác động của BĐKH
- 4.3. Phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu

- 4.3.1. Tổng quan về phân tích kinh tế
- 4.3.2. Phân tích chi phí – lợi ích (CBA) đối với biến đổi khí hậu
- 4.3.3. Phân tích hiệu quả chi phí (CEA) đối với biến đổi khí hậu
- 4.3.4. Phân tích đa tiêu chí (MCA) đối với biến đổi khí hậu
- 4.3.5. Lý thuyết trò chơi (Game Theory) đối với biến đổi khí hậu
- 4.4. Các bài tập vận dụng

CHƯƠNG 5: HÀNH ĐỘNG QUỐC TẾ VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Giới thiệu khái quát về Chương 5

Biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu và cần được giải quyết trên phạm vi toàn cầu với sự tham gia của tất cả các quốc gia. Hợp tác quốc tế hiệu quả và công bằng đóng vai trò quan trọng trong các nỗ lực toàn cầu nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Các giải pháp toàn cầu để ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu liên quan chủ yếu đến các vấn đề về huy động tài chính, đổi mới và chuyển giao công nghệ và xây dựng năng lực.

Các nội dung chính của Chương 5

5.1. Tiến trình thương thảo quốc tế về biến đổi khí hậu

5.1.1. Những dấu mốc quan trọng trong các cuộc đàm phán quốc tế về khí hậu

5.1.2. Đánh giá thành tựu và thách thức của cơ chế khí hậu toàn cầu trước năm 2020

5.1.3. Triển vọng về cơ chế khí hậu toàn cầu sau năm 2020

5.2. Giải pháp toàn cầu đối với biến đổi khí hậu

5.2.1. Cơ sở lý thuyết của hành động toàn cầu đối với biến đổi khí hậu

5.2.2. Giảm nhẹ, thích ứng và phát triển bền vững

5.2.3. Các giải pháp toàn cầu đối với biến đổi khí hậu

5.2.4. Con đường phía trước

5.3. Các chủ đề thảo luận nhóm

9. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Bài 1: - Giới thiệu môn học và phổ biến các	- Hoạt động làm quen - Thành lập nhóm sinh viên	2/1	1, 2, 3, 7, 9, 10, 16, 17,	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Tiếp cận kinh tế và toàn cầu đối với biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 1.1. Biến đổi khí hậu – Vấn đề của toàn cầu		20	
Tuần 2	- Chương 1/Bài 2: Tiếp cận kinh tế và toàn cầu đối với biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 1.1. Biến đổi khí hậu – Vấn đề của toàn cầu	2/1	11, 12, 13, 14, 15	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	- Chương 1/Bài 3: Tiếp cận kinh tế và toàn cầu đối với biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 1.2. Biến đổi khí hậu – Góc nhìn kinh tế	2/1	20	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 2/Bài 4: Kinh tế học giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 2.1. Kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu	2/1	2, 7, 10, 16, 17, 20	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 2/Bài 5: Kinh tế học giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 2.2. Kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu	2/1	2, 7, 10, 16, 17, 20	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 6	Bài 6	- Chữa bài tập - Bài kiểm tra cá nhân	2/1		LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 3/Bài 7: Chính sách biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 3.1. Chính sách giảm nhẹ biến đổi khí hậu	2/1	2, 7, 10, 16, 17, 18	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 8	Chương 3/Bài 8: Chính sách biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 3.2. Chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu	2/1	2, 7, 10, 16, 17, 18	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 9	Chương 4/Bài 9: Các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 4.1. Mô hình hóa các tác động của biến đổi khí hậu 4.2. Lượng giá kinh tế các tác động biến đổi khí hậu	2/1	8, 28, 30	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 10	Chương 4/Bài 10: Các công cụ phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 4.3. Phân tích kinh tế đối với biến đổi khí hậu	2/1	8, 28, 30	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 11	Chương 5/Bài 11: Hành động quốc tế về biến đổi khí hậu	- Bài giảng và thảo luận 5.1. Tiến trình thương thảo quốc tế về biến đổi khí hậu 5.2. Giải pháp toàn cầu đối với biến đổi khí hậu	2/1	20, 18	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 12+13	Thực hành	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/6		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

10. GIÁO TRÌNH

Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu (2021), *Giáo trình Kinh tế học biến đổi khí hậu*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

11. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) ADB (2009), *The Economics of Climate Change in Southeast Asia*, A

Regional Review.

- 2) Anthony D. Owen and Nick Hanley (2004), *The Economics of Climate Change*, Routledge.
- 3) Bernd Hansjürgens and Ralf Antes (2008), *Economics and Management of Climate Change*, Springer.
- 4) Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), *Chương trình Mục tiêu Quốc gia Ứng phó với Biến đổi khí hậu - Triển khai thực hiện Nghị quyết số 60/2007/NQ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ*.
- 5) Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), *Kịch bản Biến đổi khí hậu và Nước biển dâng cho Việt Nam*, Hà Nội.
- 6) CIEM, DOE và UN University (2012), *Tác động của biến đổi khí hậu tới tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Thống kê.
- 7) Dieter Helm and Cameron Hepburn (2011), *The Economics and Politics of Climate Change*, Oxford University Press.
- 8) Đinh Đức Trường và Lê Hà Thanh (2012), *Lượng giá tài nguyên và môi trường: Từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Hà Nội.
- 9) Edwin Woerdman (2004), *The Institutional Economics of Market-based Climate Policy*, Development in Environmental Economics 7.
- 10) FitzRoy and Papyrakis (2010), *An Introduction to Climate Change Economics and Policy*, Earthscan.
- 11) IPCC (1990), *Climate Change: The IPCC Scientific Assessment*, The First Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change, Cambridge University Press, Cambridge.
- 12) IPCC (1996), *Climate Change 1995: The Science of Climate Change*, The Second Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change, Cambridge University Press, Cambridge.
- 13) IPCC (2001), *Climate Change 2001: The Scientific Basis*, The Third Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change, Cambridge University Press, Cambridge.
- 14) IPCC (2007), *Climate Change 2007: Synthesis Report. Summary for Policymakers*. An Assessment of the Intergovernmental Panel on Climate Change.
- 15) IPCC (2014), *Climate Change 2014: Synthesis Report. Summary for Policymakers*. An Assessment of the Intergovernmental Panel on Climate Change.
- 16) Jonathan M. Harris, et al (2015), *The Economics of Global Climate Change*, Global Development and Environment Institute, Tufts University. A GDAE

Teaching Module.

17) Lawrence H. Goulder and William A. Pizer (2006), *The Economics of Climate Change*, Discussion Paper, Resource for Future.

18) Ngân hàng Thế giới (2010), *Phát triển và Biến đổi khí hậu*, Báo cáo Phát triển Thế giới.

19) Rainer Walz and Joachim Schleich (2009), *The Economics of Climate Change Policies: Macroeconomic Effects, Structural Adjustment and Technological Change*, Physica – Verlag.

20) Stern, N (2006), *Stern Review: Economics of Climate Change*, Cambridge, UK, Cambridge University Press.

21) S.VijayaVenkataRaman và cộng sự (2012), A Review of Climate Change, Mitigation and Adaptation, *Renewable and Sustainable Energy Reviews 16 (2012)* 878-897.

22) Tobey, A (1992), Economic Issues in Global Climate Change, *Global Environmental Change*

23) Thủ tướng Chính phủ (2011), *Chiến lược Quốc gia về Biến đổi khí hậu*, Ban hành kèm theo Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

24) Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu (2012), *Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển*, Sách tham khảo, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.

25) Trần Thọ Đạt và Vũ Thị Hoài Thu (2017), *Kinh tế và Chính sách biến đổi khí hậu*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

26) UNDP (2009), *Việt Nam và Biến đổi khí hậu*. Báo cáo thảo luận các chính sách phát triển con người bền vững.

27) UNDP (2011), *Thách thức biến đổi khí hậu và Phát triển kinh tế ở Việt Nam*.

28) UNFCCC (2011c), *Assessing the Costs and Benefits of Adaptation Options: An Overview of Approaches*. United Nations Climate Change Secretariat, Bonn, Germany.

29) Walter Leal Filho (2011), *The Economic, Social and Political Elements of Climate Change*, Climate Change Management, Springer.

30) William Nordhaus (2013), *The Climate Casino: Risk, Uncertainty, and Economics for a Warming World*, Yale University Press, New Haven & London.

12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

12.1. Thang điểm đánh giá: 10

12.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá

TT	Điểm thành phần (%)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần 6 - Hệ số: 10%	x	x		
		3. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần 12,13			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2021

P.TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Vũ Thị Hoài Thu

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. THÔNG TIN CHUNG

Tiếng Việt: Quản lý nhà nước về đất đai 1

Tiếng Anh: Land Administration 1

- Mã học phần: TNDC1130
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (Kiến thức của chuyên ngành – bắt buộc)
- Số tín chỉ: 3
- Các học phần tiên quyết:

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH: Bộ môn Kinh tế và Quản lý Địa chính

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp nhưng kiến thức cơ bản của bộ máy quản lý nhà nước về đất đai, chức năng, vai trò và cơ sở quản lý nhà nước về đất đai. Khái quát chung về nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách: Bài giảng Quản lý Nhà nước về đất đai, chủ biên: TS. Phạm Lan Hương /NXB Đại học Kinh tế Quốc dân .

Tài liệu tham khảo:

GT Quy hoạch và quản lý đất đai Học viện tài chính, NXB Tài chính 2014

Handout phát vào các buổi học.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1 (Kiến thức)	Hiểu được nguyên tắc tổ chức, hoạt động và trình bày được hệ thống bộ máy Quản lý nhà nước về đất đai nói chung nắm được những vấn đề cơ bản về quản lý đất đai	KT4	2
G2 (Kỹ năng)	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về pháp luật để giải thích được một số tình huống trong quản lý và sử dụng đất đai.	KN3 KN5	3 3
G3 (Mức tự chủ và trách nhiệm)	Tự học hỏi phục vụ cho công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ, và chịu trách nhiệm về kết quả công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời.	NLTC2	4

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mục tiêu học phần	CDR (CLOx.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1 (Kiến thức)	CLO1.1	Nắm được kiến thức cơ bản về đặc tính của đất đai, khái niệm và vai trò, chức năng của quản lý nhà nước về đất đai	1
	CLO1.2	Giải thích được cơ sở quản lý nhà nước về đất đai theo những chế độ sở hữu khác nhau	2
	CLO1.3	Nhận diện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai và giải thích các nội dung đó	2
G2 (Kỹ năng)	CLO2.1	Có kỹ năng vận dụng các kiến thức pháp luật để giải thích một số tình huống trong quản lý nhà nước	3

Mục tiêu học phần	CĐR (CLO _{x.x})	Mô tả chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
	CLO2.2	Xác định được những yếu tố tác động quản lý nhà nước về đất đai	3
	CLO2.3	Có kỹ năng cập nhật các thông tin trên mạng internet và tìm hiểu kiến thức thông qua tạp chí khoa học bằng tiếng nước ngoài, kỹ năng làm việc theo nhóm	3
G3 (Mức tự chủ và trách nhiệm)	CLO3.1	Học tập tích cực, nghiên cứu tài liệu và các kiến thức liên quan đến môn học thông qua những nguồn tham khảo khác nhau	4
	CLO3.2	Có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ trong công việc; chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân	4
	CLO3.3.	Tích cực ứng dụng các kiến thức đã được học vào thực tế	5

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá	Thời điểm	CĐR học phần	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Đánh giá quá trình học		Từ tuần 1 đến tuần 12	CLO1.1, CLO2.2, CLO2.1, CLO3.1; CLO3.2	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ tham gia lớp học đầy đủ. - Mức độ chuẩn bị bài học từ nhà (đầy đủ, kỹ lưỡng) - Mức độ tham gia trả lời câu hỏi của giảng viên (số lần và chất lượng ý kiến trả lời) - Mức độ tham gia đặt câu hỏi với bài giảng của giảng viên (số lần và chất lượng câu hỏi) 	10%

Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra cá nhân kiểm tra kiến thức chủ đề từ tuần 1-6	Tuần 6	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.3, CLO3.1; CLO3.2	- Mức độ hoàn thành bài tập cá nhân (đúng thời gian, chất lượng bài tập gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần)	20%
Đánh giá giữa kỳ		Tuần 11, 12,	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO3.1; CLO3.2; CLO3.3	- Mức độ hoàn thành bài tập nhóm, thuyết trình (đúng hạn, chất lượng nội dung và thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên và lớp gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần).	20%
Đánh giá cuối kỳ			CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3, CLO3.1; CLO3.2; CLO3.3	- Mức độ hoàn thành bài thi tự luận cá nhân cuối kỳ (chất lượng bài thi gắn với mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm của chuẩn đầu ra học phần)	50%

*Học phần sử dụng phần mềm turnitin để đánh giá tính liêm chính trong học thuật.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
1	Khái niệm, đặc tính và vai trò của đất đai	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước tài liệu môn học; Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	Đánh giá quá trình, thái độ học tập, mức độ chủ động và tích cực trong học tập 10%;
2	Quản lý Nhà nước về đất đai	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1;	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 2 Dạy và học trên lớp:	

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
	Khái niệm, vai trò, và nội dung QLNN về đất đai	CLO3.2	Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
3	Chức năng, nguyên tắc, phương pháp QLNN về đất đai Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học	CLO1.1, CLO2.1, CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 3 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
4	Chương 2: cơ sở QLNN về đất đai Khái niệm và phân loại chế độ sở hữu, chế độ sử dụng đất	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 4 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
5	Chế độ sở hữu đất đai tại Việt Nam Một số quan điểm về chế độ sở hữu đất đai tại Việt nam Quá trình hình thành và phát triển chế độ sở hữu toàn dân về đất đai	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2, CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 5 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
6		CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1,	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 6 và hệ thống các tuần học	Bài kiểm tra cá nhân 20%

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
		CLO2.2 CLO3.1; CLO3.2	trước chuẩn bị cho kiểm tra giữa kỳ Dạy và học trên lớp: Bài kiểm tra cá nhân giữa kỳ	
7	Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở Việt Nam Khái niệm Chế độ sử dụng đất tại Việt Nam	CLO1.1, CLO1.2 CLO2.1, CLO2.2 CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 7 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
8	Tổ chức bộ máy QLNN về đất đai tại Việt Nam Cán bộ công chức, viên chức Quản lý đất đai	CLO1.1, CLO1.2 CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 8 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
9	Chương 3: chính sách và pháp luật đất đai Hệ thống chính sách đối với đất đai	CLO1.1, CLO1.2 CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 9 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
10	Hệ thống pháp luật đất đai và hệ thống chính sách, pháp luật đất đai tại Việt nam	CLO1.1, CLO1.2 CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 10 Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 3 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 1 tiết	
11	Thực hành thuyết trình nội dung	CLO1.1, CLO1.2 , CLO1.3	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 11 và chuẩn bị bài thuyết trình	Bài tập thuyết trình nhóm 20%

Tuần/ Buổi học	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
	QLNN về đất đai	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 CLO3.1; CLO3.2	nhóm Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 1 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 3 tiết	
12	Thực hành thuyết trình nội dung QLNN về đất đai	CLO1.1, CLO1.2 , CLO1.3 CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 CLO3.1; CLO3.2	Học ở nhà: Nghiên cứu trước chủ đề tuần 12 và chuẩn bị bài thuyết trình nhóm Dạy và học trên lớp: Thuyết giảng 1 tiết Thảo luận (thảo luận nhóm và thảo luận cả lớp): 3 tiết	
	Thi cuối kỳ	CLO1.1, CLO1.2 CLO1.3, CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3 CLO3.1; CLO3.2, CLO3.3	Kiểm tra 90 phút	Bài thi tự luận 50%

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

9.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên có trách nhiệm chủ động nghiên cứu tài liệu, chủ động chuẩn bị bài học trước khi đến lớp theo hướng dẫn và yêu cầu của giảng viên

- Sinh viên vắng quá 20% tổng số buổi học của học phần sẽ bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên nộp bài tập cá nhân và bài tập nhóm muộn so với thời gian quy định của giảng viên sẽ nhận điểm 0 của bài tập đó.

- Về trao đổi giữa giảng viên và sinh viên: Khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận, phản hồi trực tiếp với giảng viên về nội dung học phần, phương pháp dạy và học,

tài liệu giảng dạy và đọc. Giảng viên cũng khuyến khích sinh viên phản hồi về hình thức, phương pháp và nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Sinh viên có thể giao trao đổi với giảng viên trên lớp, trong giờ hành chính hoặc qua email. Những thông tin phản hồi của sinh viên có giá trị góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của học phần.

9.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên cần chủ động tham gia bài giảng trên lớp thông qua trao đổi với giảng viên (trả lời và đặt câu hỏi), thảo luận với sinh viên khác trên lớp, thảo luận nhóm và thuyết trình.

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC ..LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Môi trường kinh doanh nông nghiệp

Tiếng Anh: The Agribusiness Environment

Mã học phần: **TNKT.**

Tổng số tín chỉ: **03**

Số tiết lý thuyết: 20

Số tiết bài tập/thảo luận: 25

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY

Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp không hoạt động trong môi trường chân không mà hoạt động trong một môi trường kinh doanh năng động có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến cách thức hoạt động và việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh bao gồm nhiều yếu tố và lực lượng ở cấp độ vi mô và vĩ mô. Các yếu tố và lực lượng này tạo ra các thách thức và cơ hội cho các doanh nghiệp nông nghiệp. Các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp phải hiểu rõ các yếu tố và lực lượng trong môi trường kinh doanh đang thay đổi như thế nào và tác động như thế nào đến hoạt động của doanh nghiệp, từ đó cần xây dựng chiến lược và kế hoạch để kiểm soát các yếu tố và lực lượng này nhằm điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, thích ứng và phát triển trong một môi trường kinh doanh liên tục thay đổi ở cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu. **Học phần Môi trường Kinh doanh nông nghiệp** cung cấp các kiến thức về môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp độ vi mô và vĩ

mô. Học phân tập trung vào các nội dung chính như: xác định các yếu tố và phân tích ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường vi mô (khách hàng, nhà cung cấp, đối thủ cạnh tranh hiện tại, đối thủ cạnh tranh tiềm năng, sản phẩm thay thế) và môi trường vĩ mô (kinh tế, chính trị và luật pháp, công nghệ, văn hóa - xã hội, nhân khẩu học và môi trường tự nhiên) đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nông nghiệp. Các nội dung trên được trình bày trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, bao gồm thực tiễn ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu, trong đó có thực tiễn ở Việt Nam.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Trang bị cho người học phương pháp luận về các yếu tố trong môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp độ vi mô và vĩ mô và tác động của các yếu tố này đến hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp.

- Người học có kỹ năng vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề thực tiễn về môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu; đồng thời có kỹ năng phân tích các vấn đề về môi trường kinh doanh nông nghiệp trong thực tiễn.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mục tiêu của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhớ và hiểu được các yếu tố trong môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp vi mô và vĩ mô và tác động của các yếu tố này đến hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp.	1.2.2, 1.2.3	3/6, 3/6
G2	Chuẩn kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Sinh viên có kỹ năng vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề thực tiễn về môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu; đồng thời có kỹ năng phân tích các vấn đề về môi trường kinh doanh nông nghiệp trong thực tiễn.	2.2.1, 3.1.1	3/5, 3/5

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ năng lực (Bloom) Bloom	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
1	Chuẩn về kiến thức		
	LO1.1: Sinh viên nhớ và hiểu được các yếu tố trong môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp độ vi mô và vĩ mô và tác động của các yếu tố này đến hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp	2/6	1.2.2, 1.2.3
	LO1.2: Sinh viên có khả năng xây dựng các chiến lược và kế hoạch để kiểm soát các yếu tố và lực lượng trong môi trường kinh doanh nhằm điều chỉnh các hoạt động kinh doanh nông nghiệp thích ứng với sự thay đổi liên tục của môi trường kinh doanh.	3/6	1.2.3
2	Chuẩn về kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm		
	LO2.1: Sinh viên có kỹ năng vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề thực tiễn về môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu	3/5	2.2.1, 3.1.1
	LO2.2: Sinh viên có kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến môi trường kinh doanh nông nghiệp trong thực tiễn	3/5	2.2.1, 3.1.1

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học		Mục đích
Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	
Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
	Câu hỏi gợi mở	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Chiến lược	Bài tập nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp

dạy học tương tác/ hợp tác		sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung của môn học vào vấn đề thực tế.
	Thuyết trình	Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng cần thiết của môn học.
Chiến lược tự học	Nghiên cứu bài học và tài liệu	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân.
Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động	Thảo luận	Sinh viên sẽ được chia thành nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết tình huống; qua đó, giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. Đồng thời, sinh viên có thể được đi khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp nông nghiệp để gắn kết lý thuyết với thực tiễn.

8. NỘI DUNG HỌC PHẦN

BÀI MỞ ĐẦU: GIỚI THIỆU MÔN HỌC

1. Đối tượng nghiên cứu
2. Phương pháp nghiên cứu
3. Nhiệm vụ của môn học

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát Chương 1

Môi trường kinh doanh là tổng thể các yếu tố và lực lượng bên trong và bên ngoài tác động qua lại lẫn nhau, có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp nông nghiệp hoạt động trong một môi trường kinh doanh năng động, bao gồm nhiều yếu tố và lực lượng ở cấp độ vi mô và vĩ mô, có ảnh hưởng đến cách thức hoạt động và việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh thay đổi liên tục sẽ tạo ra các thách thức và mở ra các cơ hội cho doanh nghiệp. Điều này đòi các doanh nghiệp nông nghiệp cần xây dựng chiến lược và kế hoạch để kiểm soát các yếu tố và lực lượng đó nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh năng động.

Các nội dung chính của Chương 1

- 1.1. Khái niệm kinh doanh nông nghiệp
- 1.2. Đặc điểm của kinh doanh nông nghiệp
- 1.3. Môi trường kinh doanh nông nghiệp
 - 1.3.1. Tổng quan về môi trường kinh doanh
 - 1.3.2. Môi trường vi mô và môi trường vĩ mô trong kinh doanh nông nghiệp

1.3.3. Cơ hội và thách thức của các doanh nghiệp

1.4. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 1

CHƯƠNG 2: MÔI TRƯỜNG VI MÔ TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Tóm tắt nội dung chính của Chương 2

Các yếu tố và lực lượng ở môi trường kinh doanh cấp vi mô (bao gồm khách hàng, nhà cung cấp, đối thủ cạnh tranh hiện tại, đối thủ cạnh tranh tiềm năng, sản phẩm thay thế) có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nông nghiệp. Nhìn chung, các doanh nghiệp nông nghiệp có thể kiểm soát các yếu tố và lực lượng này, bởi vì họ có thể lựa chọn nhà cung cấp cũng như sản phẩm được bán trên thị trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp nông nghiệp phải liên tục nghiên cứu môi trường kinh doanh cấp vi mô và điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp để thành công trong kinh doanh.

Các nội dung chính của Chương 2

2.1. Xác định và phân tích tác động của các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh cấp vi mô đến hoạt động kinh doanh nông nghiệp

2.1.1. Khách hàng

2.1.2. Nhà cung cấp

2.1.3. Đối thủ cạnh tranh hiện tại

2.1.4. Đối thủ cạnh tranh tiềm năng

2.1.5. Sản phẩm thay thế

2.2. Xây dựng các chiến lược và kế hoạch nhằm kiểm soát các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh cấp vi mô trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp

2.3. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 2

CHƯƠNG 3: MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát về Chương 3

Ngoài môi trường vi mô, các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp phải đối mặt với các yếu tố và lực lượng ở môi trường kinh doanh cấp vĩ mô, bao gồm kinh tế, chính trị và luật pháp, công nghệ, văn hóa - xã hội, nhân khẩu học và môi trường tự nhiên. Môi trường vĩ mô xác định các cơ hội để các doanh nghiệp nông nghiệp khai thác nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của mình; đồng thời cũng tạo ra các mối đe dọa tiềm ẩn đối với doanh nghiệp, gây hạn chế trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh. Trước các tác động tích cực và tiêu cực từ môi trường kinh doanh cấp vĩ mô – vốn rất khó kiểm soát đối với doanh nghiệp, các doanh nghiệp cần xây dựng các chiến lược và kế hoạch nhằm kiểm soát các yếu tố này nhằm thích ứng hiệu quả trước sự thay đổi của môi trường kinh doanh.

Các nội dung chính của Chương 3

3.1. Xác định và phân tích tác động của các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh cấp vĩ mô đến hoạt động kinh doanh nông nghiệp

3.1.1. Môi trường kinh tế

3.1.2. Môi trường chính trị và luật pháp

3.1.3. Môi trường công nghệ

3.1.4. Môi trường văn hóa – xã hội

3.1.5. Môi trường nhân khẩu học

3.1.6. Môi trường tự nhiên

3.2. Xây dựng các chiến lược và kế hoạch nhằm kiểm soát các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh cấp vĩ mô đối với các hoạt động kinh doanh nông nghiệp

3.3. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 3

CHƯƠNG 4: MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP TOÀN CẦU

Giới thiệu khái quát về Chương 4

Các doanh nghiệp kinh doanh đều tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và do vậy cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố trong môi trường kinh doanh ở cấp độ toàn cầu. Sản phẩm nông nghiệp luôn nằm trong số các mặt hàng được giao dịch nhiều nhất trên phạm vi toàn cầu. Do đó, các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp cần hiểu được các yếu tố trong môi trường kinh doanh toàn cầu và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh của mình, từ đó xây dựng các chiến lược và kế hoạch nhằm kiểm soát các yếu tố của môi trường kinh doanh toàn cầu để nâng cao khả năng cạnh tranh và gia tăng giá trị sản phẩm trong chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu.

Các nội dung chính của Chương 4

4.1. Tổng quan về môi trường kinh doanh toàn cầu

4.2. Sự khác biệt của môi trường kinh doanh toàn cầu và môi trường kinh doanh trong nước đối với các hoạt động kinh doanh nông nghiệp

4.3. Sự cần thiết tham gia của các doanh nghiệp nông nghiệp vào chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu

4.4. Xây dựng các chiến lược và kế hoạch nhằm kiểm soát các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh toàn cầu đối với các hoạt động kinh doanh nông nghiệp

4.5. Các chủ đề thảo luận nhóm Chương 4

CHƯƠNG 5: MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Giới thiệu khái quát về Chương 5

Việt Nam là quốc gia có điều kiện khí hậu và tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Nông nghiệp được coi là trụ đỡ của nền kinh tế mặc dù tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP của nền kinh tế có xu hướng giảm dần theo thời gian.

Việt Nam hiện nay vẫn chưa nằm trong nhóm các quốc gia đứng đầu về nông nghiệp. Cải cách môi trường kinh doanh nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam.

Các nội dung chính của Chương 5

5.1. Tổng quan về các hoạt động kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam

5.2. Đánh giá môi trường kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam

5.3. Cải cách môi trường kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam

5.4. Các chủ đề thảo luận nhóm Chương 5

9. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Bài 1: - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Tổng quan về môi trường kinh doanh nông nghiệp	- Hoạt động làm quen - Thành lập nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận Bài mở đầu: Giới thiệu môn học 1.1. Khái niệm kinh doanh nông nghiệp 1.2. Đặc điểm của kinh doanh nông nghiệp	2/1		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	- Chương 1/Bài 2: Tổng quan về môi trường kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 1.3. Môi trường kinh doanh nông nghiệp 1.4. Các chủ đề thảo luận nhóm Chương 1	2/1		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	- Chương 2/Bài 3: Môi trường vi mô trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 2.1. Xác định và phân tích tác động của các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh vi mô đến hoạt động kinh doanh nông nghiệp	2/1		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 2/Bài 4: Môi trường vi mô trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 2.2. Xây dựng các chiến lược và kế hoạch nhằm kiểm soát các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh cấp vi mô trong các hoạt động kinh doanh nông nghiệp	2/1		LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 5	Chương 2/Bài 5: Môi trường vi mô trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 2.3. Các chủ đề thảo luận nhóm Chương 2	0/3		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 6	Bài 6	- Chữa bài tập - Bài kiểm tra cá nhân	2/1		LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 3/Bài 7: Môi trường vĩ mô trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 3.1. Xác định và phân tích tác động của các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh vĩ mô đến hoạt động kinh doanh nông nghiệp	2/1		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 8	Chương 3/Bài 8: Môi trường vĩ mô trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 3.2. Xây dựng các chiến lược và kế hoạch nhằm kiểm soát các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh cấp vĩ mô đối với các hoạt động kinh doanh nông nghiệp	2/1		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 9	Chương 3/Bài 9: Môi trường vĩ mô trong kinh doanh nông nghiệp	3.3. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 3	0/3		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 10	Chương 4/Bài 10: Môi trường kinh doanh nông nghiệp toàn cầu	- Bài giảng và thảo luận 4.1. Tổng quan về môi trường kinh doanh toàn cầu 4.2. Sự khác biệt của môi trường kinh doanh toàn cầu và môi trường kinh doanh trong nước đối với các hoạt động kinh doanh nông nghiệp 4.3. Sự cần thiết tham gia của các doanh nghiệp nông nghiệp vào chuỗi giá trị nông nghiệp toàn cầu	2/1		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 11	Chương 4/Bài 11: Môi trường kinh	- Bài giảng và thảo luận 4.4. Xây dựng các chiến	2/1		LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	doanh nông nghiệp toàn cầu	lược và kế hoạch nhằm kiểm soát các yếu tố thuộc môi trường kinh doanh toàn cầu đối với các hoạt động kinh doanh nông nghiệp 4.5. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 4			
Tuần 12	Chương 5/Bài 12: Môi trường kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam	- Bài giảng và thảo luận 5.1. Tổng quan về các hoạt động kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam 5.2. Đánh giá môi trường kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam 5.3. Cải cách môi trường kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam	2/1		LO.1.1 LO.1.2
Tuần 13	Chương 5/Bài 13: Môi trường kinh doanh nông nghiệp tại Việt Nam	5.4. Các chủ đề thảo luận nhóm Chương 5 - Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/3		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

10. GIÁO TRÌNH/BÀI GIẢNG

Bài giảng “Môi trường Kinh doanh nông nghiệp”, Bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

11. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Freddie L. Barnard và cộng sự (2016), *Agribusiness Management*.
2. Girdhari Lal Meena và cộng sự (2017), *Fundamentals of Agribusiness Management*.
3. IIMM (2019), *Business Environment*.
4. Shoji Lal Bairwa và cộng sự (2018), *Agribusiness Management: Theory and Practices*.
5. TNAU (2017), *Fundamentals of Agribusiness Management*.
6. USAID (2016), *Agribusiness Management Handbook*.

12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

12.1. Thang điểm đánh giá: 10

12.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá

TT	Điểm thành phần (%)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (50%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần 6 - Hệ số: 20%	x	x		
		3. Bài tập lớn - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần 12,13 - Hệ số: 20%			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC..... LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Giao dịch và đàm phán kinh doanh

Tiếng Anh: Business communication and negotiation

Mã học phần: TMKT1116

Tổng số tín chỉ: 03

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN:

Họ và tên: **GS.TS. Hoàng Đức Thân (A)**

Văn phòng: Phòng 908, Tầng 9, Tòa nhà A1, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Điện thoại: 0903297981

Email: hoangducthan@gmail.com, hoangducthan@neu.edu.vn

Các giảng viên tham gia

1. PGS.TS. Phan Tố Uyên – Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh thương mại
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương – Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh thương mại
3. TS. Đinh Lê Hải Hà – Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh thương mại
4. PGS.TS. Nguyễn Xuân Quang – Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh thương mại
5. Th.S. Lê Thủy Dương – Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh thương mại
6. Th.S. Ngô Thị Mỹ Hạnh – Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh thương mại

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Sinh viên bắt buộc hoàn thành học phần Kinh tế học vi mô 1, Quản trị kinh doanh 1 trước khi đăng ký môn học Giao dịch và đàm phán kinh doanh.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần “Giao dịch và đàm phán kinh doanh” bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản về giao dịch kinh doanh; về yếu tố tâm lý, văn hóa trong giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đồng thời học phần cũng trang bị kiến thức về kỹ năng đàm phán

kinh doanh thành công; về nội dung tổ chức đàm phán kinh doanh: từ hoạt động chuẩn bị đàm phán, tiến hành đàm phán và ra quyết định kết thúc đàm phán; về cơ sở pháp lý của giao dịch và đàm phán kinh doanh. Đây là những kiến thức cơ bản giúp cho các doanh nghiệp thành công trong hoạt động kinh doanh của mình.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Trang bị các kiến thức về nghiệp vụ và kỹ năng giao dịch và đàm phán kinh doanh cho sinh viên. Cụ thể như sau :

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên vận dụng được kỹ thuật giao dịch và giải thích được tâm lý trong giao dịch và đàm phán kinh doanh, từ đó tổ chức hoạt động giao dịch và đàm phán kinh doanh	CDR 1.6	III
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng tổng hợp kinh nghiệm và kiến thức để vận dụng giải quyết các tình huống giao dịch và đàm phán kinh doanh trong thực tế.	CDR 2.2	III
G3	Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên hình thành năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ	CDR 3.1	III

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1	Sinh viên giải thích các yếu tố tác động và các kỹ thuật đàm phán kinh doanh	CDR 1.6 III
	LO.1.2	Sinh viên tổ chức được hoạt động giao dịch và đàm phán kinh doanh	CDR 1.6 III

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)	
[1]	[2]	[3]	[4]	
LO.2	Chuẩn kỹ năng			
G2	LO.2.1	Sinh viên vận dụng những kiến thức được học để phân tích nguyên nhân thành công hoặc thất bại của một cuộc giao dịch kinh doanh hoặc đàm phán kinh doanh.	CDR 2.2	III
	LO.2.2	Sinh viên vận dụng những kiến thức được học để tổ chức một cuộc giao dịch và đàm phán kinh doanh trong công việc; hoặc giải quyết được các tình huống giao dịch đàm phán kinh doanh diễn ra trong thực tế.	CDR 2.2	III
	Chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm			
G3	LO.3.1	Sinh viên hình thành năng lực tự nghiên cứu, học tập, tích lũy và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ	CDR 3.1	III

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG MÔN HỌC

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Môn học giao dịch và đàm phán kinh doanh thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn. Trong chương này sẽ trình bày đối tượng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học. Người nghiên cứu phải nắm chắc những vấn đề này làm sợi chỉ đỏ cho toàn bộ quá trình học những chương sau.

1.1 Đối tượng và nhiệm vụ môn học

1.2 Nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học

CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA GIAO DỊCH KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Những vấn đề chủ yếu của chương: Giao dịch là tất yếu trong cuộc sống của chúng ta. Giao dịch kinh doanh vừa mang bản chất chung của xã giao vừa có những đặc thù. Nghiên cứu những học thuyết cơ bản trong giao dịch giúp chúng ta có cơ sở lý thuyết để thực hiện các hành vi trong giao dịch kinh doanh. Những phẩm chất cần có của nhà kinh doanh và những tiêu chí cho

mỗi người phần đầu.

2.1 Khái niệm chung về giao dịch kinh doanh

2.2 Một số học thuyết trong giao dịch

2.3 Một số phẩm chất cần có của nhà kinh doanh

CHƯƠNG 3: NHỮNG NGUYÊN LÝ CỦA GIAO DỊCH KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Trong chương này trình bày những vấn đề lý thuyết chung của giao dịch kinh doanh. Những yêu cầu và tiêu chí xác lập mục tiêu của một cuộc giao dịch kinh doanh đúng đắn. Những hình thức giao dịch kinh doanh. Nghiên cứu những thuật cơ bản của giao dịch. Trình bày những nguyên lý và kỹ năng để trở thành nhà giao dịch giỏi

3.1 Mục tiêu và các hình thức giao dịch kinh doanh

3.2 Một số thuật cơ bản của giao dịch

3.3 Các yếu tố của năng lực giao dịch

CHƯƠNG 4 +5: TÂM LÝ VÀ VĂN HÓA TRONG GIAO DỊCH ĐÀM PHÁN KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Chủ thể giao dịch, đàm phán là con người. Mỗi người là một xã hội thu nhỏ, nhưng có những đặc điểm chung về tâm lý. Chương này sẽ giới thiệu những đặc điểm tâm lý cá nhân cần được quan tâm khi giao tiếp. Phân chia dưới giác độ chung nhất, theo khía cạnh tính cách, những kiểu người thường gặp trong giao dịch đàm phán. Trong điều kiện nước ta tiến hành mở cửa, hội nhập khu vực và thế giới, chương này giới thiệu khái quát những lưu ý khi giao dịch với một số người nước ngoài mà chúng ta có nhiều quan hệ.

Văn hoá là khái niệm rất phức tạp và được nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong chương này nghiên cứu văn hoá như nền tảng chủ đạo của chủ thể giao dịch đàm phán và văn hoá trong giao dịch đàm phán. Trình bày ảnh hưởng của văn hoá đối với hành vi của con người khi giao dịch đàm phán. Qua đó cho thấy chủ thể mang bản sắc văn hoá nào sẽ có hành vi ứng xử tương ứng. Trong chương cũng trình bày vận dụng sự khác biệt về văn hoá trong giao, dịch đàm phán.

4.1. Tâm lý học giao dịch đàm phán

4.2. Những kiểu người thường gặp trong giao dịch, đàm phán

4.3 . Giao tiếp và đàm phán với người nước ngoài

4.4. Khái niệm văn hoá và các thành phần của văn hoá

4.5. Nhận diện sự thay đổi của văn hoá trong giao dịch, đàm phán

4.6. Ảnh hưởng của văn hoá đối với hành vi giao dịch, đàm phán kinh doanh

CHƯƠNG 6: NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN VỀ ĐÀM PHÁN KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Thế giới là một bàn đàm phán khổng lồ, ở đó mỗi con người chúng ta là một thành viên. Chương này nghiên cứu bản chất của đàm phán kinh doanh. Các cuộc đàm phán đều bao gồm ba yếu tố chủ yếu là bối cảnh, thời gian và quyền lực. Những người đàm phán có vị thế khác nhau nên cần sử dụng các phong cách thích hợp nhằm đạt được mục tiêu cao nhất của mình. Đàm phán để giải quyết mâu thuẫn và bảo đảm lợi ích hài hoà giữa các bên, chương này giới thiệu những nghệ thuật bảo đảm thành công trong đàm phán và thiết lập các mối quan hệ lâu dài.

- 6.1 Đặc điểm của đàm phán kinh doanh
- 6.2 Các yếu tố trong đàm phán kinh doanh
- 6.3 Các phong cách đàm phán kinh doanh
- 6.4 Nghệ thuật bảo đảm thành công trong đàm phán

CHƯƠNG 7: NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC VÀ CÁC CHIẾN LƯỢC TRONG ĐÀM PHÁN KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Đối tượng đàm phán kinh doanh là hàng hoá và dịch vụ mà các bên sẽ mua bán với nhau. Chương này trình bày những nội dung chủ yếu của đàm phán kinh doanh; các phương thức đàm phán kinh doanh. Đàm phán là một nghệ thuật, những người đàm phán cần có chiến lược và chiến thuật cho từng cuộc đàm phán cụ thể. Những chiến lược, chiến thuật phải được vận dụng linh hoạt để đi đến một thoả thuận hợp lý, các bên đều chấp nhận được.

- 7.1 Nội dung đàm phán kinh doanh
- 7.2 Các phương thức đàm phán kinh doanh
- 7.3 Chiến lược đàm phán kinh doanh

CHƯƠNG 8: HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ ĐÀM PHÁN KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Đàm phán là một quá trình được bắt đầu bằng hoạt động chuẩn bị cho cuộc đàm phán. Trong chương này trình bày những nội dung công tác chuẩn bị và kiến thức nghiệp vụ chuẩn bị đàm phán kinh doanh. Những người có sự chuẩn bị chu đáo cho cuộc đàm phán sẽ chủ động và thường giành lợi thế. Tùy thuộc vào tính chất, tầm quan trọng mà chuẩn bị một kế hoạch đàm phán thích hợp. Những kỹ thuật chi tiết xây dựng một kế hoạch đàm phán được trình bày trong chương sẽ hình thành kỹ năng cho người học.

- 8.1 Nghiên cứu chuẩn bị đàm phán kinh doanh
- 8.2 Xây dựng kế hoạch đàm phán kinh doanh
- 8.3 Kiểm tra và tập dượt các phương án đàm phán kinh doanh

CHƯƠNG 9: TỔ CHỨC ĐÀM PHÁN KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Sau giai đoạn chuẩn bị, các bên sẽ tiến hành đàm phán. Người đàm phán phải nắm chắc tiến trình và các nguyên tắc chỉ đạo tiến hành đàm phán. Trong tổ chức đàm phán thì sự mở đầu có ý nghĩa rất quan trọng cho sự hợp tác hay đối đầu. Những kiến thức mở đầu đàm phán sẽ cung cấp cho người học kỹ năng cần thiết để tạo dựng bầu không khí tin cậy và hợp tác trong đàm phán. Chương này cũng trình bày vấn đề trọng tâm của các cuộc đàm phán là thông tin và truyền đạt thông tin. Các kỹ thuật truyền đạt thông tin được nghiên cứu rất cụ thể.

9.1 Tiến trình và những nguyên tắc cơ bản tổ chức đàm phán kinh doanh

9.2 Nghệ thuật mở đầu đàm phán

9.3 Truyền đạt thông tin trong đàm phán

CHƯƠNG 10: QUÁ TRÌNH RA QUYẾT ĐỊNH TRONG ĐÀM PHÁN KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Giai đoạn cuối cùng của đàm phán là các các bên tham gia phải đi tới quyết định. Vấn đề cốt lõi là những người đàm phán phải thấy được lợi ích của mình và của đối tác trong quá trình đàm phán. Để đi đến các quyết định cuối cùng các bên đàm phán phải tiến hành tranh luận với nhau, chương này trình bày các kỹ thuật tranh luận, lập luận. Một nội dung quan trọng khác của chương là các kỹ năng thúc đẩy quá trình ra quyết định và kết thúc đàm phán.

10.1 Vấn đề lợi ích và phương pháp lập luận ra quyết định trong đàm phán

10.2 Chiến thuật trong lập luận

10.3 Ra quyết định và kết thúc đàm phán kinh doanh

CHƯƠNG 11: CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA GIAO DỊCH VÀ ĐÀM PHÁN KINH DOANH

Giới thiệu khái quát nội dung chương: Kinh doanh trong nền kinh tế quốc dân đòi hỏi phải nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Mọi thỏa thuận đàm phán phải được thể hiện đúng tính chất pháp lý dù thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Nội dung của chương này đề cập đến vấn đề pháp luật trong kinh doanh; những vấn đề cơ bản về hợp đồng kinh tế và hợp đồng mua bán hàng hóa khi kết thúc giao dịch đàm phán; nghiên cứu kỹ thuật bút pháp trong soạn thảo hợp đồng kinh tế.

11.1 Tầm quan trọng của pháp luật trong hoạt động kinh doanh

11.2 Nội dung cơ bản của hợp đồng trong giao dịch, đàm phán kinh doanh thương mại

11.3 Kỹ thuật bút pháp trong soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại

8. GIÁO TRÌNH

8.1. Hoàng Đức Thân (2019), *Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Herb Cohen (2011), *Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì*, Nguyễn Vũ Thành và Minh Khôi dịch, Alphabooks và NXB Lao động – Xã hội.

2. Roger Fisher và William Ury, *Để đạt được thỏa thuận (Getting to Yes)*, Phú Thành dịch, NXB TP. Hồ Chí Minh.

3. Business edge (2006), *Giao tiếp trong quản lý - Để tránh những lỗi giao tiếp hàng ngày*, NXB Trẻ.

4. Business edge (2006), *Đàm phán trong kinh doanh - Cạnh tranh hay hợp tác*, NXB Trẻ.

5. Chu Văn Đức (2005), *Giáo trình Kỹ năng giao tiếp*, NXB Hà Nội.

6. Nguyễn Ngọc Nam, Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Hồng Ngọc (2009), *Nghệ thuật ứng xử*, NXB Thanh niên

7. Vũ Thị Phượng, Dương Quang Huy (2006), *Giao tiếp trong kinh doanh*, NXB Tài chính

8. Cẩm nang kinh doanh HARVARD (2006), *Giao tiếp thương mại*, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

9. Cẩm nang kinh doanh HARVARD (2006), *Kỹ năng thương lượng*, NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

10. Lam Triều (2004), *Làm thế nào để đàm phán thành công*, NXB Phụ nữ.

✓ Các tài liệu online:

▪ Sách eBooks và các tài liệu tại thư viện Trường Đại học Kinh tế quốc dân ở <http://lic.neu.edu.vn:2048/menu>: Emerald Insight, IG Publishing eBook and ProQuest Central

▪ Sách eBooks và các tài liệu tại thư viện Trường Đại học Kinh tế quốc dân ở <http://aep.neu.edu.vn:2048/menu>

10. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC CỦA HỌC PHẦN

10.1. Phương pháp & phương tiện giảng dạy

- Phương pháp giảng dạy: Kết hợp giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại với phương châm “lấy người học làm trung tâm”. Giảng viên sẽ đóng vai trò giới thiệu kiến thức và hướng dẫn sinh viên trao đổi và tranh luận thông qua nghiên cứu tình huống kinh doanh thực tế của các doanh nghiệp. Bài giảng được thiết kế đan xen các hoạt động bao gồm: Bài giảng, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, trắc nghiệm.

- Phương tiện giảng dạy: Máy tính, máy chiếu, bảng, giấy.

10.2. Phương pháp học:

Sinh viên bắt buộc tham gia các giờ giảng, giờ thảo luận, giờ thực hành trên lớp; kết hợp với thực hiện việc tự học như sau:

- Sinh phải chủ động tìm kiếm và đọc các tài liệu tham khảo giảng viên giao trước mỗi bài giảng.

- Sinh viên phải hoàn thành bài tập cá nhân và bài tập nhóm được giảng viên giao theo lịch trình giảng dạy.

- Sinh viên được khuyến khích nghiên cứu thêm các chủ đề và vấn đề liên quan tới môn học, và thảo luận với giảng viên về các vấn đề đó.

11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

11.1. Thang điểm đánh giá: 10

11.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần				
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2	LO.3.1
1	Điểm quá trình (50%)	15. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gia tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%					X
		16. Bài kiểm tra số 1 - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 4,5 - Hệ số: 20%	X	X			X
		17. Bài kiểm tra số 2 - Hình thức: Bài tập nhóm, viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 9 hoặc 10 - Hệ số: 20%			X	X	X
2	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	X	X	X	X	X

12. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	- Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Đối tượng và nội dung môn học	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Giới thiệu về nội dung môn học	3/0	8.1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	Chương 2 Những vấn đề cơ bản của giao dịch kinh doanh	- Giảng lý thuyết: + Khái niệm giao dịch KD + Phân tích bản chất GDKD + Giới thiệu một số học thuyết cơ bản trong GD + Những phẩm chất cơ bản của nhà kinh doanh - Thực hành + Xem và phân tích các clip về hoạt động GDKD trong thực tiễn + Thảo luận về nội dung bài	2/1	8.1 9.3 9.5 9.6 9.8	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	Chương 3: Những nguyên lý của giao dịch kinh doanh	- Giảng lý thuyết + Mục tiêu và các hình thức giao dịch kinh doanh + Một số thuật cơ bản của giao dịch + Các yếu tố của năng lực giao dịch - Thực hành: Xem video và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.5 9.6 9.8	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 4: Tâm lý trong giao dịch đàm phán kinh doanh	- Giảng lý thuyết + Tâm lý học giao dịch đàm phán + Những kiểu người thường gặp trong giao dịch, đàm phán	2/1	8.1 9.5 9.6 9.8	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
		+ Giao tiếp và đàm phán với người nước ngoài - Thực hành: + Thảo luận + Thuyết trình			
Tuần 5	Chương 5: Văn hoá trong giao dịch đàm phán kinh doanh	- Giảng lý thuyết + Khái niệm văn hoá và các thành phần của văn hoá + Nhận diện sự thay đổi của văn hoá trong giao dịch, đàm phán + Ảnh hưởng của văn hoá đối với hành vi giao dịch, đàm phán kinh doanh - Thực hành: + Thảo luận + Thuyết trình	2/1	8.1 9.5 9.6 9.8	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 6 Những nguyên lý cơ bản về đàm phán kinh doanh	- Giảng lý thuyết + Đặc điểm của đàm phán kinh doanh + Các yếu tố trong đàm phán kinh doanh + Các phong cách đàm phán kinh doanh + Nghệ thuật bảo đảm thành công trong đàm phán - Thực hành: + Xem clip + Bài tập tình huống + Thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.4 9.9 9.10	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 7 Nội dung, phương thức và	- Giảng lý thuyết + Nội dung đàm phán kinh doanh + Các phương thức đàm phán	3/0	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	các chiến lược trong đàm phán kinh doanh	kinh doanh + Chiến lược đàm phán kinh doanh		9.9 9.10	LO.2.1 LO.2.2
Tuần 8	Chương 8 Hoạt động chuẩn bị đàm phán kinh doanh	- Giảng lý thuyết + Nghiên cứu chuẩn bị đàm phán kinh doanh + Xây dựng kế hoạch đàm phán kinh doanh + Kiểm tra và tập duyệt các phương án đàm phán kinh doanh	3/0	8.1 9.1 9.4 9.9 9.10	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 9	Chương 9 Tổ chức đàm phán kinh doanh	- Giảng lý thuyết + Tiến trình và những nguyên tắc cơ bản tổ chức đàm phán kinh doanh + Nghệ thuật mở đầu đàm phán + Truyền đạt thông tin trong đàm phán - Thực hành: + Bài tập tình huống + Thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.4 9.9 9.10	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 10	Chương 10 Quá trình ra quyết định trong đàm phán kinh doanh	- Giảng lý thuyết + Vấn đề lợi ích và phương pháp lập luận ra quyết định trong đàm phán + Chiến thuật trong lập luận + Ra quyết định và kết thúc đàm phán kinh doanh - Kiểm tra 1 tiết	3/0	8.1 9.1 9.4 9.9 9.10	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 11	Chương 11 Cơ sở pháp lý của giao dịch và	- Giảng lý thuyết + Tầm quan trọng của pháp luật trong hoạt động kinh doanh	2/1	8.1	LO.2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	đàm phán kinh doanh	+ Nội dung cơ bản của hợp đồng trong giao dịch , đàm phán kinh doanh thương mại + Kỹ thuật bút pháp trong soạn thảo hợp đồng trong kinh doanh thương mại - Thực hành + Thảo luận			
Tuần 12+13	Tổng kết môn học	- Đánh giá bài tập nhóm, bài kiểm tra cá nhân - Hệ thống nội dung kiến thức môn học	2/2,5		LO.3.1
		Tổng số	37.5		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Hương

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Kế hoạch kinh doanh

Tiếng Anh: Business Planning

Mã học phần: PTKT1109 Tổng số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế phát triển

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Quản trị chiến lược

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Kế hoạch kinh doanh nằm trong hệ thống các môn học chuyên ngành của chuyên ngành Kế hoạch. Môn học này nghiên cứu những vấn đề lý thuyết tổng quan về công tác kế hoạch trong doanh nghiệp, nghiên cứu các qui trình, phương pháp lập các kế hoạch trong doanh nghiệp, đồng thời hệ thống hóa các vấn đề nghiệp vụ trong lập kế hoạch của doanh nghiệp. Nội dung học phần được kết cấu thành các phần chính như sau:

Phần những vấn đề lý luận cơ bản về kế hoạch hóa trong doanh nghiệp (chương 1) trình bày về sự cần thiết của kế hoạch trong kinh doanh, các nguyên tắc của lập kế hoạch trong doanh nghiệp, qui trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch trong doanh nghiệp.

Phần các kế hoạch kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp (từ chương 2 đến chương 5) trình bày cụ thể về qui trình, nội dung và phương pháp lập các kế hoạch tác nghiệp cho các chức năng cơ bản trong doanh nghiệp, trong đó bao gồm kế hoạch marketing, sản xuất, nhân sự và tài chính. Các ví dụ và bài tập cũng được giới thiệu trong nội dung này để sinh viên làm quen với các nghiệp vụ thực tế.

Phần những vấn đề cơ bản về tổ chức thực hiện kế hoạch (chương 6) chủ yếu giới thiệu một số vấn đề quản lý liên quan đến việc triển khai thực hiện kế hoạch, bao gồm vấn đề về tổ chức, kiểm soát, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Khẳng định sự cần thiết của công tác kế hoạch hoá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Trang bị cho người học những nhiệm vụ cơ bản của công tác lập kế hoạch kinh doanh, từ giai đoạn nắm bắt nhu cầu, xác định khả năng, dự trù ngân sách đến xây dựng một hệ thống các kế hoạch hoàn chỉnh.

Giúp cho người học nắm bắt được các phương pháp lập kế hoạch và nhuần nhuyễn các nghiệp vụ lập kế hoạch kinh doanh, đồng thời vận dụng các lý luận và kiến thức thực tế để xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Trong đó</i>		<i>Ghi chú</i>
			<i>Lý thuyết</i>	<i>Bài tập, thảo luận, kiểm tra</i>	
1	Chương I – Kế hoạch hoá trong hoạt động của doanh nghiệp	6	4	2	
2	Chương II – Kế hoạch Marketing	9	6	3	
3	Chương III – Kế hoạch sản xuất và dự trữ	9	6	3	
4	Chương IV – Kế hoạch nhân sự	6	4	2	
5	Chương V – Kế hoạch tài chính và ngân sách	9	6	3	
6	Chương VI – Tổ chức thực hiện kế hoạch	6	4	2	
	Cộng	45	30	15	

CHƯƠNG I – KẾ HOẠCH HOÁ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản nhất của kế hoạch hóa trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó lập luận về sự cần thiết của kế hoạch hóa đối với mỗi tổ chức sản xuất kinh doanh, nguyên tắc, qui trình lập kế hoạch trong doanh nghiệp. Chương này cũng giới thiệu tổng quan về hệ thống các kế hoạch trong doanh nghiệp và mối quan hệ giữa chúng.

1.1. Khái quát về hoạt động kinh doanh.

1.1.1. Khái niệm hoạt động kinh doanh.

1.1.2. Các loại hình hoạt động kinh doanh.

1.1.3. Nhiệm vụ của hoạt động kinh doanh

1.2. Sự cần thiết của kế hoạch trong kinh doanh.

1.2.1. Các cách tiếp cận kế hoạch hoá trong doanh nghiệp.

1.2.2. Kế hoạch kinh doanh trong lịch sử khoa học quản lý.

1.2.3. Sự cần thiết của kế hoạch kinh doanh trong điều kiện hiện nay.

1.3. Hệ thống các kế hoạch trong doanh nghiệp.

1.3.1. Quy trình kế hoạch hoá trong doanh nghiệp.

1.3.2. Mối quan hệ giữa các kế hoạch trong doanh nghiệp. Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bùi Đức Tuân (chủ biên) (2005), *Giáo trình Kế hoạch Kinh doanh*; NXB Lao động và Xã hội: Chương 1.

2. Ngô Thắng Lợi (chủ biên) (2009), *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội*, NXB Lao động và Xã hội, Tham khảo chương 1.

CHƯƠNG II – KẾ HOẠCH MARKETING

Nội dung của chương này bắt đầu bằng việc giới thiệu về chức năng marketing và vai trò của kế hoạch trong công tác marketing của một doanh nghiệp. Tiếp theo đó, nội dung chính của chương sẽ tập trung vào việc trình bày về các bước xây dựng một kế hoạch marketing, các phương pháp dự báo bán hàng, xây dựng các mục tiêu marketing cũng như nội dung của các kế hoạch marketing, bao gồm kế hoạch bán hàng, phân phối và các kế hoạch marketing phụ trợ khác.

2.1. Vai trò của marketing trong hoạt động của doanh nghiệp

2.1.1. Chức năng marketing trong hoạt động của doanh nghiệp

- 2.1.2. Nội dung các hoạt động marketing
- 2.1.3. Vai trò của các kế hoạch marketing
- 2.2. Dự báo nhu cầu và khối lượng hàng bán
 - 2.2.1. Dự báo nhu cầu sản phẩm trên thị trường
 - 2.2.2. Dự báo bán hàng
- 2.3. Các kế hoạch marketing
 - 2.3.1. Kế hoạch bán hàng
 - 2.3.2. Kế hoạch phân phối
 - 2.3.3. Các kế hoạch marketing phụ trợ Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bùi Đức Tuân (chủ biên) (2005), *Giáo trình Kế hoạch Kinh doanh*; NXB Lao động và Xã hội: Chương 2.

2. C. Michon & Lê Thị Đông Mai (2000), *Marketing căn bản*, NXB Thanh niên, Tham khảo các chương 1, 4 và 5.

CHƯƠNG III – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ DỰ TRỮ

Chương 3 trước tiên giới thiệu khái quát về chức năng sản xuất, qua đó giúp người học hiểu rõ được vai trò và những đặc trưng của hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp. Nội dung chính của chương tập trung giới thiệu về qui trình, phương pháp lập và nội dung của các kế hoạch sản xuất trong doanh nghiệp. Qui trình, nội dung và phương pháp xây dựng kế hoạch cung ứng và dự trữ trong doanh nghiệp cũng là một phần quan trọng của chương và được trình bày ở phần cuối của chương này.

- 3.1. Khái quát về hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp
 - 3.1.1. Vai trò của hoạt động sản xuất trong hoạt động kinh doanh
 - 3.1.2. Các loại hình sản xuất
 - 3.1.3. Vai trò của kế hoạch trong hoạt động sản xuất
 - 3.1.4. Quy trình lập kế hoạch sản xuất
- 3.2. Các kế hoạch sản xuất.
 - 3.2.1. Kế hoạch năng lực sản xuất
 - 3.2.2. Kế hoạch sản xuất tổng thể
 - 3.2.3. Kế hoạch chỉ đạo sản xuất
 - 3.2.4. Kế hoạch các nhu cầu sản xuất
 - 3.2.5. Kế hoạch tiến độ sản xuất

3.3. Kế hoạch dự trữ và cung ứng

3.3.1. Kế hoạch dự trữ sản phẩm

3.3.2. Kế hoạch dự trữ và cung ứng nguyên vật liệu Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bùi Đức Tuân (chủ biên) (2005), *Giáo trình Kế hoạch Kinh doanh*; NXB Lao động và Xã hội: Chương 3.

2. Nguyễn Văn Nghién & Gérard Chevalier (2005), *Quản lý sản xuất*, NXB Thống kê. Tham khảo các chương 3, 4 và 4.

CHƯƠNG IV- KẾ HOẠCH NHÂN SỰ

Phần đầu chương này giới thiệu khái quát về chức năng quản lý nhân sự trong doanh nghiệp cũng như vai trò của kế hoạch hóa trong quản lý nhân sự. Nội dung cơ bản của chương trình bày qui trình lập kế hoạch nhân sự, các phương pháp kỹ thuật xác định nhu cầu nhân sự cũng như đánh giá nguồn cung nhân sự trong doanh nghiệp. Nội dung các kế hoạch về nhân sự, trong đó bao gồm kế hoạch tuyển dụng, đề bạt và các kế hoạch hành động về nhân sự được trình bày ở phần sau của chương.

4.1. Khái quát về chức năng quản lý nhân sự trong doanh nghiệp

4.1.1. Các nội dung của quản lý nhân sự

4.1.2. Vai trò của kế hoạch nhân sự trong hoạt động của doanh nghiệp

4.2. Dự báo nhu cầu về nhân sự trong doanh nghiệp

4.2.1. Các nguyên nhân tạo nhu cầu nhân sự

4.2.2. Các phương pháp dự báo nhu cầu về nhân sự

4.3. Nguồn cung nhân sự cho doanh nghiệp

4.3.1. Đánh giá nguồn cung nội bộ về nhân sự

4.3.2. Đánh giá nguồn cung bên ngoài về nhân sự

4.4. Kế hoạch nhân sự

4.4.1. Tổng hợp cung - cầu nhân sự

4.4.2. Kế hoạch hành động về nhân sự Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bùi Đức Tuân (chủ biên) (2005), *Giáo trình Kế hoạch Kinh doanh*; NXB Lao động và Xã hội: Chương 4.

2. Nguyễn Thanh Hội (1999), *Quản trị nhân sự*, NXB Thống kê. Tham khảo các chương 3 và 5.

CHƯƠNG V – KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ NGÂN SÁCH

Nội dung của chương này đi từ việc giới thiệu khái quát về chức năng tài chính trong doanh nghiệp, các vấn đề cơ bản về quản lý tài chính cũng như các thông tin tài chính quan trọng cần thiết cho việc hoạch định kế hoạch tài chính. Phần chính của chương trình bày về qui trình, phương pháp xác định nhu cầu sử dụng vốn cũng như các nguồn tài trợ của doanh nghiệp, từ đó lập kế hoạch tài trợ cho các hoạt động của doanh nghiệp theo các mục tiêu kinh doanh đã xác lập sẵn. Phần sau cùng của chương trình bày chi tiết về nội dung và phương pháp xây dựng kế hoạch ngân quỹ của doanh nghiệp.

5.1. Khái quát về chức năng tài chính trong doanh nghiệp

5.1.1. Vai trò của chức năng quản lý tài chính trong doanh nghiệp

5.1.2. Mục tiêu của quản lý tài chính

5.1.3. Vai trò của kế hoạch trong công tác tài chính

5.2. Phân tích tài chính

5.2.1. Các báo cáo tài chính chủ yếu

5.2.2. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

5.3. Kế hoạch tài chính

5.3.1. Đánh giá nhu cầu sử dụng vốn

5.3.2. Đánh giá các nguồn vốn có thể huy động

5.3.3. Kế hoạch tài trợ

5.4. Kế hoạch ngân quỹ

5.4.1. Dự tính các khoản thu

5.4.2. Dự tính các khoản chi

5.4.3. Kế hoạch ngân quỹ

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bùi Đức Tuân (chủ biên) (2005), ***Giáo trình Kế hoạch Kinh doanh***; NXB Lao động và Xã hội: Chương 5.

2. Lưu Thị Hương (chủ biên) (1998), ***Giáo trình tài chính doanh nghiệp***, NXB Giáo dục. Tham khảo các chương 2, 3 và 5.

CHƯƠNG VI – TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Chương 6 sẽ trình bày một cách khái về các vấn đề cần quan tâm trong công tác tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được xây dựng và thông qua, bao gồm từ phân công nhiệm vụ, thiết lập một hệ thống theo dõi và thường xuyên cập nhật tình hình thực hiện kế hoạch, đánh giá kết quả thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê duyệt và triển khai.

6.1. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

6.1.1. Phân công nhiệm vụ thực hiện kế hoạch

6.1.2. Phân bổ nguồn lực thực hiện kế hoạch

6.2. Theo dõi và Đánh giá thực hiện kế hoạch

6.2.1. Quy trình theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch

6.2.2. Hệ thống theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bùi Đức Tuân (chủ biên) (2005), *Giáo trình Kế hoạch Kinh doanh*; NXB Lao động và Xã hội: Chương 6.

2. Bùi Đức Tuân, J de Guerny và J.C. Guiriec (2005), *Kiểm soát quản lý – từ lựa chọn chiến lược đến điều hành tác nghiệp*; NXB Thống kê. Tham khảo các chương 11 và 12.

7. GIÁO TRÌNH:

Bùi Đức Tuân (chủ biên) (2005), Giáo trình Kế hoạch Kinh doanh; NXB Lao động và Xã hội.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nguyễn Thanh Hội (1999), *Quản trị nhân sự*, NXB Thống kê,
2. Lưu Thị Hương (chủ biên) (1998), *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, NXB Giáo dục,
3. Ngô Thắng Lợi (chủ biên) (2005), *Giáo trình kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội*, NXB Lao động và Xã hội,
4. C. Michon & Lê Thị Đông Mai (2000), *Marketing căn bản*, NXB Thanh niên,
5. Nguyễn Văn Nghiến & Gérard Chevalier (2005), *Quản lý sản xuất*, NXB Thống kê,
6. Bùi Đức Tuân, J de Guerny và J.C. Guiriec (2005), *Kiểm soát quản lý – từ lựa chọn chiến lược đến điều hành tác nghiệp*; NXB Thống kê,

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

- Số lần kiểm tra, bài tập, thảo luận: Sinh viên bắt buộc phải tham gia 01 bài tập nhóm, bên cạnh đó, sinh viên được khuyến khích tham gia các bài tập, thảo luận tình huống trên lớp.

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: Sinh viên được dự thi kết thúc học phần sau khi đã hoàn thành chương trình học phần và hoàn thành bài tập lớn.

- Hình thức thi kết thúc học phần: Thi viết, thời gian 60 phút

- Phương pháp tính điểm học phần: Thang điểm 10.

-Tham gia giờ học trên lớp:	10%
-Tham gia bài tập, thảo luận trên lớp:	10%
-Bài tập nhóm, thuyết trình:	30%
-Thi kết thúc học phần:	50%

10. GIẢNG VIÊN

- Giảng viên phụ trách môn học: PGS.TS Nguyễn Ngọc Sơn

- Giảng viên tham gia giảng dạy: PGS.TS Bùi Đức Tuân

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

GS.TS Ngô Thăng Lợi

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Thị trường nông sản thế giới

Tiếng Anh: International trading of agricultural products

Mã học phần: TNKT 1119

Số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế Nông nghiệp & PTNT

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế nông nghiệp 1, Quản trị kinh doanh nông nghiệp 1.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Học phần Thị trường nông sản thế giới là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế nông nghiệp. Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức cơ bản về chức năng, đặc điểm của thị trường nông sản thế giới, về các cam kết quốc tế trong thương mại hàng nông sản trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu. Học phần cũng giới thiệu bức tranh tổng quát về tình hình thị trường (cung, cầu, giá cả) và xu hướng phát triển thị trường một số loại nông sản chính mà Việt Nam có lợi thế trong thương mại quốc tế như gạo, thủy sản, lâm sản và một số sản phẩm cây công nghiệp như cà phê, chè, hồ tiêu, cao su...

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- *Kiến thức lý thuyết:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cơ bản về chức năng, đặc điểm của thị trường nông sản thế giới, về các cam kết quốc tế trong thương mại hàng nông sản trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu. Đồng thời, học phần cũng cung cấp các thông tin về thực trạng thị trường một số loại nông sản chính mà Việt Nam có lợi thế trong thương mại quốc tế như gạo, thủy sản và một số sản phẩm cây công nghiệp như cà phê, chè, hồ tiêu, cao su... Học phần giúp sinh viên hiểu

và biết đánh giá khách quan các thuận lợi, khó khăn, các tiềm năng của đất nước trong việc gia nhập thị trường nông sản thế giới. Cùng với kiến thức từ các học phần chuyên ngành khác, học phần này sẽ giúp sinh viên suy nghĩ về các giải pháp cần thực hiện để có thể đưa hàng nông sản Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu.

- *Kỹ năng thực hành*: Học phần cung cấp cho sinh viên các cơ hội thảo luận và làm bài tập nhóm, rèn luyện kỹ năng thu thập, sắp xếp thông tin thị trường nông sản, đánh giá thị trường nông sản; dự đoán xu hướng phát triển của thị trường một số loại nông sản chủ yếu mà Việt Nam có lợi thế tham gia xuất khẩu. Đồng thời, cũng giúp sinh viên bước đầu đánh giá tác động của các hiệp định, các quy định trong thương mại quốc tế hàng nông sản đến tình hình thị trường nông sản thế giới nói chung và đến xuất nhập khẩu nông sản của Việt Nam nói riêng.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1: Tổng quan về thị trường nông sản thế giới.	5,5	4,5	1	
2	Chương 2: Thị trường gạo thế giới	4	2	2	
3	Chương 3: Thị trường thủy sản thế giới.	4	3	1	
4	Chương 4: Thị trường cà phê thế giới	4	3	1	
5	Chương 5: Thị trường chè thế giới	4	3	1	
6	Chương 6: Thị trường hồ tiêu thế giới	4	3	1	
7	Chương 7: Thị trường cao su thế giới	4	3	1	
8	Chương 8: Thị trường lâm sản thế giới	4	3	1	
9	Chương 9: Quản lý nhà nước về thương mại quốc tế hàng nông sản.	4	3	1	
	Tổng cộng	37,5	27,5	10	

CHƯƠNG I - TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI

Chương này tập trung trình bày những kiến thức chung về thương mại và thị trường nông sản thế giới như khái niệm, chức năng, đặc điểm của thị trường nông sản thế giới; thương mại toàn cầu và các hiệp định thương mại toàn cầu hàng nông sản; xu hướng phát triển thương mại hàng nông sản và thị trường nông sản thế giới. Đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ và nắm vững đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học.

1.1 Bản chất, các khái niệm, chức năng, đặc điểm thị trường nông sản thế giới.

1.2 Thương mại toàn cầu và các hiệp định thương mại toàn cầu về hàng nông sản (AoA).

1.2.1. Xu hướng phát triển thương mại quốc tế hàng nông sản

1.2.2. Nội dung cơ bản của Hiệp định về nông nghiệp (AoA)

1.3 Tổng quan chung về thị trường nông sản thế giới

1.4 Việt Nam trong thị trường nông sản thế giới.

1.4.1 Các cam kết chủ yếu của Việt Nam trong hội nhập quốc tế thương mại hàng nông sản

1.4.2 Vai trò của Việt Nam trong thị trường nông sản thế giới

1.5 Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học

Tài liệu tham khảo:

1. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I
<https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>
2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II,
<https://comtrade.un.org/ITSY2016VolII.pdf>
3. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>
4. Võ Trí Thành (CIEM, 2013): “*Kinh tế Việt Nam và thế giới – Tình hình hiện tại và triển vọng*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.
5. TS. Jennifer Ifft (2013): “*Tổng quan thị trường nông nghiệp toàn cầu năm 2012 và dự báo năm 2013*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.
6. Nguyễn Quốc Vọng, Nguyễn Duy Thịnh, Trần Công Thắng (2012): “*Báo cáo đánh giá tác động hội nhập kinh tế quốc tế và giải pháp đối với ngành chè Việt Nam*”.
7. OECD-FAO: “*OECD-FAO Agricultural Outlook 2014-2023*”, ISSN 15630447.
8. Vũ Thị Minh (2014): “*Report on Foreign direct investment (FDI) in the agro-forestry and fishery sector in Vietnam: Positive elements, the constraints and roadmap*”

to alleviate these constraints” - EU-MUTRAP Project No17.

9. Một số tài liệu khác do giảng viên giới thiệu.

CHƯƠNG II - THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI

Chương này giúp sinh viên hiểu rõ chính sách an ninh lương thực toàn cầu; nắm được thực trạng của thị trường gạo về cung, cầu, giá cả và xu hướng phát triển của thị trường gạo cũng như các vấn đề đang xảy ra trên thị trường này. Đồng thời cũng giúp sinh viên đánh giá được một cách khách quan vai trò, vị thế của Việt Nam trong thị trường gạo thế giới và những vấn đề mà Việt Nam cần phải giải quyết trong tham gia thị trường này.

2.1 Các chính sách mới về an ninh lương thực toàn cầu

1.1.1 Đạo luật về An ninh lương thực quốc gia của Ấn Độ

2.1.2 Chương trình cam kết về gạo của Thái Lan

2.2 Sản xuất và tiêu thụ gạo trên thế giới

2.2.1 Diễn biến sản lượng sản xuất và tiêu thụ gạo trên thế giới

2.2.2 Tình hình xuất, nhập khẩu gạo trên thế giới

2.2.3 Dự trữ lúa gạo thế giới

2.2.4 Diễn biến giá lúa gạo trên thị trường thế giới

2.3 Triển vọng thị trường lúa gạo thế giới

2.4 Các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

2.4.1 Các cơ hội đối với gạo Việt Nam

2.4.2 Các thách thức đối với gạo Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I
<https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>

2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II,
<https://comtrade.un.org/ITSY2016VolII.pdf>

3. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>

4. TS. Jennifer Ifft (2013): “*Tổng quan thị trường nông nghiệp toàn cầu năm 2012 và dự báo năm 2013*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

5. Nguyễn Trung Kiên (2013): “Mô hình Cánh đồng mẫu lớn – Giải pháp cho xuất khẩu gạo Việt Nam” -- Bài trình bày tại Hội thảo “Triển vọng ngành nông nghiệp Việt Nam lần thứ 7” tổ chức tại Hà Nội ngày 4/4/2013.

6. Đặng Kim Sơn, Trần Công Thắng (2013): “*Lúa gạo Việt Nam 2012/2013: Những vấn đề chính sách cần quan tâm*” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

7. V.Subramanian (2013): “*Rice Market Outlook*” – Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

8. OECD-FAO: “*OECD-FAO Agricultural Outlook 2014-2023*”, ISSN 15630447.

9. Vũ Thị Minh (2014): “*Report on Foreign direct investment (FDI) in the agro-forestry and fishery sector in Vietnam: Positive elements, the constraints and roadmap to alleviate these constraints*” - EU-MUTRAP Project No17

10. Các tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu.

CHƯƠNG III - THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN THẾ GIỚI

Chương này giúp sinh viên nắm được thực trạng của thị trường thủy sản thế giới về cung, cầu, giá cả và xu hướng phát triển của thị trường thủy sản cũng như các vấn đề đang xảy ra trên thị trường này. Đồng thời cũng giúp sinh viên đánh giá được một cách khách quan vai trò, vị thế của Việt Nam trong thị trường thủy sản thế giới và những vấn đề mà Việt Nam cần phải giải quyết trong tham gia thị trường này.

3.1 Nhu cầu tiêu thụ thủy hải sản trên thế giới

3.1.1 Các yếu tố định hướng cầu về thủy hải sản

3.1.2 Nuôi trồng, đánh bắt và các quy định quốc tế có liên quan

3.2 Sản xuất và tiêu thụ thủy sản trên thế giới

3.2.1 Diễn biến sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản trên thế giới

3.2.2 Tình hình xuất, nhập khẩu thủy hải sản trên thế giới

3.3.3 Diễn biến giá thủy hải sản trên thị trường thế giới

3.3 Triển vọng thị trường thủy sản thế giới

3.4 Các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

3.4.1 Các cơ hội đối với thủy sản Việt Nam

3.4.2 Các thách thức đối với thủy sản Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I
<https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>

2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II,

<https://comtrade.un.org/ITSY2016VolII.pdf>

3. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>

4. William Wallace Murray (2013): “*Triển vọng thủy sản*”- Bài trình bày tại Hội thảo “Triển vọng ngành nông nghiệp Việt Nam lần thứ 7” tổ chức tại Hà Nội ngày 4/4/2013.

5. Nguyễn Hữu Dũng (2013): Dự báo 2013 ngành thủy sản Việt Nam - - Bài trình bày tại Hội thảo “Triển vọng ngành nông nghiệp Việt Nam lần thứ 7” tổ chức tại Hà Nội ngày 4/4/2013.

6. OECD-FAO: “*OECD-FAO Agricultural Outlook 2014-2023*”, ISSN 15630447.

7. Vũ Thị Minh (2014): “*Report on Foreign direct investment (FDI) in the agro-forestry and fishery sector in Vietnam: Positive elements, the constraints and roadmap to alleviate these constraints*” - EU-MUTRAP Project No17

8. Các tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu.

CHƯƠNG IV: THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Chương này giúp sinh viên nắm được thực trạng của thị trường thế giới về sản phẩm cà phê mà Việt Nam có tiềm năng sản xuất và cung ứng cho thị trường toàn cầu. Cụ thể là nắm được các mặt cung, cầu, giá cả và xu hướng phát triển của thị trường cà phê cũng như các vấn đề đang xảy ra trên thị trường này. Đồng thời cũng giúp sinh viên đánh giá được một cách khách quan vai trò, vị thế của Việt Nam trong thị trường cà phê thế giới và những vấn đề mà Việt Nam cần phải giải quyết trong tham gia thị trường này.

4.1 Nhu cầu tiêu thụ cà phê trên thế giới

4.1.1 Các yếu tố định hướng cầu về cà phê

4.1.2 Các chính sách, quy định liên quan đến thương mại quốc tế mặt hàng cà phê

4.2 Sản xuất và tiêu thụ cà phê trên thế giới

4.2.1 Diễn biến sản lượng cà phê trên thế giới

4.2.2 Tình hình xuất, nhập khẩu cà phê trên thế giới

4.2.3 Diễn biến giá cà phê trên thị trường thế giới

4.3 Triển vọng thị trường cà phê thế giới

4.4 Các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

4.4.1 Các cơ hội đối với cà phê Việt Nam

4.4.2 Các thách thức đối với cà phê Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1. <http://www.ico.org/>
2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I
<https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>
3. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II,
<https://comtrade.un.org/ITSY2016VolII.pdf>
4. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>
4. OECD-FAO: “*OECD-FAO Agricultural Outlook 2014-2023*”, ISSN 15630447.
5. Vũ Thị Minh (2014): “*Report on Foreign direct investment (FDI) in the agro-forestry and fishery sector in Vietnam: Positive elements, the constraints and roadmap to alleviate these constraints*” - EU-MUTRAP Project No17.
6. Một số tài liệu khác.

CHƯƠNG V: THỊ TRƯỜNG CHÈ THẾ GIỚI

Chương này giúp sinh viên nắm được thực trạng của thị trường chè thế giới về sản phẩm chè mà Việt Nam có tiềm năng sản xuất và cung ứng cho thị trường toàn cầu. Cụ thể là nắm được các mặt cung, cầu, giá cả và xu hướng phát triển của thị trường chè cũng như các vấn đề đang xảy ra trên thị trường này. Đồng thời cũng giúp sinh viên đánh giá được một cách khách quan vai trò, vị thế của Việt Nam trong thị trường chè thế giới và những vấn đề mà Việt Nam cần phải giải quyết trong tham gia thị trường này.

5.1 Nhu cầu tiêu thụ chè trên thế giới

5.1.1 Các yếu tố định hướng cầu về chè

5.1.2 Các chính sách, quy định liên quan đến thương mại quốc tế mặt hàng chè

5.2 Sản xuất và tiêu thụ chè trên thế giới

5.2.1 Diễn biến sản lượng chè trên thế giới

5.2.2 Tình hình xuất, nhập khẩu chè trên thế giới

5.2.3 Diễn biến giá chè trên thị trường thế giới

5.3 Triển vọng thị trường chè thế giới

5.4 Các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

5.4.1 Các cơ hội đối với chè Việt Nam

5.4.2 Các thách thức đối với chè Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1. <http://inttea.com/>
2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I
<https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>
3. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II,
<https://comtrade.un.org/ITSY2016VolII.pdf>
4. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>
5. Nguyễn Quốc Vọng, Nguyễn Duy Thịnh, Trần Công Thắng (2012): “Báo cáo đánh giá tác động hội nhập kinh tế quốc tế và giải pháp đối với ngành chè Việt Nam”.
6. Nguyễn Quốc Vọng, Nguyễn Duy Thịnh, Trần Công Thắng (2012): “Báo cáo đề xuất giải pháp định hướng phát triển ngành chè Việt Nam”.

CHƯƠNG VI: THỊ TRƯỜNG HỒ TIÊU THẾ GIỚI

Chương này giúp sinh viên nắm được thực trạng của thị trường thế giới về sản phẩm hồ tiêu mà Việt Nam có tiềm năng sản xuất và cung ứng cho thị trường toàn cầu. Cụ thể là nắm được các mặt cung, cầu, giá cả và xu hướng phát triển của thị trường hồ tiêu cũng như các vấn đề đang xảy ra trên thị trường này. Đồng thời cũng giúp sinh viên đánh giá được một cách khách quan vai trò, vị thế của Việt Nam trong thị trường hồ tiêu thế giới và những vấn đề mà Việt Nam cần phải giải quyết trong tham gia thị trường này.

6.1 Nhu cầu tiêu thụ hồ tiêu trên thế giới

6.1.1 Các yếu tố định hướng cầu về hồ tiêu

6.1.2 Các chính sách, quy định liên quan đến thương mại quốc tế mặt hàng hồ tiêu

6.2 Sản xuất và tiêu thụ hồ tiêu trên thế giới

6.2.1 Diễn biến sản lượng hồ tiêu trên thế giới

6.2.2 Tình hình xuất, nhập khẩu hồ tiêu trên thế giới

6.2.3 Diễn biến giá hồ tiêu trên thị trường thế giới

6.3 Triển vọng thị trường hồ tiêu thế giới

6.4 Các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

6.4.1 Các cơ hội đối với hồ tiêu Việt Nam

6.4.2 Các thách thức đối với hồ tiêu Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1. http://www.ipcnet.org/index_n.php
2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I
<https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>
3. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II,
<https://comtrade.un.org/ITSY2016VolII.pdf>
4. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>

CHƯƠNG VII: THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Chương này giúp sinh viên nắm được thực trạng của thị trường thế giới về sản phẩm cao su mà Việt Nam có tiềm năng sản xuất và cung ứng cho thị trường toàn cầu. Cụ thể là nắm được các mặt cung, cầu, giá cả và xu hướng phát triển của thị trường cao su cũng như các vấn đề đang xảy ra trên thị trường này. Đồng thời cũng giúp sinh viên đánh giá được một cách khách quan vai trò, vị thế của Việt Nam trong thị trường cao su thế giới và những vấn đề mà Việt Nam cần phải giải quyết trong tham gia thị trường này.

7.1 Nhu cầu tiêu thụ cao su trên thế giới

7.1.1 Các yếu tố định hướng cầu về cao su

7.1.2 Các chính sách, quy định liên quan đến thương mại quốc tế mặt hàng cao su

7.2 Sản xuất và tiêu thụ cao su trên thế giới

7.2.1 Diễn biến sản lượng cao su trên thế giới

7.2.2 Tình hình xuất, nhập khẩu cao su trên thế giới

7.2.3 Diễn biến giá cao su trên thị trường thế giới

7.3 Triển vọng thị trường cao su thế giới

7.4 Các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

7.4.1 Các cơ hội đối với cao su Việt Nam

7.4.2 Các thách thức đối với cao su Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1. <https://uia.org/s/or/en/1100023351>
2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I
<https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>
3. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II,
<https://comtrade.un.org/ITSY2016VolII.pdf>
4. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>
5. <http://thitruongcaosu.net/>

CHƯƠNG VIII - THỊ TRƯỜNG LÂM SẢN THẾ GIỚI

Chương này giúp sinh viên nắm được thực trạng của thị trường lâm sản thế giới mà Việt Nam có tiềm năng sản xuất và cung ứng cho toàn cầu. Cụ thể là nắm được các mặt cung, cầu, giá cả và xu hướng phát triển của thị trường lâm sản cũng như các vấn đề đang xảy ra trên thị trường này. Đồng thời cũng giúp sinh viên đánh giá được một cách khách quan vai trò, vị thế của Việt Nam trong thị trường lâm sản thế giới và những vấn đề mà Việt Nam cần phải giải quyết trong tham gia thị trường này.

8.1 Nhu cầu tiêu thụ lâm sản trên thế giới

- 8.1.1 Các yếu tố định hướng cầu về lâm sản
- 8.1.2 Các chính sách, quy định liên quan đến thương mại quốc tế hàng lâm sản

8.2 Sản xuất và tiêu thụ lâm sản trên thế giới

- 8.2.1 Diễn biến sản lượng lâm sản trên thế giới
- 8.2.2 Tình hình xuất, nhập khẩu lâm sản trên thế giới
- 8.2.3 Diễn biến giá lâm sản trên thị trường thế giới

8.3 Triển vọng thị trường lâm sản thế giới

8.4 Các cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

- 8.4.1 Các cơ hội đối với lâm sản Việt Nam
- 8.4.2 Các thách thức đối với lâm sản Việt Nam

Tài liệu tham khảo:

1. <https://www.iwpawood.org/default.aspx>
2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I
<https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>
3. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II,

<https://comtrade.un.org/ITSY2016VolIII.pdf>

4. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>
5. Forest Trends (2012): *Forest Certification in Vietnam*.
6. http://www.itto.int/sustainable_forest_management/
7. <http://www.fao.org/docrep/003/x6896e/x6896e0e.htm>.
8. RainForest Alliance (2004): Sách hướng dẫn chứng chỉ nhóm FSC về quản lý rừng.
9. USAID (2012): Devolution of forest rights and sustainable forest management - Volume 1: A Review of policies and programs in 16 developing countries - United Nations Environment Programme (2013), Green Economy and Trade, Forests Chapter
10. Trần Văn Con (2014): Hướng tới một nền lâm nghiệp bền vững và đa chức năng, Kỷ yếu Hội thảo Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng do Bộ NN&PTNT, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và Tỉnh ủy Thái Nguyên đồng tổ chức ngày 1/8/2014 tại TP. Thái Nguyên.
11. Vũ Thị Minh & Phạm Đức Huân (2014): Quản lý rừng bền vững (SFM) và chứng chỉ rừng FSC ở Việt Nam: Thực trạng, thách thức và một số giải pháp, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chiến lược tăng trưởng xanh và vai trò của các trường đại học, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 12/2014.

CHƯƠNG IX - QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ HÀNG NÔNG SẢN

Chương này giúp sinh viên hiểu vai trò, chức năng của Nhà nước trong xuất, nhập khẩu hàng nông sản; nắm vững các nội dung của quản lý nhà nước đối với xuất, nhập khẩu hàng nông sản. Trên cơ sở đó giúp sinh viên đánh giá đúng thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với thương mại quốc tế hàng nông sản với những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân để có thể đưa ra những gợi ý nhằm tạo điều kiện cho sự phát triển và tham gia của Việt Nam vào các chuỗi cung ứng toàn cầu.

9.1 Khái niệm, chức năng của quản lý nhà nước trong xuất, nhập khẩu hàng nông sản

- Khái niệm, chức năng quản lý nhà nước trong xuất, nhập khẩu hàng nông sản

9.1.2. Đặc điểm quản lý nhà nước trong xuất, nhập khẩu hàng nông sản

9.2 Nội dung quản lý nhà nước về xuất, nhập khẩu hàng nông sản

- 9.2.1 Xây dựng chính sách, chiến lược xuất, nhập khẩu hàng nông sản
- 9.2.2 Tổ chức sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông sản
- 9.2.3 Tổ chức hệ thống phân phối trong nước hàng nông sản
- 9.2.4 Các hoạt động hỗ trợ, xúc tiến bán hàng nông sản của Chính phủ
- 9.3 Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về xuất, nhập khẩu
 - 9.3.1 Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước cấp trung ương
 - 9.3.2 Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước cấp địa phương

Tài liệu tham khảo:

1. Võ Trí Thành (CIEM, 2013): “Kinh tế Việt Nam và thế giới – Tình hình hiện tại và triển vọng” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.
2. Nguyễn Quốc Vọng, Nguyễn Duy Thịnh, Trần Công Thắng (2012): “*Báo cáo đề xuất giải pháp định hướng phát triển ngành chè Việt Nam*”
3. Bộ KH&ĐT (2011) Cơ sở khoa học của việc tham gia Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam – Hàn Quốc, Đề tài cấp Bộ..
4. Vũ Thị Minh (2014): “*Report on Foreign direct investment (FDI) in the agro-forestry and fishery sector in Vietnam: Positive elements, the constrains and roadmap to alleviate these constraints*” - EU-MUTRAP Project No17
5. Các tài liệu cập nhật khác do giáo viên giảng giới thiệu.

7. GIÁO TRÌNH

Bài giảng: Thị trường nông sản thế giới (biên soạn mới)

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume I <https://comtrade.un.org/pb/downloads/2016/VolI2016.pdf>
2. US comtrade (2017): 2016 International Trade Year Book, Volume II, <https://comtrade.un.org/ITSY2016VolII.pdf>
3. FAO (2017) Food Outlook, <http://www.fao.org/3/a-i8080e.pdf>
4. Võ Trí Thành (CIEM, 2013): “Kinh tế Việt Nam và thế giới – Tình hình hiện tại và triển vọng” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.
5. TS. Jennifer Ifft (2013): “Tổng quan thị trường nông nghiệp toàn cầu năm 2012 và dự báo năm 2013” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.

6. Nguyễn Trung Kiên (2013): “Mô hình Cánh đồng mẫu lớn – Giải pháp cho xuất khẩu gạo Việt Nam” -- Bài trình bày tại Hội thảo “Triển vọng ngành nông nghiệp Việt Nam lần thứ 7” tổ chức tại Hà Nội ngày 4/4/2013.
7. Đặng Kim Sơn, Trần Công Thắng (2013): “Lúa gạo Việt Nam 2012/2013: Những vấn đề chính sách cần quan tâm” - Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.
8. V.Subramanian (2013): “Rice Market Outlook” – Agri Outlook Conference 2013- Hanoi 4/4/2013.
9. William Wallace Murray (2013): “Triển vọng thủy sản”- Bài trình bày tại Hội thảo “Triển vọng ngành nông nghiệp Việt Nam lần thứ 7” tổ chức tại Hà Nội ngày 4/4/2013.
10. Nguyễn Hữu Dũng (2013): Dự báo 2013 ngành thủy sản Việt Nam - - Bài trình bày tại Hội thảo “Triển vọng ngành nông nghiệp Việt Nam lần thứ 7” tổ chức tại Hà Nội ngày 4/4/2013.
11. Nguyễn Quốc Vọng, Nguyễn Duy Thịnh, Trần Công Thắng (2012): “Báo cáo đánh giá tác động hội nhập kinh tế quốc tế và giải pháp đối với ngành chè Việt Nam”.
12. Nguyễn Quốc Vọng, Nguyễn Duy Thịnh, Trần Công Thắng (2012): “Báo cáo đề xuất giải pháp định hướng phát triển ngành chè Việt Nam”.
13. <http://thitruongcaosu.net/>
14. OECD-FAO: “OECD-FAO Agricultural Outlook 2014-2023”, ISSN 15630447.
15. Vũ Thị Minh (2014): “Report on Foreign direct investment (FDI) in the agro-forestry and fishery sector in Vietnam: Positive elements, the constrains and roadmap to alleviate these constraints” - EU-MUTRAP Project No17. <http://mutrap.org.vn/index.php/en/library/technical-reports/finish/13/1269>

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Dự lớp: $\geq 80\%$ số giờ và phải có bài kiểm tra/ Bài tập lớn.

- Kiểm tra giữa kỳ/ Bài tập lớn: 30% điểm học phần
- Thi cuối học kỳ: 60% điểm học phần
- Chuyên cần: 10% điểm học phần

10. GIẢNG VIÊN

- Họ và tên giảng viên phụ trách môn học: PGS.TS Vũ Thị Minh
- Họ và tên giảng viên tham gia giảng dạy : Ths Nguyễn Hà Hưng;

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Thị trường bất động sản

Tiếng Anh: Real estate market

Mã học phần: **TNBD1109**

Số tín chỉ: **03**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự vận động và phát triển thị trường bất động sản, quan hệ cung cầu và sự tác động của chúng đối với giá cả bất động sản; Phân tích xu hướng biến động cung, cầu và giá cả bất động sản, cơ chế cân bằng cung cầu và cơ chế hình thành giá cả bất động sản. Học phần trang bị cho người học kỹ năng phân tích sâu về thị trường bất động sản với các phương pháp, các bước tiến hành phân tích, cơ chế vận hành với những tình huống cụ thể; cung cấp cho người học cơ sở khoa học để xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá thị trường bất động sản, là cơ sở để dự báo xu hướng vận động, phát triển của thị trường bất động sản. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu các công cụ quản lý của nhà nước để khắc phục những khiếm khuyết và điều tiết thị trường bất động sản, trang bị cho người học kiến thức về hệ thống chính sách nhằm phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sinh viên hoàn thành học phần Thị trường bất động sản sẽ nắm vững những lý luận cơ sở về thị trường bất động sản, hiểu rõ sự hình thành và các giai đoạn phát triển của thị trường bất động sản, có kỹ năng để phân tích biến động cung, cầu và giá cả bất

động sản; có kiến thức và kỹ năng để phân tích thị trường bất động sản; nắm vững được các công cụ của Nhà nước để quản lý thị trường bất động sản.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Chương 1: Tổng quan về bất động sản	4.0	2.5	1.5	Máy chiếu
2	Chương 2: Tổng quan về thị trường bất động sản	4.5	2.5	2.0	
3	Chương 3: Cầu trong thị trường bất động sản	6.0	4.5	1.5	
4	Chương 4: Cung trong thị trường bất động sản	6.0	4.5	1.5	
5	Chương 5: Quan hệ cung cầu và giá cả trên thị trường bất động sản	5.5	3.5	2.0	
6	Chương 6: Phân tích thị trường bất động sản	6.0	3.5	2.5	
7	Chương 7: Quản lý nhà nước về thị trường bất động sản	5.5	4.0	1.5	
	Tổng cộng	37.5	25.0	12.5	

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ BẤT ĐỘNG SẢN

Giới thiệu khái quát về chương:

Chương này giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản mang tính tổng quan về bất động sản, làm rõ khái niệm, đặc điểm của bất động sản; chương này cũng đi vào làm rõ các quyền năng gắn liền với bất động sản .

Cũng trong chương này, người học hiểu rõ đối tượng, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu của môn học, từ đó có cách học và nghiên cứu đúng hướng, có phương

pháp hữu dụng trong học và nghiên cứu môn học.

Kết cấu chương:

1.1. Khái niệm, và phân loại bất động sản

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Phân loại bất động sản

1.2. Đặc điểm của bất động sản

1.2.1 Tính đa dạng về kết cấu

1.2.2 Mỗi bất động sản gắn liền với vị trí nhất định

1.2.3 Tính lâu bền

1.2.4 Tính dị biệt

1.2.5 Tính ảnh hưởng

1.2.6 Có giá trị lớn, có khả năng tái tạo vốn và bảo toàn giá trị

1.2.7 Tính khan hiếm

1.2.8 Đánh giá của người tiêu dùng về hàng hóa bất động sản bị chi phối bởi tập quán thị hiếu và tâm lý

1.2.9 Khả năng khai thác bất động sản phụ thuộc nhiều vào năng lực quản lý

1.2.10 Bất động sản chịu sự quản lý trực tiếp của nhà nước

1.3 Các quyền về bất động sản

1.3.1 Quyền sở hữu đầy đủ và quyền sở hữu hạn chế

1.3.2 Các hình thức sở hữu bất động sản trên thế giới

1.3.3 Quyền sử dụng đất và sở hữu bất động sản ở Việt Nam

1.4 Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu học phần

1.4.1 Đối tượng nghiên cứu môn học

1.4.2 Nhiệm vụ nghiên cứu của môn học

1.4.3 Phương pháp nghiên cứu môn học

Tóm tắt chương, câu hỏi thảo luận và bài tập.

Tài liệu tham khảo của chương:

- Hoàng Văn Cường (2017), Giáo trình Thị trường bất động sản, Chương 1, 2, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, tr. 5- 106.

- Hoàng Việt & PGS.TS Hoàng Văn Cường (2008), Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam, NXB chính trị quốc gia.

- Charles J. Jacobus, “Real Estate Principle”, Eleventh Edition, pp. 11 – 29

- Dennis J. McKenzie, Richard M. Betts, Carol A. Jensen (2010), Essentials of Real Estate Economics.

- Seldin, Maury and Janes H. Buykin, 1990, "Real Estate analysis" Homwood III. Americal Society of real Estate Counselores and Dowjones- Irwin.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này đề cập đến các quan điểm khác nhau về thị trường bất động sản, điều kiện xuất hiện, ra đời và phát triển của thị trường bất động sản và vai trò của thị trường bất động sản đối với nền kinh tế cũng như mối quan hệ giữa thị trường bất động sản với thị trường tài chính và các thị trường khác. Thông qua phân tích các cấp độ phát triển của thị trường bất động sản để từ đó liên hệ đánh giá quá trình ra đời và phát triển của thị trường bất động sản Việt Nam hơn 20 năm.

Kết cấu chương:

2.1 Khái niệm

2.1.1 Thị trường

2.1.2 Thị trường bất động sản

2.2 Vai trò của thị trường bất động sản

2.2.1 Thị trường bất động sản góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển

2.2.2 Thị trường bất động sản góp phần huy động vốn cho hoạt động đầu tư phát triển

2.2.3 Thị trường bất động sản đóng góp vào tăng trưởng kinh tế

2.2.4 Phát triển Thị trường bất động sản góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước

2.2.5 Phát triển Thị trường bất động sản góp phần mở rộng các thị trường trong và ngoài nước,, mở rộng quan hệ quốc tế

2.2.6 Phát triển Thị trường bất động sản góp phần vào sự ổn định xã hội

2.2.7 Phát triển Thị trường bất động sản góp phần nâng cao đời sống nhân dân

2.2.8 Thị trường bất động sản phát triển góp phần thúc đẩy đổi mới các chính sách, trong đó có các chính sách đất đai và bất động sản

2.3 Phân loại thị trường bất động sản

2.4 Những đặc điểm cơ bản của thị trường bất động sản

2.4.1 Cách biệt giữa hàng hóa và địa điểm giao dịch

2.4.2 Thị trường bất động sản thực chất là thị trường giao dịch các quyền năng đối với bất động sản

2.4.3 Thị trường bất động sản mang tính vùng và tính khu vực

2.4.4 Thị trường bất động sản là thị trường không hoàn hảo

2.4.5 Thị trường bất động sản là thị trường khó thâm nhập và khó rút lui

2.4.6 Thị trường bất động sản là thị trường dao động theo chu kỳ

2.4.7 Cung bất động sản phản ứng chậm so với sự biến động của cầu và giá cả bất động sản

2.4.8 Hoạt động của thị trường bất động sản phản ứng nhạy cảm với pháp luật

2.4.9 Thị trường bất động sản có mối liên hệ liên thông với thị trường tài chính

2.5 Các lĩnh vực kinh doanh và các thủ thể tham gia trong thị trường bất động sản

2.5.1 Các lĩnh vực kinh doanh bất động sản

2.5.2 Các chủ thể tham gia thị trường bất động sản

2.6 Các cấp độ phát triển của thị trường và sự hình thành và phát triển của thị trường bất động sản Việt Nam

2.6.1 Các cấp độ phát triển của thị trường bất động sản

2.6.2 Sự hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam

Tóm tắt chương, câu hỏi thảo luận và bài tập.

Tài liệu tham khảo của chương:

- Hoàng Văn Cường (2006), Diễn biến và cơ chế hình thành “con sốt” trên thị trường bất động sản ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và phát triển.

- Hoàng Văn Cường (2017), Giáo trình Thị trường bất động sản, Chương 1, 2, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, tr. 5- 106.

- Hoàng Văn Cường (2014), Quy luật giá cả - đầu tư và dự báo thị trường bất động sản. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh doanh bất động sản trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi”, Hà Nội.

- GS.TS Hoàng Việt, PGS.TS Hoàng Văn Cường, 2008 “Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- PGS.TS Ngô Đức Cát chủ biên, 2000, “Kinh tế tài nguyên đất”. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

- Charles J. Jacobus, “Real Estate Principle”, Eleventh Edition, pp. 11 – 29

- David Geltner và Normal G. Miller (2001), Commercial real estate analysis and investment. South- Western Thomson Learning

CHƯƠNG 3: CẦU TRONG THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Giới thiệu khái quát về chương:

Chương này nhằm giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản về cầu trong thị trường bất động sản, làm rõ đặc điểm của cầu bất động sản, phân loại cầu bất động sản; các yếu tố tác động đến cầu bất động sản, độ co giãn của cầu bất động sản; diễn biến và xu hướng biến động cầu bất động sản ở Việt Nam.

Kết cấu chương:

3.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại cầu bất động sản

3.2.1. Khái niệm cầu bất động sản

3.2.2 Đặc điểm cầu bất động sản

3.2.3 Phân loại cầu bất động sản

3.2. Dự báo cầu bất động sản

3.2.1. Các yếu tố tác động đến cầu bất động sản

3.2.2. Độ co giãn của cầu bất động sản

3.2.3. Dự báo cầu bất động sản

3.3. Cầu bất động sản ở Việt Nam

3.3.1. Diễn biến cầu bất động sản ở Việt Nam

3.3.2. Xu hướng biến động cầu bất động sản ở Việt Nam

Tóm tắt chương, câu hỏi thảo luận và bài tập.

Tài liệu tham khảo của chương:

- Đinh Văn Ân, 2011, “Chính sách phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- PGS.TS. Hoàng Văn Cường, 2017, “Giáo trình Thị trường bất động sản”, Chương 3, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, tr. 107- 189.

- Hoàng Văn Cường (2006), Diễn biến và cơ chế hình thành “con sốt” trên thị trường bất động sản ở Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*.

- GS.TS Hoàng Việt, PGS.TS Hoàng Văn Cường, 2008 “Bình ôn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- PGS.TS Ngô Đức Cát chủ biên, 2000, “Kinh tế tài nguyên đất”. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

- Nguyễn Thị Hải Yến (2015), Đầu tư cá nhân trên thị trường bất động sản Hà Nội, Luận án Tiến sĩ kinh tế.

- Abu-Lughod, J., and M.M. Foley (1960), "The Consumer Votes by Moving," in N.N. Foote, J. Abu-Lughod, M.M. Foley, and L. Winnick (eds.), *Housing Choices and Housing Constraints* (New York: McGraw-Hill), pp. 134-78.

- Arimah, B. (1997), *The Determinants of Housing Tenure Choice in Ibadan, Nigeria*, *Urban Studies*, 34(1), 105-124

- Cheshire, P.C., and S. Sheppard, (1995) 'On the Price of Land and the Value of Amenities', *Economica*, 62, 247-267

- Dennis J. McKenzie, Richard M. Betts, Carol A. Jensen (2010), *Essentials of Real Estate Economics*.

- Hoàng Văn Cường (2014), *Quy luật giá cả - đầu tư và dự báo thị trường bất động sản. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia "Kinh doanh bất động sản trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi"*, Hà Nội.

- Seldin, Maury and Janes H. Buykin, 1990, "Real Estate analysis" Homwood III. Americal Society of real Estate Counselores and Dowjones- Irwin.

CHƯƠNG 4: CUNG TRONG THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Giới thiệu khái quát về chương:

Chương này giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản về cung trong thị trường bất động sản, làm rõ đặc điểm của cung bất động sản, phân loại cung bất động sản; các yếu tố tác động đến cung bất động sản, độ co giãn của cung bất động sản; diễn biến và xu hướng biến động cung bất động sản ở Việt Nam.

Kết cấu chương:

4.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại cung bất động sản

4.1.1 Khái niệm và đặc điểm của cung bất động sản

4.1.2 Các nguồn cung bất động sản và vai trò của các nguồn cung BĐS

4.2 Dự báo cung bất động sản

4.2.2 Các yếu tố tác động đến cung bất động sản

4.2.3 Độ co giãn và xu hướng biến động cung bất động sản

4.2.4 Dự báo cung bất động sản

4.3 Cung bất động sản ở Việt Nam

4.3.2 Diễn biến cung bất động sản ở Việt Nam

4.3.3 Xu hướng biến động cung bất động sản ở Việt Nam

Tóm tắt chương, câu hỏi thảo luận và bài tập.

Tài liệu tham khảo của chương:

- PGS.TS. Hoàng Văn Cường, 2017, “Giáo trình Thị trường bất động sản”, Chương 4, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, tr. 193- 282.

- GS.TS Hoàng Việt, PGS.TS Hoàng Văn Cường, 2008 “Bình ôn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- Dennis J. McKenzie, Richard M. Betts, Carol A. Jensen (2010), Essentials of Real Estate Economics.

- Đinh Văn Ân, Chính sách phát triển thị trường bất động sản: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, Nhà xuất bản Thống kê 2009, Chương 3, 4, 6

- Thái Bá Cần, Thị trường bất động sản – Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam; Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 6 mục 5; Chương 9 mục 5

- Seldin, Maury and Janes H. Buykin, 1990, “Real Estate analysis” Homwood III. Americal Society of real Estate Counselores and Dowjones- Irwin.

Tài liệu tham khảo khác

-Phạm Đức Hòa, Quản lý nhà nước đối với việc sử dụng đất đô thị và hướng hoàn thiện,

http://moj.gov.vn/tcdcepl/tintuc/Lists/PhapLuatKinhTe/View_Detail.aspx?ItemID=367

-Huy Thắng, Khải Hoàn, Công trình đề biến xuyên thế kỷ ở Hà Lan, <http://www.baomoi.com/Cong-trinh-de-bien-xuyen-the-ky-o-Ha-Lan/c/2975257.epi>

-Duy Quang Vũ, Bài học từ Singapore (và cách chúng ta nên làm với Sài Gòn) <https://www.facebook.com/notes/915909445089998/>

- <http://sggp.org.vn/xaydungdiaoc/2013/7/324487/>

CHƯƠNG 5: QUAN HỆ CUNG CẦU VÀ GIÁ CẢ TRONG THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Giới thiệu khái quát về chương:

Chương này giới thiệu cho người học mối quan hệ cung cầu trong thị trường bất động sản, làm rõ sự hình thành và các yếu tố cấu thành giá cả bất động sản, phân tích cạnh tranh cung-cầu bất động sản ở Việt Nam và cơ chế hình thành và diễn biến giá bất động sản ở Việt Nam.

Kết cấu chương:

5.1 Cân bằng cung cầu trên thị trường bất động sản

5.1.1 Cân bằng dài hạn

5.1.2 Cân bằng trong ngắn hạn

5.2 Giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị

5.2.1 Các quan điểm về giá trị.

5.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị

5.3 Bản chất giá cả và sự hình thành giá cả bất động sản

5.3.1 Các yếu tố cấu thành giá cả bất động sản

5.3.2 Các loại giá trên thị trường bất động sản

5.3.3 Chính sách giá trong thị trường bất động sản ở Việt Nam.

Tóm tắt chương, câu hỏi thảo luận và bài tập.

Tài liệu tham khảo của chương:

- Đinh Văn Ân (2011), “Chính sách phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- PGS. TS Hoàng Văn Cường (2006), Diễn biến và cơ chế hình thành “con sốt” trên thị trường bất động sản ở Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và phát triển.

- PGS.TS. Hoàng Văn Cường (2017), “Giáo trình Thị trường bất động sản”, Chương 5, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, tr. 283- 329.

- GS.TS Hoàng Việt, PGS.TS Hoàng Văn Cường (2008), “Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- Nguyễn Thị Hải Yến (2015), Đầu tư cá nhân trên thị trường bất động sản Hà Nội, Luận án Tiến sĩ kinh tế.

- David Geltner Norman G.Miler, Commercial Real estate Analysis and Investments, Part I, chapter 2, p23-37

- Dennis J. McKenzie, Richard M. Betts, Carol A. Jensen (2010), Essentials of Real Estate Economics.

- Seldin, Maury and Janes H. Buykin, 1990, “Real Estate analysis” Homwood III. Americal Society of real Estate Counselores and Dowjones- Irwin.

CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Giới thiệu khái quát về chương:

Chương này cung cấp cho người học các phương pháp kỹ thuật phân tích thị trường bất động sản, các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản, vận dụng phân tích các phân đoạn thị trường bất động sản Việt Nam.

Kết cấu chương:

6.1 Phân tích thị trường

6.1.1 Mục đích và mức độ phân tích thị trường

6.1.2 Quy trình và phương pháp phân tích thị trường

6.1.3 Nội dung phân tích thị trường

6.1.4 Các loại phân tích thị trường

6.2 Các chỉ số thị trường bất động sản

6.2.1 Chỉ số giá bất động sản

6.2.2 Chỉ số lượng giao dịch bất động sản

6.2.3 Chỉ số thị trường bất động sản

6.3 Nguồn thông tin và phân tích một số loại thị trường bất động sản cụ thể

6.3.1 Các nguồn thông tin phục vụ phân tích thị trường bất động sản

6.3.2 Đặc điểm thông tin thị trường bất động sản Việt Nam

6.3.3 Phân tích một số loại thị trường bất động sản cụ thể

6.4 Tình huống nghiên cứu

Tóm tắt chương, câu hỏi thảo luận và bài tập.

Tài liệu tham khảo của chương:

- Gaylon E. Greer (2005): “Bất động sản Phương Đông” Nhân Văn Biên dịch. Nhà xuất bản Thanh Hóa

- PGS.TS. Hoàng Văn Cường, 2017, “Giáo trình Thị trường bất động sản”, Chương 6, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, tr. 331- 417.

- GS.TS Hoàng Việt, PGS.TS Hoàng Văn Cường, 2008 “Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- PGS.TS Ngô Đức Cát chủ biên, 2000, “Kinh tế tài nguyên đất”. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

- Thông tư 20/2010/TT-BXD ngày 27-10-2010 hướng dẫn thí điểm xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản

- Trần Thị Minh Thư, Trần Quốc Khánh (2013): Các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản và khả năng áp dụng tại Việt Nam, Tạp chí Kinh tế & Phát triển số 196 tháng 10/2013

- Dennis J. McKenzie, Richard M. Betts, Carol A. Jensen (2010), Essentials of Real Estate Economics.

- Norbert J. Stefaniak, Ph.d., C.P.A (1998): Real Estate Marketing: Developing a professional Career. Walker- Pearse, LTD, Publisher, Wisconsin, U.S.A

- Novy-Marx, R. (2008). Hot and Cold Market. Real Economic Markets, Forthcoming

- Maury Seldin và Jame H, Boykin (1990): “The real estate handbook”, Second Edition. Dow Jones Irwin Homewood, Illinois 60430.

- Seldin, Maury and Janes H. Buykin, 1990, “Real Estate analysis” Homwood III. Americal Society of real Estate Counselores and Dowjones- Irwin.

Tài liệu tham khảo khác

- Nghiên cứu của Savills về thị trường văn phòng tại Hà Nội 2012-2014:
<http://vn.savills.com.vn/research/office-research.aspx>

- www.cbrevietnam.com/vietnam-real-estate-research-consultancy/report (2012-2014)

- http://hvs.vn.com/vi/tinTuc/batDongSan/Van-phong-cho-thue-canh-tranh-khoc-liet-gia-thue-du-bao-giam_376163.aspx

- <http://www.nhavanphongchothue.com/>

- <http://www.sentinelplace.com.vn>

- <http://www.cprd.com.vn/tin-tuc/45-nam-2014-ky-vong-vao-van-phong-cho-thue.html>

- http://www.xaydung.gov.vn/c/document_library/get_file?p_l_id=47703&folderId=47604&name=16237

- <http://baotintuc.vn/bat-dong-san/xu-huong-thue-van-phong-hien-dai-20140905113853829.htm>

- <http://vneconomy.vn/bat-dong-san/van-phong-cho-thue-tai-ha-noi-tiep-tuc-giam-gia-20140908103611728.htm>

CHƯƠNG 7: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Giới thiệu khái quát về chương:

Chương này trình bày những nội dung về quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản; các công cụ của nhà nước trong việc quản lý thị trường bất động sản và các vấn đề quản lý Nhà nước đối với sự phát triển thị trường bất động sản Việt Nam.

Kết cấu chương:

7.1 Vai trò của quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản

7.1.1 Những khiếm khuyết của thị trường bất động sản

7.1.2 Vai trò của quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản

7.2 Nội dung quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản

7.2.1 Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật làm cơ sở pháp lý

cho quản lý thị trường bất động sản

7.2.2 Hoạch định các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển thị trường BĐS.

7.2.3 Điều tiết và kiểm soát hệ thống các giao dịch trên thị trường bất động sản

7.2.4 Xây dựng, hoàn thiện và thực thi hệ thống chính sách nhằm điều tiết và hỗ trợ thị trường bất động sản phát triển

7.2.5 Tổ chức các hoạt động dịch vụ hỗ trợ thị trường bất động sản

7.2.6 Xây dựng và quản lý hệ thống kết cấu hạ tầng cho mọi hoạt động trên thị trường bất động sản

7.2.7 Tổ chức xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản

7.2.8 Tổ chức hệ thống doanh nghiệp, nắm giữ nguồn hàng lớn để chủ động can thiệp, điều tiết thị trường bất động sản

7.3 Quản lý Nhà nước về thị trường bất động sản Việt Nam

7.3.1 Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý đối với thị trường bất động sản

7.3.2 Xây dựng và ban hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển thị trường bất động sản

7.3.3 Thực hiện sự kiểm soát hệ thống các giao dịch trên thị trường bất động sản

7.3.4 Hỗ trợ thị trường bất động sản phát triển theo hướng chuẩn tắc, công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh

7.3.5 Bộ máy quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản

7.3.6 Tổ chức hệ thống doanh nghiệp, nắm giữ nguồn hàng lớn để chủ động can thiệp, điều tiết thị trường bất động sản

Tóm tắt chương, câu hỏi thảo luận và bài tập.

Tài liệu tham khảo:

- Đinh Văn Ân, 2011, “Chính sách phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- GS.TS Hoàng Việt, PGS.TS Hoàng Văn Cường, 2008 “Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- GS.TS Đỗ Hoàng Toàn và PGS.TS Mai Văn Bưu: Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế; NXB Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2008.

- GS.TS Nguyễn Đình Hương: Nhà nước và các công cụ kinh tế vĩ mô; NXB Thống kê, năm 2005.

- Gaylon E. Greer (2005): Bất động sản Phương Đông” Nhân Văn Biên dịch. Nhà xuất bản Thanh Hóa

- PGS.TS. Hoàng Văn Cường, 2017, “Giáo trình Thị trường bất động sản”, Chương 7, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, tr. 419- 512.

- PGS.TS. Hoàng Văn Cường (2006), Diễn biến và cơ chế hình thành “con sốt” trên thị trường bất động sản ở Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*.

- PGS.TS Ngô Đức Cát chủ biên, 2000, “Kinh tế tài nguyên đất”.Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

- Lê Xuân Bá: Chính sách thu hút đầu tư vào thị trường bất động sản Việt Nam; NXB Chính trị quốc gia, 2006.

- Luật Kinh doanh bất động sản (2014), Luật Đất đai (2014), Luật Nhà ở (2014), Luật Xây dựng (2014), Luật dân sự (2005), và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành các luật trên.

- TS Bùi Văn Huyền và TS Đinh Thị Nga: Quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản ở Việt Nam; NXB Chính trị quốc gia, năm 2011.

- Dennis J. McKenzie, Richard M. Betts, Carol A. Jensen (2010), *Essentials of Real Estate Economics*.

- PGS.TS Hoàng Văn Cường (2014), Quy luật giá cả - đầu tư và dự báo thị trường bất động sản. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh doanh bất động sản trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi”*, Hà Nội.

- Seldin, Maury and Janes H. Buykin, 1990, “Real Estate analysis” Homwood III. Americal Society of real Estate Counselores and Dowjones- Irwin.

7. GIÁO TRÌNH

Giáo trình Thị trường bất động sản, PGS.TS.Hoàng Văn Cường, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế quốc dân, 2017.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Văn Cường (2017), “Giáo trình Thị trường bất động sản”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

- Đinh Văn Ân, 2011, “Chính sách phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.

- Edwards, Kenneth W. (2007), *Your Successful Real Estate Career*, 5th ed, American Management Association

- GS.TS Hoàng Việt, PGS.TS Hoàng Văn Cường, 2008 “Bình ôn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam”, NXB chính trị quốc gia.
- GS.TS Đỗ Hoàng Toàn và PGS.TS Mai Văn Bưu: Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế; NXB Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2008.
- GS.TS Nguyễn Đình Hương: Nhà nước và các công cụ kinh tế vĩ mô; NXB Thống kê, năm 2005.
- Gaylon E. Greer (2005): Bất động sản Phương Đông” Nhân Văn Biên dịch. Nhà xuất bản Thanh Hóa
- PGS.TS. Hoàng Văn Cường (2006), Diễn biến và cơ chế hình thành “con sốt” trên thị trường bất động sản ở Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*.
- PGS.TS Ngô Đức Cát chủ biên, 2000, “Kinh tế tài nguyên đất”.Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Lê Xuân Bá: Chính sách thu hút đầu tư vào thị trường bất động sản Việt Nam; NXB Chính trị quốc gia, 2006.
- Luật Kinh doanh bất động sản (2014), Luật Đất đai (2014), Luật Nhà ở (2014), Luật Xây dựng (2014), Luật dân sự (2005), và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành các luật trên.
- McCrea, Bridget (2004), *The Real Estate Agent'S Field Guide: Essential Insider Advice for Surviving in a Competitive Market*, 1st ed, American Management Association
- McCrea, Bridget (2005), *The Real Estate Agent's Business Planner: Practical Strategies for Maximizing Your Success*, 1st ed, American Management Association
- Remley, Jim (2005), *Make Million\$ Selling Real Estate: Earning Secrets of Top Agents*, 1st ed, American Management Association
- TS Bùi Văn Huyền và TS Đinh Thị Nga: Quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản ở Việt Nam; NXB Chính trị quốc gia, năm 2011.
- TS. Nguyễn Thị Hải Yến (2015), Đầu tư cá nhân trên thị trường bất động sản Hà Nội, Luận án Tiến sĩ kinh tế.
- Thông tư 20/2010/TT-BXD ngày 27-10-2010 hướng dẫn thí điểm xây dựng và công bố một số chỉ số đánh giá thị trường bất động sản
- Trần Thị Minh Thư, Trần Quốc Khánh (2013): Các chỉ số đánh giá thị trường bất động sản và khả năng áp dụng tại Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển số 196* tháng 10/2013
- Abu-Lughod, J., and M.M. Foley (1960), "The Consumer Votes by Moving," in N.N. Foote, J. Abu-Lughod, M.M. Foley, and L. Winnick (eds.), *Housing Choices*

and Housing Constraints (New York: McGraw-Hill), pp. 134-78.

- Arimah, B. (1997), The Determinants of Housing Tenure Choice in Ibadan, Nigeria, *Urban Studies*, 34(1), 105-124

- Cheshire, P.C., and S. Sheppard, (1995) ‘On the Price of Land and the Value of Amenities’, *Economica*, 62, 247-267

- Charles J. Jacobus, “Real Estate Principle”, Eleventh Edition, pp. 11 – 29

- David Geltner Norman G.Miler, *Commercial Real estate Analysis and Investments*, Part I, chapter 2, p23-37

- Dennis J. McKenzie, Richard M. Betts, Carol A. Jensen (2010), *Essentials of Real Estate Economics*.

- Hoàng Văn Cường (2014), Quy luật giá cả - đầu tư và dự báo thị trường bất động sản. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia “Kinh doanh bất động sản trong bối cảnh thị trường có dấu hiệu phục hồi”*, Hà Nội.

- Norbert J. Stefaniak, Ph.d., C.P.A (1998): *Real Estate Marketing: Developing a professional Career*. Walker- Pearse, LTD, Publisher, Wisconsin, U.S.A

- Novy-Marx, R. (2008). *Hot and Cold Market. Real Economic Markets*, Forthcoming

- Seldin, Maury and Janes H. Buykin, 1990, “Real Estate analysis” Homwood III. *Americal Society of real Estate Counselores and Dowjones- Irwin*.

- Thái Bá Cẩn, *Thị trường bất động sản – Những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*; Nhà xuất bản Tài Chính, Chương 6 mục 5; Chương 9 mục 5

- Phạm Đức Hòa, *Quản lý nhà nước đối với việc sử dụng đất đô thị và hướng hoàn thiện*,

http://moj.gov.vn/tcdcpl/tintuc/Lists/PhapLuatKinhTe/View_Detail.aspx?ItemID=367

-Huy Thắng, Khải Hoàn, *Công trình đề biên xuyên thế kỷ ở Hà Lan*, <http://www.baomoi.com/Cong-trinh-de-bien-xuyen-the-ky-o-Ha-Lan/c/2975257.epi>

-Duy Quang Vũ, *Bài học từ Singapore (và cách chúng ta nên làm với Sài Gòn)* <https://www.facebook.com/notes/915909445089998/>

- <http://sggp.org.vn/xaydungdiaoc/2013/7/324487/>

- Nghiên cứu của Savills về thị trường văn phòng tại Hà Nội 2012-2014: <http://vn.savills.com.vn/research/office-research.aspx>

- www.cbrevietnam.com/vietnam-real-estate-research-consultancy/report (2012-2014)

- http://hvsvn.com/vi/tinTuc/batDongSan/Van-phong-cho-thue-can-tranh-khoc-liet-gia-thue-du-bao-giam_376163.aspx
- <http://www.nhavanphongchothue.com/>
- <http://www.sentinelplace.com.vn>
- <http://www.cprd.com.vn/tin-tuc/45-nam-2014-ky-vong-vao-van-phong-cho-thue.html>
- http://www.xaydung.gov.vn/c/document_library/get_file?p_l_id=47703&folderId=47604&name=16237
- <http://baotintuc.vn/bat-dong-san/xu-huong-thue-van-phong-hien-dai-20140905113853829.htm>
- <http://vneconomy.vn/bat-dong-san/van-phong-cho-thue-tai-ha-noi-tiep-tuc-giam-gia-20140908103611728.htm>

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Dự lớp, thảo luận bài tập tình huống trên lớp đảm bảo $\geq 80\%$ số giờ thì được dự thi cuối học phần
- Điểm chuyên cần: 10% điểm học phần
- Điểm bài tập lớn, thảo luận: 30% điểm học phần
- Kết quả thi cuối học kỳ: 60% điểm học phần

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2019

TRƯỞNG BỘ MÔN
(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Yến

PGS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Kinh doanh Logistics

Tiếng Anh: Logistics Business

Mã học phần: TMKT1121

Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế và Kinh doanh thương mại

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh Thương mại, Kinh tế Thương mại 1.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Trong chương trình đào tạo cử nhân, học phần *Kinh doanh logistics* là học phần bắt buộc nhằm đào tạo các nhà quản trị kinh doanh giỏi trong cơ chế thị trường. Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những nội dung quan trọng liên quan đến tổ chức và quản trị hoạt động kinh doanh logistics trong chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ, bao gồm:

- Logistics và Kinh doanh logistics trong nền kinh tế thị trường;
- Tổ chức và quản trị kinh doanh các dịch vụ logistics cơ bản trong chuỗi cung ứng: kho hàng, bao gói hàng hóa, giao nhận, vận tải hàng hóa, dịch vụ khách hàng và hệ thống thông tin logistics...;
- Tổ chức và quản trị kinh doanh các loại hình kinh doanh và doanh nghiệp logistics và trung tâm logistics trong chuỗi cung ứng.

Những nội dung được đề cập đến trong học phần cung cấp cho người học cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến kinh doanh logistics với tư cách là một ngành dịch vụ mũi nhọn hiện nay ở nước ta, giúp người học tạo lập, rèn luyện và phát triển các

ng nghiệp vụ kinh doanh logistics một cách chuyên nghiệp cũng như xử lý các tình huống thực tế phát sinh kinh doanh logistics. Thông qua nghiên cứu học phần Kinh doanh Logistics, người học có khả năng vận dụng tốt các kiến thức về kinh doanh logistics vào quá trình tổ chức, quản lý và điều khiển các hoạt động kinh doanh.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Học phần *Kinh doanh Logistics* trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh doanh logistics, cũng như các kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp trong giải quyết xử lý các tình huống kinh doanh logistics phát sinh trong thực tế. Cụ thể, nghiên cứu học phần này, người học có khả năng:

- *Về kiến thức:* Nắm chắc các kiến thức về logistics, các nghiệp vụ kinh doanh logistics, nội dung và các nhân tố ảnh hưởng đến kinh doanh Logistics.

- *Về kỹ năng:* Biết cách giải quyết các tình huống liên quan đến kinh doanh logistics phát sinh trong thực tiễn, thực hiện tốt tiến trình kinh doanh logistics đối với các loại hình dịch vụ khác nhau cho các đối tượng khách hàng khác nhau, thành thạo các nghiệp vụ và kỹ năng logistics.

- *Về thái độ:* Có ý thức nghiêm túc về nghề logistics, người cung cấp dịch vụ kinh doanh logistics. Tin tưởng và vận dụng được kiến thức để trở thành nhà kinh doanh logistics chuyên nghiệp.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

TT	Buổi (2 tiết)	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
1	Buổi 1	Chương 1	2	0	
2	Buổi 2	Chương 1	1	1	
3	Buổi 3	Chương 2	2	0	
4	Buổi 4	Chương 2	1	1	
5	Buổi 5	Chương 3	2	0	
6	Buổi 6	Chương 3	1	1	

TT	Buổi (2 tiết)	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra	
7	Buổi 7	Chương 4	2	0	
8	Buổi 8	Chương 4	1	1	
9	Buổi 9	Chương 4	2	0	
10	Buổi 10	Chương 5	1	1	
11	Buổi 11	Chương 5	2	0	
12	Buổi 12	Chương 5	1	1	
13	Buổi 13	Chương 6	1	1	KT 1 Tiết
14	Buổi 14	Chương 6	1	1	
15	Buổi 15	Chương 6	1	1	
16	Buổi 16	Chương 7	1	1	
17	Buổi 17	Chương 7	1	1	KT 1 Tiết
18	Buổi 18	Chương 8	1	1	
19	Buổi 19	Chương 8	1	1	
	Tổng cộng		25	13	

CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN KINH DOANH LOGISTICS

Giới thiệu tóm tắt nội dung chương: Chương 1 trang bị kiến thức về cơ sở ra đời và phát triển của logistics và kinh doanh logistics; vai trò của logistics trong nền kinh tế quốc dân; xu hướng phát triển của logistics và kinh doanh logistics; đối tượng nghiên cứu của học phần và quan hệ với các học phần khác của khoa học xã hội và nhân văn; những nhiệm vụ đặt ra cho người học và phương pháp nghiên cứu học phần.

1.1. Logistics trong nền Kinh tế Quốc dân

- 1.1.1. Sự ra đời và phát triển của logistics
- 1.1.2. Khái niệm và phân loại logistics
- 1.1.3. Dịch vụ logistics
- 1.1.4. Vai trò của logistics trong nền kinh tế quốc dân

1.1.5. Xu hướng phát triển của logistics và kinh doanh logistics

1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu học phần

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu học phần

1.2.2. Mối quan hệ với các học phần khác

1.2.3. Nhiệm vụ nghiên cứu học phần

1.3. Phương pháp nghiên cứu học phần

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.

2. Đặng Đình Đào, Nguyễn Minh Sơn (2012), *Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, chương 1.

3. Đinh Lê Hải Hà (2011), *Bàn về các giác độ tiếp cận khi nghiên cứu và ứng dụng logistics trong kinh tế và kinh doanh hiện nay*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Số 171.

4. Ronald H. Ballou (2008), *Business Logistics/Supply Chain Management*, Pearson Education International, Prentice Hall, chapter 1, 2.

5. World Bank (2007 – 2016), *Logistics Performance Index Annual Report*.

CHƯƠNG 2: TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH LOGISTICS

Giới thiệu tóm tắt nội dung chương: Chương 2 đề cập đến các nội dung cơ bản về kinh doanh logistics trong nền kinh tế quốc dân, bao gồm: Khái niệm và đặc điểm kinh doanh logistics; Loại hình kinh doanh logistics; Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics (LSP) và Nội dung kinh doanh logistics.

2.1. Khái niệm và đặc điểm kinh doanh logistics

2.1.1. Khái niệm kinh doanh logistics

2.1.2. Đặc điểm kinh doanh logistics

2.2. Loại hình kinh doanh logistics trong nền Kinh tế Quốc dân

2.2.1. Theo mức độ cung cấp dịch vụ (2PL, 3PL...)

2.2.2. Theo loại hình dịch vụ cung cấp

2.3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics (LSP)

2.3.1. Khái niệm doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics (LSP)

2.3.2. Phân loại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics

2.3.3. Đặc điểm doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ logistics

2.4. Nội dung kinh doanh logistics

2.4.1. Nghiên cứu thị trường dịch vụ logistics

- 2.4.2. Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh logistics
- 2.4.3. Huy động và sử dụng các nguồn lực
- 2.4.4. Tổ chức các nghiệp vụ kinh doanh logistics
- 2.4.5. Quản trị và đánh giá hoạt động kinh doanh logistics

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.
2. Lynch, J. (2013), *The Ultimate Guide to 3PL services*, The LogisticsofLogistics.com.
3. Papadopoulou, C. (2012), *An overview of Third Party Logistics Industry*.
4. Skender, H.P., Alen Host and Melisa Nuhanovic (2016), *The role of logistics service providers in international trade*, University of Rijeka, Croatia.

CHƯƠNG 3: THỊ TRƯỜNG LOGISTICS VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Giới thiệu tóm tắt nội dung chương: Chương 3 giới thiệu các nội dung về thị trường logistics, môi trường kinh doanh logistics, bao gồm các yếu tố của môi trường logistics vĩ mô, môi trường ngành kinh doanh logistics và doanh nghiệp

3.1. Thị trường logistics và xu hướng vận động

3.2. Môi trường kinh doanh logistics

- 3.2.1. Môi trường kinh doanh vĩ mô
- 3.2.2. Môi trường kinh doanh ngành
- 3.2.3. Môi trường của doanh nghiệp

3.3. Cơ sở pháp lý trong kinh doanh logistics

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.
2. Đặng Đình Đào, Nguyễn Minh Sơn (2012), *Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia
3. Đinh Lê Hải Hà (2012), *Phát triển logistics ở Việt Nam hiện nay*, Viện Nghiên cứu Thương mại.
4. Lynch, J. (2013), *The Ultimate Guide to 3PL services*, The LogisticsofLogistics.com.
5. World Bank (2007 – 2016), *Logistics Performance Index Annual Report*.

CHƯƠNG 4: CƠ SỞ HẠ TẦNG TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ LOGISTICS

Giới thiệu tóm tắt nội dung chương: Chương 4 đề cập đến những nội dung cơ bản

về cơ sở hạ tầng logistics, kết cấu cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các nội dung quản trị hoạt động của trung tâm logistics như: Khái niệm và vai trò của trung tâm logistics; Phân loại trung tâm logistics; Các mô hình trung tâm logistics, tổ chức và quản lý hoạt động.

1.1. Khái quát về cơ sở hạ tầng logistics

1.2. Kết cấu cơ sở hạ tầng logistics và vai trò của nó trong hoạt động

kinh doanh dịch vụ logistics

1.3. Trung tâm logistics trong hệ thống kết cấu hạ tầng kinh doanh

1.3.1. Khái niệm và vai trò của trung tâm logistics

1.3.2. Phân loại trung tâm logistics

1.3.3. Mô hình tổ chức và quản lý trung tâm logistics

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.

2. Đặng Đình Đào (2013), *Một số vấn đề về xây dựng và phát triển hệ thống logistics theo hướng bền vững ở nước ta trong hội nhập quốc tế*, NXB Lao động xã hội.

3. Phạm Nguyên Minh (2016) *Một số vấn đề thương mại và logistics thời kỳ đổi mới (1986 – 2016)*, NXB Lao động xã hội.

CHƯƠNG 5: KINH DOANH DỊCH VỤ LOGISTICS

Giới thiệu tóm tắt nội dung chương: Chương 5 giới thiệu khái quát kinh doanh dịch vụ logistics, phương pháp lập kế hoạch và nội dung tổ chức kinh doanh một số loại hình dịch vụ logistics chủ yếu, bao gồm: dịch vụ vận tải, giao nhận; dịch vụ kho bãi, dịch vụ bao gói; dịch vụ gom hàng và một số dịch vụ khác.

5.1. Khái quát về kinh doanh dịch vụ logistics

5.2. Phương pháp lập kế hoạch kinh doanh dịch vụ logistics

5.3. Kinh doanh một số loại dịch vụ logistics chủ yếu

5.3.1. Kinh doanh dịch vụ vận tải, giao nhận

5.3.2. Kinh doanh dịch vụ kho bãi

5.3.3. Kinh doanh dịch vụ bao gói

5.3.4. Kinh doanh dịch vụ gom hàng

5.3.5. Kinh doanh các dịch vụ gia tăng giá trị khác

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.

2. Đặng Đình Đào, Nguyễn Minh Sơn (2012), *Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, chương 1.

3. Ballou (2008), *Business Logistics/Supply Chain Management*, Pearson Education International, Prentice Hall, chapter 6, 7, 8, 9, 11, 12.
4. Lynch, J. (2013), *The Ultimate Guide to 3PL services*, The LogisticsofLogistics.com..
5. Papadopoulou, C. (2012), *An overview of Third Party Logistics Industry*.

CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LOGISTICS

Giới thiệu tóm tắt nội dung chương: Chương 6 đề cập đến các nội dung cơ bản về tổ chức các mối quan hệ kinh tế trong kinh doanh logistics và tổ chức thực hiện và kiểm soát hoạt động kinh doanh logistics như: Tổ chức hoạt động và các nguồn lực logistics; Kiểm soát hoạt động logistics và đo lường kết quả hoạt động; Quản trị chi phí logistics.

- 6.1. Tổ chức các mối quan hệ kinh tế trong kinh doanh logistics**
- 6.2. Tổ chức hoạt động và các nguồn lực logistics**
- 6.3. Kiểm soát hoạt động logistics**
- 6.4. Quản trị chi phí logistics**

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.
2. Ballou, R.H., (2008), *Business Logistics/Supply Chain Management*, Pearson Education International, Prentice Hall, chapter 15, 16.
3. Nguyễn Thông Thái, An Thị Thanh Nhân (2011), *Giáo trình Quản trị Logistics kinh doanh*, NXB Thống kê, chương 6.

CHƯƠNG 7: HẠCH TOÁN KINH DOANH LOGISTICS

Giới thiệu tóm tắt nội dung chương: Chương 7 giới thiệu khái niệm, và đặc điểm hạch toán kinh doanh logistics, vốn kinh doanh trong logistics và vấn đề hiệu quả kinh doanh logistics trong chuỗi cung ứng dịch vụ.

- 7.1. Vai trò và đặc điểm hạch toán kinh doanh logistics**
- 7.2. Nguyên tắc hạch toán kinh doanh logistics trong chuỗi cung ứng**
- 7.3. Vốn kinh doanh logistics**
- 7.4. Hiệu quả kinh doanh logistics trong chuỗi cung ứng**

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.

2. Ballou (2008), *Business Logistics/Supply Chain Management*, Pearson Education International, Prentice Hall, chapter 6, 7, 8, 9, 11, 12.

3. Đặng Đình Đào (2013), *Một số vấn đề về xây dựng và phát triển hệ thống logistics theo hướng bền vững ở nước ta trong hội nhập quốc tế*, NXB Lao động xã hội

4. Đặng Đình Đào, Nguyễn Minh Sơn (2012), *Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị quốc gia, chương 1.

CHƯƠNG 8: KINH DOANH LOGISTICS TRONG CHUỖI CUNG ỨNG KHU VỰC VÀ TOÀN CẦU

Giới thiệu tóm tắt nội dung: Chương 8 giới thiệu các nội dung liên quan đến kinh doanh logistics trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, yếu tố cấu thành và xu hướng phát triển chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu; pháp luật quốc tế trong kinh doanh logistics; vai trò và hoạt động của nhà cung cấp dịch vụ logistics trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

8.1. Tổng quan về chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu

8.1.1. Chuỗi cung ứng: khái niệm, cấu trúc, các yếu tố cấu thành

8.1.2. Chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu: đặc điểm và xu hướng

8.2. Pháp luật quốc tế trong kinh doanh logistics

8.3. Vai trò của doanh nghiệp logistics trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu

8.4. Hoạt động của doanh nghiệp logistics trong chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu

Tài liệu tham khảo của chương:

1. Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại, *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.

2. Blanchard, D. (2010), *Supply Chain Management Best Practices*.

3. Lynch, J. (2013), *The Ultimate Guide to 3PL services*, The LogisticsofLogistics.com.

4. Papadopoulou, C. (2012), *An overview of Third Party Logistics Industry*.

5. World Bank (2007 – 2016), *Logistics Performance Index Annual Report*.

7. GIÁO TRÌNH:

Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh Thương mại (2017), *Bài giảng Kinh doanh Logistics*.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đặng Đình Đào, Nguyễn Minh Sơn (2012), *Dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế*, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
2. Đặng Đình Đào (2013), *Một số vấn đề về xây dựng và phát triển hệ thống logistics theo hướng bền vững ở nước ta trong hội nhập quốc tế*, NXB Lao động xã hội.
3. Đặng Đình Đào (2013), *Hoạt động logistics và Thương mại doanh nghiệp*, NXB Lao động xã hội.
4. Đoàn Thị Hồng Vân (2003), *Logistics - Những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
5. Đoàn Thị Hồng Vân (2006), *Quản trị Logistics*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
6. Đinh Lê Hải Hà (2012), *Phát triển logistics ở Việt Nam hiện nay*, Viện Nghiên cứu Thương mại.
7. Nguyễn Thông Thái, An Thị Thanh Nhân (2011), “*Giáo trình Quản trị logistics kinh doanh*”, Nhà xuất bản Thống kê.
8. Ballou, R. H. (2008), *Business logistics/supply chain management*, 5th edition, Pearson Prentice Hall, USA.
9. Cerasis (2012), *The Essential Guide to Third Party Logistics: What is a 3PL, Considerations for Hiring, & How to Select & Implement a 3PL*.
10. Lynch, J. (2013), *The Ultimate Guide to 3PL services*, The Logistics of Logistics.com.
11. Papadopoulou, C. (2012), *An overview of Third Party Logistics Industry*.
12. Ruston, Alan, Phil Groucher and Peter Baker (2014), *The handbook of logistics and distribution management*, The Chartered Institute of Logistics and Transportation, United Kingdom, 5th edition, Kogan Page.
13. World Bank (2007 – 2016), *Logistics Performance Index Annual Report*.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN:

- Điểm đánh giá của giảng viên: 10% (theo Quy định chung của Trường)
- Điểm kiểm tra: 40%, bao gồm 2 bài kiểm tra, mỗi bài có trọng số 20%.
- Điểm thi hết học phần: 50%.

10. GIẢNG VIÊN:

Giảng viên phụ trách môn học: TS. Đinh Lê Hải Hà

Giảng viên tham gia giảng dạy:

1. GS.TS. Đặng Đình Đào
2. TS. Đặng Thị Thúy Hồng
3. ThS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt
4. ThS. Trần Đức Hạnh

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT

(Ban hành kèm theo quyết định số QĐ/ĐHKQTĐ, ngày tháng năm
2019)

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT (GENERAL INFORMATION)

Tiếng Việt: Quản trị Thương hiệu

Tiếng Anh: Brand Management

- Mã số học phần..... MKTT1114
- Thuộc khối kiến thức.....Ngành
- Số tín chỉ³ (40 giờ, tương đương 48 tiết)
- + Số tiết lý thuyết.....30
- + Số tiết thảo luận, thực hành18
- Các học phần tiên quyếtKinh tế vi mô 1

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN:

Giảng viên: (Bộ môn Truyền thông Marketing)

Địa chỉ liên hệ: 1304, Nhà A1, Khoa Marketing

Email:

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN (COURSE DESCRIPTIONS)

Quản trị Thương hiệu là học phần thuộc nhóm kiến thức ngành Marketing trong chương trình đào tạo đại học Ngành Marketing.

Mục đích của học phần: cung cấp tư duy hiện đại về quản trị thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty qua thương hiệu, cung cấp khả năng ra các quyết định về marketing liên quan đến thương hiệu. Ngoài ra, trong học phần này còn đề cập đến nội dung bảo vệ thương hiệu, quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu.

Nội dung học phần: giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị thương hiệu như: khái niệm, bản chất thương hiệu, đặc tính và nhận diện thương hiệu, định vị và hình ảnh thương hiệu. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về xây dựng và phát triển thương hiệu trên thị trường, đặc biệt là những nguyên tắc xây dựng và

phát triển thương hiệu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO (LEARNING RESOURCES: COURSE BOOKS, REFERENCE BOOKS, AND SOFTWARES)

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Prentice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (COURSE GOALS)

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Hiểu các thuật ngữ liên quan đến thương hiệu: góc độ pháp lý và góc độ marketing	PLO2.1.1	II
G2	Nắm được những kiến thức nền tảng về quản trị thương hiệu cho doanh nghiệp.	PLO2.2.1	II
G3	Hiểu biết về môi trường marketing để xây dựng tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu chiến lược thương hiệu. Đánh giá được những tác động ảnh hưởng từ các yếu tố của môi trường marketing đến quản trị thương hiệu	PLO2.2.1	III
G4	Có khả năng tích hợp những kiến thức & kỹ năng xây dựng định hướng giá trị thương hiệu, chiến lược định vị, đặc tính và hình ảnh thương hiệu và hệ thống nhận diện thương hiệu	PLO2.4.1	IV

G5	Có khả năng ứng dụng kiến thức và kỹ năng vào quản trị các hoạt động truyền thông thương hiệu và quản lý thương hiệu theo thời gian	PLO2.7.1	IV
----	---	----------	----

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (COURSE LEARNING OUTCOMES)

Bảng 6.1. Năng lực người học học phần (CLO)

CDR	CLOS	Mô tả năng lực người học	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
2.1.1	CLO1.1.1	Mô tả các thuật ngữ liên quan đến quản trị thương hiệu ở góc độ pháp lý và góc độ marketing	II
	CLO1.1.2	Tóm tắt các tài liệu có liên quan đến bài giảng quản trị thương hiệu	II
	CLO1.1.3	Hiểu được những khái niệm căn bản của quản trị thương hiệu	II
	CLO1.1.4	Tổng hợp những kiến thức nền tảng về tổ chức vận hành hoạt động quản trị thương hiệu ở một doanh nghiệp	II
2.2.1	CLO2.2.1	Có khả năng phân tích nắm bắt được môi trường marketing	III
	CLO2.2.2	Hiểu được ảnh hưởng của các yếu tố từ môi trường liên quan đến các hoạt động quản trị thương hiệu	III
	CLO2.2.3	Sử dụng thông tin và chuyển đổi kiến thức quản trị thương hiệu đưa ra các định hướng về quản trị thương hiệu.	III
2.4.1	CLO4.2.1	Tổng hợp thông tin để đưa ra cho các quyết định cụ thể chiến lược thương hiệu: xây dựng giá trị, đặc tính, định vị và hình ảnh thương hiệu cho một doanh nghiệp	IV
	CLO4.2.2	Phân tích, đánh giá tình huống để đưa ra các quyết	IV

CDR	CLOS	Mô tả năng lực người học	Trình độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
		định về chiến lược thương hiệu.	
2.7.1	CLO7.1.1	Ứng dụng được các kiến thức có thể đưa ra các đề xuất về quản lý thương hiệu theo thời gian.	IV
	CLO7.1.2	Khả năng ứng dụng các kiến thức được học để giải quyết các vấn đề quản trị thương hiệu trong những tình huống cụ thể.	IV

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN (COURSE ASSESSMENT)

Bảng 7.3. Đánh giá học phần

Hình thức đánh giá	Nội dung	Thời điểm	NLNH học phần (CLOa.b.c)	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Chuyên cần	Ý thức	Tuần 1-13	CLO1.1.1- CLO1.1.4 CLO2.3.1- CLO2.3.4	Đi học đúng giờ	10%
	Năng lực			Tích cực tương tác	
	Thái độ			Tham gia	
Bài tập cá nhân/kiểm tra (phân tích tình huống)	Chủ đề (yêu cầu lựa chọn tình huống)	Tuần 2 -6	CLO2.2.1 CLO2.2.2 CLO2.2.3 CLO4.2.1 CLO4.2.2	Kết cấu và nội dung Hình thức trình bày	20%
	Nội dung giải quyết				
	Nhận xét				

Hình thức đánh giá	Nội dung	Thời điểm	NLNH học phần (CLOa.b.c)	Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Bài tập nhóm	Lựa chọn tình huống	Tuần 7 - 13	CLO2.2.1 CLO4.2.1	Cơ sở và tính khả thi vấn đề xác định Kết quả phân tích Mức độ hợp tác trong thành viên nhóm Hiệu quả đánh giá	20%
	Xác định vấn đề thương hiệu				
	Phân tích thực trạng chiến lược thương hiệu				
	Đánh giá chiến lược thương hiệu				
	Đề xuất chiến lược thương hiệu		CLO7.1.1 CLO7.1.2	Tính khả thi của đề xuất	
Kiểm thi cuối kỳ	Ôn tập	Theo lịch của nhà trường	CLO1.1.1 CLO1.1.2 CLO1.1.3 CLO1.1.4 CLO2.2.1 CLO2.2.2 CLO2.2.3 CLO4.2.1 CLO7.1.1 CLO7.1.2	Câu hỏi luận Bài tập tình huống	50%

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (LESSON PLAN)

8.1 Nội dung giảng dạy

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG HIỆU:

Sau khi học xong chương 1, sinh viên có thể:

- 1) *Nắm được sự ra đời và phát triển của thương hiệu;*
- 2) *Nắm vững khái niệm thương hiệu và các thuật ngữ liên quan;*
- 3) *Nắm vững vai trò, chức năng và nhiệm vụ thương hiệu*
- 4) *Phân loại được thương hiệu;*
- 5) *Hiểu và nắm vững các quan điểm về quản trị thương hiệu, quá trình quản trị thương hiệu*

trị thương hiệu

- 1.1 *Sự ra đời và phát triển thương hiệu*
- 1.2 *Khái niệm thương hiệu*
- 1.3 *Phạm vi thương hiệu*
- 1.4 *Vai trò, chức năng và nhiệm vụ của thương hiệu*

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Pretice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 2: CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU:

Sau khi học xong chương 2, sinh viên có thể:

- *Hiểu được bản chất của chiến lược thương hiệu;*
- *Có khả năng phân tích nội dung chiến lược thương hiệu;*
- *Nắm được các nguyên tắc quản trị thương hiệu;*
- *Hoạch định và thực hiện và phát triển chiến lược thương hiệu.*

- 2.1 *Bản chất chiến lược thương*
- 2.2 *Nội dung chất chiến lược thương hiệu*
- 2.3 *Quản trị quá trình xây dựng chiến lược*
- 2.4 *Các loại hình phát triển chiến lược*

Tài liệu tham khảo của chương

3[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

4[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Pretice Hall, 3th, edition

5[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 3: GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU:

Sau khi học xong chương 3, sinh viên có thể:

- *Hiểu những khái niệm về tài sản và giá trị thương hiệu;*
- *Hiểu được các cơ sở xây dựng tài sản thương hiệu;*
- *Hoạch định được chiến lược xây dựng tài sản và giá trị thương hiệu.*

1.1 Khái quát chung về giá trị thương hiệu

1.2 Cơ sở xây dựng giá trị thương hiệu

1.3 Các phương pháp đánh giá giá trị thương hiệu

Tài liệu tham khảo của chương

2. [1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

3. [2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Pretice Hall, 3th, edition

4. [3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 4: ĐỊNH VỊ THƯƠNG HIỆU

Sau khi học xong chương 4, sinh viên có thể:

- *Nắm được bản chất chiến lược định vị thương hiệu;*
- *Hiểu được quá trình định vị thương hiệu;*

Hoạch định và thực hiện chiến lược định vị thương hiệu

4.1 Khái niệm định vị thương hiệu

4.2 Hoạt động trọng tâm

4.3 Quá trình định vị thương hiệu

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Pretice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 5: ĐẶC TÍNH THƯƠNG HIỆU:

Sau khi học xong chương 5, sinh viên có thể:

- *Hiểu được đặc tính thương hiệu;*
- *Nắm vững và hiểu cơ sở xây dựng, duy trì và phát triển đặc tính thương hiệu;*
- *Hoạch định và thực hiện tiến trình xây dựng đặc tính thương hiệu;*

5.1 Quan niệm đặc tính thương hiệu

5.2 Các khía cạnh đặc tính thương hiệu

5.3 Quyết định đặc tính thương hiệu

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Pretice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 6: HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU:

Sau khi học xong chương 6, sinh viên có thể:

- *Nắm được bản chất hình ảnh thương hiệu;*
- *Hiểu được giá trị của xây dựng hình ảnh thương hiệu;*
- *Nắm vững các nhân tố chi phối đến hình ảnh thương hiệu*
- *Hiểu và nắm vững các nguyên tắc xây dựng hình ảnh thương hiệu*

6.1 Quan niệm hình ảnh thương hiệu

6.2 Nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng hình ảnh thương hiệu

6.3 Nguyên tắc xây dựng hình ảnh thương hiệu

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Prentice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 7: HỆ THỐNG NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU:

Sau khi học xong chương 7, sinh viên có thể:

- *Nắm được quan niệm, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống nhận diện thương hiệu;*

- *Hiểu được bản sắc hệ thống nhận diện thương hiệu;*

- *Nắm vững và hiểu cơ sở xây dựng, duy trì và phát triển bản sắc nhận diện thương hiệu;*

- *Hoạch định và thực hiện tiến trình xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu;*

- *Duy trì và phát triển hệ thống nhận diện thương hiệu trong kinh doanh.*

7.1 Khái quát về hệ thống nhận diện thương hiệu

7.2 Bản sắc hệ thống nhận diện thương hiệu

7.3 Hệ thống nhận diện thương hiệu trong truyền thông

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Prentice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 8: TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU:

Sau khi học xong chương 8, sinh viên có thể:

- *Nắm được bản chất của đo lường giá trị thương hiệu;*

- *Hiểu và nắm vững các phương pháp đánh giá giá trị thương hiệu;*

8.1 Bản chất khuếch trương thương hiệu

8.2 Các nhân tố chi phối hoạt động khuếch trương thương hiệu

8.3 Tiến trình khuếch trương thương hiệu

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Prentice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 9: DUY TRÌ, KHAI THÁC, PHÁT TRIỂN VÀ BẢO VỆ THƯƠNG HIỆU:

Sau khi học xong chương 9, sinh viên có thể:

- *Hiểu được các nguyên tắc khai thác, phát triển và bảo vệ thương hiệu;*

- *Nắm vững các hoạt động khai thác và phát triển thương hiệu;*

- *Hiểu được ý nghĩa của sự vẹn toàn thương hiệu;*

- *Nắm được các nội dung cơ bản, các công cụ bảo vệ sự vẹn toàn của thương hiệu.*

9.1 Duy trì thương hiệu

9.2 Khai thác thương hiệu

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Prentice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 10: THƯƠNG HIỆU CÁ NHÂN:

Sau khi học xong chương 10 sinh viên có thể:

- *Hiểu được bản chất của thương hiệu cá nhân;*
- *Nắm vững cách thức định vị và quy trình xây dựng thương hiệu cá nhân;*
- *Nắm vững phương pháp phát triển thương hiệu cá nhân;*
- *Hiểu bản chất của đại sứ thương hiệu và một số thương hiệu điển hình.*

10.1 Tổng quan về thương hiệu cá nhân

10.2 Xây dựng & phát triển thương hiệu cá nhân

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Prentice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 11: THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA:

Sau khi học xong chương 11, sinh viên có thể:

- *Nắm được bản chất thương hiệu quốc gia;*
- *Nắm vững phạm vi và quy mô của xây dựng thương hiệu quốc gia;*
- *Hiểu và nắm vững đạo đức và tính thực tiễn trong xây dựng thương hiệu quốc gia;*

Nắm vững phương pháp hoạch định chiến lược thương hiệu quốc gia

11.1 Tổng quan về thương hiệu quốc gia

11.2 Phạm vi, quy mô của thương hiệu quốc gia

11.3 Chiến lược xây dựng thương hiệu quốc gia

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Prentice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà*

quản lý, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

CHƯƠNG 12: THƯƠNG HIỆU TOÀN CẦU:

Sau khi học xong chương 12, sinh viên có thể:

- *Nắm được bản chất của thương hiệu toàn cầu;*
- *Nắm vững cơ sở xây dựng thương hiệu toàn cầu;*
- *Nắm vững phương pháp hoạch định chiến lược thương hiệu toàn cầu.*

12.1 Tổng quan về thương hiệu toàn cầu

12.2 Cơ sở xây dựng thương hiệu toàn cầu

12.3 Chiến lược xây dựng thương hiệu toàn cầu

Tài liệu tham khảo của chương

[1] Nguyễn Quang Dũng (2017), *Slides bài giảng Quản trị Thương hiệu*, ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Kevein Lane Keller (2008), *Strategy Brand Management*, NXB Pearson Pretice Hall, 3th, edition

[3] Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), *Thương hiệu với nhà quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin Hà Nội.

8.2 Kế hoạch giảng dạy

Tuần	Nội dung/chương	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	
1	1	Chương 1: Tổng quan về thương hiệu: 1.5 Sự ra đời và phát triển thương hiệu 1.6 Khái niệm thương hiệu	CLO1.1.1 CLO1.1.2	Học ở lớp Thuyết giảng	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
		1.7 Phạm vi thương hiệu 1.8 Vai trò, chức năng và nhiệm vụ	CLO1.1.2 CLO 1.1.3	Học ở nhà, đọc trước chương 2 Học ở lớp	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ

Tuần	Nội dung/chương	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
		vụ của thương hiệu		Thuyết giảng Thảo luận	
2-3	2	Chương 2: Chiến lược thương hiệu: 5.1 Bản chất chiến lược thương 5.2 Nội dung chất chiến lược thương hiệu	CLO 2.1.1 CLO 2.1.2	Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
		5.3 Quản trị quá trình xây dựng chiến lược 5.4 Các loại hình phát triển chiến lược	CLO 2.1.1 CLO 2.1.2	Học ở nhà, đọc trước chương 3 Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
4	3	Chương 3: Giá trị thương hiệu: 4.1 Khái quát chung về giá trị thương hiệu	CLO 4.1.1	Học ở lớp Thuyết giảng	
		4.2 Cơ sở xây dựng giá trị thương hiệu 4.3 Các phương pháp đánh giá giá trị thương hiệu	CLO 5.1.1	Học ở nhà, đọc trước chương 4 Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài kiểm tra Bài thi cuối kỳ
5	4	Chương 4: Định vị thương hiệu 4.1 Khái niệm định vị thương hiệu	CLO 5.1.1	Học ở nhà Học ở lớp Thuyết giảng	

Tuần	Nội dung/chương	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
		4.2 Hoạt động trọng tâm			
		4.3 Quá trình định vị thương hiệu	CLO 5.1.2	Học ở nhà, đọc trước chương 5 Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
6	5	Chương 5: Đặc tính thương hiệu: 5.1 Quan niệm đặc tính thương hiệu	CLO 4.1.1 CLO 5.1.1	Học ở lớp Thuyết giảng	
		5.2 Các khía cạnh đặc tính thương hiệu 5.3 Quyết định đặc tính thương hiệu	CLO 5.1.2	Học ở nhà đọc trước chương 6 Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
7	6	Chương 6: Hình ảnh thương hiệu: 6.1 Quan niệm hình ảnh thương hiệu 6.2 Nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng hình ảnh thương hiệu	CLO 4.1.1 CLO 5.1.1	Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	
		6.3 Nguyên tắc xây dựng hình ảnh thương hiệu	CLO 5.1.2	Học ở nhà đọc trước chương 7 Học ở lớp	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ

Tuần	Nội dung/chương	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
				Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	
8	7	Chương 7: Hệ thống nhận diện thương hiệu: 7.1 Khái quát về hệ thống nhận diện thương hiệu	CLO 2.1.2 CLO 4.1.1	Học ở lớp Thuyết giảng	
		7.2 Bản sắc hệ thống nhận diện thương hiệu 7.3 Hệ thống nhận diện thương hiệu trong truyền thông	CLO 5.1.1	Học ở nhà đọc trước chương 8 Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
9	8	Chương 8: Truyền thông thương hiệu: 8.1 Bản chất khuếch trương thương hiệu 8.2 Các nhân tố chi phối hoạt động khuếch trương thương hiệu	CLO 5.1.1	Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
		8.3 Tiến trình khuếch trương thương hiệu	CLO 5.1.2	Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ

Tuần	Nội dung/chương	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
10	9	Chương 9: Duy trì, khai thác, phát triển và bảo vệ thương hiệu: 9.1 Duy trì thương hiệu	CLO7.1.1	Học ở nhà đọc trước chương 9-12 Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
		9.2 Khai thác thương hiệu	CLO 7.1.2	Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ
11	10-11	Chương 10: Thương hiệu cá nhân: 10.1 Tổng quan về thương hiệu cá nhân 10.2 Xây dựng & phát triển thương hiệu cá nhân Chương 11: Thương hiệu quốc gia: 11.1 Tổng quan về thương hiệu quốc gia 11.2 Phạm vi, quy mô của thương hiệu quốc gia 11.3 Chiến lược xây dựng thương hiệu quốc gia	CLO 5.1.2 CLO 7.1.1 CLO 7.1.2	Học ở nhà Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	Bài tập nhỏ trên lớp Bài thi cuối kỳ

Tuần	Nội dung/chương	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	
12	12	Chương 12: Thương hiệu toàn cầu: 12.1 Tổng quan về thương hiệu toàn cầu 12.2 Cơ sở xây dựng thương hiệu toàn cầu 12.3 Chiến lược xây dựng thương hiệu toàn cầu	CLO 5.1.2 CLO 7.1.1 CLO 7.1.2	Học ở nhà Học ở lớp Thuyết giảng Thảo luận Trình bày	
13		Báo cáo bài tập nhóm			Câu hỏi ngắn Thảo luận

8.2 Giảng dạy thực hành

Tuần	Buổi học	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	
5	1	Bài thực hành 1: Lựa chọn chủ đề/tình huống xây dựng chiến lược thương hiệu	CLO2.2.1 CLO 2.2.2	Giảng viên hướng dẫn Trao đổi cách lựa chọn chủ đề	Đánh giá đề xuất lựa chọn chủ đề
	2	Thực hành 1: Lựa chọn chủ đề/tình huống xây dựng chiến lược thương	CLO2.2.1 CLO 4.2.1	Các nhóm sinh viên lựa chọn chủ đề ở nhà Giảng viên góp ý trên lớp	Đánh giá tính khả thi đề xuất lựa chọn chủ đề

Tuần	Buổi học	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]
		hiệu			
7	1	Thực hành 2: Đánh giá thực trạng chiến lược thương hiệu	CLO 4.2.1 CLO 4.2.2	Các nhóm sinh viên phân tích ở nhà Giảng viên góp ý trên lớp	Đánh giá tính khả thi đề xuất lựa chọn chủ đề
	2	Thực hành 2: Đánh giá thực trạng chiến lược thương hiệu (tiếp)	CLO 4.2.2	Các nhóm sinh viên phân tích ở nhà Giảng viên góp ý trên lớp	Đánh giá quá trình (sự thống nhất của chiến lược thương hiệu)
7	1	Thực hành 3: Phân tích môi trường xây dựng chiến lược	CLO 2.2.1 CLO 2.2.2	Các nhóm sinh viên phân tích ở nhà Giảng viên góp ý trên lớp	Đánh giá quá trình (cách tiếp cận môi trường chiến lược thương hiệu)
	2	Phân tích môi trường xây dựng chiến lược	CLO 2.2.1 CLO 2.2.2	Các nhóm sinh viên phân tích ở nhà Giảng viên góp ý trên lớp	Đánh giá quá trình (cách tiếp cận môi trường chiến lược thương hiệu)
8	1	Thực hành 3 (tiếp): Xác định vấn đề chiến lược (tình huống nhóm)	CLO 2.2.1 CLO 2.2.2 CLO 4.2.1 CLO 4.2.2	Các nhóm sinh viên phân tích ở nhà Báo cáo xác định vấn đề Giảng viên góp ý trên lớp	Đánh giá quá trình (xác định vấn đề chiến lược thương hiệu)

Tuần	Buổi học	Nội dung	NLNH học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
[1]		[2]	[3]	[4]	[5]
	2	Thực hành 3 (tiếp): Xác định vấn đề chiến lược (tình huống nhóm)	CLO 2.2.1 CLO 2.2.2 CLO 4.2.1 CLO 4.2.2	Các nhóm sinh viên phân tích ở nhà Báo cáo xác định vấn đề Giảng viên góp ý trên lớp	Đánh giá quá trình (xác định nguyên nhân/vấn đề chiến lược thương hiệu)
13	1	Đề xuất xây dựng chiến lược thương hiệu (tình huống)	CLO 7.1.1 CLO 7.1.2	Thuyết trình nhóm: slides powerpoint. Mỗi nhóm có 10- 15p trình bày và hỏi đáp	Thuyết trình
	2	Đề xuất xây dựng chiến lược thương hiệu (tình huống)	CLO 7.1.1 CLO 7.1.2	Thuyết trình nhóm: slides powerpoint. Mỗi nhóm có 10- 15p trình bày và hỏi đáp	Thuyết trình

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN (COURSE REQUIREMENTS AND EXPECTATION)

9.1 Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- Sinh viên được phép vắng theo đúng Quy chế (không quá 3 buổi/lớp) học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại.

- Sinh viên phải hoàn thành các bài kiểm tra và tham gia đầy đủ bài tập nhóm, thuyết trình, kết quả mỗi điểm thành phần không dưới 5.

9.2 Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định; đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

- Sinh viên không được làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học; không ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Nguyễn Quang Dũng

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Du lịch sinh thái

Tiếng Anh: Ecotourism

Mã học phần: DLLH1112 Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH: Quản trị Dịch vụ Du Lịch và Lữ hành

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC:

Để học được học phần này sinh viên phải kết thúc và đạt học phần Kinh tế du lịch.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần đề cập tới những nội dung cơ bản nhất của du lịch sinh thái (DLST), đó là: xu hướng phát triển của du lịch và lịch sử phát triển của DLST; các khái niệm cơ bản liên quan tới DLST; vai trò của DLST đối với phát triển bền vững; các tính chất cơ bản của DLST; vai trò của các tổ chức cá nhân đối với DLST; mô hình marketing định hướng cung trong kinh doanh DLST và một số mô hình trong quản lý DLST.

5. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

5.1. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT
G1	Người học nắm được những kiến thức cơ bản về DLST và phân biệt được DLST với các loại hình du lịch có liên quan, biết được xu hướng mới trong phát triển du lịch có trách nhiệm; Hiểu được ý nghĩa của việc phát triển DLST, phân tích được vai trò của các tổ chức, cá nhân đối với DLST; Nắm được tính chất cơ bản và các nguyên tắc của DLST từ đó vận dụng nghiên cứu các sản phẩm DLST; Nắm được mô hình marketing định hướng cung trong phát triển sản phẩm DLST; Hiểu được một số mô hình và biện pháp cụ thể trong quản lý DLST trên thế giới và vận dụng nghiên cứu mô hình quản lý DLST ở Việt Nam.	1.1.1 1.2.1 1.3.1 1.3.4 1.3.5

G2	Người học hình thành kỹ năng đọc và phân tích được số liệu thống kê về tình hình phát triển du lịch thế giới và DLST để thấy được tầm quan trọng của du lịch và xu hướng phát triển của những loại hình du lịch mới, có trách nhiệm với thiên nhiên; Hình thành kỹ năng phân tích, đối chiếu, so sánh các lợi ích khi phát triển du lịch gắn với bảo tồn với việc khai thác bền vững các giá trị tài nguyên tự nhiên; Hình thành kỹ năng biết tính sức chứa dựa trên những chỉ tiêu và điều kiện khác nhau của nơi đến DLST.	2.1.2
		2.2.1
		2.2.2
G3	Người học có được nhận thức đúng đắn, sâu sắc về hướng phát triển mới của du lịch có trách nhiệm, nâng cao ý thức trong các hoạt động du lịch ngoài thực tiễn; Nhận thức được hậu quả của việc thay đổi môi trường toàn cầu với DLST, tích cực tham gia vào công tác bảo vệ môi trường; có được ý thức bảo tồn các giá trị tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản địa; tôn trọng và tuân thủ nguyên tắc khi tham gia hoạt động DLST.	3.1.1
		3.2.1
		3.2.2
		3.2.3

5.2. Chuẩn đầu ra của học phần

STT	CDR của học phần	Liên kết với CDR của CTĐT
Sau khi học xong học phần này, người học có thể:		
Về kiến thức		
LO1.1	Nắm được những kiến thức cơ bản về DLST và phân biệt được DLST với các loại hình du lịch có liên quan, phân tích được xu hướng mới trong phát triển du lịch có trách nhiệm.	1.2.1 1.3.1 1.3.5
LO1.2	Phân tích được vai trò của việc phát triển DLST đối với kinh tế - xã hội, môi trường và phân tích được vai trò của các tổ chức, cá nhân đối với DLST.	1.3.1 1.3.4 1.3.5
LO1.3	Nắm được tính chất cơ bản và các nguyên tắc của DLST từ đó vận dụng nghiên cứu các sản phẩm DLST; có sáng kiến bảo vệ môi trường thông qua du lịch.	1.3.1 1.3.5
LO1.4	Hiểu được được mô hình marketing định hướng cung trong phát triển sản phẩm DLST.	1.2.1 1.3.1

STT	CĐR của học phần	Liên kết với CĐR của CTĐT
		1.3.4
LO1.5	Phân tích được một số mô hình và biện pháp cụ thể trong quản lý DLST trên thế giới và vận dụng nghiên cứu mô hình quản lý DLST ở Việt Nam.	1.3.1 1.3.4
Về kỹ năng		
LO2.1	Đọc và phân tích được số liệu thống kê về tình hình phát triển du lịch thế giới và DLST để thấy được tầm quan trọng của du lịch và xu hướng phát triển của những loại hình du lịch mới, có trách nhiệm với thiên nhiên.	2.1.2
LO2.2	Phân tích, đối chiếu, so sánh được các lợi ích khi phát triển du lịch gắn với bảo tồn với việc khai thác bừa bãi các giá trị tài nguyên tự nhiên.	2.1.2
LO2.3	Biết tính sức chứa dựa trên những chỉ tiêu và điều kiện khác nhau của nơi đến DLST.	2.1.1 2.1.2
LO2.4	Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, làm bài tập dự án cá nhân, luân phiên quản lý/giám sát, đánh giá các thành viên trong nhóm trong quá trình thực hiện các bài tập.	2.2.1 2.2.2
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp		
LO3.1	Có được nhận thức đúng đắn, sâu sắc về hướng phát triển mới của du lịch có trách nhiệm, có trách nhiệm trong việc thực hiện hoàn thành dự án về sáng kiến bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch, nghiêm túc tuân thủ các quy định học tập.	3.2.2
LO3.2	Nhận thức được hậu quả của việc thay đổi môi trường toàn cầu với DLST, tích cực tham gia vào công tác bảo vệ môi trường.	3.1.1 3.2.2
LO3.3	Có ý thức bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên và những nét đặc trưng văn hoá bản địa; tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc khi tham gia hoạt động DLST.	3.2.1 3.2.2

6. MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TỐI ƯU THÍCH CỬA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	CDR học phần	Mức độ theo thang Bloom	Đáp ứng CDR của CTĐT
	<i>Chuẩn về kiến thức</i>		
	LO1.1: Nắm được những kiến thức cơ bản về DLST và phân biệt được DLST với các loại hình du lịch có liên quan, biết được xu hướng mới trong phát triển du lịch có trách nhiệm. LO1.2: Phân tích được vai trò của việc phát triển DLST đối với kinh tế - xã hội, môi trường và phân tích được vai trò của các tổ chức, cá nhân đối với DLST.	2, 4 2, 4	1.2.1 1.3.1 1.3.5 1.3.1 1.3.4 1.3.5
1	LO1.3: Nắm được tính chất cơ bản và các nguyên tắc của DLST từ đó vận dụng nghiên cứu các sản phẩm DLST; có sáng kiến bảo vệ môi trường thông qua du lịch) LO1.4: Hiểu được được mô hình marketing định hướng cung trong phát triển sản phẩm DLST. LO1.5: Phân tích được một số mô hình và biện pháp cụ thể trong quản lý DLST trên thế giới và vận dụng nghiên cứu mô hình quản lý DLST ở Việt Nam.	2, 3, 6 2, 4 2, 3	1.3.1 1.3.5 1.2.1 1.3.1 1.3.4 1.3.1 1.3.4
	<i>Chuẩn về kỹ năng</i>		

2	LO2.1: Đọc và phân tích được số liệu thống kê về tình hình phát triển du lịch thế giới và DLST để thấy được tầm quan trọng của du lịch và xu hướng phát triển của những loại hình du lịch mới, có trách nhiệm với thiên nhiên.	2	2.1.2
		2, 3	2.1.2
		2, 3	2.1.1
			2.1.2
	LO2.2: Phân tích, đối chiếu, so sánh được các lợi ích khi phát triển du lịch gắn với bảo tồn với việc khai thác bừa bãi các giá trị tài nguyên tự nhiên	3	2.2.1
			2.2.2
	LO2.3: Biết tính sức chứa dựa trên những chỉ tiêu và điều kiện khác nhau của nơi đến DLST.		
	LO2.4: Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, làm bài tập dự án cá nhân, luân phiên quản lý/giám sát, đánh giá các thành viên trong nhóm trong quá trình thực hiện các bài tập.		
<i>Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp</i>			
3	LO3.1: Có được nhận thức đúng đắn, sâu sắc về hướng phát triển mới của du lịch có trách nhiệm, có trách nhiệm trong việc thực hiện hoàn thành dự án về sáng kiến bảo vệ môi trường trong phát triển du lịch, nghiêm túc tuân thủ các quy định học tập.	2, 5	3.2.2
		3	3.1.1
		3	3.2.2
		2	3.2.1
	LO3.2: Nhận thức được hậu quả của việc thay đổi môi trường toàn cầu với DLST, tích cực tham gia vào công tác bảo vệ môi trường		3.2.2
	LO3.3: Có ý thức bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên và những nét đặc trưng văn hoá bản địa; tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc khi tham gia hoạt động DLST.		

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Tuần thứ	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập (TL), tham khảo (TK)	CĐR học phần
1- 3	<p>Chương 1: Xu hướng phát triển của Du lịch và lịch sử phát triển của du lịch sinh thái</p> <p>1.1. Xu hướng phát triển của du lịch</p> <p>1.2. Lịch sử phát triển của DLST</p> <p>1.3. Mối quan hệ giữa du lịch sinh thái với vấn đề thay đổi môi trường toàn cầu</p>	<p><u>Giảng viên</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, nội quy lớp học, quy định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập, xây dựng các nhóm học tập. - Thuyết giảng, đàm thoại và giải thích các nội dung của chương. <p>PBL</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ thảo luận. - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu học tập. - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi đàm thoại, PBL - Thảo luận theo nhiệm vụ được giao. 	6/3	TL 1, TK3	LO1.1 LO2.1 LO2.2 LO3.1 LO3.2 LO3.3
4 - 5	<p>Chương 2: Một số lý luận cơ bản và vai trò của DLST</p> <p>2.1. Khái niệm về DLST</p>	<p><u>Giảng viên</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, đàm thoại và giải thích các nội dung của chương. <p>- PBL</p>	3/3	TL1, TK3, TK4, TK5	LO1.2 LO2.2 LO3.1 LO3.2
	<p>2.2. So sánh du lịch bền vững với DLST</p> <p>2.3. Các khái niệm liên quan tới DLST</p> <p>2.4. Các vấn đề còn tồn tại và những quan điểm khác nhau xung quanh vai trò của DLST</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao nhiệm vụ thảo luận. - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu học tập ở nhà: <i>vai trò của DLST đối với kinh tế, xã hội, môi trường.</i> - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi đàm thoại, PBL - Thảo luận theo nhiệm vụ được giao. 			

6 - 7	<p>Chương 3: Các tính chất cơ bản và nguyên tắc áp dụng của du lịch sinh thái</p> <p>3.1. Các đặc điểm cơ bản của DLST</p> <p>3.2. Các Điều kiện đặc trưng để phát triển sản phẩm DLST</p> <p>3.3. Các nguyên tắc áp dụng trong DLST</p>	<p><u>Giảng viên</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, đàm thoại và giải thích các nội dung của chương. - PBL - Giao nhiệm vụ thảo luận. - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu học tập ở nhà: <i>Phân tích điều kiện đặc trưng và các nguyên tắc áp dụng trong DLST.</i> - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi đàm thoại, PBL - Thảo luận theo nhiệm vụ được giao. 	4/2	<p>TL 1 , TK3, TK4</p>	<p>LO1.3 LO2.2 LO3.1</p>
8 - 10	<p>Chương 4: Vai trò của các tổ chức cá nhân đối với du lịch sinh thái</p> <p>4.1. Vai trò của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ (NGOs)</p> <p>4.2. Vai trò của doanh nghiệp lữ hành và các nhà cung cấp dịch vụ du lịch</p> <p>4.3. Vai trò của hướng dẫn viên</p> <p>4.4. Vai trò của người dân địa phương</p> <p>4.5. Vai trò của khách du lịch tham gia DLST</p>	<p><u>Giảng viên</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, đàm thoại và giải thích các nội dung của chương. - PBL - Giao nhiệm vụ làm việc nhóm, thuyết trình. - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu học tập ở nhà: <i>Phân tích vai trò của các bên tham gia phát triển DLST.</i> - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi đàm thoại, PBL - Thuyết trình - Làm bài tập nhóm theo các 	3/6	<p>TL 1 , TK3, TK4</p>	<p>LO1.3 LO2.4 LO3.1</p>
		nhiệm vụ được giao			

11 - 11.5	<p>Chương 5: Marketing du lịch sinh thái</p> <p>5.1. Sản phẩm DLST</p> <p>5.2. Mô hình marketing định hướng cung trong phát triển DLST</p>	<p><u>Giảng viên</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, đàm thoại và giải thích các nội dung của chương. - PBL - Giao nhiệm vụ thảo luận. - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu học tập ở nhà: <i>Phân tích điểm khác biệt giữa marketing DLST và marketing du lịch thông thường.</i> - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi đàm thoại, PBL - Thảo luận theo nhiệm vụ được giao. 	3/1	TL 1, TK3, TK4	LO1.4 LO2.1 LO2.2 LO3.1
11.5 - 13	<p>Chương 6: Một số mô hình và biện pháp cụ thể trong quản lý du lịch sinh thái</p> <p>6.1. Các mô hình quản lý DLST</p> <p>6.2. Một số biện pháp cụ thể trong quản lý DLST</p>	<p><u>Giảng viên</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết giảng, đàm thoại và giải thích các nội dung của chương. - PBL - Trả lời các câu hỏi của sinh viên <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu học tập ở nhà: <i>Tìm hiểu và phân tích một số bài học rút ra từ các mô hình quản lý thành công DLST trên thế giới.</i> - Chuẩn bị trả lời các câu hỏi đàm thoại, PBL - Làm bài tập nhóm theo các nhiệm vụ được giao 	3/1	TL 1, TK3	LO1.5 LO2.2 LO2.3 LO3.1
Tổng cộng (38 tiết)			22/16		

8. TÀI LIỆU HỌC TẬP VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

8.1. Tài liệu học tập (TL)

1. Thế Đạt (2006), Du lịch và du lịch sinh thái , NXB Lao động. *Link thông tin*

tài liệu trên thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc dân:

2. <http://lic.neu.edu.vn/ViewBook.aspx?id=16192&p=1&f=kinh%20t%E1%BA%BF%20du%20l%E1%BB%8Bch>

8.2. Tài liệu tham khảo (TK)

2. Phùng Thị Hằng (2017), Tác động của vốn xã hội đối với sự phát triển của du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng - Nghiên cứu trường hợp ở vườn quốc gia Cúc Phương (Ninh Bình, đề tài cơ sở, ĐH Kinh tế Quốc dân. *Link thông tin tài liệu trên thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc dân:*

<http://lic.neu.edu.vn/ViewBook.aspx?id=51294&p=1&f=du%20l%E1%BB%8Bch%20sinh%20th%C3%A1i>

3. Honey Martha (2002), Ecotourism & certification setting standards in practice, USA.: Island press, ISBN: 1559639512. *Link thông tin tài liệu trên thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc dân:*

<http://lic.neu.edu.vn/ViewBook.aspx?id=24310&p=1&f=ecotourism>

4. Nguyễn Văn Hợp (2014), Giải pháp quản lý và khai thác du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia Việt Nam theo hướng phát triển bền vững (nghiên cứu điểm VQG Cúc Phương), LATS ĐH Kinh tế Quốc dân. *Link thông tin tài liệu trên thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc dân:*

<http://lic.neu.edu.vn/ViewBook.aspx?id=41945&p=1&f=du%20l%E1%BB%8Bch%20sinh%20th%C3%A1i>

5. Nguyễn Văn Mạnh (2006), Phát triển sản phẩm du lịch sinh thái tại Ninh Bình. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ, *Link thông tin tài liệu trên thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc*

dân: <http://lic.neu.edu.vn/ViewBook.aspx?id=24768&p=1&f=du%20l%E1%BB%8Bch%20sinh%20th%C3%A1i>

6. Rosaleen Duffy (2002), A trip too far: Ecotourism, politics and exploitation, Earthscan Publications Ltd. *Link thông tin tài liệu trên thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc dân:* <http://lic.neu.edu.vn/ViewBook.aspx?id=38436&p=1&f=ecotourism>

9. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Thuyết giảng, đàm thoại (Chương 1 - 6)
- Phương pháp học dựa trên vấn đề - Problem based learning (Chương 2, 3, 5)
- Phương pháp làm việc nhóm - Group based Learning (Chương 1, 3, 4, 5)
- Phương pháp Thuyết trình (Chương 4)
- Phương pháp dạy học theo dự án - Project based learning (Chương 3 – 5)
- Phương pháp học tập chủ động - tự học (Chương 1 - 6)

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

TT	Điểm thành phần (tỷ lệ %)	Quy định	Chuẩn đầu ra học phần												
			LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 1.5	LO 2.1	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.4	LO 3.1	LO 3.2	LO 3.3	
1	Quá trình (40%)	<p>1. Chuyên cần: 10% + Hình thức: điểm danh + tích cực xây dựng bài trên lớp + Thời điểm: Tuần 1 - 13</p>	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		+ Hệ số: 1													
		<p>2. Bài tập lớn 10% + Hình thức: làm dự án, viết báo cáo nộp cho GV. + Nội dung: Sáng kiến bảo vệ môi trường trong phát triển các sản phẩm DLST + Thời điểm: Tuần 6 - 13 + Hệ số: 1</p>	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	

TT	Điểm thành phần (tỷ lệ %)	Quy định	Chuẩn đầu ra học phần												
			LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 1.4	LO 1.5	LO 2.1	LO 2.2	LO 2.3	LO 2.4	LO 3.1	LO 3.2	LO 3.3	
		3. Bài tập nhóm 10% + Hình thức: thuyết trình + Nội dung: Vai trò của các bên liên quan trong phát triển DLST + Thời điểm: Tuần 9 – 10 (Chương 10-11) + Hệ số: 1		X								X	X	X	
		4. Bài kiểm tra cá nhân 10% + Hình thức: tự luận/trắc nghiệm + Nội dung: Chương 2 - 3 + Thời điểm: Tuần 6 + Hệ số: 1	X	X	X	X			X	X			X	X	
2	Kết thúc học phần (60%)	+ Hình thức: trắc nghiệm/tự luận + Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ (60/90 phút) + Tính chất: Bắt buộc	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X

11. GIẢNG VIÊN PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

- Giảng viên phụ trách học phần: TS. Phùng Thị Hằng

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Hoàng Thị Thu Hương

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp

Tiếng Anh: Startup in Agribusiness

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: **03**

Số tiết lý thuyết: 20

Số tiết bài tập/thảo luận: 25

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY

Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Quản trị kinh doanh nông nghiệp

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Khởi nghiệp kinh doanh là bước khởi đầu đầy khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp thuộc bất kỳ lĩnh vực nào đặc biệt với lĩnh vực đặc thù kinh doanh nông nghiệp. Học phần khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp được đặt trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với hệ thống các môn học trong khung chương trình đào tạo ngành kinh doanh nông nghiệp.

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp trang bị những kiến thức cần thiết, các kỹ năng cơ bản nhất để sinh viên ngành kinh doanh nông nghiệp có thể tự mình khởi sự kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp cũng như ở các lĩnh vực khác.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục tiêu chung của học phần là cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản góp phần giảm bớt những khó khăn, bờ ngõ ban đầu trong quá trình khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp. Qua đó, các doanh nhân kinh doanh nông nghiệp sẽ tự tin hơn để thực hiện ý tưởng, mục tiêu và các kế hoạch kinh doanh trong một lĩnh vực có nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, rủi ro như lĩnh vực nông nghiệp.

Học phần khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng để khởi nghiệp như : những vấn đề cơ bản của khởi sự kinh doanh, ý tưởng và mục tiêu kinh doanh, nghiên cứu thị trường, lập kế hoạch, quản trị rủi ro, và triển khai hoạt động kinh doanh nông nghiệp.v.v.. Với những kiến thức, kỹ năng đó người học có thể vận dụng trực tiếp khi khởi nghiệp cũng như trong quá trình kinh doanh nông nghiệp.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mục tiêu của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
G1	<i>Về kiến thức:</i> Sinh viên nhớ và hiểu được các nội dung liên quan đến khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp	1.2.2, 1.2.3	1/6, 2/6
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức để đề xuất một ý tưởng kinh doanh; nghiên cứu thị trường; xây dựng kế hoạch; quản trị rủi ro; và triển khai hoạt động kinh doanh nông nghiệp	2.2.1, 3.1.1	3/6, 4/6
G3	<i>Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:</i>		

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Mức độ năng lực (Bloom)	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Về kiến thức		
LO.1.1	<u>Trình bày, mô tả được:</u> + Doanh nhân, nghề kinh doanh, kinh doanh nông nghiệp, khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp + Ý tưởng và mục tiêu kinh doanh nông	1/6	1.2.2, 1.2.3

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Mức độ năng lực (Bloom)	Liên kết với CDR của CTĐT
	nghiệp + Các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu thị trường trong kinh doanh nông nghiệp + Ý nghĩa, nguyên tắc, hệ thống kế hoạch kinh doanh nông nghiệp + Những vấn đề phát sinh trong kinh doanh nông nghiệp		
LO.1.2	<u>Giải thích được:</u> + Nội dung kế hoạch kinh doanh nông nghiệp + Các biện pháp quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp + Tạo lập doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp	2/6	1.2.2, 1.2.3
LO.2	Về kỹ năng		
LO.2.1	<u>Vận dụng, áp dụng để:</u> + Soạn thảo kế hoạch kinh doanh nông nghiệp + Triển khai hoạt động kinh doanh nông nghiệp	3/6	2.2.1, 3.1.1
LO.2.2	Phân tích, Lý giải, so sánh...:	4/6	3.1.1
LO.3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
LO.3.1	Đánh giá, cho ý kiến, khuyến cáo...	5/6	
LO.3.2	Đề xuất, thiết kế...	6/6	

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học		Mục đích
<i>Chiến lược dạy và học</i>	<i>Phương pháp dạy và học</i>	
Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
	Câu hỏi gợi mở	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Chiến lược	Bài tập nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác.

dạy học tương tác/ hợp tác		Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung của môn học vào vấn đề thực tế.
	Thuyết trình	Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng cần thiết của môn học.
Chiến lược tự học	Nghiên cứu bài học và tài liệu	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân.
Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động	Thảo luận	Sinh viên sẽ được chia thành nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết tình huống; qua đó, giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. Đồng thời, sinh viên có thể được đi khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp nông nghiệp để gắn kết lý thuyết với thực tiễn.

8. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1. KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KHỞI NGHIỆP KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Đây là chương mở đầu có vai trò rất quan trọng đối với toàn bộ học phần. Những kiến thức trong chương này là cơ sở để nghiên cứu các chương tiếp theo. Người học sẽ nắm được những vấn đề chung về doanh nhân và nghề kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp và khởi sự kinh doanh nông nghiệp. Qua đó, người học sẽ hình dung được về nghề kinh doanh, yêu cầu của một doanh nhân và cần phải chuẩn bị những gì để khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Nội dung chương:

1.1. Doanh nhân và nghề kinh doanh

1.1.1. Khái niệm doanh nhân và nghề kinh doanh

1.1.2. Đặc trưng của nghề kinh doanh

1.1.3. Yêu cầu của một doanh nhân

1.1.4. Nhận thức và phát triển năng lực doanh nhân

1.2. Kinh doanh nông nghiệp

1.2.1. Khái niệm kinh doanh nông nghiệp

1.2.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến kinh doanh nông nghiệp

1.2.3. Đặc điểm của kinh doanh nông nghiệp

1.2.4. Yêu cầu đối với chủ doanh nghiệp nông nghiệp

1.3. Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp

1.3.1. Khái niệm khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp

1.3.2. Các điều kiện để khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp

1.3.3. Các loại hình tổ chức kinh doanh nông nghiệp

1.4. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp

1.4.1. Đối tượng môn học

1.4.2. Nhiệm vụ môn học

1.4.3. Phương pháp nghiên cứu khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 2. Ý TƯỞNG VÀ MỤC TIÊU KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Chương này trước hết cung cấp một số khái niệm cơ bản về ý tưởng kinh doanh và mục tiêu kinh doanh. Hơn nữa, người học sẽ được trang bị một số kiến thức và thực hành về kỹ năng xây dựng ý tưởng, mục tiêu trong kinh doanh nông nghiệp. Đó là cơ sở để lựa chọn được ý tưởng kinh doanh tốt và xác định đúng mục tiêu kinh doanh phù hợp cho bước đầu khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung chương:

2.1. Ý tưởng kinh doanh nông nghiệp

2.1.1. Khái niệm ý tưởng kinh doanh

2.1.2. Yêu cầu và đặc điểm của ý tưởng kinh doanh nông nghiệp

2.1.3. Phương pháp xây dựng và lựa chọn ý tưởng kinh doanh nông nghiệp

2.1.4. Đánh giá ý tưởng kinh doanh nông nghiệp

2.2. Mục tiêu kinh doanh nông nghiệp

2.2.1. Khái niệm mục tiêu kinh doanh nông nghiệp

2.2.2. Yêu cầu của mục tiêu trong kinh doanh nông nghiệp

2.2.3. Các loại mục tiêu kinh doanh nông nghiệp

2.2.4. Phương pháp xác định và lựa chọn mục tiêu kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 3. NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Trong cơ chế thị trường ngày càng phát triển, thị trường là căn cứ quan trọng

nhất để các doanh nghiệp xây dựng chiến lược, kế hoạch và ra quyết định kinh doanh. Do vậy, nghiên cứu thị trường là công việc bắt buộc đối với mọi doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực. Trong chương này, người học sẽ được trang bị những kiến thức chung nhất về thị trường và kinh tế thị trường. Từ đó, người học sẽ tiếp cận với các kỹ năng và phương pháp xác định, đánh giá khách hàng và xác định thị trường mục tiêu trong kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung chương:

3.1. Các khái niệm cơ bản

3.1.1. Thị trường và thị trường mục tiêu

3.1.2. Nhu cầu, mong muốn và nhu cầu có khả năng thanh toán

3.1.3. Sản phẩm và lợi ích của sản phẩm

3.1.4. Giá trị tiêu dùng, chi phí và sự thỏa mãn

3.1.5. Trao đổi và giao dịch

3.1.6. Nghiên cứu thị trường

3.2. Nghiên cứu thị trường trong kinh doanh nông nghiệp

3.2.1. Các loại thị trường nông nghiệp

3.2.2. Phân loại, xác định và đánh giá khách hàng

3.2.3. Xác định thị trường mục tiêu

CHƯƠNG 4. KẾ HOẠCH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương:

Kế hoạch là một trong những công cụ quan trọng giúp biến ý tưởng và mục tiêu của doanh nghiệp thành hiện thực. Nội dung chương này sẽ giúp người học nắm được ý nghĩa và nguyên tắc lập kế hoạch, hệ thống kế hoạch trong kinh doanh nông nghiệp, nội dung kế hoạch kinh doanh nông nghiệp hàng năm. Hơn nữa, người học sẽ được trang bị những kiến thức và kỹ năng quan trọng để soạn thảo một bản kế hoạch trong kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung chương:

4.1. Ý nghĩa và nguyên tắc của lập kế hoạch kinh doanh nông nghiệp

4.1.1. Ý nghĩa của kế hoạch kinh doanh nông nghiệp

4.1.2. Nguyên tắc lập kế hoạch kinh doanh nông nghiệp

4.2. Hệ thống kế hoạch trong kinh doanh nông nghiệp

4.2.1. Kế hoạch trung và dài hạn

4.2.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm

4.2.3. Kế hoạch thời vụ sản xuất trồng trọt

4.2.4. Kế hoạch quý, tháng

4.2.5. Kế hoạch phân công

4.3. Nội dung kế hoạch kinh doanh nông nghiệp hàng năm

4.3.1. Kế hoạch sản xuất sản phẩm trồng trọt

4.3.2. Kế hoạch sản xuất sản phẩm chăn nuôi

4.3.3. Kế hoạch sản xuất sản phẩm công nghiệp chế biến và dịch vụ

4.3.4. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

4.3.5. Kế hoạch tài chính

4.4. Soạn thảo kế hoạch kinh doanh nông nghiệp

4.4.1. Những vấn đề cơ bản

4.4.2. Nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh nông nghiệp

4.4.3. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 5. NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH VÀ RỦI RO TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương:

Môi trường kinh doanh đầy biến động với những phát sinh không ngừng và rủi ro thường trực đặc biệt trong kinh doanh nông nghiệp. Mỗi doanh nghiệp nông nghiệp phải đặt mình trong bối cảnh của môi trường kinh doanh và phải nhanh chóng đưa ra những quyết định ứng phó với sự thay đổi để tận dụng cơ hội hay hạn chế nguy cơ đối với doanh nghiệp. Những phát sinh trong kinh doanh có thể đem đến cơ hội hoặc nguy cơ tuy nhiên những rủi ro thường trực là những nhân tố ảnh hưởng xấu đến doanh nghiệp nếu doanh nghiệp không ứng phó kịp thời. Chương này sẽ cung cấp đến người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để ứng phó với những vấn đề phát sinh và rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung chương:

5.1. Những vấn đề phát sinh trong kinh doanh nông nghiệp

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Những vấn đề phát sinh trong kinh doanh nông nghiệp

5.1.3. Biện pháp quản lý vấn đề phát sinh trong kinh doanh nông nghiệp

5.2. Quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

- 5.2.1. Khái niệm rủi ro và quản trị rủi ro
- 5.2.2. Rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp
- 5.2.3. Sự cần thiết của quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp
- 5.2.4. Các biện pháp quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 6. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương:

Để khởi nghiệp thành công, nhân tố quyết định không phải là ý tưởng hay kế hoạch mà là khâu hành động. Những nội dung của triển khai hoạt động kinh doanh nông nghiệp sẽ cung cấp đến người học các bước để tạo lập một doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp và các hoạt động để triển khai hoạt động kinh doanh.

Nội dung chương:

6.1. Tạo lập doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp

- 6.1.1. Lập kế hoạch tạo lập doanh nghiệp
- 6.1.2. Chọn hình thức tạo lập doanh nghiệp
- 6.1.3. Tạo lập doanh nghiệp theo hình thức lựa chọn
- 6.1.4. Mua lại doanh nghiệp đang hoạt động
- 6.1.5. Nhượng quyền trong kinh doanh nông nghiệp

6.2. Triển khai hoạt động kinh doanh nông nghiệp

- 6.2.1. Tổ chức bộ máy quản trị và nhân sự
- 6.2.2. Thiết kế trụ sở và mua sắm trang thiết bị
- 6.2.3. Thiết lập các mối quan hệ bán hàng
- 6.2.4. Quản trị hoạt động kế toán và chi phí

9. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
Tuần 1	Chương 1/Bài 1: - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Kinh	- Hoạt động làm quen - Thành lập nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận Bài mở đầu: Giới thiệu môn học 1.1. Doanh nhân và nghề	2/1	1, 5	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	doanh nông nghiệp và Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp	kinh doanh 1.2. Kinh doanh nông nghiệp			
Tuần 2	- Chương 1/Bài 2: Kinh doanh nông nghiệp và Khởi nghiệp kinh doanh nông	- Bài giảng và thảo luận 1.3. Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp 1.4. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	- Chương 2/Bài 3: Ý tưởng và mục tiêu kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 2.1. Ý tưởng kinh doanh nông nghiệp 2.2. Mục tiêu kinh doanh nông nghiệp 2.3. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 2	2/1	2,6	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 3/Bài 4: Nghiên cứu thị trường trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 3.1. Các khái niệm cơ bản 3.2. Nghiên cứu thị trường trong kinh doanh nông nghiệp 3.3. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 3	2/1	4,6	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 4/Bài 5: Kế hoạch kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 4.1. Ý nghĩa và nguyên tắc của lập kế hoạch kinh doanh nông nghiệp 4.2. Hệ thống kế hoạch trong kinh doanh nông nghiệp	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 6	Chương 4/Bài 6: Kế hoạch kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 4.3. Nội dung kế hoạch kinh doanh nông nghiệp hàng năm	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
		4.4. Soạn thảo kế hoạch kinh doanh nông nghiệp 4.5. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 4			
Tuần 7	Bài 7	- Chữa bài tập - Bài kiểm tra cá nhân	0/3		LO 2.1 LO.2.2
Tuần 8	Chương 5/Bài 8: Những vấn đề phát sinh và rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 5.1. Những vấn đề phát sinh trong kinh doanh nông nghiệp	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 9	Chương 5/Bài 9: Những vấn đề phát sinh và rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 5.2. Quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp 5.3. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 5	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 10	Chương 6/Bài 10: Triển khai hoạt động kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 6.1. Tạo lập doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp	2/1	3	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 11	Chương 6/Bài 11: Triển khai hoạt động kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 6.2. Triển khai hoạt động kinh doanh nông nghiệp 6.3. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 6	2/1	9, 10	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 12	Bài 12	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/3		LO 2.1 LO.2.2
Tuần 13	Bài 13	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/3		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

10. GIÁO TRÌNH/BÀI GIẢNG

Starting and running your own small farm business, Sarah Beth Auberey, Printed in the United States; ISBN: 978-1-58017-697-2

11. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng : Khởi sự kinh doanh nông nghiệp, BM KT Nông nghiệp, NXB ĐH KTQD, 2021
2. Giáo trình : Quản trị kinh doanh nông nghiệp, PGS.TS. Trần Quốc Khánh, NXB LĐXH, 2005.
3. Giáo trình Khởi sự kinh doanh, PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền & TS. Ngô Thị Việt Nga; NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2020.
4. Khởi Nghiệp Kinh Doanh - Lý Thuyết, Quá Trình, Thực Tiễn (Entrepreneurship: Theory, Process, Practice), Donald F Kuratko, NXB Hồng Đức, 2019.
5. Giáo trình : Kinh tế nông nghiệp, PGS.TS. Vũ Đình Thắng, NXB ĐH KTQD, 2016.
6. Giáo trình : Marketing nông nghiệp, PGS.TS. Vũ Đình Thắng, NXB NXB LĐXH, 2005.
7. Giáo trình : Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp, PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, NXB ĐH KTQD, 2011.
8. Khởi nghiệp thành công, Michael Morris, Dịch giả : Hà My, NXB ĐH KTQD
9. Thanh niên nghiêm túc khởi nghiệp, David S.Kidder, Dịch giả : Thanh Phương, NXB LĐXH,
10. Small Business Success Secrets – An Insider’s Guide To Small Business Success, Tim Knox
11. How to Start an Agribusiness, by Denise Brown, Demand Media
12. Tài liệu khác do giảng viên cung cấp, giới thiệu

12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

12.1. Thang điểm đánh giá: 10

12.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá

TT	Điểm thành phần (%)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (50%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần 6 - Hệ số: 20%	x	x		
		3. Bài tập lớn - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần 12,13 - Hệ số: 20%			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp

Tiếng Anh: Agribusiness Investment Project

Mã học phần: TNKT..... Tổng số tín chỉ: 03

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Sinh viên đã hoàn thành học phần Kinh tế nông nghiệp; Kinh doanh nông nghiệp 1,2.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp được giảng dạy nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức, phương pháp và kỹ năng cần thiết để lập và quản lý dự án đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Môn học có quan hệ trực tiếp, chặt chẽ và là sự bổ sung kiến thức cần thiết cho các môn học chuyên sâu khác như: Kinh doanh nông nghiệp 1,2; Khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp; Marketing nông nghiệp; Quản trị rủi ro; Quản lý kinh tế hộ và trang trại.

Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về vai trò, đặc điểm và kết cấu của dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp; về nghiên cứu thị trường và phát hiện cơ hội đầu tư kinh doanh nông nghiệp; lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh, lựa chọn công nghệ, quy trình và phương pháp sản xuất- bảo quản và chế biến nông sản. dự toán vốn đầu tư, phân tích hiệu quả đầu tư và ra quyết định đầu tư kinh doanh nông nghiệp. Đồng thời sinh viên cũng được cung cấp các kiến thức và một số kỹ năng quản lý dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về đặc điểm và kết cấu của dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp; kiến thức và kỹ năng nghiên cứu thị trường và phát hiện cơ hội đầu tư kinh doanh; lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh, lựa chọn công nghệ, quy trình và phương pháp sản xuất- bảo quản và chế biến nông sản; kiến thức và kỹ năng dự toán vốn đầu tư, phân tích

hiệu quả đầu tư và ra quyết định đầu tư; kiến thức và kỹ năng quản lý dự án đầu tư và phòng ngừa rủi ro dự án kinh doanh nông nghiệp

Bên cạnh đó, sinh viên bước đầu biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn thông qua việc thu thập thông tin và lập một dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được vai trò, đặc điểm và kết cấu của dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp; về nghiên cứu thị trường và phát hiện cơ hội đầu tư kinh doanh nông nghiệp; lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh, lựa chọn công nghệ, quy trình và phương pháp sản xuất- bảo quản và chế biến nông sản. dự toán vốn đầu tư, phân tích hiệu quả đầu tư và ra quyết định đầu tư kinh doanh nông nghiệp. Đồng thời sinh viên cũng nhận biết và hiểu được nội dung quản lý dự án đầu tư và phòng ngừa rủi ro dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp	CDR 1.1 CDR 1.3	I, II
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên bước đầu biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn thông qua việc thu thập thông tin và lập được một dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp.	CDR 2.2	III, IV

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1 Sinh viên nhận biết và hiểu được vai trò, đặc điểm và kết cấu của dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp; về nghiên cứu thị	CDR 1.1	Nhận biết (I)

Mã CDR		Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]		[2]	[3]	[4]
		trường và phát hiện cơ hội đầu tư kinh doanh nông nghiệp; lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh, lựa chọn công nghệ, quy trình và phương pháp sản xuất- bảo quản và chế biến nông sản. dự toán vốn đầu tư, phân tích hiệu quả đầu tư và ra quyết định đầu tư kinh doanh nông nghiệp		
	LO.1.2	Sinh viên cũng nhận biết và hiểu được nội dung quản lý dự án đầu tư kinhdoanh nông nghiệp; nội dung phòng ngừa rủi ro dự án kinh doanh nông nghiệp.	CDR 1.3	Hiểu (II)
LO.2		Chuẩn kỹ năng		
G2	LO.2.1	Sinh viên bước đầu biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào nghiên cứu nghiên cứu thị trường và phát hiện cơ hội đầu tư kinh doanh nông nghiệp; lựa chọn loại hình tổ chức kinh doanh, lựa chọn công nghệ, quy trình và phương pháp sản xuất- bảo quản và chế biến nông sản.	CDR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.2	Sinh viên bước đầu biết vận dụng được các kiens thức và kỹ năng vào dự toán vốn đầu tư, phân tích hiệu quả đầu tư và quản lý dự án và phòng ngừa rủi ro dự án kinh doanh nông nghiệp	CDR 2.2	Phân tích (IV)
	LO.2.3	Sinh viên bước đầu biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng vào giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn thông qua việc thu thập thông tin và lập được một dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp.	CDR 2.2	Phân tích (IV)

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

CHƯƠNG I - TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

GIỚI THIỆU CHƯƠNG:

Chương này tập trung trình bày những vấn đề cơ bản về đầu tư kinh doanh nông nghiệp (khái niệm, đặc điểm đầu tư kinh doanh nông nghiệp), về dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp (khái niệm, kết cấu và yêu cầu đặt ra đối với một dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp). Đồng thời cũng làm rõ đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của môn học.

NỘI DUNG CHƯƠNG:

- 1.1 Những vấn đề cơ bản về đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 1.1.1 Khái niệm đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 1.1.2 Đặc điểm đầu tư kinh doanh nông nghiệp
- 1.2 Dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 1.2.1 Khái niệm và chu kỳ dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 1.2.2 Kết cấu dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 1.2.3 Yêu cầu đối với dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
- 1.3 Phát triển dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 1.3.1. Nghiên cứu thu thập thông tin xây dựng dự án
 - 1.3.2. Soạn thảo và phê duyệt dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
- 1.4. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp và nội dung nghiên cứu của môn học
 - 1.4.1 Đối tượng môn học
 - 1.4.2 Nhiệm vụ môn học
 - 1.4.3 Phương pháp nghiên cứu môn học
 - 1.4.4 Nội dung môn học

CHƯƠNG II - NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ CƠ HỘI ĐẦU TƯ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

GIỚI THIỆU CHƯƠNG:

Chương này nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích thị trường và đánh giá cơ hội kinh doanh nông nghiệp; kỹ năng phân tích khả năng cạnh tranh của sản phẩm của dự án kinh doanh; kỹ năng phân tích, lựa chọn phương án tiếp

thị và tiêu thụ sản phẩm của dự án kinh doanh nông nghiệp.

NỘI DUNG CHƯƠNG:

2.1. Đối tượng, mục đích và vai trò của nghiên cứu thị trường trong xây dựng dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp

2.1.1 Đối tượng của nghiên cứu thị trường trong dự án kinh doanh nông nghiệp

2.1.2 Mục đích nghiên cứu thị trường

2.1.3 Vai trò của nghiên cứu thị trường

2.1. Phân tích thị trường sản phẩm và dịch vụ của dự án kinh doanh nông nghiệp

4.2.1 Phân tích nhu cầu thị trường hiện tại

4.2.2 Dự báo nhu cầu thị trường tương lai

2.2. Đánh giá cơ hội đầu tư kinh doanh nông nghiệp

2.3. Xác định phương án sản phẩm của dự án kinh doanh nông nghiệp

2.3.1 Xác định chủng loại và cơ cấu sản phẩm

2.3.2 Xác định sản lượng sản phẩm sản xuất

2.4.. Phân tích khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án kinh doanh nông nghiệp

2..4.1 Phân tích khả năng cạnh tranh về chất lượng sản phẩm

2..4.2 Phân tích khả năng cạnh tranh về giá sản phẩm

2..4.3 Đánh giá khả năng chiếm lĩnh thị trường

2.5. Nghiên cứu, phân tích và lựa chọn phương án tiếp thị sản phẩm của dự án

2.5.1 Sự cần thiết phải nghiên cứu, phân tích về tiếp thị sản phẩm

2.5.2 Nội dung nghiên cứu, phân tích và lựa chọn phương án tiếp thị

2.6. Nghiên cứu, lựa chọn kênh tiêu thụ sản phẩm của dự án kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG III- NGHIÊN CỨU LỰA CHỌN HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT - KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

GIỚI THIỆU CHƯƠNG:

Chương này tập trung trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu và lựa chọn hình thức tổ chức đầu tư và lựa chọn công nghệ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, trong đó chú trọng lựa chọn công nghệ, phương pháp và quy trình sản xuất nông lâm thủy sản theo các tiêu chuẩn thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng mục tiêu.

NỘI DUNG CHƯƠNG:

3.1 Nghiên cứu lựa chọn hình thức tổ chức đầu tư dự án kinh doanh nông nghiệp

- 3.1.1 Nghiên cứu lựa chọn hình thức tổ chức đầu tư
- 3.1.2 Nghiên cứu lựa chọn công nghệ sản xuất sản phẩm
- 3.2 Nghiên cứu lựa chọn phương pháp, quy trình sản xuất và hệ thống máy móc thiết bị
 - 3.2.1 Lựa chọn phương pháp sản xuất và quy trình công nghệ
 - 3.2.2 Lựa chọn hệ thống máy móc thiết bị
 - 3.2.3 Lựa chọn giải pháp xử lý chất thải
- 3.3. Nghiên cứu lựa chọn địa điểm dự án kinh doanh nông nghiệp
 - 3.3.1 Yêu cầu lựa chọn địa điểm dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 3.3.2 Nội dung phân tích, lựa chọn phương án địa điểm đầu tư
- 3.4. Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của dự án kinh doanh
- 3.5 Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và cung ứng đầu vào
 - 3.5.1 Nhu cầu xây dựng cơ bản
 - 3.5.2 Nhu cầu nguyên liệu và vật tư sản xuất
 - 3.5.3 Nhu cầu năng lượng, nhiên liệu, nước
 - 3.5.4 Nhu cầu về nhân lực và đào tạo nhân lực
 - 3.5.5 Nhu cầu về bao bì và vật liệu bao bì
 - 3.5.6. Nhu cầu về an toàn sản xuất, an toàn lao động và an toàn môi trường
- 3.6. Xây dựng kế hoạch tiến độ dự án đầu tư

CHƯƠNG IV – NGHIÊN CỨU DỰ TÍNH TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

GIỚI THIỆU CHƯƠNG:

Chương này tập trung giới thiệu những kiến thức và kỹ năng dự tính tổng vốn đầu tư dự án kinh doanh và nguồn vốn đầu tư; kỹ năng dự tính doanh thu, chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm; kỹ năng phân tích hiệu quả đầu tư kinh doanh làm cơ sở cho việc ra quyết định đầu tư kinh doanh.

NỘI DUNG CHƯƠNG:

- 4.1. Xác định tổng vốn đầu tư kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn
 - 4.1.1 Xác định tổng vốn đầu tư dự án kinh doanh
 - 4.1.2 Xác định cơ cấu nguồn vốn đầu tư dự án kinh doanh
- 4.2 Dự tính doanh thu, chi phí và dòng tiền đầu tư dự án kinh doanh

- 4.2.1 Dự tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm
- 4.2.2 Dự tính doanh thu hàng năm
- 4.2.3 Dự tính lãi, lỗ hàng năm
- 4.2.4 Dự kiến Bảng cân đối kế toán
- 4.2.5 Dự tính dòng tiền đầu tư / báo cáo ngân lưu
- 4.3. Phân tích hiệu quả dự án đầu tư kinh doanh
 - 4.3.1 Phân tích hiệu quả hạch toán kế toán hàng năm
 - 4.3.2 Phân tích hiệu quả đầu tư kinh doanh
 - Giá trị hiện tại ròng/ Tổng lãi ròng NPV
 - Tỷ suất sinh lời/ Tỷ suất thu hồi nội bộ IRR
 - Tỷ số Lợi ích-Chi phí B/C
 - Thời gian hoàn vốn đầu tư T
 - Rủi ro/ Độ nhạy của dự án đầu tư
- 4.4. Xây dựng phương án vay và trả nợ vốn vay dài hạn
 - 4.4.1 Các căn cứ xây dựng phương án vay và trả nợ vay dài hạn
 - 4.4.2 Nguồn trả nợ vay dài hạn
 - 4.4.3 Lịch trả nợ và ngạch số trả nợ hàng năm

CHƯƠNG V - QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

GIỚI THIỆU CHƯƠNG:

Chương này trang bị cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp, cụ thể là chức năng, đặc điểm quản lý dự án đầu tư kinh doanh; các nội dung quản lý dự án đầu tư kinh doanh; các phương pháp quản lý tiến độ đầu tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý vận hành kinh doanh nông nghiệp.

NỘI DUNG CHƯƠNG:

- 5.1 Khái niệm và đặc điểm quản lý dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 5.1.1 Khái niệm và chức năng quản lý dự án đầu tư
 - 5.1.2 Đặc điểm quản lý dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
- 5.2 Nội dung quản lý dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp
 - 5.2.1 Quản lý sự phối hợp và tiến độ các hoạt động dự án
 - 5.2.2. Quản lý chi phí dự án

- 5.2.3. Quản lý chất lượng công trình đầu tư và sản phẩm dự án
- 5.2.4. Quản lý hợp đồng thi công và mua sắm máy móc thiết bị
- 5.3 Một số phương pháp quản lý tiến độ dự án đầu tư
 - 5.3.1 Cấu trúc chia nhỏ công việc
 - 5.3.2 Phương pháp biểu đồ GANTT
 - 5.3.3 Phương pháp sơ đồ mạng PERT
 - 5.3.4 Tính thời gian các hoạt động và đường găng
- 5.4. Quản lý mối quan hệ tiến độ đầu tư và chi phí đầu tư
 - 5.4.1 Phương pháp giảm chi phí trong điều kiện đảm bảo tiến độ đầu tư
 - 5.4.2 Phương pháp đẩy nhanh tiến độ đầu tư với chi phí đầu tư tăng tối thiểu

CHƯƠNG VI – PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

GIỚI THIỆU CHƯƠNG:

Chương này trang bị cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý rủi ro dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp, cụ thể là các nguồn rủi ro trong dự án kinh doanh nông nghiệp; các biện pháp phòng ngừa rủi ro dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp

NỘI DUNG CHƯƠNG:

- 6.1. Các nguồn rủi ro chính trong dự án kinh doanh nông nghiệp
 - 6.1.1. Rủi ro thiên tai, dịch bệnh
 - 6.1.2. Rủi ro thị trường
 - 6.1.3. Rủi ro kỹ thuật
 - 6.1.4. Rủi ro do con người
 - 6.1.5. Rủi ro chính sách
- 6.2. Các biện pháp phòng tránh rủi ro và giảm thiểu thiệt hại trong dự án kinh doanh nông nghiệp
 - 6.2.1. Dự báo rủi ro và dự báo thị trường
 - 6.2.2. Các biện pháp theo dõi, giám sát các nguồn rủi ro
 - 6.2.2. Bảo hiểm đầu tư và bảo hiểm sản xuất - kinh doanh nông nghiệp
 - 6.2.3. Các biện pháp khác

8. GIÁO TRÌNH

8.1. P AnandajayasekeramCJ Van RooyenF Liebenberg, 2004, *Agricultural Project Planning and Analysis: A Sourcebook*, Second edition, UP University of Ghent.

8.2. PGS.TS Hoàng Việt, 2001, Giáo trình Lập dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, NXB Thống kê, Hà Nội năm 2001.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. APRA, 2020, *Agribusiness Investment in Agricultural Commercialisation: Rethinking Policy Incentives in Africa*, Working Papers

9.2. Bộ NN&PTNT, 2008, *VietGAP - Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn tại Việt Nam*.

9.3. Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn, 2011, Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án cồn tinh bột sắn. (GV cung cấp).

9.4. Đại học Kinh tế Quốc dân: Cẩm nang khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2001

▪ Sách eBooks và các tài liệu tại thư viện Trường Đại học Kinh tế quốc dân ở <https://dbonline.neu.edu.vn/menu>: Emerald Insight, IG Publishing eBook and ProQuest Central

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	18. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		19. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ	x	x		

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-DHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
		8 - Hệ số: 10%				
		20. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13			X	X
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	X	X	X	X

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
Tuần 1	Chương 1/ Bài 1: Tổng quan về dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng chương 1 - Thảo luận về tình huống thực tế - Ra đề bài tập nhóm	2/1	8.1 8.2 9.2 9.3	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1
Tuần 2	Chương 2/ Bài 2: Nghiên cứu thị trường và đánh giá	- Bài giảng chương 2: - Thảo luận về tình	2/1	8.1 8.2	LO.1.1 LO.1.2

	cơ hội đầu tư kinh doanh nông nghiệp	hướng thực tế		9.2 9.3	LO.2.1
Tuần 3	Chương 3/ Bài 3: Nghiên cứu lựa chọn hình thức tổ chức và công nghệ sản xuất - kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng chương 3: - Bài tập và thảo luận về tình huống thực tế	2/1	8.1 8.2 9.2 9.3	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1
Tuần 4	Chương 3/ Bài 4: Nghiên cứu lựa chọn hình thức tổ chức và công nghệ sản xuất - kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng chương 3 (tiếp) - Bài tập và Thảo luận về tình huống thực tế	2/1	8.1 8.2 9.2 9.3	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1
Tuần 5	Chương 4/ Bài 5: Nghiên cứu dự tính tổng vốn đầu tư và phân tích hiệu quả đầu tư kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng chương 4: - Bài tập và Thảo luận về tình huống thực tế	2/1	8.2 9.3 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 4/ Bài 6: Nghiên cứu dự tính tổng vốn đầu tư và phân tích hiệu quả đầu tư kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng chương 4 (tiếp): - Bài tập và Thảo luận về tình huống thực tế	2/1	8.2 9.3 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 5/ Bài 7: Quản lý dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng chương 5: - Bài tập và Thảo luận về tình huống thực tế	2/1	8.2 9.3 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO.2.1 LO.2.2
Tuần 8	Chương 5/ Bài 7: Quản lý dự án đầu	- Bài giảng chương 5 (tiếp)	0,5; 1,5/1	8.2 9.3	LO.1.1 LO.1.2

	tư kinh doanh nông nghiệp	- Bài tập và Thảo luận về tình huống thực tế		9.4	LO.2.1 LO.2.2
Tuần 9	Chương 6/ Bài 8: Phân tích rủi ro trong dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng chương 8: - Bài tập và Thảo luận về tình huống thực tế	2/1	8.2 9.3 9.4	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 10, 11, 12, 13	Thực hành lập dự án đầu tư kinh doanh	- Các nhóm/ cá nhân thu thập thông tin và lập 01 dự án đầu tư kinh doanh nông nghiệp - Các nhóm thuyết trình, thảo luận - Đánh giá bài tập nhóm	0/10		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Quản trị kinh tế hộ và trang trại

Tiếng Anh: farm and household management

Mã học phần:

Tổng số tín chỉ: **03**

Số tiết lý thuyết: 20

Số tiết bài tập/thảo luận: 25

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY

Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Quản trị kinh doanh nông nghiệp

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Trang trại và kinh tế hộ sản xuất hàng hóa là những hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh cơ sở trong nông nghiệp, có mục đích chủ yếu là sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, dựa trên trình độ quản lý tiên bộ và gắn với thị trường. Do vậy để kinh tế hộ và trang trại hoạt động đạt hiệu quả cao, chủ trang trại, chủ hộ người quản lý cần được trang bị những kiến thức và kỹ năng về quản lý nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế, xu thế phát triển của nông nghiệp ngày càng hiện đại, thông minh hơn và điều kiện tự nhiên biến đổi theo hướng ngày càng bất lợi.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Học phần Quản trị kinh tế hộ và trang trại trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về kinh tế trang trại, kinh tế hộ sản xuất hàng hóa và quản lý sản xuất kinh doanh của trang trại, kinh tế hộ. Qua đó, người học có thể vận dụng vào công tác quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại và kinh tế hộ. Những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý trang trại và kinh tế hộ như: những vấn đề chung về kinh tế trang trại và kinh tế hộ; lựa chọn phương hướng và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; tổ chức sử dụng các yếu tố nguồn lực của trang trại, kinh

tế hộ như: đất đai, vốn, lao động, khoa học công nghệ; quản lý hoạt động cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm; hạch toán và phân tích hoạt động kinh doanh của trang trại, hộ gia đình.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mục tiêu của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
G1	Về kiến thức: Sinh viên nhớ và hiểu được các nội dung chính về quản trị kinh tế hộ và trang trại như: những vấn đề chung; phương hướng và cơ cấu sản xuất; kế hoạch sản xuất kinh doanh; sử dụng đất đai, vốn, lao động; cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm; phân tích và đánh giá kinh doanh	1.2.2, 1.2.3	1/6, 2/6
G2	Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng quản trị kinh tế hộ và trang trại như: lựa chọn phương hướng và cơ cấu sản xuất kinh doanh; lập kế hoạch; quản trị đất đai, vốn, lao động; quản trị cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm; hoạch toán kinh doanh; phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh	2.2.1, 3.1.1	3/6, 4/6
G3	Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:		

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Mức độ năng lực (Bloom)	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Về kiến thức		
LO.1.1	<u>Trình bày, mô tả được:</u> + Khái niệm, đặc trưng, vai trò và xu hướng hình thành, phát triển của kinh tế hộ và trang trại + Những điều kiện ảnh hưởng trực tiếp tới sự hình thành và phát triển của kinh tế hộ và trang trại + Chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế hộ và trang trại + Khái niệm, vai trò và các loại kế hoạch sản	1/6	1.2.2, 1.2.3

Mã CDR	<p style="text-align: center;">Mô tả CDR học phần</p> <p style="text-align: center;"><i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i></p>	<p style="text-align: center;">Mức độ năng lực (Bloom)</p>	<p style="text-align: center;">Liên kết với CDR của CTĐT</p>
	<p>xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vai trò và đặc điểm của đất đai trong kinh tế hộ và trang trại + Mục đích và yêu cầu sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại + Khái niệm và đặc điểm của vốn sản xuất trong kinh tế hộ và trang trại + Nguồn lao động trong kinh tế hộ và trang trại + Vai trò và đặc điểm cung ứng vật tư đầu vào của kinh tế hộ và trang trại + Vai trò và đặc điểm tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại + Mục đích, yêu cầu của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại + Đặc điểm của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại + Sự cần thiết và mục đích phân tích, đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại 		
LO.1.2	<p><u>Giải thích được:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng những nguyên lý cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh kinh tế hộ và trang trại + Một số vấn đề cần lưu ý khi lựa chọn phương hướng sản xuất, xây dựng quy mô và xác định cơ cấu sản xuất hợp lý của kinh tế hộ và trang trại + Khái niệm, vai trò và các loại kế hoạch sản xuất kinh doanh + Nội dung tổ chức sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại 	2/6	1.2.2, 1.2.3

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Mức độ năng lực (Bloom)	Liên kết với CDR của CTĐT
	<ul style="list-style-type: none"> + Xác định nhu cầu vốn của kinh tế hộ và trang trại + Nguồn hình thành vốn của kinh tế hộ và trang trại + Nguồn hình thành vốn của kinh tế hộ và trang trại + Sử dụng lao động trong kinh tế hộ và trang trại + Những nhân tố ảnh hưởng đến cầu đầu vào của kinh tế hộ và trang trại + Những nhân tố ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại + Nội dung phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại + Các phương pháp phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại 		
LO.2	Về kỹ năng		
<i>LO.2.1</i>	<p><u>Vận dụng, áp dụng để:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Lựa chọn phương hướng sản xuất của kinh tế hộ và trang trại + Xây dựng quy mô và cơ cấu sản xuất của kinh tế hộ và trang trại + Xây dựng và thực hiện kế hoạch của kinh tế hộ và trang trại + Những biện pháp chủ yếu để sử dụng có hiệu quả lao động trong kinh tế hộ và trang trại + Lựa chọn hình thức và lập kế hoạch cung ứng vật tư đầu vào của kinh tế hộ và trang trại + Lập kế hoạch và sơ đồ tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại 	3/6	2.2.1, 3.1.1

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Mức độ năng lực (Bloom)	Liên kết với CDR của CTĐT
	+ Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong kinh tế hộ và trang trại + Hạch toán doanh thu và lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại + Các bước phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại		
<i>LO.2.2</i>	Phân tích, Lý giải, so sánh...:	4/6	3.1.1
LO.3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
<i>LO.3.1</i>	Đánh giá, cho ý kiến, khuyến cáo...	5/6	
<i>LO.3.2</i>	Đề xuất, thiết kế...	6/6	

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học		Mục đích
<i>Chiến lược dạy và học</i>	<i>Phương pháp dạy và học</i>	
Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
	Câu hỏi gợi mở	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Chiến lược dạy học tương tác/ hợp tác	Bài tập nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung của môn học vào vấn đề thực tế.
	Thuyết trình	Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng cần thiết của môn học.
Chiến lược tự học	Nghiên cứu bài học và tài liệu	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân.

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học		Mục đích
<i>Chiến lược dạy và học</i>	<i>Phương pháp dạy và học</i>	
Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động	Thảo luận	Sinh viên sẽ được chia thành nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết tình huống; qua đó, giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. Đồng thời, sinh viên có thể được đi khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp nông nghiệp để gắn kết lý thuyết với thực tiễn.

8. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ HỘ, TRANG TRẠI VÀ VẬN DỤNG NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA SẢN XUẤT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA KINH TẾ HỘ, TRANG TRẠI

Giới thiệu chương:

Chương này cung cấp đến người học những kiến thức chung về kinh tế hộ và trang trại như: khái niệm, đặc trưng, xu hướng hình thành và phát triển, những điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế hộ và trang trại. Mặt khác, người học còn được tiếp cận với những chủ trương chủ Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế hộ và trang trại. Đồng thời, người học còn được cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế học để vận dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại.

Nội dung chương:

1.1. Khái niệm, đặc trưng, vai trò và xu hướng hình thành, phát triển của kinh tế hộ và trang trại

1.1.1. Khái niệm kinh tế hộ và trang trại

1.1.2. Những đặc trưng cơ bản của kinh tế hộ và trang trại

1.1.3. Vai trò, vị trí của kinh tế hộ và trang trại

1.1.4. Xu hướng hình thành và phát triển của kinh tế hộ và trang trại

1.2. Những điều kiện ảnh hưởng trực tiếp tới sự hình thành và phát triển của kinh tế hộ và trang trại

1.2.1. Sự tác động tích cực và phù hợp của Nhà nước

1.2.2. Sự hỗ trợ của công nghiệp chế biến nông sản

1.2.3. Sự phát triển của kết cấu hạ tầng

- 1.2.4. Sự hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên môn hóa
- 1.2.5. Sự phát triển của các hình thức liên kết kinh tế trong nông nghiệp
- 1.2.6. Năng lực của người chủ kinh tế hộ và trang trại
- 1.3. Chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế hộ và trang trại
 - 1.3.1. Chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế hộ và trang trại
 - 1.3.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế hộ và trang trại
- 1.4. Vận dụng những nguyên lý cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh kinh tế hộ và trang trại
 - 1.4.1. Nguyên lý lợi thế so sánh và việc lựa chọn sản xuất của kinh tế hộ và trang trại
 - 1.4.2. Nguyên lý chi phí cơ hội và việc lựa chọn sản xuất của kinh tế hộ và trang trại
 - 1.4.3. Nguyên lý hiệu suất đầu tư giảm dần và việc xác định giới hạn đầu tư sản xuất sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại
 - 1.4.4. Nguyên lý phát triển bền vững để bảo vệ các điều kiện, các yếu tố tự nhiên của sản xuất ở kinh tế hộ và trang trại

CHƯƠNG 2. LỰA CHỌN PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT VÀ XÂY DỰNG CƠ CẤU SẢN XUẤT CỦA KINH TẾ HỘ VÀ TRANG TRẠI

Giới thiệu chương:

Lựa chọn đúng phương hướng sản xuất kinh doanh là nội dung quan trọng trước tiên mà chủ hộ và chủ trang trại cần phải thực hiện. Chương này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, căn cứ và nội dung lựa chọn phương hướng sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại. Trên cơ sở đó, người học sẽ được tiếp cận một số kiến thức và kỹ năng về xây dựng quy mô và cơ cấu sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ trang trại.

Nội dung chương:

- 2.1. Lựa chọn phương hướng sản xuất của kinh tế hộ và trang trại
 - 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của phương hướng sản xuất
 - 2.1.2. Vai trò và sự cần thiết phải lựa chọn phương hướng sản xuất của kinh tế hộ và trang trại
 - 2.1.3. Ba câu hỏi phải trả lời trước khi lựa chọn phương hướng sản xuất kinh tế hộ và trang trại
 - 2.1.4. Những căn cứ để lựa chọn phương hướng sản xuất của kinh tế hộ và trang

trại

2.1.5. Nội dung lựa chọn phương hướng sản xuất của kinh tế hộ và trang trại

2.2. Xây dựng quy mô và cơ cấu sản xuất của kinh tế hộ và trang trại

2.2.1. Quy mô sản xuất của kinh tế hộ và trang trại

2.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô sản xuất và điều chỉnh quy mô sản xuất của kinh tế hộ và trang trại

2.2.3. Cơ cấu sản xuất của kinh tế hộ và trang trại

2.3. Một số vấn đề cần lưu ý khi lựa chọn phương hướng sản xuất, xây dựng quy mô và xác định cơ cấu sản xuất hợp lý của kinh tế hộ và trang trại

2.3.1. Chủ hộ và trang trại cần tiếp cận, xử lý kịp thời và năng động yếu tố thị trường

2.3.2. Phân tích và đánh giá đúng tiềm năng của kinh tế hộ và trang trại để lựa chọn phương hướng sản xuất, xây dựng quy mô sản xuất và xác định cơ cấu sản xuất hợp lý

2.3.3. Mạnh dạn đưa những thành tựu mới về tiến bộ khoa học – công nghệ vào sản xuất

CHƯƠNG 3 - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KINH TẾ HỘ VÀ TRANG TRẠI

Giới thiệu chương:

Chương này giúp người học hiểu và vận dụng được những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại. Trước hết, người học sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản về kế hoạch sản xuất kinh doanh của trong kinh tế hộ và trang trại như khái niệm, vai trò và các loại kế hoạch. Tiếp theo, người học sẽ được hướng dẫn phương pháp xây dựng kế hoạch của trang trại từ kế hoạch tổ chức xây dựng của kinh tế hộ và trang trại, kế hoạch hàng năm và kế hoạch mùa vụ. Từ đó, người học có thể vận dụng để xây dựng và thực hiện kế hoạch trong thực tiễn quản lý kinh tế hộ và trang trại.

Nội dung chương:

3.1. Khái niệm, vai trò và các loại kế hoạch sản xuất kinh doanh

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Vai trò của kế hoạch

3.1.3. Các loại kế hoạch sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

3.2. Phương pháp xây dựng kế hoạch

3.2.1. Kế hoạch tổ chức xây dựng kinh tế hộ và trang trại

- 3.2.2. Xây dựng kế hoạch hàng năm
- 3.2.3. Xây dựng kế hoạch mùa vụ
- 3.3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch của kinh tế hộ và trang trại
 - 3.3.1. Công tác chuẩn bị
 - 3.3.2. Xây dựng kế hoạch
 - 3.3.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch

CHƯƠNG 4 - ĐẤT ĐAI VÀ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI CỦA KINH TẾ HỘ VÀ TRANG TRẠI

Giới thiệu khái quát chương:

Trong lĩnh vực nông nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu, đặc biệt nhưng lại bị giới hạn về không gian. Hoạt động của kinh tế hộ và trang trại gắn liền với đất đai và khai thác, sử dụng đất đai và người quản lý kinh tế hộ và trang trại cần quản lý đất đai sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Nội dung chương này cung cấp đến người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản như: vai trò và đặc điểm của đất đai trong kinh tế hộ và trang trại; mục đích và yêu cầu sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại; và nội dung tổ chức sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại.

Nội dung chương:

- 4.1. Vai trò và đặc điểm của đất đai trong kinh tế hộ và trang trại
 - 4.1.1. Vai trò của đất đai trong kinh tế hộ và trang trại
 - 4.1.2. Đặc điểm của đất đai trong kinh tế hộ và trang trại
- 4.2. Mục đích và yêu cầu sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại
 - 4.2.1. Mục đích sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại
 - 4.2.2. Yêu cầu sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại
- 4.3. Nội dung tổ chức sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại
 - 4.3.1. Phân loại đất đai
 - 4.3.2. Xác định quy mô đất đai của kinh tế hộ và trang trại
 - 4.3.3. Bố trí sử dụng đất đai
 - 4.3.4. Tổ chức sử dụng đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản
 - 4.3.5. Bố trí đất xây dựng các công trình
 - 4.3.6. Cải tạo, bảo vệ, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đất đai

CHƯƠNG 5 - VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA KINH TẾ HỘ VÀ TRANG TRẠI

Giới thiệu khái quát chương:

Vốn là nguồn lực vô cùng quan trọng của kinh tế hộ và trang trại trong kinh tế thị trường khi các yếu tố sản xuất và sản phẩm đều phải mua bán trên thị trường. Việc huy động và sử dụng hiệu quả vốn giúp kinh tế hộ và trang trại có thể mở rộng sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Qua chương này, người học có thể hiểu và vận dụng được những kỹ năng về quản lý vốn của kinh tế hộ và trang trại như: khái niệm và đặc điểm của vốn sản xuất trong kinh tế hộ và trang trại; xác định nhu cầu vốn của kinh tế hộ và trang trại; nguồn hình thành vốn của kinh tế hộ và trang trại; hiệu quả sử dụng vốn và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của kinh tế hộ và trang trại.

Nội dung chương:

- 5.1. Khái niệm và đặc điểm của vốn sản xuất trong kinh tế hộ và trang trại
 - 5.1.1. Khái niệm và hình thái biểu hiện vốn của kinh tế hộ và trang trại
 - 5.1.2. Những đặc điểm của vốn trong tr kinh tế hộ và trang trại ang trại
 - 5.1.3. Phân loại vốn của các kinh tế hộ và trang trại
 - 5.1.4. Phương pháp xây dựng và phát triển nhóm
- 5.2. Xác định nhu cầu vốn của kinh tế hộ và trang trại
 - 5.2.1. Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng cơ bản
 - 5.2.2. Xác định nhu cầu vốn lưu động
- 5.3. Nguồn hình thành vốn của kinh tế hộ và trang trại
 - 5.3.1. Nguồn vốn tự có của chủ kinh tế hộ và trang trại trang trại
 - 5.3.2. Các nguồn vốn vay của chủ kinh tế hộ và trang trại
- 5.4. Hiệu quả sử dụng vốn và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của kinh tế hộ và trang trại
 - 5.4.1. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của kinh tế hộ và trang trại
 - 5.4.2. Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của kinh tế hộ và trang trại

CHƯƠNG 6 - LAO ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRONG KINH TẾ HỘ VÀ TRANG TRẠI

Giới thiệu khái quát chương:

Lao động vẫn được coi là nhân tố quyết định đến việc thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh. Do vậy, người quản lý kinh tế hộ và trang trại cần am hiểu về lao động và phải có những kỹ năng nhất định trong tổ chức, sử dụng lao động trong kinh tế hộ và trang trại. Chương này trước hết giúp người học hiểu được những nội dung cơ bản về nguồn lao động trong kinh tế hộ và trang trại. Từ đó, người học được trang bị

những kiến thức và kỹ năng về sử dụng lao động và những giải pháp để sử dụng lao động có hiệu quả trong kinh tế hộ và trang trại.

Nội dung chương:

6.1. Nguồn lao động trong kinh tế hộ và trang trại

6.1.1. Số lượng và chất lượng nguồn lao động trong kinh tế hộ và trang trại

6.1.2. Đặc điểm nguồn lao động trong kinh tế hộ và trang trại

6.1.3. Sử dụng lao động thủ công hay máy móc trong kinh tế hộ và trang trại

6.1.4. Cơ sở pháp lý của việc thuê mướn lao động

6.2. Sử dụng lao động trong kinh tế hộ và trang trại

6.2.1. Lập kế hoạch và nhu cầu lao động

6.2.2. Thuê mướn lao động

6.3. Những biện pháp chủ yếu để sử dụng có hiệu quả lao động trong kinh tế hộ và trang trại

6.3.1. Phân công và hiệp tác lao động trong kinh tế hộ và trang trại

6.3.2. Tổ chức hợp lý quá trình lao động

6.3.3. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật của kinh tế hộ và trang trại

6.3.4. Thực hiện công tác an toàn lao động trong kinh tế hộ và trang trại

6.3.5. Đào tạo, bồi dưỡng lao động của kinh tế hộ và trang trại

CHƯƠNG 7 - CUNG ỨNG VẬT TƯ ĐẦU VÀO VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA KINH TẾ HỘ VÀ TRANG

Hoạt động sản xuất của kinh tế hộ và trang trại chịu ảnh hưởng của hoạt động cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Vật tư đầu vào được cung ứng tốt, kinh tế hộ và trang trại mới có thể tiến hành sản xuất được và có năng suất, chất lượng sản phẩm cao. Tuy nhiên trong kinh tế thị trường, tiêu thụ sản phẩm mới là nhân tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp (trong đó có kinh tế hộ và trang trại). Vì vậy, cán bộ quản lý kinh tế hộ và trang trại cần có kiến thức và kỹ năng nhất định về cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại.

7.1. Cung ứng vật tư đầu vào của kinh tế hộ và trang trại

7.1.1. Vai trò và đặc điểm cung ứng vật tư đầu vào của kinh tế hộ và trang trại

7.1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến cầu đầu vào của kinh tế hộ và trang trại

7.1.3. Lựa chọn hình thức và lập kế hoạch cung ứng vật tư đầu vào của kinh tế hộ và trang trại

7.2. Tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại

7.2.1. Vai trò và đặc điểm tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại

7.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại

7.2.3. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại

7.2.4. Lập kế hoạch và sơ đồ tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại

CHƯƠNG 8 - HẠCH TOÁN KINH DOANH TRONG KINH TẾ HỘ VÀ TRANG TRẠI

Hạch toán kinh doanh là yêu cầu bắt buộc đối với các trang trại và kinh tế hộ sản xuất hàng hóa với mục đích giúp kinh tế hộ và trang trại tối đa hóa lợi nhuận trên cơ sở tính toán tiết kiệm chi phí, tăng năng suất và sản lượng. Qua chương này, người học hiểu và vận dụng những kiến thức và kỹ năng về hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại như: mục đích, yêu cầu, đặc điểm của hạch toán kinh doanh trong trang trại; hạch toán chi phí sản xuất và giá thành, hạch toán doanh thu và lợi nhuận trong kinh tế hộ và trang trại.

8.1. Mục đích, yêu cầu của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại

8.1.1. Mục đích của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại

8.1.2. Yêu cầu của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại

8.2. Đặc điểm của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại

8.2.1. Đặc điểm của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại

8.2.2. Sự khác biệt giữa hạch toán kế toán và hạch toán kinh doanh

8.3. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong kinh tế hộ và trang trại

8.3.1. Khái niệm về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

8.3.2. Nội dung và phương pháp ghi chép chi phí sản xuất

8.3.3. Phương pháp tính giá thành trong kinh tế hộ và trang trại

8.3.4. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ngành chế biến

8.4. Hạch toán doanh thu và lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại

8.4.1. Khái niệm về doanh thu và lợi nhuận

8.4.2. Nội dung và cách ghi chép theo dõi doanh thu

8.4.3. Hạch toán doanh thu và lợi nhuận sản xuất kinh doanh

CHƯƠNG 9 - PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA KINH TẾ HỘ VÀ TRANG TRẠI

Phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại là một công cụ quản lý kinh doanh quan trọng và thiết yếu góp phần đảm bảo sự ổn định và phát triển của kinh tế hộ và trang trại trong nền kinh tế thị trường. Do vậy, chương này cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại với những nội dung cụ thể như: sự cần thiết và mục đích; nội dung; các phương pháp; và các bước tiến hành phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại.

9.1. Sự cần thiết và mục đích phân tích, đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.1.1. Sự cần thiết của phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.1.2. Mục đích của phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.2. Nội dung phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.2.1. Phân tích phương hướng sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.2.2. Phân tích hiệu quả sử dụng nguồn lực đất, vốn và lao động của kinh tế hộ và trang trại

9.2.3. Phân tích và đánh giá hiệu quả của từng hoạt động sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.2.4. Phân tích và đánh giá hiệu quả ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.2.5. Phân tích rủi ro trong sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.3. Các phương pháp phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.3.1. Các phương pháp phân tích chung

9.3.2. Các phương pháp phân tích cụ thể

9.4. Các bước phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại

9.4.1. Xác định mục tiêu và nội dung phân tích

9.4.2. Lựa chọn phương pháp phân tích

9.4.3. Tập hợp các thông tin cần thiết để phân tích

9. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
Tuần 1	<p>Chương 1/Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Những vấn đề chung về kinh tế hộ, trang trại và vận dụng những nguyên lý cơ bản của sản xuất trong hoạt động của kinh tế hộ, trang trại 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động làm quen - Thành lập nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận <p>Bài mở đầu: Giới thiệu môn học</p> <p>1.1. Khái niệm, đặc trưng, vai trò và xu hướng hình thành, phát triển của kinh tế hộ và trang trại</p> <p>1.2. Những điều kiện ảnh hưởng trực tiếp tới sự hình thành và phát triển của kinh tế hộ và trang trại</p>	2/1	1, 5	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	<ul style="list-style-type: none"> - Chương 1/Bài 2: <p>Những vấn đề chung về kinh tế hộ, trang trại và vận dụng những nguyên lý cơ bản của sản xuất trong hoạt động của kinh tế hộ, trang trại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng và thảo luận <p>1.3. Chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế hộ và trang trại</p> <p>1.4. Vận dụng những nguyên lý cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh kinh tế hộ và trang trại</p>	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	<ul style="list-style-type: none"> - Chương 2/Bài 3: <p>Lựa chọn phương hướng sản xuất và xây dựng cơ cấu sản xuất của kinh tế hộ và trang trại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giảng và thảo luận <p>2.1. Lựa chọn phương hướng sản xuất của kinh tế hộ và trang trại</p> <p>2.2. Xây dựng quy mô và cơ cấu sản xuất của kinh tế hộ và trang trại</p> <p>2.3. Một số vấn đề cần lưu ý</p>	2/1	2,6	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
		khí lựa chọn phương hướng sản xuất, xây dựng quy mô và xác định cơ cấu sản xuất hợp lý của kinh tế hộ và trang trại			
Tuần 4	Chương 3/Bài 4: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại	- Bài giảng và thảo luận 3.1. Khái niệm, vai trò và các loại kế hoạch sản xuất kinh doanh 3.2. Phương pháp xây dựng kế hoạch 3.3. Xây dựng và thực hiện kế hoạch của kinh tế hộ và trang trại	2/1	4,6	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 4/Bài 5: Chương 4 - Đất đai và sử dụng đất đai của kinh tế hộ và trang trại	- Bài giảng và thảo luận 4.1. Vai trò và đặc điểm của đất đai trong kinh tế hộ và trang trại 4.2. Mục đích và yêu cầu sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại 4.3. Nội dung tổ chức sử dụng đất đai trong kinh tế hộ và trang trại	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 6	Bài 6	- Chữa bài tập - Bài kiểm tra cá nhân	0/3		LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 5/Bài 7: Vốn và sử dụng vốn của kinh tế hộ và trang trại	- Bài giảng và thảo luận 5.1. Khái niệm và đặc điểm của vốn sản xuất trong kinh tế hộ và trang trại 5.2. Xác định nhu cầu vốn	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
		của kinh tế hộ và trang trại			
Tuần 8	Chương 5/Bài 8: Vốn và sử dụng vốn của kinh tế hộ và trang trại	- Bài giảng và thảo luận 5.3. Nguồn hình thành vốn của kinh tế hộ và trang trại 5.4. Hiệu quả sử dụng vốn và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của kinh tế hộ và trang trại	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 9	Chương 6/Bài 9: Lao động và sử dụng lao động trong kinh tế hộ và trang trại	- Bài giảng và thảo luận 6.1. Nguồn lao động trong kinh tế hộ và trang trại 6.2. Sử dụng lao động trong kinh tế hộ và trang trại 6.3. Những biện pháp chủ yếu để sử dụng có hiệu quả lao động trong kinh tế hộ và trang trại	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 10	Chương 7/Bài 10: Cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang	- Bài giảng và thảo luận 7.1. Cung ứng vật tư đầu vào của kinh tế hộ và trang trại 7.2. Tiêu thụ sản phẩm của kinh tế hộ và trang trại	2/1	3	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 11	Chương 8/Bài 11: Hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại	- Bài giảng và thảo luận 8.1. Mục đích, yêu cầu của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại 8.2. Đặc điểm của hạch toán kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại 8.3. Hạch toán chi phí sản	2/1	9, 10	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
		xuất và tính giá thành sản phẩm trong kinh tế hộ và trang trại 8.4. Hạch toán doanh thu và lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong kinh tế hộ và trang trại			
Tuần 12	Chương 9/Bài 12: Phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại	- Bài giảng và thảo luận 9.1. Sự cần thiết và mục đích phân tích, đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại 9.2. Nội dung phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại 9.3. Các phương pháp phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại 9.4. Các bước phân tích và đánh giá sản xuất kinh doanh của kinh tế hộ và trang trại	2/1		LO 2.1 LO.2.2
Tuần 13	Bài 13	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/3		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

10. GIÁO TRÌNH/BÀI GIẢNG

GS.TS. Hoàng Ngọc Việt (2000), Quản lý sản xuất kinh doanh trong trang trại, NXB Nông nghiệp.

11. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. Hoàng Ngọc Việt (2000), Quản lý sản xuất kinh doanh trong trang trại, NXB Nông nghiệp.

2. PGS.TS. Trần Quốc Khánh (2005), Giáo trình Quản trị kinh doanh nông nghiệp, NXB Lao động - Xã hội.

3. PGS.TS. Vũ Đình Thắng (2006), Giáo trình kinh tế nông nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

4. PGS.TS. Vũ Đình Thắng (2001), Giáo trình marketing nông nghiệp, NXB Thống kê.

5. Kent D. Olson (2004), Farm Management: Principles and Strategies, Iowa State -1st edition (2004).

6. Ronald Kay, William Edwards & Patricia Duffy (2011), Farm Management, McGraw-Hill Education; 7 edition (February 4, 2011)

7. Quốc hội (2013), Luật đất đai năm 2013 số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013.

8. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2011), Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT, Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại

9. Chính phủ (2018), Nghị định 98/2018/CP về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

10. Chính phủ (2000), Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP về Kinh tế trang trại.

11. Trần Tú Khánh, Hoàng Văn Hoa (2013), Giải pháp phát triển bền vững kinh tế trang trại tỉnh Nghệ An đến năm 2020, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, Số Đặc biệt, tháng 11 năm 2011, trang 73-81.

12. Trần Tú Khánh, Phan Công Nghĩa (2013), Thực trạng phát triển bền vững kinh tế trang trại tỉnh Nghệ An, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số Đặc biệt, tháng 9 năm 2013, trang 10-18.

13. Ngô Xuân Hoàng (2012), Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế trang trại ở tỉnh Thái Nguyên, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 175 (II), tháng 01 năm 2012, trang 60-66.

14. Lê Quang Vĩnh, Bùi Đức Công (2016), Phát triển kinh tế trang trại ở địa bàn Trà Sơn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 5/2016.

15. Phạm Bằng Luân (2007), Phát triển kinh tế trang trại và vai trò của nó đối với

xây dựng tiềm lực quốc phòng ở các tỉnh Trung du, miền núi phía Bắc nước ta hiện nay, Luận án tiến sĩ Kinh tế, Học viện chính trị quân sự.

16. Đinh Văn Hải (2004), Các giải pháp tài chính để phát triển kinh tế trang trại vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Tài chính.

17. David Kahan (2008), Economics for farm management extension, FAO, Rome 2008

18. David C. Rose et all (2019), Integrated farm management for sustainable agriculture: Lessons for knowledge exchange and policy, Land Use Policy, Volume 81, February 2019, Pages 834-842.

<https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0264837717304945>

19. Duc Tran & Daisaku Goto (2019), Impacts of sustainability certification on farm income: Evidence from small-scale specialty green tea farmers in Vietnam, Food Policy, Volume 83, February 2019, Pages 70-82.

<https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S030691921830441X>

20. The World Bank, Project: Agricultural Extension and Farm Management Training Project: <http://projects.worldbank.org/P002454/agricultural-extension-farm-management-training-project?lang=en>

12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

12.1. Thang điểm đánh giá: 10

12.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá

TT	Điểm thành phần (%)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (50%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần 6	x	x		

TT	Điểm thành phần (%)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
		- Hệ số: 20%				
		3. Bài tập lớn - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần 12,13 - Hệ số: 20%			X	X
2	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	X	X	X	X

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Quản trị chiến lược

Tiếng Anh: Strategic Management

Mã học phần: **QTKD 1132**

Số tín chỉ: **3 tín chỉ**

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Quản trị doanh nghiệp

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Không

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Quản trị chiến lược là học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp hoạch định chiến lược cho các doanh nghiệp và các tổ chức trong điều kiện kinh tế hiện nay. Đây là học phần lựa chọn của ngành đào tạo. Học phần này cung cấp những kiến thức và phương pháp phân tích môi trường bên ngoài nhằm xác định cơ hội, đe dọa, phân tích, đánh giá môi trường bên trong nhằm xác định điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu một số công cụ cơ bản trong việc hình thành chiến lược cạnh tranh phù hợp cho doanh nghiệp. Từ đó, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược để hoạch định chiến lược của doanh nghiệp. Những kiến thức này cũng có thể áp dụng cho các loại tổ chức khác trong xã hội.

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ:

- Hiểu rõ chiến lược, tầm quan trọng và quy trình của Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp;

- Biết vận dụng kỹ thuật phân tích môi trường vĩ mô (mô hình PESTEL), phân tích môi trường ngành (mô hình năm áp lực cạnh tranh của M. Porter) trong việc phân tích môi trường bên ngoài nhằm xác định các cơ hội, đe dọa đối với doanh nghiệp;

- Biết cách phân tích điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp theo nguồn lực, theo chức năng, theo lĩnh vực và theo chuỗi giá trị của doanh nghiệp;
- Hiểu rõ các loại chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp;
- Nắm được phương pháp phân tích ma trận SWOT nhằm hình thành chiến lược cho doanh nghiệp.
- Nắm được nội dung của tổ chức thực hiện chiến lược và đánh giá và điều chỉnh chiến lược doanh nghiệp.

6. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó	
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, kiểm tra
1	Chương 1 Tổng quan về quản trị chiến lược	5	4	1
2	Chương 2 Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược	5	4	1
3	Chương 3 Phân tích môi trường bên ngoài doanh nghiệp	5	4	1
4	Chương 4 Phân tích môi trường bên trong doanh nghiệp	5	4	1
5	Chương 5 Chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp	5	4	1
6	Chương 6 Phân tích và lựa chọn chiến lược	5	4	1
7	Chương 7 Tổ chức thực hiện chiến lược	4	3	1
8	Chương 8 Đánh giá và điều chỉnh chiến lược	4	3	1
	CỘNG	38	30	8

CHƯƠNG 1 - TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này giới thiệu tổng quan về chiến lược, quản trị chiến lược, nguồn gốc và những đặc trưng cơ bản của chiến lược. Chương này còn tập trung vào các giai đoạn của quá trình quản trị chiến lược và các quan điểm về quản trị chiến lược, phân biệt các cấp quản trị chiến lược.

1.1. Chiến lược và vai trò của chiến lược trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và các quan điểm về chiến lược trong doanh nghiệp

1.1.2. Đặc trưng của chiến lược

1.1.3. Vai trò của chiến lược trong doanh nghiệp

1.2. Bản chất của quản trị chiến lược và ý nghĩa

1.2.1. Bản chất của quản trị chiến lược

1.2.2. Ý nghĩa của quản trị chiến lược

1.3. Các giai đoạn của quản trị chiến lược

1.3.1. Hoạch định chiến lược

1.3.2. Thực thi chiến lược

1.3.3. Đánh giá chiến lược

Tài liệu tham khảo của chương

1. Ngô Kim Thanh (2014), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2014, chương 1.
2. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Hill C. W. L. & Jones R. G. (2006), Strategic Management – An integrated approach, Prentice Hall, New Jersey

CHƯƠNG 2 - NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này giúp cho học viên nhận thấy rõ nội dung và ý nghĩa của việc xác định tầm nhìn chiến lược, tuyên bố sứ mệnh và những trách nhiệm xã hội mà doanh nghiệp cần cam kết. Chương này cũng sẽ đưa ra những vấn đề liên quan đến triết lý kinh doanh và đạo đức trong kinh doanh.

2.1. Xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp

2.1.1 Thực chất, yêu cầu xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp

2.1.2 Xác định lĩnh vực kinh doanh

2.2. Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

2.2.1 Thực chất và phân loại mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

2.2.2 Cách thức và yêu cầu xác định hệ thống mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

2.3. Chiến lược và trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh

2.3.1 Chiến lược và trách nhiệm xã hội

2.3.2 Chiến lược và đạo đức kinh doanh

Tài liệu tham khảo của chương

1. Ngô Kim Thanh (2014), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, chương 2
2. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
3. David F. (2013), Strategic Management – concept, Prentice Hall.

CHƯƠNG 3 - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN NGOÀI DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát về chương

Mục đích của việc phân tích môi trường bên ngoài nhằm xác định cơ hội và thách thức đặt ra cho doanh nghiệp. Thông qua việc phân tích các nhóm nhân tố thuộc môi trường vĩ mô, môi trường ngành, chương này sẽ hệ thống hóa những yếu tố cơ bản của môi trường bên ngoài tác động tới các doanh nghiệp.

3.1 Phân tích môi trường vĩ mô

3.1.1 Môi trường kinh tế

3.1.2 Môi trường công nghệ

3.1.3 Môi trường văn hoá - xã hội

3.1.4 Môi trường tự nhiên

3.1.5 Môi trường chính trị

3.1.6 Môi trường luật pháp

3.2 Phân tích môi trường ngành

3.2.1 Phân tích đối thủ cạnh tranh hiện tại

3.2.2 Phân tích cạnh tranh tiềm ẩn

3.2.3 Phân tích nhà cung ứng

3.2.4 Phân tích khách hàng

3.2.5 Sản phẩm thay thế

Tài liệu tham khảo của chương

1. Ngô Kim Thanh (2014), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2014, chương 3.
2. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2013.
3. Fred R David (2013), Strategic Management – concept, Prentice Hall.
4. Hill C. W. L. & Jones R. G. (2006), Strategic Management – An integrated approach, Prentice Hall, New Jersey

CHƯƠNG 4 - PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG BÊN TRONG DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này giới thiệu những vấn đề cần phân tích trong nội bộ doanh nghiệp nhằm đánh giá đúng điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp, xác định rõ yếu tố tạo ra lợi thế cạnh tranh làm căn cứ hình thành chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp. Chương này sẽ giới thiệu các cách tiếp cận khác nhau trong việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp.

4.1. Yêu cầu và nội dung của phân tích môi trường bên trong doanh nghiệp

4.1.1. Yêu cầu

4.1.2. Nội dung

4.2. Phân tích môi trường bên trong theo nguồn lực của doanh nghiệp

4.3 Phân tích môi trường bên trong theo các chức năng quản trị

4.4. Phân tích môi trường bên trong theo các lĩnh vực quản trị

4.5. Phân tích môi trường bên trong theo chuỗi giá trị

Tài liệu tham khảo của chương

1. Ngô Kim Thanh (2014), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Chương 4 và chương 5.
2. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
3. David F. R. (2013), Strategic Management – concept, Prentice Hall.
4. Carpenter (2007), Strategic Management: Concepts, 2nd Edition, Prentice Hall.
5. Hitt (2006), Strategic Management: Concepts and Cases, South-Western.

CHƯƠNG 5 - CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH CỦA DOANH NGHIỆP

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này giới thiệu cách phân loại chiến lược, các cấp chiến lược của doanh nghiệp bao gồm chiến lược ở cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh SBU, chiến lược cấp chức năng. Chương này cũng trọng tâm giới thiệu các chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp.

- a. Các cách phân loại chiến lược**
- b. Các cấp chiến lược của doanh nghiệp**
- c. Chiến lược cạnh tranh cơ bản của M. Porter**
 - i. Chiến lược dẫn đầu về chi phí**
 - ii. Chiến lược khác biệt hoá**
 - iii. Chiến lược trọng tâm hoá**
- d. Sự bế tắc của chiến lược**

Tài liệu tham khảo của chương

1. Ngô Kim Thanh (2014), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, chương 7.
2. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
3. Hill C. W. L. & Jones R. G. (2006), Strategic Management – An integrated approach, Prentice Hall, New Jersey

4. Ansoff (2007), Strategic Management Classic Edition, Palgrave Macmillan.
5. Inkpen (2005), Global Strategy: Creating and Sustaining Advantage across Borders (Strategic Management), Oxford.
6. Carpenter (2007), Strategic Management: Concepts (2nd Edition) (Paperback), Prentice Hall.

CHƯƠNG 6 – HÌNH THÀNH PHƯƠNG ÁN CHIẾN LƯỢC

Giới thiệu khái quát về chương

Chương này giới thiệu một trong những công phổ biến để hình thành chiến lược là ma trận SWOT. Với những kết quả phân tích môi trường bên ngoài (xác định cơ hội và nguy cơ của doanh nghiệp) và môi trường bên trong (xác định điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp), việc sử dụng công cụ phân tích chiến lược sẽ đưa ra những phương án chiến lược phù hợp.

a. . Khái niệm ma trận phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ (SWOT)

b. . Quy trình phân tích SWOT trong quản trị chiến lược

Tài liệu tham khảo của chương

1. Ngô Kim Thanh (2014), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, chương 6.
2. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
3. Hill C. W. L. & Jones R. G. (2006), Strategic Management – An integrated approach, Prentice Hall, New Jersey

CHƯƠNG 7 - TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

Giới thiệu khái quát về chương

Lựa chọn chiến lược phù hợp đã khó, hiện thực hóa để chiến lược thực hiện theo đúng dự kiến càng khó hơn. Chương này giới thiệu các bước và nội dung, tổ chức thực hiện chiến lược; phân tích những yêu cầu đòi hỏi và những vấn đề đặt ra trong quá trình tổ chức thực hiện chiến lược; những vấn đề thường nảy sinh và giải pháp cơ bản trong thực hiện chiến lược.

7.1 Thực chất và ý nghĩa của tổ chức thực hiện chiến lược

7.1.1 Thực chất của tổ chức thực hiện chiến lược

7.1.2 Vai trò và ý nghĩa của tổ chức thực hiện chiến lược

7.1.3 Yêu cầu của tổ chức thực hiện chiến lược

7.2 Nội dung triển khai thực hiện chiến lược

7.2.1 Thiết lập mục tiêu hàng năm

7.2.2 Đảm bảo nguồn lực cho thực hiện chiến lược

7.2.3 Xây dựng cơ cấu tổ chức gắn với thực hiện chiến lược

7.2.4 Triển khai thực hiện chiến lược

Tài liệu tham khảo của chương

6. Ngô Kim Thanh (2014), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

7. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

8. David F. (2013), Strategic Management – concept, Prentice Hall.

9. Carpenter (2007), Strategic Management: Concepts, 2nd Edition, (Paperback), Prentice Hall.

CHƯƠNG 8 – ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC

Giới thiệu khái quát về chương

Vì nhiều lý do, việc thực hiện đúng, chuẩn chiến lược chưa chắc đảm bảo sự thành công cho doanh nghiệp. Do vậy, đánh giá và điều chỉnh chiến lược là không thể thiếu. Chương này sẽ giới thiệu về tầm quan trọng của đánh giá và điều chỉnh chiến lược cũng như những công cụ, phương pháp cần thiết để thực hiện các hoạt động này.

8.1 Đánh giá chiến lược

8.1.1 Mục đích của kiểm tra và đánh giá chiến lược

8.1.2 Nội dung của kiểm tra, đánh giá chiến lược

8.1.3 Bản đồ chiến lược

8.2 Điều chỉnh chiến lược

8.2.1 Mục đích của điều chỉnh chiến lược

8.2.2 Nội dung của điều chỉnh chiến lược

Tài liệu tham khảo của chương

1. Ngô Kim Thanh (2014), Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2013.
3. David F. (2013), Strategic Management – concept, Prentice Hall.

7. GIÁO TRÌNH

1. Ngô Kim Thanh (2014), Giáo trình Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Ngô Kim Thanh (2013), Bài tập Quản trị chiến lược, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ansoff (2007), Strategic Management Classic Edition, Palgrave Macmillan.
2. David F. R. (2013), Strategic Management – concept, Prentice Hall.
3. Harvard Business Essentials (2014), Cẩm nang kinh doanh quản lý thời gian, Nhà xuất bản: NXB Tổng hợp TP.HCM.
4. Hitt (2006), Strategic Management: Concepts and Cases, South-Western.
5. Hill C. W. L. & Jones R. G. (2006), Strategic Management – An integrated approach, Prentice Hall, New Jersey.
6. Jim Collins và Jerry I. Porras (2008), Xây dựng đế trường tồn, NXB trẻ.
7. Kim C. W & Mauborgne R. (2010), Chiến lược đại dương xanh, Nhà xuất bản tri thức.
8. Michael. Porter (1996), Chiến lược cạnh tranh, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Dự lớp: tham gia tối thiểu 80% giờ học trên lớp và nghe giảng có ý thức: 10%
- Thảo luận và bài tập nhóm: 20%
- Bài kiểm tra giữa học kỳ: 20%
- Thi cuối học phần: 50%
- Thang điểm: 10

10. GIẢNG VIÊN

- Phụ trách học phần: TS. Hà Sơn Tùng
- Giảng viên giảng học phần: PGS.TS. Ngô Kim Thanh, TS. Trương Đức Lực, PGS.TS. Nguyễn Hoài Dung, TS. Vũ Hoàng Nam, TS. Trần Phương Hiền, TS. Đoàn Xuân Hậu, TS. Đặng Thị Kim Thoa, ThS. Tạ Thu Phương, ThS. Nguyễn Ngọc Điệp, TS. Nguyễn Nguyệt Anh, ThS. Tạ Minh Quang, TS. Lương Thu Hà.

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TS. HÀ SƠN TÙNG

PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Quy hoạch phát triển nông thôn

Tiếng Anh: Rural Development Planning

Mã học phần: TNKT 1144 Số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế nông nghiệp và PTNT

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế nông thôn; Kinh tế nông nghiệp

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Môn quy hoạch và phát triển nông thôn trình bày những vấn đề lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn, và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội nông thôn, các nội dung tiếp theo nghiên cứu quy hoạch phát triển nông nghiệp, quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn, quy hoạch phát triển dịch vụ nông thôn, quy hoạch phát triển văn hóa xã hội- môi trường nông thôn và quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

- Kiến thức lý thuyết: Trang bị cho người những kiến thức lý thuyết cơ bản về lập quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội nông thôn, gồm những kiến thức về nội dung, phương pháp, trình tự lập quy hoạch và những kiến thức về quản lý thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế -xã hội nông thôn.

- Kỹ năng thực hành: môn học giúp thực hành các kỹ năng cần thiết sau cho người học, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo chuyên ngành, cụ thể là:

+ Trực tiếp tham gia vào việc xây dựng đánh giá, phân biện quy hoạch phát triển kinh tế xã hội nông thôn ở các cấp quy hoạch từ trung ương đến địa phương.

+ Tham gia các hoạt động quản lý thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế xã hội nông thôn ở các cấp quy hoạch.

+ Vận dụng kiến thức lý thuyết của học phần để tiếp thu một số môn học khác của chuyên ngành khi tham dự đào tạo ở bậc đào tạo cao hơn

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, phương pháp. Trình tự lập quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch	CDR 1.1 CDR 1.3	I, II
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để tham gia vào việc xây dựng đánh giá, phân biện quy hoạch phát triển kinh tế xã hội nông thôn ở các cấp quy hoạch từ trung ương đến địa phương	CDR 2.2	III, IV

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN:

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1 Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn	CDR 1.1	Nhận biết (I)
	LO.1.2 Sinh viên có nhận biết phương pháp, trình tự lập quy hoạch, quản lý quy hoạch kinh tế xã hội nông thôn	CDR 1.3	Hiểu (II)
LO.2	Chuẩn kỹ năng		
G2	LO.2.1 Sinh viên vận dụng được kiến thức để tham gia đánh giá xây dựng, đánh giá phân biện quy hoạch phát triển kinh tế xã hội nông thôn	CDR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.2 Sinh viên vận dụng được kiến thức tham gia các hoạt động quản lý thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế xã hội nông thôn ở các cấp quy hoạch	CDR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.3 Sinh viên vận dụng được kiến thức để tiếp thu một số môn học khác ở cấp đào tạo cao hơn	CDR 2.2	Phân tích (IV)

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT CƠ BẢN VỀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- **Mục đích, yêu cầu:** Nhận thức đầy đủ các kiến thức lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn nói chung, nông thôn Việt Nam nói riêng.

- Đề cương chi tiết

- 1.1 . Khái niệm và nội dung phát triển nông thôn
 - 1.1.1. Khái niệm phát triển nông thôn
 - 1.1.2. Nội dung phát triển nông thôn
- 1.2 . Khái niệm, Vai trò của quy hoạch phát triển nông thôn
 - 1.2.1 Khái niệm quy hoạch, quy hoạch phát triển nông thôn
 - 1.2.2 Vai trò của quy hoạch phát triển nông thôn
- 1.3 . Nội dung quy hoạch phát triển nông thôn
 - 1.3.1. Quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn
 - 1.3.2. Quy hoạch phát triển nông thôn
 - 1.3.3. Quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn
 - 1.3.4. Quy hoạch phát triển văn hóa xã hội- môi trường nông thôn
- 1.4. Yêu cầu và nguyên tắc quy hoạch phát triển
 - 1.4.1. Yêu cầu quy hoạch
 - 1.4.2. Nguyên tắc quy hoạch
- 1.5. Các phương pháp xây dựng quy hoạch
 - 1.5.1. Phương pháp phân tích hệ thống
 - 1.5.2. Phương pháp cân đối liên ngành
 - 1.5.3. Phương pháp dự báo
 - 1.5.4. Phương pháp quy hoạch có sự tham gia
 - 1.5.5. Phương pháp chuyên gia
- 1.6. Các bước lập quy hoạch phát triển nông thôn
 - 1.6.1 . Thu thập thông tin cơ bản
 - 1.6.2. Nghiên cứu các căn cứ xây dựng quy hoạch
 - Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội
 - Bối cảnh phát triển trong kỳ quy hoạch
 - Kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước
 - 1.6.3 . Xây dựng phương án quy hoạch
 - 1.6.4. Lấy ý kiến đóng góp và hoàn thiện phương án quy hoạch

1.6.5. Phê duyệt quy hoạch

1.7. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học

1.7.1. Đối tượng môn học

1.7.2. Nhiệm vụ môn học

Tài liệu tham khảo Chương 1:

1. Ngô Doãn Vịnh, Lê Anh Sơn, Nguyễn Bá Ân. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, một số vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB CTQG. 2004

2. Ngô Doãn Vịnh. Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam. NXB CTQG,2003

3. Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006, số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ.

4. Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 7/2/2007 và thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 21/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

5. Luật đất đai 3013

CHƯƠNG 2: QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Mục đích yêu cầu:

Nắm vững nội dung trình tự và phương pháp lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội nông thôn

- Đề cương chi tiết

2.1. Khái niệm, vai trò của quy hoạch tổng thể

2.1.1. Khái niệm Quy hoạch tổng thể

2.1.2. Vai trò quy hoạch tổng thể

2.1.3. Thuế suất và cấu trúc thuế suất

2.2. Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn

2.2.1. Xác định mục tiêu quy hoạch

2.2.2. Xác định phương hướng phát triển kinh tế xã hội nông thôn

2.2.3. Quy hoạch phát triển kinh tế

2.3.4. Quy hoạch bảo vệ, cải thiện môi trường

2.3. Đặc điểm, yêu cầu quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn

2.3.1. Đặc điểm

2.3.2. Yêu cầu

2.4. Các bước xây dựng quy hoạch tổng thể

2.4.1. Công tác chuẩn bị quy hoạch tổng thể

2.4.2. Trình tự hoạt động xây dựng quy hoạch tổng thể

Tài liệu tham khảo Chương 2:

1. Ngô Doãn Vịnh, Lê Anh Sơn, Nguyễn Bá Ân. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, một số vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB CTQG. 2004
2. Ngô Doãn Vịnh. Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam. NXB CTQG, 2003
3. Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006, số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ.
4. Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 7/2/2007 và thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 21/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5. Luật đất đai 3013

CHƯƠNG 3: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ NÔNG THÔN

- Mục đích, yêu cầu:

Nắm vững nội dung trình tự và phương pháp lập quy hoạch phát triển các ngành kinh tế nông thôn để góp phần cụ thể hóa và thực hiện lập quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn

- Đề cương chi tiết

3.1. Đặc điểm và yêu cầu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế nông thôn

3.1.1. Đặc điểm

3.1.2. Yêu cầu quy hoạch

3.2. Nội dung quy hoạch các ngành kinh tế nông thôn

3.2.1. Quy hoạch ngành nông nghiệp

- Xác định mục tiêu quy hoạch
- Xác định phương hướng phát triển nông nghiệp
- Quy hoạch các ngành sản xuất nông nghiệp
- Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên môn hóa

3.2.2. Quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn

- Xác định mục tiêu quy hoạch
- Xác định phương hướng phát triển công nghiệp nông thôn
- Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp
- Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp nông thôn

3.2.3. Quy hoạch phát triển các ngành dịch vụ trong nông thôn

- Quy hoạch dịch vụ phát triển sản xuất
- Quy hoạch dịch vụ thương mại
- Quy hoạch dịch vụ đời sống

3.3. Các giải pháp quy hoạch

- 3.3.1. Giải pháp đầu tư, tín dụng
- 3.3.2. Giải pháp hạ tầng
- 3.3.3. Giải pháp công nghệ
- 3.3.4. Giải pháp về môi trường
- 3.3.5. Giải pháp về nhân lực
- 3.3.6. Giải pháp khác

Tài liệu tham khảo Chương 3:

1. Ngô Doãn Vịnh, Lê Anh Sơn, Nguyễn Bá Ân. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, một số vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB CTQG. 2004
2. Ngô Doãn Vịnh. Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam. NXB CTQG, 2003
3. Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006, số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ.
4. Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 7/2/2007 và thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 21/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5. Luật đất đai 3013

CHƯƠNG 4: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA- XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

-Mục đích , yêu cầu:

Nắm vững nội dung, trình tự và phương pháp xây dựng quy hoạch phát triển văn hóa, xã hội, môi trường

- Đề cương chi tiết

- 4.1. Đặc điểm, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn và yêu cầu quy hoạch
 - 4.1.1. Đặc điểm, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn
 - 4.1.2. Yêu cầu quy hoạch văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn
- 4.2. Nội dung quy hoạch dịch văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn
 - 4.2.1. Quy hoạch phát triển Văn hóa
 - 4.2.2. Quy hoạch phát triển giáo dục
 - 4.2.3. Quy hoạch phát triển y tế
 - 4.2.4. Quy hoạch bảo vệ, cải thiện môi trường sinh thái

4.3. Giải pháp quy hoạch

4.3.1. Giải pháp đầu tư

4.3.2. Giải pháp về mặt bằng

4.3.3. Giải pháp nhân lực

4.3.4. Giải pháp khác

Tài liệu tham khảo Chương 4:

1. Ngô Doãn Vịnh, Lê Anh Sơn, Nguyễn Bá Ân. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, một số vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB CTQG. 2004

2. Ngô Doãn Vịnh. Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam. NXB CTQG, 2003

3. Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006, số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ.

4. Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 7/2/2007 và thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 21/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

5. Luật đất đai 3013

CHƯƠNG 5: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN VĂN HÓA- XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

-Mục đích , yêu cầu:

Nắm vững nội dung, và phương pháp quản lý quy hoạch pháp nông thôn

- Đề cương chi tiết

5.1. Khái niệm, đặc điểm và yêu cầu quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Đặc điểm

5.1.3. Yêu cầu quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn

5.2. Nội dung quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn

5.2.1. Xây dựng chương trình thực hiện quy hoạch

5.2.2. Phổ biến quy hoạch và chương trình thực hiện quy hoạch

5.2.3. Lập ban chỉ đạo và phân công tổ chức thực hiện quy hoạch

5.2.4. Tổ chức giám sát, theo dõi thực hiện nội dung quy hoạch

5.2.5. Sơ kết, tổng kết, đánh giá thực hiện quy hoạch ở từng giai đoạn

5.2.6. Vấn đề điều chỉnh quy hoạch trong quá trình thực hiện quy hoạch

Tài liệu tham khảo Chương 5:

1. Ngô Doãn Vịnh, Lê Anh Sơn, Nguyễn Bá Ân. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, một số vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB CTQG. 2004
2. Ngô Doãn Vịnh. Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam. NXB CTQG,2003
3. Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006, số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ.
4. Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 7/2/2007 và thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 21/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5. Luật đất đai 3013

8. GIÁO TRÌNH

- 8.1. Quy hoạch phát triển nông thôn, PGS.TS Nguyễn Ngọc Nông (chủ biên), NXB nông nghiệp, 2004

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- 9.1. Bộ NN & PTNT: Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2010-2020; Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.
- 9.2. Văn kiện đại hội Đảng cộng sản Việt Nam khóa XI, XII.
- 9.3. Quy hoạch phát triển nông thôn, PGS.TS Nguyễn Ngọc Nông (chủ biên), NXB nông nghiệp, 2004
- 9.4. Chính phủ điện tử: Các văn bản của chính phủ và các Bộ, Ngành liên quan đến quy hoạch và phát triển nông thôn.
- 9.5. Thông tư liên tịch số 13/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT ngày 28/10/2015 về quy hoạch và xây dựng nông thôn mới
- 9.6. Michael P.Todaro Kinh tế học cho thế giới thứ ba, NXB Giáo dục Hà Nội, 1998.
- 9.7. Nông nghiệp, nông thôn trong giai đoạn CNH-HĐH, NXB CTQG, Hà Nội, 1997.
- 9.8 Nghị định số 37/2019/ NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	21. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		22. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 8 - Hệ số: 10%	x	x		
		23. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 1/ Bài 1 Những vấn đề lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn -	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận + Quy hoạch phát triển nông thôn	2/1	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
		+ Khái niệm, Vai trò của quy hoạch phát triển nông thôn + Khái niệm cơ bản			
Tuần 2	Chương 1/ Bài 2 Những vấn đề lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn	- Bài giảng: Những vấn đề lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn - Nội dung quy hoạch phát triển nông thôn - Các phương pháp xây dựng quy hoạch	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	Chương 1/ Bài 2 Những vấn đề lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn	- Bài giảng: Những vấn đề lý thuyết cơ bản về quy hoạch phát triển nông thôn + Các bước lập quy hoạch + Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 2/Bài giảng 1: Quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn	- Bài giảng: Quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn + Khái niệm, vai trò của quy hoạch tổng thể + Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương / Bài giảng 2: Quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn	- Bài giảng: Quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn + Đặc điểm, yêu cầu quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn + Các bước xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển nông thôn - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 6	Chương 3/ Bài 1: Quy hoạch các ngành kinh tế nông thôn	- Bài giảng về quy hoạch các ngành kinh tế nông thôn + Đặc điểm và yêu cầu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế nông thôn + Nội dung quy hoạch các ngành kinh tế nông thôn + Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5 9.6	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 3/ Bài 2: Quy hoạch các ngành kinh tế nông thôn	- Bài giảng về Quy hoạch các ngành kinh tế nông thôn + Quy hoạch ngành công nghiệp + Quy hoạch ngành nông nghiệp + Quy hoạch ngành dịch vụ + Giải pháp thực hiện quy hoạch + Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5 9.7 9.8	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 8	Kiểm tra trên lớp và đánh giá bài cá nhân	- Đánh giá bài tập cá nhân - Kiểm tra trên lớp	0/6	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 9	Chương 4/ Bài 1: Quy hoạch phát triển văn hóa xã hội - môi trường	- Bài giảng: + Đặc điểm, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn và yêu cầu quy hoạch + Nội dung quy hoạch phát triển văn hóa- xã hội, môi trường	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5 9.6 9.8	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 10	Chương 4/ Bài 2: Quy hoạch phát	+ Giải pháp thực hiện quy hoạch văn hóa - xã hội, mô	2/1	8.1 9.3	LO 2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	triển văn hóa xã hội - môi trường	trường nông thôn - Xem video và thảo luận về quy hoạch văn hóa - xã hội môi trường		9.4 9.5 9.7	
Tuần 11	Chương 5/ Bài 1: Quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn	- Bài giảng: + Khái niệm, đặc điểm và yêu cầu quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn + Nội dung quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông thôn - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.6 9.7 9.8	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 12+13 +14	Thực hành	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/12		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

Tiếng Anh: Risk management in agribusiness

Mã học phần:

TNKT

Tổng số tín chỉ: 3

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Sinh viên bắt buộc hoàn thành học phần xác suất thống kê.

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp, đúng hơn là quản lý rủi ro một cách hiệu quả, trong khả năng của cá nhân, doanh nghiệp hoặc nhóm để chống lại những kết quả bất lợi. Những nội dung cơ bản của môn học bao gồm những kiến thức về bản chất của rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp và phương pháp phân tích rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp, phân tích các lựa chọn liên quan đến rủi ro được gọi chung là phân tích quyết định trong kinh doanh nông nghiệp. Những kiến thức mà môn học cung cấp là cơ sở phân tích đánh giá các yếu tố dẫn đến rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp, trên cơ sở đó nhằm giúp các thành phần tham gia vào kinh doanh nông nghiệp, các chủ trang trại cũng như các nhà phân tích chính sách nông nghiệp quản lý rủi ro và phân tích được các quyết định trong kinh doanh nông nghiệp, hạn chế được các hậu quả có thể đoán trước và đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh trong nông nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Mục đích của khóa học là đem đến một cách tiếp cận thống nhất để quản lý và đánh giá rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp. Bằng cách này, những sinh viên tham gia khóa học này sẽ có một nền tảng kiến thức kinh tế và quản lý đầy đủ để phân tích và đánh giá phương án trong kinh doanh nông nghiệp. Sau khi hoàn thành khóa học này, các sinh viên sẽ có thể giải thích quan hệ kinh tế trong quản lý rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp; sử dụng các phương pháp phân tích và đánh giá rủi ro nhằm

hướng tới phân tích quyết định trong kinh doanh nông nghiệp. Theo đó, sinh viên sẽ tích lũy được kỹ năng về phân tích đánh giá các khía cạnh kinh tế trong quản lý rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về phân tích chính sách nông nghiệp. Cụ thể như sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên nhận biết và hiểu được các kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp. Các loại rủi ro: rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro chính sách đề từ đó có các biện pháp quản trị rủi ro	CDR 1.1 CDR 1.3	I, II
G2	Chuẩn kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức để giải thích quan hệ kinh tế trong quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp; sử dụng các phương pháp phân tích và đánh giá rủi ro nhằm hướng tới phân tích quyết định trong kinh doanh nông nghiệp;	CDR 2.2	III, IV

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1 Sinh viên hiểu được các đặc điểm cơ bản của quản trị rủi ro.	CDR 1.1	Nhận biết (I)
	LO.1.2 Sinh viên giải thích được các khái niệm và nguyên lý về quản trị rủi ro và sự không chắc chắn trong kinh doanh nông nghiệp	CDR 1.3	Hiểu (II)
LO.2	Chuẩn kỹ năng		

G2	LO.2.1	Sinh viên vận dụng được kiến thức để giải thích quan hệ kinh tế trong quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp.	CĐR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.2	Sinh viên vận dụng được kiến thức để phân tích và đánh giá các rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp;	CĐR 2.2	Vận dụng (III)
	LO.2.3	Sinh viên vận dụng được kiến thức để phân tích quyết định trong kinh doanh nông nghiệp.	CĐR 2.2	Phân tích (IV)

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1 – TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương: Chương này cung cấp những kiến thức cơ bản giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp như khái niệm, phân loại và các nguồn rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp. Phân tích vai trò và vị trí cũng như mối quan hệ giữa môn học quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp với các môn học khác trong ngành kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung chương:

1.1 Khái niệm rủi ro và quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

1.1.1 Khái niệm rủi ro

1.1.2 Phân biệt rủi ro và sự không chắc chắn

1.2 Phân loại và các kiểu nguồn rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

1.2.1 Rủi ro trong sản xuất

1.2.2 Rủi ro về giá cả và thị trường

1.2.3 Rủi ro về thể chế

1.2.4 Rủi ro về mặt chủ quyền

1.2.5 Rủi ro cá nhân hay do con người

1.2.6 Rủi ro tài chính

1.3 Tác động của rủi ro

1.3.1 Thái độ đối với rủi ro

1.3.2 Giảm nhẹ rủi ro

1.4 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học

1.4.1 Vị trí và mối quan hệ giữa môn quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp với

các môn khoa học khác

1.4.2 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của khoa học quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

1.4.3. Nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu của môn học

1.4.4. Phương pháp nghiên cứu khoa học quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp

CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Giới thiệu Chương: Đối với hầu hết các doanh nghiệp rủi ro thị trường là loại rủi ro phổ biến, có tác động trực tiếp tới giá trị các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Sự thay đổi của giá hàng hóa, tỷ giá, lãi suất, trên thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến cả thu nhập, chi phí và giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Nội dung của chương này nhằm giới thiệu về các loại rủi ro thị trường cơ bản và hoạt động quản trị rủi ro tương ứng với các rủi ro thị trường đó trong doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường nông sản.

2.1 Tổng quan về quản trị rủi ro thị trường

2.1.1 Chiến lược quản trị rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro thị trường

2.1.2 Nhân dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường:

- Các công cụ phái sinh sử dụng để kiểm soát rủi ro thị trường:

Hợp đồng kỳ hạn (Forward/ Non deliverable Forward)

Hợp đồng quyền chọn (Options Contract)

Hợp đồng tương lai (Future Contract)

Hợp đồng hoán đổi (Swap Contract)

- Các công cụ giới hạn sử dụng để kiểm soát rủi ro thị trường:

Giới hạn trạng thái (position limits)

Giới hạn lỗ thực tế (stop loss limits).

Giới hạn Var (Var limits)

Giới hạn dựa vào khả năng chịu đựng (limits based on stress testing).

- Các biện pháp khác để kiểm soát rủi ro thị trường:

Sử dụng thị trường tiền tệ

2.2 Quản trị rủi ro giá hàng hóa

2.4 Quản trị rủi ro lãi suất

2.5 Quản trị rủi ro tỷ giá

CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ RỦI RO THANH KHOẢN

Giới thiệu Chương: Trong quá trình hoạt động, rủi ro thanh khoản thường là rủi ro “gây sốc” nhất mà các doanh nghiệp phải đối mặt. Từ những doanh nghiệp lớn như Hoàng Anh Gia Lai đến những định chế tài chính như ACB đều đã từng phải đối mặt với những vấn đề lớn về dòng tiền và rủi ro thanh khoản. Chương này giới thiệu về khái niệm, các nguyên nhân gây ra rủi ro thanh khoản trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp. Các nội dung cơ bản về quản trị rủi ro thanh khoản, các chiến lược quản trị rủi ro thanh khoản, dự báo rủi ro thanh khoản trong doanh nghiệp/định chế tài chính.

3.1. Tổng quan về rủi ro thanh khoản

3.1.1. Khái niệm về rủi ro thanh khoản

3.1.2 Nguyên nhân của rủi ro thanh khoản

3.1.3. Hậu quả của rủi ro thanh khoản

3.2. Quản trị rủi ro thanh khoản

3.2.1. Mục tiêu

3.2.2. Chiến lược quản trị thanh khoản

3.2.3. Chiến lược quản trị thanh khoản từ tài sản

3.2.4. Chiến lược quản trị thanh khoản từ nguồn vốn

3.2.5. Chiến lược quản trị thanh khoản cân bằng

3.2.6. Quy trình quản trị thanh khoản

3.2.7. Xử lý thanh khoản (quản trị/xử lý thanh khoản)

3.2.8. Thử nghiệm các tình huống trong điều kiện khó khăn (stress-testing)

3.3. Đo lường rủi ro thanh khoản

3.3.1 Mục tiêu

3.3.2 Tiêu chí đo lường

3.3.3. Dự báo rủi ro thanh khoản

CHƯƠNG 4 – QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG LẬP CHÍNH SÁCH NÔNG

NGHIỆP

Giới thiệu chương: Chương này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức phân tích quyết định đa mục tiêu, quản trị rủi ro bởi các nhà lập chính sách và ra quyết định chiến lược, các cân nhắc rủi ro trong chính sách nông nghiệp và vai trò của chính phủ trong quản lý rủi ro trên thị trường.

Các nội dung của chương gồm:

Nội dung chương:

4.1 Phân tích quyết định đa mục tiêu

4.1.1 Xác định các mục tiêu và các thuộc tính

4.1.2 Cấu trúc các vấn đề quyết định

4.1.3 Xác định các phương án thay thế

4.1.4 Định lượng các thước đo thuộc

4.1.5 Định lượng tùy chọn

4.1.6 Xếp hạng các phương án thay thế

4.2 Quản lý rủi ro bởi các nhà ra quyết định chiến lược

4.2.1 Chiến lược tại trang trại

4.2.2 Chiến lược chia sẻ rủi ro

4.3 Cân nhắc rủi ro trong lập chính sách nông nghiệp

4.3.1 Các biện pháp can thiệp của chính phủ và rủi ro ở mức trang trại

4.3.2 Phân tích quyết định và ra chính sách

4.3.3 Các biện pháp can thiệp nhằm cải thiện năng suất và thu nhập cho trang trại

4.3.4 Các biện pháp can thiệp ảnh hưởng đến quyền tài sản của nông dân

4.3.5 Các biện pháp can thiệp nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro

4.4 Vai trò của chính phủ đối với quản lý rủi ro trên thị trường

4.4.1 Công cụ quản lý rủi ro công cộng

4.4.2 Các chương trình bảo hiểm của chính phủ

4.5 Các vấn đề tiếp diễn trong quản lý rủi ro

4.5.1 Bảo hiểm cây trồng dựa trên chỉ số và các dẫn xuất

4.5.2 Vệ sinh an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng

4.5.3 Dịch bệnh

4.5.4 Môi quan tâm ngày càng tăng về rủi ro môi trường trong nông nghiệp

8. GIÁO TRÌNH

8.1. Coping with risk in agriculture applied and decision analysis, J. Brian Hardaker, Gudbrand Lien, Jock R. Anderson, and Ruud B.M. Huirne, 2015, ISBN-13: 978 1 78064 240 6 (Pbk); 978 1 78064 574 2 (Hbk).

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1. Harvey, J., & Jowsey, E. (1996). Urban land economics. Basingstoke: Macmillan.

9.2. Balchin, P. N., Kieve, J. L., & Bull, G. H. (1988). Urban land economics and public policy. Springer.

9.3. Arrow, K.J. (1963) Social Choice and Individual Values, 2nd edn. Wiley, New York.

9.4 Arrow, K.J. and Lind, R.C. (1970) Uncertainty and evaluation of public investment decisions. American Economic Review 60, 364–378. Comments by Mishan, E.J., McKean, R.N., Moore, J.H. and Wellington, D. Reply by Arrow, K.J. and Lind, R.C. American Economic Review 62, 161–172.

9.5 Barrett, C.B. (ed.) (2013) Food Security and Sociopolitical Stability. Oxford University Press, Oxford. Barry, P.J. (ed.) (1984) Risk Management in Agriculture. Iowa State University Press, Ames, Iowa. Buschena, D.E. and Taylor, C.R. (eds) (2003) Advances in risk impacting agriculture and the environment. Agricultural Systems 75, Nos. 2–3.

9.6 Buzby, J.C., Fox, J.A., Ready, R.C. and Crutchfield, S.R. (1998) Measuring consumer benefits of food safety risk reductions. Journal of Agricultural and Applied Economics 30, 69–82. Carter, C.A. (1999) Commodity futures markets: a survey. Australian Journal of Agricultural and Resource Economics 43, 209–247.

9.7 Chavas, J.-P., Hummels, D. and Wright, B. (eds) (2015) The Economics of Food Price Volatility. University of Chicago Press, Chicago, Illinois.

9.8 Conostas, M., Frankenberger, T. and Hoddinott, J. (2014) Resilience Measurement Principles. Food Security Information Network Technical Series No. 1. Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO) and World Food Programme, Rome.

9.9 Fafchamps, M. (2003) Rural Poverty, Risk, and Development. Edward Elgar, Cheltenham, UK.

Các tài liệu online:

9.3. <http://www.oecd.org/tad/agricultural-policies/risk-management-agriculture.htm>

9.11

<http://www.agriskmanagementforum.org/sites/agriskmanagementforum.org/files/Docu>

ments/Managing% 20Risk% 20in% 20Farming. Pdf

9.12 <http://ebrary.ifpri.org/cdm/singleitem/collection/p15738coll2/id/48017/rec/6>

✓ Các tài liệu online:

▪ Sách eBooks và các tài liệu tại thư viện Trường Đại học Kinh tế quốc dân ở <https://dbonline.neu.edu.vn/menu>: Emerald Insight, IG Publishing eBook and ProQuest Central

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	24. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		25. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 8 - Hệ số: 10%	x	x		
		26. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 1/ Bài 1 - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Tổng quan về quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận + Rủi ro và sự không chắc chắn + Quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp + Khái niệm cơ bản	2/1	8.1 9.1 9.4	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	Chương 1/ Bài 2 Tổng quan về quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng: Phân loại và nguồn rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp + Rủi ro trong sản xuất + Rủi ro về giá cả và thị trường + Rủi ro về thể chế + Rủi ro về chủ quyền + Rủi ro về tài chính - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 3	Chương 1/ Bài 2 Tổng quan về quản trị rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng: Tác động của rủi ro trong kinh doanh nông nghiệp + Thái độ đối với rủi ro + Giảm nhẹ rủi ro - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 4	Chương 2: Phân tích quyết định và xác suất phân tích quyết định/ Bài 1	- Bài giảng: + Khái niệm, ý nghĩa phân tích quyết định; + Các thành phần của phân tích quyết định và nền tảng tiên đề	2/1	8.1 9.1 9.2	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 2: Phân tích quyết định và xác suất phân tích quyết định / Bài 2	- Bài giảng: Xác suất phân tích quyết định + Khái niệm + - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 2: Phân tích quyết định và xác suất phân tích quyết định / Bài 3	- Bài giảng về Phân tích quyết định với cá tùy chọn không xác định - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 3: Lập trình rủi ro và các mô hình toán/ Bài 1	- Bài giảng về Lập trình rủi ro và các mô hình toán - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 8	Kiểm tra trên lớp và đánh giá bài cá nhân	- Đánh giá bài tập cá nhân - Kiểm tra trên lớp	0/6	8.1 9.3 9.4 9.5	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 9	Chương 4/ Bài 1: Quản trị rủi ro trong lập chính sách nông	- Bài giảng: + Phân tích quyết định đa	2/1	8.1 9.3	LO 2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	ngành	mục tiêu + Quản trị rủi ro bởi các nhà ra quyết định chiến lược - Thảo luận về chiến lược quản trị rủi ro tại trang trại		9.4 9.5	
Tuần 10	Chương 4/ Bài 2: Quản trị rủi ro trong lập chính sách nông nghiệp	- Bài giảng: + Cân nhắc rủi ro trong lập chính sách nông nghiệp + Vai trò của chính phủ trong quản lý rủi ro trên thị trường + Các vấn đề nảy sinh trong quản lý rủi ro - Nghiên cứu tình huống và thảo luận	2/1	8.1 9.1	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 11+12 +13	Thực hành	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/12		LO 2.1 LO.2.2
		Tổng số	45		

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS. TS. Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Tiếng Anh ngành Nông nghiệp

Tiếng Anh: English for Agriculture

MÃ HỌC PHẦN: Tổng số tín chỉ: 2

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY: Kinh tế nông nghiệp và PTNT

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC: Kinh tế Nông nghiệp, Kinh doanh Nông nghiệp

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN:

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản và vốn từ vựng liên quan đến ngành Nông nghiệp nói chung và chuyên ngành liên quan (ví dụ như: Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quản trị kinh doanh nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp...); củng cố lại những kiến thức về ngữ pháp cơ bản và giúp sinh viên tiếp tục phát triển bốn kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết.

Bên cạnh đó cũng giúp củng cố những kiến thức ngành Kinh tế Nông nghiệp, cập nhật những kiến thức liên quan đến ngành trên phạm vi thế giới và ở Việt Nam. Từ đó, sinh viên sẽ có vốn từ chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành và những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho nghề nghiệp. Vận dụng kiến thức học phần có thể viết được báo cáo ngành bằng tiếng anh, phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Học phần Tiếng anh ngành Nông nghiệp nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Kinh doanh nông nghiệp những kiến thức cơ bản để đạt được các mục tiêu sau:

❖ Giúp sinh viên có kiến thức Tiếng Anh cơ bản và có khả năng thực hành thành thạo bốn kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết trong đó tập trung nhiều hơn vào kỹ năng Nói, Đọc, Viết điều này phụ thuộc vào đặc điểm của học phần được xây dựng.

❖ Kết hợp với kỹ năng thuyết trình (presentation) để bài giảng thêm phong phú hấp dẫn, đồng thời nâng cao kỹ năng Nói và thuyết trình bằng Tiếng Anh cho sinh viên.

❖ Giúp sinh viên có vốn từ vựng Tiếng Anh liên quan đến ngành Kinh tế Nông Nghiệp nói chung và một số chuyên ngành chính.

❖ Cập nhật và củng cố những kiến thức ngành Kinh tế Nông Nghiệp trong mối quan hệ với ngành kinh tế khác trên phạm vi thế giới và ở Việt Nam cho sinh viên.

❖ Sinh viên có thể vận dụng tốt Tiếng Anh trong nghiên cứu chuyên môn và ứng dụng tiếng Anh trong công việc: phát triển kỹ năng viết báo cáo, thuyết trình, làm việc nhóm, làm việc độc lập.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
G1	Chuẩn kiến thức: Sinh viên Hiểu một cách hệ thống đồng bộ các lý thuyết quản trị kinh doanh trong nông nghiệp, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.	PLO5	III
G2	Chuẩn kỹ năng: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	PLO11	III
	Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn	PLO12	IV
G3	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Sinh viên Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn	LPO15	III

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]	[2]	[3]	[4]
LO.1	Chuẩn kiến thức		
G1	LO.1.1 Sinh viên Hiểu một cách hệ thống đồng bộ các lý thuyết quản trị kinh doanh trong nông nghiệp, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên	PLO5	III

Mã CDR		Mô tả CDR học phần	Liên kết với CDR của CTĐT	Mức độ năng lực
[1]		[2]	[3]	[4]
		sâu về các vấn đề trong hoạt động kinh doanh nông nghiệp.		
LO.2.1		Chuẩn kỹ năng		
G2	LO2.1	Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.	PLO11	III
	LO2.2	Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn	PLO12	IV
LO.3		Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
G3	LO.3.1	Sinh viên Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn	PLO15	III

7. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

PHÂN BỐ THỜI GIAN

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Skills</i>	<i>Task</i>
Unit 1	Introduction to AGRICULTURE	4	1. Thảo luận nhóm về chủ đề: Vai trò của nông nghiệp	1 nhóm Thuyết trình 1 nhóm phản biện
			2. Những thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành	
			3. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc	
			4. Ôn tập lại Ngữ pháp	
			5. Bài tập nâng cao từ vựng	
			6. Kỹ năng viết và dịch thuật	
Unit 2	Agriculture	3	1.Thảo luận nhóm về chủ đề:	1 nhóm

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Skills</i>	<i>Task</i>
	Markets		Những đặc điểm của sản xuất nông nghiệp 2. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc 3. Ôn tập lại Ngữ pháp 4. Bài tập nâng cao từ vựng 5. Kỹ năng viết và dịch thuật	Thuyết trình 1 nhóm phản biện
Unit 3	Crop Production	3	1.Thảo luận nhóm về chủ đề: Nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp 2. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc 3. Ôn tập lại Ngữ pháp 4. Bài tập nâng cao từ vựng 5. Kỹ năng viết và dịch thuật	1 nhóm Thuyết trình 1 nhóm phản biện
Unit 4	Livestock Husbandry	3	1.Thảo luận nhóm về chủ đề: Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp Việt Nam 2. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc 3. Ôn tập lại Ngữ pháp 4. Bài tập nâng cao từ vựng 5. Báo cáo Report	1 nhóm Thuyết trình 1 nhóm phản biện
Unit 5	Fishery		1.Thảo luận nhóm về chủ đề: Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp Việt Nam 2. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc 3. Ôn tập lại Ngữ pháp 4. Bài tập nâng cao từ vựng 5. Báo cáo Report	1 nhóm Thuyết trình 1 nhóm phản biện
Unit 6	Forestry		1.Thảo luận nhóm về chủ đề: Các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp Việt Nam	1 nhóm Thuyết trình

<i>STT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Tổng số tiết</i>	<i>Skills</i>	<i>Task</i>
			2. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc	1 nhóm phản biện
			3. Ôn tập lại Ngữ pháp	
			4. Bài tập nâng cao từ vựng	
			5. Báo cáo Report	
Unit 7	Agriculture and the global economy	4	1. Thảo luận nhóm về chủ đề: Ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp 2. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc 3. Ôn tập lại Ngữ pháp 4. Bài tập nâng cao từ vựng 5. Kỹ năng viết và dịch thuật	1 nhóm Thuyết trình 1 nhóm phản biện
Unit 8	Government Policies and Strategies Driving Performance in Agriculture in Vietnam (Chapter 7 Tlieu 2.Jica)	3	1. Thảo luận nhóm về chủ đề: Thị trường nông sản 2. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc 3. Ôn tập lại Ngữ pháp 4. Bài tập nâng cao từ vựng 5. Kỹ năng viết và dịch thuật	1 nhóm Thuyết trình 1 nhóm phản biện
Unit 9	Sustainable Agricultural Productivity and Growth in Vietnam (Chapter 4. Tlieu World Bank)	3	1. Thảo luận nhóm về chủ đề: Thương mại quốc tế đối với nông sản Việt Nam. 2. Kỹ năng Đọc: Đọc bài khóa và trả lời câu hỏi tổng hợp liên quan đến bài đọc 3. Ôn tập lại Ngữ pháp 4. Bài tập nâng cao từ vựng 5. Kỹ năng viết và dịch thuật 2. Ôn tập lại ngữ pháp của 8 bài trên	1 nhóm Thuyết trình 1 nhóm phản biện
	Cộng	30		

8. GIÁO TRÌNH

8.1 Bài giảng biên soạn

8.2 Andrew Barkley and Paul. W. Barkley (2013), *Principles of Agricultural Economics*, Routledge 711 Third Avenue, New York, NY 100017.

8.3 Cliff Ricketts (2008), *Agribusiness Fundamentals and Applications 2nd Edition*, ISBN-13: 978-1418032319, Middle Tennessee State University, Murfreesboro, Tennessee.

9. TÀI LIỆU THAM KHẢO

9.1 JICA (January 2013), *Agricultural Transformation & Food Security 2040*, Vietnam Country Report.

9.2 World Bank Group (2016), *Transforming Vietnamese Agriculture: Gaining More from Less*, Vietnam Development Report 2016.

9.3 FAO/Sida (2010), *National Gender Profile of Agricultural Households*, Report based on the 2006 Rural, Agriculture, and Fishery Census.

9.4 Giáo trình Kinh tế Nông nghiệp, tác giả PGS.TS Vũ Đình Thắng, ĐH Kinh tế quốc dân, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2006.

9.5 Giáo trình Quản trị kinh doanh nông nghiệp, PGS.TS Trần Quốc Khánh – ĐH Kinh tế quốc dân, NXB ĐH KTQD, 2006.

9.6 Giáo trình Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn, PGS.TS Phạm Văn Khôi – ĐH Kinh tế quốc dân, NXB ĐH KTQD, 2010.

9.7 Giáo trình Tiếng Anh Kinh tế, Tác giả Maria Rees, NXB Libreria Editrice Cafoscarina, năm 2000.

9.8 Bộ 3 cuốn giáo trình English Grammar in Use, Tác giả Raymond Murphy, ĐH Cambridge, NXB Cambridge University Press (English Grammar in Use Third Edition with Answer, năm 2004/ Essential Grammar in Use with Answer, năm 2002/ Advanced Grammar in Use Second Edition with Answers, năm 2005).

9.9 Website:

- Website của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

www.agroviet.gov.vn/

- Website của các bộ, ban ngành liên quan : Weblink

- Website từ FAO: <http://www.fao.org/nr/nr-home/en/>

10. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

10.1. Thang điểm đánh giá: 10

10.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá:

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (40%)	27. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		28. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần học thứ 8 - Hệ số: 10%	x	x		
		29. Bài tập lớn (20%) - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần học thứ 11, 12, 13			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (60%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

11. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 1	Chương 1/ bài 1	- Hoạt động làm quen - Thành lập tổ/nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận	2/1	8.1 9.1 9.4 9.9	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	Chương 1/ bài 2	- Bài giảng	2/1	8.1	LO.1.1

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
		- Nghiên cứu tình huống và thảo luận		9.1 9.2 9.9	LO.1.2
Tuần 3	Chương 1/ bài 3		2/1	8.1 9.1 9.2 9.9	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 2/	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận - Thuyết trình	2/1	8.1 9.1 9.3 9.9	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Chương 3/	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận - Thuyết trình	2/1	8.1 9.1 9.4 9.9	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 6	Chương 4	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận - Thuyết trình	2/1	8.1 9.3 9.5 9.9	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 7	Chương 5	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận - Thuyết trình	2/1	8.1 9.3 9.6 9.9	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 8	Chương 6	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận - Thuyết trình	2/1	8.1 9.9	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 9	Kiểm tra trên lớp và đánh giá bài cá nhân	- Đánh giá bài tập cá nhân - Kiểm tra trên lớp	0/6	8.1 9.9	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 10	Chương 7	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận, Xem video - Thuyết trình	2/1	8.1 9.9 9.7	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TH	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
Tuần 11	Chương 8	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận, Xem video - Thuyết trình	2/1	8.1 9.8 9.9	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 12	Chương 9	- Bài giảng - Nghiên cứu tình huống và thảo luận, Xem video - Thuyết trình	2/1	8.1 9.9	LO.1.1 LO.1.2 LO 2.1 LO.2.2
Tuần 13	Ôn tập	- Đánh giá bài tập nhóm - Ôn tập các chương và đề cương môn học	0/12		
		Tổng số	45		

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà nội, ngày ... tháng..... năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS Phạm Hồng Chương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

1. TÊN HỌC PHẦN

Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh nông nghiệp

Tiếng Anh: Agricultural Business Management

Mã học phần: **TNKT 1102**

Tổng số tín chỉ: **03**

Số tiết lý thuyết: 20

Số tiết bài tập/thảo luận: 25

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH GIẢNG DẠY

Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. ĐIỀU KIỆN HỌC TRƯỚC

Kinh doanh nông nghiệp 1

4. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học quản trị kinh doanh nông nghiệp là một trong những môn học tự chọn thuộc ngành quản trị kinh doanh. Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và rất cụ thể về tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp. Đó là những kiến thức chung về tổ chức các loại hình kinh doanh nông nghiệp. Những kiến thức về xác định phương hướng sản xuất kinh doanh và quy mô kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh, những kiến thức về tổ chức quản lý các yếu tố tổ sản xuất, những kiến thức về tổ chức tiêu thụ sản phẩm, về quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp.

5. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

▪ Trang bị cho sinh viên ngoài chuyên ngành kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn những kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý, điều hành kinh doanh nông nghiệp, hiểu rõ và phân biệt được những nét đặc thù của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

▪ Người học có kỹ năng vận dụng phương pháp luận để có thể đề xuất được các giải pháp xử lý các tình huống cụ thể xảy ra trong công tác quản trị kinh doanh nông

ngành.

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Mục tiêu của CTĐT	Mức độ năng lực (Bloom)
G1	<i>Về kiến thức:</i> Sinh viên nhớ và hiểu được các yếu tố trong môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp vi mô và vĩ mô và tác động của các yếu tố này đến hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp.	1.2.2, 1.2.3	1/6, 2/6
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Sinh viên có kỹ năng vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề thực tiễn về môi trường kinh doanh nông nghiệp ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu; đồng thời có kỹ năng phân tích các vấn đề về môi trường kinh doanh nông nghiệp trong thực tiễn.	2.2.1, 3.1.1	3/6
G3	<i>Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm:</i>		

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Mức độ năng lực (Bloom)	Liên kết với CDR của CTĐT
LO.1	Về kiến thức		
LO.1.1	<p><u>Trình bày, mô tả được:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp; các hình thức tổ chức kinh doanh nông nghiệp chủ yếu; + Phương hướng, quy mô và lập kế hoạch sxkd nông nghiệp + Vai trò, đặc điểm của đất đai, lao động, tư liệu sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp. + Vai trò, đặc điểm của tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp. + Quản lý tài chính, hạch toán trong kinh 	1/6	1.2.2, 1.2.3

Mã CDR	Mô tả CDR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Mức độ năng lực (Bloom)	Liên kết với CDR của CTĐT
	doanh nông nghiệp		
LO.1.2	<u>Giải thích được:</u> + Phân biệt các hình thức tổ chức kinh doanh nông nghiệp + Các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến quản trị kinh doanh nông nghiệp + Những nhân tố ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm + Nội dung của quản lý tài chính, hạch toán kinh doanh	2/6	1.2.2, 1.2.3
LO.2	Về kỹ năng		
LO.2.1	<u>Vận dụng, áp dụng để:</u> + Xác định được phương hướng, quy mô và kế hoạch sxkd một hoạt động kinh doanh nông nghiệp cụ thể. + Xây dựng kế hoạch sử dụng đất đai, lao động, tư liệu sản xuất của một cơ sở nông nghiệp cụ thể. + Tổ chức tiêu thụ sản phẩm của một cơ sở kinh doanh nông nghiệp. + Quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh	3/6	2.2.1, 3.1.1
LO.2.2	Phân tích, Lý giải, so sánh...	4/6	
LO.3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
LO.3.1	Đánh giá, cho ý kiến, khuyến cáo...	5/6	
LO.3.2	Đề xuất, thiết kế...	6/6	

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học		Mục đích
Chiến lược dạy và học	Phương pháp dạy và học	
Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
	Câu hỏi gợi mở	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
Chiến lược dạy học tương tác/hợp tác	Bài tập nhóm	Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung của môn học vào vấn đề thực tế.
	Thuyết trình	Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng cần thiết của môn học.
Chiến lược tự học	Nghiên cứu bài học và tài liệu	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân.
Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động	Thảo luận	Sinh viên sẽ được chia thành nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết tình huống; qua đó, giúp sinh viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. Đồng thời, sinh viên có thể được đi khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp nông nghiệp để gắn kết lý thuyết với thực tiễn.

8. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1 - NHẬP MÔN QUẢN TRỊ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Đây là chương mở đầu nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung nhất về môn học như Vai trò vị trí và các hình thức tổ chức kinh doanh nông nghiệp. Đối tượng nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học. Các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến quản trị kinh doanh nông nghiệp, qua đó giúp sinh viên biết được những kiến thức cơ bản của môn học, phân biệt được và thấy được mối quan hệ giữa môn học quản trị kinh doanh nông nghiệp với các môn quản trị kinh doanh của các ngành và các lĩnh vực khác.

Nội dung chương:

1.1. Cơ sở kinh doanh nông nghiệp

1.1.1. Cơ sở kinh doanh nông nghiệp và vị trí của cơ sở kinh doanh nông nghiệp trong nền nông nghiệp hàng hoá

1.2. Các hình thức tổ chức kinh doanh nông nghiệp chủ yếu

a. Hộ nông dân (khái niệm và đặc điểm).

b. Trang trại (khái niệm và đặc điểm).

c. HTX nông nghiệp (khái niệm và đặc điểm).

d. Các hình thức khác (khái niệm và đặc điểm).

1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học quản trị kinh doanh nông nghiệp

1.3. Các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến quản trị kinh doanh nông nghiệp

1.3.1. Những đặc điểm chung của sản xuất nông nghiệp

1.3.2. Những đặc điểm riêng của sản xuất nông nghiệp nước ta

CHƯƠNG 2- PHƯƠNG HƯỚNG, QUY MÔ VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Chương này tập trung giới thiệu những vấn đề cơ bản của phương hướng sản xuất kinh doanh (trả lời câu hỏi sản xuất cái gì?). Quy mô sản xuất kinh doanh (trả lời câu hỏi sản xuất bao nhiêu?) và kế hoạch kinh doanh (trả lời câu hỏi sản xuất như thế nào?) Qua chương này sinh viên có thể phân biệt được phương hướng kinh doanh và kế hoạch kinh doanh

Nội dung chương:

2.1 Phương hướng kinh doanh nông nghiệp

2.1.1. Chuyên môn hoá và sự phối hợp các ngành. các sản phẩm nông nghiệp

2.1.2. Xác định và lựa chọn phương hướng sản xuất kinh doanh

2.2. Quy mô sản xuất kinh doanh

2.2.1. Tập trung hoá

2.2.1. Xác định Quy mô sản xuất kinh doanh

2.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

2.3.1. Ý nghĩa và nguyên tắc

2.3.2. Hệ thống kế hoạch hoá của cơ sở kinh doanh

- 2.3.3. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh nông nghiệp.
 - a. Công tác chuẩn bị xây dựng kế hoạch
 - b. Trình tự xây dựng kế hoạch
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh
- 2.4. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 2

CHƯƠNG 3 - TỔ CHỨC SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu chương:

Chương 3 giới thiệu cho sinh viên biết Vai trò và đặc điểm của các yếu tố sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp. Nội dung tổ chức sử dụng các yếu tố sản xuất. Qua chương này sinh viên biết được để tổ chức sử dụng các yếu tố sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp cần phải làm những công việc gì ?

Nội dung chương:

- 3.1. Tổ chức sử dụng đất đai trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp
 - 3.1.1. Vai trò và đặc điểm
 - 3.1.2. Nội dung cơ bản tổ chức sử dụng đất đai trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp
- 3.2. Tổ chức sử dụng nguồn lao động trong kinh doanh nông nghiệp
 - 3.2.1. Vai trò và đặc điểm của lao động nông nghiệp
 - 3.2.2. Nguồn lao động trong kinh doanh nông nghiệp
 - 3.2.3. Nội dung tổ chức sử dụng nguồn lao động
- 3.3. Tổ chức sử dụng tư liệu sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp
 - 3.3.1. Khái niệm, phân loại và đặc điểm của tư liệu sản xuất nông nghiệp
 - 3.3.2. Tổ chức sử dụng tài sản trong kinh doanh nông nghiệp.
 - a. Tổ chức sử dụng tài sản cố định
 - b. Tổ chức sử dụng tài sản lưu động
- 3.4. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 3

CHƯƠNG 4- TỔ CHỨC TIÊU THỤ SẢN PHẨM TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương:

Chương này tập trung giới thiệu vai trò và đặc điểm của tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp. Những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp. Nội dung tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp. Qua

Chương này sinh viên nắm được việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp cần xem xét những điểm đặc thù của sản phẩm nông nghiệp và thị trường nông sản để từ đó có những biện pháp tổ chức tiêu thụ sản phẩm phù hợp.

Nội dung chương:

4.1. Vai trò và đặc điểm của tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp

4.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức tiêu thụ sản phẩm của cơ sở kinh doanh nông nghiệp

4.3. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp

4.3.1. Nghiên cứu và dự báo thị trường

4.3.2. Xác định giá cả tiêu thụ

4.3.3. Tổ chức mạng lưới tiêu thụ sản phẩm

4.3.4. Tổ chức thông tin quảng cáo, giới thiệu sản phẩm

4.3.5. Xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý đối với nông sản phẩm

4.4. Các chủ đề thảo luận nhóm Chương 4

CHƯƠNG 5- QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ HẠCH TOÁN TRONG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Giới thiệu khái quát chương:

Chương này tập trung giới thiệu thực chất và đặc điểm của quản lý tài chính kinh doanh nông nghiệp. Nội dung quản lý tài chính trong kinh doanh nông nghiệp. Tổ chức công tác quản lý tài chính trong kinh doanh nông nghiệp. Đồng thời xem xét mục đích, đặc điểm và nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong kinh doanh nông nghiệp. Nội dung hạch toán kinh doanh và tổ chức thực hiện hạch toán kinh doanh. . Qua chương này sinh viên nắm được việc quản lý tài chính hạch toán kinh doanh trong kinh doanh nông nghiệp cần xem xét những nét điểm đặc thù của sản xuất nông nghiệp để từ đó có những biện pháp tổ chức quản lý phù hợp

Nội dung chương:

5.1. Quản lý tài chính

5.1.1. Thực chất và đặc điểm của quản lý tài chính kinh doanh nông nghiệp

5.1.2. Thực chất của quản lý tài chính kinh doanh nông nghiệp

5.1.3. Các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp có ảnh hưởng đến quản lý tài chính kinh doanh nông nghiệp

5.2. Nội dung quản lý tài chính trong kinh doanh nông nghiệp

5.2.1. Quản lý hoạt động đầu tư tài sản và đầu tư tài chính của kinh doanh nông nghiệp

5.2.2. Quản lý hoạt động huy động và sử dụng vốn

5.2.3. Quản lý hoạt động thu, chi tiền mặt và các tài sản khác của kinh doanh nông nghiệp

5.2.4. Phân tích báo cáo tài chính kinh doanh

5.3. Hạch toán kinh doanh

5.3.1. Mục đích, đặc điểm và nguyên tắc hạch toán kinh doanh trong kinh doanh nông nghiệp .

5.3.2. Nội dung hạch toán kinh doanh

a. Hạch toán vốn kinh doanh

b. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

c. Hạch toán tiêu thụ sản phẩm, doanh thu và kết quả sản xuất kinh doanh

d. Những biện pháp chủ yếu hạ giá thành sản phẩm và tối đa hoá lợi nhuận

5.4. Các chủ đề thảo luận nhóm Chương 5

9. LỊCH TRÌNH GIẢNG DẠY

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CĐR học phần
Tuần 1	Chương 1/Bài 1: - Giới thiệu môn học và phổ biến các quy tắc, lịch trình giảng dạy - Chương 1: Nhập môn quản trị kinh doanh nông nghiệp	- Hoạt động làm quen - Thành lập nhóm sinh viên - Bài giảng và thảo luận Bài mở đầu: Giới thiệu môn học 1.1. Cơ sở kinh doanh nông nghiệp 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	2/1	1, 5	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 2	- Chương 1/Bài 2: Nhập môn quản trị kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 1.3. Các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến quản trị kinh doanh nông nghiệp	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
Tuần 3	- Chương 2/Bài 3: Phương hướng, quy mô và kế hoạch kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 2.1 Phương hướng kinh doanh nông nghiệp 2.2. Quy mô sản xuất kinh doanh	2/1	2,6	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 4	Chương 2/Bài 4: Phương hướng, quy mô và kế hoạch kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 2.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2.4. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 2	2/1	4,6	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 5	Bài 5	- Chữa bài tập - Bài kiểm tra cá nhân	0/3		LO 2.1 LO.2.2
Tuần 6	Chương 3/Bài 6: Tổ chức sử dụng các yếu tố sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 3.1.Tổ chức sử dụng đất đai trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 7	Chương 3/Bài 7: Tổ chức sử dụng các yếu tố sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 3.2. Tổ chức sử dụng nguồn lao động trong kinh doanh nông nghiệp	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 8	Chương 3/Bài 8: Tổ chức sử dụng các yếu tố sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 3.3. Tổ chức sử dụng tư liệu sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp 3.4. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 3	2/1	1	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 9	Chương 4/Bài 9:	- Bài giảng và thảo luận	2/1	3	LO.1.1

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
	Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp	4.1. Vai trò và đặc điểm của tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp 4.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức tiêu thụ sản phẩm của cơ sở kinh doanh nông nghiệp			LO.1.2
Tuần 10	Chương 4/Bài 10: Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 4.3. Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp 4.4. Các chủ đề thảo luận nhóm của Chương 4	2/1	3	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 11	Chương 5/Bài 11: Quản lý tài chính và hạch toán trong kinh doanh nông nghiệp	- Bài giảng và thảo luận 5.1. Quản lý tài chính 5.2. Nội dung quản lý tài chính trong kinh doanh nông nghiệp 5.3. Hạch toán kinh doanh	2/1	9, 10	LO.1.1 LO.1.2
Tuần 12	Chương 5/Bài 12 Quản lý tài chính và hạch toán trong kinh doanh nông nghiệp	5.4. Các chủ đề thảo luận nhóm Chương 5 - Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/3	9,10	LO 2.1 LO.2.2
Tuần 13	Bài 13	- Đánh giá bài tập nhóm - Các nhóm thuyết trình, thảo luận	0/3		LO 2.1 LO.2.2

Tuần học	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
		Tổng số	45		

10. GIÁO TRÌNH/BÀI GIẢNG

Giáo trình: “ *Quản trị kinh doanh nông nghiệp*”, Bộ môn Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

11. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Song An, Quản trị trang trại (Tài liệu dịch). NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh năm 2001.
2. Trần Văn Trần, Bùi Anh Tuấn, Đặng Hồng Thủy, Phan Thủy Chi (2002) Cẩm nang khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, NXB Đại học quốc gia Hà Nội năm 2002.
3. Vũ Đình Thắng (2001), Giáo trình Marketing nông nghiệp, Nhà xuất bản Thống kê. Năm 2001.
4. Bùi Đức Tuấn (2008), Giáo trình kế hoạch kinh doanh, NXB lao động xã hội Hà Nội
5. Nguyễn Thị Song An (2001), Quản trị trang trại (Tài liệu dịch). NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh.
6. Lê Văn Tâm (2001) Quản trị chiến lược, NXB thống kê Hà Nội.
7. Đại học Kinh tế Quốc Dân (1996), Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
8. David W. Pearce (1999), Từ điển kinh tế học hiện đại, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội
9. Ross, Westerfield, Jaffe (1996), Corporate Finance, Fourth Edition, IRWIN Publishing House, USA.
10. Eugene F. Brigham (1991) Fundamentals of Financial Management, Sixth Edition, The Dryden Press, USA.

12. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

12.1. Thang điểm đánh giá: 10

12.2. Các tiêu chí và thành phần đánh giá

TT	Điểm thành phần (%)	Quy định (Theo QĐ số 389/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 8/3/2019)	Chuẩn đầu ra học phần			
			LO.1.1	LO.1.2	LO.2.1	LO.2.2
1	Điểm quá trình (50%)	1. Điểm chuyên cần - Hình thức: Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp - Hệ số: 10%	x	x	x	x
		2. Bài kiểm tra giữa kỳ - Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Tuần 6 - Hệ số: 20%	x	x		
		3. Bài tập lớn - Hình thức: Viết báo cáo và thuyết trình - Thời điểm: Tuần 12,13 - Hệ số: 20%			x	x
2	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	- Hình thức: Tự luận - Thời điểm: Theo lịch thi học kỳ - Tính chất: Bắt buộc	x	x	x	x

Hà Nội, ngày tháng..... năm 2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Mạnh Hùng

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

PHỤ LỤC 1

Giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo phục vụ cho công tác đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

STT	Tên sách, giáo trình	Nước xuất bản	Năm xuất bản
1	Đánh giá tài nguyên nước VN	NXB Giáo Dục/Việt Nam	2005
2	Giáo trình nguyên lý thị trường nhà đất	NXB Chính trị quốc gia/ Việt Nam	2000
3	Giáo trình quy hoạch phát triển nông thôn	NXB Nông nghiệp/Việt Nam	2004
4	Giáo trình tài nguyên nước	Việt Nam	2003
5	Giáo trình Kinh tế tài nguyên đất	Nhà xuất bản chính trị quốc gia	2000
6	Giáo trình Kinh tế Nông nghiệp	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2020
7	Giáo trình quản lý Nhà nước về đất đai và nhà ở	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia	2000
8	Giáo trình Phân tích chính sách Nông nghiệp nông thôn	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2007
9	Giáo trình Kinh tế trang trại	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2002
10	Giáo trình Quản trị kinh doanh 1	Nhà xuất bản ĐH KTQTĐ	2013
11	Giáo trình Marketing nông nghiệp	Nhà xuất bản Thống kê	2001
12	Giáo trình công nghệ sinh học trong nông nghiệp	Nhà xuất bản Khoa học - Kỹ thuật	1997
13	Giáo trình Quản trị chất lượng	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2012
14	Giáo trình Quản trị rủi ro	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2019
15	Giáo trình Phân tích kinh doanh	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2013
16	Giáo trình Kinh tế tài nguyên	Nhà xuất bản Học viện NN 1	2009
17	Giáo trình Thị trường Bất động sản	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2018
18	Giáo trình Kinh tế học và biến đổi khí hậu	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2021
19	Giáo trình Kinh tế quản lý và phát triển	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2007

STT	Tên sách, giáo trình	Nước xuất bản	Năm xuất bản
	cộng đồng		
20	Giáo trình Kinh doanh quốc tế	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2017
21	Giáo trình đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2015
22	Giáo trình Quản trị logistic	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2018
23	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	Nhà xuất bản thống kê	2005
24	Giáo trình Pháp luật kinh tế	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2015
25	Giáo trình kinh tế thủy sản	Nhà xuất bản lao động	2005
26	Giáo trình quản kinh doanh nông nghiệp	Nhà xuất bản LĐXH	2005
27	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nhà xuất bản ĐHKQTĐ	2020
28	Sách tham khảo: Sản xuất và đời sống của các hộ nông dân không có đất hoặc thiếu đất ở đồng bằng sông Cửu Long - Thực trạng và giải pháp	Nhà xuất bản chính trị quốc gia	2000
29	Sách tham khảo: Vấn đề sở hữu ruộng đất trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở Việt Nam	Nhà xuất bản chính trị quốc gia	2002
30	Sách chuyên khảo: “Bình ổn giá quyền sử dụng đất đô thị ở Việt Nam”	Nhà xuất bản chính trị quốc gia	2006
31	Sách chuyên khảo: “Sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất bãi bồi ven biển vùng đồng bằng sông Hồng:	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân	2014
32	Sách chuyên khảo; Định giá đất trong nền kinh tế thị trường ở Việt nam	Nhà xuất bản Lao động xã hội	2017
33	Bài giảng : “Kinh tế tài nguyên”	Khoa Bất động sản và KTTN	2017
34	Bài giảng: “Quản lý tài nguyên”	Khoa Bất động sản và KTTN	2017
35	Natural Resource Economics	Waveland Press, Inc.,	2008
36	Lectures on Public Economics	McGraw-Hill Book Company Ltd, London, New York	1980

STT	Tên sách, giáo trình	Nước xuất bản	Năm xuất bản
37	Economic Analysis of Property Rights	Cambridge University Press, Cambridge, New York, Oakleigh	1997
38	Governing the Commons: The Evolution of Institutions for Collective Action	Cambridge University Press, Cambridge	1990
39	Natural Resource Economics	HarperCollins Publishers, U.S.	1992
40	Incentives: Motivation and the Economics of Information	Cambridge University Press, Cambridge	1995
41	Governing the Commons: The Evolution of Institutions for Collective Action	Cambridge University Press, Cambridge.	1990
42	Introduction to forestry economics. University of British Columbia Press	University of British Columbia Press. Vancouver	1990
43	Forest measurements	McGraw-Hill Inc. New York	2015
44	The impact of climate change: the world's greatest challenge in the twenty-first century	Blackwell, London, UK	2008
45	Economics of natural resources	University of British Columbia Press, Vancouver	1991
46	<i>Agribusiness Fundamentals and Applications 2nd Edition</i> ; Delmar	Publications; ISBN-13: 978-1418032319; 2009.	2009

PHỤ LỤC 2.

4.1. Danh mục các đề tài nghiên cứu của các giảng viên Khoa BDS và KTTN có liên quan đến ngành xin mở đào tạo

STT	Tên CT, ĐT	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Năm nghiệm thu	Kết quả
1.	Thực trạng và giải pháp phát triển một số sản phẩm nông nghiệp chủ yếu khi Việt Nam gia nhập TPP	Mã số: KTQD/V 2016.27	2016	2017	Tốt
2.	Liên kết nông dân với thị trường nông sản để được hưởng lợi nhiều hơn trong chuỗi giá trị” - Dự án “Hỗ trợ Chương trình phát triển Doanh nghiệp – BSPS”, DANIDA-CIEM	Cấp cơ sở (CIEM)	6/2010	2010	Tốt
3.	Nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển kinh tế thích ứng với xâm nhập mặn trong điều kiện biến đổi khí hậu ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (tham gia các nhánh)	Mã số: BĐKH.05/1 6-20 số 05HĐ – KHCCN – BĐKH	2016	2020	Tốt
4.	Đề án: “Đánh giá thực trạng và đề xuất các mục tiêu, giải pháp củng cố, phát triển HTX trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020”	UBND TP Hà Nội	8/2009	2010	Tốt
5.	Các giải pháp hoàn thiện và phát triển hệ thống cung ứng giống lợn ở vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ Việt Nam gia nhập WTO	Đề tài cấp Bộ; B2007- 06-57 Bộ GD&ĐT	6/2007	2009	Tốt
6.	Nghiên cứu các mô hình phát triển bền vững trang trại ở vùng cây ăn quả tỉnh Bắc Giang.	Cấp bộ trọng điểm Bộ GD&ĐT	2009	2010	Tốt
7.	Study on “Foreign direct investment (FDI) in the agro-forestry and fishery	Đề tài cấp Bộ	2014	2014	Tốt

STT	Tên CT, ĐT	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Năm nghiệm thu	Kết quả
	sector in Vietnam: Positive elements, the constrains and roadmap to alleviate these constraints” - EU-MUTRAP Project No17, PMU Expert 4.				
8.	Nghiên cứu các chính sách và giải pháp phát triển các tổ chức xã hội dân sự ở nông thôn Việt nam	Đề tài cấp Bộ	2010	2012	Tốt
9.	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà nội	01X-07/12-2009-2 Đề tài cấp thành phố	2009	2010	Tốt
10.	Đánh giá hiệu quả kinh tế khi áp dụng cơ giới hóa khâu thu hoạch lúa ở Đồng bằng Sông Cửu Long	Cấp cơ sở	2008	2010	Tốt
11.	Góp vốn bằng quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp nông nghiệp VN	KTQD/V20 13.29 Cấp cơ sở	2013-2014	2014	Tốt
12.	Điều tiết giá trị tăng thêm từ đất do xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn thành phố Hà nội	KTQD/V20 16.55 Cấp cơ sở	2016-2017	2017	Tốt
13.	Giải pháp phát huy vai trò của các tổ chức xã hội dân sự trong tham gia giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn miền núi phía Bắc Việt nam	B2010.06.1 72 TĐ Đề tài cấp Bộ trọng điểm	2010-2012	2012	Tốt
14.	Quá trình chuyển đổi đất lúa với mục tiêu an ninh lương thực trong điều kiện biến đổi khí hậu vùng đồng bằng Sông Hồng.	KTQD/V20 14.12 Đề tài cấp cơ sở	2014-2015	2015	Tốt

STT	Tên CT, ĐT	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Năm nghiệm thu	Kết quả
15.	Nghiên cứu thực trạng thị trường khoa học và công nghệ của Việt nam từ năm 2005 đến nay	Số 1227/QĐ-HVTC Đề tài nhánh cấp Nhà nước Tốt	2016-2017	2017	Tốt
16.	Nghiên cứu xây dựng dự án khả thi Dự án Cấp nước sạch và Vệ sinh nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng - Giai đoạn 2, Vốn vay WB.	Đề tài cấp Bộ Bộ NN và PTNT			Tốt
17.	Dự án Cấp nước sạch và Vệ sinh nông thôn vùng Đồng bằng Sông Hồng - Giai đoạn 1, Vốn vay WB	Đề tài cấp Bộ	2008-2010	2010	Tốt
18.	Thực trạng thu nhập, đời sống, việc làm của người có đất bị thu hồi để xây dựng kết cấu hạ tầng KTXH, nhu cầu công cộng và lợi ích QG.	Cấp nhà nước	2005-2006	2006	Tốt
19.	Đánh giá thực trạng thu nhập, đời sống, việc làm của người có đất bị thu hồi để xây dựng kết cấu hạ tầng KTXH, nhu cầu CC và lợi ích QG	Đề tài nhánh Cấp nhà nước	2005-2006	2006	Tốt
20.	Con đường, bước đi và các giải pháp chiến lược để thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn	Cấp nhà nước	2004-2005	2006	Tốt
21.	Dự án Phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên (FLITCH). Hợp phần: Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Đề tài hợp tác với ADB	2012	2012	Tốt
22.	Sử dụng bền vững tài nguyên nước và đất cho sản xuất nông nghiệp vùng đất bãi bồi ven biển đồng bằng sông Hồng	Cấp bộ trọng điểm	2012-2013	2013	Tốt

STT	Tên CT, ĐT	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Năm nghiệm thu	Kết quả
23.	Institutional and context analysis to inform the Participatory Governance Assessment (PGA) for REDD+ in Viet Nam	Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc	2012	2012	Tốt
24.	Chuyển đổi quản lý phục hồi rừng tại Châu Á và Châu Âu hướng tới quản lý rừng bền vững	APFNET, Đại học Tokyo, Đại học Quốc gia Seoul.	2011	2012	Tốt
25.	Xây dựng chỉ số biến động giá đất phục vụ quản lý nhà nước về đất đai.	TNMT.201 7.01.06 Đề tài cấp Bộ TNMT	2017- 2018		Đã nghiệm thu
26.	Nghiên cứu cơ chế chính sách khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân trong đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các công trình nước sạch tập trung ở nông thôn Việt Nam	Đề tài cấp bộ	2017		Đã nghiệm thu
27.	Nghiên cứu hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Đề tài cấp cơ sở	2017		Đã nghiệm thu
28.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC ở Việt Nam.	Đề tài cấp Bộ	2016- 2017		Đã nghiệm thu

4.2. Danh mục các bài viết và công trình khoa học của các giảng viên Khoa BDS và KTTN có liên quan đến ngành xin mở đào tạo

STT	Tên công trình (bài báo, tham luận)	Nơi công bố	Năm công bố
1.	Main factors impacting famers' decision to develop sustainable agriculture under GAP standards	The Proceeding of 3rd International Conference on Comtemporary Issues in Economics, Management and Business 2020, Nov.18th-19th, Hanoi, Vietnam, Finance Publishing House, 2020, p.381-390.	2020
2.	Bàn về một số giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành mía đường Việt Nam	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “Giải pháp cho ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới” do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Bộ Công Thương tổ chức tại HN ngày 1/12/2020, Tr.20-28.	2020
3.	Study the use of sawdust as a soil amendment and corn yield improvement	Hội thảo quốc tế “Contemporary Issues in Economics, Management and Business” – CIEMB, tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân	2018
4.	Study the factor affecting the Willingness to Pay for Clean Water in Rural Households: A Case Study in Hanoi	Hội thảo quốc tế “Contemporary Issues in Economics, Management and Business” – CIEMB, tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân	2018
5.	“Những khó khăn, thách thức của Việt nam khi tham gia sáng kiến minh bạch trong khai thác khoáng sản (EITI)”.	Hội thảo khoa học quốc gia: “ <i>Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu</i> ”.	2016

STT	Tên công trình (bài báo, tham luận)	Nơi công bố	Năm công bố
6.	“Quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ: thực trạng và giải pháp”.	Hội thảo khoa học quốc gia: “ <i>Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu</i> ”.	2016
7.	“Cơ hội và thách thức đối với nông sản Việt Nam khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu”.	Hội thảo khoa học quốc gia: “ <i>Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững</i> ”.	2015
8.	Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao ở tỉnh Vĩnh Phúc	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2017
9.	Phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh CNH, HĐH	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 04/2020 số 10. ISSN 0866-7120	2020
10.	Thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Vĩnh Phúc	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 04/2020 số 11. ISSN 0866-7120	2020
11.	Tác động Covid 19 đến cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản Việt Nam	Tạp chí Kinh tế và Phát triển	2020
12.	Định giá đất phục vụ tích tụ đất đai trong nông nghiệp	Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc gia: <i>Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững.</i>	2015
13.	Những giải pháp chủ yếu phát triển thị trường tài nguyên Việt Nam trong điều kiện biến đổi khí hậu	Kỉ yếu hội thảo khoa học quốc gia: <i>Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong điều kiện biến đổi khí hậu</i>	2016
14.	Cơ hội, thách thức và giải pháp phát triển bền vững thủy sản Việt Nam	Tạp chí Kinh tế và dự báo	2019

STT	Tên công trình (bài báo, tham luận)	Nơi công bố	Năm công bố
15.	Một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp và tác động của nó đến nhóm lợi ích	Hội thảo quốc gia Khuyến nghị sửa đổi những vấn đề kinh tế trong Luật đất đai 2013	2019
16.	Sinh kế bền vững của người dân Huyện Cao Phong trong việc phát triển rừng kết hợp trồng cam Cao Phong	Hội thảo quốc gia	2018
17.	Giải pháp Phát triển thủy sản Việt Nam Bền vững	Hội thảo Quốc tế CIEM 1- Trường ĐH KTQD - các quốc gia	2018
18.	Tài nguyên biển Việt Nam, thực trạng và giải pháp phát triển bền vững	Hội thảo quốc gia	2016
19.	Cơ hội thách thức và giải pháp triển triển thủy sản Việt Nam	Hội thảo quốc gia	2015
20.	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam	Kỷ yếu Diễn đàn Nông dân QG lần V “Vốn & Công nghệ trong liên kết 6 nhà” do Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội NDVN & Ngân hàng NNVN tổ chức tại HN ngày 13/10/2020, Tr. 37-52	2020
21.	Xuất khẩu nông sản thực phẩm (Agri-Food) của Việt Nam sang EU và các nước CPTPP: Cơ hội và thách thức	Kỷ yếu Diễn đàn Nông dân quốc gia lần thứ IV “Từ CPTPP tới EVFTA: Cùng nông dân đi chợ thế giới” do Báo Nông thôn ngày nay và Báo Dân Việt tổ chức tại Hà Nội ngày 11/10/2019, Tr.63-71.	2019
22.	CPTPP - Thách thức đối với ngành chăn nuôi Việt Nam	Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “CPTPP: Cơ hội và thách thức cho nông sản Việt” do Báo Nông thôn ngày nay	2019

STT	Tên công trình (bài báo, tham luận)	Nơi công bố	Năm công bố
		nay và Báo Dân Việt tổ chức tại Hà Nội ngày 2/7/2019, Tr.73-85..	
23.	The Roles of Agricultural Cooperatives in Linking Small Farmers to Set up Large Paddy Fields in Mekong Delta	Journal of Economics and Sustainable Development, ISSN 2222-1700 (Paper), ISSN 2222-2855 (Online), Vol.10, No.2, 2019, p.109-119 https://iiste.org/Journals/index.php/JEDS	2019
24.	Main factors impacting famers' decision to develop sustainable agriculture under GAP standards	Presentation at Vietnam Sustainability Forum, 17-18 January 2019 Hanoi, Vietnam	2019
25.	Impact of Farmers' Adoption of Good Agricultural Products on Total Factor Productivity Change: The Case of Grape and Apple Production in Vietnam	European Journal of Business and Management, ISSN 2222-1905 (Paper), ISSN 2222-2839 (Online), Vol.10, No.35, 2018, p.82-87 https://iiste.org/Journals/index.php/EJBM/article/view/45660	2018
26.	Nội lực của doanh nghiệp nông nghiệp trong việc đẩy mạnh xuất khẩu nông sản ra thị trường thế giới	Kỷ yếu Diễn đàn nông dân quốc gia lần thứ III “Khơi nguồn nông sản Việt” do Bộ Công thương-TU Hội Nông dân VN và Bộ NN&PTNT tổ chức tại Hà Nội ngày 14/10/2018, Tr.62-74	2018
27.	Ảnh hưởng của các nhân tố đến đầu tư phát triển nông nghiệp theo tiêu chuẩn GAP của nông hộ tại tỉnh Ninh Thuận	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 240 (II) tháng 6/2017. ISSN 1859-0012	2017

STT	Tên công trình (bài báo, tham luận)	Nơi công bố	Năm công bố
28.	Vận dụng mô hình Faustmann vào xác định chu kỳ kinh doanh rừng trồng bạch đàn tối ưu tại tỉnh Lạng Sơn	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 238 tháng 4/2017. ISSN 1859-0012	2017
29.	Các yếu tố kích lệ và các rào cản đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành nông nghiệp Việt Nam	Diễn đàn kinh doanh - Đầu tư nông nghiệp thời TPP, do Tổng hội Nông nghiệp & PTNT Việt Nam và Kênh thông tin Kinh tế Tài chính CAFEF tổ chức ngày 21/11/2015 tại TP Hồ Chí Minh	2015
30.	Gia nhập chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu: Thách thức đối với các doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam và các đề xuất chính sách	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - Đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững, NXB ĐH KTQD, Hà Nội tháng 11//2015	2015